

Chuyên đề 1: Tri thức thể loại

Khoa học – dễ hiểu – chi tiết



CHỦ ĐỀ 1: TRI THỨC THỂ LOẠI

Bài 1: truyện lịch sử

Truyện lịch sử là tác phẩm tái hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kì, giai đoạn lịch sử, chính trị của quốc gia, dân tộc; khung cảnh sinh hoạt ở thời điểm cụ thể

Truyện lịch sử gắn với rất nhiều yếu tố quan trọng đặc trưng như: Cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ để phân biệt với các thể loại truyện khác.

Nhận xét:

⇒ Các câu truyện lịch sử thường đem đến những ấn tượng sâu sắc mang tính thời đại, giúp độc giả hiểu rõ hơn về quá khứ của dân tộc và trân trọng công lao to lớn của ông cha trong hành trình dựng nước, giữ nước.

Chủ đề: Là vấn đề trung tâm, ý nghĩa cốt lõi, thông điệp chính của tác phẩm, mà người đọc phải tự rút ra từ nội dung của tác phẩm.

I. Khái niệm

- Truyện lịch sử là tác phẩm truyền tải hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kì, một giai đoạn lịch sử cụ thể. Tình hình chính trị của quốc gia, dân tộc; khung cảnh sinh hoạt của con người;...là các yếu tố cơ bản tạo nên bối cảnh lịch sử của câu chuyện. Nhờ khả năng tưởng tượng, hư cấu và cách miêu tả của nhà văn, bối cảnh của một thời đại trong quá khứ trở nên sống động như đang diễn ra.

II. Các đặc trưng của thể loại

1. Đặc trưng thể loại

Tiêu chí	Nội dung	Ví dụ
Bối cảnh	-Truyện lịch sử tái hiện sự kiện, nhân vật lịch sử gắn với một khoảng thời gian năm tháng, niên đại, thời đại cụ thể trong quá khứ. Trong bối cảnh (thời gian – không gian) ấy, cuộc sống con người và không khí thời đại hiện lên rõ nét, không lẫn với thời gian, không gian khác.	-Văn bản “ <i>Quang Trung đại phá quân Thanh</i> ”, dựa trên lịch sử có thật về nhân vật có thật ở một thời kì, một giai đoạn lịch sử cụ thể: đó là hiện thực lịch sử hào hùng của dân tộc ta và hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ với chiến thắng mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789) đánh tan 29 vạn quân Thanh.

Cốt truyện	-Cốt truyện của truyện lịch sử thường được xây dựng trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra. Nhà văn tái tạo, hư cấu, sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật của mình nhằm thể hiện một chủ đề, tư tưởng nào đó.	- Cốt truyện của “ <i>Quang Trung đại phá quân Thanh</i> ” được xây dựng trên cơ sở các sự kiện từng xảy ra; tuy nhiên, các tác giả đã tái tạo, hư cấu, sắp xếp theo dụng ý nghệ thuật của mình nhằm thể hiện chủ đề tư tưởng. Xâu chuỗi các sự kiện, ta sẽ hình dung rõ ràng cốt truyện của đoạn trích: được tin báo quân Thanh chiếm đóng Thăng Long, Nguyễn Huệ liền họp các tướng sĩ, định thần chinh cầm quân đi ngay; lên ngôi hoàng đế, đốc thúc đại binh ra Bắc dẹp giặc; quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết; vua tôi nhà Lê hoảng sợ, hết hồn hết vía tìm đường bỏ trốn;...
Nhân vật	-Thế giới nhân vật trong truyện lịch sử cũng phong phú như trong đời thực. Việc chọn kiểu nhân vật nào để miêu tả trong truyện là dụng ý nghệ thuật riêng của nhà văn. Thông thường truyện lịch sử tập trung khắc họa những nhân vật nổi tiếng như vua chúa, anh hùng, danh nhân,...những con người có vai trò quan trọng đối với đời sống của cộng đồng, dân tộc.	- Thế giới nhân vật trong <i>Quang Trung đại phá quân Thanh</i> khá phong phú, trong đó tác giả tập trung khắc họa những nhân vật nổi tiếng như vua chúa, anh hùng, các vị tướng cầm quân - những con người có vai trò quan trọng đối với đời sống của cộng đồng, dân tộc, trong đó, Quang Trung, Lê Chiêu Thống là những nhân vật tiêu biểu. Được khắc họa một cách sinh động, rõ nét, hai nhân vật đó thể hiện khá đầy đủ cách nhìn nhận, lí giải về lịch sử của các tác giả.
Ngôn ngữ	- Ngôn ngữ trong truyện lịch sử, ngôn ngữ nhân vật phải phù hợp với thời đại được miêu tả, thể hiện vị thế xã hội, tính cách riêng của từng đối tượng.	- Trong <i>Quang Trung đại phá quân Thanh</i> , nhất là ngôn ngữ của các nhân vật: +Quang Trung mạnh mẽ, dứt khoát, khẳng khái. +Lê Chiêu Thống: Khúm lúm, nịnh bợ. +Tôn sĩ nghị:Kiêu căng, bất tài, hèn nhát

2. Nội dung chủ đề

- Là vấn đề trung tâm, ý nghĩa cốt lõi hay thông điệp chính của tác phẩm.

- Chủ đề không được thể hiện trực tiếp mà người đọc phải tự rút ra từ nội dung của tác phẩm.

Ví dụ: Văn bản “*Lá cờ thuê sáu chữ vàng*” của Nguyễn Huy Tưởng

+ Chủ đề: Lòng yêu nước: Ca ngợi tấm lòng yêu nước của người thiếu niên Trần Quốc Toản. Qua đó, giúp người đọc thấy được lòng yêu nước và tinh thần chiến đấu của cả quân dân nhà Trần lúc bấy giờ.

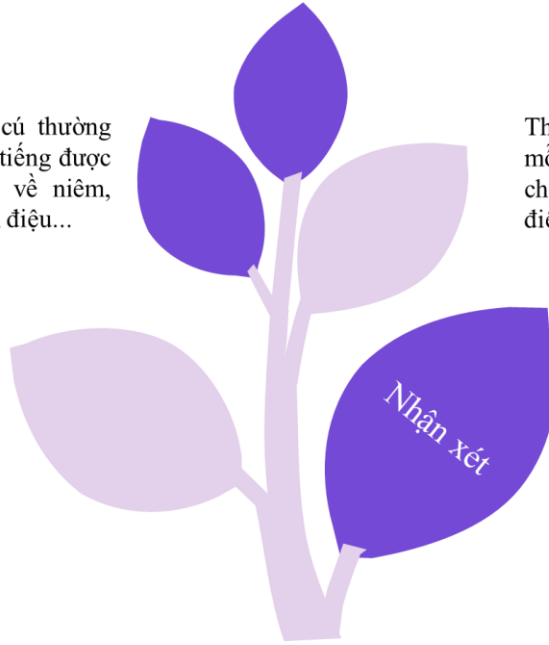
+ Chủ đề không được thể hiện trực tiếp mà qua nội dung truyện, hành động của nhân vật Trần Quốc Toản khi không được vào hội nghị đã bóp nát quả cam để tô đậm lòng yêu nước, quyết tâm đánh giặc của nhân vật này.

BÀI 2: THƠ ĐƯỜNG LUẬT

Thơ thất ngôn bát cú thường có 8 câu mỗi câu 7 tiếng được quy định chặt chẽ về niêm, đối, vần, nhịp, thanh điệu...

Thơ thất tứ tuyệt thường có 4 câu mỗi câu 7 tiếng được quy định chặt chẽ về niêm, đối, vần, nhịp, thanh điệu...

Thơ Đường luật là thuật ngữ chỉ chung các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật) định hình từ thời nhà Đường (Trung Quốc).



⇒ Thơ Đường luật thường trang nhã, hàm súc, “ý tại ngôn ngoại”, là một thể thơ được sử dụng nhiều trong nền văn học Trung Đại của Việt Nam tạo nên những tác phẩm nổi tiếng.

I. Khái niệm

- Thơ Đường luật là thuật ngữ chỉ chung các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật) định hình từ thời nhà Đường (Trung Quốc), gồm hai thể chính là bát cú Đường luật và tứ tuyệt Đường luật. Bài thơ Đường luật có quy định nghiêm ngặt về hoà thanh (phối hợp, điều hoà thanh điệu), về niêm, đối, vần và nhịp. Ngôn ngữ thơ Đường luật rất cô đọng, hàm súc; bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình; ý thơ thường gắn với mối liên hệ giữa tình và cảnh, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn.

II. Các đặc trưng của thể loại

1. Đặc trưng thể loại

Tiêu chí	Thất ngôn bát cú	Thất ngôn tứ tuyệt
Số câu	- Tám câu mỗi câu bảy chữ - Ví dụ: Bài thơ “Thu điếu” của Nguyễn Khuyến: <i>Ao thu lạnh lẽo nước trong veo, Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo. Sóng biếc theo làn hơi gợn tí, Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo. Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt, Ngõ trúc quanh co khách vắng teo. Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được, Cá đâu đớp động dưới chân bèo.</i> → Bài thơ gồm 8 câu mỗi câu 7 chữ	- Bốn câu mỗi câu bảy chữ - Ví dụ: Bài thơ: “Thiên Trường vãn vọng” (Ngắm cảnh Thiên Trường trong buổi chiều tà) của Trần nhân Tông: <i>Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên Bán vô bán hữu tịch dương biên. Mục đồng địch lí quy ngư tận, Bạch lộ song song phi hạ điền.</i> → Bài thơ gồm 4 câu mỗi câu 7 chữ
Bố cục	- Gồm bốn cặp câu thơ, thường tương ứng với bốn phần: <i>đề</i> (triển khai ý ẩn chứa trong nhan đề), <i>thực</i> (nói rõ các khía cạnh chính của đối tượng được	- Bao gồm 4 phần: <i>khởi</i> (mở ý cho bài thơ), <i>thừa</i> (tiếp nối, phát triển ý thơ), <i>chuyển</i> (phát triển, chuyển hướng ý thơ), <i>hợp</i> (thâu tóm ý tứ của

	bài thơ đề cập), <i>luận</i> (luận giải, mở rộng suy nghĩ về đối tượng), <i>kết</i> (thâu tóm tinh thần của cả bài, có thể kết hợp mở ra những ý tưởng mới). - Khi đọc hiểu, cũng có thể vận dụng cách chia bố cục bài thơ thành hai phần: bốn câu đầu, bốn câu cuối hoặc sáu câu đầu, hai câu cuối. *Ví dụ: Bài thơ “Thu Điếu” có 2 cách chia bố cục - Cách 1: + Hai câu đề: Quang cảnh mùa thu. + Hai câu thực: Những chuyển động nhẹ nhàng của mùa thu. + Hai câu luận: Bầu trời và không gian làng quê.. + Hai câu kết: Tâm trạng của nhà thơ. - Cách 2: + Phần 1 (6 câu thơ đầu): Cảnh mùa thu ở vùng quê Bắc bộ. + Phần 2 (2 câu thơ cuối): Tình thu. ➔ Nên chia theo cách hai để hiểu rõ tư tưởng của bài thơ	toàn bài và có thể mở ra những ý tưởng mới). - Khi đọc hiểu, cũng có thể vận dụng cách chia bố cục bài thơ thành hai phần: bốn hai câu đầu, hai câu cuối hoặc sáu câu đầu, hai câu cuối. *Ví dụ: Bài thơ “Thiên Trường vãn vọng” có 2 cách chia bố cục -Cách 1: +Câu khai Không gian thôn xóm +Câu thừa: Chiều muộn thôn quê thanh bình, thơ mộng và yên ả +Câu chuyển: Hình ảnh con người nơi làng quê. +Câu hợp: Hình ảnh thiên nhiên nơi thôn dã. -Cách 2: +Phần 1 (2câu đầu): Cảnh thôn xóm vùng Thiên Trường trong buổi chiều tà - Phần 2 (2 câu còn lại): Cảnh sắc đồng quê dân dã, mờ ảo trong buổi chiều tà ➔ Nên chia theo cách hai để hiểu rõ tư tưởng của bài thơ
Luật B –T	-B: Bằng (Gồm chữ mang thanh huyền, không dấu) -T: Trắc (Gồm chữ mang các dấu còn lại) VD: Ao thu lạnh lẽo nước trong veo B B T T T B B - Quy định luật B- T của bài thơ được tính từ chữ thứ 2 của câu thứ nhất: nếu chữ này là thanh B thì bài thơ thuộc <i>luật B</i>, nếu là thanh T thì bài thơ thuộc <i>luật T</i>. *Ví dụ: Bài thơ “ Thu điếu”: Tiếng thứ 2 của câu thơ thứ nhất trong bài thơ “Thu” làm theo thanh B => Cả bài thơ làm luật B	- Quy định luật B- T giống thể thơ thất ngôn bát cú *Ví dụ: Bài thơ “Thiên Trường vãn vọng” Tiếng thứ 2 của câu thơ thứ nhất trong bài thơ “hậu” làm theo thanh T. (Chú ý dựa vào phần phiên âm để => Cả bài thơ làm luật T

	- Để đảm bảo sự hài hoà, cân bằng, trong mỗi câu, các thanh bằng, trắc đan xen nhau theo quy luật B-T-B hoặc T-B-T (bắt buộc ở chữ thứ 2, 4, 6 các chữ 1,3,5,7 không quan tâm viết thanh nào cũng được –còn được gọi là “Nhất, tam, ngũ bất luận; Nhị, tứ, lục phân minh”) *Ví dụ: Bài thơ “Thu điếu” <i>Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,</i> <i>B T B</i> <i>Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.</i> <i>T B T</i> <i>Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,</i> <i>T B T</i>	- Để đảm bảo sự hài hoà, cân bằng, trong mỗi câu, các thanh bằng, trắc đan xen nhau (bắt buộc ở chữ thứ 2, 4, 6 các chữ 1,3,5,7 không quan tâm viết thanh nào cũng được). *Ví dụ: Bài thơ “Thiên Trường vãn vọng” <i>Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên</i> <i>T B T</i> <i>Bán vô bán hữu tịch dương biên.</i> <i>B T B</i> <i>Mục đồng địch lí quy ngư tận,</i> <i>B T B</i>
	Chú ý: - Dựa vào phiên âm để xác định luật B-T của bài thơ, không dựa vào dịch thơ hay dịch nghĩa. -Trong bài thơ tiếng 2-4-6 của mỗi câu thơ phải tuân theo quy luật T-B-T hoặc B-T-B (xen kẽ thanh với nhau) nếu không thì bị coi là thất luật (phá luật).	
Niêm	-Bài thơ còn có niêm dựa theo các cặp cố định (câu 1 dính với câu 8; câu 2 với câu 3; câu 4 với câu 5; câu 6 với câu 7. Niêm có nghĩa là sự giống nhau về B - T theo nguyên tắc các cặp bắt buộc phải giống nhau về quy luật gieo vần T-B-T hoặc B-T-B ở tiếng 2,4,6 trong câu thơ. *Ví dụ: Bài thơ “Thu điếu” của Nguyễn Khuyến <i>Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,</i> <i>B T B</i> <i>Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.</i> <i>T B T</i> <i>Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,</i> <i>T B T</i> <i>Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.</i> <i>B T B</i> <i>Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,</i> <i>B T B</i> <i>Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.</i>	-Bài thơ còn có niêm dựa theo các cặp cố định (câu 1 dính với câu 4; câu 2 với câu 3) Niêm có nghĩa là sự giống nhau về B - T theo nguyên tắc các cặp bắt buộc phải giống nhau về quy luật gieo vần T-B-T hoặc B-T-B ở tiếng 2,4,6 trong câu thơ. *Ví dụ: Bài thơ “Thiên Trường vãn vọng” <i>Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên</i> <i>T B T</i> <i>Bán vô bán hữu tịch dương biên.</i> <i>B T B</i> <i>Mục đồng địch lí quy ngư tận</i> <i>B T B</i> <i>Bạch lộ song song phi hạ điền.</i> <i>T B T</i>

	<i>T B T</i> <i>Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,</i> <i>T B T</i> <i>Cá đâu đớp động dưới chân bèo</i> <i>B T B</i> =>Câu 1-8 bắt niêm với nhau : B-T-B, câu 2-3: T-B-T, Câu 4-5 : b-T-B, câu 6-7 : T-B-T.	=>Câu 1-4 bắt niêm với nhau : T-B-T, câu 2-3: B-T-B.
Đôi	-Chủ yếu đôi ở hai câu <i>thực</i> và hai câu <i>luận</i>; cũng có bài chỉ đôi ở một liên hoặc ở cả ba, bốn liên. Nguyên tắc cơ bản là các từ ngữ đối nhau phải cùng từ loại, các cụm động từ, danh từ đối nhau trong hai câu thơ. Ví dụ: Bài thơ “Qua đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan: <i>“Nhớ nước đau lòng con quốc quốc</i> <i>Thương nhà mỏi miệng cái gia gia”</i> =>“Nhớ nước”, “đau lòng” động từ kết hợp với danh từ thì câu dưới “thương nhà”, “mỏi miệng” cũng như vậy. =>“Con quốc quốc” đối với “cái gia gia” vừa là danh từ chỉ tên loài vật (con chim quốc và chim đa đa), vừa là âm thanh tiếng kêu, vừa là từ láy, vừa là cách chơi chữ để chỉ nỗi nhớ nước nhà	- Cặp đối thường ở câu 2-3 nhưng bài thơ không bắt buộc phải có đối.
Vần	- Thường có vần bằng được gieo ở tiếng cuối các câu 1-2-4-6-8. Vần vừa tạo sự liên kết ý nghĩa vừa có tác dụng tạo nên tính nhạc cho thơ. *Ví dụ: Bài thơ “ Thu điếu”: vần được gieo ở tiếng cuối cùng của câu 1-2-4-6-8 là vần “eo”	- Thường có vần bằng được gieo ở tiếng cuối các câu 1-2-4. Vần vừa tạo sự liên kết ý nghĩa vừa có tác dụng tạo nên tính nhạc cho thơ. *Ví dụ: Bài thơ “Thiên Trường vãn vọng” vần được gieo ở tiếng cuối cùng của câu 1-2-4 là vần “iên”
Nhịp	- Thường ngắt nhịp 4/3 *Ví dụ: + Nước dưỡnɡ cho thanh/ trỉ thường nguyệt (Nguyễn Trãi) +Mô thăm không khua/ mà cũng cóc (Hồ Xuân Hương)	- Thường ngắt nhịp 4/3

	+ Năm gian nhà cỏ/ thấp le te (Nguyễn Khuyến)	

3. Bảng sơ đồ bài thơ thất ngôn bát cú

Sơ đồ bài thơ thất ngôn bát cú theo *luật bằng*

Câu	Luật bằng trắc	Niêm	Vần	Đối
1	B B T T T B B		B	
2	T T B B T T B	Câu 2 và 3	B	
3	TTBB BT			Đối
4	BBTTBB	Câu 4 và 5	B	
5	BBTTBBT			Đối
6	T T B B T T B	Câu 6 và 7	B	
7	TTBB BT			
8	BBTTBB		B	

Sơ đồ bài thơ thất ngôn bát cú theo *luật trắc*

Câu	Luật bằng trắc	Niêm	Vần	Đối
1	T T B B T T B		B	
2	BBTTBB	Câu 2 và 3	B	
3	B B T T B B T			Đối
4	T T B B T T B	Câu 4 và 5	B	
5	T T B B B T T			Đối
6	BBTTBB	Câu 6 và 7	B	
7	B B T T B B T			
8	T T B B T T B		B	

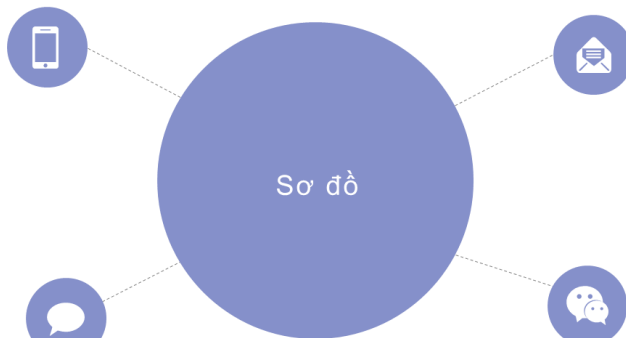
***Lưu ý:** Phân biệt chính xác thơ Thất ngôn tứ tuyệt được chia làm 2 loại:

- Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (một thể thơ khá được yêu thích trong Thơ Đường luật): Có quy luật nghiêm khắc về luật, niêm và vần (theo bằng trắc) và có bố cục rõ ràng.
- Thất ngôn tứ tuyệt Cổ phong: Không theo quy luật rõ ràng, có thể dùng một vần (độc vận) hay nhiều vần (liên vận) nhưng vần vẫn phải thích ứng với quy luật âm thanh, có nhịp bằng trắc xen nhau cho dễ đọc.

Bài 3: ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN

Trong đoạn văn nghị luận gồm rất nhiều yếu tố như: Luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng, mỗi yếu tố đều thực hiện một nhiệm vụ riêng.

Các yếu tố trong đoạn văn nghị luận liên hệ chặt chẽ với nhau cùng hướng tới làm sáng tỏ vấn đề mà người viết đưa ra



Dựa vào cách triển khai vấn đề và câu chủ đề trong đoạn văn người ta chia ra thành đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp

⇒ Để viết được đoạn văn nghị luận chúng ta cần hiểu rõ bản chất và đặc trưng riêng của nó, từ đó vận dụng vào việc giải quyết vấn đề cần nghị luận một cách hợp lí nhất.

I. Khái niệm

1. Luận đề:

- Vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận. Vấn đề đó có tính chất bao trùm, xuyên suốt văn bản. Mỗi văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề. Luận đề có thể được nêu rõ ở nhan đề, ở một số câu hoặc có thể được khái quát từ toàn bộ nội dung của văn bản. Luận đề trong văn bản nghị luận xã hội là hiện tượng hay vấn đề của đời sống được nêu để bàn luận.

***Ví dụ:** + “*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*” (Hồ chí Minh); “*Sức sống của con người Việt Nam qua ca dao*” (Nguyễn Đình Thi); “*Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc*” (Đặng Thai Mai); => Luận đề có ngay ở nhan đề văn bản

- Nhiều văn bản, nhan đề chưa bộc lộ luận đề người đọc phải đọc kĩ, nắm vững nội dung nghị luận của văn bản, từ đó mới có thể khái quát được luận đề.

***Ví dụ:** + Luận đề của văn bản “*Xem người ta kìa!*” (Lạc Thanh): là ý nghĩa của sự gần gũi và khác biệt giữa mọi người

+ Luận đề của văn bản “*Hãy cầm lấy và đọc*” (Huỳnh Như Phương): là sự cần thiết của việc đọc sách;...

2. Luận điểm

- Là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. Qua luận điểm được trình bày có thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận.

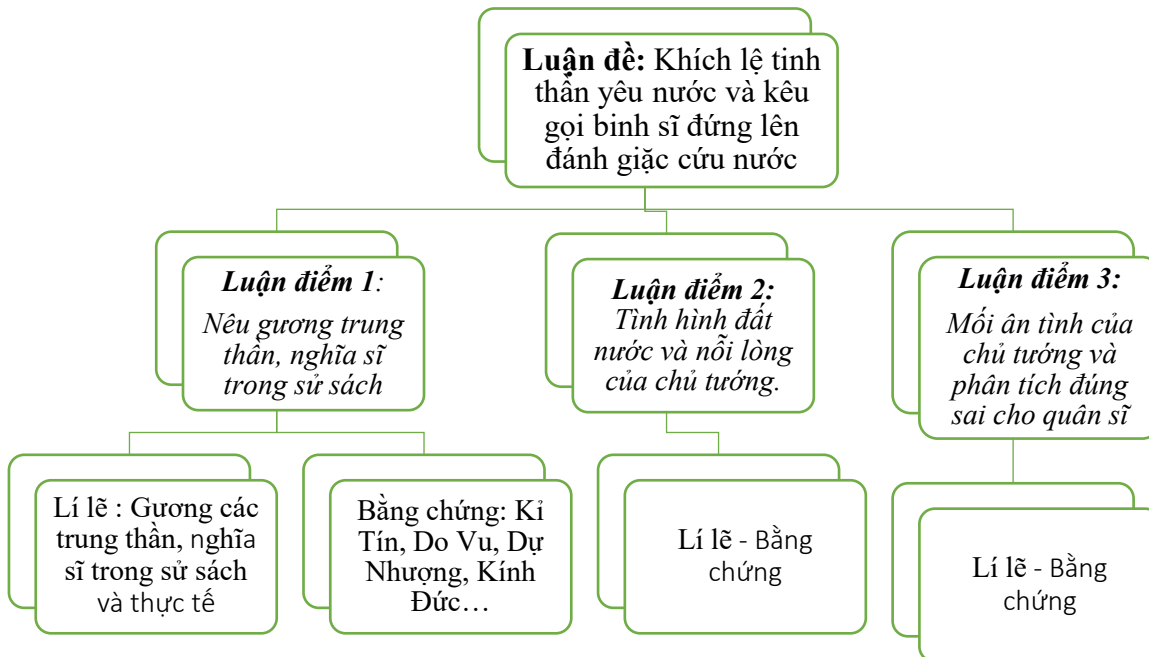
***Ví dụ:** + Trong “*Hịch tướng sĩ*” của Trần Quốc Tuấn, đoạn từ “*Hướng chi ta cùng các người sinh phải thời loạn lặc*” đến “*sao cho khỏi để tai vạ về sau*” triển khai một luận điểm: Nguy cơ đất nước khi có giặc.

3. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận

- Trong VB nghị luận, quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng là quan hệ có tính tầng bậc. Bậc một là luận đề, bậc hai là luận điểm, bậc ba là lí lẽ và bằng chứng. Mối quan hệ này có tính hai chiều, quy định lẫn nhau. Ở chiều thứ nhất, từ luận đề, người viết

triển khai thành các luận điểm; mỗi luận điểm lại được diễn giải, chứng minh bằng các lí lẽ và bằng chứng. Ở chiều ngược lại, lí lẽ và bằng chứng có tác dụng làm rõ các luận điểm cùng góp phần làm sáng tỏ luận đề của bài.

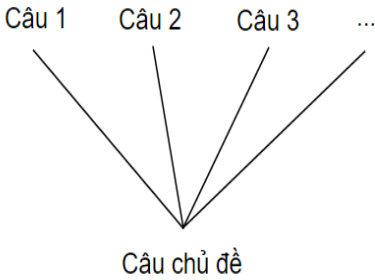
***Ví dụ: Trong văn bản “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn**



II. Các đặc trưng các đoạn văn nghị luận

4. Các hình thức lập luận đoạn văn

Tiêu chí	Nội dung	Ví dụ
Diễn dịch	-Đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn. -Mô hình: <pre> Câu chủ đề / \ \ / \ \ / \ \ / \ \ / \ \ / \ \ / \ \ / \ \ / \ \ / \ \ / \ \ Câu 1 Câu 2 Câu 3 ... </pre>	<i>Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, cao quý (1). Suốt chín tháng mười ngày, mẹ mang nặng đẻ đau, để rồi đến khi đưa con cất tiếng khóc chào đời cũng là lúc lòng mẹ thấy hạnh phúc nhất (2). Mỗi khi ta ốm đau, mẹ đã thức suốt đêm âu yếm chăm sóc ta, lặng lẽ quan tâm mà chưa bao giờ mẹ kể(3). Mẹ sẵn sàng nén nước mắt vào trong, chịu bao đắng cay của cuộc đời để nuôi ta khôn lớn, thành người (4). Khi ta vấp ngã trước con đường đời, mẹ vỗ về động viên, an ủi chúng ta (5).</i> =>Câu chủ đề là câu số 1. Các câu 2,3,4,5 lần lượt đưa ra các ý để làm sáng tỏ câu chủ đề (chứng minh câu chủ đề là đúng)

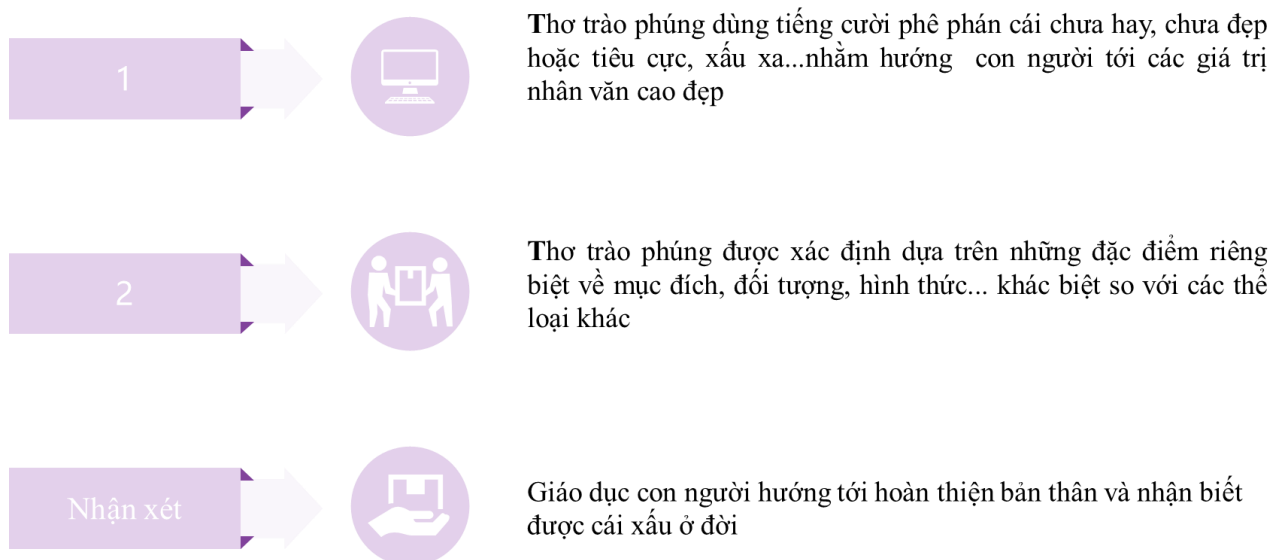
		Câu chủ đề : “Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, cao quý” vì : + Mẹ mang nặng, đẻ đau sinh ra ta + Mẹ luôn chăm sóc, quan tâm ta + Mẹ hi sinh nuôi lớn ta thành người + Luôn là người động viên, an ủi ta
Quy nạp	- Đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn. -Mô hình: 	<i>Những đứa con từ khi sinh ra đến khi trưởng thành, phần lớn thời gian là gần gũi và thường là chịu ảnh hưởng từ người mẹ hơn từ cha (1). Chúng được mẹ cho bú sữa, bông ẵm, dỗ dành, tắm giặt, ru ngủ, cho ăn uống, chăm sóc rất nhiều khi ốm đau...(2). Với việc nhận thức thông qua quá trình bé tự quan sát, học hỏi tự nhiên hàng ngày và ảnh hưởng đặc biệt các đức của người mẹ, đã hình thành dần dần bản tính của đứa con theo kiểu “mưa dầm, thấm lâu” (3). Ngoài ra, những đứa trẻ thường là thích bắt chước người khác thông qua những hành động của người gần gũi nhất chủ yếu là người mẹ (4). Chính người phụ nữ là người chăm sóc và giáo dục con cái chủ yếu trong gia đình(5).</i> =>Câu chủ đề là câu số 5, các câu 1,2,3,4 đi trước nhằm liệt kê ý để câu chủ đề khái quát lại nội dung +Câu 1: Sự gần gũi của mẹ hơn cha với con cái. +Câu 2: Mẹ chăm sóc, quan tâm, thấu hiểu con +Câu 3: Con cái ảnh hưởng tính cách từ mẹ +Câu 4: Con cái ảnh hưởng hành vi từ mẹ Câu 5: rút ra kết luận “Chính người phụ nữ là người chăm sóc và giáo dục con cái chủ yếu trong gia đình”
Song song	- Đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề.	- Văn chương là đời sống ghi trên giấy (1). Và dù thông minh bậc nào, cũng phải có sống mới hiểu được đời, mới

	-Mô hình: <u>Câu (1)</u> ---- <u>Câu(2)</u> ---- <u>Câu (3)</u>...	hiểu được văn(2). Không lịch lãm nhiều thì làm sao tưởng tượng được những cảnh tả trong sách mà thấy nó hay?(3). Không đau khổ nhiều thì làm sao thấu rõ được những tình tiết kể trong truyện mà thấy nó khéo? (4) => Các câu ngang hàng nhau, mỗi câu triển khai một ý. Không có câu chủ đề +Câu 1: văn chương tái hiện lại đời sống. + Câu 2: Cần hiểu đời sống mới hiểu được văn chương. +Câu 3: Cần phải có tâm hồn đẹp mới cảm nhận hết cái đẹp của văn chương. +Câu 4: Trải nghiệm cuộc sống mới thấu hiểu được văn chương.
Phối hợp	-Đoạn văn mở đầu bằng câu chủ đề, tiếp đó là những câu triển khai các nội dung cụ thể. Câu cuối của đoạn cũng là một câu chủ đề, khái quát lại nội dung của các câu triển khai. (Câu chủ đề cuối thông thường mang tính mở rộng của câu chủ đề đầu). -Mô hình: <pre> graph TD A[Câu chủ đề] --- B[Câu 1] A --- C[Câu 2] A --- D[Câu 3] A --- E[Câu....] B --- F[Câu chủ đề] C --- F D --- F E --- F </pre>	“Lòng biết ơn là cơ sở của đạo làm người(1). Hiện nay trên khắp đất nước ta đang dấy lên phong trào đền ơn đáp nghĩa đối với thương binh, liệt sĩ, những bà mẹ anh hùng, những gia đình có công với cách mạng(2). Đảng và Nhà nước cùng toàn dân thực sự quan tâm, chăm sóc các đối tượng chính sách(3). Thương binh được học nghề, được trợ vốn làm ăn; các gia đình liệt sĩ, các bà mẹ Việt Nam anh hùng được tặng nhà tình nghĩa, được các cơ quan đoàn thể phụng dưỡng, săn sóc tận tình....(4).Không thể nào kể hết những biểu hiện sinh động, phong phú của đạo lí uống nước nhớ nguồn của dân tộc ta(5). Đạo lí này là nền tảng vững vàng để xây dựng một xã hội thực sự tốt đẹp(6).” ➔ Câu chủ đề là câu số 1 và câu số 7 - Câu 1 (tổng): Nêu lên nhận định khái quát về đạo làm người, đó là lòng biết ơn. - Bốn câu tiếp (phân): Phân tích để chứng minh biểu hiện của đạo lí uống nước nhớ nguồn.

		- Câu 6 (hợp): Khẳng định, mở rộng vai trò của đạo lí uống nước nhớ nguồn đối với việc xây dựng xã hội.

***Lưu ý:** Trong các kiểu đoạn văn trên, đoạn văn diễn dịch, quy nạp, phối hợp được sử dụng thường xuyên trong VB nghị luận bởi chúng rất phù hợp với việc trình bày lập luận. Đoạn văn song song có thể gặp ở tất cả các loại VB.

Bài 4: THƠ TRÀO PHÙNG



I. Khái niệm

- Thơ trào phúng dùng tiếng cười để phê phán những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa,...nhằm hướng con người tới các giá trị thẩm mỹ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp

II. Các đặc trưng của thể loại

1. Đặc trưng thể loại

Tiêu chí	Nội dung	Ví dụ
Hình thức	- Trình bày bằng thơ thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt...	*Ví dụ: Bài thơ “ <i>Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu</i> ” của Tú Xương, “ <i>Lai Tân</i> ” của Hồ Chí Minh, “ <i>Vịnh cây vông</i> ” của Nguyễn Công Trứ...
Đối tượng	- Những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa; tác giả dùng tiếng cười giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, đả kích...	*Ví dụ: Bài thơ “ <i>Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu</i> ” của Trần Tế Xương là một bài thơ trào phúng nhắm vào đối tượng là những biểu hiện nhếch nhác, trớ trêu của khoa cử Việt Nam khi đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, còn Nho học thì suy tàn (mà các sĩ tử, quan trường, quan sứ, mục đầm,... là những người đại diện)
Mục đích	- Dùng tiếng cười giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, đả kích,... để thể hiện xúc cảm, thái độ đối với đối tượng	*Ví dụ: Bài thơ “ <i>Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu</i> ” của Trần Tế Xương đã dùng tiếng cười để phê phán những cái xấu đó, đồng thời thể hiện thái độ khinh bỉ chế độ phong kiến, thực dân bấy giờ. Thể hiện sự xót xa trước nền giáo dục, thi cử

		của đất nước
Nghệ thuật	-Để tạo ra tiếng cười nhằm phê phán một đối tượng nào đó, thơ trào phúng thường sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nói quá,...	*Ví dụ: Bài thơ “<i>Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu</i>” của Trần Tế Xương: <i>Sĩ tử lôi thôi vai đeo lọ</i> <i>Quan trường ậm oẹ miệng thét loa</i> => Biện pháp tu từ đảo ngữ trong cả hai câu thơ đã nhấn mạnh ấn tượng của tác giả đối với các nhân vật là trung tâm của kì thi Hương năm 1897

***Lưu ý:** Thơ trào phúng tuy nhắm vào đối tượng là cái xấu, cái tiêu cực nhưng mục tiêu tối thượng của nó là hướng con người tới các giá trị thẩm mỹ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp.

Bài 5: HÀI LỊCH VÀ TRUYỆN CƯỜI

Hài kịch

Hài Kịch là thể loại của kịch, hướng vào sự cười nhạo cái xấu xa, lỗi bịch, lạc hậu... đối lập các chuẩn mực và cái tốt đẹp, có nhiều hình thức xung đột qua hành động kịch với các sự việc, tình huống gây cười.

Truyện cười

Truyện cười là một thể loại tự sự có dung lượng nhỏ, dùng tiếng cười nhằm chế giễu những thói hư tật xấu, những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mỹ tục của con người và còn nhằm mục đích giải trí.

Nhận xét

Đều hướng tới cười nhạo cái xấu xa, kệch cỡm, lạc hậu trong cuộc sống, qua đó giáo dục hướng con người tới cái hay, cái đẹp ở đời.

I. Khái niệm

1. Hài kịch

- Hài Kịch là một thể loại của kịch, hướng vào sự cười nhạo cái xấu xa, lỗi bịch, lạc hậu,... đối lập với các chuẩn mực và cái tốt đẹp, tiến bộ. Trong hài kịch có nhiều hình thức xung đột, nhưng phổ biến nhất là sự không tương xứng giữa cái bên trong với cái bên ngoài. Xung đột kịch biểu hiện qua hành động kịch với các sự việc, tình huống gây cười. Nhân vật chính trong hài kịch là những kiểu người có tính cách tiêu biểu cho các thói xấu đáng phê phán: hà tiện, tham lam, kiêu căng, khoe mẽ... Lời đối thoại trong hài kịch mang đậm tính khẩu ngữ; cấu trúc đối thoại dựa trên những nội dung đối nghịch. Hài kịch thường sử dụng các thủ pháp trào phúng như: tạo tình huống kịch tính, cải trang: dùng điệu bộ gây cười; dùng thủ pháp phóng đại, chơi chữ, gây hiểu lầm, thoại bỏ lửng, nhại....

2. Truyện cười

-Truyện cười là một thể loại tự sự có dung lượng nhỏ, dùng tiếng cười nhằm chế giễu những thói hư tật xấu, những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mỹ tục của con người và còn nhằm mục đích giải trí

II. Các đặc trưng của thể loại

5. Đặc trưng thể loại

Tiêu chí	Hài kịch	Truyện cười
Hình thức diễn xướng	- Thường trên sân khấu *Ví dụ: Hài kịch “Trưởng giả học làm sang” Mô-li-e: thường được tái hiện lại trên sân khấu lớn, diễn viên có trang phục, lời nói để biểu lộ làm người xem bật ra tiếng cười	- Thường được kể trong đời sống hàng ngày * Ví dụ: Truyện cười: “Treo biển” thường chỉ được kể trong các buổi trò chuyện hàng ngày ngoài đời sống.

Hình thức lưu truyền	- Văn học viết của các nhà văn.	- Lưu truyền bằng miệng, hoặc dưới hình thức viết (Có thể qua việc kể từ đời này sang đời khác, hoặc qua các văn bản truyện dân gian)
Mục đích	- Hướng vào sự cười nhạo cái xấu, cái lỗi bịch đối lập với lí tưởng thẩm mỹ hoặc chuẩn mực đạo đức xã hội *Ví dụ: <i>Hài kịch “Trưởng giả học làm sang”</i> Mô-li-e cười nhạo tính cách như háo danh, học đòi đến lỗi bịch, kệch cỡm của ông Giuốc-đanh.	- Dùng tiếng cười làm phương tiện vừa để phê phán, châm biếm, đả kích vừa để mua vui, giải trí, hoặc đả kích những thói hư tật xấu, những hành vi đi ngược lại thuần phong mỹ tục... *Ví dụ: <i>Truyện cười “Nói dóc gặp nhau”</i> nhằm phê phán những người luôn tìm mọi cách lừa gạt người khác, nói điều, nói sai sự thật.
Xung đột	- Trong hài kịch những xung đột giữa cái cao thượng và nhỏ nhen, hình thức và nội dung, lạc hậu và tiến bộ, bên trong và bên ngoài *Ví dụ: <i>Hài kịch “Trưởng giả học làm sang”</i> Mô-li-e: Xung đột kịch hiện lên ở động cơ mong muốn trở thành quý tộc mặc trang phục, đi lại, nói năng như giới quý tộc (háo danh) và sự thiếu hiểu biết, mê muội của ông Giuốc-đanh bị bác phó may lừa áo may vai ngược là sở thích của những kẻ quý tộc.	- Thường xuất phát từ những hành động nghịch lý, ngược đời lỗi bịch trong hành động hoặc lời nói của nhân vật. *Ví dụ: <i>Truyện cười “lợn cưới áo mới”</i> : Xung đột từ việc anh lợn cưới khi hỏi thăm chỉ cần nói “ <i>Bác có thấy con lợn của tôi qua đây không?</i> ” thì đã cố tình nhấn mạnh “ <i>Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?</i> ” => Việc thừa thông tin tạo nên sự xung đột về lời nói, về chi tiết không cần thiết của câu hỏi
Ngôn ngữ	- Lời thoại trong hài kịch mang đậm tính chất khẩu ngữ, là những lời ăn tiếng nói hằng ngày. *Ví dụ: <i>Hài kịch “Trưởng giả học làm sang”</i> Mô-li-e: Lời nói của phó may: “ <i>Ngài có muốn mặc thử áo không?</i> ” và Ông Giuốc-đanh; “ <i>Có, đưa tôi</i> ” => Ngôn ngữ thông dụng, bình dân; chất khẩu ngữ biểu hiện ở những từ ngữ cảm thán, từ tượng thanh, hô ngữ, câu hỏi, câu trả lời, thoại bỏ lửng,...	- Lời thoại trong hài kịch mang đậm tính chất khẩu ngữ, là những lời ăn tiếng nói hằng ngày *Ví dụ: <i>Truyện “Nói dóc gặp nhau”</i> Lời nói của anh chàng đi xa “ <i>Làm gì có cây cao vậy? Không thể tin được.</i> ” Anh kia lúc đó mới cười: “ <i>Nếu không có cây cao như thế thì lấy đâu ra gỗ để đóng chiếc ghe của anh?</i> ” => Ngôn ngữ thông dụng, bình dân; chất khẩu ngữ biểu hiện ở lời nói, không sử dụng nhiều các biện pháp nghệ thuật hay ngôn từ bay bổng trong lời nói

Nhân vật	-Nhân vật hài kịch thường không có sự tương xứng giữa thực chất bên trong với danh nghĩa bên ngoài *Ví dụ: Hài kịch “Trưởng giả học làm sang” Mô-li-e: Nhân vật Giuốc-đanh mang vẻ đối lập giữa sự giàu có bên ngoài với sự háo danh, học đòi bên trong. Tỏ vẻ hiểu biết, quyền quý mà thực chất dễ bị đánh lừa, ngu dốt	-Quen thuộc trong đời sống hàng ngày: nông dân, vua, quan lại... *Ví dụ: Truyện cười “Nói dóc gặp nhau”, “Lợn cưới áo mới”... các nhân vật đều xuất thân là tầng lớp nông dân gần gũi với chúng ta.
Nghệ thuật	-Thủ pháp trào phúng thường sử dụng trong hài kịch: giễu nhại, nói mỉa, chơi chữ, phóng đại, cường điệu, tăng cấp, tương phản, vật hoá, cải trang, nghi lễ kì cục, chuyện nọ xọ chuyện kia, hiểu lầm, nhắc lại có hệ thống, thoại bỏ lửng hoặc bị ngắt thường xuyên *Ví dụ: Hài kịch “Trưởng giả học làm sang” Mô-li-e tác giả sử dụng Thủ pháp phóng đại (cường điệu): thực tế ai cũng nhận ra bộ trang phục khôi hài, nhưng tác giả cứ để cho nhân vật Giuốc-đanh chấp nhận để cường điệu độ ngây ngô của nhân vật.	- Lối kể ngắn gọn, có yếu tố gây cười, kết thúc đột ngột, bất ngờ. *Ví dụ: Truyện cười “Lợn cưới, áo mới” câu truyện rất ngắn gọn vắn vắn có hai lời thoại, kết thúc bất ngờ bằng câu nói gây cười của nhân vật anh chàng “áo mới”
Phân loại	Hài kịch chia thành nhiều loại: hài kịch tính cách, hài kịch tình huống, hài kịch sinh hoạt.	- Được chia thành hai loại: truyện cười kết chuỗi và truyện cười không kết chuỗi. +Truyện cười kết chuỗi xoay quanh một nhân vật có thực hoặc được coi là có thực *Ví dụ: Truyện cười “Trạng Lợn”, “Trạng Quỳnh”, “Xiển Bột”,.... +Truyện cười không kết chuỗi có kết cấu hoàn chỉnh, tồn tại độc lập, không có tính xác định về nhân vật, thời gian, địa điểm. Các nhân vật ở loại truyện này thường chỉ được giới thiệu về thành phần, địa vị xã hội, giới tính,... chứ không có tên riêng, hoặc chỉ được gọi tên bằng một tính cách

		<i>*Ví dụ:</i> Truyện “ <i>Tay ả tay ai</i> ”, “ <i>Ba anh chàng ngủ mê</i> ”, “ <i>Con rắn vuông</i> ”...

BÀI 6: CỐT TRUYỆN ĐA TUYẾN VÀ CỐT TRUYỆN ĐƠN TUYẾN

I. Khái niệm



Cốt truyện là yếu tố quan trọng chứa các sự kiện chính tạo nên câu chuyện.



Cốt truyện gồm nhiều yếu tố tạo nên sự thu hút cho người đọc trong quá trình tiếp cận tác phẩm



Cốt truyện gồm các phần trình bày-thắt nút-phát triển-kết thúc, có sự liên kết chặt chẽ với nhau



→ Cốt truyện được coi là xương sống làm nên linh hồn của một tác phẩm, thể hiện rõ tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm

1. Cốt truyện

- Cốt truyện là một hệ thống cụ thể những sự kiện (chủ yếu xoay quanh các sự kiện chính), biến cố, hành động trong tác phẩm tự sự và tác phẩm kịch thể hiện mối quan hệ qua lại giữa các tính cách trong một hoàn cảnh xã hội nhất định nhằm thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

2. Các thành phần của cốt truyện:

+ Phần trình bày: Đây là nơi nhân vật chính (hoặc thế giới của nhân vật chính) được giới thiệu với người đọc. Nó thiết lập những gì sẽ xảy ra trong phần còn lại của cuốn sách và giải thích nó sẽ xảy ra như thế nào.

+ Phần thắt nút: Phần thắt nút là phần trung tâm của câu chuyện và nó nói về hành trình tìm kiếm ý nghĩa của nhân vật chính.

+ Phần phát triển: Là phần câu chuyện diễn ra trước cao trào. Trong phần này, nhân vật chính có một vấn đề hoặc cần giải quyết một bí ẩn và có một số gợi ý được đưa ra cho họ. Đây có thể nói là đỉnh điểm của những xung đột trong tác phẩm phát triển một cách cao nhất. Và đây cũng là phần căng thẳng nhất trong truyện.

+ Phần kết thúc: Nhằm giải quyết cụ thể quá trình phát triển và kết thúc mâu thuẫn như thế nào.

Ví dụ: Truyện “Cô bé bán diêm”

- Cốt truyện: Trong đêm giao thừa, cô bé nghèo phải đi bán diêm. Bụng đói mà không bán được bao diêm nào. Em ngồi nép vào một góc tường rồi quẹt diêm. Em quẹt que diêm thứ nhất, lò sưởi hiện ra. Em quẹt que diêm thứ hai, một bàn ăn thịnh soạn hiện lên. Rồi em quẹt que diêm thứ ba, cây thông Nô-en xuất hiện. Quẹt que diêm thứ tư, em gặp bà nội. Quẹt que thứ năm em bay về trời cùng bà. Sáng hôm sau, cô bé bán diêm đã chết trong giá rét. Qua cốt truyện, ta cảm nhận được số phận bất hạnh của em bé bán diêm và sự vô tâm của xã hội bấy giờ.

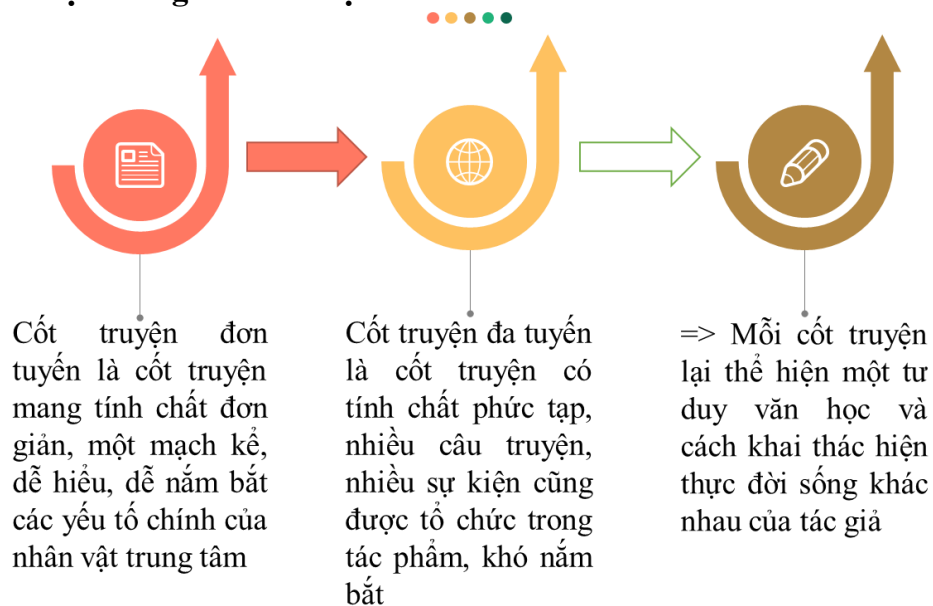
+ Phần trình bày: Hoàn cảnh của cô bé bán diêm, mẹ mất, bà qua đời, gia đình phá sản, bố nghiện rượu thường đánh đập và bắt em đi kiếm sống từ sớm.

+ Phần thắt nút: Đêm giao thừa em bụng đói, áo quần rách dưới, phải đi bán diêm mà không ai mua cho em cả, em không dám về nhà sợ bố mắng.

+ Phần phát triển: Em quét những que diêm và bay về trời cùng bà

+Phần kết thúc: Sáng hôm sau ngày đầu năm mới người ta mới phát hiện ra em nằm trên đồng tuyết và qua đời từ lúc nào không hay.

II. Các đặc trưng của thể loại



6. Đặc trưng thể loại

Tiêu chí	Cốt truyện đơn tuyến	Cốt truyện đa tuyến
Kết cấu	-Thường xuất hiện trong các truyện ngắn, truyện vừa hoặc các kịch bản văn học. -Kết cấu đơn giản, ít nhân vật, sự kiện thường tương đối đơn giản. -Tập trung thể hiện quá trình phát triển tính cách, số phận của một hoặc vài nhân vật chính. Ví dụ: Truyện “Cô bé bán diêm” thuộc thể loại truyện ngắn =>Kết cấu đơn giản với nhân vật chính là cô bé bán diêm, số lượng nhân vật phụ ít: Người cha, người bà...	-Xuất hiện trong tiểu thuyết hiện đại -Kết cấu hệ thống sự kiện phức tạp, chông chéo, phức tạp, nhiều nhân vật, nhiều sự kiện, thuộc kết cấu truyện lồng trong truyện (truyện đang kể về nhân vật A, khi nói đến nhân vật A được một nhân vật B nào đó giúp đỡ sẽ tạt sang nói chuyện kể về hoàn cảnh nhân vật B...). -Tái hiện nhiều bình diện của đời sống và thể hiện quá trình phát triển tính cách, tâm lí của nhiều nhân vật thuộc nhiều tuyến khác nhau. Ví dụ: Truyện “Mất sói” thuộc thể loại tiểu thuyết hiện đại =>Kết cấu phức tạp với nhiều nhân vật, số lượng nhân vật phụ

	=>Sự kiện chủ yếu tập trung để thể hiện số phận bất hạnh của em bé bán diêm.	=>Sự kiện tập trung vào cuộc gặp gỡ giữa Sói Lam và Phi Châu nhưng trong cốt truyện lại có nhiều câu chuyện khác, sự xuất hiện của các nhân vật khác được nói tới.
Quy mô nội dung	-Các sự kiện ít, đơn giản, dễ hiểu, chỉ tập chung xoay quanh nhân vật chính, không tạt ngang, tạt dọc giới thiệu, kể quá nhiều về các nhân vật khác trong truyện. Ví dụ: Cốt truyện trong “Gió lạnh đầu mùa” gồm các sự kiện: Một ngày đầu đông, Lan và Sơn ra chợ chơi với các bạn, hai chị em thấy Hiền chỉ mặc một manh áo rách tả tơi, đứng co ro bên cột quán; Sơn động lòng thương Hiền và chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy cái áo bông của người em đã mất đem cho Hiền; mẹ Hiền đem chiếc áo bông đến nhà Sơn trả lại; mẹ Sơn cho mẹ Hiền mượn năm hào vẽ may áo cho con. Qua cốt truyện, ta cảm nhận được vẻ đẹp của sự yêu thương, chia sẻ ở nhân vật Lan, Sơn; cách cư xử nhân hậu, tế nhị, ấm áp của mẹ Sơn. =>Các sự kiện đơn giản, không có quá nhiều nhân vật và chỉ có một câu chuyện được kể xoay quanh chiếc áo ấm mà Lan và Sơn tặng chị em Hiền.	-Thường sẽ có một câu chuyện trung tâm được kể xuất hiện ở đầu hoặc cuối tác phẩm, tạo nên một khung truyện, cung cấp ngữ cảnh cho những câu chuyện khác xuất hiện, kết nối với nhau, các câu chuyện khác đan xen qua lời kể của từng nhân vật hiện lên khác nhau, được lồng vào giữa. Ví dụ: Truyện “Mắt sói” -Câu chuyện trung tâm là cuộc gặp gỡ của nhân vật Sói Lam và Phi Châu ở vườn bách thú, xuất hiện rõ nét ở phần đầu và phần cuối tác phẩm. - Nhưng còn được lồng bởi các câu chuyện khác ở giữa từ cuộc gặp gỡ ấy: +Trở về quá khứ với tuổi thơ của Sói Lam là những cuộc trốn chạy các toán đi săn. Trong mắt sói hiện về kí ức Sói Lam cứu em gái Ánh Vàng. Câu chuyện của Sói Lam khi thì được kể ở ngôi thứ ba, khi lại chuyển sang ngôi thứ nhất qua lời nhân vật Sói Lam: “chúng tôi lại tiếp tục cuộc trốn chạy. +Chuyển sang quá khứ của Phi Châu. Cuộc đời của cậu bé Phi Châu là những ngày tháng rong ruổi từ châu Phi Vàng đến Châu Phi Xám và châu Phi Xanh. Trong đôi mắt ấy có những kỉ niệm buồn thương, đau đớn, mất mát. Đó là một đêm Châu Phi không ánh trăng, hải hùng do chiến tranh, Phi châu là cậu bé mồ côi được một

		người phụ nữ tốt bụng đưa tiền cho lão Toa lái buôn và nhờ lão đưa đi thật xa. Rất nhiều lần lão Toa lái buôn đã muốn bỏ rơi cậu bé, cậu bị bán cho Vua Dê, rồi lại bị Vua Dê đuổi đi.... ➔Cốt truyện không dừng lại ở một nhân vật, mà chuyển đổi liên tục từ nhân vật này sang nhân vật khác. Giống như có hai câu chuyện, nhiều câu chuyện đang được kể khi chúng ta nói chuyện với một đám bạn vậy, không có một người kể, mà nhiều người cùng kể về câu chuyện của mình.
Mạch kể	-Một mạch kể xuyên suốt từ đầu đến cuối câu truyện Ví dụ: “Cô bé bán diêm”, người kể là tác giả, ngôi kể thứ 3. Ví dụ:”Gió lạnh đầu mùa”, một mạch kể, người kể là tác giả ngôi thứ ba	-Cốt truyện đa tuyến chứa đựng một hệ thống sự kiện phức tạp, chồng chéo, tái hiện nhiều bình diện của đời sống và thể hiện quá trình phát triển tính cách của nhiều nhân vật thuộc nhiều tuyến khác nhau. Ví dụ: “Mắt soi”, mạch kể chính người kể là tác giả, ngôi kể thứ 3, nhưng có đoạn Sói Lam hoặc Phi Châu lại đứng ra kể về quá khứ của mình, nên truyện chuyển sang ngôi thứ nhất. =>Thể hiện quá khứ đau thương và tính cách khác nhau của các nhân vật.

BÀI 7: THƠ TỰ DO



Thơ tự do: là hình thức cơ bản của thơ, phân biệt với thơ cách luật nhưng cũng khác thơ văn xuôi ở tính chất phân dòng, hàng, có nhịp điệu



Thơ tự do: là hình thức cơ bản của thơ, phân biệt với thơ cách luật nhưng cũng khác thơ văn xuôi ở tính chất phân dòng, hàng, có nhịp điệu



Các hình ảnh sử dụng mang dấu ấn sự hư cấu, tưởng tượng, in đậm tình cảm chủ quan của nhà thơ, nhằm làm nội dung thêm sinh động.



→ Thơ tự do cởi trói cho những lẽ lỗi ngặt nghèo trong thơ ca Trung đại là nền tảng của thơ ca hiện đại trẻ trung và sáng tạo.

I. Khái niệm

- Thơ tự do: là hình thức cơ bản của thơ, phân biệt với thơ cách luật ở chỗ không bị ràng buộc vào các quy tắc nhất định về số câu, số chữ, niêm đối,... Nhưng thơ tự do lại khác thơ văn xuôi ở chỗ văn bản có phân dòng và xếp song song thành hàng, thành khổ như những đơn vị nhịp điệu, có thể có vần.

Ví dụ: bài thơ “Đồng chí” (Chính Hữu), “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” (Phạm Tiến Duật)...

II. Các đặc trưng của thể loại

1. Đặc trưng thể loại

Tiêu chí	Thơ tự do	Ví dụ
Gieo vần	- Thơ tự do, yếu tố vần, tiếng đa dạng, không bị tuân theo một quy tắc ràng buộc nào cả.	“<i>Thế là họ mỉm cười bay đi.</i> <i>Nhưng con biết có trò chơi thú vị hơn,</i> <i>mẹ ạ. Con là mây và mẹ sẽ là trăng.</i> <i>Hai bàn tay con ôm lấy mẹ, và mái nhà</i> <i>ta sẽ là bầu trời xanh thẳm.</i>” (Mây và sóng, Ta-go) =>Không nhất thiết phải giống nhau về số tiếng trong một bài thơ, gieo vần chân hay lưng như các thể thơ khác: Lục bát, bốn chữ, năm chữ, thất ngôn...
Nhịp thơ	- Trong thơ tự do, yếu tố nhịp thơ mang tính tự do, không tuân theo một quy tắc nhất định nào cả	“<i>Lũ chúng tôi/ từ tay mẹ lớn lên</i> <i>Còn những bí bầu/ thì lớn xuống</i> <i>Chúng mang dáng/ giọt mồ hôi mặn</i> <i>Rơi xuống/ lòng thẳm lạnh mẹ thôi.</i>” (Mẹ và quả, Nguyễn Khoa Điềm) =>Nhịp điệu tùy theo mạch thơ

Hình ảnh	- Hình ảnh trong thơ là hình ảnh về con người, cảnh vật,... mang dấu ấn sự hư cấu, tưởng tượng, in đậm tình cảm, cảm xúc chủ quan của nhà thơ, giúp cho việc diễn đạt nội dung thêm gợi cảm, sinh động.	<i>“Em bé nhìn vầng trăng nhưng chưa nhìn thấy mẹ Mẹ lặn trên cánh đồng Đồng lúa lặn vào đêm.”</i> (Đợi mẹ, Vũ Quần Phương)

BÀI 8: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC



1
Nghị luận văn học là cách mà người viết trình bày quan điểm, thể hiện sự đánh giá, kiến giải của mình về các vấn đề thuộc lĩnh vực văn học

3
Người đọc tiếp cận tác phẩm, sáng tạo cùng nhà văn nhưng không được suy diễn tư tưởng chủ đạo mà tác phẩm định hướng đến.

2
Nghị luận văn học gồm có: Luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng liên kết cách chẽ, tương hỗ nhau để làm sáng tỏ vấn đề mà tác giả nhắc tới

4
→ Phân tích một tác phẩm văn học là quá trình cảm thụ, lĩnh hội và hiểu thấu tác phẩm một cách sâu sắc nhất.



I. Khái niệm

1. Nghị luận văn học

- Là văn bản nghị luận mà người viết trình bày quan điểm, thể hiện sự đánh giá, kiến giải của mình về các vấn đề thuộc lĩnh vực văn học. Đó có thể là vấn đề thuộc tác phẩm văn học (các khía cạnh nội dung, nghệ thuật); có thể là vấn đề về tác giả (tư tưởng, cá tính sáng tạo, phong cách,...); có thể là vấn đề thể loại (tự sự, trữ tình, kịch,...); có thể là vấn đề lịch sử văn học (giai đoạn, thời kì, khuynh hướng sáng tác, trào lưu văn học,...). VB nghị luận văn học là VB phi hư cấu, không xây dựng những hình tượng sống động như VB nghệ thuật, mà đặt trọng tâm vào việc phát biểu quan điểm, thể hiện sự đánh giá, kiến giải của người viết. Đề quan điểm, sự đánh giá, kiến giải của mình được sáng tỏ và có sức thuyết phục, người viết cần xác định rõ ràng luận đề, xây dựng hệ thống luận điểm chặt chẽ, sử dụng các lí lẽ, bằng chứng xác đáng và tổ chức VB một cách hợp lí.

Ví dụ: Văn bản “Nhà thơ của làng cảnh Việt Nam” của Xuân Diệu, phân tích dấu ấn mùa thu qua ba bài “Thu Điếu”, “Thu ẩm”, “Thu Vịnh” để làm sáng tỏ hình ảnh làng quê Việt Nam trong thơ Nguyễn Khuyến.

2. Các yếu tố trong văn nghị luận văn học

a. Luận đề

- Luận đề trong VB nghị luận văn học là vấn đề chính được bàn luận trong VB. Luận đề thể hiện đối tượng và phạm vi nghị luận của VB. Luận đề thường thể hiện ngay ở nhan đề hoặc phần mở đầu VB.

Ví dụ: Văn bản “*về đẹp giản dị và chân thật của “Quê nội” (Võ Quảng)*” của Trần Thanh Địch chủ yếu bàn luận về vẻ đẹp trong truyện dài “*Quê nội*” thể hiện qua sự giản dị và chân thật của tác phẩm,

=> Nhan đề VB này cũng chính là luận đề.

Ví dụ: Văn bản “*Hoàng tử bé*”: *trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương*” hướng tới làm sáng tỏ vấn đề có thể đạt được sự thấu hiểu và yêu thương thông qua trò chuyện - một thông điệp nhân văn mà nhà văn Ăng-tơ-an đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri gửi gắm trong tác phẩm *Hoàng tử bé*.

=> Nhan đề VB đã thể hiện được luận đề.

- Cũng có khi luận đề không được thể hiện trực tiếp mà ẩn kín trong nội dung của VB,

do đó, người đọc phải tự nghiền ngẫm, suy luận để rút ra.

Ví dụ: Văn bản “Đọc văn - cuộc chơi tìm ý nghĩa” vấn đề chính của VB là bàn về bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn.

=> Nhan đề ẩn ý, chủ đề ẩn hiện được luận đề, cần đọc kĩ nội dung để xác định

b. Luận điểm

- Luận điểm là những ý chính được triển khai nhằm cụ thể hoá luận đề dựa trên đặc điểm của đối tượng luận bàn (tác phẩm, tác giả, thể loại, giai đoạn, khuynh hướng, trào lưu văn học,...). Nếu đối tượng nghị luận là một tác phẩm văn học thì hệ thống luận điểm được triển khai dựa trên các đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm đó; nếu đối tượng nghị luận là tác giả thì có thể xây dựng hệ thống luận điểm theo các đặc điểm phong cách của tác giả; nếu đối tượng nghị luận là thể loại thì hệ thống luận điểm có thể triển khai theo đặc trưng của thể loại.

- Có thể coi luận điểm là linh hồn của văn bản nghị luận, bởi nó thể hiện trực tiếp quan điểm, sự đánh giá, cách kiến giải của tác giả về vấn đề nghị luận. Luận điểm thường được thể hiện ở câu chủ đề của đoạn, nhưng cũng có khi hàm ẩn trong đoạn văn, người đọc cần phân tích, suy luận mới có thể xác định được.

Ví dụ: Trong văn bản “Nhà thơ của làng cảnh Việt Nam” đề làm sáng tỏ luận đề tác giả đã đưa ra 3 luận điểm chính:

Luận điểm 1: Giới thiệu Nguyễn Khuyến và 3 bài thơ nức danh

Luận điểm 2 : Nét đặc sắc của ba bài thơ (Có 3 luận điểm nhỏ hơn)

+ Ở bài “*Thu ẩm*” về đẹp của mùa thu ở nhiều thời điểm, sự khái quát về cảnh thu.

+ Ở bài “*Thu vịnh*” Nguyễn Khuyến đã gọi lên được cái “*thần*” của mùa thu.

+ Ở bài “*Thu điếu*” về đẹp “*điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam*”

Luận điểm 3: Đánh giá chung về ba bài thơ

→ Ba luận điểm đều hướng đến làm sáng tỏ luận đề là căn cứ để triển khai lí lẽ, bằng chứng, phân tích cả nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

c. Lí lẽ, bằng chứng

- Lí lẽ: trong văn bản nghị luận văn học là những diễn giải của người viết về đặc điểm của một tác phẩm, tác giả, thể loại,... Lí lẽ có thể đan xen yếu tố biểu cảm, nhưng cần chặt chẽ, khúc chiết, tránh dài dòng và cảm tính

- Bằng chứng: bằng chứng trong VB nghị luận văn học có thể là câu văn, đoạn văn, dòng thơ, chi tiết, hình ảnh,... được dẫn từ tác phẩm. Theo thông lệ, khi dẫn, người viết có thể trích nguyên văn hoặc diễn giải lại.

Ví dụ: Một đoạn văn phân tích bài “*Thu ẩm*” trong văn bản “Nhà thơ của làng cảnh Việt Nam”, Xuân Diệu viết:

Mặt khác, *đưa Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt* vào cảnh một đêm có trăng, thì không hợp, không điển hình gì cả. Trên mặt nước ao, mặt nước sông lặng, thì điển hình là “*Nước biếc trông như tầng khói phủ*” kia, khói nhạt phất phơ lưng giậu là điển hình cho buổi chiều quê, khói bếp nhà ai đã nấu cơm chiều, gặp hơi nước nhiều hong không khí thì lan dài là là quán quýt lấy vừa tầm lưng giậu.

(*Chữ xanh lá: lí lẽ, màu đỏ: dẫn chứng, chữ đen: từ ngữ nối kết, dẫn dắt*)

=> Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong bài đều tập trung hướng đến làm sáng tỏ luận đề.

Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng vẽ nét chung, vẽ đẹp riêng của ba bài thơ thu là sự cụ thể hoá luận đề về vẻ đẹp của làng cảnh Việt Nam trong thơ Nguyễn Khuyến.

3. Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học

- Tiếp nhận văn học trước hết là một hoạt động nhận thức mang tính cá thể, cùng một tác phẩm văn học, người đọc khác nhau sẽ có cách hiểu, cách lí giải khác nhau. Mỗi người đọc khi tiếp nhận một tác phẩm văn học đều có thể giới quan, nhân sinh quan, sự hiểu biết về văn hoá, văn học nghệ thuật, trải nghiệm cuộc sống khác nhau. Bên cạnh đó, mục đích tiếp nhận, tâm thế tiếp nhận của mỗi người đọc trong từng thời điểm cụ thể cũng ảnh hưởng đến hoạt động tiếp nhận văn học.

Ví dụ: Tiếp nhận về bài thơ “*Ông đồ*” của Vũ Đình Liên. Nếu người đọc không có hiểu biết về phong tục xin chữ Hán ngày Tết thì sẽ không thể hiểu được nỗi buồn của nhân vật trữ tình trong bài thơ; nếu người đọc chưa từng trải nghiệm cảm giác chứng kiến thứ mình yêu quý đang mất dần trước mắt mà không làm gì được thì sẽ khó cảm nhận hết được sự bất lực của nhân vật.

- Người đọc tuy có sự chủ động, sáng tạo trong tiếp nhận, nhưng cũng không thể tùy tiện muốn diễn giải thế nào về tác phẩm cũng được, sự tiếp nhận của người đọc vẫn cần phải dựa vào văn bản và tôn trọng văn bản.

Ví dụ: Khi đọc bài thơ “*Đồng chí*” (Chính Hữu) có câu:

“Căn nhà không mặc kệ gió lung lay”

Cần đặt trong bối cảnh chung của bài thơ, tâm trạng người lính ra đi với nhiệm vụ cao cả để thấy được những giọt nước mắt nóng hổi chảy vào trong tim họ, nói “*kệ*”, tỏ ra dừng dưng nhưng lại thể hiện sự lo lắng, đau đớn cho người thân nơi quê nhà. Không diễn giải méo mó cách hiểu rằng những người lính này vô tâm, chỉ lo cho bản thân không nghĩ về gia đình. => Sẽ dẫn đến cảm nhận sai về hình tượng người lính.

BÀI 9: VĂN BẢN THÔNG TIN

(Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên
và văn bản giới thiệu một bộ phim)



Văn bản thông tin chủ yếu dùng để cung cấp thông tin kiến thức về những mọi lĩnh vực của đời sống con người, thiên nhiên...



Văn bản giới thiệu một bộ phim đưa đến cho người đọc những hiểu biết thường thức về điện ảnh hay quảng bá một sản phẩm điện ảnh...



→ Tiếp cận một văn bản thông tin không chỉ cung cấp cho ta những kiến thức mới nhất về lĩnh vực nào đó mà ta quan tâm, còn cung cấp tri thức về nhiều vấn đề đời sống

I. Khái niệm

- Văn bản thông tin là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về các hiện tượng tự nhiên, thuật lại các sự kiện, giới thiệu các danh lam thắng cảnh, hướng dẫn các quy trình thực hiện một công việc nào đó, ...

Ví dụ: Văn bản “Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000”, cung cấp thông tin về tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông và đưa ra một số giải pháp bảo vệ môi trường.

- Muốn đưa thông tin khách quan, người viết cần công phu tra cứu tài liệu, biết tiếp cận thực tế và ghi chép tỉ mỉ, cẩn thận những gì mình thu nhận được với sự hỗ trợ của các phương tiện tác nghiệp chuyên dụng. Tác giả văn bản còn cần thể hiện quan điểm đánh giá của mình về đối tượng được đề cập, xem như là một cách định hướng giá trị, nhưng cần cung cấp thông tin khách quan, đảm bảo thông tin đưa đến cho người tiếp nhận không bị bóp méo, sai lệch.

Ví dụ: Văn bản “Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ” muốn cung cấp thông tin cho người đọc bản thân tác giả khảo nghiệm cứu tư liệu, quan sát thực tế và cần sự hỗ trợ từ nhiều nguồn để thực hiện, chứ không thể mnag tính phỏng đoán, ước lượng... dẫn đến sai sự thật.

II. Các đặc trưng của thể loại

2. Đặc trưng thể loại

Tiêu chí	Giải thích hiện tượng tự nhiên	Giới thiệu một bộ phim

Nhận diện	- Thường xuất hiện trong các trên báo chí và các tài liệu khoa học *Ví dụ: Văn bản “Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ” trích trong tạp chí <i>Kinh tế Sài Gòn Online</i>, ngày 06/02/2022	- Thường được đăng trên các báo (báo in, báo điện tử) và tạp chí chuyên ngành như <i>Thế giới điện ảnh, Truyền hình...</i> *Ví dụ: Văn bản “Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “hành tinh của chúng ta” trích trong báo <i>Tuổi trẻ Online</i>, ngày 12/5/2019
Mục đích	- Nhằm làm sáng tỏ bản chất, nguyên nhân xuất hiện và những tác động tích cực hoặc tiêu cực có thể có đối với đời sống con người của một hiện tượng tự nhiên nào đó. *Ví dụ: Văn bản “Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ” mục đích nhằm	- Đưa đến cho người đọc những hiểu biết thường thức về điện ảnh (lịch sử điện ảnh, các loại hình phim, dòng phim,...) hay quảng bá một sản phẩm điện ảnh... *Ví dụ: Văn bản “Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “hành tinh của chúng ta” mục đích cung cấp tri thức về bộ phim “hành tinh của chúng ta”, đồng thời nói được ý nghĩa của nó về ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất và thể hiện được khát vọng khám phá những điều bí ẩn, kì diệu của sự sống.
Yêu cầu	- Trước khi giải thích hiện tượng bằng những can cứ và iập luận khoa học, người thực hiện văn bản phải miêu tả được hiện tượng với những biểu hiện điển hình, có thể kèm theo những hình ảnh trực quan, kết quả của việc ghi nhận tại chỗ hoặc khai thác từ những nguồn tài liệu đáng tin cậy. *Ví dụ: Văn bản “<i>Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ</i>” trích trong tạp chí <i>Kinh tế Sài Gòn Online</i>, ngày 06/02/2022	- Cần nêu được thông tin về nhà sản xuất, năm phát hành, các thành viên chủ chốt của đoàn làm phim, nội dung phim, những giá trị nổi bật của phim... Văn bản giới thiệu có sự kết hợp linh hoạt giữa thông tin khách quan và đánh giá chủ quan. *Ví dụ: Văn bản “Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “hành tinh của chúng ta” tác giả đã nêu: “Đạo diễn, nhà nghiên cứu tự nhiên Đê-vít Át-tin-bo-râu(David Attenborough), tám tập phim tài liệu của “Hành tinh của chúng ta” mới phát trực tuyến trên Nét-phơ-lít (Netflix) như là phần tiếp theo của “Hành tinh Trái Đất” (Earth Planet)” với nội dung “Hành tinh của chúng ta đưa ra lời cảnh báo về sự nóng lên của toàn cầu, những môi trường sống bị hủy diệt và nhiều loài biến mất, đồng thời mang đến một thông điệp

		sống còn: “Hãy cứu lấy hành tinh của chúng ta trước khi quá muộn!”.
Nghệ thuật	- Ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (thường là ảnh chụp), ngôn ngữ khoa học chính xác, ít sử dụng các biện pháp nghệ thuật. *Ví dụ: Văn bản “Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ” ngôn ngữ dễ hiểu, có cả ngôn ngữ chuyên ngành khoa học như đoạn nói về quá trình hình thành Châu thổ “Quá trình trầm tích vùng châu thổ xảy ra liên tục hơn 5 000 - 7 000 năm và theo quy luật vật lý của sự phân bố bìm cát, những hạt vật chất lớn như đá, SỎI cuội to, SỎI nhỏ và cát thô sẽ trầm tích ở phía trên không khí các hạt cát hung, cát mịn và phù sa lơ lửng xuôi về vùng châu thổ tiếp giáp với biển, giúp cho vùng châu thổ nâng dần cao độ và mở rộng ra phía nam của thềm lục địa Tổ quốc”, đồng thời văn bản còn kết hợp hình ảnh độc đáo, lời cuốn, hấp dẫn.	- Ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (thường là ảnh chụp pa-nô quảng cáo hoặc một số cảnh phim đặc sắc), được trình bày hấp dẫn, có sức thu hút đối với người tiếp nhận. *Ví dụ: Văn bản “Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “hành tinh của chúng ta” ngôn ngữ dễ hiểu, có kết hợp hình ảnh độc đáo, lời cuốn, hấp dẫn.

***Lưu ý:** Trong kho tàng tục ngữ, ta bắt gặp nhiều câu (bài) nói về hiện tượng tự nhiên nhưng hầu hết chưa phải là VB giải thích một hiện tượng tự nhiên. Ở đó dường như mới chỉ có sự ghi nhận hiện tượng và nêu tác động của hiện tượng mà chưa có sự giải thích, nhất là giải thích bằng các luận cứ khoa học. Ví dụ *Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa; Đông sao thì mưa, thưa sao thì nắng; Con đặng đống vừa trông vừa chạy, con đặng tây vừa cày vừa ăn...* → Không phải văn bản thông tin giải thích hiện tượng khoa học.

BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN GIỚI THIỆU SÁCH

1

Văn bản giới thiệu sách nhằm đem đến cho ta những đặc điểm chung của cuốn sách, từ đó giúp ta tìm hiểu và tiếp cận cuốn sách ấy dễ dàng hơn.

3

Nhan đề là một trong những điểm nhấn của văn bản, là thành phần dùng để đặt tên, định danh cho văn bản, thu hút độc giả, bước đầu định hướng tìm hiểu văn bản



2

Tác giả và người đọc thông qua cuốn sách cũng sáng tạo và đánh giá về hiện thực một cách rõ ràng, cụ thể hơn.

Nhận xét:

➔ Giới thiệu cuốn sách là bước ban đầu sơ khai giúp ta hiểu được phần nào nội dung cũng như những thú vị của cuốn sách đem lại, giúp ta dễ dàng hơn trong việc lựa chọn một cuốn sách phù hợp với bản thân mình.

I. Các đặc trưng của thể loại

1. Đặc trưng thể loại

Tiêu chí	Văn bản thông tin giới thiệu sách	Ví dụ
Mục đích	- Trình bày khách quan những đặc điểm chung của cuốn sách: nhan đề; tác giả; loại, thể loại văn bản; đề tài; chủ đề; bố cục; nội dung chính (tóm tắt). - Đồng thời, loại văn bản này cũng nêu cách nhìn (quan điểm, thái độ) của tác giả cuốn sách về đời sống; những giá trị, đóng góp nổi bật hoặc điểm mới, thú vị của cuốn sách.	- Văn bản “<i>Lời giới thiệu cuốn sách Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể</i>”, nhan đề có tên nhân vật Nhóc Ni-cô-la - đã được biết đến từ những cuốn sách khác của tác giả Rơ-nê Gô-xi-nhi, chính vì thế, khi có thêm cụm từ <i>những chuyện chưa kể</i> - những điều độc giả chưa biết về nhân vật quen thuộc và đã được yêu mến này, nhan đề có tác dụng thu hút, gợi trí tò mò của người đọc. Đồng thời, tác giả của lời giới thiệu cũng nhấn mạnh vào hoàn cảnh ra đời của các câu chuyện: đã được viết từ rất lâu nhưng nhiều tác phẩm chưa chính thức công bố rộng rãi. - Nội dung của cuốn sách bao gồm cả phần truyện và tranh được giới thiệu là một thế giới “đầy chất hiện thực”, đồng thời cũng là một “thế giới kì diệu nơi con trẻ nhìn các bậc phụ huynh bằng con mắt tinh táo, chăm biếm nhưng vẫn triu mến và nơi ấy người lớn, vẽ phần mình giải quyết một cách non nớt những vấn đề cứ như là thực” Cách giới thiệu này rất giản

		dị nhưng lại tạo được sức hút, gợi trí tò mò. → Qua đó, tác giả đưa ra được những giá trị nổi bật của tác phẩm bộc lộ thái độ yêu thích và ngạc nhiên trước những hành động ngộ nghĩnh của nhân vật
Hình thức trình bày	- Thông thường, người viết giới thiệu sẽ nêu tên sách, tên tác giả, loại, thể loại văn bản trước, sau đó tóm lược các đặc điểm về hình thức và nội dung của văn bản. Tuy nhiên, trình tự này cũng có thể thay đổi, tùy thuộc vào ấn tượng, cảm nhận của người giới thiệu: nêu một đặc điểm nổi bật của cuốn sách trước, sau đó mới trình bày những thông tin khác	- Văn bản “Lời giới thiệu cuốn sách Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể”, được giới thiệu theo trình tự thông thường từ tên sách -> tác giả -> Thể loại... một cách dễ hiểu, dễ nhớ
Yêu cầu	- Đảm bảo tính khách quan (phù hợp với những đặc điểm loại, thể loại, hình thức và nội dung của cuốn sách), tính cụ thể (thông tin rõ ràng, đầy đủ), tính chính xác (mọi chi tiết liên quan đến thông tin về cuốn sách được trình bày đúng, không bị sai lệch).	Văn bản “Lời giới thiệu cuốn sách Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể”, việc trình bày các thành phần thông tin trong lời giới thiệu sách, đảm bảo tính chính xác, khách quan, rõ ràng, lời giới thiệu khá quát được nội dung của cuốn sách bao gồm cả phần truyện và tranh được giới thiệu là một thế giới “đầy chất hiện thực”, đồng thời cũng là một “thế giới kì diệu nơi con trẻ nhìn các bậc phụ huynh bằng con mắt tinh táo, chăm biếm nhưng vẫn trìu mến và nơi ấy người lớn, vẽ phần mình giải quyết một cách non nớt những vấn đề cứ như là thực”, từ đó người đọc tìm kiếm, thưởng thức sẽ không thấy sai lệch với lời giới thiệu ban đầu mà văn bản đưa ra.

2. Vai trò của tưởng tượng trong sáng tạo và tiếp nhận văn học

a. Từ phía tác giả (chủ thể sáng tạo):

- Hiện thực và tưởng tượng luôn gắn kết với nhau, hoà trộn vào nhau trong từng chi tiết, trong chuỗi sự việc, trong hình tượng nhân vật,... được biểu hiện trong tác phẩm. Cái lõi của hiện thực luôn ẩn chứa trong bất kì một hình tượng nghệ thuật mang tính hư cấu, hoang

đường, huyền ảo hay khác thường nào. Ngược lại, mọi hình tượng dù có vẻ thật nhất, “như thật”, gắn với nguyên mẫu đời thực cụ thể đều có dấu ấn của tưởng tượng, hư cấu.

Ví dụ: Trong thần thoại: Các vị thần với quyền năng phi thường trong thần thoại, những người anh hùng mang sức mạnh siêu nhiên trong truyền thuyết, những yếu tố thần kì trong truyện cổ tích, thế giới tương lai trong truyện khoa học viễn tưởng,... đều là sản phẩm của trí tưởng tượng trong sáng tạo văn học. Tuy nhiên, “cái lõi hiện thực” của những hình tượng hoang đường, kì ảo này vẫn có thể tìm thấy trong hiện thực đời sống: sức mạnh của thiên nhiên trong các nhân vật thần thoại, những sự kiện và nhân vật lịch sử trong truyền thuyết, các lực lượng xã hội và mơ ước, khát vọng của con người trong cổ tích, ước mơ và sức sáng tạo của con người trong các truyện khoa học viễn tưởng (không ít những sự vật, sự việc vốn là viễn tưởng trong quá khứ sau đó đã thành hiện thực như thám bay, sua thành máy bay, giày vatan dặm sau thành những chiếc tàu siêu tốc...).

- Tưởng tượng vừa là một thao tác của nhận thức để cảm nhận, tìm hiểu về đời sống, vừa là cách để xây dựng hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm: mã hoá hiện thực đời sống thông qua các hình tượng mang tính hư cấu (ẩn dụ, hoán dụ, tượng trưng, phóng đại,...)

Ví dụ: Bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh:

Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã

*Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giương to
như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao ỉa thâu góp gió...*

→ Qua hiện thực về hình ảnh đoàn thuyền lao vun vút trên biển, tác giả Tế Hanh đã tưởng tượng, sử dụng biện pháp so sánh, ẩn dụ để khắc họa sức mạnh của đoàn thuyền trong công cuộc chinh phục đại dương.

b. Từ phía người đọc (chủ thể tiếp nhận)

- Cần huy động trí tưởng tượng để giải mã hình tượng nghệ thuật.

***Ví dụ:** Trong tác phẩm “Dế Mèn phiêu lưu kí” qua những chi tiết miêu tả ngoại hình, hành động, tâm trạng của những nhân vật cụ thể như Dế Mèn, Dế choắt, chị Cốc người đọc có thể hình dung ra dáng vẻ của các con vật gần gũi ời đời sống. Đồng thời, liên tưởng và tưởng tượng về thế giới của con người với những mối quan hệ, tính cách hoặc lối sống, lối ứng xử trong xã hội

***Ví dụ:** Đọc những câu thơ: “Một bếp ửa chờn vờn sương sớm

Một bếp ửa ấp ỉu nồng đượm”

Độc giả có thể tưởng tượng và cảm nhận được khung cảnh quen thuộc trong mỗi gia đình của làng quê Việt Nam xưa với củi ửa, rơm rạ,... hơi ấm của bếp ửa và cảm giác ấm áp của tình cảm gia đình.

→ Người đọc tưởng tượng để sống trong tác phẩm cùng nhân vật, từ đó trở lại hiện thực và rút ra cho mình những bài học ý nghĩa.

3. Nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản văn học

- Nhan đề là một trong những điểm nhấn của văn bản. Nhan đề, xét từ phía người viết, là thành phần dùng để đặt tên, định danh cho văn bản, thu hút sự chú ý của độc giả, tạo sự hấp dẫn và bước đầu định hướng cho việc tìm hiểu văn bản.

***Ví dụ:** “Tuyên ngôn độc lập” (Hồ chí Minh): Nhan đề cũng cho thấy mục đích và

vấn đề chính trong văn bản nghị luận này: tuyên bố rộng rãi để khẳng định nền độc lập của dân tộc Việt Nam, từ đó, tác giả tạo được sự thu hút cho độc giả, đồng thời định hướng cách tiếp cận tìm hiểu văn bản.

- Từ phía người đọc, nhan đề là yếu tố đầu tiên giúp nhận diện văn bản, phân biệt được văn bản này với văn bản khác. Với những văn bản mới (chưa đọc), nhan đề chính là điểm nhấn để người đọc chú ý và lựa chọn, tìm hiểu.

***Ví dụ: “Nóng Phẳng, chặt - Tại sao thế giới cần cách mạng xanh và làm thế nào chúng ta thay đổi được tương lai”** (Thô-mát L. Phrít-man (Thomas L. Friedman)): Nhan đề của cuốn sách nêu rõ thực trạng môi trường sống trên Trái Đất hiện nay (Nóng Phẳng Chặt). Phụ đề tường minh vấn đề cần giải quyết trong VB thông tin (Tại sao thế giới cần cách mạng xanh và làm thế nào chúng ta thay đổi được tương lai?)”

➔ Văn bản lạ, mới, tác động mạnh vào ấn tượng của người đọc để từ đó học tìm đọc và khai thác ý nghĩa của văn bản.

- Văn bản thông tin, văn bản nghị luận thường có cách đặt nhan đề mang tính tường minh, tập trung vào vấn đề chính được trình bày, thuyết minh hoặc bàn luận.

***Ví dụ: “Hịch tướng sĩ”** (Trần Quốc Tuấn): *Hịch* là tên một loại văn bản nghị luận (thời trung đại) có mục đích kêu gọi, hiệu triệu. Nhan đề “Hịch tướng sĩ” thể hiện tường minh loại văn, mục đích, đối tượng hướng tới và nội dung chính của văn bản: lời kêu gọi, hiệu triệu tướng sĩ quyết tâm chống giặc ngoại xâm.

- Nhan đề của VB văn học có mối quan hệ mật thiết với hình tượng nghệ thuật của văn: hình tượng nhân vật, không gian, thời gian nghệ thuật hoặc có thể là một phần của ý nghĩa hàm ẩn mà tác giả muốn gợi ra từ thế giới đời sống trong tác phẩm.

Ví dụ: Bầy chim chìa vôi (Nguyễn Quang Thiều): Hình tượng bầy chim chìa vôi trong cơn mưa lũ gắn với thời gian, không gian nghệ thuật và các nhân vật chính (hai anh em Mon và Mên). Tác giả lấy một hình tượng xuyên suốt câu chuyện để đặt tên cho tác phẩm của mình. Nhưng ý nghĩa của hình tượng mang tính hàm ẩn trong toàn bộ câu chuyện. Do đó nhan đề cũng mang ý nghĩa hàm ẩn.

A decorative graphic featuring a white rectangular card with a torn edge, placed on a background of overlapping light blue and pink geometric shapes. Surrounding the card are various school supplies: several colored pencils in blue, yellow, pink, green, and orange; a pair of black-rimmed glasses; a pink eraser; and a yellow ruler. The text is written on the white card.

Chuyên đề 2: Phân tích văn bản

Chuyên sâu – dễ hiểu – tinh hoa

TÔI ĐI HỌC

I. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

- Thanh Tịnh (1911-1988), tên thật là Trần Văn Ninh
- Quê ven sông Hương, ngoại ô Huế
- Là nhà giáo, nhà văn, nhà thơ.
- Sáng tác của ông toát lên vẻ đẹp đầm thắm, tình cảm êm dịu, trong trẻo.
- Tác phẩm tiêu biểu: *Hậu chiến trường* (1937), *Quê mẹ* (1941)...



Tác phẩm ✓



- **Thể loại:** Truyện ngắn
- **Phương thức biểu đạt:** tự sự
- **Ngôi kể:** ngôi thứ nhất
- **Ý nghĩa:** Văn bản “Tôi đi học” đã thay nhiều người đọc nói lên những nỗi nhớ về những năm tháng một thời cắp sách tới trường. Điều đó khơi dậy trong lòng bao người hình dáng ngày đầu đến trường trong kí ức. Đó là những kỉ niệm đẹp, những khoảnh khắc không thể quên.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Đặc điểm thể loại

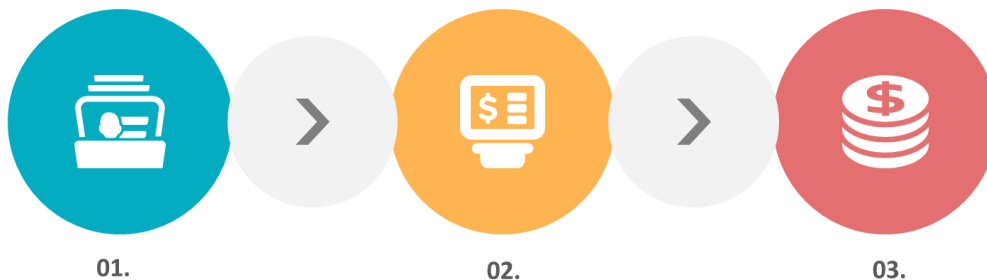
2

Khơi Nguồn kỉ niệm và bồi cảnh ngày đầu tiên đi học

3

Tâm trạng của nhân vật “tôi”

1. Đặc điểm thể loại

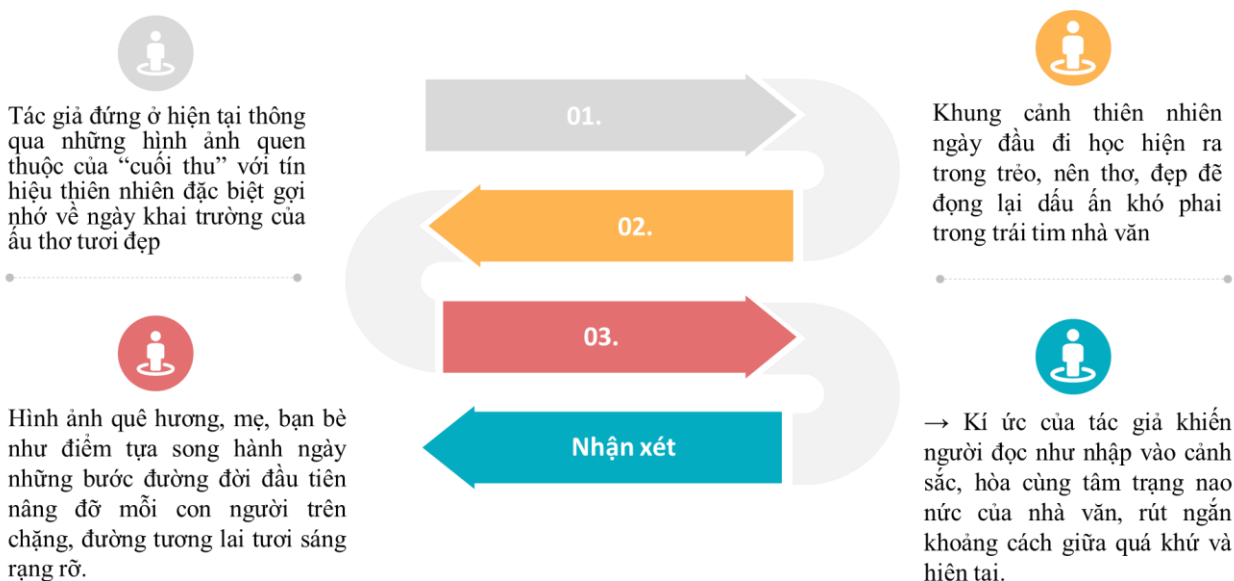


01.
Truyện ngắn thường chỉ tập trung vào một tình huống, một chủ đề nhất định. Trong khi đó, tiểu thuyết chứa được nhiều vấn đề, phủ sóng được một diện rộng lớn của đời sống.²

02.
Truyện ngắn thì gây cho người đọc một cái nút, một khúc mắc cần giải đáp. Cái nút đó càng ngày càng thắt lại đến đỉnh điểm thì độ ngọt cời tung ra, khiến người đọc hả hê, hết băn khoăn.

03.
Truyện ngắn có tính cô đọng và mở rộng, súc tích và ngắn gọn. Vì một truyện ngắn mười hai trang có thể chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn là một cuốn tiểu thuyết bốn trăm trang. Chúng ta đang nói đến một phạm trù khác của các tác phẩm hư cấu nói chung.

2. Khởi Nguồn kỉ niệm và bối cảnh ngày đầu tiên đi học



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Tạm biệt mùa hạ với cái nắng hanh hao và âm thanh du ca của tiếng ve, tạm biệt những cơn mưa vội vã, ào ạt trong bao nước nở tiếc nuối. Mùa thu về gõ cửa cùng sự dịu dàng của gió heo may, của khung trời cao xanh và chiếc lá khẽ rơi chạm vào vai áo, của một niềm hân hoan lại về khi ngày khai trường năm học mới như một dấu ấn khó quên nơi kỉ niệm ngọt ngào mà các cô cậu học trò luôn lưu giữ. Chẳng vậy mà, khoảnh khắc ấy đã khiến bao nhà văn, nhà thơ say đắm, xoa xuyên để rồi

-Thời gian: Hàng năm: Lặp đi, lặp lại, đều đặn, không nguôi - Không gian: trên con đường dài và hẹp→Thời điểm, nơi chốn quen thuộc, gắn liền với tuổi thơ tác giả <i>-Con người:Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi,mấy cậu nhỏ trạc bằng tuổi tôi áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem...Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều lại kèm cả bút thước nữa.</i> => Người đọc như nhập vào cảnh sắc, hòa cùng tâm trạng nao nức của nhà văn. Rút ngắn khoảng cách giữa quá khứ và hiện tại.	đáo, cùng trí tưởng tượng phong phú, trái tim nhạy cảm, tinh tế nhà văn đã tái hiện lại rõ nét tâm trạng trong âm điệu khúc tình ca khi cứ mỗi mùa thu đến người nghệ sĩ ấy lại trải lòng mình ra để hồi tưởng, để mà sống lại những tháng năm tuổi thơ êm dịu, mà “Hàng năm” lặp đi lặp lại đều đặn, đau đáu đeo bám con người ta ngẹn ngào nhớ về quá khứ ngây dại của mình để rồi thổn thức, bồn chồn khi khung cảnh trời đất bắt đầu nôn nao, cựa mình, khi “Lá ngoài đường rụng nhiều, trên không những đám mây bàng bạc”, bầu trời bằng lăng màu xanh lững lờ cũng chính là khoảnh khắc lòng người bé lại, yếu mềm bởi chất thơ của kỉ niệm vùi vào nhau gọi về kỉ ức ngày đầu đi học. Chẳng vậy mà, dù thời gian đằng đẵng trôi qua thì nhà văn vẫn nhớ như in từng hình ảnh, con người thiên nhiên, tâm trạng cứ hiển hiện rõ ràng theo nhau ủa về. Đó là đứa trẻ được nâng niu trên “con đường làng dài và hẹp”, được mẹ âu yếm “<i>nắm tay tôi dẫn đi</i>”, được đồng hành cùng “<i>mấy cậu nhỏ trạc bằng tuổi tôi áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem</i>”, phải chăng ẩn sau miền nhớ xa xăm, hình ảnh bước đường tiến vào tri thức rộng mở hôm nao là biết bao chứa chan, hi vọng, tin yêu của quê hương, gia đình, bè bạn những điều chẳng thể thiếu trong cuộc đời con người cùng ta đi đến hết cuộc đời. Mở ra không gian của khơi nguồn kỉ niệm ấy có lẽ Thanh Tịnh cũng đã dự báo những điều tươi đẹp, rực rỡ nhất mà mỗi đứa trẻ sẽ bước đi trên cánh cửa đầu tiên của cuộc đời mình mà đằng sau luôn có một điểm tựa đầy vững chắc, đáng tin. Tất cả những điều nhỏ bé, giản dị ấy khiến mỗi người đọc như nhập vào cảnh sắc, hòa cùng tâm trạng nao nức của nhà văn để thấy kỉ niệm của chính mình mà nao nao cùng dòng chảy quá khứ ngọt ngào đưa nôi ta về tuổi thơ.

3. Tâm trạng của nhân vật “tôi”

Trên đường đi học thay đổi tâm trạng vì cảm thấy mình đã trưởng thành và thay đổi qua từng cử chỉ nhỏ nhất của nhân vật tôi.



Đứng trên sân trường vừa mang sự quen thuộc, lạ lẫm, nghiêm trang khiến đứa trẻ trở lên rụt rè, lo lắng, bối ngỡ đầy bịn rịn, đáng yêu.

Tâm thế chủ động khi bước vào lớp học trong niềm say mê, háo hức, hân hoan được khám phá những điều mới mẻ, lớn lao trên cánh cửa tri thức của chính mình.

Nhận xét:

→ Nhân vật “tôi” là cậu bé hồn nhiên, trong sáng nhưng cũng rất nhạy cảm trong sự thay đổi tâm trạng hợp lý, tự nhiên trên hành trình bắt đầu có ý thức về sự trưởng thành ngay trong ngày đầu tiên đi học.

KIỆN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
* <i>Tâm trạng của nhân vật tôi</i> - Ban đầu là băng khuâng, phấn chấn đi bên mẹ trên con đường đến trường: <i>con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ, Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, Nâng niu mấy quyển vở, muốn thử sức cầm bút.</i>	Cuộc sống bộn bề vốn đã mệt mỏi bởi nhớ nhớ quên quên, con người lẫn mình trong những điều mới mẻ, xa lạ mà bỏ rơi bao gần gũi, bình dị vẫn luôn chung thủy, bên bờ cùng ta, thế nhưng trong biển người tấp nập ấy vẫn sót một trái tim mỏng manh, tinh khôi năm nào cũng vậy, thu nào cũng vậy lòng lại trào dâng cảm xúc, lại vẽ lên trong tâm hồn mình ánh lửa nhen nhóm về một thửa đến trường. Bởi vậy, dù năm tháng như dẹt rất đủ đầy kỉ niệm nhưng kỉ niệm vẫn được nhà văn gói lại như kỉ vật chẳng để rơi ra, vơi đi, sót lại bất cứ mảnh ghép nào bỗng hiện lên đầy đủ trên trang văn đầy tha thiết, ngân nga của ông. Không phải tự nhiên mà những kí ức ấy lại sống dậy một cách mãnh liệt như vậy trong lòng tác giả, mọi thứ chỉ thực sự bắt đầu khi ông nhìn thấy mấy em nhỏ rụt rè xuất hiện nấp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường để rồi con người mấy chục năm tuổi đời bỗng chốc thu mình lại, tiềm thức hóa thành đứa nhỏ vùng vẫy được mẹ dắt đi trên con đường làng quen thuộc, con đường mòn ấy vốn đã đi nhiều lần, quen thuộc quá đôi thế nhưng sao lần ấy lại thấy lạ quá, từng bước đi sao lạ lẫm quá, cảnh vật cũng thay đổi đến khác thường. Sự thay đổi ấy trước hết là ở cảm giác về con đường đến trường: <i>“con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học”</i>. Đứa trẻ ngây thơ, tròn xoe đôi mắt hướng lên nhìn cuộc sống phía trước đầy rặng rỡ như nền trời xanh thẳm mà tự thấy bản thân

- Khi đứng trong sân trường chuyển sang bờ ngõ, rụt rè khi đứng ở sân trường. Tiếp đến là cảm thấy lúng túng, vụng về, sau đó, giật mình khi nghe gọi đến tên rồi bật khóc: <i>Cảm thấy ngôi trường vừa cao, vừa sạch sẽ, vừa oai nghiêm. Cảm thấy nhỏ bé so với trường, lo sợ vẩn vơ. Khi trống trường vang lên: giật mình, lúng túng, sợ hãi quả tim như ngừng đập.</i>	đã thay đổi, đã trưởng thành, bởi vậy không chỉ khung cảnh thay đổi mà ngay cả những hoạt động hàng ngày của cậu như thả diều hay ra đồng nô đùa với chúng bạn đã không còn nữa. Trong nhận thức non nớt của mình, cậu bé nhận rằng bản thân đã chuẩn bị bước vào ngưỡng cửa mới của cuộc đời, mình đã khôn lớn và trưởng thành hơn. Để rồi, ngắm nghía lại bộ quần áo vải dù đen được mẹ bị chu đáo chuẩn bị, cậu thấy mình trang trọng và đứng đắn hơn. Tác giả đã thật tinh tế khi dùng hai từ “<i>trang trọng</i>” “<i>đứng đắn</i>” để diễn tả tâm trạng, sự trưởng thành của nhân vật tôi, đó là nét đẹp trong hành trình thay đổi nhận thức còn được thể hiện trong hành động hết sức đáng yêu của cậu bé, cậu cầm hai quyển vở trên tay đã thấy nặng nhưng còn yêu cầu “<i>mẹ đưa bút thước cho con cầm</i>” với ý nghĩ ngây thơ “<i>chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước</i>”. Ý nghĩ non nớt ấy “thoáng qua trong trí” cậu bé “nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi” có chút buồn cười nhưng cũng thật đáng trân trọng, đáng yêu, nhẹ nhàng, bông bênh, ngọt ngào, mát trong như dòng nước mùa thu đang chảy nơi trái tim cậu vậy khiến ta cũng đầy thôn thức, nôn nao. Chẳng ai đánh thuê ước mơ, chẳng ai mua nổi kí ức và cũng chẳng ai nhìn thấu tương lai, thế nhưng Thanh Tịnh chẳng cần mất bất cứ thứ gì quý giá để đánh đổi lại điều vô giá trong tuổi thơ của mình. Bởi men theo dòng chảy nơi miền nhớ trong veo của mình nhà văn vẽ lại tròn trịa từng khoảng khắc để soi tỏ cho ta thấy mọi chuyện trên đời đều diễn ra không theo một quỹ đạo nhất định nào cả và chỉ đến khi con người ta tự mình trải nghiệm, tự cảm nhận mới biết được giá trị của nó. Thật vậy đối với cậu bé ấy cũng vậy, chỉ vài hôm trước khi đi bầy chim chơi đùa cùng lũ bạn và ghé qua trường và cảm thấy ngôi trường là một thứ gì đó làm cậu “<i>không có cảm tưởng gì khác là trường cao ráo sạch sẽ hơn các nhà trong làng</i>”, thế nhưng hôm nay khi mình khoác trên vai bộ áo mới, khi sắp trở thành một phần của ngôi trường và đặt chân vào trong đó cậu mới lại thấy ngôi trường uy nghiêm và vĩ đại đến thế. Cái ngôi trường xa lạ ngày nào thế nhưng hôm nay cậu lại thấy nó “<i>vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình</i>

+“Họ như con chim non đứng bên bờ tổ nhìn quăng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ” → sự non nớt, khát vọng của những cậu học sinh. + Khoảnh khắc “<i>có một bàn tay nào đó nhẹ đẩy tôi về phía trước</i>” chẳng biết là ai, người quen hay lạ nhưng đủ khiến ta xao xuyến mừng tượng ra bóng dáng người mẹ hiền từ, luôn đứng sau, chờ đợi, động viên mà ta từng bắt gặp trong tiếng gọi xa xăm của Lí Lan với lời tha thiết “<i>Đi đi con, hãy can đảm lên ,thế giới này là của con,bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra</i>”.	<i>Hòa Ấp</i>” qua biện pháp so sánh hiện lên thần bí, thiêng liêng nhưng lại gần gũi, gọi cho ta cảm giác thật đặc biệt như cách nhìn của tất cả con người với nơi chứa đầy tri thức cũng trang trọng mà thân thuộc biết bao. Bao nhiêu con người, bao nhiêu cảnh vật đều xa lạ, mọi thứ đều mới toanh khiến cho đứa bé non nớt ấy bỗng chốc cảm thấy lo sợ vẫn vơ để rồi lại bẽn lẽn nép sau lưng người thân như bao cô cậu học trò khác như “<i>con chim non đứng bên bờ tổ nhìn quăng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ</i>” với sự non nớt, vụng dại nhưng tràn ngập khát vọng của những cậu học sinh trước cánh cổng đường đời đầy tươi sáng, hân hoan. Nó cũng giống bao đứa trẻ ngây dại kia muốn được hòa nhập với ngôi trường, muốn được trở thành một phần của mái nhà rộng lớn ấy, có lẽ vì vậy mà ngay lúc ấy tất cả đều ao ước mình được như những học trò cũ để biết thầy biết lớp khỏi phải rụt rè trước cảnh lạ. Đoạn văn hiện ra, qua ngòi bút khơi gợi vô cùng tinh tế của nhà văn khi khai thác những rung động tâm lí trong niềm yêu thương vô bờ bến với tuổi thơ, đó là nét bồi hồi, lo âu khiến cho đôi chân cậu khựng lại, cậu chẳng có đủ can đảm để nhấc đôi chân lên sải từng bước dài về phía trước, tim đã đập loạn thành từng hồi, đôi chân run lẩy bẩy nhấc từng bước nặng trĩu tiến về phía trước. Và đỉnh điểm của sự hỗn loạn trong cậu là khi nghe ông đốc trường Mĩ Lý gọi tên từng đứa một, dường như lúc ấy cậu đã cảm thấy như tim mình ngừng đập, nặng trĩu từng mớ hỗn độn, cậu chột khóc bởi cái lạ lắm, ghen ngào khi xa vòng tay mẹ, bước vào khoảng trời mới có chút hoang mang thật xúc động, trân quý. Để rồi, người đọc dừng lại đôi chút khi tác giả chỉ khẽ đưa nét vẽ thật nhẹ qua ngôn từ trong khoảnh khắc “<i>có một bàn tay nào đó nhẹ đẩy tôi về phía trước</i>” chẳng biết là ai, người quen hay lạ nhưng đủ khiến ta xao xuyến mừng tượng ra bóng dáng người mẹ hiền từ, luôn đứng sau, chờ đợi, động viên mà ta từng bắt gặp trong tiếng gọi xa xăm của Lí Lan với lời tha thiết “<i>Đi đi con, hãy can đảm lên ,thế giới này là của con,bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra</i>”. Phải chăng, dù không gặp nhau ở một thời điểm và âm hưởng tâm tình nhưng hai tác phẩm đều ẩn chứa niềm biết ơn vô bờ dành cho người mẹ, điểm tựa

- Khi nhân vật tôi ở trong lớp học cảm giác vừa xa lạ vừa thân quen khi ngồi trong lớp học: <i>Mùi hương lạ, thấy lạ với bức hình treo trên tường, lạ nhận bàn ghế, chỗ ngồi là của mình; không hề thấy xa lạ với người bạn mới ngồi bên.</i> => Nhân vật “tôi” là cậu bé hồn nhiên, trong sáng nhưng cũng rất nhạy cảm và đã bắt đầu có ý thức về sự trưởng thành ngay trong ngày đầu tiên đi học.	lặng lẽ của cuộc đời mỗi con người mà ta chẳng thể nào quên. Và cứ thế, nhẹ nhàng, miên man cùng chất thơ của thiên truyện hình ảnh người mẹ bên nỗi lo âu, thấp thỏm, lạ lẫm hôm nào khiến cho tâm trạng cậu nặng trĩu, bồn chồn, sợ những thứ xa lạ khiến cho cậu vỡ òa khi phải vào lớp học, đôi chân cậu chẳng muốn bước tiếp, đưa trẻ còn e dè cuộc sống trường lớp mới mẻ, chênh vênh, lạc lõng giữa biển người xa lạ khiến cậu đã vỡ òa trong giây phút đầy nghẹn ngào ấy. Nhưng rồi chuyện gì đến sẽ đến và con người không ngoại trừ bất kì một ai đều phải trải qua để trưởng thành, và cuối cùng cậu bé cũng bước vào giờ học đầu tiên của mình. Cậu ngỡ ngàng, lạ lẫm với mọi thứ, tất cả đều khiến cho cậu tò mò và hứng thú từ “<i>Mùi hương lạ</i>” như thôi miên cậu tới “<i>những bức hình treo trên tường</i>” mời gọi tha thiết, cứ như thế cậu dần làm quen với môi trường mới của mình, cậu thích nghi với lớp học nhanh đến mức mà cậu chẳng dám tin là thật. Và rồi đứa bé ấy bắt đầu giờ học đầu tiên của mình, bắt đầu cho một hành trình mới tựa chú chim nhỏ “<i>liệng đến đứng bên bờ cửa sổ, hót mấy tiếng rụt rề rồi vỗ cánh bay cao</i>” đầy khao khát, ước vọng về bầu trời rộng lớn phía trước mình sẽ rải cánh, mạnh mẽ mà đi xa, xa mãi... Thời gian qua đi khiến cho con người bỏ quên nhiều thứ, lãng quên bao điều thế nhưng những kí ức về buổi đầu tiên đến trường thì không thể nào phai nhạt được, nó sẽ theo ta đến hết cuộc đời để rồi khi bồi hồi nhớ tới dĩ vãng xa xăm năm nào, lại xao xuyến vì mình cũng đã từng có khoảng thời gian như thế cũng giống khúc nhạc ngọt ngào mà Thanh Tịnh đã du hồn ta cùng “Tôi đi học” năm nao. Khiến trái tim mỗi người dù hôm nay đã lớn vẫn vẫn vương mãi không thôi nương theo dòng văn ngọt ngào tựa lời hát vịn vào tim ta: Ngày đầu tiên đi học Mẹ dắt tay đến trường Em vừa đi vừa khóc Mẹ dỗ dành bên em Ngày đầu tiên đi học Em mắt ướt nhạt nhoà Cô vỗ về an ủi Chao ôi! Sao thiết tha.



1

Nghệ thuật

- Cốt truyện đơn giản, chủ yếu là miêu tả cảnh vật và tâm trạng nhân vật
 - Sử dụng ngôn ngữ miêu tả tinh tế, giàu hình ảnh và đậm chất thơ
-

Nội dung

- Truyện ghi lại những tình cảm, cảm xúc trong sáng, chân thực của nhân vật “tôi” trong buổi đi học đầu tiên.
- Truyện gây được xúc động, đồng cảm trong mỗi người đọc.

2



GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

I. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

- Thạch Lam (1910 - 1942)
- Tên thật: Nguyễn Tường Lân
- Quê: Hà Nội
- Văn của Thạch Lam không có tiếng súng của chiến tranh hay thúc sưu thuế mạnh mẽ như những nhà văn khác nhưng nó vẫn khắc họa được tâm trạng cùng cực, đau đớn của nhân vật khi phải đối diện với hiện thực cuộc sống. Các tác phẩm của ông thường đi vào cuộc sống của những người dân nghèo, ông khai thác nội tâm nhân vật một cách sâu sắc.



Tác phẩm ✓



- **Thể loại:** Truyện ngắn
- **Phương thức biểu đạt:** tự sự
- **Ngôi kể:** ngôi thứ ba

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM



1. Đặc điểm thể loại

Truyện ngắn

- 01

-Truyện ngắn thường chỉ tập trung vào một tình huống, một chủ đề nhất định. Trong khi đó, tiểu thuyết chứa được nhiều vấn đề, phủ sóng được một diện rộng lớn của đời sống.
- 02

-Truyện ngắn thường hết sức hạn chế về nhân vật, thời gian và không gian trong truyện ngắn cũng không trải dài như tiểu thuyết. Đôi khi truyện ngắn chỉ là một khoảnh khắc của cuộc sống.
- 03

-Truyện ngắn thì gây cho người đọc một cái nút, một khúc mắc cần giải đáp. Cái nút đó càng ngày càng thắt lại đến đỉnh điểm thì đột ngột cởi tung ra, khiến người đọc hả hê, hết băn khoăn.
- 04

-Truyện ngắn có tính cô đọng và mở rộng, súc tích và ngắn. Dĩ nhiên đây không phải là chuyện dài ngắn đơn thuần, vì một truyện ngắn mười hai trang có thể chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn là một cuốn tiểu thuyết bốn trăm trang.

2. Bối cảnh của câu chuyện



Dấu hiệu bước chân mùa đông sang trong buổi sáng đầu tiên tạo nên khung cảnh thiên nhiên khác biệt, từ đó giúp nhà văn triển khai mạch kể.



Dấu hiệu bước chân mùa đông sang trong buổi sáng đầu tiên tạo nên khung cảnh thiên nhiên khác biệt, từ đó giúp nhà văn triển khai mạch kể.



Nghệ thuật miêu tả, liệt kê, lối kể chuyện nhẹ nhàng, trong trẻo quen thuộc của nhà văn đã tạo nên chất du dương, nhẹ nhàng



Nhận xét:
→ Trong cái hanh hao, giá lạnh khắc nghiệt của đầu đông tác giả khẽ khơi ra tâm trạng con người cần sự ấm áp, yêu thương

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	<i>Phố trở mình ngơ ngác sáng hôm nay Có mùa đông vừa qua đây bất chợt Chút hương thu còn bên đời yếu ớt Chiếc lá vàng cũng đã bớt lao xao</i> Men theo con đường mùa đông với phố dài xôn xao đổi lá, ta trở về trong lòng mình khi nhận ra hiện thực phũ phàng của đời sống trước chiêm nghiệm về thế giới nhân sinh cao cả. Để rồi bất chợt giây phút nào đó trái tim bỗng nhận ra tất cả những điều lớn lao, kỳ vĩ đều có thể biến đổi: sông có thể cạn, núi có thể mòn, biển cả có thể hóa nương dâu, vạn

* Thời gian: Buổi sáng đầu tiên của mùa đông. - Thiên nhiên: Trời nắng ấm và hanh, nứt lẻ đất ruộng, làm khô những chiếc lá rơi. - Thiên nhiên: đất khô trắng, Gió vi vu ... bốc lên những làn bụi nhỏ, Trời không u ám, toàn một	vật đều lụi tàn, cô quạnh trước thay đổi của dòng chảy khắc nghiệt mang tên bước chân thời gian... Điều ấy làm mỗi người hôm nay đứng trước dòng sông cuộn cuộn, trôi đi chẳng trở lại trần trở, suy nghĩ đến một điều gì lớn lao, thời gian làm chuyển dời nhiều thứ nhưng không làm tình yêu thương tan biến mà ngược lại, theo năm tháng, chúng được nhân lên gấp bội sức mạnh. Phải chăng, cũng chính vì nhận ra lẽ sống nhân sinh cao quý đó nên Thạch Lam muốn gửi lại cho thế gian tươi đẹp này thông điệp bất tử về tình yêu thương con người qua khúc nhạc dào dạt, ngọt ngào mang tên “Gió lạnh đầu mùa” – cái nắm tay truyền hơi ấm của những trái tim chỉ được sống một lần. Một chiếc lá chao nghiêng trên nền trời xanh biếc, một cánh cò vội bay hốt hoảng trong làn gió thu, một chút nắng hanh hao vội vã đi ngang qua mặt đất cũng đủ làm trái tim Thạch Lam thổn thức. Bởi, sâu thẳm trong tâm hồn người nghệ sĩ ấy vạn vật đều được gói trong cái đẹp, tình người đều ẩn chứa bao giá trị sống cao cả mà nhà văn muốn giữ lại gửi trọn vẹn nơi trang sách để lưu cùng thiên thu muôn đời. Chẳng vậy mà, chỉ cần đọc những câu văn đầu tiên của truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa” ta sẽ nhận ra ngay chất riêng thật lãng mạn, lãng đãng như mây, trong trẻo tựa gió, ngọt ngào giống mật ngọt, hoa thơm đã được ông trau chuốt, khắc tạc lên thành lời ca trong những câu truyện của mình. Để rồi, quan sát bức tranh thiên nhiên qua từng con chữ nhỏ bé, ngắn ngủi của nhà văn chợt như cũng giật mình, ngoái lại, thoáng thốt, ngậm ngùi nhận ra mùa đông đã về, về theo cách thật đặc biệt, lạnh lùng chẳng báo trước như đúng bản chất giá băng, khó ưa của nó. Đó là một buổi sáng đầu tiên của mùa đông được nhà văn khắc họa tinh tế trong từng đường nét, hơi thở, khiến ta tưởng tượng Thạch Lam đang khẽ khàng điểm từng nét đông vào trang thơ nhẹ đến mức chỉ sợ gió ào ạt, xô vỡ cả miền nhớ, cả cái ấm áp còn sót lại nơi chân trời “<i>mới ngày hôm qua giờ đây còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đất ruộng và làm giòn khô những chiếc lá rơi</i>”. Ấy vậy, thời tiết lật

màu trắng đục, Những cây lan sắt lại vì rét. → NT: Miêu tả, liệt kê... ➔ Trong cái hanh hao, giá lạnh khắc nghiệt của đầu đông. Con người cần sự ấm áp.	mặt, vô tình ngay khi “<i>chỉ sau một đêm mưa rào, trời bắt đầu nổi gió bắc, rồi cái lạnh ở đâu đến khiến con người tưởng rằng mình đang ở giữa mùa đông rét mướt</i>”, khiến ta giật mình như ngộ ra ẩn ý mà tác giả gửi gắm trong từng trang văn về sự khắc nghiệt của thời gian, về ngắn ngủi của đời người mới mơn mơn như gió Xuân, rạo rực trước nắng hạ ngay đó thôi đã già mà cô đơn tựa lá mùa Đông khô héo. Để rồi, mượn bức hoạ nơi đất trời chớm lạnh ấy Thạch Lam khéo léo xây dựng bối cảnh câu truyện theo cách thật tinh tế qua từng cử chỉ, hành động và không gian nơi nhân vật sống, bằng bút pháp miêu tả, liệt kê nhà văn đã làm nổi bật hình ảnh khác biệt nơi một câu bé “<i>Son tung chăn tỉnh dậy, cậu thấy mọi người trong nhà, mẹ và chị đã trở dậy, ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống. Mọi người đều “đã mặc áo rét cả rồi”</i>”. Ở ngoài sân “<i>Gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lăn những cái lá khô lạo xạo. Bầu trời không u ám, toàn một màu trắng đục</i>”. Còn những cây lan trong chậu “<i>lá rung động và hình như sắt lại vì rét</i>”. Cái nhìn trẻ thơ trước khung cảnh mùa đông đã về đủ khiến bất kỳ một người lớn nào cũng phải nao lòng, thồn thức hoá ra trước ánh mắt long lanh, tươi xanh nhìn đời của chúng mùa Đông hiện về cũng đầy thẳng thốt, ngỗ ngàng, ngỗ ngàng như chính cuộc sống vốn chẳng công bằng khi gió lửa, sương lạnh phủ đầy con đường lạnh là phủ lên cả biết bao số phận thiệt thòi mỗi phút sợ hãi đầu trời với từng hơi thở của kẻ vô cảm mang tên mùa đông đang bước sang kia. Khiến ta chợt nhận ra trong cái hanh hao, giá lạnh khắc nghiệt của đầu đông, còn đâu đó rất nhiều con người đang mong chờ sự ấm áp, sẽ chia từ chính chúng ta hôm nay.

3. Nhân vật “Sơn” và những người mẹ trong truyện



Son là một cậu bé nhân hậu sống tình cảm. Là một cậu bé hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng, ngoan ngoãn và vô cùng hiểu chuyện.

Hình ảnh người mẹ hiện lên tràn đầy tình yêu thương con, giàu nhân ái và tự trọng là điểm sáng giáo dục nên những đứa trẻ có nhân cách cao cả

Cách xây dựng tình huống truyện độc đáo, nhân vật mang màu sắc riêng, lối kể hấp dẫn khác hoạ được sâu sắc tâm lí nhân vật

Nhận xét:

Thạch Lam đã xây dựng lên những nhân vật điển hình, đẹp đẽ, từ đó ca ngợi tình yêu thương chia sẻ ấm áp, trong trẻo của con người với con người.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
a. Nhân vật Son *Khi nói chuyện với các bạn +Quan sát về các bạn: - Các bạn mặc không khác gì mọi ngày, những bộ quần áo nâu đã vá nhiều chỗ; môi chúng tím tái, da thịt thâm đi, người run lên, hàm răng va đập vào nhau; - Chúng vui mừng khi thấy chị em Son, nhưng vẫn đứng xa, không dám vồ vập;	Tuổi thơ của mỗi đứa trẻ tựa câu chuyện cổ tích đầy mộng mơ, tươi đẹp mà ở đó kí ức trở thành miền nhớ vô giá chẳng thể mua lại bằng bạc vàng kim cương. Thế nhưng, đâu phải đứa trẻ nào sinh ra trên đời cũng sống trong nhung lụa, cao sang, đủ đầy vật chất mà còn ở đó rất nhiều thân phận nhỏ bé như chiếc lá non chột rừng mình khi cơn gió lạnh gõ cửa, thổi qua. Bởi vậy, đọc từng câu chữ như biết nói, biết thương, biết cảm, biết yêu của Thạch Lam mà lòng ta bỗng nhẹ lại, nghẹn ngào lâng lâng bao cảm xúc về số phận nghèo của những đứa trẻ trong xóm chợ về tình thương trân thành và nhân ái được toát lên từ câu bé Son khiến bạn đọc học được cách thấu hiểu trẻ thơ trọn vẹn, đủ đầy. Khung truyện mở ra, lé lộ nơi buổi sáng sớm ngủ dậy khi gió lạnh đầu mùa đã thổi về, trời trắng đục, gió vi vu, khóm lan trong chậu <i>‘rung động và hình như sắp lại vì rét’</i>. Son cũng thấy lạnh, em kéo chăn lên đầu rồi cất tiếng gọi mẹ. Một chén nước nóng mẹ đưa cho em <i>‘áp vào mặt, vào má cho ấm’</i>, một chiếc áo dạ chỉ đỏ lẫn áo vệ sinh, ngoài lại phủ cái áo vải thâm, em mặc vào, đứng trên giường quay đi quay lại bốn lần để mẹ ngắm... Những chi tiết ấy cho biết Son còn bé nhỏ, ngây thơ, em rất được mẹ yêu. Không một tiếng khóc, một lời vờ vĩnh, Son đã cùng chị Lan đi chơi vì em biết lũ bạn con nhà nghèo xóm lán <i>‘đang đợi mình ở cuối chợ để đánh khăng, đánh đáo’</i>. Gặp các bạn, khi chúng nó đến ngắm cái áo

+Thái độ và hành động: Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa, chứ không kiêu kì và khinh khỉnh như các em họ của Sơn. +Quan sát về Hiên: Hiên co ro đứng bên cột quán”, chỉ mặc có “manh áo rách tả tơi hở cả lưng và tay”; +Ý nghĩ: Sơn chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề mò cua bắt ốc; động lòng thương; Một ý nghĩ tốt thoáng qua trong trí. +Lời nói: “Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.” + Tâm trạng khi đợi chị về lấy áo: “Lòng tự nhiên thấy ấm áp, vui vui.” *Thái độ khi về nhà : +Tâm trạng: lo sợ bị mẹ mắng. +Hành động: vội vã đi tìm hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ. ➔ Về NT xây dựng nv: NV Sơn được xây dựng qua nhiều phương diện như hành động, lời nói nhưng chủ yếu qua tâm trạng, cảm xúc ➔ Về đặc điểm tính cách NV: - Sơn là một cậu bé nhân hậu sống tình cảm. - Là một cậu bé hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng.	đẹp của Sơn, em cũng hồn nhiên ngây thơ như bất cứ đứa trẻ con nào, Sơn cũng ‘uốn ngược’ khoe áo mới: <i>‘Mẹ tôi còn hẹn mua cho tôi một chiếc áo nhiều tiền hơn nữa kia’</i>. Đúng là tâm lí đáng yêu: <i>‘Già được bát canh, trẻ được manh áo mới’</i>. Song, có lẽ không vì thế mà nhân vật Sơn chạm tới trái tim chúng ta những cảm xúc tha thiết, ngân nga! Bởi hơn vậy, cậu đã sống dậy trong ta cảm tưởng trong sáng về thuở còn hồn nhiên vô tư ấy khi nghe trong hồn những reo vui theo khúc nhạc lòng của cậu bé hãnh diện khoe áo với bạn bè! Giống như khi mỗi người khi nhớ lại năm tháng ấu thơ của mình, sau xa ta còn nghe thấy ở Sơn những nhịp đập con tim đầy xúc cảm rất đáng trân trọng vì bắt gặp ở em bao nét đẹp của tình người. Tình người ấy, ẩn lấp ngay trong hành động rất nhỏ, giản đơn nơi cánh tay Sơn chăm chút <i>‘kéo chần lên đắp cho em’</i> đang ngủ. Khi mẹ giơ cái áo bông cánh cũ của em Duyên – đã chết năm lên bốn tuổi – <i>‘Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá’</i>. Những cử chỉ ấy, những cảm xúc ấy cho thấy Sơn có một tâm hồn rất đẹp, rất trong sáng, còn bé nhỏ đã biết quan tâm săn sóc đến mọi người xung quanh, biết yêu cái thiện, hướng tới giá trị của tình thương cao cả. Em rất yêu mẹ, vâng lời mẹ, lễ phép với ngay cả người vú già chỉ là người giúp việc trong nhà, biết tôn trọng chị. Có lẽ, ẩn sau trong đứa trẻ ấy, nhà văn đang lên tiếng ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng, sự chăm sóc, dạy dỗ làm nên một tâm hồn trong trẻo, tha thiết và dào dạt với cuộc sống thật quý giá. Thế nên, sự dạy dỗ ấy đã được khắc họa rất rõ ngay trong cái cách ứng xử của cậu với mọi người, khác hẳn với mấy đứa em họ của Sơn thì <i>‘kiêu kì và khinh khỉnh’</i> với các bạn, trái lại Sơn và chị Lan rất chan hòa với chúng. Vì thế mới thấy chị em Sơn đến, chúng nó <i>‘lộ vẻ vui mừng’</i>. Gặp bạn, buổi sớm trong gió lạnh đầu mùa, cái nhìn của Sơn đối với bạn nhỏ, những thằng Cúc, thằng Xuân, con Tí, con Túc,... là cái nhìn yêu thương, cảm thông với cảnh nghèo của bạn. Trời lạnh mà chúng nó vẫn <i>‘ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo nâu bạc đã rách và nhiều chỗ’</i>, và <i>‘môi chúng nó tím lại...’</i>, chỗ áo quần rách ‘da

b. Nhân vật người mẹ: - Mẹ Sơn: + Dạy dỗ con nên người , giáo dục con một cách đầy nhân hậu và yêu thương	<i>thịt thâm đi</i>’. Mỗi lần làn gió lạnh thổi qua, các bạn nhỏ của Sơn <i>‘lại run lên’</i> và <i>‘hai hàm răng đập vào nhau’</i>. Biết quan tâm tới đồng loại, biết san sẻ, cảm thông với bạn bè chỉ có ở những trái tim nhân ái, những tấm lòng nhân hậu. Sơn đã chơi, đã sống với bạn bằng trái tim nhân ái, bằng tấm lòng nhân hậu như thế! Tình thương và sự quan tâm của Sơn đối với bạn còn được thể hiện bằng những cử chỉ, hành động cụ thể khi nhận ra cái Hiên, đưa con gái bên hàng xóm chơi với Lan và Duyên <i>“co ro đứng bên cột quán”</i> bầu vúi nơi góc nhỏ để trốn cái lạnh đầu mùa tàn nhẫn, khắc nghiệt, mà thân hình nhỏ bé ấy chỉ mặc có <i>“manh áo rách tả tơi hở cả lưng và tay”</i>, trong khoảnh khắc ấy ánh mắt cậu chột ngỡ ngàng ngộ ra không phải ai cũng may mắn như mình, bấy giờ Sơn mới chột nhớ <i>“mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề mò cua bắt ốc thì lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa”</i>. Và từ ánh mắt bắt ngờ hướng về người bạn nhỏ ấy Sơn đã <i>‘động lòng thương’</i> nảy lên <i>‘ý nghĩ tốt thoáng qua’</i>, để rồi hoá tình yêu thương kia thành lời nói, hành động chân thành Sơn đã nói thầm với chị Lan về lấy chiếc áo bông cũ của em Duyên đem cho cái Hiên mặc khi gió lạnh đầu mùa đã thổi về. Chỉ loé lên vội vàng nơi trái tim và tưởng tượng cảnh Hiên mặc chiếc áo ấm thôi Sơn đã thấy lòng mình <i>‘ấm áp vui vui’</i>. Sao không <i>‘ấm áp vui vui’</i> được vì một miếng khi đói bằng một gói khi no, là cánh tay chia sẻ của một trái tim đủ giàu có tình thương dành cho đời mà ngoài kia bao người lớn còn thiếu, thờ ơ, vô cảm. Đâu phải là một sự bố thí ban ơn! Đó hơn cả còn chứa đựng một nghĩa cử san sẻ hơn cả tình bạn còn ẩn chứa tình thương đồng loại <i>“lá lành đùm lá rách”</i> khiến mỗi chúng ta cúi đầu cảm phục, nâng niu. Tình người đáng giá bao nhiêu, niềm tin mạnh mẽ nhường nào, sự sẻ chia cần nâng niu ra sao? Có lẽ đều là những bài học ta đã được dạy ngay từ thuở ấu thơ, lọt lòng từ câu hát ầu ơ của bà, của mẹ. Chẳng vậy mà, nếu có mĩ từ nào để nói về những người phụ nữ ấy có lẽ ta chỉ có thể khẳng định thành công của một người mẹ chính là khoảnh khắc giáo dục lên một người con tốt, giàu nhân ái, tràn ngập

+ Cho mẹ Hiên mượn tiền để may áo cho Hiên. -> Cách ứng xử của một người mẹ vừa nghiêm khắc, vừa ấm áp yêu thương -> Cách ứng xử của một người nhân hậu, tế nhị. <i>Tấm lòng, việc làm của mẹ Sơn khiến câu chuyện viết về thời điểm gió lạnh đầu mùa nhưng thom thảo, ấm áp tình người).</i> - Mẹ Hiên: <i>Mang trả mẹ Sơn chiếc áo bông</i> -> Cách ứng xử thể hiện đức tính "đói cho sạch, rách cho thơm" của một người mẹ tuy nghèo nhưng giàu lòng tự trọng. ➔ Thạch Lam đã khắc họa được những đức tính tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam thông qua hình tượng người mẹ trong "Gió lạnh đầu mùa" sống sống mãi bất tử trong tim ta thồn thức tới tận ngày hôm nay...	yêu thương với đời. Nếu đúng như vậy, thì những người mẹ trong tác phẩm của Thạch Lam quả như một bức tượng đài thiêng liêng, bất tử mãi trong lòng ta về những hành xử đáng ngưỡng mộ, giàu ý nghĩa nhân văn. Thế nên, hai đứa trẻ đó chính là kết quả từ tình yêu thương, từ sự giáo dục tốt của mẹ cha. Đúng vậy, làm sao mà một đứa trẻ có thể không tốt đẹp khi chúng có một người mẹ nhân hậu và đầy yêu thương. Người mẹ trong tác phẩm yêu thương con hết mực, mẹ luôn quan tâm chăm lo tới đời sống vật chất và tinh thần của con. Thậm chí, khi biết các con mang áo tặng bạn, người mẹ đã khen ngợi để khích lệ các con mình, tấm lòng, việc làm của mẹ Sơn khiến câu chuyện viết về thời điểm gió lạnh đầu mùa nhưng thom thảo, ấm áp tình người. Người mẹ ấy còn rất tinh tế khi biết nghĩ tới cảm nhận của người khác mà sẵn sàng đưa mẹ Hiên mượn 5 đồng may áo cho con, cảm nhận để thấu hiểu nỗi đau với mẹ Hiên một người mẹ nghèo, mò cua bắt ốc, chẳng thể mua nổi chiếc áo khi đông về ủa vào thân thể nhỏ bé của đứa trẻ mà mình sinh ra, trái tim ấy có lẽ đã từng hồ thẹn, đau đớn, bóp nghẹn đầy xót xa, thế nhưng khi biết chiếc áo bông Hiên mặc được chị em Sơn lên đem cho, người phụ nữ ấy đã <i>“mang áo đến trả cho mẹ Sơn”</i>, đó là hành động của một con người giàu lòng tự trọng, nhân cách cao quý. Để rồi, hai bà mẹ hiện lên giữa một xã hội rối ren, con người Việt Nam vẫn luôn đùm bọc yêu thương nhau. Những lớp người trẻ được học cách yêu thương, sẽ chia từ chính người mẹ của mình. Thạch Lam đã khắc họa được những đức tính tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam thông qua hình tượng người mẹ trong <i>"Gió lạnh đầu mùa"</i> sống sống mãi bất tử trong tim ta thồn thức tới tận ngày hôm nay... Mỗi tác phẩm văn học xuất sắc giống như một <i>tảng băng trôi</i> (Hê-minh-uê) ôm chứa trong lòng nó biết bao giá trị tiềm ẩn. Những chi tiết đắt giá có ý nghĩa như tấm gương soi giúp người đọc nhìn thấu vẻ đẹp và giá trị tiềm ẩn đó, và với nhiều chi tiết đắt giá cùng cốt truyện độc đáo, chất trữ tình tha thiết “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam đã đi qua một hành trình dài đằng đẵng, bụi thời gian đã phủ dày

	lên mọi vật trên cuộc đời này, thế nhưng sức sống cùng vẻ đẹp nhân sinh mà nhà văn đã gửi vào trang truyện thì vẫn tỏa sáng. “ <i>Gió lạnh đầu mùa</i> ” từ đó giống như một chiếc vốc nhỏ bé mong manh song lấp lánh sắc màu và từ đó ngân lên những tiếng thì thầm của đại dương sâu thẳm, ngân lên những khúc ca về cuộc sống, tình yêu thương và khát vọng sống ấm áp muôn đời.



1

Nghệ thuật

- Xây dựng cốt truyện nhẹ nhàng nhưng hấp dẫn; bố cục theo dòng cảm xúc của nhân vật.
- Cách xây dựng nhân vật qua nhiều phương diện.
- Sự quan sát, lối miêu tả tinh tế để tái hiện sự đổi thay của thời tiết, cảnh vật lúc giao mùa đồng thời thể hiện được tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của nhân vật Sơn

Nội dung

Truyện kể về những con người trong xóm chợ khi gió lạnh đầu mùa về. Qua đó, Thạch Lam ca ngợi tình yêu thương chia sẻ ấm áp, trong trẻo của con người với con người.

2



NẮNG MỚI

I. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

- Lưu Trọng Lư (19/6/1911–10/8/1991), là một nhà thơ, nhà văn, nhà soạn kịch Việt Nam.
- Quê quán: làng Cao Hạ, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Phong cách nghệ thuật: giọng thơ trong trẻo, ý thơ tinh tế
- **Tác phẩm chính:** *Khởi lam chiều*, *Tiếng thu* (1939); *Tỏa sáng đôi bờ* (1959); *Người con gái sông Gianh* (1966)



Tác giả ✓



- **Xuất xứ:** Trích từ tập thơ “Tiếng thu”
- **Thể thơ:** thơ bảy chữ
- **PTBD:** Biểu cảm (Tự sự, miêu tả)
- **Mạch cảm xúc:** Đan xen hiện tại và quá khứ.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM



1. Đặc điểm thể loại

Thơ bảy chữ

Thơ bảy chữ là thể thơ mỗi dòng có 7 chữ. Các dòng trong bài thơ thường ngắt nhịp 4/3, cũng có khi bắt nhịp $\frac{3}{4}$. Cách ngắt nhịp còn phụ thuộc vào nghĩa của câu thơ, dòng thơ.

Bài thơ sáu chữ hoặc 7 chữ thường có nhiều vần. Vần thường là vần chân (được gieo ở cuối dòng thơ thứ nhất, thứ hai, thứ tư ở mỗi khổ), có thể gieo vần liền hoặc cách.

2. Bức tranh thiên nhiên nắng mới



Không gian, thời gian của kỉ niệm xưa cũ, của ấu thơ tươi đẹp nơi nền nắng mới khẽ ươm vàng kí ức ngọt ngào của thi sĩ bên mẹ.



Tâm trạng thi nhân buồn quạnh hiu xa vắng, nhớ thương những kỉ niệm thuở ấu thơ nơi bóng dáng người mẹ quên trong hình ảnh quê hương thân thương.



Nghệ thuật sử dụng từ láy, nhịp thơ trầm buồn vương vấn nhớ thương, cách sử dụng từ ngữ độc đáo, ẩn tượng.



Nhận xét:

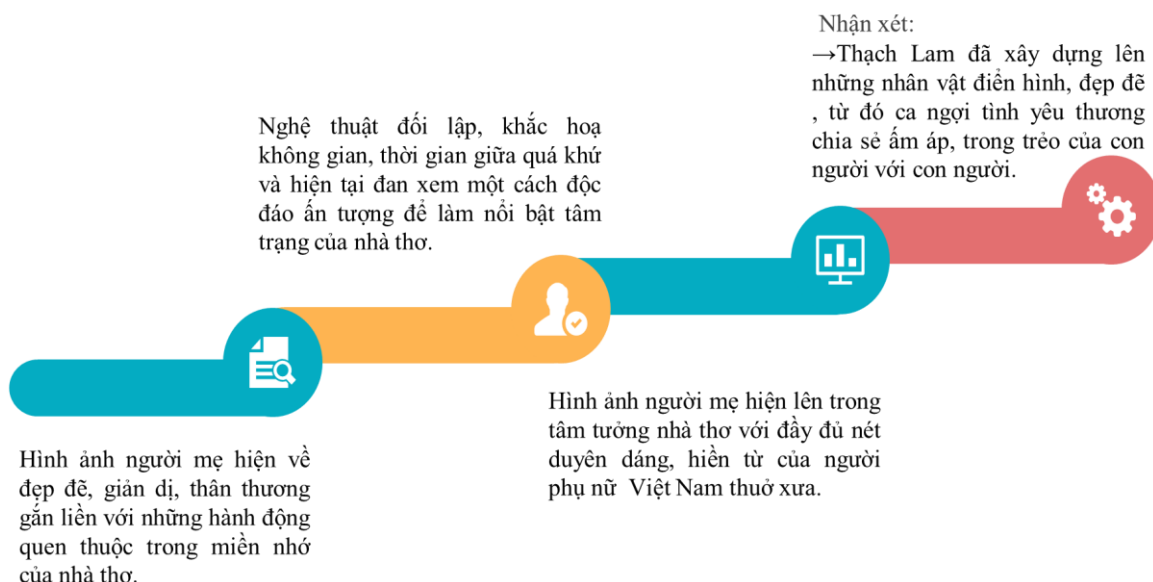
→ Khơi gợi bức tranh thiên nhiên tươi đẹp trong kí ức từ đó nhà thơ men theo dòng cảm xúc hoài niệm về hình ảnh người mẹ năm xưa.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Có ai đó đã từng nói “<i>Thơ đòi cô đúc để rồi trong một phút nổ ra như tiếng sét</i>”, phải chăng, sự cô đúc chính là nhãn tự trong thơ, là cái thần của ngôn ngữ. Nó được chấp nhận từ những giọt rớt giọt rơi của cung đàn nghệ sĩ, từ những tí tách lắt động trong đôi mắt trong vắt tình ngư ời và là một nốt lặng giữa cuộc sống đầy xô bồ ngoài kia để tạo nên giếng ngọc thơ ca dâng đời. Kì diệu làm sao khi cảm xúc được ngân thành nhạc, khi tiếng lòng ta được soi bóng trong mảnh hồn thơ ca, mà mảnh hồn ấy được Lưu Trọng Lư thể hiện rõ nét nhất trong bài thơ “Nắng mới” đầy tha thiết tâm tình về người mẹ năm xưa luôn trong trái tim mình. Có những bài thơ khi đi qua đời ta, giản dị và mong manh, với những nhịp đập rất mực mảnh mai

-Thời gian: <i>Hiện tại, buổi trưa buồn bên song cửa</i> : Bình dị nhưng đủ sức lay động lòng người -Không gian: <i>Nắng hắt bên song, Âm thanh tiếng gà xao xác, náo nùng</i> : Không gian hiu hắt ➔ Dùng từ đặc sắc: + hắt: => Gọi không gian hiu hắt, vắng lặng. - Từ láy “xao xác”, “náo nùng” diễn tả âm thanh xao động. Tiếng gà nhấn mạnh sự vắng lặng của không gian, lấy động để tả tĩnh.	êm ái của trái tim, những rung động mơ hồ của cảm xúc...nhưng đã để lại trong ta một nốt nhấn cứ ngân nga, ngân nga mãi... Những nốt nhấn cảm xúc ấy đeo đẳng, ám ảnh suốt một đời, làm ta xúc động và trăn trở. Phải chăng đó là những câu thơ hay, những câu thơ đã đạt được những phẩm chất đích thực và phải chăng đó cũng chính là những day dứt bản khoăn của người nghệ sĩ suốt một đời sống chết với thơ? Nếu đúng như thế thì Lưu Trọng Lư đã đem đến cho ta giây phút ông sống hết mình nơi bầu trời “nắng mới” tinh khôi năm nào đầy tha thiết, ngọt ngào bên khung cảnh thiên nhiên làng quê bình dị trải dài theo mạch cảm xúc, kết cấu đan xen giữa quá khứ và hiện tại như một hồi ức về người mẹ thân yêu của nhà thơ. Không cần phải là “yên ba giang thượng” như của Thôi Hiệu, cũng không phải là cái ám ảnh “<i>chiều chiều ra đứng ngõ sau</i>” trong <i>ca dao</i>, mà không gian, thời gian nghệ thuật ở đây chỉ là một buổi trưa buồn bên song cửa. Bình dị nhưng cũng đủ sức lay động lòng người con nhớ mẹ “<i>ruột đau chín chiều</i>”. Trong tiếng gà trưa xao xác, kỉ niệm chợt ùa về, đọng đầy trong nỗi nhớ – khúc dạo đầu cất lên đã nghe dịu dặt vang ngân một nỗi buồn man mác, thiết tha: <i>“Mỗi lần nắng mới hắt lên song Xao xác gà trưa gáy náo nùng Lòng rười rượi buồn theo thời dĩ vãng Chập chờn sống lại những ngày không”.</i> Bức tranh được Lưu Trọng Lư vẽ lên bằng đường nét thanh sơ, giản dị trong dòng chảy thời gian đầy hoài niệm trong niềm nhớ xa xăm từ hiện tại trở về “dĩ vãng” nơi buổi trưa hè bên song cửa hôm nao khiến ta cũng đủ nghiêng chao tâm hồn theo nắng mà trở lại cùng dòng kí ức êm đềm của nhà thơ với không gian xưa cũ. Một không gian “<i>nắng hắt bên song</i>” có phần gắt với ba thanh trắc liền ghim lại khiến câu thơ đến đây chợt chùng hẫng xuống, nặng trĩu một tâm trạng xa vắng sao quá đỗi hiu quạnh, nắng không rực rỡ tươi vui mà chỉ thoáng “<i>hắt</i>” bóng, nhẹ, vàng vọt, ươm màu mơ màng đẹp mà buồn quá. Chỉ một từ “<i>hắt</i>” cả không gian một màu ảm đạm, một màu hoài niệm...Ở đây nghệ thuật lấy động tả tĩnh được tác giả sử dụng rất thành công, cái động của “<i>tiếng gà trưa</i>

Cách ngắt nhịp 2/2/3 thể hiện cảm xúc trầm buồn, nhớ thương. - Từ láy “chập chờn” thể hiện những hình ảnh trong quá khứ dần hiện lên trong tâm trí của nhân vật trữ tình. <i>-Tâm trạng: Xao xác, náo nùng, lòng rượi buồn, chập chờn sống lại: buồn quạnh hiu xa vắng, nhớ thương những kỉ niệm thuở ấu thơ.</i>	<i>xao xác” mà “náo nùng” cùng với nhịp thơ 2/2/3</i> trầm buồn, nhớ thương chỉ làm rõ thêm cái tĩnh, cái mông lung mà thôi. Nói là “<i>Chập chờn sống lại</i>” đây thôi nhưng có lẽ nhà thơ nhớ rõ lắm, phải nhớ rõ đến nỗi “<i>màu áo đỏ tươi rục rũ</i>” hiện lên chân thực như mới ngày hôm qua dịu dàng bước vào cả vào trang thơ mà lưu màu lưu giữ những kỉ niệm không thể xóa nhòa trong lòng tác giả. Do đó, từ “<i>nắng mới</i>” trong tựa lại đề một lần nữa được chọn để mở đầu bài thơ như một sợi dây liên khúc, một nhịp cầu nối về quá khứ xa xưa. Cộng hưởng với màu sắc mới ấy còn có một âm thanh, cùng quen thuộc và buồn không kém là tiếng gà trưa <i>xao xác náo nùng</i>. Để rồi “<i>Mỗi lần</i>” giọt tinh khôi ấy mới khẽ cựa mình sống dậy thi nhân lại nhắc nhở dòng kỉ niệm mà dâng lên thăm thăm yêu thương từ lời thơ viết giản dị, tự nhiên, không một chút cầu kỳ, gọt giũa đúng như Hoài Thanh đã nhận định: “<i>Lưu để lòng mình tràn lan trên mặt giấy</i>” nhưng vẫn sức lay động lạ kỳ. Kỉ niệm ulla vẽ, lung linh trong màu nắng mới, đánh thức dậy trong tâm hồn nhà thơ cả một thời dĩ vãng tưởng đã nhạt nhòa: <i>“Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng Chập chờn sống lại những ngày không”.</i> Hiện tại trước mắt mờ dần, nhường chỗ cho quá khứ tràn về nơi nhịp cầu đã bắc, hoài niệm mênh mang, trái tim thổn thức đầy yêu thương nập sẵn trong lòng thi nhân chỉ chợt ulla ra thành thơ mà thôi, biến “<i>Những ngày không</i>” phải chăng là những ngày ấu thơ, khi tác giả còn nhỏ, lòng chưa vướng bận điều gì, “không” buồn đượm, lo âu, sầu lắng. Vậy tại sao nó lại khắc sâu trong tâm khảm nhà thơ đến vậy? Bởi vì “<i>những ngày không</i>” ấy đã in dấu một kỷ niệm hay hình ảnh một người nào đó chẳng thể phai pha theo thời gian, năm tháng của thi sĩ mộng mơ trước đời, trước nền sống vội vã, với bao vụn vỡ, lo âu trong bước đi thời gian vô định này. Bài thơ vì thế mà cũng mênh mang, buồn xa thẳm, chênh vênh rót vào tim ta những khắc khoải thật khó nói lên lời...

3. Nỗi nhớ của nhà thơ



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
*Hình ảnh người mẹ - Mẹ đưa áo đỏ ra dậu phơi mỗi khi có nắng mới về=>Kí ức về mẹ gắn liền với hình ảnh mẹ phơi áo trước giậu mỗi lần nắng mới	Theo dòng thời gian cuộn chảy, thế sự tuy bao lần hưng vong, giang sơn tuy bao lần đổi chủ nhưng những gì đã thuộc về vũ trụ thì vĩnh cửu, không bao giờ đổi thay. Chẳng thế mà, quy luật tự nhiên của thời gian không gì có thể đổi thay được. Mùa xuân là mùa khởi đầu cho một năm mới, mùa của sự hồi sinh, mùa dâng tràn yêu thương của đất trời và của lòng người và có lẽ mùa xuân cũng trở thành điểm tựa để những giọt tinh khôi hé rạng trên trang thơ của Lưu Trọng Lư nơi âm hưởng dạt dào của mạch thơ liên tục, trải dài để chuyển hoàn toàn về quá khứ. Thuyền hồn đã cập bến “ngày xưa”, câu chuyện cổ tích về một người mẹ đã bắt đầu: <i>“Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời Lúc người còn sống, tôi lên mười Môi lần nắng mới reo ngoài nội Áo đỏ Người đưa trước giậu phơi”.</i> Chỉ từ một nét “<i>nắng mới hắt bên song</i>” cùng biện pháp đối lập thi sĩ nương theo vệt ấm của mùa xuân gợi nhớ “<i>nắng mới reo ngoài nội</i>”, nhớ chiếc áo hong mình trước giậu, nhớ dáng mẹ mang áo rét ra phơi, nhớ hình ảnh cất đi dành cho mùa rét tới. Bóng dáng của hoài niệm này mới náo nức, mới tươi vui làm sao, nó gắn với một cậu bé lên mười, với một người mẹ chăm chút, hiền dịu... cứ thế, nỗi nhớ này một thành hình, rõ nét hơn. Dù có tả nhưng khổ thơ thứ hai vẫn thiên về xác định thời điểm, địa điểm, chỉ đến khổ thơ

- Đối lập trong hình ảnh: Nắng mới hắt bên song >< Nắng mới reo ngoài nội

=> Qua cách nói dường như đang cố nén niềm thương nhớ chỉ chực dâng trào, ta chợt hiểu ra và đồng cảm sâu sắc với nỗi buồn của tác giả: người mẹ ấy không còn nữa và tất cả những gì nhà thơ còn nhớ về mẹ chỉ là chút kỷ niệm nhạt nhòa đọng lại trong tâm hồn non nớt, thơ ngây của đứa trẻ lên mười

- **Nét cười đen nhánh trong ánh trưa hè**

=> Chân dung bà mẹ hiện lên không phải “miệng” cười vì cái

cuối cảnh và tình mới thật quẩn quýt. Hình ảnh người mẹ thân yêu của tác giả hiện lên, lúc đầu còn mờ nhạt nhưng càng về sau càng rõ nét và choáng đầy tâm trí. Qua cách nói dường như đang cố nén niềm thương nhớ chỉ chực dâng trào, ta chợt hiểu ra và đồng cảm sâu sắc với nỗi buồn của tác giả: người mẹ ấy không còn nữa và tất cả những gì nhà thơ còn nhớ về mẹ chỉ là chút kỷ niệm nhạt nhòa đọng lại trong tâm hồn non nớt, thơ ngây của đứa trẻ lên mười. Chẳng vậy mà, đến đây ta mới hiểu “*nắng mới*” là cái nắng mỗi độ xuân về, khi mẹ tác giả thường mang áo ra phơi để áo thơm mùi nắng sau những ngày đông rét mướt. Nắng thì năm nào chẳng có, sao gọi là “*mới*”? Nhưng như người ta thường chờ ngày mùa để ăn “*gạo mới*”, lòng trẻ vồn náo nức chờ mong ngày nắng lại về, để cùng mẹ phơi áo bên giậu thưa. Cũng là hình ảnh ấy nhưng cái nắng của quá khứ không buồn bã mà tràn đầy sức sống, niềm vui “*reo ngoài nội*” vì đó là nắng của những ngày còn mẹ, “*reo*” lạnh lớt, tươi vui khiến câu thơ chợt bùng lên sức sống mãnh liệt của tình yêu thương tha thiết, cháy bỏng ngân dài cùng năm tháng. Để rồi cứ thế theo giọt xuân long lanh hình ảnh người mẹ chưa hiện lên trực tiếp mà chỉ thấp thoáng, lung linh sau màu áo đỏ, sau lưng giậu nhưng đã gây một ấn tượng mạnh mẽ trong lòng người đọc. Đó có lẽ cũng là hình ảnh đẹp đẽ nhất, trù mền thương yêu nhất mà nhà thơ còn lưu giữ, khắc sâu trong tâm trí, cũng nhờ màu đỏ ấy mà việc phơi áo của mẹ càng trở thành một điểm son trong nỗi nhớ về tuổi thơ, trở thành kỉ niệm trong sáng, làm ấm nóng một tâm hồn lạnh lẽo khi phiêu dạt về kí ức xưa cũ lúc còn mẹ trong:

“Hình dáng mẹ tôi chưa xóa mờ

Hãy còn mừng tượng lúc vào ra

Nét cười đen nhánh sau tay áo

Trong ánh trưa hè trước giậu thưa”.

Gió thổi, mây trôi, nắng thoảng vài giọt mưa rơi đủ làm thi nhân trôi lòng thương nhớ, chẳng vậy mà tâm hồn Lưu Trọng Lư giờ đây trôi về miền kí ức đã nhanh chóng bùng tỉnh quay về hiện tại, nhà thơ sức tỉnh nhưng vẫn chưa hết thẩn thức, bồi hồi. Hình ảnh người mẹ vẫn còn đó, nơi đồng nội, giậu phơi, nơi

cười ấy rất kín đáo, rất nhẹ, rất nhanh, rất khẽ dường như chỉ lướt qua trên khuôn mặt chứ chưa kịp đọng lại thành một nụ cười

=> Tái hiện ấn tượng hình ảnh người mẹ và tình cảm của nhà thơ.

Hình ảnh người mẹ: hình ảnh người mẹ hiện lên trong tâm tưởng nhà thơ với đầy đủ nét duyên dáng, hiền từ của người phụ nữ Việt Nam thuở xưa.

➔ **Tình cảm của nhà thơ:** Thôn thức, bồi hồi nhớ thương mẹ.

hiên nhà, song cửa... Dường như đâu đâu cũng in bóng dáng mẹ, vương hơi ấm của mẹ nên nổi nhớ lúc nào cùng chỉ chực dâng trào. Và phải chăng “nắng mới” chỉ như cái cớ, chỉ là giọt nước làm tràn đầy ly thương nhớ để rồi mượn ảo ảnh năm nào đã qua về mẹ thi sĩ khép lại trang lòng tâm trạng của mình bằng hình ảnh “*nét cười đen nhánh*”, như một nốt lặng cuối bản nhạc để dư ba, dư vị của ý thơ còn lan tỏa mãi trong lòng người đọc. Chân dung bà mẹ hiện lên không phải “miệng” cười vì cái cười ấy rất kín đáo, rất nhẹ, rất nhanh, rất khẽ dường như chỉ lướt qua trên khuôn mặt chứ chưa kịp đọng lại thành một nụ cười, mà lại là “*nét cười đen nhánh*” nữa! Hình ảnh thơ bổng sắc, bổng lấp lánh, đẹp đẽ, bay bổng hơn trong không gian của mùa xuân chớm nắng. Đây phải chăng là chi tiết duy nhất miêu tả người mẹ nhưng nó cũng là điểm son hội tụ tất cả cái hồn của bức ảnh trọn vẹn, đầy đủ nhất được nhà thơ lưu giữ trong tim mình. Để từ đó, lòng ta yêu thơ, say thơ mà nhận ra Lưu Trọng Lư không nói thẳng như Hoàng Cầm về chân dung người phụ nữ với dáng điệu trao veo nơi:

*“Những cô hàng xén răng đen
Cười như mùa thu tỏa nắng”.*

(Bên kia sông Đuống)

Mà lại “đi tắt” để tạo nên một kết hợp từ độc đáo và thú vị, hay nói theo cách của Hoài Thanh: “*câu thơ mất đi một tí rõ ràng để được thêm rất nhiều mơ mộng*” mà đưa hình ảnh “*tay áo*” đầy “*nét cười*” ra phía sau, tạo nên độ sâu cho bức tranh, đồng thời tăng thêm sức duyên dáng, gợi cảm cho người mẹ của thi sĩ. Có lẽ, trong những giây phút xuất thần của người họa sĩ – thi sĩ Lưu Trọng Lư, ta chợt bắt gặp trong hình ảnh giữa xuân một cái gì rất đời thân quen như của mẹ ta mà cùng là của tất cả những người phụ nữ Việt Nam thầm lặng hy sinh, thương yêu, chăm sóc chồng con suốt cả cuộc đời, là tiếng lòng thôn thức của thi nhân hòa theo tiếng thôn thức của lòng ta đến trọn cuộc đời.

Thơ là tình cảm, là tiếng lòng thôn thức của thi nhân hiện thị trong câu chữ và để có tiếng lòng thôn thức ấy nhà thơ phải sống trọn vẹn với đời, với cái tài, cái tâm tràn đầy nhiệt huyết, trần trở, tin yêu. Bởi, chữ

	“tài” chỉ bùng nổ khi chữ “tâm” với đời tỏa sáng và thơ chỉ là <i>tiếng lòng</i> thi sĩ bắt nguồn từ chính mảnh đất cuộc đời rồi thăng hoa trên bầu trời nghệ thuật. Có lẽ, chính vì thế mà mạch nguồn khởi đầu cảm xúc của Lưu Trọng Lư bắt nhịp từ cuộc sống đã chạm đến tâm hồn bạn đọc bằng mỗi trang thơ nơi khúc nhạc “năng mới” đầy dung dị, tươi đẹp. Từ đó tình cảm của nhà thơ lớn dần theo năm tháng, chấp cánh thành câu chữ vương vấn mãi mãi trong lòng độc giả cho hôm nay, mai sau...



1

Nghệ thuật

- Thể thơ thất ngôn
- Giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết
- Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ.
- Cách ngắt nhịp đều đặn, chủ yếu là 4/3, gieo vần chủ yếu là vần thông.

Nội dung

Kí ức về mẹ gắn liền với sự biết ơn, tình yêu tha thiết của nhân vật trữ tình, qua đó bồi đắp thêm tình cảm kính yêu người mẹ, trân trọng tình cảm gia đình cho người đọc.

2



NẾU MAI EM VỀ CHIÊM HOÁ

I. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

- Mai Liễu (1949 -2020), tên thật là Ma Văn Liễu. Khi làm thơ, làm báo, ông lấy bút danh là Mai Liễu.
- Quê tại xã Công Đa, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.
- Phong cách sáng tác: phong phú về đề tài, viết nhiều về Bác Hồ, về chiến tranh, người lính, tình yêu, thế sự, đặc biệt là quê hương và tình người miền núi.
- Tác phẩm chính: Suối làng (1994), Mây vẫn bay về núi (1995), Lời then ai buộc (1996), Giấc mơ của núi (2001), Núi vẫn còn mưa (2013) ...

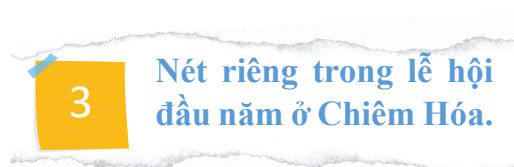
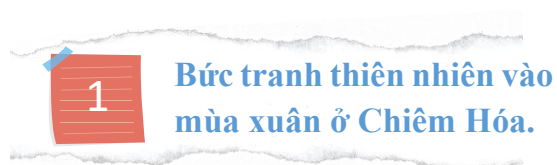


Tác phẩm ✓



- **Xuất xứ:** Trích trong Thơ Mai Liễu, NXB Nhà văn, Hà Nội, năm 2015.
- **Thể thơ:** thơ sáu chữ
- **PTBD:** Biểu cảm (Tự sự, miêu tả)

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM



1. Bức tranh thiên nhiên vào mùa xuân ở Chiêm Hóa.

Nghệ thuật nhân hoá, so sánh, ẩn dụ độc đáo, ẩn tượng cùng bút pháp miêu tả tinh tế đã khắc hoạ khung cảnh quê hương của nhà thơ với nhiều dấu ấn đặc biệt

Bức tranh thiên nhiên mùa xuân được hiện lên rực rỡ, tươi mới, dạt dào sức sống khiến con người mê say, rạo rực



Nhận xét:

→ Khung cảnh thiên nhiên gần gũi, giản đơn nhưng có hồn tạo nên một mùa xuân tràn đầy sức sống, con người như đầy sức sống, như tươi mới, trẻ trung, xuân sắc hơn

Thể hiện tình yêu thiên nhiên sâu sắc của nhà thơ, sự thủy chung với nơi mình sinh ra, lớn lên, là lời mời gọi tha thiết bạn đọc đến thăm mảnh đất Chiêm Hoá xinh tươi

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	<i>Vàng trắng soi sáng giữa trời Thiên nhiên, non nước tình đời thiết tha.</i> (Ca dao) Không biết từ bao giờ thiên nhiên đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận của biết bao nhiêu thi nhân từ xưa cho đến nay. Một đoá hoa thơm, một vệt nắng nhẹ, một làn gió thanh tao lướt qua cũng đủ khiến mỗi nhà thơ nao lòng mà gửi gắm hồn mình vào cảnh vật để chấp cánh cho hồn thơ, tình thơ bay cao vào tận trái tim bạn đọc. Chẳng vậy mà, cũng nằm trong nguồn cảm hứng bất tận trước vẻ hữu tình của vạn vật ấy nhà Mai Liễu đã tức cảnh sinh tình để gửi lòng mình về miền đất quê hương đầy thương nhớ qua thi phẩm “<i>Nếu mai em về Chiêm Hóa</i>” một cách giản dị, nhẹ nhàng mà tràn ngập tha thiết, ngân nga. Ntone France là lời đúc kết quy luật muôn thuở của thơ ca: <i>Thơ là tiếng lòng</i>, bởi phải chăng thơ gắn với tâm hồn người nghệ sĩ, gắn với trái tim luôn sẵn sàng thổn thức trước mọi vang vọng của cuộc đời một cách mãnh liệt. Bởi, vần điệu sâu xa được tạo ra từ tâm hồn thi nhân đều tựa giọt ngọt long lanh dưới đáy nước trong veo nơi cuộc đời từ đó mà thanh lọc cõi lòng, tình yêu của ta

- Bức tranh thiên nhiên mùa xuân được thể hiện qua những chi tiết, hình ảnh sau: “Tháng Giêng mưa to rét lộc”, “mùa măng” - Cách mời gọi của thi nhân thật khéo léo, tinh tế qua lối xưng hô “anh - em” vừa độc lạ vừa có cái hay riêng không cưỡng quýt, giục giã nhưng vẫn khiến ta trộm nhớ, trộm thương mà xao xuyến hướng về.	trước nền sống dạt dào. Do đó, khi đọc những thanh âm nhẹ nhàng cất lên từ bản nhạc đầy du dương Liễu Mai đem đến trong “Nếu mai em về Chiêm Hóa” mỗi người đọc như chìm đắm bên không gian tình tứ của thiên nhiên tươi đẹp, ngọt ngào, dịu mát cả lòng ta trước sức sống tràn đầy nơi khung cảnh quê hương nhà thơ qua lời mời gọi: <i>Nếu mai em về Chiêm Hóa Cho ta gửi nỗi nhớ cùng Tháng giêng mưa to rét lộc Em về vừa kịp mùa măng.</i> Mỗi mảnh đất đi qua một miền nhớ ở lại, mỗi nhành hoa chiếc lá một tình yêu đọng đầy sẽ luôn in chặt trong kí ức xa xăm của bất kì một con người tràn ngập tình yêu thương với vạn vật, đất trời nơi ta đến, đặt chân, bước tới. Thế nên, thi sĩ chẳng cần gọt giũa cầu kì, không hoa mỹ, trau chuốt ông chỉ nhẹ nhàng đặt một câu điều kiện lên trang thơ của mình cất lời thổ lộ “<i>Nếu mai em về Chiêm Hóa</i>”, mảnh đất bình yên gắn liền với cả cuộc đời mà tác giả chẳng thể nào quên. Để rồi, một lần bước chân là trăm nỗi xao xuyến, một ánh mắt khẽ nhìn là vạn lần đắm say trước cái đẹp đến nao lòng của khung cảnh thiên nhiên khi bước vào khoảng trời “<i>tháng Giêng</i>” đang cựa mình bung nở “<i>lộc</i>” non giữa trời, miên man trong cái “<i>mưa to</i>” giăng kín lối mòn, bao phủ cả non nước mây trời. Nhà thơ sử dụng từ “<i>mưa to</i>” sao mà khéo quá? Nó không chỉ gọi từng hạt mưa bụi bay bay đâu quá ào ạt mạnh mẽ, chỉ đủ vương trên vai áo khiến người ta mê say, hay hình ảnh ấy còn như “<i>to</i>” phủ kín cả nền thương nhớ, gói gọn toàn bộ cái đẹp của đất trời mà bao vào gửi trọn trong trái tim mỗi con người nơi đây? Thiên nhiên nên thơ, tinh khôi là thế nên “<i>nếu em</i>” về trong khoảng mơ màng ấy sẽ “<i>kịp</i>” để thu nhặt cái mầm non ngọt ngào nơi “<i>mùa măng</i>” mà nhân gian trao gửi. Cách mời gọi của thi nhân thật khéo léo, tinh tế qua lối xưng hô “<i>anh - em</i>” vừa quen thuộc, vừa độc lạ, lại có cái hay riêng không cưỡng quýt, giục giã nhưng vẫn khiến ta trộm nhớ, trộm thương mà băng ngang hướng về. “<i>Em</i>” ở đây không chỉ cụ thể một ai mà nói chung chung về những con người

-“Sông Gâm đôi bờ cát trắng”, “đá”, “bến” ngẩn ngơ “trông nhau”, màu xanh ngút ngàn của “Non Thần” - Biện pháp tu từ nhân hoá, so sánh: “Đá ngồi chờ dưới bến trông nhau/ Non Thần hình như trẻ lại”=> Thiên nhiên như được thổi tâm hồn, cảm xúc của con người, biết chờ đợi, trông ngóng, được tiếp thêm sinh khí mà trẻ lại, sức sống náo nức của mùa xuân hoá thành sắc xuân xanh mượt mà, mà lòng người cũng đổi thay, say đắm hơn mà trẻ lòng cùng non nước, mây trời tươi mát ấy. ➔ Khung cảnh thiên nhiên gần gũi, giản đơn nhưng có hồn tạo nên một mùa xuân tràn đầy sức sống. Bao trùm trong bức tranh tuyệt đẹp ẩn chính là sự ẩn tượng về màu sắc đầy sắc xuân, sức xuân: màu xanh ngút ngàn vươn lên cao của cỏ cây. Thiên nhiên và con người như đầy sức sống, như tươi mới, trẻ trung, xuân sắc hơn -> Mùa xuân như mang đến một nguồn sinh khí mới mẻ, tràn đầy cho vạn vật.	ở quê hương Chiêm Hóa, còn “ta” chính là tác giả, mượn lời thơ mà “<i>gửi nỗi nhớ cùng</i>” mưa, gió, nắng vào cả cái giản dị đời thường vẫn gặp đầu xuân. Rồi theo mạch cảm xúc ấy, nhà thơ thả hồn mình ào ạt cùng: <i>Sông Gâm đôi bờ cát trắng Đá ngồi dưới bến trông nhau Non Thần hình như trẻ lại Xanh lên ngút ngát một màu.</i> Ở mỗi vùng đất đều đem đến những dư vị thật riêng của đất trời, thiên nhiên và vùng miền núi như Chiêm Hóa quê hương thân yêu của nhà thơ cũng vậy. Cũng chính vì lý do đó mà tác giả đã dành trọn vẹn khổ thơ hai để viết về nó, về dòng Sông Gâm hiền hoà soi mình cùng “<i>đôi bờ cát trắng</i>”, lặng lẽ vẫn êm đềm chảy suốt bao năm tháng với người, bên cạnh, trong thăng trầm của dòng chảy thời gian biết bao đời. Không những vậy, thi sĩ còn biến hòn đá vô tri hôm nào bỗng có linh hồn, tâm tư, biết “<i>ngồi dưới bến</i>” mà “<i>trông nhau</i>” tựa sự chung thủy bất diệt, chẳng bao giờ đổi thay qua việc sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa. Để rồi, sự thủy chung ấy đã khiến trái tim nhạy cảm của thi sĩ bỗng trỗi dậy những yêu thương mà mừng tượng khi mùa xuân đến, lòng người phơi phới thì đá kia cũng đổi thay khi khoác lên mình bộ quần áo màu xanh ngút khi được so sánh “<i>Non Thần</i>” như “<i>trẻ lại</i>” độ tuổi đôi mươi. Phải chăng, không chỉ đá thay đổi vì thiên nhiên giữa xuân nảy lộc, đâm trồi “<i>ngút ngàn một màu</i>”, náo nức hoá thành sắc xanh mơn mớn, mượt mà mà lòng người cũng đổi thay, say đắm hơn mà trẻ lòng cùng non nước, mây trời tươi mát ấy. Từ đó, ta nhận ra rằng, Mai Liễu đã tái hiện lại khung cảnh thiên nhiên gần gũi, giản đơn nhưng có hồn tạo nên một mùa xuân tràn đầy sức sống. Bao trùm trong bức tranh tuyệt bích ấy chính là sự ẩn tượng về màu sắc đầy sắc xuân, sức xuân: màu xanh ngút ngàn vươn lên cao của cỏ cây trên đỉnh Non Thần, màu trắng của cát đôi bờ sông Gâm, ... Thiên nhiên và con người như đầy sức sống, tươi mới, trẻ trung, xuân sắc hơn bởi mùa xuân đã mang đến thổi một nguồn sinh khí tràn đầy cho vạn vật mê say...

2. Vẻ đẹp con người trong mùa xuân

Không gian nhộn nhịp của con đường mùa xuân trong cuộc gặp gỡ, giao duyên đầy tươi đẹp giữa đất trời, con người

Con người hiện lên đẹp đẽ, gần gũi, tràn đầy sức sống khiến ta mê say, xao xuyến đầy đắm đuối, từ đó con người trở thành nụ hoa đẹp nhất giữa mùa xuân

Nghệ thuật ẩn dụ, liệt kê, nhân hoá được dùng khéo léo, tinh tế tạo nên ấn tượng sâu sắc, nhiều liên tưởng trong lòng người đọc

Nhận xét:

→ Con người trở thành cái đẹp tươi sáng trong bức tranh về cảnh vật quê hương để ngòi bút tài hoa vẽ lên bức tranh thật xinh đẹp, hữu tình vương mãi trong tâm hồn ta.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
*Hình ảnh: +Phố đông: Không gian náo nhiệt, nhộn nhịp + Cô gái Dao nào cũng đẹp, vòng bạc rung rinh, ngù hoa mơn mớn. + Con gái bản Tày duyên quá, nụ cười môi mọng. -Biện pháp liệt kê, ẩn chứa trong thiên nhiên tươi thắm, ngan ngát màu xanh tươi sáng cái đẹp nhất, khiến vạn vật phải lặng yên, nín thở ngắm nhìn, mê đắm không thôi lại dừng nơi	Một con đồ nhỏ, một cơn mưa, một vạt cỏ hay một cánh hoa cũng đủ để đánh thức chất thi sĩ trong con người Mai Liễu. Chẳng thế mà, hình ảnh thơ trong tác phẩm của ông luôn sống động, gợi cảm, dường như lúc nào cũng có nguồn sống mãnh liệt dào dạt chảy vào cả hơi thở cuộc sống của con người nơi miền quê núi đá chông chênh nhưng luôn mơn mớn nguồn sống, ào ạt tin yêu: Phố đông cứ mãi tìm nhau Cô gái Dao nào cũng đẹp Vòng bạc rung rinh cổ tay Ngù hoa mơn mớn ngực đầy. Con gái bản Tày duyên quá Sắc chàm như cũng pha hương Chỉ riêng nụ cười môi mọng Mùa xuân e cũng lạc đường Hồn thơ mở ra, tình thơ cũng vì thế mà tuôn chảy mở rộng để đón nhận mọi rung động của đất trời trong không gian “<i>phố đông</i>” náo nhiệt, nhộn nhịp nhưng trái tim của những người trẻ lòng vẫn “<i>mãi miết tìm nhau</i>” như tìm kiếm tình yêu giữa đất trời xao xác, rạo rực hương xuân mới. Dưới con mắt thi sĩ qua biện pháp liệt kê, ẩn chứa trong thiên nhiên tươi thắm, ngan ngát màu xanh tươi sáng cái đẹp nhất, khiến vạn vật phải lặng yên, nín thở ngắm nhìn, mê đắm không thôi lại dừng nơi “<i>cô gái Dao</i>”, “<i>Con gái bản Thái</i>” e ấp bên khung cửa nơi

“<i>cô gái Dao</i>”, “<i>Con gái bản Thái</i>” e ấp bên khung cửa nơi đất trời giao duyên ➔ Nhà thơ sử dụng biện pháp ẩn dụ: Mượn cái đặc trưng của những chùm hoa bằng bông đủ màu sắc để khắc họa chân dung và sức sống mãnh liệt mà người thiếu nữ Dao trên mảnh xanh đất trời có được cùng làn hương lan gió thoảng là cả một sức sống mạnh mẽ với những gì tinh tú, gợi cảm nhất của đất trời - Cách dùng biện pháp nghệ thuật nhân hoá để khắc họa vẻ đẹp của nàng thơ giữa mùa xuân khiến thiên nhiên cũng phải ngán ngờ, mơ mộng mà còn ở chỗ phải chẳng nói đất trời tương tư đầy thôi là để tỏ lộ lòng mình đang rạo rực, thương nhớ, thầm yêu vụng đến “<i>lạc đường</i>”	đất trời giao duyên. Ở đó, họ hiện lên với nét riêng mang đặc trưng thật giản , quen thuộc nơi miền quê núi cao, mây trắng với hình ảnh “ Vòng bạc rung rinh”, rộn rã, lạnh lót giữa đám đông cùng “<i>Ngủ hoa môn môn</i>” trước “<i>Ngục</i>” như chính cái “<i>môn môn</i>” của tuổi xuân mà người con gái ấy đang mang nơi trái tim mình. Nhà thơ sử dụng biện pháp ẩn dụ mượn cảnh nói người, mượn cái đặc trưng của những chùm hoa bằng bông đủ màu sắc để khắc họa chân dung và sức sống mãnh liệt mà người thiếu nữ Dao trên mảnh xanh đất trời có được cùng làn hương lan gió thoảng là cả một sức sống mạnh mẽ với những gì tinh tú, gợi cảm nhất nơi đất trời. Cảm nhận hường về cuộc sống phồn hậu của quê hương đã giúp thi nhân ngơ ngàng, thất thần khi lắng lòng mình trước vẻ đẹp con người để rồi ông thốt lên người thiếu nữ trong nền xuân mơ màng “<i>đẹp</i>” mà “<i>duyên quá</i>”. Thế nên, chẳng cần đầy đủ, trọn vẹn “<i>chỉ riêng</i>” có “<i>nét cười</i>” trên làn “<i>môi mộng</i>” căng đầy, đỏ tươi rạng rỡ kia thôi khi hé nụ đã đủ say đắm bao người, đủ khiến “<i>Xuân e cũng lạc đường</i>”. Cái tinh tế của Mai Liễu không chỉ là cách dùng biện pháp nghệ thuật nhân hoá để khắc họa vẻ đẹp của nàng thơ giữa mùa xuân khiến thiên nhiên cũng phải ngán ngờ, mơ mộng mà còn ở chỗ phải chẳng nói đất trời tương tư đầy thôi là để tỏ lộ lòng mình đang rạo rực, thương nhớ, thầm yêu vụng đến “<i>lạc đường</i>”, quên lối trước nét mỏng manh, yêu kiều mà người con gái Dao, Thái có được. Thời gian đâu đứng yên, sự sống chẳng dừng bước dù chỉ một khoảnh khắc, hay cũng như mỗi người nghệ sĩ không bao giờ cạn vơi tình yêu với nhân thế, nên nhà thơ Mai Liễu cũng vậy, mỗi nét bút góp lên thi phẩm lòng mình đều được ông tinh tế, nảy nở tràn ngập sức sống như cỏ cây, như trời đất, vạn vật. Phải chăng chất phong tình trong tâm hồn tác giả đã thấm vào thiên nhiên, con người, cảnh vật quê hương để ngòi bút tài hoa vẽ lên bức tranh thật xinh đẹp, hữu tình vương mãi trong tâm hồn ta.

3. Những nét riêng trong lễ hội đầu năm ở Chiêm Hoá



Nét văn hóa truyền thống của người dân miền núi phía Bắc, tạo nên những giá trị văn hóa tiêu biểu của dân tộc VN hiện lên qua các trò chơi dân gian

Nghệ thuật đầu cuối tương ứng cùng lối diễn đạt tràn đầy cảm xúc, nhẹ nhàng, giản dị đã tạo nên chất riêng trong thơ của Mai Liễu

Nghệ thuật đầu cuối tương ứng cùng lối diễn đạt tràn đầy cảm xúc, nhẹ nhàng, giản dị đã tạo nên chất riêng trong thơ của Mai Liễu

Nhận xét:

→Tình yêu quê hương, nỗi nhớ tha thiết của tác giả Mai Liễu đối với từng hình ảnh, chi tiết của vùng đất mình sinh ra, lớn lên, trưởng thành.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Có những nhà thơ, khi bước vào con đường thi ca, đã trải lên trên đó không biết bao nhiêu mỹ từ lóng lánh, những ngôn từ óng ả, trau chuốt, hoa mỹ, những cách đặt câu đáng đáp tâm kì... mà quên mất rằng cái cốt lõi đích thực của thơ ca không nằm ở cái bề ngoài chải chuốt ấy, nó đọng lại ở bề sâu cảm xúc, ở sự chân thật của trái tim, tâm hồn của nhà thơ. Khi nhà thơ xúc động chân thành đến tận đáy tâm hồn, anh sẽ sáng tạo nên được những vần thơ hay, những vần thơ ấy đôi lúc không cần đến vẻ cầu kì bên ngoài mà vẫn rung động lòng người. Đó là thơ giản dị. Để đạt được đến độ “giản dị” ấy nhiều thi nhân đã phải trả giá bằng cả cuộc đời mình. Thế nhưng, với Mai Liễu ông không cần trả giá bất kì điều gì cho chất thơ đậm màu tự nhiên, chân chất như tấm lòng mình dành cho mảnh đất Chiêm Hoá yêu thương, bởi những thứ gần gũi nhất, giản đơn nhất đều được ông gom lại, âu yếm mà gửi vào trong thơ với con mắt tràn đầy yêu thương về cái đẹp mà ông đã từng được tận hưởng nơi đó. Do vậy, ngay cả lễ hội quen thuộc mà không biết bao lần thi sĩ được chúng kiến cũng theo vào từng âm điệu trang thơ ngan ngát tình yêu thương nồng nàn, cháy bỏng: <i>Nếu mai em về Chiêm Hóa</i>

	<i>Đầu xuân đi hội lòng tùng Quả còn chạm vai thì nhặt Ngày lành duyên tốt mừng nhau.</i> Câu thơ “Nếu mai em về Chiêm Hóa” được lặp lại, xuất hiện như một niềm trăn trở trong toàn bộ bài thơ cùng kết cấu đầu cuối tương ứng, như một lời nhắc nhở, mời gọi của nhân vật trữ tình dành cho “em” hay cho chính lòng mình tìm về mảnh đất mà ông yêu thương, nhưng nhớ, mãi liệt. Để rồi, tình cảm ấy chấp cánh thành kí ức ngọt ngào với nhịp chảy của mùa hội “lòng tùng” nhộn nhịp, tung bừng gắn kết, giao duyên trong “đầu xuân” đã trở thành nét văn hóa truyền thống, mang đậm bản sắc dân tộc của người dân miền núi phía Bắc, tạo nên những giá trị văn hóa tiêu biểu của dân tộc Việt Nam suốt bao đời nay. Thế nên, nhà thơ muốn trở về quê để đi hội xuân, để chơi những trò chơi dân gian, để gặp mọi người, những người có duyên, để “mừng nhau” khi “ngày lành” kết thành đôi lứa mà gửi gắm tình yêu quê hương, nỗi nhớ tha thiết với vùng đất thân thương, yêu dấu luôn được ông lưu giữ trong trái tim mình. Một câu thơ hay, một bài thơ ám ảnh là một câu thơ, một bài thơ đã để lại trong tâm hồn ta những xúc động sâu xa, có thể niềm vui rạo rực, có thể là nỗi buồn mênh mang, nhưng tất cả đều đầy ấn tượng sâu sắc. Nhà thơ Tố Hữu đã từng nói: <i>“Bài thơ hay làm cho người ta không còn nhìn thấy câu thơ, chỉ còn cảm thấy tình người. Quên rằng đó là tiếng nói của ai, người ta cảm thấy như là tiếng ca cất lên từ lòng mình, như là của mình vậy”</i>. Và phải chăng đó cũng là một cách nói về những câu thơ, bài thơ đạt được mức “ám ảnh”, đến và “neo đậu” được trong tâm hồn độc giả như khúc hát dịu dàng êm ái mang tên <i>“Nếu mai em về Chiêm Hóa”</i> mà Mai Liệu đã gửi tặng bạn đọc hôm nay.



1

Nghệ thuật

- Thể thơ sáu chữ, giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết.
 - Ngôn ngữ thơ trong sáng, giản dị mà giàu sức gợi. Sử dụng hiệu quả các biện pháp tu từ.
-

Nội dung

- Thể hiện sự hoài niệm sâu sắc của tác giả về quê hương.
- Khắc họa rõ nét vẻ đẹp thiên nhiên, con người cùng những nét đẹp văn hóa độc đáo của vùng đất Chiêm hóa quê hương ông.
- Tình yêu và nỗi nhớ quê hương tha thiết của nhà thơ

2



SAO BĂNG

I. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

Hồng Nhung



Tác phẩm ✓



- **Thể loại:** văn bản thông tin (Giải thích một hiện tượng tự nhiên)
- **Xuất xứ:** theo kienthuctonghop.vn
- **PTBD:** Thuyết minh

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM



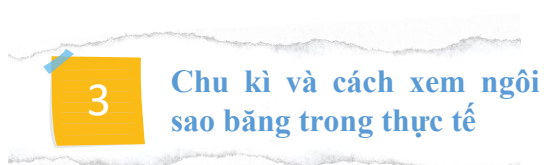
1

Đặc điểm thể loại



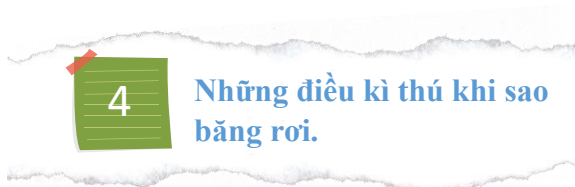
2

Giới thiệu và lí giải hiện tượng sao băng cùng nguyên nhân xuất hiện



3

Chu kì và cách xem ngôi sao băng trong thực tế



4

Những điều kì thú khi sao băng rơi.

1. Đặc điểm thể loại



01.

- Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên là loại văn bản nhằm giới thiệu những hiểu biết khoa học cơ bản về hiện tượng đó.



02.

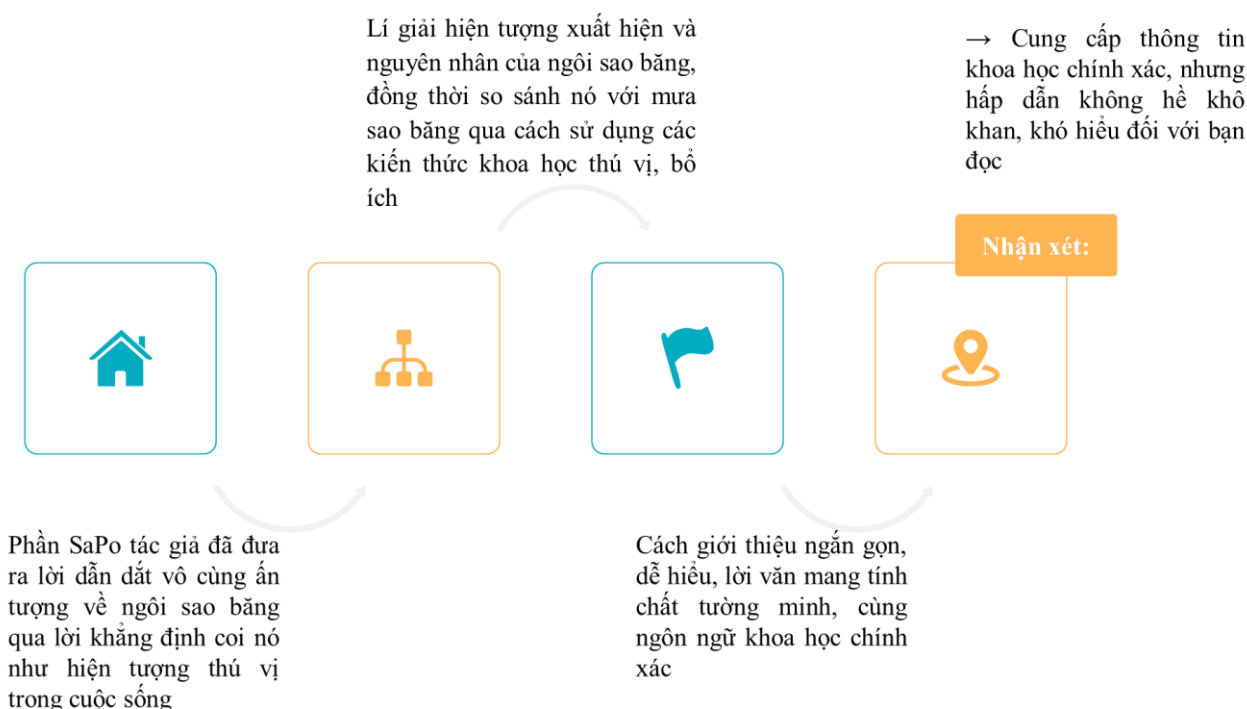
- Trong văn bản thông tin, nội dung ý tưởng và thông tin có thể được triển khai theo một hoặc kết hợp nhiều các khác nhau.



03.

- Là các hình ảnh, số liệu, kí hiệu, biểu đồ...được dùng phối hợp với phương tiện ngôn ngữ nhằm minh họa, làm rõ những nội dung nhất định được biểu hiện bằng những phương tiện ngôn ngữ.

2. Giới thiệu và lí giải hiện tượng sao băng cùng nguyên nhân xuất hiện

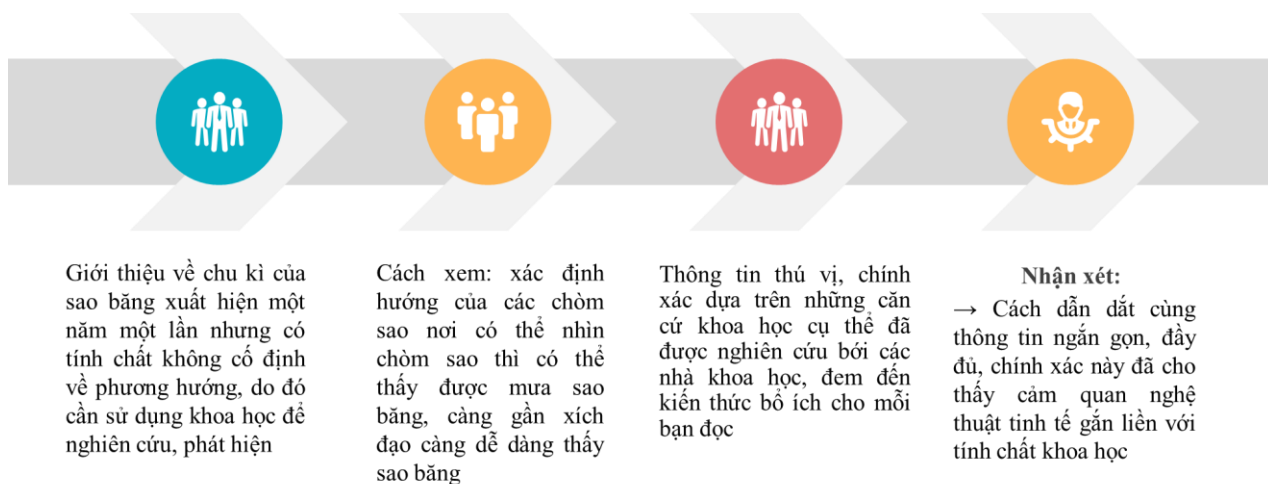


KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Nhà thơ Mạc Phương từng thủ thi tâm tình tràn ngập yêu thương khi ngắm nhìn vì sao băng khẽ rơi xuống hạ thế mà cất lời: Ngôi sao băng chợt xé nát màn đêm Rơi khoảng lặng êm đềm vùng sơn cước

- Phần SaPo tác giả đã đưa ra lời dẫn dắt vô cùng ấn tượng trước ngôi “sao sa”, “sao đôi ngôi” kì lạ qua lời khẳng định tràn đầy tình yêu coi nó như “một hiện tượng đẹp và kì thú của thiên nhiên” - Sao băng: + Là những tia lửa thoáng qua trên bầu trời. + Là đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng đi vào khí quyển của Trái Đất.	Nhịp bồi hồi làm sao em biết trước Đề khóa tim không ngược hướng tìm anh. Có lẽ, từ xa xưa đến nay mỗi khi một vết sáng của sao băng rơi xuống từ nền trời tràn ngập bóng đêm u tối, người ta thường ước nguyện cho tình yêu lứa đôi, cho những điều dang dở, cho những mong cầu chưa trọn vẹn trong đời. Thế nhưng, dưới cái nhìn tinh tế, sắc xảo và mang đầy dấu ấn khoa học mạnh mẽ thì tác giả Hồng Nhung lại đem đến cách quan sát thú vị, rõ ràng giúp ta hiểu rõ hơn về quy luật vận động và xuất hiện những lướt nhẹ của ánh sao ấy qua văn bản “Sao băng” – Ngôi sao của những bí ẩn, lung linh trong lòng người. Một thoáng mưa rơi, một cơn gió thoảng, một nhẹ gót của bình minh lờ rạng đối với thơ ca là chân ái, là cảm hứng cho những thi phẩm cất cánh bay cao. Còn theo cảm quan của khoa học lại khác, tất cả những hiện tượng tự nhiên ấy đều mang dáng vẻ đậm chất hiện thực, được lí giải theo chân lí khách quan, chứ chẳng cảm tính như những người nghệ sĩ mộng mơ. Có lẽ, cũng chính vì thế mà ngay mở đầu văn bản “Sao băng” Hồng Nhung đã đưa ra cách nhìn nhận thật khác biệt về ngôi sao ẩn dấu nhiều mơ mộng, hi vọng với những mong đợi của con người trong đời sống còn dang dở, thiếu trọn vẹn này. Để rồi, ngay từ phần SaPo tác giả đã đưa ra lời dẫn dắt vô cùng ấn tượng trước ngôi “sao sa”, “sao đôi ngôi” kì lạ qua lời khẳng định tràn đầy tình yêu coi nó như “<i>một hiện tượng đẹp và kì thú của thiên nhiên</i>” qua rất nhiều câu hỏi gợi mở, đánh thức sự tò mò của người đọc trên hành trình bước vào thế giới tràn ngập ánh sánh lung linh, đẹp đẽ của vàng sáng ấy. Hành trình khám phá cuộc sống là cung đường tuyệt mỹ của những điều bất ngờ, thú vị, đầy say mê, ngỡ ngàng, thế nên ngôi sao băng hiện diện trên bầu trời mà chúng ta vẫn mong ước một lần bắt gặp đã bước vào trang văn của tác giả trong sự lí giải tự nhiên, nhẹ nhàng mà vẫn vô cùng dễ hiểu. Ở đó, nhà báo Hồng Nhung đã dựa trên những yếu tố khoa học có thật về hiện tượng này để khẳng định rằng vì sao gắn liền với những điều ước ấy

→ Cách giới thiệu ngắn gọn, dễ hiểu, lời văn mang tính chất tường minh, cùng ngôn ngữ khoa học chính xác. - Sự khác nhau của sao băng và mưa sao băng: + Mưa sao băng: nguyên nhân chính là do sao chổi. Khi sao chổi chuyển động gần Mặt Trời, nó sẽ bị tan ra tạo thành những dải bụi trên quỹ đạo của mình. Một ngôi sao chổi đi qua gần Trái Đất, các bụi khí của nó sẽ bay vào khí quyển làm xuất hiện rất nhiều sao băng nhỏ, tạo thành mưa sao băng.	vôn “là những tia lửa thoảng qua trên bầu trời” mà nhìn ngắm kĩ ta sẽ thấy nó vôn chỉ “đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng đi vào khí quyển của Trái Đất” và chắc chắn “nó không phải là một ngôi sao” đang buồn bã chia xa bầu trời như ta vôn nghĩ mà đơn giản gắn liền với “một thiên thạch, mảnh vỡ của các sao chổi cũ, mảnh kim loại từ các tiểu hành tinh khi va chạm với nhau mà thôi”. Cách giải thích ngắn gọn, lời văn rõ ràng, súc tích đã đem đến cho chúng ta những kiến thức khoa học bổ ích nhưng không khô khan, nhàm chán đã tạo nên văn phong đẹp, sáng thu hút bạn đọc của Hồng Nhung. Không những vậy, tác giả cũng có những so sánh rõ ràng nhằm lí giải cho ta hiểu rõ hơn về sự khác biệt giữa một ngôi sao băng rơi với cơn mưa sao băng dữ dội, ào ạt đẹp đến nao lòng mà bao người sẵn đón, kiếm tìm trong thực tế lại bắt nguồn nguyên nhân chính là do sao chổi. Bởi khi “sao chổi chuyển động gần Mặt Trời, nó sẽ bị tan ra tạo thành những dải bụi trên quỹ đạo của mình. Một ngôi sao chổi đi qua gần Trái Đất, các bụi khí của nó sẽ bay vào khí quyển làm xuất hiện rất nhiều sao băng nhỏ, tạo thành mưa sao băng”. Chính sự khác biệt ấy, đem đến cảm nhận trực quan sinh động, gần gũi, giản dị, dễ dàng đi vào tâm trí ta nhẹ nhàng, chân thực biết bao.

3. Chu kì và cách xem ngôi sao băng trong thực tế



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Chu kì: 1 năm, nhưng với tính chất “<i>không cố định</i>” của mình mà những cơn mưa hiếm hoi ấy thật khó có thể xác định chính xác thời điểm cụ thể của nó mà “<i>chỉ khi đến ngày diễn ra mưa sao băng, các nhà thiên văn học mới có thể đưa ra những con số ngày tháng chính xác</i>” - Cách xem: xác định hướng của các chòm sao (nơi có thể nhìn chòm sao thì có thể thấy được mưa sao băng). + Gần xích đạo Trái Đất → dễ quan sát. + Xa về hai cực → khó quan sát. - Nhận xét: các thông tin ngắn gọn, đầy đủ, chính xác, đã cho thấy cảm quan nghệ thuật tinh tế gắn liền với tính chất khoa học là điều vô cùng cần thiết trong việc diễn để đem lại hiệu quả cao cho người đọc	Một cơn mưa sao băng lại rơi, khẽ khàng mang bao mơ ước thầm kín, khẽ khàng bước vào tim ta những ước nguyện mong manh, khẽ khàng gieo hi vọng cho biết bao tâm hồn giàu xúc cảm mạnh mẽ. Cũng trong vòng quy luật tự nhiên nơi trái tim ấy, mang trong mình tình yêu và sức cảm tha thiết về hành trình bên vì sao đẹp đẽ, xoa xuyên song nhà báo Hồng Nhung trong lời văn nhẹ nhàng của mình lại mở ra quy luật, cách dẫn dắt gợi mở để tìm kiếm thật đặc biệt hiện tượng kì thú ấy theo vốn hiểu biết phong phú, giàu chất khoa học trong hành trình chạm vào trái tim bạn đọc của mình. Với quan điểm của một nhà khoa học, tác giả đã đem đến chu kì vận động mà ngôi sao băng thông thường diễn ra “<i>1 năm</i>” một lần, nhưng với tính chất “<i>không cố định</i>” bởi những cơn mưa hiếm hoi ấy thật khó có thể đưa ra căn cứ chính xác thời điểm cụ thể của nó nên “<i>chỉ khi đến ngày diễn ra mưa sao băng, các nhà thiên văn học mới có thể đưa ra những con số ngày tháng chính xác</i>”. Thông tin này khiến người đọc càng khao khát được ngắm nhìn, săn lùng và phát hiện hình ảnh của những ánh sáng lấp lánh ấy hơn bao giờ hết. Bởi vậy, nương theo mạch cảm xúc của người đọc tác giả đã đem đến hi vọng vô cùng đẹp đẽ, tràn ngập tươi vui khi chỉ cho ta cách xem, tận hưởng vẻ đẹp tuyệt bích, mỹ miều của vầng sáng trên cao, hiếm có đó bằng cách “<i>xác định hướng của các chòm sao</i>”, để rồi chỉ ra rằng “<i>những nơi có thể nhìn thấy chòm sao thì có thể quan sát mưa sao băng</i>” dễ dàng hơn. Bí mật ấy, như một cánh cửa đầy lí thú khiến bản thân mỗi chúng ta muốn một lần trải nghiệm cùng bầu trời đêm đầy sao mà tìm ra cho mình ngôi sao băng quý giá vẫn ẩn hiện trên nền đen thăm thẳm xa vời trên cao bởi ta hiểu được rằng “<i>Việt Nam nằm gần xích đạo nên cũng thuộc những nơi quan sát mưa sao băng khá thuận lợi</i>”. Cách dẫn dắt cùng thông tin ngắn gọn, đầy đủ, chính xác này đã cho thấy cảm quan nghệ thuật tinh tế gắn liền với tính chất khoa học là điều vô cùng cần thiết trong việc diễn để đem lại hiệu quả cao cho người đọc, từ đó khơi dậy bản tính ưa khám phá, ưa trải nghiệm, thích mạo hiểm của mỗi con người trong hành trình tìm tòi cuộc sống hôm nay.

4. Những điều thú vị khi sao băng rơi

Những truyền thuyết về ý nghĩa của sao băng này đều chỉ là quan niệm dân gian lâu đời, xác thực dựa trên cơ sở khoa học

Nhận xét:

→ Đem khoa học gần hơn với đời sống thực tế, qua đó đem đến những điều tốt đẹp cho mỗi bạn đọc khi tiếp cận văn bản



Quan điểm trong dân gian về những điều may mắn hoặc điềm báo không lành khi sao băng rơi được tác giả đưa ra một cách rất thú vị

Đưa ra cách ước mong khi có một ngôi sao băng rơi xuống nhân gian, đem lại những điều ngọt ngào, tốt đẹp cho mỗi con người.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Điềm khi sao rơi: đồng nghĩa với có người chết → mang tính chất duy tâm, không có cơ sở khoa học. - Người ta tin ước khi sao rơi → điều ước thành hiện thực.	Mỗi ngôi sao rơi, một chiếc lá rụng đều như gửi gắm những bí ẩn của cuộc sống xung quanh ta. Chẳng vậy mà, trước hiện tượng sao băng vượt sáng trên bầu trời người ta lan truyền rất nhiều những truyền thuyết về ý nghĩa của nó, nổi bật nhất là câu chuyện của người La Mã. Họ cho rằng mỗi ngôi sao trên bầu trời đều tương ứng với một ngọn nến do các thiên thần thắp sáng, đại diện cho sinh mệnh và linh hồn của con người. Một ngày nào đó, khi bạn nhìn thấy hình ảnh ngôi sao băng rơi xuống (sao đổi ngôi) và vụt bay qua bầu trời thì cũng đồng nghĩa với việc trên thế giới đã có “một người ra đi”. Hay sao đổi ngôi cũng có thể là “báo hiệu một hiện tượng nào đó” mang điềm xấu nào đó, ví dụ như việc thay đổi cả một triều đại, những vụ tai nạn lịch sử... Ngoài ra, trong cộng đồng người La Mã cũng tồn tại một truyền thuyết khác về sao băng trái ngược hoàn toàn với không khí u ám từ những câu chuyện phía trên. Họ cho rằng mỗi ngôi sao băng bay ngang qua tượng trưng cho phép thuật màu nhiệm, điều này sẽ đem đến may mắn cho người nhìn thấy chúng. Chính ý nghĩa hình tượng đẹp này đã khiến cho sao băng, mưa sao băng được gắn liền với những

➔Nhà báo Hồng Nhung cho rằng tất cả những truyền thuyết về ý nghĩa của sao băng này đều chỉ là quan niệm dân gian lâu đời, chưa được chứng minh, xác thực dựa trên “cơ sở khoa học mà chỉ lí giải bằng những tư tưởng đậm chất tâm linh” mà chúng ta chỉ có thể mong chờ sự kì diệu, may mắn của nó xảy ra chứ chẳng thể chắc chắn bề thực tế khi bắt gặp một ngôi sao băng nào đó

- Cách ước: nhắm mắt và nghĩ trong đầu về ước nguyện của mình.

câu chuyện tình yêu lãng mạn, xuất hiện nhiều trong những bộ phim truyền hình tình cảm nổi tiếng, thu hút lượt người xem kỉ lục. Tuy nhiên, nhà báo Hồng Nhung cho rằng tất cả những truyền thuyết về ý nghĩa của sao băng này đều chỉ là quan niệm dân gian lâu đời, chưa được chứng minh, xác thực dựa trên “*cơ sở khoa học mà chỉ lí giải bằng những tư tưởng đậm chất tâm linh*” mà chúng ta chỉ có thể mong chờ sự kì diệu, may mắn của nó xảy ra chứ chẳng thể chắc chắn bề thực tế khi bắt gặp một ngôi sao băng nào đó. Vì vậy, để tiếp thêm niềm tin, hạnh phúc và những dư vị ngọt ngào được gửi tặng nơi cuộc sống còn nhiều vất vả, bon chen này tác giả cũng không quên thêm chút mộng mơ khi đưa ra cho chúng ta những điều thần kì xảy ra về ngôi sao băng nhỏ bé. Ở đó, chỉ cần “*khi có sao băng*” “*thì bạn hãy nhắm mắt và nghĩ trong đầu về ước nguyện của mình*” lúc ấy” sao băng sẽ đem đến may mắn, biến điều ước thành sự thật cho bạn”. Đúng như cách gửi gắm niềm tin mà người “*Trung Quốc cổ*” đã từng lưu giữ ngàn đời về hình ảnh “*một vị thần ghé thăm nhân gian*” mà bảo vệ ta “*khỏi những điều rắc rối*” nơi cuộc sống này vậy. Có lẽ, sau khi đọc tác phẩm cái ta nhận được không chỉ là kiến thức thú vị về hiện tượng tự nhiên kì bí, mà hơn hết ở đó còn là những hi vọng thật tươi sáng, long lanh tựa vì sao may mắn mà nhà báo Hồng Nhung lựa chọn để đem đến trên trang viết của mình. Để rồi nhắm mắt lại trước mắt ta như những dòng ngân hà tỏa sáng, tràn ngập ước về mơ về ngôi sao băng lấp lánh chảy vào tim.

Như một dòng nước êm đềm, trong trẻo, như cơn gió nhẹ lao xao rung rinh cành lá, như bài hát ngân nga, thì thầm vào tim ta, ngôi sao băng hiện thực nay chảy vào trăng vắn của Hồng Nhung với những lí giải thú vị đã khiến tâm hồn mỗi bạn đọc sống lại mơ ước thật đẹp để sống động mà vẫn vô cùng thú vị. Để rồi, gấp trang sách lại, mỗi chúng ta vẫn đang đâu đó âm áp nơi con tim về ngôi sao băng ngoài đời của riêng mình trong âm vang lời hát:

	<i>Ngôi sao băng vụt sáng trước trời xa Nén thật chặt bao điều còn dang dở Đón ánh trăng đang mỉm cười rạng rỡ Đợi màn đêm long lánh ánh sao xa.</i>



1

Nghệ thuật

Cách giải thích đơn giản, rõ ràng, khách quan, bố cục chặt chẽ. Hình ảnh minh họa sinh động, ngôn ngữ chính xác, khoa học, thông tin dựa trên cơ sở khoa học, khách quan.

Nội dung

Văn bản nói về một trong những hiện tượng đẹp và kì thú của tự nhiên – Sao băng. Qua đó, văn bản cung cấp đầy đủ các thông tin về nguyên nhân, sự ra đời và hình thành của hiện tượng Sao băng, mưa sao băng.

2



NƯỚC BIỂN DÂNG

I. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

Lưu Quang Hưng



Tác phẩm ✓



- Xuất xứ: tiasang.com.vn, 25-3-2020
- Thể loại: Văn bản thông tin.
- Kiểu văn bản: Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.
- Phương thức biểu đạt: Thuyết minh.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Đặc điểm thể loại

2

Thay đổi mực nước biển và nguyên nhân.

3

Mực nước biển sẽ dâng bao nhiêu?

4

Lời kết

1. Đặc điểm thể loại



01.

- Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên là loại văn bản nhằm giới thiệu những hiểu biết khoa học cơ bản về hiện tượng đó.



02.

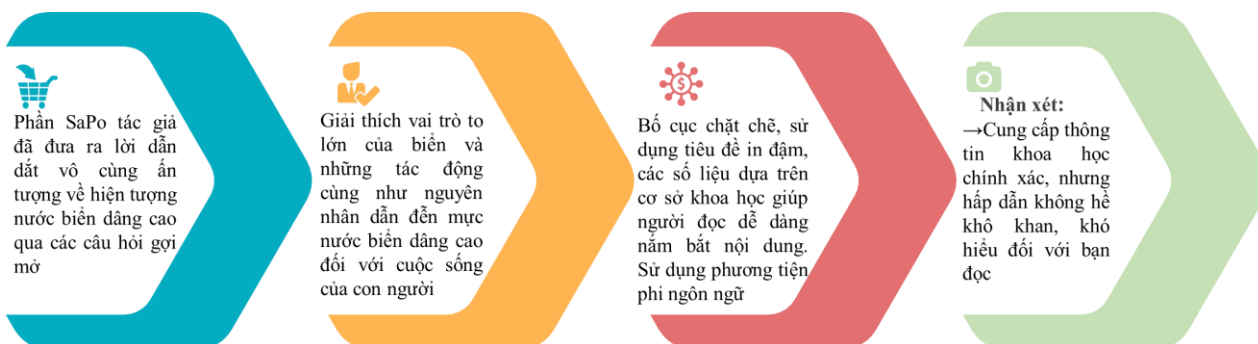
- Trong văn bản thông tin, nội dung ý tưởng và thông tin có thể được triển khai theo một hoặc kết hợp nhiều các khác nhau.



03.

- Là các hình ảnh, số liệu, kí hiệu, biểu đồ...được dùng phối hợp với phương tiện ngôn ngữ nhằm minh họa, làm rõ những nội dung nhất định được biểu hiện bằng những phương tiện ngôn ngữ.

2. Thay đổi mực nước biển và nguyên nhân.



Kiến thức trọng tâm	Bài viết tham khảo
	Trước những dào dạt, du dương của từng đợt sóng xanh ngoài khơi xa, mỗi thi sĩ lại cất lòng ngân nga khúc nhạc đề về đại dương bao la: <i>Biển trời soi mắt nhau Cho sao về với sóng Biển có trời thêm rộng Trời xanh cho biển xanh.</i> Biển vốn là chất thơ, là dư vị miên man, là cảm hứng cất cánh cho những người nghệ sĩ thăng hoa trong nghệ thuật. Thế nhưng, dưới con mắt của các nhà khoa học khi đối diện với những vấn đề có tính chất toàn cầu trước biến đổi khí hậu đang ngày trở nên phức tạp, họ lại trăn trở và bất an trước hiện tượng thay đổi mạnh mẽ của nó. Chẳng vậy mà, thả

* Vai trò của biển và đại dương: - Tạo ra hơn một nửa nguồn ôxy mà chúng ta thở hằng ngày. - Cung cấp một nguồn hải sản đa dạng. - Giúp vận chuyển $\frac{3}{4}$ hàng hóa tiêu dùng.	lòng với biển, ôm ấp cái đẹp của thiên nhiên bao la nhưng nhà báo Lưu Quang Hưng lại đem đến cho bạn đọc cái nhìn mới đầy thực tế trước “NƯỚC BIỂN DÂNG: BÀI TOÁN KHÓ CẦN GIẢI TRONG THẾ KỈ XXI” – Sự nổi giận của thiên nhiên với nhân loại. Những cơn mưa lửa đổ ập thiêu đốt sự sống, sóng thần dữ dội cuốn phăng dấu vết vạn vật, hạn hán khô khốc, nứt nẻ reo rắc chết chóc đó chính là câu trả lời của trái đất, của tự nhiên trước hành động bạc bẽo mà loài người từng ngày, từng giờ tàn phá đất mẹ thiêng liêng. Thế nhưng, trước khi lật ra những lớp màn thâm kịch mà con người phải gánh chịu ấy thì Lưu Quang Hưng lại dẫn dắt chúng ta trên con đường nhận thức rõ nét hơn ngay từ phần Sapo gây chú ý cho người đọc ngay từ đầu và giúp nhấn mạnh nội dung chính mà văn bản đề cập tới khi mở ra câu hỏi đầy tính nhức nhối đối với “<i>Đồng bằng sông cửu Long</i>” và rất nhiều khu vực trên thế giới “<i>đang phải đối diện với hệ quả của hiện tượng ấm lên toàn cầu</i>” để rồi, đó cũng chính là nguyên nhân của “<i>hiện tượng nước biển dâng</i>” cuốn theo bao tan tác, đau thương. Vậy làm thế nào để “<i>thích ứng một cách hiệu quả</i>”, làm thế nào để kéo dài sự sống của nhân loại hôm nay? Bài toán ấy cần một phương trình giải vô cùng gian nan và đầy suy tư khiến mỗi chúng ta cần ngẫm nghĩ. Tuy nhiên, trước khi đưa ra lời hồi đáp cho gọi mở đặt từ đầu bài viết tác giả không vội vã, nôn nóng mà vô cùng bình tĩnh nhắc tới về vai trò của biển và đại dương đối với sự sống nhân loại một cách dễ hiểu, đơn giản. Theo nhà báo dòng nước mặn chiếm hơn diện tích khá lớn so với đất liền đã được hình thành “<i>từ hàng triệu năm trước</i>”, cùng với những hiền hòa, âu yếm mà nó đem lại đã “<i>tạo ra hơn một nửa nguồn ôxy mà chúng ta thở hằng ngày</i>” miễn phí, “<i>Cung cấp một nguồn hải sản đa dạng</i>” giàu chất dinh dưỡng, nuôi sống con người. Không chỉ vậy, trên hành trình khám phá thế giới, đại dương xanh thẳm còn mở ra những cung đường bát ngát, huy hoàng, trù phú “<i>Giúp vận chuyển $\frac{3}{4}$ hàng hóa tiêu dùng</i>” của con người đi khắp năm

* Ảnh hưởng của nước biển dâng: - 40% dân số cư ngụ gần biển, với 600 triệu người sinh sống trong khu vực cao hơn mực nước biển 10 mét trở xuống . - Việt Nam có 28/64 tỉnh thành ven biển, với bờ biển dài hơn 3000km. => Nước biển dâng có ảnh hưởng mạnh mẽ tới cuộc sống của con người. * Những nguyên nhân dẫn tới nước biển dâng: + Thủy triều: dao động lớn và tác động thường xuyên nhất. + Gió, bão: tác động của gió và áp suất khí quyển trở nên rõ ràng nhất khi xảy ra bão. Bão hay áp thấp nhiệt đới hình thành trong vài ngày → nước dâng do bão. + Do biến đổi khí hậu: diễn ra âm thầm, sự dâng lên thường rất nhỏ, chỉ vài mi-li-mét mỗi năm. Vì vậy, rất	châu bốn bề. Lợi ích nhiều là vậy, quan trọng là thế, song hiện thực bề bàng về sự vận động không ngừng của vũ trụ trước biến đổi khí hậu mạnh mẽ đã khiến ta tỉnh ngộ khi đọc được thông tin mang tính chất thời sự nóng bỏng trong trang báo giàu giá trị hiện thực, bởi ở đó Lưu Quang Hưng cho rằng “40% dân số cư ngụ gần biển, với 600 triệu người sinh sống trong khu vực cao hơn mực nước biển 10 mét trở xuống”, mà “Việt Nam có 28/64 tỉnh thành ven biển, với bờ biển dài hơn 3000km”. Những tri thức khoa học đơn giản, nhưng vô cùng cụ thể này giúp mỗi bạn đọc tự tìm cho mình câu trả lời đã được tác giả đưa ra ở phần Sapo. Từ đây, hiện tượng “nước biển dâng” được coi là bài toán khó bởi vì khi mực nước biển dâng cao sẽ nguy hại rất lớn tới trái đất, tới cuộc sống của con người. Biển và đại dương theo văn bản, bao phủ “72% bề mặt trái đất nên khi nước biển dâng cao sẽ làm cho ngập úng những vùng đồng bằng thấp và trũng như Đồng bằng Sông Cửu Long nước ta”, hoặc thậm chí nguy hiểm hơn là xóa sổ những vùng đất ngập nước. Thêm vào đó, khi có bão, mực nước dâng sẽ khiến bão mạnh hơn, gây ra thiệt hại lớn hơn cho thiên nhiên và con người. Tuy nguy hiểm là vậy nhưng đến nay, trên thế giới vẫn chưa tìm ra được giải pháp hiệu quả nào để ngăn chặn nước biển dâng nên đây được coi là ẩn số hóc búa với mỗi chúng ta. Biển rộng bao la, biển đẹp mơ màng, biển dịu dàng vỗ sóng là những gì ta vốn quen thuộc khi đắm mình trong những lời ca câu hát ngọt ngào về bãi xanh tự nhiên, xao xuyến tâm hồn ấy. Vậy mà, dưới ánh mắt của một nhà khoa học, dưới ánh nhìn hướng về sự tồn tại nơi con người hôm nay Lưu Quang Hưng đã đưa ra cách khai phá vẻ mềm mại, thồn thức ấy qua hàng loạt những nguyên nhân rõ ràng, tường minh, cụ thể trước sự nổi giận mà dâng nước đang diễn ra mạnh mẽ của dòng đại dương xanh thẳm. Tác giả cung cấp những tri thức rất thú vị, chân thực mở ra cánh cửa đời sống bằng việc liệt kê hàng loạt hiện tượng gây ra sự nổi loạn của tự nhiên xuất phát từ dòng thủy triều với “dao

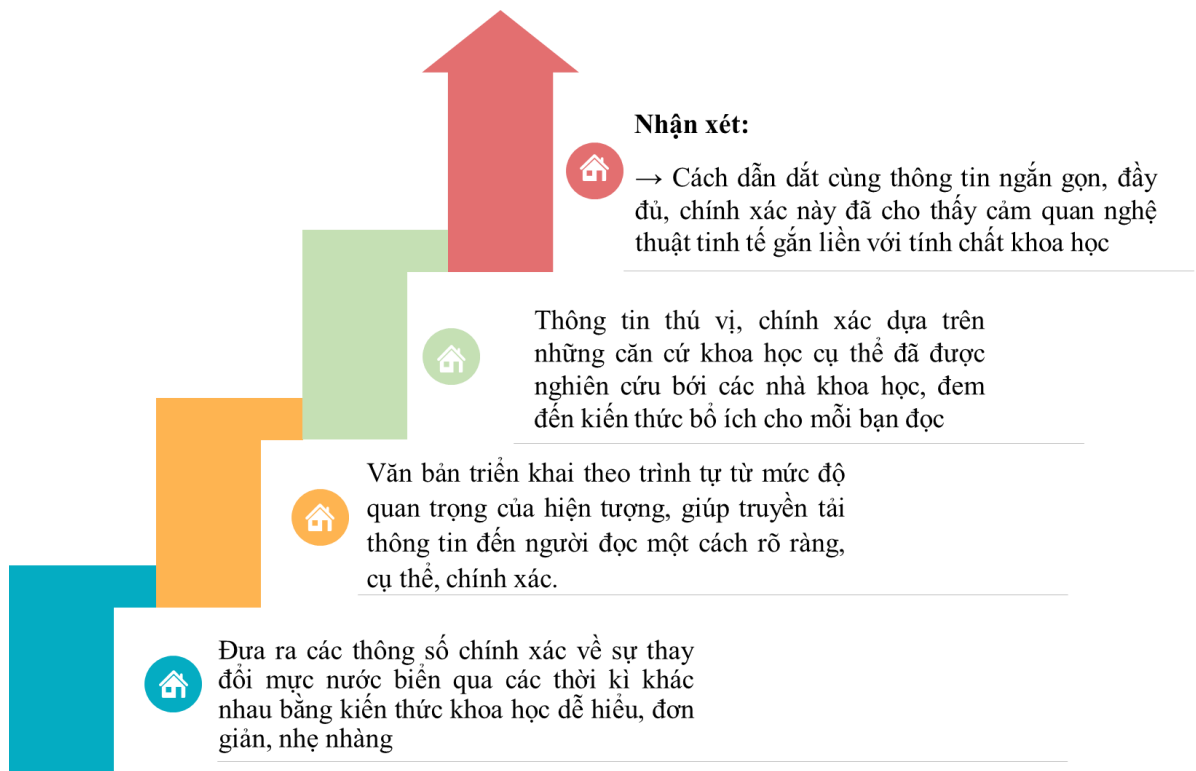
khó nhận biết trực tiếp bằng mắt thường mà không có các đo đạc và quan trắc. Lượng nước biển dâng tăng lên là vĩnh viễn và không đảo ngược được.

+ Do các nguyên nhân khác: do tính chất thay đổi theo mùa của gió, dòng chảy và tác động của các thành phần có chu kì dài của thủy triều. Dao động của thủy triều, gió hay do bão diễn ra đều đặn hàng năm nên không có sự thay đổi đáng kể.

➔ Bỏ cục chặt chẽ, sử dụng tiêu đề in đậm, các số liệu dựa trên cơ sở khoa học giúp người đọc dễ dàng nắm bắt nội dung. Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (biểu đồ) thể hiện rõ nội dung cần hướng đến.

động lớn và tác động thường xuyên nhất” vào mặt biển tạo ra những đợt sóng ào ạt, sức sôi, đầy giận dữ. Không những thế, dưới kinh nghiệm nghiên cứu và tìm hiểu sâu sắc về biển nhà báo còn chỉ rõ “tác động của gió và áp suất khí quyển trở nên rõ ràng nhất khi xảy ra bão. Bão hay áp thấp nhiệt đới hình thành trong vài ngày” từ đó làm cho nước dâng cao nhấn chìm vạn vật. Thế nhưng, cú đánh đau nhất không phải là trực diện mà lại luôn ẩn lấp trong dáng vẻ êm đềm và đại dương cũng vậy, nước biển dâng cao chẳng bao giờ báo trước “Do biến đổi khí hậu” nó “diễn ra âm thầm, sự dâng lên thường rất nhỏ, chỉ vài mi-li-mét mỗi năm”, vì vậy “rất khó nhận biết trực tiếp bằng mắt thường mà không có các đo đạc và quan trắc. Lượng nước biển dâng tăng lên là vĩnh viễn và không đảo ngược được” đó là bất ngờ không đoán trước vô cùng nguy hiểm trong đời sống của con người hôm nay. Mặt khác, khi con người không chủ động, không phòng vệ, không lo lắng trước rất nhiều bất thường ấy thì nước biển vẫn dâng, vẫn cao, vẫn cuộn cuộn còn xuất phát từ “tính chất thay đổi theo mùa của gió, dòng chảy và tác động của các thành phần có chu kì dài của thủy triều. Dao động của thủy triều, gió hay do bão diễn ra đều đặn hàng năm nên không có sự thay đổi đáng kể”. Có thể thấy, với bố cục chặt chẽ, sử dụng tiêu đề in đậm, các số liệu dựa trên cơ sở khoa học giúp người đọc dễ dàng nắm bắt nội dung, cùng việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (biểu đồ) thể hiện rõ nội dung cần hướng đến tác giả đã xây dựng được ấn tượng vô cùng đặc biệt ngay từ những trạm kiến thức ban đầu trong lòng mỗi người đọc chúng ta.

3. Mực nước biển sẽ dâng bao nhiêu?



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đến nay: hơn 20cm. - Những năm gần đây, nước biển dâng trung bình 3mm/năm. - Kịch bản xấu: Nước biển dâng 86 cm so với ngày nay. - Nguy cơ: Nước biển dâng từ 50 cm, lượng tăng gấp đôi so với 1 thế kỉ trước. => Lời cảnh báo: Mực nước biển vẫn tăng lên chứ không giảm đi. -Hậu quả: Mỗi năm chúng ta phải hứng chịu rất nhiều cơn bão lớn, gây thiệt hại lớn hơn với thiên nhiên, con người nước ta. Trên thế giới nói chung, nước biển dâng cao sẽ ảnh	Trước thách thức của tự nhiên, với trăn trở của con người hiện đại khi từng ngày lo lắng bởi biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường thời nay. Nhà báo Lưu Quang Hưng đã vẽ ra tấm bản đồ vô cùng chi tiết được kiểm nghiệm bằng thực tế về hành trình con đường mực nước biển dâng cao qua từng thời kì ngay từ “<i>cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đến nay</i>” nước biển đã lên hơn “20cm” và “<i>Những năm gần đây, nước biển dâng trung bình 3mm/năm</i>”, các con số nằm im trên trang giấy nhưng đang quấy đạp cả bầu trời nổi sóng của nhân loại hôm nay trước thách thức vô cùng quan trọng của sự sống. Để rồi, trên nền chuyển động mạnh mẽ ấy, nhà báo Lưu Quang Hưng còn tiếp tục nhấn mạnh bằng việc đưa ra dự đoán cho những kịch bản “<i>xấu nhất</i>” trong tương lai gần với sự chuyển động mạnh mẽ của mực nước nơi đại dương xanh thẳm ấy sẽ dâng lên đến “86 cm so với ngày nay” với nguy cơ “<i>Nước biển cao hơn từ 50 cm, lượng tăng gấp đôi so với 1 thế kỉ trước</i>”, một lời cảnh báo mực nước biển vẫn tăng lên chứ không giảm đi đủ để làm ngập úng thậm chí xóa sổ những vùng đất thấp, ven biển nước ta như Đồng bằng Sông Cửu Long. Cùng

hưởng nghiêm trọng hơn nhiều, ngoài làm ngập, xóa sổ những nơi thấp, trũng và làm các cơn bão lớn hơn thì nước biển dâng còn ảnh hưởng tới cả hòa bình thế giới → Văn bản triển khai theo trình tự mức độ quan trọng của hiện tượng, giúp truyền tải thông tin đến người đọc một cách rõ ràng, cụ thể và chính xác → giúp người đọc nắm bắt được những dữ liệu quan trọng về hiện tượng này theo trình tự hợp lí, đầy logic.	với đó mỗi năm chúng ta phải hứng chịu rất nhiều cơn bão lớn, nếu nước biển dâng sẽ khiến giúp bão mạnh hơn, gây thiệt hại lớn hơn với thiên nhiên, con người nước ta. Trên thế giới nói chung, nước biển dâng cao sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng hơn nhiều, ngoài làm ngập, xóa sổ những nơi thấp, trũng và làm các cơn bão lớn hơn thì nước biển dâng còn ảnh hưởng tới cả hòa bình thế giới vì khi nước biển dâng làm tài nguyên thiên nhiên suy giảm, kinh tế - xã hội toàn cầu ảnh hưởng sẽ dễ gây ra xung đột về lợi ích giữa các quốc gia. Qua những dẫn chứng sống động, chi tiết, chính xác theo cách triển khai tăng dần mức độ quan trọng của hiện tượng, giúp truyền tải thông tin đến tri thức một cách rõ ràng, cụ thể và chính xác giúp người đọc nắm bắt được những dữ liệu quan trọng về hiện tượng này theo trình tự hợp lí, đầy logic, tác động mạnh mẽ vào nhận thức của mỗi chúng ta bằng sự choáng ngợp, lo lắng cho sự sống của chính mình và mọi người xung quanh.

4. Lời kết



Dự báo về mực nước biển trên toàn cầu vẫn tiếp tục tăng lên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu do biến đổi khí hậu của trái đất ngày nay

Trình bày theo hướng nguyên nhân dẫn đến hậu quả, cách đi hợp lí, đơn giản, gần gũi và sát thực tế tác động mạnh vào nhận thức của người đọc

Tìm giải pháp thích ứng một cách hiệu quả là một trong những bài toán khó nhất mà loài người chúng ta cần hợp tác giải quyết trong thế kỉ này

Nhận xét:

→Đem khoa học gần hơn với đời sống thực tế, qua đó hướng đến những điều tốt đẹp cho mỗi bạn đọc khi tiếp cận văn bản

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Mực nước biển toàn cầu sẽ liên tục tăng với tốc độ ngày càng nhanh hơn do nhiều nguyên nhân khác nhau:	Hành trình sự sống là con đường vẫn đang tiếp diễn, hành trình thay đổi ý thức của con người hôm nay là nấc thang quan trọng để cứu lấy nhân loại. Có

băng tan, giãn nở của nước và các thay đổi trong hệ thống khí hậu Trái Đất. - Tốc độ dâng của nước biển do biến đổi khí hậu chừng 3 milimet một năm với gia tốc dương. - Dự kiến vào cuối thế kỷ tới, mực nước biển sẽ tăng lên trong khoảng 35-85 cm, gây thiệt hại cho kinh tế toàn cầu hàng ngàn tỷ USD với nhiều hệ lụy về phát triển. => Lời kêu gọi: Tìm giải pháp thích ứng một cách hiệu quả là một trong những bài toán khó nhất mà loài người chúng ta cần hợp tác giải quyết trong thế kỉ này.	lẽ, hiểu rõ được điều quan trọng, mang tính quyết định ấy tác giả đã phân tích những biến đổi mạnh mẽ của tự nhiên hôm nay khi nhận xét “<i>Mực nước biển toàn cầu sẽ liên tục tăng với tốc độ ngày càng nhanh hơn do nhiều nguyên nhân khác nhau</i>” trong đó phần lớn ảnh hưởng từ nhiệt độ nóng lên của toàn cầu khiến “<i>băng tan, giãn nở của nước và các thay đổi trong hệ thống khí hậu Trái Đất</i>”. Và sẽ vô cùng nguy hiểm khi “tốc độ dâng của nước biển do biến đổi khí hậu chừng 3 milimet một năm với gia tốc dương” tức là càng ngày càng tăng cao để rồi trong thời điểm không xa “<i>cuối thế kỷ tới, mực nước biển sẽ tăng lên trong khoảng 35-85 cm, gây thiệt hại cho kinh tế toàn cầu hàng ngàn tỷ USD với nhiều hệ lụy về phát triển</i>” thậm chí là nhấn chìm và hủy hoại môi trường sống của nhân loại dẫn đến con đường diệt vong trong tương lai. Vậy nên, hành động hay không giờ đây đâu phải một câu hỏi mà là lời thúc giục, kiên quyết phải tìm ra những “<i>giải pháp thích ứng một cách hiệu quả là một trong những bài toán khó nhất mà loài người chúng ta cần hợp tác giải quyết trong thế kỉ này</i>”. Song song với đó là hành động tuyên truyền tích cực cho người dân hiểu rõ hơn về hiện tượng nước biển dâng cùng với đó là thực hiện các chiến dịch bảo vệ môi trường ở mọi nơi, hướng tới mọi đối tượng. Mặt khác các quốc gia phải chú trọng và đầu tư cho nhân lực học tập, phát triển những lĩnh vực nghiên cứu về môi trường, đặc biệt là về hiện tượng nước biển dâng. Đồng thời chính quyền cần phải nắm bắt rõ tình hình bảo vệ môi trường trên địa phương mình để kịp thời khắc phục những yếu kém. Đồng thời theo sát những diễn biến về thời tiết, biến động môi trường để có những biện pháp ứng phó thiên tai tốt nhất cho người dân. Đặc biệt là với hiện tượng nước biển dâng, để đề phòng thiệt hại với địa phương mình, phải xây dựng thủy lợi hợp lý, hiệu quả. Có thể thấy, với văn phong nhẹ nhàng, cách lập luận cụ thể, rõ ràng cùng các dẫn chứng khoa học tường minh, chân thực, khách quan nhà văn Lê Quang Hưng đã đem đến cho chúng ta rất nhiều tri

	thức bổ ích qua bài viết giàu tâm huyết của mình. Để từ đó, mỗi chúng ta tự chiêm nghiệm, suy ngẫm, bứt phá trong hành động mà bảo vệ cuộc sống tươi đẹp đang có, bảo vệ nền xanh của bầu trời, đại dương bao la như lời hát mà biển đã vọng lại trong trái tim ta: <i>Biển mênh mang những ân tình tha thiết</i> <i>Thương nhớ sâu da diết giữa đêm đen</i> <i>Phổ thiên thang khuấy bóng nửa ánh đèn</i> <i>Triền cát trắng trải dài khúc nhạc xanh.</i>



1

Nghệ thuật

Phần nhan đề, sa-pô rõ ràng, ngôn ngữ thuyết minh mạch lạc, dễ hiểu, dựa trên cơ sở khoa học. Bố cục chặt chẽ, các ý lớn được in đậm khiến người đọc dễ dàng theo dõi và nắm bắt nội dung, kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ là biểu đồ thể hiện rõ nội dung cần hướng đến.

Nội dung

Văn bản giải thích hiện tượng tự nhiên nước biển dâng, nói về nguyên nhân thay đổi mực nước biển, thực trạng của hiện tượng nước biển dâng, hậu quả và khẳng định đây là bài toán khó cần giải của loài người trong thế kỉ XXI.

2



ĐỔI TÊN CHO LÀNG XÃ

I. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

- Lưu Quang Vũ (1948 – 1988), ông sinh ra ở Phú Thọ, là con trai của nhà viết kịch Lưu Quang Thuận.
- Là một con người tài năng nhưng gặp nhiều bất hạnh. Ông đã mất trong một vụ tai nạn giao thông khi sự nghiệp đang nở rộ.
- Kịch của Lưu Quang Vũ mang nhiều cách tân độc đáo; quan tâm thể hiện xung đột trong cách sống và quan niệm sống, bày tỏ khát vọng hoàn thiện nhân cách con người.
- Một số tác phẩm chính: *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*; *Hương cây*; ...



Tác phẩm ✓



- Xuất xứ: trích trong vở kịch: *Bệnh sĩ* (Tuyển tập kịch, NXB sân khấu, Hà Nội 1994)
- Thể loại: hài kịch
- Ý nghĩa nhan đề tác phẩm và văn bản:
 - + Nhan đề “*Bệnh sĩ*” -> khái quát nội dung tác phẩm => viết về một căn bệnh phổ biến trong xã hội, đáng lên án, phê phán.
 - + Nhan đề “*đổi tên cho xã*” -> do nhà xuất bản đặt => nhan đề khái quát nội dung văn bản

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Đặc điểm thể loại

2

Cách trình bày

3

Cách xây dựng nhân vật trong hài kịch

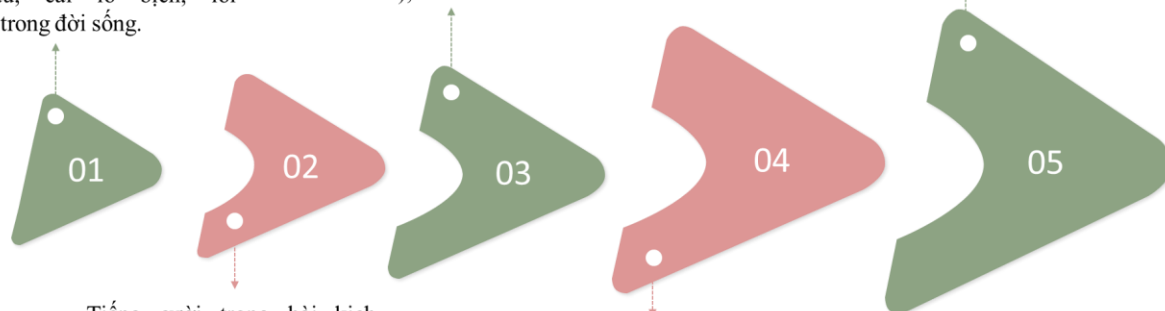


1. Đặc điểm thể loại

Hài kịch là thể loại kịch dùng tiếng cười để châm biếm, đả kích, phê phán những thói hư tật xấu, cái lỗi bịch, lỗi thời,...trong đời sống.

Xung đột trong hài kịch thường là mâu thuẫn giữa cái xấu (cái thấp hèn) với cái tốt (cái đẹp, cái cao cả),

Thủ pháp trào phúng (biện pháp tạo ra tiếng cười) trong hài kịch chủ yếu là nghệ thuật phóng đại (nói quá, cường điệu).



Tiếng cười trong hài kịch được tạo ra bởi các mâu thuẫn (xung đột), nhân vật, hành động, lời thoại,...và một số thủ pháp trào phúng tiêu biểu.

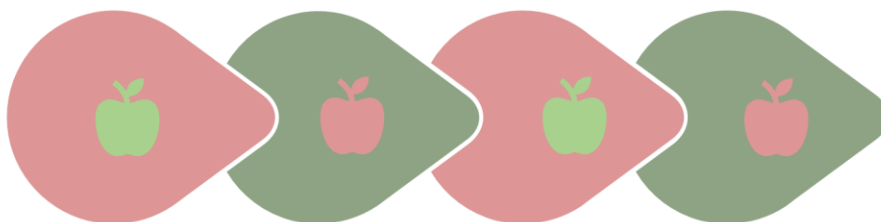
Nhân vật trong hài kịch thường có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động, lời nói và việc làm. Hành động, ngôn ngữ của nhân vật mâu thuẫn với phẩm chất, vì vậy trở nên lỗi bịch, hài hước.

2. Cách trình bày

Người dân ở đây hiền lành, chân chất nhưng ông Toàn Nha (chủ tịch xã) lại háo danh, thích “sĩ diện”. Lẽ ra phải đổi mới cách làm ăn để cuộc sống người dân được no đủ thì ông Nha lại chỉ quan tâm đến việc đặt ra những cái tên sang trọng và hiện đại

Nhận xét:

➔ Mục đích của văn bản là muốn dùng tiếng cười để phê phán thói háo danh, thích khoa trương, bệnh “thành tích”, ... của tất cả mọi người.



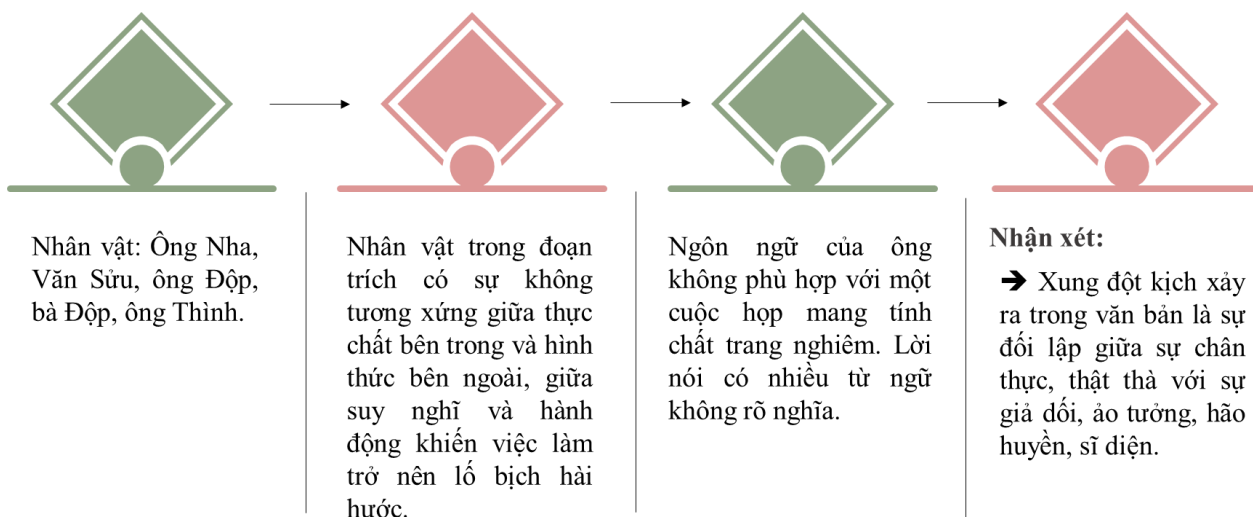
Từ xã Cà Hạ đổi tên thành xã Hùng Tâm cho đến tên các tổ, đội, các bộ phận, ngành nghề trong xã, tất cả đều được đổi tên mới sao cho hùng tráng, mới mẻ, tiên tiến, ... Nhưng chỉ là đổi tên bên ngoài, mọi việc bên trong vẫn như cũ

Sự việc ấy xảy ra trong bối cảnh mọi người trong làng đang gặp phải khó khăn về kinh tế, tiền bạc, ruộng vườn bỏ không, chăn nuôi đình đốn.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Bệnh sĩ là tác phẩm sân khấu sau cuối của tác giả Lưu Quang Vũ. vở kịch là một trong những tác phẩm hài kịch nổi tiếng nhất của Lưu Quang Vũ nói về bối cảnh xã hội 26 năm trước đây với những vấn đề mang nhiều ý nghĩa sâu sắc xã hội và cuộc sống mà đến ngày nay người ta còn thấy thấm nhuần. Vở kịch là lời phê phán một kẻ có tính “sĩ diện hão”, nói

	rộng ra là phê phán những con người trong xã hội lúc đó thời bao cấp. Dù có nhiều yếu tố hài hước, gây cười, Bệnh sĩ cũng mang những đặc trưng giống những vở kịch khác của Lưu Quang Vũ. Các nhân vật trong kịch của ông đều không tồn tại người xấu, ý nghĩa sâu sắc kịch luôn mang thông điệp về sự trung thực, đạo đức, nhân nhữngh, điều cao đẹp ở đời. Trích đoạn “<i>Đổi tên cho làng xã</i>” do nhà biên soạn sách giáo khoa đặt tên. Chính nhan đề đoạn trích đã mang màu sắc của sự đổi mới nhưng sự thật lại khác hoàn toàn. Tác phẩm với đề tài viết về bệnh sĩ trong cuộc sống hàng ngày. Nét đặc sắc là đề tài này nhấn mạnh một căn bệnh mà nhiều người mắc phải. Đặc biệt gắn với tập tính của người dân lao động Việt Nam thời bao cấp lại hiện rõ hơn bao giờ hết. Và ngay cả thời hiện đại chúng ta cũng cần phải suy ngẫm về nó. Với mục đích là thông báo việc xã đổi tên thành xã Hùng Tâm, phố Cà, thủ phủ của sẽ thành thị trấn Hùng Tâm. Cuộc họp đã diễn ra trong niềm háo hức và mong chờ của người dân. Trong đoạn trích cũng nói lên vấn đề "bệnh sĩ" trong cuộc sống hằng ngày. Những người có chức quyền thì ham thành tích, thích sĩ diện mà thay đổi một cách không khoa học, thay đổi linh tinh, lấy những cái tên mỹ miều thay cho những cái tầm phào. Kết quả chẳng thay đổi được gì lại làm cuộc sống nhân dân càng thêm khó khăn. Cách trình bày kịch bản khác xa so với cách trình bày truyện ngắn, kí hoặc thơ. Bởi trong văn bản hài kịch chủ yếu là lời đối thoại giữa các nhân vật với nhau, đan xen vào đó là một số câu văn miêu tả hành động mà các nhân vật sẽ làm. Ngôn ngữ trong văn bản hài kịch cũng thường là ngôn ngữ hài hước, gây cười. Có thể thấy, trong hài kịch có nhiều yếu tố giống với truyện như nhân vật, cốt truyện..Tuy nhiên điểm khác biệt trong hài kịch là có tính chất gây cười và chủ yếu được mô tả qua hành động, cử chỉ, lời nói.

3. Cách xây dựng nhân vật trong hài kịch



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Nhân vật ông Chủ tịch xã Toàn Nha tiêu biểu cho kiểu người thích sống giả dối trong xã hội. - Ông Nha: nhân vật chính Nhân vật ông Chủ tịch xã Toàn Nha tiêu biểu cho kiểu người thích sống giả dối và tham vọng một cách mù quáng trong xã hội. + Thủ pháp trào phúng qua nghệ thuật phóng đại + Nhấn mạnh, khắc sâu trong lòng người đọc về căn bệnh khoa trương, hình thức đến mức giả dối và lố bịch. - Các nhân vật khác: Ông bà Đốp, ông Thịnh -> là những người thật thà, giản dị, chất phác.	Có thể thấy, nhân vật trong hài kịch chủ yếu được thể hiện qua ngôn ngữ đối thoại và có tính chất gây cười. Thủ pháp trào phúng được tác giả thể hiện rõ nét qua hành động, qua lời nói của các nhân vật. Nhờ cách xây dựng nhân vật, người đọc đã thấy được nét tính cách tiêu biểu của nhân vật ông Nha đại diện cho những người có quyền chức ở địa phương háo danh, thích khoa trương, có thể nói là rất sĩ diện. Lưu Quang Vũ tạo ra dấu ấn cho nhân vật của mình rất đặc biệt. Mỗi nhân vật là hình ảnh của những lớp người trong xã hội lúc ấy. Ví như, ông Chủ tịch xã Toàn Nha tiêu biểu cho kiểu người thích sống giả dối trong xã hội. Vốn dĩ ông chủ tịch là một người sống giả dối và tham vọng một cách mù quáng. Phải ghi nhận một điều tích cực, đó là lúc nào ông Nha cũng mong ước xây dựng và phát triển một xã khoa học để ông về vang với các xã khác và với cấp trên. Thế là, ông cũng “đi tìm để hiểu” những nơi khác nhưng chỉ tìm hiểu một cách hời hợt, chưa có sự phân tích tình hình thực tế của xã mình đã vội vàng đổi mới. Bản thân chủ tịch muốn phát triển kinh tế nhưng lại vất bỏ những thứ vốn là căn cựa cơm của người dân nơi đây. Vị chủ tịch ấy nói những từ ngữ khoa trương, lố bịch như

Ông Thành vốn là đội trưởng đội làm những nghề phụ của xã lại được phong làm Chủ nhiệm Trung tâm Công nghệ... Trong đoạn trích có sự mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt. Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đều chỉ đẩy người dân vào cái nghèo đói. Đó là sự tương phản giữa ảo tưởng và thực tế.

Đoạn trích chủ yếu toàn là lời thoại giữa các nhân vật với nhau. Lời thoại bộc lộ được đặc điểm, tính cách, có yếu tố hài hước, gây cười. Đồng thời, thủ pháp trào phúng, phóng đại cũng xuất hiện trong đoạn trích. Chi tiết ông Nha vẽ lên những viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển khoa học, giàu mạnh những thực tế nhưng thực tế chỉ là những lời nói xáo rỗng, giả dối, lố bịch.

Đoạn trích nổi bật với vấn đề "bệnh sĩ". Đây là một trong những hiện tượng gây nhức nhối trong xã hội ngày nay. Nó xuất hiện ở rất nhiều nơi, dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng tựu chung lại thì chúng đều gây ảnh hưởng xấu tới sự phát triển của xã hội. "Bệnh sĩ" khiến con người ta luôn chạy đua với thành tích, luôn muốn mình cao siêu hơn, nổi bật hơn mọi người. Họ sẵn sàng nói dối, làm sai, làm tắt, không quan tâm kết quả chỉ để thể hiện bản thân rất giỏi, rất tài, hơn người. Ví dụ như nhiều người lương ba cọc ba đồng nhưng lên mạng muốn được mọi người tung hô, sẵn sàng bỏ số tiền lớn thậm chí là đi vay mượn với giá cắt cổ để mua sắm hàng hiệu, để đi du lịch, để khoe ảnh... Và cái giá phải trả là sự nợ nần, túng quẫn khiến họ sẵn sàng làm liều. Nhiều người sẵn sàng đi ăn trộm, một số khác là cướp và một số lại tự sát. Tất cả, đều khiến trật tự xã hội bị sáo trộn.

Lưu Quang Vũ có một khả năng quan sát, nắm bắt những vấn đề nóng bỏng của đời sống một cách nhanh nhạy, sắc sảo và tinh tế cùng với tri thức giàu có về nhiều mặt. Lưu Quang Vũ rất tài trong việc đưa những chi tiết có thật trong cuộc sống trở thành những chi tiết nghệ thuật mang sức khái quát, có ý nghĩa mà không sống sượng; đồng thời đưa tác phẩm nghệ thuật phổ biến vào đời sống một cách

	thoải mái như cuộc sống đang được trung thực tái hiện lại.



1

Nghệ thuật

- Xây dựng cốt truyện nhẹ nhàng nhưng hài hước và hấp dẫn
 - Cách xây dựng nhân vật qua nhiều phương diện.
 - Văn bản thành công trong việc sử dụng thủ pháp trào phúng tạo nên tiếng cười vui vẻ.
-

Nội dung

- Văn bản kể về việc đổi tên cho xã
- Truyện phê phán bệnh sĩ
- Nhắc nhở mỗi người sống khiêm nhường, không khoa trương hình thức

2



CÁI KÍNH

I. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

- A-dít Nê-xin: 1915-1995
- + Quê: Thổ Nhĩ Kỳ
- + Là nhà văn nổi tiếng, có nhiều tác phẩm thuộc thể loại tiểu thuyết và truyện cười được dịch sang tiếng Việt.
- + Tác phẩm: Những người thích đùa, Chát xình! Chát chát bùm!, Cầu thủ bóng đá, ...



Tác phẩm ✓



- Xuất xứ: trích trong “Những người thích đùa”, Thái Hà dịch (NXB Văn học, Hà Nội, 2014)
- Thể loại: truyện cười
- PTBĐ: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Ngôi kể: Thứ nhất

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Tóm tắt

2

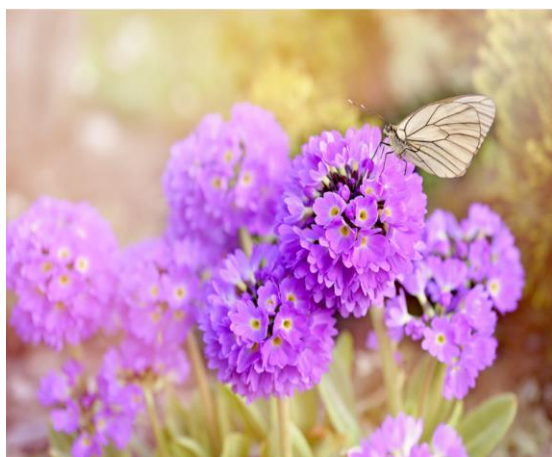
Nhân vật “tôi” và những chiếc kính

3

Nhân vật những người bác sĩ



1. Tóm tắt



Truyện kể về nhân vật "tôi" - một người thích tỏ ra mình là một tri thức chính hiệu. Vì muốn đeo kính, anh ta đi khám mắt. Lần đầu, bác sĩ bảo anh ta cận và cho anh ta đeo kính cận, kết quả là khi đeo anh ta luôn cảm thấy buồn nôn. Lần hai đi khám, anh ta bị bảo là mắt bị viễn thị, anh ta đeo kính mới mà mắt lúc nào cũng đỏ hoe. Lần thứ ba đi khám, người ta bảo anh bị loạn thị, anh đeo kính thì nhìn cái gì cũng lù ra xa khiến anh khó khăn trong giao tiếp và ăn uống. Lần thứ tư đi khám, anh đeo kính mới nhìn cái gì cũng hóa hai. Lần thứ năm đi khám, bác sĩ phán anh một mắt viễn thị, một mắt cận thị. Anh đổi sang kính khác và không phân biệt được sáng, tối nữa. Sau đó anh đi khám ở nhiều nơi khác, lại uống thuốc, lại tiêm... nhưng vẫn không nhìn rõ được. Một lần, anh bị ngã, kính rơi ra, người khác giúp anh nhặt lại. Từ lúc đó anh nhìn cái gì cũng rõ hẳn. Đến khi vợ anh nhắc, anh mới biết kính mình bị vỡ.

2. Nhân vật “tôi” và những chiếc kính

Tình huống truyện độc đáo xoay quanh việc đeo kính của nhân vật tôi, từ đó mở ra tiếng cười độc đáo, sâu sắc, đầy giá trị nhân văn đời sống

Nhân vật tôi hiện lên là người háo danh, kém hiểu biết, khao khát ước mơ được mọi người ngưỡng mộ, tán thưởng để rồi nhận lấy kết cục đáng thương, đáng cười, đáng trách.

Nghệ thuật đối lập giữ cái bề ngoài với bản chất bên trong, giữ hành động và phẩm chất, giữ thật thà với ảo tưởng từ đó bật ra tiếng cười sáng khoái cho người đọc

Nhận xét:

→ Phê phán kẻ ham hư vinh, hào nhoáng bên ngoài, để ta hiểu ra rằng cái đẹp ở đời, sự tôn vinh của mọi người cho ta không quyết định nơi hình thức mà quan trọng hơn là trí tuệ, nhân cách, lối sống của bản thân

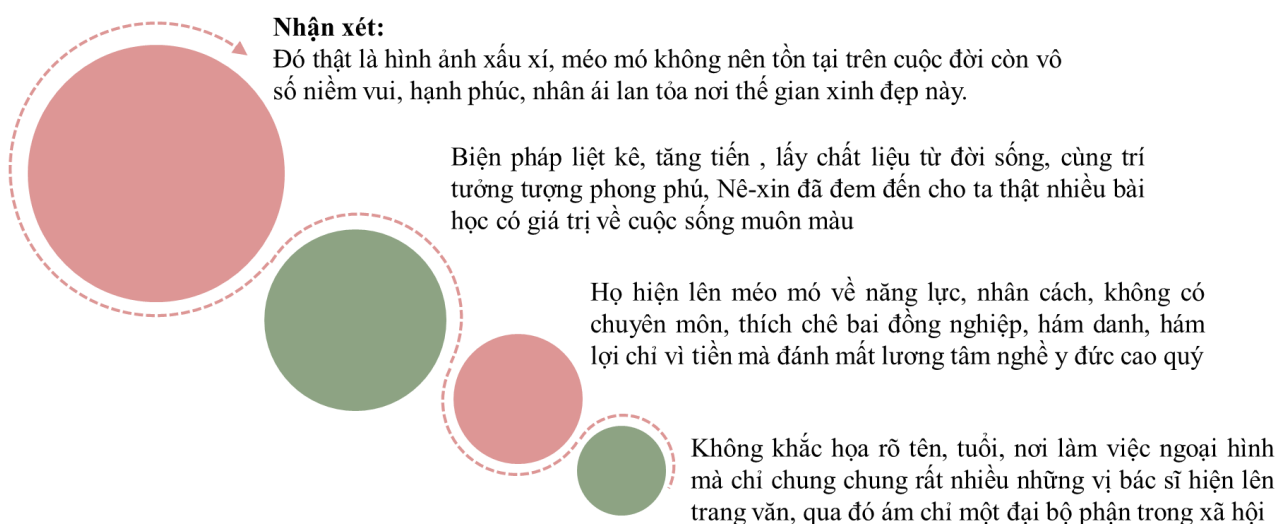
KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Có nhà thơ khi chiêm nghiệm về lẽ đời nhân thế mà đã tự bộc bạch rằng: <i>Sợ miệng lưỡi khen chê, Ta tập chiều lòng thiên hạ Tập mua vui cho con mắt người đời Ngẫm đời ta khác chi đời hoa giả</i> Phải chăng lời bộc bạch chua chát, xót xa ấy, cũng chính là suy tư sâu sắc được gửi lại từ tứ thơ ngân nga, trầm bổng trước dòng chảy vô định của cuộc đời. Để ta hiểu ra rằng, đôi khi có những con người chưa một lần tự sống cho chính mình mà luôn dựa vào ánh mắt của người khác mà tồn tại. Thế nên, ngộ được triết lí sống này, tác giả Nê-Xin một nhà văn Thổ Nhĩ Kỳ, đã khe khẽ tặng cho bạn đọc bức thông

- Nhân vật tôi đi đo kính vì: + Một người bạn gợi ý. + Mắt mờ hẳn từ sau khi gặp người bạn đó. + Vì nghĩ rằng đeo kính vào thì trông sẽ tri thức hơn.	điệp tự đáy lòng mình qua tác phẩm “<i>Chiếc kính</i>” – lãng kính nhìn cuộc đời qua đôi mắt hay từ nhận thức của con người? Ai sinh ra trên cuộc đời đều muốn mình trở nên hoàn mỹ, đẹp đẽ, thành công khiến mọi người ngưỡng mộ, ca tụng, ai chẳng mong vinh hoa phú quý, mong cuộc đời dành cho ta những thứ cao sang, ưu ái nhất. Thế nhưng, ở đời đâu phải một vòng tròn khép kín mọi may mắn, hạnh phúc san sẻ cho vạn vật, cho muôn kiếp sống nhân sinh. Bởi vậy mà, trên cuộc đua danh vọng ấy, có những người chẳng bao giờ chịu sống an nhiên, luôn bức tức vì vô số điều mà bản thân không có, mong cầu như đúng tâm lý của nhân vật “<i>tôi</i>” trong câu truyện. Ở đó, nhà văn Nê-xin không tập trung nhiều về số phận, hoàn cảnh cụ thể của “<i>tôi</i>”, cũng chẳng kể lể, giới thiệu ngoại hình, bề ngoài anh ta có mà ông chỉ tái hiện lại cốt truyện xoay quanh việc mua kính, đeo kính để nhằm làm bộc lộ tính cách của nhân vật rõ nét nhất trong lòng người đọc. Không phải tự nhiên “<i>tôi</i>” muốn mua kính, cái ý nghĩ ấy chỉ đến khi anh ta được gợi ý từ một người bạn và ám ảnh bởi câu nói “<i>Tuổi anh bây giờ là phải đeo kính rồi chứ sao nữa. Không đeo mắt hồng nặng không nhìn thấy gì đâu</i>”. Không rõ, người bạn kia dựa vào đâu, căn cứ nào để phán một câu như vậy, chẳng lẽ người ta quy định phải có độ tuổi đeo kính để giữ mắt luôn sáng hay sao? Nghịch lý ấy thật nực cười, vậy mà đâu cần kiểm chứng lời nói của bạn, “<i>tôi</i>” mắt vẫn đang rất sáng bằng “<i>tư duy mờ hẳn, nhìn gần, nhìn xa đều không rõ nữa</i>”, rõ ràng trong cách đặt vấn đề và vào truyện của nhà văn rất phi lý, song lại vô cùng hợp lý. Bởi, nó như phản ánh tâm trạng, suy nghĩ của con người trong cuộc sống khi ám ảnh trước cái gì quá mức sẽ luôn cảm thấy mình cần phải có được điều ấy ngay lập tức. Giống như “<i>tôi</i>” vì đam mê, thèm muốn hơn hết là khao khát trở thành một con người trí thức, mà trí thức nhất thiết phải đeo kính nó mới ra dáng, do đó anh ta chỉ cần nhìn thấy một người bán thịt lợn “<i>để trán hói, cho kính vào</i>” cũng “<i>chẳng khác gì giáo sư đại học</i>”. Thế nên, câu nói của người bạn chỉ là chất xúc tác rồi hoàn thiện hơn mong muốn vốn

→ Đeo kính không phải vì mắt khó nhìn mà vì trông cho tri thức hơn; thậm chí bị ảo tưởng khiến cho mắt bị mờ đi. Đây là một người sĩ diện, thích khoe khoang, thích được người nể trọng vì “tri thức” của mình. - Lần 1: Cứ đeo vào là “tôi” thấy mặt mày sa sầm, buồn nôn không chịu được. - Lần 2: Anh ta đeo kính mới mà mắt lúc nào cũng đỏ hoe. - Lần 3: Anh đeo kính thì nhìn cái gì cũng lùì ra xa khiến anh khó khăn khi bắt tay, đi lại và ăn uống. - Lần 4: Anh đeo kính mới nhìn cái gì cũng hóa hai. - Lần 5: Anh đổi sang kính khác và không phân biệt được sáng, tối nữa. → Vì không có bệnh về mắt nên người đàn ông đeo kính nào cũng không phù hợp, dù rằng đã đi khám đủ các bác sĩ trong ngoài nước.	đã ẩn sâu, được nuôi nấng trong suy nghĩ của tôi phải “<i>sắm cái kính mà đeo</i>” để “<i>ai nhìn thấy tôi, người ta phải bảo bác học đấy!</i>”. Cánh cửa dẫn dắt ta vào thế giới của câu chuyện qua lời văn nhẹ nhàng, chủ yếu bằng suy nghĩ của nhân vật, nhưng lại vô cùng sâu cay, nó như phản ánh thức tề của rất nhiều con người hiện nay, giống như “tôi” đeo kính không phải vì mắt khó nhìn mà vì trông cho tri thức hơn; thậm chí bị ảo tưởng khiến cho mắt bị mờ đi. Đây là một người sĩ diện, thích khoe khoang, thích được người nể trọng vì “<i>tri thức</i>” của mình. Giữa màn đêm ánh trăng tròn phát sáng, chẳng cần phô trương, chỉ lặng lẽ giữa ngàn sao lấp lánh, trong rừng sâu hoa thơm ẩn mình giữa ngàn lá xanh vẫn phô sắc, tỏa ngát, dịu dàng. Quy luật của tự nhiên đã vậy, con người cũng thế, nếu đã mang bên mình tâm hồn và trí tuệ đủ lớn tự bản thân ta sẽ thu hút mọi ánh nhìn ngưỡng mộ, thế nhưng đâu phải ai cũng hiểu được điều đó, giống như nhân vật “tôi” trong câu chuyện mà tác giả đem đến vậy. Chỉ vì khao khát được ca tụng cái mà mình không có, điều hoang tưởng chỉ mình anh ta xây dựng trong tâm tư, suy nghĩ của mình mà “tôi” tốn biết bao nhiêu tiền mua kính, khám bệnh để đổi lấy những điều dở khóc, dở cười. Chẳng dở khóc, dở cười sao mỗi lần mua kính của anh là mỗi lần người đọc nhận ra sự ngu dốt xen lẫn háo danh, đua đòi, kém hiểu biết đến lố bịch khi năm lần đổi kính là năm lần chàng ta choáng váng với những căn bệnh lạ, không rõ từ đâu. Lúc thì “<i>đeo vào là “tôi” thấy mặt mày sa sầm, buồn nôn không chịu được</i>”, không chịu nổi lại đi khám nhưng “<i>đeo kính mới mà mắt lúc nào cũng đỏ hoe</i>”, hay “<i>nhìn cái gì cũng lùì ra xa khiến anh khó khăn khi bắt tay, đi lại và ăn uống</i>”, rồi “<i>nhìn cái gì cũng hóa hai</i>”, có đổi bao nhiêu lần, khám bao nhiêu người kê bao nhiêu đơn, thậm chí ra bao nhiêu bệnh vẫn “<i>đi đường thẳng mà như đi xuống cầu thang, mỗi bậc cách nhau hàng bốn, năm chục phân</i>”. Tiếng cười lúc này bật lên thật khoái trá, nhưng cũng thật chua xót, người đọc ai cũng đều nhận ra căn bệnh cố hữu đến bực mình của nhân vật, nhưng chính anh ta lại chẳng thể phát hiện ra. Để rồi chỉ đến khi một sự cố, cái rủi

➔ Bản chất ngu dốt của anh ta được lột tả, cũng là lúc bật ra sự lố bịch đầy đối lập giữa mong muốn và hành động, giữa bề ngoài với nhận thức. Từ đây, ta hiểu rằng cái đẹp ở đời, sự tôn vinh của mọi người cho ta không quyết định nơi hình thức mà quan trọng hơn là trí tuệ, nhân cách, lối sống của bản thân.	ùa đến qua “<i>cú ngã lăn xuống dưới, làm kính vỡ ra</i>” chàng ta mới phát hiện mắt mình vẫn sáng, tinh anh và khỏe mạnh. Có lẽ, tài năng kể chuyện của tác giả là một bút pháp vô cùng độc đáo trong văn học, nhưng cái mà ta thấm sâu cay, mạnh mẽ nhất phải ở triết lí sống ẩn lấp sau lời kể bình tĩnh, nhẹ nhàng như lời tự truyện của “<i>tôi</i>” về chính mình. Qua đó, bản chất ngu dốt của anh ta được lột tả, cũng là lúc bật ra sự lố bịch đầy đối lập giữa mong muốn và hành động, giữa bề ngoài với nhận thức. Từ đây, ta hiểu rằng cái đẹp ở đời, sự tôn vinh của mọi người cho ta không quyết định nơi hình thức mà quan trọng hơn là trí tuệ, nhân cách, lối sống của bản thân ta bên thế giới nhân sinh tươi đẹp này.

3. Nhân vật những người bác sĩ



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Một con công xòe đôi cánh phô vẽ diễm lệ với vạn vật vì nó biết vẻ đẹp của mình, một chú sơn ca cất tiếng hót véo von dâng cho đời bởi nhận ra được chất giọng ngọt ngào mà tự nhiên ban tặng. Thế nhưng, một con người nếu ta chưa biết rõ mình có gì, thiếu sót ra sao vẫn cần lắm một người nhẹ nhàng chỉ rõ, khuyên bảo, định hướng. Ấy vậy mà, nhân vật “<i>tôi</i>” ảo tưởng, mù quáng với niềm tin khoe mẽ của mình mong đi khám bệnh không biết bao lần chỉ muốn tìm ra căn nguyên để được đeo

-Người có chuyên môn là rất nhiều vị bác sĩ đáng kính kia luôn tìm ra các bệnh lí khác nhau nào là “<i>cận thị</i>”, đến “<i>viễn thị</i>”, rồi “<i>loạn thị</i>”, “<i>mù màu</i>”... Đều là các căn bệnh nguy hiểm cần đến kính cả, nhưng cuối cùng vẫn chẳng ai khiến mắt anh chàng sáng lại. - Chưa một lần họ tự nhìn vào năng lực và tâm huyết của bản thân để khám, để chữa cho bệnh nhân đúng với lương tâm người lương y -Biện pháp liệt kê, cùng nghệ thuật tăng tiến giới thiệu từng bác sĩ thường, tới có tiếng tăm, đến giáo sư, hay mới tốt nghiệp từ Mỹ, Đức về họ vẫn chỉ là những con người có danh vô thực, chẳng đáng cho ta tôn trọng, kính phục. -Thông điệp: Không nên sĩ diện hay quá coi trọng cái bên ngoài bóng bẩy mà để bên trong sáo rỗng. - Còn tồn tại những người bị bệnh “<i>tuởng</i>”, tự ám ảnh và tự làm khổ chính mình cùng những người xung quanh. - Trong xã hội, vẫn còn có những thầy thuốc khám bệnh không vì y đức và tình yêu thương đối với người bệnh mà vì danh lợi, của cải vật chất. ➔Hình ảnh những vị bác sĩ trong truyện là hình ảnh xấu xí, méo mó không nên tồn tại trên cuộc đời còn vô số niềm vui, hạnh phúc, nhân ái lan tỏa nơi thế gian xinh đẹp này.	kính. Song người có chuyên môn là rất nhiều vị bác sĩ đáng kính kia lại luôn tìm ra các bệnh lí khác nhau như “<i>cận thị</i>”, đến “<i>viễn thị</i>”, rồi “<i>loạn thị</i>”, “<i>mù màu</i>”... Đều là các căn bệnh nguy hiểm cần đến kính, nhưng cuối cùng vẫn chẳng ai khiến mắt anh chàng sáng lại, nhìn rõ, dễ dàng thực hiện những sinh hoạt đời thường, thay vào ấy họ hòa vào người sau chệch bai người trước kém cỏi, dốt nát. Mà chưa một lần họ tự nhìn vào năng lực và tâm huyết của bản thân để khám, để chữa cho bệnh nhân đúng với lương tâm người lương y. Phải chăng, xây dựng hàng loạt các nhân vật phụ đóng vai trò định hướng, xoay quanh chiếc kính của “<i>tôi</i>” chính là cú đòn chí mạng mà nhà văn muốn phản ánh tới một tầng lớp trí thức nhưng kém cỏi tài năng, vô cảm với nghề, cũng thích sĩ diện, chỉ mong kiến lời văn đâu đó hiện hữu trong cuộc sống hàng ngày mà ta thường bắt gặp. Để rồi, qua biện pháp liệt kê, cùng nghệ thuật tăng tiến giới thiệu từng bác sĩ thường, tới có tiếng tăm, đến giáo sư, hay mới tốt nghiệp từ Mỹ, Đức về họ vẫn chỉ là những con người có danh vô thực, chẳng đáng cho ta tôn trọng, kính phục. Lấy chất liệu từ đời sống, cùng trí tưởng tượng phong phú, Nê-xin đã đem đến cho ta thật nhiều bài học có giá trị về cuộc sống muôn màu, muôn sắc khiến ta hiểu rằng ở đời không nên sĩ diện hay quá coi trọng cái bên ngoài bóng bẩy mà để bên trong sáo rỗng. Cần nhìn đúng, nhìn thẳng vào thực tế của bản thân, đừng mắc bệnh “<i>tuởng</i>”, tự ám ảnh và tự làm khổ chính mình cùng những người xung quanh. Đồng thời cần biết phê phán, lên án, vạch trần bộ mặt của những kẻ mượn mác trí thức bóng bẩy, giỏi giang như rất nhiều người bác sĩ trong câu truyện không vì y đức và tình yêu thương đối với người bệnh mà vì danh lợi, của cải vật chất mà làm giàu cho túi tiền của mình, bất chấp nỗi đau của sinh mạng, sức khỏe con người. Đó thật là hình ảnh xấu xí, méo mó không nên tồn tại trên cuộc đời còn vô số niềm vui, hạnh phúc, nhân ái lan tỏa nơi thế gian xinh đẹp này. Lăng kính cuộc sống trao cho ta biết bao màu sắc, có khi tràn ngập ánh hồng long lanh, tươi đẹp, có lúc lại xanh lam lấp lánh hi vọng, yêu đời,

	hay đen, xám nổi hờn buồn tủi. Thế nhưng, dù là màu gì đi nữa thì quan trọng hơn hết tâm ta đủ sáng, mắt ta đủ trong, tim ta đủ đỏ tươi với đời thì lúc ấy mọi thứ đều an nhiên và hạnh phúc. Chắc hẳn đó cũng là tâm niệm mà Nê-xin với “cái kính” đã gửi tới cho bạn đọc khắp năm châu, giúp ta hiểu rõ ràng hơn chân lí tươi đẹp, bền bỉ còn mãi với thời gian ở đời rằng: <i>Biết sống đâu chỉ là cảm xúc</i> <i>Đâu chỉ là lí trí nhiều suy tư</i> <i>Biết sống dường như là biết chết</i> <i>Biết chết đi trong thức tỉnh phận người...</i>



1

Nghệ thuật

Cốt truyện giản dị, đời thường, sử dụng thành công thủ pháp phóng đại để tạo ra được tiếng cười phê phán nhẹ nhàng nhưng ý nghĩa sâu sắc, thấm thía, ...

Nội dung

Dùng tiếng cười nhẹ nhàng phê phán hiện tượng bệnh tưởng trong cuộc sống và sự thiếu trách nhiệm trong khám chữa bệnh của một số y, bác sĩ.

2



HỊCH TƯỚNG SĨ

I. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

- Trần Quốc Tuấn (1231-1300) còn được gọi là Hưng Đạo Đại Vương
- Cuộc đời: Là danh tướng kiệt xuất của dân tộc
 - + Năm 1285 và năm 1288. Ông chỉ huy quân đội đánh tan hai cuộc xâm lược của quân Nguyên-Mông
 - + Ông lập nhiều chiến công lớn: 2 lần đánh tan quân Nguyên Mông
 - + Tác phẩm nổi bật: “Bình thư yếu lược”, “Đại Việt sử kí toàn thư”.



Tác phẩm ✓



- Hoàn cảnh sáng tác: Bài hịch được viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ 2 năm 1285.
- Xuất xứ: Nằm trong cuốn “*Bình thư yếu lược*”
- Thể loại: Hịch
- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Tác giả nêu ra các gương trung thần nghĩa sĩ

2

Tác giả bày tỏ lòng căm thù giặc sâu sắc.

3

Tác giả phân tích, chấn chỉnh những sai lệch trong hàng ngũ tướng sĩ.

4

Nêu ra việc trước mắt phải làm và khích lệ nghĩa khí tướng sĩ.



0. Đặc điểm thể loại

Là thể văn nghị luận thời xưa, được vua chúa, tướng lĩnh, thủ lĩnh dùng để cổ động, thuyết phục, kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.

Kết cấu chặt chẽ, có lí luận sắc bén, có dẫn chứng thuyết phục



Đặc điểm nổi bật: là khích lệ tình cảm, tinh thần người nghe, thường được viết theo thể văn biền ngẫu

1. Tác giả nêu ra các gương trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước đã được lưu truyền trong sử sách để khích lệ lòng người.

01

Nêu gương trung thần, nghĩa sĩ trong sử sách.



02

Nêu gương trung thần, nghĩa sĩ trong thực tế mới



03

Mượn những tấm gương về anh hùng, nghĩa sĩ sẵn sàng hi sinh về chủ đề làm đòn bẩy khích lệ tinh thần đấu tranh.

Nhận xét

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Bóng tối của lịch sử sẽ khiến cả một dân tộc có thể bị đắm chìm hàng nghìn năm bởi sự lệ thuộc vì không muốn đấu tranh trước kẻ bạo tàn, nhưng ánh sáng của lịch sử sẽ tỏa rạng, vang danh hàng triệu năm khi dân tộc ấy sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của mình. Mỗi người đều có quyền chọn bóng tối hay ánh sáng, song giang sơn đất nước thì chỉ có một con đường duy nhất đó là đấu tranh. Hiểu được bài học lịch sử to lớn ấy, đối diện với giặc ngoại xâm Trần Quốc Tuấn đã chọn cho mình lối đi vinh quang, bước ra ánh sáng bằng hành động kêu gọi toàn thể binh sĩ đứng lên chiến đấu, lời triệu hồi đó được tác giả gửi gắm qua văn bản “<i>Hịch tướng sĩ</i>”- tiếng gọi non sông khi tổ quốc lâm nguy.

-Hoàn cảnh: Năm 1284 khi nghe tin giặc Nguyên- Mông chuẩn bị xuất quân xâm lược nước ta, lần này chúng mang theo 50 vạn quân tinh nhuệ=> Thế giặc mạnh, ngôn cuồng. -Nêu gương anh hùng nghĩa sĩ: “Kí Tín”, hay “Do Vu”, rồi “Dự Nhượng”, cho đến những người dân bình thường vì mến chủ, yêu nước mà xả thân với đời “Thân Khoái”, “Kính Đức”... “Cốt Đãi Ngột Lang”, là “Vương Công Kiên”, là “Xích Tu tư”... => Biện pháp liệt kê, trích dẫn sử tạo tiền đề cho việc phân tích, lập luận của tác giả.	Năm 1284 khi nghe tin giặc Nguyên- Mông vì mỗi nhục thua trận trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất chuẩn bị xuất quân xâm lược nước ta, lần này chúng mang theo 50 vạn quân tinh nhuệ, hiếu chiến với khát vọng mượn bàn đạp từ Đại Việt mà bành trướng lãnh thổ ra các nước ở Châu Á. Nhận được tin dữ quân dân nhà Trần đều lo lắng không thôi, thế nhưng với tấm lòng yêu nước, với ý chí kiên cường và bản lĩnh không chịu cúi đầu trước kẻ thù chúng ta đã chủ động chuẩn bị nghênh chiến, đón giặc bằng việc tập trận không kể ngày đêm tại Đông Bộ Đầu (Thăng Long). Lần này ra trận đầu sẽ rơi, máu sẽ đổ, quân ta có thể tan tác, lãnh ít dữ nhiều, nên nhận được nhiệm vụ là người chỉ huy đứng đầu ba quân tham chiến Trần Quốc Tuấn vẫn cứng cỏi, mạnh mẽ là người tiên phong để dẫn quân ra trận. Trước khi trận chiến bắt đầu ông viết bài hịch nhằm khích lệ tinh thần quân sĩ, nhưng cũng là để động viên chính mình. Mở đầu bài hịch người đọc sẽ thật bất ngờ khi hàng loạt những anh hùng trong sử sách đều được liệt kê, gọi tên, điểm mặt, từ tướng lĩnh như “<i>Kí Tín</i>”, hay “<i>Do Vu</i>”, rồi “<i>Dự Nhượng</i>”, cho đến những người dân bình thường vì mến chủ, yêu nước mà xả thân với đời “<i>Thân Khoái</i>”, “<i>Kính Đức</i>”... Họ có thể xuất thân khác nhau, hi sinh trong cảnh chiến trường không giống nhau nhưng cái mà họ để lại cho lịch sử là hành động trung thành, là tấm gương sáng để đời ngợi ca. Việc trích sử sách xưa nay xuất hiện không hiếm trong văn học Trung Đại, bởi đó như một bước đệm để các nhà văn, nhà thơ nêu lên điều mình nói. Thế nhưng, cách nêu gương mà Trần Quốc Tuấn làm lại rất đặc biệt và có phần kì lạ! Đặc biệt ở chỗ nó đã khơi gợi khát vọng cống hiến, được lưu cùng thiên thu, vinh dự ngẩng đầu với hậu thế, song nó cũng thật kì lạ vì theo dòng lịch sử ta biết rằng Trung Hoa vốn là kẻ thù không đội trời chung với ta, chúng nhắm nhe luôn muốn lợi dụng cơ hội để thôn tính, để nuốt chửng người bạn láng giềng “nhỏ bé” Đại Việt. Vậy việc lấy kẻ thù làm gương, việc ca ngợi chúng trong lời kêu gọi toàn quân chiến đấu có phải việc đúng đắn? Với cách nhìn của một chủ tướng anh minh,

=> Nêu gương không chỉ một thói quen của tác giả, mà nó còn là một chiêu thức tinh nhân tâm thật sự hiệu quả để khơi gợi tinh thần, ý chí và lòng quyết tâm đánh bại kẻ thù.	Trần Quốc Tuấn đã khiến ta phải ngã mũ thán phục cái cách mà ông nhìn nhận kẻ thù, có ơn ắt báo, có oán ắt đòi và đáng khen, đáng học thì ta cũng nhìn vào đó công tâm mà ghi nhận. Không chỉ dừng lại ở việc trích dẫn lịch sử xa xưa, để thuyết phục tướng lĩnh tác giả còn nêu ngay những tấm gương mới đây trong đó là “<i>Cốt Đãi Ngột Lang</i>”, là “<i>Vương Công Kiên</i>”, là “<i>Xích Tu tư</i>”... Cái hay của Trần Quốc Tuấn khi sử dụng hàng loạt các nhân vật nổi tiếng của nhà Nguyên để làm đòn bẩy, khích tướng, khiến quân sĩ của ta càng xấu hổ, căm giận mà hành động. Trên chiến trường người thắng, kẻ bại khác nhau không chỉ bởi sức mạnh về thể lực mà còn về ý chí tinh thần và cái đầu đốn, nhục nhã nhất là để kẻ thù có được những thứ mà ta không cố gắng để có. Thế nên, dẫn lịch sử Trung Quốc không chỉ là một thói quen của tác giả, mà nó còn là một chiêu thức tinh nhân tâm thật sự hiệu quả để khơi gợi tinh thần, ý chí và lòng quyết tâm đánh bại kẻ thù, tạo nên ánh hào quang tỏa rạng trong lòng non sông, tổ quốc của chính mình.

2. Từ việc phơi bày bộ mặt xấu xa của sứ giặc, tác giả bày tỏ lòng căm thù giặc sâu sắc.

Hoàn cảnh

Đất nước loạn lạc,
giặc hoành hành,
ngông cuồng

Nỗi lòng

Chủ tướng đau xót,
phẫn uất, sục sôi
quyết tâm chiến đấu

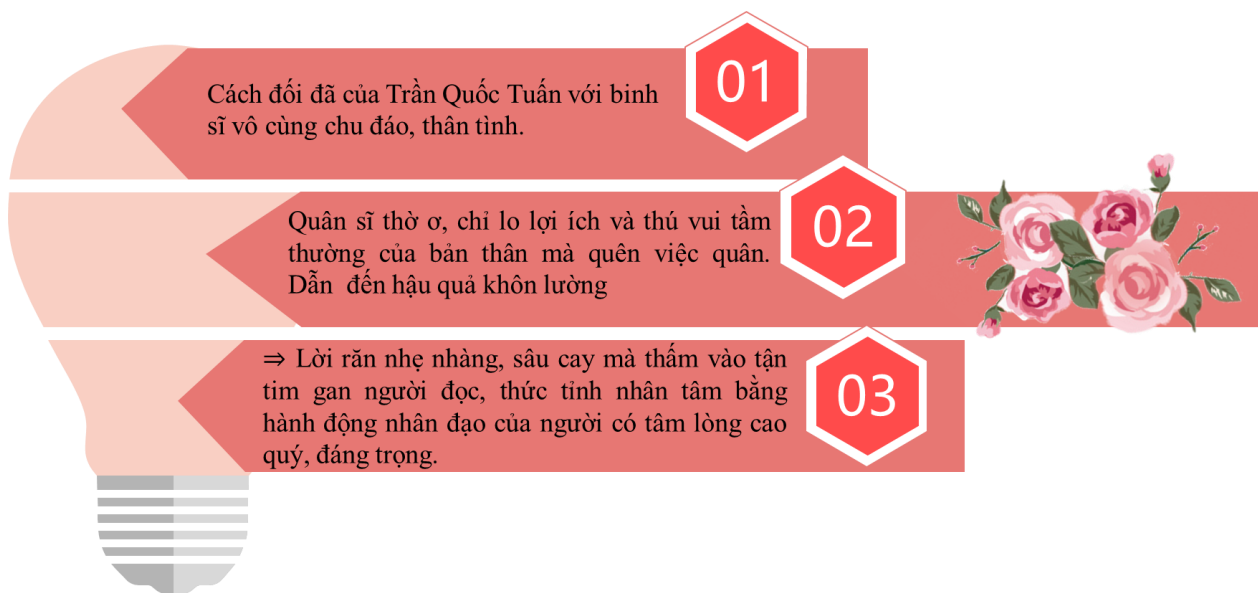
Nhận xét

⇒ Lấy tình cảm để
khơi gợi sự đồng
cảm từ binh lính từ
đó khích lệ học
chiến đấu bảo vệ
non sông

Kiến thức trọng tâm	Bài viết tham khảo
	Quá khứ là những gì đã qua mà ta không thể thay đổi, hiện tại lại mang đến hành trình đang diễn ra mà vận mệnh của tương lai nằm ngay trong giờ

-Tình cảnh đất nước: “loạn lạc”, trong buổi “gian nan”=> Có giặc ngoại xâm, đất nước lầm than -Hành động của giặc: <i>đi lại nghênh ngang ngoài đường</i>”, chỉ là “<i>sứ thần</i>” mang vai trò hòa hảo thôi mà “<i>nghênh ngang</i>”, mà chửi mắng cả “<i>triều đình</i>”, không ngại ngần “<i>bắt nạt tể phụ</i>”, tham lam muốn “<i>vơ vét</i>” của kho có hạn, hành động của chúng chẳng khác nào “<i>dê chó</i>”, “<i>cú điều</i>” lông quyền, đe ép=> Biện pháp liệt kê, ẩn dụ (vật hóa) nhấn mạnh tội ác của giặc. -Tâm sự của vị chủ tướng: nỗi đau đến mức “<i>tới bữa quên ăn</i>”, uất đến độ “<i>nửa đêm vỗ gối</i>” để rồi ngày từng ngày chồng chất lên nhau khiến “<i>ruột đau như cắt</i>”, “<i>nước mắt đầm đìa</i>”. Hành động: “<i>trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa</i>” mà “<i>lột</i>” được “<i>da</i>”, mà “<i>uống</i>” hết “<i>máu</i>” quân thù.=> Nghệ thuật khoa trương, nói quá, kết hợp ẩn dụ, liệt kê, nhằm nhấn mạnh lòng căm giận ngàn ngút trước quân thù. → Lấy tình cảm để khơi gợi sự đồng cảm từ binh lính đó là cái tài, cái hay mà vị chủ tướng lỗi lạc này dùng ngòi bút để điều binh, khiến tướng đã làm được.	khắc có tính quyết định này. Thế nên, hiểu được điều đó Trần Quốc Tuấn đau đớn trước thực cảnh trước mắt nước mất nhà tan, lầm than khổ khổ chỉ vì hai chữ ngoại xâm đem đến nghịch cảnh “loạn lạc”, trong buổi “gian nan”. Ngòi bút của ông có lẽ đã rỉ máu, trái tim của ông trong khoảnh khắc này cũng đang quặn thắt khi khắc họa lại thực cảnh của non sông “<i>Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường</i>”, chỉ là “<i>sứ thần</i>” mang vai trò hòa hảo thôi mà “<i>nghênh ngang</i>”, mà chửi mắng cả “<i>triều đình</i>”, không ngại ngần “<i>bắt nạt tể phụ</i>”, tham lam muốn “<i>vơ vét</i>” của kho có hạn, hành động của chúng chẳng khác nào “<i>dê chó</i>”, “<i>cú điều</i>” lông quyền, đe ép. Lúc này đây tâm lòng yêu nước thương dân của Trần quốc Tuấn chỉ đau đớn thôi chưa đủ, xót xa thôi chưa đành mà nó là nỗi nhục thiên thu không thể rửa hết, uất ức và ghen ngào, đau xót và căm tức đó là những gì tác giả đã đem đến gửi gắm qua biện pháp ẩn dụ vật hóa để nói về giặc về bối cảnh nước nhà tang thương lúc bấy giờ. Trong hoàn cảnh ấy, vị chủ tướng đã bày tỏ tâm can qua những từ ngữ sống động như đang nhảy múa trên từng trang giấy, đó là nỗi đau đến mức “<i>tới bữa quên ăn</i>”, uất đến độ “<i>nửa đêm vỗ gối</i>” để rồi ngày từng ngày chồng chất lên nhau khiến “<i>ruột đau như cắt</i>”, “<i>nước mắt đầm đìa</i>”. Tác giả đã dùng biện pháp nói quá phóng đại tâm trạng của mình, nhưng có lẽ nếu đo đếm đến tâm can ông lúc này thì bấy nhiêu cái phóng đại đó chắc hẳn cũng không thể đủ để diễn tả hết bằng lời. Để rồi trong phút chót nỗi đau hóa thành hành động sẵn sàng hi sinh thân mình dù có phải chịu cảnh “<i>trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa</i>” mà “<i>lột</i>” được “<i>da</i>”, mà “<i>uống</i>” hết “<i>máu</i>” quân thù thì ông cũng cam lòng, thỏa mãn nỗi đau, nỗi nhục nước non đang gánh chịu. Mỗi câu văn tuôn trào, như đang cực tả nỗi đau đớn, niềm uất hận, rồi mượn điều ấy đánh vào tâm tư, lấy tình cảm để khơi gợi sự đồng cảm từ binh lính đó là cái tài, cái hay mà vị chủ tướng lỗi lạc này dùng ngòi bút để điều binh, khiến tướng đã làm được.

3. Từ khắc sâu mỗi gắn bó ân tình giữa chủ và tướng, tác giả phân tích rõ thiết hơn, được mất, đúng sai để chấn chỉnh những sai lạc trong hàng ngũ tướng sĩ.



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Tấm lòng chủ tướng: “<i>không có áo</i>” sẵn sàng “<i>cho áo</i>”, thiếu cái “<i>ăn</i>” vội vàng “<i>cho ăn</i>”, thấy cảnh thiếu thốn “<i>lương ít</i>”, lại nhẹ nhàng “<i>cấp bổng</i>”, lo từng việc “<i>cấp thuyền</i>”, “<i>cấp ngựa</i>” =>Liệt kê, nêu lí lẽ, dẫn chứng cụ thể, rõ ràng, thể hiện hành động ân cần, hết lòng mà chu đáo khiến ta xúc động, trân quý, đáng trọng.	Trong xã hội phong kiến danh dự của kẻ quân tử được coi là lẽ sống, đạo lí của kẻ học sĩ được coi là phương châm và lòng trung thành của người cầm binh đao lại ví như một lời thề không thể thay đổi. Đánh đúng tâm lí đó, Trần Quốc Tuấn kể lòng mình rồi khéo léo chỉ cho cấp dưới rõ đây là lúc họ cần trả ơn, chứ không phải “<i>thấy nước nhục</i>” chỉ thờ ơ “<i>không biết lo</i>”, “<i>thấy chủ nhục</i>” lại quảnh mặt làm ngơ. Từ đó, khơi lòng trung thành, khơi đạo lí sống và cốt cách của quân lính cũng là lúc chủ tướng chỉ cho họ rõ tấm lòng của mình khi đối đãi với kẻ dưới sâu đậm, chân thành ra sao? Một chủ tướng lo lắng cho quân lính như người nhà, một chủ tướng sẵn sàng chia sẻ, chăm sóc kẻ dưới như cha với đứa con thơ “<i>không có áo</i>” sẵn sàng “<i>cho áo</i>”, thiếu cái “<i>ăn</i>” vội vàng “<i>cho ăn</i>”, thấy cảnh thiếu thốn “<i>lương ít</i>”, lại nhẹ nhàng “<i>cấp bổng</i>”, lo từng việc “<i>cấp thuyền</i>”, “<i>cấp ngựa</i>” đó có phải là hành động ân cần, hết lòng mà chu đáo khiến ta xúc động, trân quý, đáng trọng ở cuộc đời này hay chăng? Kẻ đối tốt với ta một ta phải nhớ ơn để trả gấp mười, song việc ta giúp người hàng trăm cũng chẳng cần bận tâm, thế nhưng Trần Quốc Tuấn kể lại ở đây không nhằm mục đích tính

- Hành động sai trái của binh sĩ: mãi “săn bắn”, thích “nghe nhạc”, vui “chọi gà”, mê “tiếng hát”, vui thú “ruộng vườn”, quyến luyến “vợ con”...=> Biện pháp đối lập, liệt kê, hình ảnh tượng trưng độc đáo, thể hiện những việc làm khó chấp nhận với võ tướng phải hết lòng lo binh đao, giờ càng chẳng thể tha thứ khi vận nước nguy nan mà kẻ sắp ra chiến trường lại không hướng lòng phục vụ nước. - Hậu quả: "Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc..... các người muốn vui vẻ phỏng có được không?" xã tắc không còn, tổ tông bị “giày xéo”, tiếng thơm của cả chủ, cả tướng lưu danh muôn đời không rửa sạch nhục. => Lời răn nhẹ nhàng, sâu cay mà thấm vào tận tim gan người đọc	toán, đòi hỏi trả ơn. Mà cái chính để vạch rõ sai trái qua biện pháp liệt kê hành động của quân sĩ lúc bấy giờ, thay vì lo việc nước, đầu đầu việc binh thì họ mãi “săn bắn”, thích “nghe nhạc”, vui “chọi gà”, mê “tiếng hát”, vui thú “ruộng vườn”, quyến luyến “vợ con”... Những việc làm ấy trong lúc thái bình đã là khó chấp nhận với võ tướng phải hết lòng lo binh đao, giờ càng chẳng thể tha thứ khi vận nước nguy nan mà kẻ sắp ra chiến trường lại không hướng lòng phục vụ nước. Tuy vậy, thấy cấp dưới sai nhưng Trần Quốc Tuấn không lên gân lên cốt, không đánh thép mắng mỏ mà lạ thay ông chỉ thủ thủ, nhẹ nhàng phân tích hậu quả của những vui thú tầm thường, nhỏ nhặt bấy lâu sẽ đem đến họa sát thân khi giặc Mông xâm chiếm qua những từ ngữ, hình ảnh tượng trưng vô cùng độc đáo: "Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc..... các người muốn vui vẻ phỏng có được không?" xã tắc không còn, tổ tông bị “giày xéo”, tiếng thơm của cả chủ, cả tướng lưu danh muôn đời không rửa sạch nhục. Câu văn biến ngẫu, sóng đôi nhịp nhàng như lời răn nhẹ nhàng, sâu cay mà thấm vào tận tim gan người đọc, chỉ bấy nhiêu thôi ta đã đủ hiểu nhân cách cao đẹp của vị chủ tướng họ Trần với dân, với nước, với đời cao lớn và vĩ đại biết bao!

4. Nêu ra việc trước mắt phải làm và kết thúc bằng những lời khích lệ nghĩa khí tướng sĩ

-  Tập luyện binh đao, đánh giặc cứu nước, đem thái bình về cho non sông.
-  → Đất nước yên ổn, nhân dân hạnh phúc, chủ tướng vang danh.
-  ⇒ Nhận xét: Cách lập luận điển hình mẫu mực, là lối đánh tâm lý độc đáo giàu sức thuyết phục, hợp lý, hợp tình



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Việc cần làm: Luyện tập binh đao, cung kiếm <i>"Khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ"</i>. Phải tiêu diệt kẻ thù ở chính nơi chúng đã gây ra tội ác, nơi tượng trưng cho quốc thể, nơi tôn miếu thờ cúng của quốc gia, phải <i>"bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết, làm rửa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai"</i> => Đó là cách lập luận điển hình mẫu mực, là lối đánh tâm lí độc đáo của con người văn võ song toàn, nhân tâm ngay thẳng khiến người đời thán phục, cúi đầu.	Chắc hẳn cuộc đời mỗi chúng ta ai cũng đã từng mắc sai lầm, nhưng cách chúng ta đối diện với lỗi lầm ấy sẽ thật khác nhau, người chọn cho qua và có thể lặp lại, người chọn tìm hướng sửa sai rồi rút kinh nghiệm cho mình. Song, xác định cái sai thì dễ, mà sửa sai thì thật khó, vậy nên Trần Quốc Tuấn một lần nữa chỉ ra cách đi đúng, để giữ được nước – cũng là giữ được nhà, trọng trách của con nhà võ tướng không còn cách nào khác hơn là luyện tập binh đao, cung kiếm <i>"Khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ"</i>. Phải tiêu diệt kẻ thù ở chính nơi chúng đã gây ra tội ác, nơi tượng trưng cho quốc thể, nơi tôn miếu thờ cúng của quốc gia, phải <i>"bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết, làm rửa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai"</i>, khi đó đất nước thái bình mà chủ tướng cũng được hả lòng. Sự <i>"hả lòng"</i> ấy sung sướng biết bao nhiêu khi hạnh phúc được bảo vệ, khi yên vui được bảo toàn, khi ta và các người lại được an hưởng thái bình, <i>"chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền, mà bổng lộc các người cũng đời đời hưởng thụ"</i>. Lại những câu, những cặp vế song song đôi một giữa <i>"ta"</i> và <i>"các người"</i>, giữa <i>"nước"</i> với <i>"nhà"</i> giống như thứ hạnh phúc nhân đôi thật là đủ đầy, viên mãn. Trọng lượng của bài văn rơi đúng vào đoạn phân tích thiết hơn, tác động cùng một lúc đến nhận thức, tình cảm, lương tâm đối với con nhà võ tướng. Đó là cách lập luận điển hình mẫu mực, là lối đánh tâm lí độc đáo của con người văn võ song toàn, nhân tâm ngay thẳng khiến người đời thán phục, cúi đầu. Trước trận chiến xảy ra khi được vua Trần hỏi <i>"Thế giặc mạnh như vậy hay ta xin hàng"</i>, cái khẳng khái, cứng cỏi, mạnh mẽ của Trần Quốc Tuấn đã khiến ngàn đời hậu thế hôm nay nghiêng mình kính cẩn khi ông trả lời <i>"Bệ hạ chém đầu thần rồi hãy hàng"</i>. Chính cốt cách ấy, bản lĩnh ấy đã làm nên một vị chủ tướng sáng ngời, một bản hùng ca <i>"hịch tướng sĩ"</i> mẫu mực, xứng đáng là <i>"áng thiên cổ hùng văn"</i> lưu danh muôn đời cho con cháu mai sau!



1

Nghệ thuật

- Áng văn chính luận xuất sắc
 - Lập luận chặt chẽ, sắc bén.
 - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu.
 - Sử dụng biện pháp cường điệu, ẩn dụ.
-

Nội dung

Bài “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, thể hiện lòng căm thù giặc, ý chí quyết thắng.

2



NƯỚC ĐẠI VIỆT TA

I. TÌM HIỂU CHUNG



Tác giả

- Nguyễn Trãi (1380-1442).
- Hiệu là Úc Trai.
- Quê ở Chi Ngại, nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Là tác gia văn học lớn, Nguyễn Trãi đã để lại sự nghiệp văn học đồ sộ ở nhiều thể loại như chính luận, thơ. Bên cạnh đó, ông còn có nhiều tác phẩm lịch sử và địa lý nổi tiếng.
- Những tác phẩm như Quân trung từ mệnh tập, Đại cáo Bình Ngô, Lam Sơn Thực lục



Tác phẩm



- Thể cáo.
- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.
- Văn bản “Bình Ngô đại cáo” được coi là bản tuyên ngôn độc lập của nước ta.
- Hoàn cảnh sáng tác: Đầu năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi.
- “Bình Ngô đại cáo” đã được Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi soạn thảo và công bố ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428).

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Đặc điểm thể loại

2

Nêu nguyên lí nhân nghĩa.

3

Chân lí về sự tồn tại độc lập và chủ quyền của dân tộc.

4

Sức mạnh của nguyên lí nhân nghĩa và sức mạnh của chân lí độc lập dân tộc.

1. Đặc điểm thể loại



Cáo: thể văn chính luận có tính chất quy phạm chặt chẽ thời trung đại, có chức năng công bố kết quả một sự nghiệp của vua chúa hoặc thủ lĩnh; có bố cục bốn phần.



So sánh thể cáo, hịch
- Giống: thể văn nghị luận cổ, thường dùng văn biên ngẫu, được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng.
- Khác nhau về chức năng:...

2. Nêu nguyên lí nhân nghĩa.



Tư tưởng nhân nghĩa là tư tưởng cốt lõi trong nho giáo nhằm chỉ mối quan hệ giữa người với người, cách đối xử đẹp đẽ, yêu thương

Nhân nghĩa gắn với tình yêu nước và hành động quyết tâm đánh giặc cứu nước. Mối quan hệ giữa trách nhiệm của vua với nhân dân, tư tưởng lấy dân làm gốc

“*Nhân nghĩa*” này chính phải chăng là sợi chỉ đỏ xuyên suốt theo dòng lịch sử vô cùng mạnh mẽ, tiến bộ hướng tới dân mà sau này đã được lãnh tụ Hồ Chí Minh làm điểm tựa để phát triển đất nước

Nhận xét:

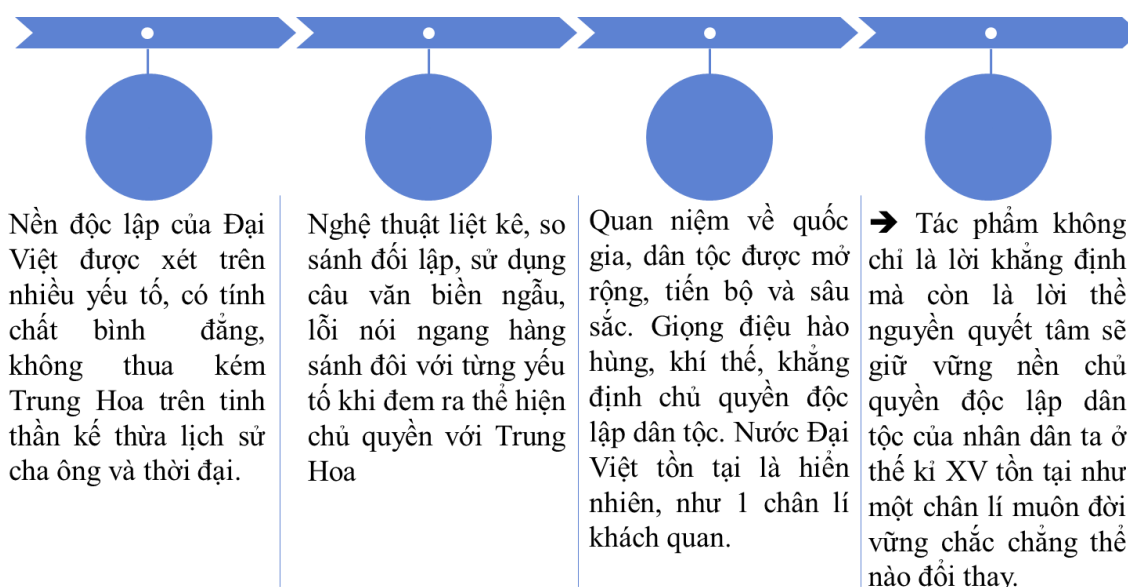
➔ Đây là một bước phát triển vượt bậc về mặt nhận thức của Nguyễn Trãi về đất nước: đất nước gắn liền với nhân dân cao quý, thiêng liêng.

KIỆN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Nhắc tới lịch sử dựng nước và giữ nước bốn ngàn năm hào hùng, nhắc tới vinh quang máu lửa trong trận chiến với giặc phương Bắc, nhắc tới những đau thương mà vẫn lung linh vầng hào quang rực rỡ Hồ Chí Minh đã từng xúc động viết về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn năm nào thật tha thiết, ngân nga: <i>Lê Lợi khởi nghĩa Lam Sơn, Mặc dầu tướng ít binh đơn không nản. Mấy phen sông Nhị núi Lam, Thanh gươm yên ngựa Bắc, Nam ngang tàng. Kìa Tuý Động nọ Chi Lăng, Đánh hai mươi vạn quân Minh tan tành.</i>

* Nhân nghĩa: +Yên dân: làm cho dân sống yên ổn, hạnh phúc. + Trừ bạo: trừ diệt giặc Minh xâm lược. -> Gắn liền với yêu nước, chống xâm lược.	Những vần thơ, như tiếng hát bất hủ về dòng lịch sử chẳng thể thay đổi của một thời kì rực lửa còn vang vọng tới tận hôm nay cho mỗi chúng ta. Phải chăng lịch sử là thứ đã qua nhưng nếu chẳng có nó thì sao ta nhận những huy hoàng hôm nay? Thế nên, tiếng thơ của Bác hôm nao chính là sự nối tiếp và lưu giữ những trang lịch sử vẻ vang mà Nguyễn Trãi đã từng chấp bút ghi lại phút giây lắng đọng gửi vào non sông muôn đời qua đoạn văn “Nước Đại Việt ta” trích từ “Bình Ngô đại cáo” mà mỗi người Việt Nam hôm nay đều tạc lòng ghi nhớ. Có những kẻ ồn ào cả đời chẳng dành được ánh hào quang cao quý, nhưng cũng có những người chỉ lặng lẽ, thanh cao sống bằng chính tình yêu chân thành cho đời, cho người lại được lưu danh sử sách, hậu thế ngưỡng vọng, cúi mình bái phục. Người đó không ai khác chính là Nguyễn Trãi, một danh nhân văn hoá thế giới, một vĩ nhân sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam muôn đời. Tâm hồn nhà thơ Nguyễn Trãi sáng ngời, cao vợi vợi như ngôi sao Khuê. Ngôi sao ấy đã hiến dâng cả cuộc đời mình cho nước, cho dân, sẵn sàng sống gần với người dân lao động. Những cảnh đời cơ cực, cảnh sống lao đao, cảnh miếng ăn chạy từng bữa vẫn chẳng đủ no, do đó ông luôn yêu thương, chân quý từng vẻ sống giản dị nơi con người đất Việt thuần hậu. Chẳng vậy mà, khi giặc Minh xâm lược, được đồng hành cùng Lê Lợi trong trận chiến sống còn, con người vĩ nhân ấy vẫn chỉ tâm niệm một chữ “thương dân” để rồi ông viết: <i>Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.</i> Đường gươm, ngọn giáo của ông trong mười năm giúp Lê Lợi chống quân Minh cũng vì tinh thần cao cả ấy để “<i>yên dân</i>”, mong muốn mỗi sinh mạng nơi nước Nam sống bình yên, an nhiên mà lập nghiệp, hạnh phúc. Có lẽ, chính tinh thần cao đẹp đó đã tạo sức mạnh kì diệu để ông thắp lên ngọn lửa cho toàn quân chiến thắng kẻ thù tàn bạo. Thế nhưng, quan điểm “<i>Yên dân</i>” của tác giả lại xuất phát từ một nền tảng tư tưởng có phần đặc biệt, mới mẻ, tinh tế vô

=> Cuộc kháng chiến chính nghĩa, phù hợp với lòng dân. → "<i>nhân nghĩa</i>" này chính phải chăng là sợi chỉ đỏ xuyên suốt theo dòng lịch sử vô cùng mạnh mẽ, tiến bộ hướng tới dân mà sau này đã được lãnh tụ Hồ Chí Minh làm điểm tựa để phát triển đất nước, nó thật khác biệt với quan điểm vốn đã tồn tại trong xã hội phong kiến bao đời luôn hướng tới "<i>vì vua</i>" Như vậy, người đọc nhận thấy, đây là một bước phát triển vượt bậc về mặt nhận thức của Nguyễn Trãi về đất nước: đất nước gắn liền với nhân dân cao quý, thiêng liêng.	ngần khi ông nhắc tới hai tiếng "<i>nhân nghĩa</i>" cao quý. Chẳng mới mẻ sao bởi trước giờ khi nhắc tới khái niệm ấy trong Nho giáo thường để nói về cách ứng xử, đạo đức và tình thương giữa con người với nhau. Còn với Nguyễn Trãi lạ khác, tác giả đã kế thừa tư tưởng đó của Nho giáo và phát triển nó thành ngọn nguồn sự sống hiện đại hơn chỉ cốt lõi hưng thịnh của triều đại là phải hướng về dân, lo cho dân, lấy dân làm điểm tựa. Để rồi, khi thanh bình vua xây dựng đất nước hạnh phúc, công bằng, khi chiến tranh đổ lửa, giặc ngoại xâm lấn le cũng là lúc "<i>nhân nghĩa</i>" sáng ngời lí tưởng cầm quân đầy binh "<i>điều phạt</i>" khởi nghĩa trừng phạt kẻ có tội, tiêu diệt bọn giặc tàn bạo, đem lại cuộc sống yên vui mà "<i>yên dân</i>". Đó chính là lối lập luận và quan điểm rất rõ ràng, xuyên suốt trong tác phẩm được Nguyễn Trãi khẳng định một cách dễ hiểu, tường minh, rõ nghĩa, giúp ta hiểu rằng nền tảng tư tưởng của quân dân Lê Lợi gắn liền với tình yêu nước, chống xâm lược, là hành động trách nhiệm của vua với nước phù hợp trong lí tưởng của bậc minh quân ở thời đại bấy giờ, nó thật khác biệt với quan điểm vốn đã tồn tại trong xã hội phong kiến bao đời luôn hướng tới "<i>vì vua</i>", đây là một bước phát triển vượt bậc về mặt nhận thức của Nguyễn Trãi về đất nước: đất nước gắn liền với nhân dân cao quý, thiêng liêng. Chẳng vậy mà, dù dòng lịch sử cứ trôi hoài theo thời gian, đất nước trải qua muôn vàn sóng gió, dân tộc chịu bao đau thương, lầm than thế nhưng suy nghĩ và đường lối của Nguyễn Trãi vẫn còn nguyên giá trị như ngọn hải đăng soi lối chỉ đường được lãnh tụ Hồ Chí Minh chất chiu, chọn lọc gửi lại trong đường lối xây dựng đất nước của Đảng ta tới tận hôm nay.

3. Chân lí về sự tồn tại độc lập và chủ quyền của dân tộc.



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Trong quan niệm của Lý Thường Kiệt, ông chỉ nhắc đến 2 phạm trù, đó là phạm vi lãnh thổ và chủ quyền độc	Sự sống đang vỗ nhịp không ngớt vào từng cuộc đời. Đôi khi nó lăn tăn âu yếm, đôi khi nó cuộn cuộn như muốn nghiền nát tất cả. Chính những lúc ấy, thời điểm cuộc sống đối diện với phong ba bão táp điên cuồng của lịch sử, của kẻ thù tham lam, bạo tàn thì cũng chính là khi người ta cần đến một sức mạnh về ý chí, đoàn kết muôn dân, vạn lòng. Và với mỗi con người đất Việt cũng thế, quãng đời mà cha ông ta đã tô lên trong cuộc sống chính là màu xanh ước mơ, màu đỏ khát vọng, là màu vàng chói lọi vùng lên mãnh liệt nhấn chìm kẻ thù xâm lăng, là những chuỗi ngày lịch sử huy hoàng của non sông đã gửi lại vọng lời cùng núi đá. Có lẽ, bắt nhịp cùng mạch đập trong trái tim mỗi con dân Việt Nam hôm qua, hôm nay và mai sau Nguyễn Trãi cũng đã tô lên lịch sử những màu sắc thật đẹp đẽ trong niềm kiêu hãnh được vang danh, tự hào bởi một dân tộc: " Như nước Đại Việt ta từ trước Vốn xưng nền văn hiến đã lâu Nước non bờ cõi đã chia, Phong tục Bắc Nam cũng khác; Từ triều Đinh Lý Trần Bao đời xây nền độc lập Đền Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương

lập. Còn đối với Nguyễn Trãi, một quốc gia phải được định danh rõ ràng qua nền văn hiến riêng, lãnh thổ riêng, phong tục riêng, lịch sử triều đại và truyền thống dân tộc. - Nguyễn Trãi đưa ra 5 phạm trù quan trọng để xác lập một quốc gia, dân tộc: + Thứ nhất là nền văn hiến: Nước ta có nền văn hiến nghìn năm, đây là điều mà không phải quốc gia nào cũng có được. Lịch sử văn hiến ấy là bằng chứng rõ nhất cho sự tồn tại toàn vẹn lãnh thổ, độc lập dân tộc. + Thứ hai là phạm vi lãnh thổ: Lãnh thổ nước ta được giới hạn bởi đường biên giới, được chia cách từ thuở sơ khai dựng nước. + Thứ ba là phong tục tập quán + Thứ tư là lịch sử triều đại: Tác giả liệt kê một loạt các triều đại nước ta, đặt ngang hàng với các triều đại của Trung Quốc ⇒ khẳng định vị trí, vị thế của ta so với Trung Quốc và thế giới + Thứ năm là anh hùng hào kiệt: Nhân tài là nguyên khí của quốc gia, hào kiệt chính là bằng chứng cho linh khí, long mạch của một đất nước. ⇒ Quan niệm về quốc gia, dân tộc được mở rộng, tiến bộ và sâu sắc. ⇒ Giọng điệu hào hùng, khí thế, khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc. - NT: Liệt kê, so sánh đối lập => Nước Đại Việt tồn tại là hiển nhiên, như 1 chân lí khách quan.	Tuy mạnh yếu nhiều lúc khác nhau Song hào kiệt đời nào cũng có" Đoạn văn biên ngẫu, như một mạch chảy đầy cảm hứng tuôn trào, đã được sắp xếp hợp lí, rõ ràng nhằm ca ngợi chân lí độc lập của non sông, gấm vóc, tổ quốc ta. Song, đây không phải lần đầu tiên sức mạnh Đại Việt, niềm kiêu hãnh dân tộc được hô vang, bởi trước đó trong “Nam Quốc Sơn hà” Lý Thường Kiệt đã đỉnh đạc khẳng định: Nam Quốc <i>Nam quốc sơn hà</i> Nam đế cư <i>Tiệt nhiên định phận tại thiên thư</i> <i>Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm</i> <i>Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.</i> Lịch sử đâu biết nói dối, thời gian đâu biết xoá bỏ những vẻ vang quá khứ, thế nên trong bản tuyên ngôn lần thứ nhất, bài thơ thần chỉ vẹn vẹn với bốn câu ngắn ngủi cũng đã nêu ra những yếu tố cơ bản để xác định chủ quyền dân tộc: có hoàng đế riêng, có lãnh thổ rõ ràng, có "sách trời" bảo hộ, có chân lí khẳng định sự thất bại của kẻ xâm lăng nếu đặt chân cướp nước, hại dân ta. Còn đến với Nguyễn Trãi sắc xảo hơn, quyết liệt hơn, ông kế thừa hai yếu tố trước đó mà Lí Thường Kiệt đưa ra, đồng thời tác giả còn bổ sung cách nhìn mới mẻ, hiện đại, không dựa vào thần linh - yếu tố siêu nhiên như trước nữa mà căn cứ vào những sự thật hoàn toàn có thật để làm tăng tính khách quan, chân thực, và thuyết phục cho văn bản. Tâm hồn tình cảm và tài năng của Nguyễn Trãi không bút nào tả xiết, nó cao hơn núi, rộng hơn biển khơi, ông như một tinh hoa của trái đất, là tấm gương soi sáng cho bao thế hệ. Để rồi khi cất bút viết lên tiếng lòng mình, máu tuôn trào trong tim rực lửa về niềm tự hào khi nhắc tới bản lĩnh của dân tộc Đại Việt qua những yếu tố đó vai trò quan trọng, khẳng định vị thế vững chắc, tồn tại bất biến với thời gian, năm tháng. Cộng hưởng cùng âm vang chắc nịch của hai tiếng “<i>từ trước</i>” như thông báo về sự trường tồn của dân tộc Đại Việt hàng ngàn năm vàng son, chẳng thể nhớ rõ từ bao giờ ào ạt chảy trên trang văn qua biện pháp liệt kê, tác giả đã nhấn mạnh nền

- NT: sử dụng câu văn biện ngẫu, so sánh... -> Khẳng định chủ quyền dân tộc tồn tại như một chân lí.	độc lập của ta có được dựa trên nhiều yếu tố: đó là đất nước ta có nền văn hiến lâu đời; có cương vực lãnh thổ rõ ràng, riêng biệt; có phong tục tập quán, lối sống riêng; có lịch sử gắn liền với các triều đại phong kiến đã qua; có nhân tài hào kiệt đời nào cũng có. Ta tự hào khi một nền “<i>văn hiến đã lâu</i>” nghìn năm chảy mãi, là bằng chứng rõ nhất cho sự tồn tại toàn vẹn lãnh thổ, độc lập dân tộc, ta kiêu hãnh ngẩng cao đầu với “<i>Núi sông bờ cõi đã chia</i>” được giới hạn bởi đường biên giới, được chia cách từ thuở sơ khai dựng nước. Từ đây, như một dòng thác huy hoàng, như lời hát hào sảng của ngày chiến thắng khai hoàn từng dòng văn biên ngẫu nói đuôi nhau rành mạch kể rõ về sự khác biệt, ngang hàng trong “<i>Phong tục Bắc Nam</i>” giữa Đại Việt và Tung Hoa đã có nhiều “<i>khác biệt</i>”, mà anh hùng “hào kiệt” linh khí, long mạch của nước Nam ta cũng đâu có kém chi. Trên đà đó, tác giả còn phô vẽ rất rõ ý chí của dân tộc ta khi đứng chung cùng người láng giềng to lớn, luôn tìm mọi cách để nuốt chửng dải đất chữ S thân thương, ta kiên quyết nói không với cảnh chịu nhục, quỳ chân, khuya gối xin khiến Trung Hoa phải dè chừng. Chẳng vậy mà, trên đà tô vẽ trang viết hoà hùng của non sông Nguyễn Trãi đã thẳng thắn so sánh sự bình đẳng và ngầm khẳng định sức mạnh dân tộc bằng việc lịch sử triều đại. Tác giả liệt kê một loạt các triều đại nước ta “<i>Đinh, Lý, Trần</i>” luôn vững gan, bền chí “<i>bao đời xây nền độc lập</i>” sánh vai đặt ngang hàng với các triều đại của Trung Quốc cùng “<i>Hán, Đường, Tống Nguyên</i>” sau đó khẳng định vị trí, vị thế của ta so với đất nước Phương Bắc rộng lớn và thế giới. Tất cả những yếu tố này hội tụ cùng nhau cho thấy được sự tự tôn dân tộc mạnh mẽ, đồng thời khẳng định Đại Việt xứng đáng là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, dù bất kì kẻ thù có lớn mạnh tới bao nhiêu thì khi đem dã tâm xâm lược tới đều sẽ bị chuốc lấy bại vong. Vì thế, tác phẩm không chỉ là lời khẳng định mà còn là lời thề nguyện quyết tâm sẽ giữ vững nền chủ quyền độc lập dân tộc của nhân dân ta ở thế kỉ XV tồn tại như

	một chân lí muôn đời vững chắc chẳng thể nào đổi thay.

4. Sức mạnh của nguyên lí nhân nghĩa và sức mạnh của chân lí độc lập dân tộc.



Khẳng định quy luật tất yếu, không thể xoay chuyển chứng minh cho chân lí sáng ngời, toả rạng rực rỡ của lẽ phải mà cha ông ta đã đi trên con đường bảo vệ độc lập dân tộc.



Sử dụng câu văn biện ngẫu, lập luận chặt chẽ, lí lẽ hùng hồn để làm sáng tỏ chiến thắng hào hùng của dân tộc Đại Việt trước kẻ thù tham tàn, bạo ngược



Chứng minh chân lí độc lập của dân tộc ta là dựa trên quy luật tất yếu của lịch sử, mệnh trời. Thắng, bại chỉ cách nhau trong cách hành xử thuận theo lẽ phải, chính đáng, nhân nghĩa mà thôi



➔ Khẳng định sức mạnh của chính nghĩa, của độc lập, chủ quyền và lòng tự hào dân tộc.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
-“vậy nên” ở cuối đoạn trích tựa quy luật tất yếu, không thể xoay chuyển chứng minh cho chân lí sáng ngời,	Văn chương luôn luôn là một sự bí mật, một thế giới đem đến cho ta những giây phút ngạc nhiên mới mẻ đến ngỡ ngàng, nhưng không hề xa lạ với chất đời rất thực của chúng ta. Chẳng vậy mà, mỗi dòng bút khai mở cánh cửa kì diệu của nghệ thuật ngôn từ ấy mãi mãi là một điều thiêng liêng vừa huyền bí, cao siêu vừa giản dị, gần gũi, xúc động, ám ảnh giống như chất chân thực Nguyễn Trãi đã đem đến khi ông không cần trau chuốt, nhào nặn chỉ đơn giản mang lịch sử, hiện thực đã diễn ra phơi bày trên trang giấy: <i>Vậy nên:</i> <i>Lưu Cung tham công nên thất hại,</i> <i>Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong...</i> Đoạn văn ngắn gọn, súc tích như chính câu trả lời vô cùng dứt khoát của quân dân ta trước kẻ thù tàn bạo bước chân xâm lược, reo rắc tang thương, nhấn chìm sự sống mà thời gian chẳng thể xoá nhoà tội ác của chúng. Bởi thế, như một mạch chảy liên kết, xuyên chuỗi với nhau từ “vậy nên” ở cuối đoạn trích tựa quy luật tất yếu, không thể xoay chuyển chứng minh cho chân lí sáng ngời về lẽ phải mà cha ông ta đã đi. Đó là lời tô điểm huy hoàng cho một tư tưởng

toả rạn rục rờ của lễ phải mà cha ông ta đã đi Những chứng cứ lịch sử: - NT: Sử dụng câu văn biền ngẫu, lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn. - Lưu Cung-> thất bại - Triệu Tiết-> tiêu vong - Toa Đô-> bắt sống - Ô Mã-> giết tươi -> Khẳng định sức mạnh của chính nghĩa, của độc lập, chủ quyền và lòng tự hào dân tộc.	nhân nghĩa lớn lao, một đạo lí làm người cao đẹp, một ngọn cờ thiêng liêng của đội quân "<i>điều phạt</i>", một chủ quyền dân tộc hào hùng chiếu bùng sáng non sông. Để rồi khi đọc từng câu chữ được hiện ra trên nền giấy trắng ta hiểu rằng nền tảng của "<i>nền văn hiến đã lâu</i>" tựa gốc rễ của cây cổ thụ chẳng thể dễ dàng mà đào bới, lay đổ. Thế nên, cuộc đụng đầu lịch sử giữa kẻ phi nghĩa, bất nhân với quốc gia Đại Việt kẻ thù chắc chắn sẽ "<i>thất bại</i>" mà cay đắng "<i>tiêu vong</i>" vì động cơ ích kỉ, vì "<i>thích lớn</i>", vì "<i>tham công</i>". Bởi, chúng ngạo nghễ, ngông cuồng dựa vào tướng giỏi, quân đông, không "<i>lấy nhân nghĩa làm gốc</i>", mà chỉ lấy "<i>trí dũng làm càn</i>", sẽ dẫn đến hậu quả khôn lường như đám cỏ khô sớm tàn trước mỗi lửa đỏ của tinh thần dân tộc và sức mạnh chính nghĩa mà ta có được. Đoạn văn với câu văn biền ngẫu, bằng cách lập luận ngắn gọn, chặt chẽ cùng chứng cứ hùng hồn vừa chỉ ra cái nguyên có của sự bại vong, vừa có cả chứng tích thảm hại, thua nhục nhã mà giặc gánh chịu như những hiện vật trong viện bảo tàng. Từ đó, với kẻ địch nó là một sự nhục nhã muôn đời khôn rửa, tiếng xấu nghìn năm chẳng tiêu tan, còn với ta, đó tựa minh chứng cho một lễ phải hùng hồn mà dân tộc Đại Việt đã gửi trọn niềm tin vào đó, cùng tinh thần yêu nước mạnh mẽ, ý thức và hành động xả thân – đúng với cách nói của Trần Quốc Tuấn "<i>Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa</i>". Thế nên, "<i>Bạch Đằng</i>", "<i>Hàm Tử</i>" với lịch sử dân tộc cùng những dấu son chói lọi làm phẫn chấn lòng người bao nhiêu thì cũng những địa danh đó với kẻ địch muôn vàn tham vọng, danh dự bị vĩnh viễn chôn vùi đúng như lời tiên tri mà mở đầu bài cáo đã dự đoán, nay ứng nghiệm theo luật quả báo khi ta giữ cái "<i>cốt ở yên dân</i>" chắc chắn sẽ "<i>trừ</i>" được "<i>bạo</i>". Để rồi, cái chết của Ô Mã, của Toa Đô với giặc Minh là đột ngột, bất ngờ, ngỡ ngàng, không sao hiểu nổi, không thể lí giải, không rõ nguyên do. Nhưng ngược lại chúng ta lại dễ dàng lí giải cái chết "<i>bất đắc kì tử</i>" ấy vốn tuân theo quy luật rất sòng phẳng của lẽ đời: mệnh trời đã định thắng, bại chỉ nằm trong vòng nhân quả, kẻ ác chắc chắn sẽ thua, cái

	thanh tao, tốt đẹp, chính nghĩa luôn tỏa sáng vươn lên trong niềm tự hào và kiên quyết bảo vệ chủ quyền dân tộc, từng tấc đất của non sông Đại Việt hôm nay, mai sau... Nhà văn chân chính làm con ong miệt mài đi hút nhụy hoa, sương đêm lắng đọng để làm nên mật ngọt cho đời và ngôn ngữ là phương tiện thiết yếu giúp nhà văn sản sinh ra hương mật văn chương. Bông hoa kia, dù ngọt ngào hương sắc đến đâu, giọt sương đêm dù tinh sạch hơn cả khí trời, vẫn là vô dụng nếu chú ong không thể tạo ra những giọt mật thơm lành. Phải chăng, đó cũng là ý vị sâu xa mà Nguyễn Trãi đã gửi lại cho ta bên trang hùng văn “<i>Bình Ngô Đại cáo</i>” đầy hàng sáng, ngân nga mà cho đến nay, từng chữ từng từ của thiên kì bút ấy vẫn lắng đọng mãi trong lòng người đọc, trong tim ta mãi mãi không phai tàn...



1

Nghệ thuật

Đoạn đầu bài cáo so sánh đối lập từ khái quát đến cụ thể, giàu chứng cứ lịch sử, cảm xúc tự hào, giọng thơ hào hùng, lời văn nhịp nhàng ngân vang.

Nội dung

Nước ta có độc lập chủ quyền có vua riêng, địa lí riêng, không chịu khuất phục trước quân thù. Có bề dày lịch sử đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, một nền độc lập dân tộc được xây dựng trên cơ sở nhân nghĩa.

2



LÃO HẠC

I. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

- Nam Cao (1915 – 1951)
- Là nhà văn đã có đóng góp cho nền văn học dân tộc các tác phẩm hiện thực xuất sắc về đề tài người nông dân nghèo bị áp bức và người trí thức nghèo sống mòn mỏi trong xã hội cũ.



Tác phẩm ✓



- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.
- Ngôi kể thứ nhất - lời ông giáo.
- Nhân vật trung tâm: Lão Hạc.

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Đặc điểm thể loại

2

Nhân vật lão Hạc.

3

Nhân vật ông giáo

1. Đặc điểm thể loại

Đặc điểm thể loại

Truyện ngắn là hình thức tự sự cỡ nhỏ, thường được viết bằng văn xuôi, để người đọc tiếp thu liền một mạch, đọc một hơi không nghỉ.

Đặc điểm truyện

+Dung lượng ngắn.
+Ít sự kiện, nhân vật.
+Truyện diễn ra trong khoảng thời gian và không gian hẹp.
+Không kể toàn bộ quá trình, diễn biến của đời người mà chỉ kể một giai đoạn, một khoảnh khắc để truyền tải những nội dung, ý nghĩa sâu sắc

Ý nghĩa

Ý nghĩa nhân sinh, ý nghĩa xã hội sâu sắc.

2. Nhân vật lão Hạc.

1

Tính cảnh khổ, cùng quẫn, cô đơn, đầy xót xa, day dứt không lối thoát của người nông dân trước CMT8

2

Nhân cách cao cả, đáng trọng, đáng ca ngợi được ẩn hiện trong số phận và cuộc đời đầy bi kịch

3

Nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo, điển hình, đặc sắc tạo nên ấn tượng không thể phai mờ trong lòng người đọc

Nhận xét

➔ Phản ánh số phận đau thương và phẩm chất cao quý tiềm tàng của người nông dân nghèo trước cách mạng tháng Tám

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	<i>Làm ruộng vất vả có ai hay Mồ hôi nắng cháy theo luống cày Nhỏ cỏ bón phân bơm nước tưới Xịt thuốc thăm đồng lắm đắng cay.</i> Bốn câu thơ là nỗi niềm tủi phận với bao cơ cực, vất vả, nhọc nhằn nắng mưa của những người nông dân trên cánh đồng cày hái. Thế nhưng, cơ cực là vậy, vất vả là thế họ còn phải chịu nỗi đau đến uất nghẹn, không còn đường sống khi rơi vào thực cảnh đất nước lâm than, thực dân đô hộ với hàng trăm, hàng nghìn thứ thuế đè bẹp ước mơ, khát vọng sống. Chẳng vậy mà, để khắc họa rõ nét bức tranh xã hội

a. Tình cảnh của Lão Hạc - Nhà nghèo, vợ chết con trai bỏ đi đồn điền cao su - Làm thuê để kiếm ăn. - Sau ốm: tiêu hết tiền dành dụm ... không có việc, bán chó -> Cuộc sống nghèo khổ, cùng quẫn và cô đơn	đầy đảo điên, tắm tới ấy nhiều nhà văn, nhà thơ đã rơi giọt lệ trên trang giấy gửi cho ta rất nhiều tác phẩm độc đáo, sâu sắc, một trong số đó không thể không kể tới “<i>Lão Hạc</i>” của Nam Cao – bi kịch của người nông dân bản cùng, không lối thoát. Rừng xanh rậm rạp, muôn cây đua chen, vươn lên để khẳng định sự sống, giữa đại dương mênh mông trăm loài cá mỗi loài đều mang trong mình vẻ đẹp riêng, kiếp sống riêng, chẳng thể nào giống nhau. Có lẽ, con người cũng vậy, cùng sinh ra mang thân phận sống cao cả, thế nhưng mỗi chúng ta đều đã được định sẵn một số phận chẳng ai giống ai, đâu có sự trùng lặp, chẳng thể biết trước để định đoạt. Và Lão Hạc của Nam Cao đã được sinh ra trên đôi bàn tay tài hoa, tạo khắc của người nghệ sĩ như thế. Cái tên “Hạc” chẳng khác nào dáng vẻ của loài hạc đáng cao, chân dài, mảnh khảnh lam lũ biết bao năm tháng vẫn xuất hiện trong đời sống của con người Việt Nam ta xưa nay, nó được coi như biểu tượng cho những phẩm chất cao quý đáng nâng niu ở đời. Phải chăng, do đó cái tên này ám vào cả cuộc đời lão, để rồi dưới ngòi bút của mình Nam Cao khắc họa một cách rất sinh động, chi tiết đến chân thực về con người ấy khiến ta thật ám ảnh. Chẳng ám ảnh sao được khi cả cuộc đời lão Hạc sống trong đau đớn, bi thương, tuổi trẻ chịu ảnh cô đơn vì vợ mất sớm, một mình gà trống nuôi con lớn lên. Tưởng rằng lúc già cả có bờ vai của thằng con mà dựa dẫm, nương nhờ, thì hơi ôi sòng gió ập đến, đổ nát cả bao dự định tươi đẹp chỉ bởi nhà nghèo không thể lo cho con cưới vợ như biết bao bi kịch của người nông dân trước CMT8 lúc bấy giờ. Con trai lão phải bỏ đi đồn điền cao su để lão một mình cô đơn cùng con chó Vàng. Để rồi toàn bộ tình yêu thương, mong nhớ về người con nơi xa, đau đau trong tim lão dồn nén lại gửi hết nơi cậu Vàng, bởi sâu thẳm tận cùng trong suy nghĩ của người cố nông này giờ đây con vật ấy như kỉ vật duy nhất đưa con gửi lại, là sợi dây nối kết người cha già cô đơn với người con xa xứ, là nơi bầu bạn tuổi già, là tri kỷ, tâm giao để lão có thể trút mọi buồn phiền trong lòng. Chẳng vậy mà, lão yêu nó lắm, yêu như thể

=> Lớp người nông dân nghèo khổ trước CMT8 b. Tình cảm của lão Hạc đối với "cậu Vàng" - Trước khi bán con chó Vàng + Lão yêu nó lắm, yêu như thể <i>"một bà mẹ hiếm hoi yêu quý đứa con cầu tự"</i>, cưng nựng, vỗ về nó như đứa cháu nội của mình. Thậm chí còn cho nó <i>"ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu"</i>, mắng yêu nó, ôm ấp nó + Nói với ông giáo về ý định bán chó + Lão phải suy tính, đắn đo nhiều lần, coi đó là việc rất hệ trọng. - Sau khi bán con Vàng: + Cố làm ra vui vẻ, cười như mếu, mắt ầng ậc nước, mặt co rúm lại, vết nhăn xô lại, ép nước mắt chảy ra, đầu ngoẹo về một bên, mếu như con nít, hu hu khóc. => Thể hiện một sự ngậm ngùi, chua chát, nỗi đau đớn, hối hận, xót xa, sự thương tiếc, nỗi buồn và sự bất lực trước cảnh sống hiện tại cùng cực. Con người lương thiện đáng trọng	<i>"một bà mẹ hiếm hoi yêu quý đứa con cầu tự"</i>, cưng nựng, vỗ về nó như đứa cháu nội của mình. Thậm chí còn cho nó <i>"ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu"</i>, mắng yêu nó, ôm ấp nó. Những câu nói lão nói với cậu Vàng, nhưng lại chất chứa vô vàn tình cảm nhớ thương cho anh con trai, lão nói với cậu Vàng đấy, nhưng lại như nói với con mình. Lão sống cùng lòng lương thiện, nhân hậu cao cả vô ngần, lối sống tình nghĩa đó càng thể hiện rõ hơn khi mà lão phải bán cậu Vàng trong do dự, đắn đo trao đổi với ông giáo không biết bao nhiêu lần. Với những người nông dân nghèo ngày xưa, chó chỉ một thứ vật nuôi trong nhà với mục đích để giết thịt và chính cậu Vàng khi được con trai lão mua về cùng là vì mục đích đó. Vậy mà, khi bán cậu Vàng xong, lão đã khóc, <i>"cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu máo như con nít. Lão hu hu khóc"</i>. Bởi con người cả đời chất chiu, dành dụm hương về con này đã tự cho mình là kẻ nhẫn tâm đã lừa cậu Vàng, chính vì thế lão mới uất hận, mới khổ tâm, mới đau đầu nỗi đau lương tri rằng <i>"tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó"</i>. Có lẽ chẳng mấy ai quan tâm đến việc lừa một con chó, nhất là trong khi cái đói đang hoành hành ghê gớm đến vậy. Lão Hạc lại khác, sự lương thiện trong lão biểu hiện cả ở trong từng hành động, lời nói của mình. Khi lỡ lừa một con chó, lão đã ân hận, dằn vặt mình ghê gớm, hối tiếc đến bất lực, sự lương thiện kia lớn tới mức khiến cho những người hàng xóm như Binh Tư - một kẻ làm nghề ăn trộm phải lên tiếng rằng hắn <i>"không ưa lão vì lão lương thiện quá"</i>. Thế nên, giọt nước mắt <i>"ầng ậc"</i> tuôn trào trong uất ức, nghẹn ngào, đau đớn của con người lương thiện ấy khiến ta ngộ ra rằng với một con chó lão tự trách mình đến vậy thì làm sao trái tim nhân hậu kia có thể tàn nhẫn, ác độc mà lừa cho được một con người? Trái đất quay tròn theo quy luật vốn được đặt ra của nó, hoa nở theo mùa, nắng vương đúng hướng, thế nên có lẽ mọi sự trên đời này đều có nguyên nhân, ngọn nguồn lí lẽ riêng của nó. Với số phận lão Hạc cũng vậy, tất cả cơ sự dẫn đến những

c. Tình cảm của lão Hạc đối với con trai và phẩm chất của lão

- Lão hiểu cảnh bần cùng, “*phẫn chí*” của thằng con, hiểu cả nỗi cơ cực nơi sự sống và cái chết có thể chôn vùi trong từng góc cao su để bán mạng, máu, nước mắt cho thực dân chỉ để đổi lấy vài đồng bạc lẻ

đau đớn của lão xuất phát từ cái nghèo. Vì nghèo mà lão không thể ngẩng cao đầu mà sống, vì nghèo lão không làm chọn bốn phận làm cha, vì nghèo mà lão phải xa con, phải chết. Bởi khi con trai muốn cưới vợ, số tiền thách cưới cao quá, nó đủ làm cả một gia đình lao đao rơi vào vực thẳm của tương lai tăm tối, nên khi con trai lão đòi bán mảnh vườn, lão không cho không phải lão muốn giữ mảnh vườn cho mình, mà sâu thẳm người cha ấy nghĩ nếu cưới vợ về, vườn bán rồi thì ở đâu mà làm ăn sinh sống, và rồi có bán thì cũng làm sao mà đủ tiền. Lão nghĩ thế, nhưng anh con trai có thấu cho lão? Rồi lão đành phải nuốt nước mắt nhìn đứa con trai duy nhất đi làm phu đồn điền cao su trong nỗi thôn thức đứt ruột gan vẫn còn đọng lại trong những lời ca dao:

“*Cao su đi dễ khó về*

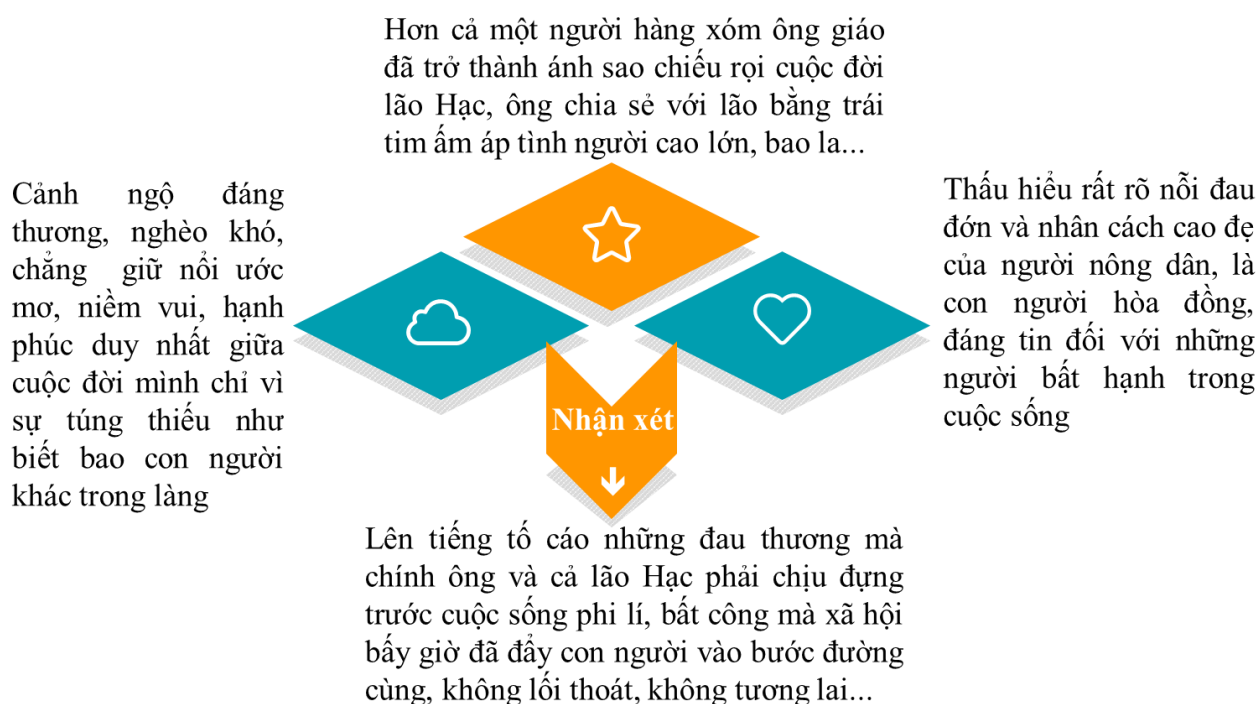
Khi đi trai tráng khi về bủng beo”

Lão hiểu cảnh bần cùng, “*phẫn chí*” của thằng con, hiểu cả nỗi cơ cực nơi sự sống và cái chết có thể chôn vùi trong từng góc cao su để bán mạng, máu, nước mắt cho thực dân chỉ để đổi lấy vài đồng bạc lẻ. Nhưng lão không thể ngăn bước chân đứa con rời đi chỉ vì chữ nghèo bủa vây từ đời này qua đời khác. Người cha ấy thương con, lo cho tương lai con, nhưng khi anh bỏ đi, lão lại tự dằn vặt mình, day đọa tinh thần mình, trách mình là người cha kém cỏi, nghèo hèn chẳng thể lo nổi một hạnh phúc nhỏ nhoi của đời nó. Song, lão làm việc gì, lão suy nghĩ gì cũng là hướng về con trai mình. Tiền bòn vườn lão để dành, không tiêu tới để khi con trai về, lão nhắm tính sẽ có gần trăm đồng bạc, thêm vào cho con cưới vợ và làm kế sinh nhai. Thế nhưng, cơn lốc cuộc sống với muôn vàn biến cố đổ ập vào lão, lão lại ốm, một trận ốm kéo dài buộc lão phải tiêu tới số tiền đó, chỉ vậy thôi mà lão đã thấy đau lòng. Lão ăn vào tiền của con trai lão – số tiền mà khi con trai về lão định trả con, số tiền mà lão nhắc đi nhắc lại như một sự tủi hờn găm chặt vào tim, day nghiền tới bốn lần chữ “*ba đồng*” đau nhói “*Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc, ông giáo ạ! Chẳng biết nó gửi thẻ xong, vay trước được mấy đồng, mà đưa về cho tôi ba đồng. Nó đưa cho tôi ba*

- Nhờ ông giáo: + Giữ hộ ba sào vườn cho con trai + Mọi suy nghĩ, việc làm của lão đều hướng tới con trai, xong xuôi lão chọn cái chết để mở ra đường sống cho con lão, lão chết một cái chết trong sạch để lại tiếng thơm cho con vì lão sống ngày nào là ăn vào tiền, vào đường sống của con ngày ấy d. Lão là người cha tốt, cao thượng giàu đức hi sinh +Lão từ chối mọi sự giúp đỡ, lại chuẩn bị sẵn tiền làm ma cho bản thân, gửi người hàng xóm đáng tin cậy là ông giáo, để khi lão có việc thì ông đưa ra, coi như là của lão có chút ít, còn lại thì nhờ bà con hàng xóm cả + Lão bòn vườn, mò cua, ốc, trai ăn để sống qua ngày, thà chết chứ không chịu mắc nợ ai. Có lẽ hành động bán	<i>đồng mà bảo: “Con biếu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quả”.</i> Điều này làm lão khổ tâm hết sức, lão chẳng còn lối thoát nào khác ngoài tự mình kết thúc cuộc sống để bảo toàn số tiền cho con, bảo toàn danh dự làm cha, danh dự làm người của một bi kịch nghèo khó. Thế nên, lão chu đáo, lo liệu mọi việc gửi ông giáo mảnh vườn, nhờ ông giáo giữ hộ cũng là để giữ hộ cho con lão: <i>“Của mẹ nó thì nó hưởng”</i>. Mọi suy nghĩ, việc làm của lão đều hướng tới con trai, xong xuôi lão chọn cái chết để mở ra đường sống cho con lão, lão chết một cái chết trong sạch để lại tiếng thơm cho con vì lão sống ngày nào là ăn vào tiền, vào đường sống của con ngày ấy. Xưa nay, không ít người cha, người mẹ hi sinh cơm ăn, áo mặc vì con, hi sinh một phần thân thể vì con nhưng hi sinh cả mạng sống của mình như lão Hạc lại là một trường hợp hiếm thấy. Tình yêu con của lão Hạc thật đặc biệt, nó không ồn ào, sôi nổi, không thể hiện qua hành động hay lời nói, lão lặng lẽ yêu con trong tâm tưởng, mọi hành động của con lão đều cho là do lão. Là do lão đẩy con tới những hành động ấy rồi tự dẫn dắt mình, tự gánh lấy những suy nghĩ, hành động để chuộc lại lỗi lầm. Quả thật, tình yêu thương con của lão khiến chúng thật vô cùng cảm động. Người ta trù tính mọi thứ để mình sống tốt, vui vẻ nhất bất chấp nỗi đau của kẻ khác bằng nhiều cách đê hèn, bởi có thể họ cho rằng cái chết thật đáng sợ, thật đau đớn. Còn lão Hạc lại khác lương thiện, nhân hậu luôn nghĩ cho những người xung quanh nên con người ấy chẳng thể giương mắt thành thơ để an nhiên trên nước mắt của người đời, do đó lão chết. Song, cái chết trong sự tự trọng đầy cao cả, đáng ngưỡng mộ. Lão tự trọng ngay cả với một con chó, với con trai lão, với bà con hàng xóm, với ông giáo và với chính bản thân mình. Lão từ chối mọi sự giúp đỡ, lại chuẩn bị sẵn tiền làm ma cho bản thân, gửi người hàng xóm đáng tin cậy là ông giáo, để khi lão có việc thì ông đưa ra, coi như là của lão có chút ít, còn lại thì nhờ bà con hàng xóm cả. Lão làm vậy để không phiền lụy tới ai, vì lão biết ai cũng nghèo cả, lão có chết đi mà phải để hàng xóm góp

cậu Vàng của lão chính là bước chuẩn bị cho cái chết của lão + Lão ăn bả chó để tử tự, để giữ vẹn nguyên tấm lòng trong sáng của lão. Lão ăn bả chó, lão chết như một con chó, vật vĩa, quần quai trong đau đớn, để chuộc tội với cậu Vàng. Lão ăn bả chó cũng là để không bị cuộc sống dồn đẩy, bị tha hóa biến chất như Binh Tư, hay Chí Phèo... -> Người nông dân nghèo nhưng có lòng tự trọng cao . d. Cái chết của lão Hạc - Lão Hạc chuẩn bị cho cái chết của mình: - Chuẩn bị âm thầm, chu đáo. -Hạc đau đớn nhất, dằn vặt nhất bởi “suốt hai tiếng đồng hồ” vật lộn giữa ranh giới của cánh cửa tử thần như khoảng lặng lão nghĩ lại số kiếp của chính mình tức tưởi, bi ai, khôn khổ không thể thoát ra vậy * Nguyên nhân về cái chết của lão Hạc - Do tình cảnh đói khổ, túng quẫn. - Xuất phát từ tình yêu thương, trách nhiệm với con, từ lòng tự trọng đáng kính. - Thực trạng xã hội thực dân phong kiến đương thời - Phản ánh số phận đau thương và phẩm chất cao quý tiềm tàng của người nông dân nghèo trước cách mạng tháng Tám.	vào lo lắng thì thật nhăm mắt đầu có xuôi tay. Từ đó, lão bòn vườn, mò cua, ốc, trai ăn để sống qua ngày, tha chết chứ không chịu mắc nợ ai. Có lẽ hành động bán cậu Vàng của lão chính là bước chuẩn bị cho cái chết của lão. Lão xin Binh Tư ít bả chó với lý do bắt cho nhà khác – một lý do làm Binh Tư tự nghĩ lão giả bộ hiền lành thế nhưng cũng ghê ra phết, một lý do làm ông giáo hiểu lầm lão, hiểu lầm một con người đã “<i>khóc vì trót lừa một con chó, một con người nhịn ăn để có tiền làm ma</i>”. Vậy nhưng hóa ra, lão ăn bả chó để tử tự, để giữ vẹn nguyên tấm lòng trong sáng của lão. Lão ăn bả chó, lão chết như một con chó, vật vĩa, quần quai trong đau đớn, để chuộc tội với cậu Vàng. Lão ăn bả chó cũng là để không bị cuộc sống dồn đẩy, bị tha hóa biến chất như Binh Tư, hay Chí Phèo... Cái chết của lão cũng chính là sự tự trọng của lão với con. Lão sống mà phải dựa vào tiền của con thì chết còn hơn, đó quả là một tấm lòng thật đáng trân trọng, nâng niu, tha “chết trong còn hơn sống đục” khi bị dồn vào đường cùng. Trong rất nhiều tác phẩm của mình nhà văn làng Đại Hoàng đã để nhân vật tự kết liễu cuộc đời mình như anh Dĩ Chuột thắt cổ trên trần nhà, Chí Phèo đâm một nhát chí mạng vào người, thì có lẽ cái chết của lão Hạc đau đớn nhất, dằn vặt nhất bởi “suốt hai tiếng đồng hồ” vật lộn giữa ranh giới của cánh cửa tử thần như khoảng lặng lão nghĩ lại số kiếp của chính mình tức tưởi, bi ai, khôn khổ không thể thoát ra vậy. Có lẽ, để lão Hạc chết Nam Cao đã đau đớn, bật khóc trên tảng giấy, nhưng đổi lại ông nhận được ánh sáng lấp lánh bên vẽ đẹp bất diệt nơi hành trình tìm kiếm giá trị sống cao cả gửi lại của người nông dân. Để rồi, từ ấy phản ánh tình cảnh khôn cùng của lão Hạc, trách nhiệm, tình yêu thương con, lòng tự trọng cao quý nhưng sâu xa còn là bản án tố cáo xã hội thực dân, phong kiến đương thời thối nát tàn bạo. Đó là tấm lòng nhân đạo mà Nam Cao thông qua cuộc đời bi thảm trong nhân vật lão Hạc đọng lại để “khơi được những nguồn chưa ai khơi” và chính điều này đã đưa ông lên một vị trí vững chắc trong dòng văn học 1930-1945 qua rất nhiều tác phẩm độc đáo của mình.

3. Nhân vật ông giáo



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
*Hoàn cảnh của ông giáo - Ông giáo là một trí thức nghèo ở nông thôn, có hoàn cảnh khó khăn. + Nếu như với một người nông dân như lão Hạc, sự nghèo đói khiến lão phải bán đi con chó - người bạn thân nhất của lão, thì với một trí thức như ông giáo, thứ ông quý trọng nhất, nâng niu nhất nhưng cuối cùng ông vẫn phải bán chúng đi để chữa bệnh cho con - đó là sách.	Trăng dù có tô điểm cho màn đêm thêm rực rỡ, lung linh cuối cùng khi mặt trời lên cũng đành nhường bước, hoa đẹp đẽ, lộng lẫy phô sắc, khoe hương giữa đời vẫn lụi tàn, chẳng chống lại bước chân thời gian. Con người cũng vậy, có lẽ nhất là những con người ở xã hội thực dân, phong kiến dù sống cao cả, trong sạch biết bao nhiêu vẫn bị cái đói nghèo bủa vây, nhấn chìm khiến người ta kiệt quệ, đau đớn. Người nông dân đã vậy, người trí thức đâu có gì khác biệt, bởi thế trên tảng sách của mình Nam Cao phơi bày toàn bộ nỗi đau của tầng lớp có học, biết chữ ấy trong thảm cảnh vật lộn cùng cái ăn, cùng cuộc sống qua nhân vật ông giáo một cách thật đặc biệt. Đó là con người có một hoàn cảnh sống đầy những khó khăn, tuổi trẻ bôn ba, ông từng vào Sài Gòn với niềm tin và khát khao cao đẹp nhưng cuộc sống không phải là ước mơ màu hồng với người trí thức nghèo khó. Vậy mà, sau một trận ốm nặng ở Sài Gòn về quần áo bán gần hết, chỉ còn một va li sách, cùng con người tàn tạ, bị kịch khi nhận ra giá trị của đồng tiền quan trọng thế nào, khiến trí thức dù mạnh mẽ bao nhiêu đôi khi cũng gục ngã. Nếu lão Hạc quý

+ Cuộc sống khó khăn của ông giáo còn được thể hiện qua hình ảnh người vợ của ông. Sự nghèo đói, khổ cực đã khiến thị trở nên ích kỉ với tất cả mọi người, ngoại trừ những đứa con của thị. => Cuộc sống khó khăn bao trùm lên ngôi làng nhỏ, dù là một người trí thức cũng không thể thoát khỏi vòng vây của cái đói, cái khổ. * Thái độ, tình cảm đối với lão Hạc - Muốn ôm choàng lấy lão oà lên khóc, ái ngại, an ủi, bùi ngùi... - Giấu giếm vợ giúp lão Hạc: Đó là sự thấu cảm, lắng đọng tin yêu bỗng biến thành hành động thầm lặng ngay khi lão Hạc rơi vào tình trạng khốn khổ, ông đã ngấm ngấm giúp đỡ cho lão, dù gia đình ông cũng rất khó khăn - Có lẽ những đồng cảm về khó khăn trong cuộc sống đã xích họ lại gần nhau hơn, cảm thông hơn, đây chính là biểu hiện đẹp đẽ nhất của một tình bạn giữa những con người khốn khổ, vượt qua ranh giới, khoảng cách của giai cấp, tầng lớp để đến với nhau mà giao bao ấm áp tình người cao lớn, bao la...	cậu Vàng như cả mạng sống, cả tình yêu, cả cuộc đời thì ông giáo quý những quyển sách của mình cũng thế, nhưng cái nghèo cứ đeo đẳng mãi. Quý sách là vậy mà ông giáo cứ phải bán dần chúng đi, cuối cùng chỉ còn lại 5 quyển với lời nguyện: “dù có phải chết cũng không bán”. Thế rồi, như một kẻ cùng đường trên cuộc sống mưu sinh phải bán máu, ông giáo trước tương lai đen tối không lối thoát phải bán sách, chỉ vì đứa con thơ bị chứng kiết lỵ gần kiệt sức, ông giáo phải bán nốt đi 5 quyển sách còn lại mà ông nâng niu, trân trọng tựa mạng sống của mình. Chỉ là những quyển sách thôi nhưng giờ ông cũng chẳng giữ nổi cho mình, chẳng giữ nổi ước mơ, giữ nổi niềm vui còn sót lại khi hiện thực đánh gục lí tưởng của con người một cách không nung tay, thương tiếc, đó là một nỗi đau, sự bất lực thật bề bồng khiến ta thổn thức, xót xa. Cuộc sống của ông cứ cùn dần, mòn dần trước những khốn cùng của cuộc đời, ông phải hi sinh cả những ước mơ, hạnh phúc của chính bản thân mình. Thế nhưng, giữa những biến chuyển đầy khổ đau trong cuộc đời, con người khốn khổ ấy vẫn giữ cho mình nhân cách cao đẹp và là người có trái tim nhân hậu đáng quý. Trở về làng, ông là chỗ dựa tinh thần, là niềm an ủi cho lão Hạc. Ông giáo luôn cảm thông với hoàn cảnh của người cha nghèo, cô đơn và tội nghiệp. Con người này là nơi giúp lão Hạc san sẻ mọi niềm vui, nỗi buồn, là chỗ dựa để lão có thể tâm sự mọi chuyện về mảnh vườn, về đứa con trai, san sẻ nỗi đau khi phải bán cậu Vàng hay có lúc chỉ là sẻ chia một bát nước chè xanh hoặc điều thuốc Lào... Trước tâm tình của kẻ khốn khổ, già nua trước mặt mình, đã có lúc ông “Muốn ôm choàng lấy lão oà lên khóc,...”, giọt nước mắt này được cất lên từ tình yêu, sự cảm thông sau sắc từ trái tim chân thành, thấu hiểu, sâu sắc nơi tâm hồn con người tri thức cao cả, nhân văn kia. Để rồi, thấu cảm, lắng đọng tin yêu bỗng biến thành hành động thầm lặng ngay khi lão Hạc rơi vào tình trạng khốn khổ, ông đã ngấm ngấm giúp đỡ cho lão, dù gia đình ông cũng rất khó khăn. Chẳng vậy mà, hơn cả một người hàng xóm ông giáo đã trở thành ánh sao chiếu rọi cuộc đời lão Hạc, để lão bầu vùi

*** Những ý nghĩ của ông giáo về lão Hạc:**

- Khi chứng kiến cuộc sống của lão Hạc ngày càng khốn khó, bi thương, ông giáo đã phải thốt lên: “Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày trôi qua thật đáng buồn”, ông đồng cảm và thương xót cho người nông dân nghèo khổ kia, nhưng phải chăng cũng là đau đớn cho lẽ sống bi thảm của chính mình

- Trước cái chết dữ dội của người nông dân đó, ông giáo xót xa, khẽ cất lời than trước vong linh người láng giềng hiền lành, tội nghiệp: “Lão Hạc ơi! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão...”. Lời than thức tỉnh ở giây phút cuối cùng trước người bạn đã mãi đi xa đang nằm trước mặt kia chính là bao bất lực, đôn ép, tức tưởi trước những đau thương mà chính ông và cả lão Hạc phải chịu đựng trước cuộc sống phi lí, bất công mà xã hội bấy giờ đã đẩy con người vào bước đường cùng, không lối thoát, không tương lai...

những lúc đau đớn nhất, để lão tin tưởng gửi gắm số tiền ít ỏi dành dụm được trong nỗi niềm ngổn ngang chết không phải phiền đến hàng xóm. Có lẽ những đồng cảm về khó khăn trong cuộc sống đã xích họ lại gần nhau hơn, cảm thông hơn, đây chính là biểu hiện đẹp đẽ nhất của một tình bạn giữa những con người khốn khổ, vượt qua ranh giới, khoảng cách của giai cấp, tầng lớp để đến với nhau bằng biết bao âm áp tình người cao lớn, bao la...

Nếu như nhân vật người nông dân trong sáng tác của Nam Cao chịu những nỗi khổ về vật chất, họ bị đẩy vào bước đường của cái đói, cái nghèo thì những nhân vật tri thức trong trang văn của ông còn là những dằn vặt, đau đớn về tinh thần. Họ luôn phải trăn trở trong những suy nghĩ, để rồi khi chứng kiến cuộc sống của lão Hạc ngày càng khốn khó, bi thương, ông giáo đã phải thốt lên: “Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày trôi qua thật đáng buồn”, ông đồng cảm và thương xót cho người nông dân nghèo khổ kia, nhưng phải chăng cũng là đau đớn cho lẽ sống bi thảm của chính mình. Chính vì thế, biết lão Hạc xin bả chó của Binh Tư, ông càng buồn hơn, đau hơn mà sinh ra nghi ngờ người bạn tri kỉ, lương thiện trước đó mình vẫn tin tưởng, chính ông giáo lúc đó đã từng nghĩ phải chăng bản năng đã chiến thắng nhân tính con người. Nhưng trước cái chết của lão Hạc, ông cảm thấy cuộc đời không hẳn đáng buồn. Cái chết ấy đã chứng minh cho tâm lòng trong sạch, của lòng tự trọng trước bờ vực của sự tha hóa. Ông giáo ngỡ ngàng nhận thấy cuộc đời vẫn buồn theo một nghĩa khác, một người tốt như lão nhưng cuối cùng vẫn phải tìm đến cái chết để giải thoát cho mình.. Trước cái chết dữ dội của người nông dân đó, ông giáo xót xa, khẽ cất lời than trước vong linh người láng giềng hiền lành, tội nghiệp: “Lão Hạc ơi! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão...”. Lời than thức tỉnh ở giây phút cuối cùng trước người bạn đã mãi đi xa đang nằm trước mặt kia chính là bao bất lực, đôn ép, tức tưởi trước những đau thương mà chính ông và cả lão Hạc phải chịu đựng trước cuộc sống phi lí, bất công mà xã

	hội bấy giờ đã đẩy con người vào bước đường cùng, không lối thoát, không tương lai... Gấp lại những trang truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao lòng ta cứ băng ngang, day dứt, xoa xuyên bồi hồi, vẫn vương mãi không thôi trước nỗi đau của những con người bất hạnh, trước sự trợn vện đến cao quý thà chết cũng muốn sống cuộc đời thanh cao, tự trọng, tràn ngập yêu thương của họ. Những con người ấy sẽ mãi là điểm sáng, là bản tình ca ngọt ngào, bất diệt ở trong lòng dân tộc Việt Nam không chỉ ở quá khứ, hiện tại mà còn trong tương lai, giúp ta hiểu rằng dù ở đâu, hoàn cảnh nào thì giá trị của mỗi chúng ta chính là thước đo bằng một nhân cách cao quý, đúng như câu thơ: <i>Cuộc sống này ai biết trước điều chi Cần trân trọng những gì đang tồn tại Nếu không muốn nơi tâm hồn ngầy dại Bởi một ngày phải nói tiếng ăn năn</i>

1

Nghệ thuật



- Lời kể ngôi thứ nhất, người kể là nhân vật hiểu, chứng kiến toàn bộ câu chuyện và cảm thông với lão Hạc.
- Kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, trữ tình, lập luận, thể hiện được chiều sâu tâm lí nhân vật với diễn biến tâm trạng phức tạp, sinh động.
- Sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, tạo được lối kể khách quan, xây dựng được hình tượng nhân vật có tính cá thể hoá cao.

Nội dung

Tác phẩm phản ánh hiện thực số phận của người nông dân trước CM tháng Tám qua tình cảnh của lão Hạc và thể hiện tấm lòng của nhà văn trước số phận đáng thương của một con người.

2



TRONG MẮT TRẺ

I. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

- Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri
- Sinh năm 1900 mất năm 1944
- Là một nhà văn và phi công Pháp nổi tiếng
- Các đề tài của ông lấy đề tài, cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công.
- Ngôi bút đậm chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn



Tác phẩm ✓



- Xuất xứ: Trích “Hoàng tử bé”, tác phẩm nổi tiếng nhất của Ê-xu-pe-ri.
- Thể loại: Truyện đồng thoại.
- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự
- Nhân vật: nhân vật “tôi” và “hoàng tử bé”

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Đặc điểm thể loại

2

Kỉ niệm vẽ tranh ngày bé của nhân vật “tôi”

3

Cuộc gặp gỡ của nhân vật “tôi” và Hoàng tử bé

4

Sau khi chia tay Hoàng tử bé



1. Đặc điểm thể loại

Truyện đồng thoại là thể loại truyện dài được kể theo dạng lời kể của một người thứ ba, mô tả những câu chuyện xoay quanh nhiều nhân vật khác nhau.

Truyện đồng thoại

Điểm đặc trưng của truyện đồng thoại bao gồm

Đa số truyện được kể theo ngôi thứ ba: Tác giả sử dụng ngôi thứ ba để miêu tả các tình tiết trong câu chuyện, mô tả hành động, suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật.

Đa dạng nhân vật: Truyện đồng thoại thường có nhiều nhân vật, mỗi nhân vật có tính cách, hoàn cảnh, đặc điểm riêng, có thể đóng vai trò chính hoặc phụ trong câu chuyện.

Phong cách viết tả: Tác giả thường sử dụng phong cách miêu tả chi tiết, tường minh về các tình tiết, môi trường, tâm trạng của các nhân vật, giúp người đọc dễ dàng hình dung được cảnh vật, tình huống trong truyện.

Có tính logic, kết thúc hợp lý: Truyện đồng thoại thường có cốt truyện rõ ràng, có tính logic và kết thúc hợp lý, giúp người đọc có thể theo dõi và hiểu được những giá trị đạo đức mà tác giả muốn truyền tải.

2. Kỹ niệm vẽ tranh ngày bé của nhân vật “tôi”

Cốt truyện lật mở hiện ra dừng lại ở thời gian “năm 6 tuổi” của nhân vật tôi, thời điểm chớp chững ghi lại những dấu ấn cuộc đời bằng bức tranh đặc biệt

Sự đối lập trong cách nhìn nhận của người lớn với trẻ thơ về cuộc sống, khiến đứa trẻ lạc lõng, cô đơn ngay trong thế giới của chính mình

Nhận xét:

→ Trẻ em luôn có trí tưởng tượng phong phú và bay bổng hơn người lớn làm ta bao lần phải ngỡ ngàng, khâm phục

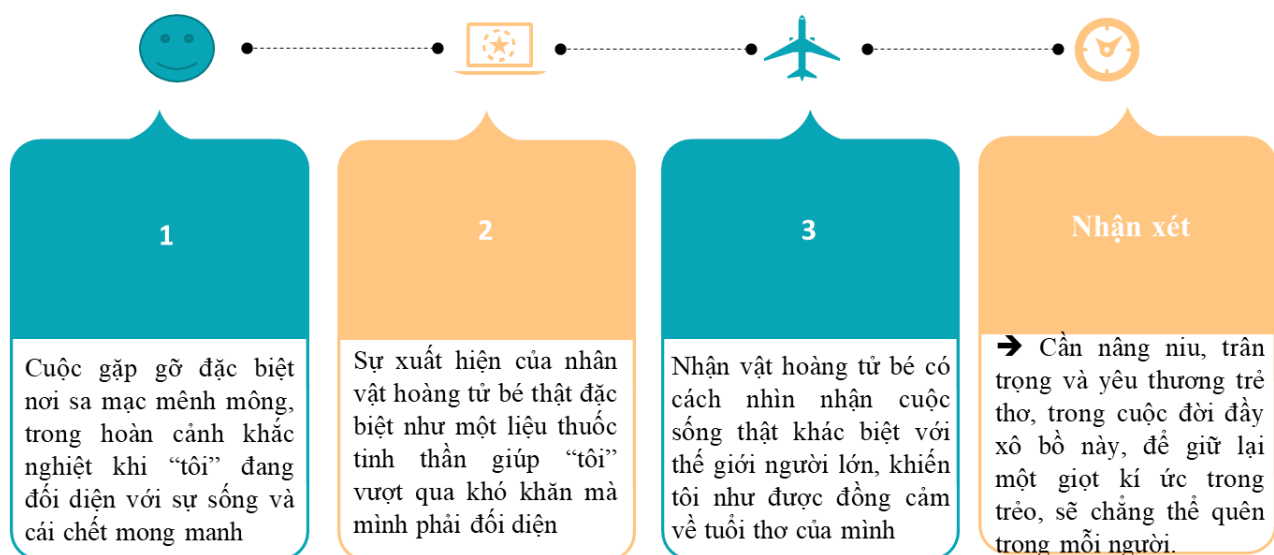
Tác giả đã đưa ra nhận định rằng ý thức về một đồ vật thay đổi theo từng con người bằng việc thảo luận về bức tranh thời thơ ấu của mình

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Ước trở về nơi ấy lũy tre làng Chơi ẩn náu đùa vang trong tiếng gió Đêm tháng năm khi ánh trăng vừa tỏ Tiếng gọi mời ngoài ngõ rủ đi chơi. Bốn câu thơ như một dòng nước chảy ngọt ngào thấm đẫm nơi trái tim ta những giây phút nhẹ nhàng, êm đềm về hành trình tuổi thơ tuyệt vời trong ta đã từng trải qua. Dòng chảy tuổi thơ ấy, chẳng biết từ bao giờ cũng đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận của rất nhiều người nghệ sĩ,

-Thời điểm: 6 tuổi =>thời điểm chập chững ghi lại những dấu ấn cuộc đời, thỏa sức suy tư, tưởng tượng sống trong bông bênh những khao khát khám phá thế giới rộng lớn bao la như bao đứa trẻ ở thế gian xanh tươi này qua bức tranh - Bức tranh: + Nội dung: Vẽ về con trăng nuốt con mồi	chấp nhip gửi lại vào văn chương, ở đó không thể không nhắc tới đoạn trích “<i>Trong mắt trẻ</i>” thuộc tác phẩm “<i>Hoàng tử bé</i>” của Ê-xu-pe-ri – hồi ức đẹp đẽ nhất mà mỗi con người có được trong đời này. Núi non xanh rì rào hát tình ca cùng gió, nắng vàng ươm, long lanh khẽ cười cùng ngàn mây, nước trong veo, len lỏi dưới vách đá uốn mình soi cùng mặt trời rạng rỡ. Vạn vật, không tự nhiên mộng mơ và đẹp đẽ, thanh bình đến vậy mà chắc chắn nó đang được ngắm nhìn nơi con mắt yêu đời, tràn ngập tình yêu cuộc sống của con người. Vậy nên, từng khoảnh khắc sống trong đời người có lẽ mọi bận bịu lo toan chẳng thể chạm tới khiến ta buồn chỉ có thể là lúc ta hồn ta thật sự thanh tịnh, an nhiên đến mức mọi biến cố sẽ chẳng thể khiến ta động lòng hay đó là thời điểm bản thân ta tự thả trôi chìm trong thế giới của tuổi thơ bông bênh cùng những giấc mơ, vụng dại, nhỏ bé nhưng vô cùng ngọt ngào. Chấp bút từ những an nhiên, bình dị và vệt nắng khe khẽ đánh thức kí ức năm nào đã qua của mỗi con người Ê-xu-pe-ri đã đưa ta về hành trình khám phá thế giới non nớt tạo nên những niềm vui nho nhỏ bên đời đọng lại trong bức tranh năm nào vẫn luôn sống tâm hồn “<i>hoàng tử bé</i>”. Cốt truyện lật mở tựa những trang giấy tinh khôi, đượm màu hồng mơ màng hiện ra dừng lại ở thời gian “<i>năm 6 tuổi</i>” của nhân vật tôi, thời điểm chập chững ghi lại những dấu ấn cuộc đời, thỏa sức suy tư, tưởng tượng sống trong bông bênh những khao khát khám phá thế giới rộng lớn bao la như bao đứa trẻ ở thế gian xanh tươi này qua bức tranh. Trong lời kể của tác giả nhân vật tôi hiện lên trước những trải nghiệm ngộ nghĩnh, lí thú khi “<i>ấn tượng</i>” với cuốn sách có vẽ “<i>một con trăng đang nuốt chửng một con mãnh thú</i>”, đó chắc chắn phải là một hình ảnh đặc biệt, tác động mạnh mẽ vào tâm trí của đứa trẻ nên nó mới thôi thúc cậu “<i>vẽ lại</i>” bằng cả nhiệt huyết. Thế nhưng, sự tưởng tượng bằng cả tình yêu thương “<i>về những chuyến thám hiểm trong rừng sâu</i>” cuối cùng được biến thành “<i>bức tranh cho chính mình</i>” lại bị người lớn cho rằng đó là “<i>một cái mũ</i>” trong lời nhận xét vội vàng, bởi chính họ những con người trưởng thành kai không thể thả hồn mình vào bầu trời của đứa trẻ để phát hiện bóng dáng “<i>của con trăng đang ăn thịt voi</i>”. Dù sau đó đã được tác giả của nó sửa lại cho chân thực hơn thì

+ Cách nhìn nhận - Nhân vật “tôi”: Con trần đang ăn thịt con voi - Người lớn: một cái mũ có gì đáng sợ => Tác giả đã đưa ra nhận định rằng ý thức về một đồ vật thay đổi theo từng con người bằng việc thảo luận về bức tranh thời thơ ấu của mình. Cùng thông điệp về giá trị của những cuốn sách giản dị lại cất cánh cho trí tưởng tượng, khao khát khám phá của mỗi con người bay cao -Phê phán: với người lớn các môn học có giá trị, lợi ích và dễ dàng kiếm lời hơn trong tương lai thay vì sự tưởng tượng, “<i>kháo chuyện chơi bài, chuyện đánh gôn, chuyện hình trị, chuyện cravat</i>” mới là biểu hiện của đứa trẻ “<i>lẽ độ</i>”. → Trẻ em có trí tưởng tượng phong phú và bay bổng hơn người lớn.	trước mắt họ bức tranh ấy chẳng thể bằng việc “<i>tập trung vào việc học Địa Lí, Lịch sử, làm tính và ngữ pháp</i>”. Có lẽ, khi chạm tới những ngôn từ trong tác phẩm ta thấy ở đó đọng lại một thông điệp về giá trị của những cuốn sách giản dị lại cất cánh cho trí tưởng tượng, khao khát khám phá của mỗi con người bay cao. Nhưng sâu trong đó còn nổi buồn man mát trong tâm hồn nhỏ dại của những đứa trẻ khi chưa được thấu hiểu, khi chính mình là nạn nhân của bao ước mơ bị thui chột bởi người lớn trong quá nhiều toan tính cuộc sống mà đâu cần nâng niu ước mơ, hay trí tưởng tượng phong phú của con trẻ. Với họ các môn học có giá trị, lợi ích và dễ dàng kiếm lời hơn trong tương lai thay vì sự tưởng tượng, “<i>kháo chuyện chơi bài, chuyện đánh gôn, chuyện hình trị, chuyện cravat</i>” mới là biểu hiện của đứa trẻ “<i>lẽ độ</i>”. Để rồi trong kí ức năm nào cậu bé 6 tuổi khi ấy chỉ còn lại sự bất lực, thờ dãi nhận ra “<i>Người lớn có bao giờ tự mình hiểu được chuyện gì đâu, và thất sự mệt cho trẻ con lúc nào cũng cứ phải giải thích cho họ...</i>”. Để rồi, tất cả như con gió nhẹ nhàng thổi mát tâm hồn ta khiến mỗi bạn đọc ngộ ra chân lí tươi đẹp, non xanh trước hiện thực khi nhận ra rằng không thể phủ nhận trẻ em luôn có trí tưởng tượng phong phú và bay bổng hơn người lớn làm ta bao lần phải ngỡ ngàng, khâm phục.

3. Cuộc gặp gỡ của nhân vật “tôi” và Hoàng tử bé



BÀI VIẾT THAM KHẢO	KIẾN THỨC TRỌNG TÂM
a. Hoàn cảnh gặp gỡ - Cô độc trên sa mạc rộng lớn - Nước chỉ còn đủ dùng tám ngày - Hành động: tự sửa máy bay để mong thoát khỏi nơi này. -> <i>Nhân vật tôi dần cạn sức lực, hi vọng. Đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách.</i> b. Sự xuất hiện của Hoàng tử bé - Cách xuất hiện: đối lập hoàn toàn với những gì nhân vật “tôi” gặp phải + Ngoại hình đẹp đẽ, chẳng có gì là lạ đường hay một mối + Lời nói và phản ứng rất nhẹ nhàng - Vai trò: Xuất hiện đúng lúc, trở thành điểm tựa tinh thần cho nhân vật “tôi”. c. Cách nhìn nhận của Hoàng tử bé - Với bức tranh ngày bé của nhân vật “tôi”: thấy con voi bị trăn nuốt trong bụng, trăn nguy hiểm còn voi kèn càng - Với những bức tranh con cừu mà hoàng tử bé yêu cầu nhân vật “tôi” vẽ:	Trong từng khoảnh khắc của đời sống, ta nhận ra rằng khi niềm vui đến sẽ có rất nhiều người vây quanh cười cùng mình, thế nhưng lúc nỗi buồn, sự cô đơn xuất hiện bóng dáng của biết bao nụ cười trước đó lại chẳng một ai xuất hiện an ủi cô đơn với ta. Có lẽ, đó cũng là tâm trạng của nhân vật “tôi” trong chuyến hành trình cô độc đến mức hoang tưởng, tự mơ mộng rằng có một hoàng tử bé gõ cửa trò chuyện cùng mình khi “xảy ra một tai nạn trên sa mạc Sahara”. Những ngày kinh hoàng bởi tai nạn hiểm hoi trong nghề khiến “tôi” phải sống một mình “<i>bên cạnh chẳng có ai, thợ máy không, hành khách cũng không</i>” tự mình xoay xở với “<i>công việc sửa chữa nhọc nhằn</i>” liên quan đến “<i>sống còn</i>” với những giọt nước cuối cùng chỉ đủ “<i>uống cho tám ngày</i>” dần cạn sức lực, hi vọng, đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách.. Rơi vào tuyệt vọng, hoang mang, bất lực có lẽ là cảm nhận bấy giờ của con người khốn khổ nơi khí hậu khắc nghiệt đó, thế nên anh ta “<i>cô độc hơn cả một kẻ đắm tàu lênh đênh giữa đại dương mênh mông</i>”. Nhưng cuộc sống không bao giờ đẩy con người ta vào bước đường cùng, chẳng lối thoát, thế nên ở bi kịch kinh hoàng ấy, cánh cửa niềm vui lại được mở ra bởi cuộc gặp gỡ định mệnh với hoàng tử bé với “<i>giọng nói kì lạ</i>” đã thức tỉnh kẻ cô đơn, bên bờ cái chết kia. Sự xuất hiện hoàn toàn đối lập với không gian mênh mông bão cát, khô cằn, chết chóc, cùng hoàn cảnh của “tôi” là một cậu bé “<i>dáng vẻ kì lạ</i>”, trong “<i>Ngoại hình đẹp đẽ, chẳng có gì là lạ đường hay một mối</i>” mà “<i>Lời nói và phản ứng rất nhẹ nhàng</i>”. Ta tự hỏi rằng, có đứ trẻ nào tồn tại giữa sa mạc mà bình tĩnh, thản nhiên, vô tư đến vậy? Phải chăng, nhân vật tôi gặp ảo giác như người ta vẫn gặp trước bờ vực cái chết hay hoàng tử bé là hiện thân của chính “tôi” trong kí ức trở về an ủi, động viên mà tấm mát tâm hồn khô cằn, lạc lõng, mất niềm tin của con người bất hạnh, khốn khổ đang vật mình trên sa mạc? Dù là điều gì thì hoàng tử bé cũng tựa ánh sao long lanh, đẹp đẽ nhất mà cuộc đời “tôi” đã may mắn gặp được, để rồi trở thành điểm tựa tinh thần cho anh vượt qua tấm lưới của tử thần đã giăng sẵn. Chẳng vậy mà, ban đầu khi được nhờ vẽ bức tranh “<i>một con cừu</i>”, anh khá bất

+Bức vẽ cừu thứ 1: quan sát kĩ rồi cho rằng cừu bị bệnh +Bức vẽ cừu thứ 2: cho rằng là con cừu đực vì có sừng +Bức vẽ cừu thứ 3: cho rằng con cừu già quá, muốn cừu sống được lâu +Bức sau cùng: con cừu trong cái thùng và con cừu đang ngủ =>Bút phát kể truyện độc đáo, khai thác tâm lí nhân vật tinh tế, cùng nghệ thuật liệt kê, đối thoại hấp dẫn nhà văn đã đem đến cho mỗi người đọc những vang vọng rất đẹp của cuộc sống cùng thông điệp sâu sắc thức tỉnh suy nghĩ của mỗi người lớn -> Với khả năng tưởng tượng bay bổng phong phú, hoàng tử bé đã có những cách nhìn nhận các bức vẽ và sự vật khác với người lớn, cậu nhận ra những điều người khác khó nhận ra như chỉ cần vài thay đổi nhỏ trong nét vẽ của nhân vật “tôi” cũng đủ biến con cừu này thành con cừu khác về trạng thái, giới tính, độ tuổi,...	ngờ, thậm chí bức bội đến “<i>Cáo bắn</i>” chỉ phác họa lại “<i>bức con trăn đóng bụng</i>” bởi trước đó, tài năng hội họa đã bị chặn lại từ năm 6 tuổi. Thế nhưng, dần dần tôi đã thay đổi, anh nhận ra rằng bức tranh năm xưa, giờ đây có một người duy nhất hiểu được đó là hình ảnh “<i>Con voi bị trăn nuốt trong bụng. Con voi bị trăn nuốt trong bụng, trăn nguy hiểm còn voi kênh càng</i>”, hạnh phúc ấy giờ đây lại không còn ý nghĩa với anh, vì tâm hồn căn cốt của một người lớn đã phủ đầy ước mơ non dại năm nào. Song, vì chiều theo ý hoàng tử bé một cách miễn cưỡng anh ta lần lượt phác họa hình ảnh con cừu theo trí tưởng tượng của mình, lần lượt các bức tranh ra đời cùng lời nhận xét tỉ mỉ đã khiến “<i>tôi</i>” thực sự thức tỉnh. Chẳng thức tỉnh sao, khi anh bạn nhỏ dám chiêu “<i>quan sát</i>” kĩ bức vẽ từng bức vẽ khẳng định “<i>con này bị bệnh rồi</i>”, hay cho rằng “<i>đây là một con cừu đực vì có sừng</i>” và chắc chắn đánh giá “<i>con cừu già quá, cháu muốn một con cừu sống được lâu</i>” khiến “<i>tôi</i>” giật mình khâm phục trí tưởng tượng phong phú của tâm hồn nhỏ bé ấy. Và thật sự, cậu bé chỉ chấp nhận bức vẽ cuối cùng “<i>nguyệt ngoác vài đường</i>” của “<i>tôi</i>” trong niềm vui vì hình dung ra “<i>con cừu trong cái thùng đang ngủ</i>”. Bằng bút phát kể truyện độc đáo, khai thác tâm lí nhân vật tinh tế, cùng nghệ thuật liệt kê, đối thoại hấp dẫn nhà văn đã đem đến cho mỗi người đọc những vang vọng rất đẹp của cuộc sống cùng thông điệp sâu sắc thức tỉnh suy nghĩ của mỗi người lớn. Qua đó, giúp ta hiểu ra rằng với khả năng tưởng tượng bay bổng phong phú, hoàng tử bé đã có những cách nhìn nhận các bức vẽ và sự vật khác với người lớn, cậu nhận ra những điều người khác khó nhận ra như chỉ cần vài thay đổi nhỏ trong nét vẽ của nhân vật “<i>tôi</i>” cũng đủ biến con cừu này thành con cừu khác về trạng thái, giới tính, độ tuổi... Đó cũng là những điều cần nâng nui, trân trọng và yêu thương của trẻ thơ trong cuộc đời đầy xô bồ này, để giữ lại một giọt kí ức trong trẻo, êm ả nơi kí ức nhỏ bé sẽ chẳng thể quên trong đời mỗi con người khi đã lớn, trưởng thành...

4. Sau khi chia tay Hoàng tử bé

01

Tâm trạng buồn bã, tiếc nuối, hạnh phúc đan xen khi nhớ tới cuộc gặp gỡ đầy tươi đẹp trước đó của “tôi” với hoàng tử bé ở quá khứ

02

Mong muốn được gặp lại hoàng tử bé: cứ nghĩ mãi về cậu, nơi cậu xuất hiện, những thứ nhỏ nhoi xung quanh cậu như con cừu và bông hoa... nơi cậu sống

03

Gặp hoàng tử bé là một kỉ niệm không thể quên, là một tri kỉ, là tấm gương phản ánh những giấc mộng ấu thơ chưa thành của nhân vật “tôi” còn dang dở nơi kí ức

04

Nhận xét:

➔ Nhà văn gửi lại một niềm tin, hi vọng cho mỗi người hay đi tìm một hoàng tử bé cho chính mình, một người bạn đủ thấu hiểu tất cả những gì ta muốn nói, mong thể hiện, ước mơ có trong đời để một lần được tựa vào xoa dịu bao đau thương

BÀI VIẾT THAM KHẢO	KIẾN THỨC TRỌNG TÂM
a. Tâm trạng - Buồn: “buồn lắm”, “những chiếc lục lạc lại biến hết cả thành nước mắt”, cho rằng nơi từng gặp hoàng tử bé là “quang cảnh đẹp nhất và buồn nhất thế gian”. - Ngổn ngang nhiều cảm giác khó tả: lo lắng vì mình đã quên vẽ vòng da của rọ mõm cho con cừu nên nó có thể mất bông hoa; tuy nhiên vẫn hạnh phúc tin tưởng vào sự cẩn thận của cậu bé. b. Mong muốn - Mong muốn: Được gặp lại hoàng tử bé: cứ nghĩ mãi về cậu, nơi cậu xuất hiện, những thứ nhỏ nhoi xung quanh cậu như con cừu và bông hoa,... - Nguyên nhân: + Gặp hoàng tử bé là một kỉ niệm không thể quên trong đời + Hoàng tử bé như một tri kỉ với nhân vật “tôi”	Có những con người ta đã gặp nhưng không bao giờ muốn nhớ, song cũng có những cuộc hội ngộ chỉ thoáng qua lại khiến lòng người lưu luyến, băng ngang, tiếc nuối mãi không thôi. Phải chăng, định mệnh khi đối diện với hoàng tử bé của nhân vật “tôi” cũng là nhưng băng ngang, bịn rịn bởi kí ức ngọt ngào nhất mà người phi công ấy sẽ chẳng thể quên trong đời mình. Thế nên, dù “<i>đã sáu năm trôi qua</i>” mà anh vẫn chưa bao giờ kể cho ai nghe về câu chuyện ấy, bởi muốn giữ lại nhưng vẹn nguyên, tròn đầy nhất cho riêng mình dù “<i>buồn lắm</i>” khi “<i>những chiếc lục lạc lại biến hết cả thành nước mắt</i>” và cho rằng nơi từng gặp hoàng tử bé là “<i>quang cảnh đẹp nhất và buồn nhất thế gian</i>”. Đó là tâm trạng ngổn ngang nhiều cảm giác khó tả với bao lo lắng vì mình đã quên “<i>vẽ vòng da của rọ mõm cho con cừu nên nó có thể mất bông hoa</i>” hay “<i>chuyện gì đã xảy ra trên hành tinh</i>” xinh đẹp của hoàng tử bé-người bạn tuyệt vời đã từng gặp gỡ. Tuy nhiên, đọng lại sau tất cả vẫn mãi là hạnh phúc tin tưởng vào sự cẩn thận của cậu bé, hạnh phúc khi nhìn lên bầu trời thấy “<i>các ngôi sao đều cười hiền lành</i>” mà mong mỗi được gặp lại hoàng tử bé với bao ngọt ngào, xa xăm. Chẳng

+ Tấm gương phản ánh những giấc mộng ấu thơ chưa thành của nhân vật “tôi”. ➔ Nhà văn gửi lại một niềm tin, hi vọng cho mỗi người hay đi tìm một hoàng tử bé cho chính mình, một người bạn đủ thấu hiểu tất cả những gì ta muốn nói, mong thể hiện, ước mơ có trong đời để một lần được tựa vào xoa dịu bao đau thương.	đơn thuần khi một con người đã trải qua biết bao thăng trầm, nghiệt ngã của cuộc đời lại dễ dàng làm bạn với một đứa trẻ ngây thơ như vậy, có lẽ với “tôi” gặp hoàng tử bé đã trở thành một kỉ niệm không thể quên trong đời cứu vớt tâm hồn đầy mệt mỏi, phải gồng mình mỗi ngày của anh. Hay đứa trẻ trên sa mạc ấy như một tri kỉ với nhân vật “tôi” khi chỉ có cậu mới hiểu được tâm tư tuổi thơ anh đã từng trải qua mà suốt bao năm tháng chẳng ai thấu cảm. Để rồi, đọng lại trong kỉ niệm ngọt ngào của mỗi chúng ta hình ảnh nhân vật nhỏ bé ấy lại sống dậy tựa tấm gương phản ánh những giấc mộng ấu thơ chưa thành của nhân vật “tôi” hôm nào. Chẳng vậy mà, kết thúc trang viết đầy ám áp của mình nhà văn gửi lại một niềm tin, hi vọng cho mỗi người hay đi tìm một hoàng tử bé cho chính mình, một người bạn đủ thấu hiểu tất cả những gì ta muốn nói, mong thể hiện, ước mơ có trong đời để một lần được tựa vào xoa dịu bao đau thương. Khép lại trang kỉ niệm của tuổi thơ tràn đầy mộng mơ, tiếc nuối có thi sĩ đã từng viết: <i>Tôi như người của năm tháng xa vời</i> <i>Nhặt nhạnh những cũ xưa gom góp về thực tại</i> <i>Tập làm người với những điều khôn dại</i> <i>Tập nhìn đời nhân hậu như trẻ thơ</i> Phải chăng những “nhặt nhạnh”, “gom góp” của thi sĩ cũng chính là biết bao ngày tháng mà mỗi con người chúng ta vẫn khát khao tìm kiếm mỗi ngày trong đời để lưu lại trọn vẹn nhưng êm ả nơi tuổi thơ từng có. Thế nên, dòng kí ức của Ê-xu-pe-ri cùng tác phẩm “Hoàng tử bé” chắc chắn sẽ như một dòng nước mát đủ làm vơi đi cơn khát của vạn người đọc hôm nay về hành trình quay lại tuổi thơ của chính mình mà nâng niu những tươi xanh, đẹp đẽ đã có, để mãi mãi sống cùng dòng chảy văn chương muôn đời.



1

Nghệ thuật

Cốt truyện chặt chẽ, có sự liên kết. Diễn biến câu chuyện đều có tranh minh họa bám sát. Ngôn ngữ nhân vật trong sáng, giàu chất trẻ thơ

Nội dung

Cuộc gặp gỡ tình cờ và đầy lí thú của nhân vật “tôi” và hoàng tử bé. Cần trân trọng những quan điểm, cách nhìn nhận riêng biệt của mỗi người đặc biệt là trẻ em.

2



MỜI TRÀU

I. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

- Hồ Xuân Hương (Nửa cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX).
- Quê ở Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An.
- Có tài, giao du rộng, tình duyên ngang trái.
- Thơ của bà trữ tình, đậm thắm, chua xót; trào phúng, hóm hỉnh, sâu cay; ngôn ngữ bình dị, biểu cảm, giàu cá tính.



Tác phẩm ✓



- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.
- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.
- Chủ đề: Bài thơ thể hiện ước mơ về cuộc sống hạnh phúc, tình yêu chính đáng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Đặc điểm thể loại

2

Hình ảnh miếng trầu cau

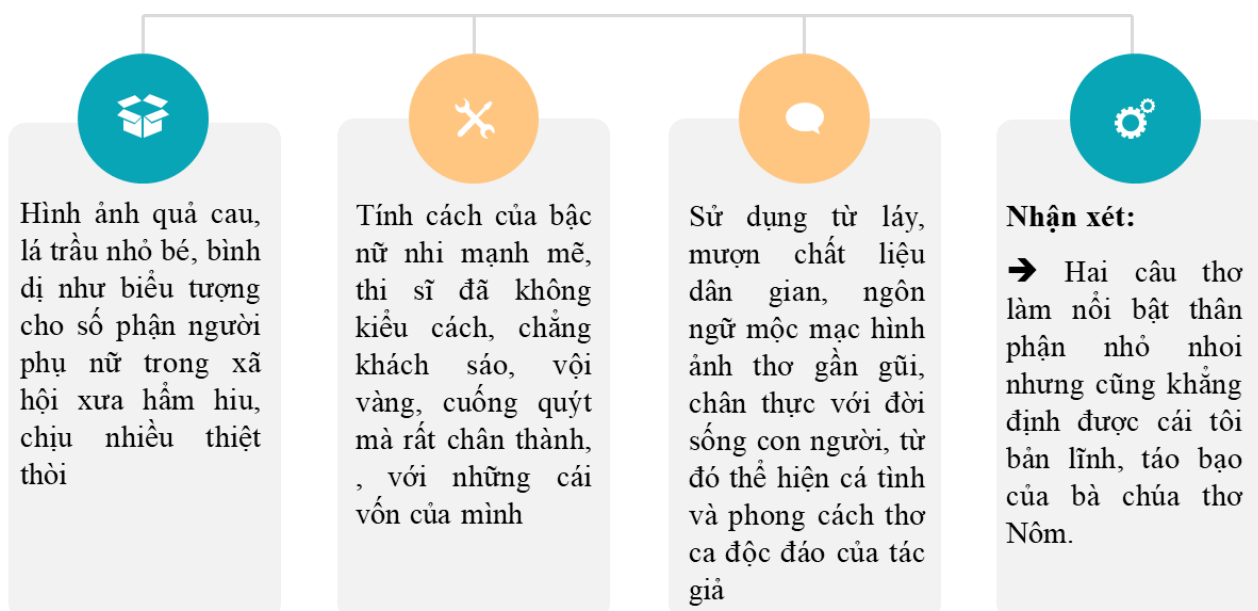
3

Khát vọng về tình yêu đôi lứa

1. Đặc điểm thể loại



2. Hình ảnh miếng trầu cau



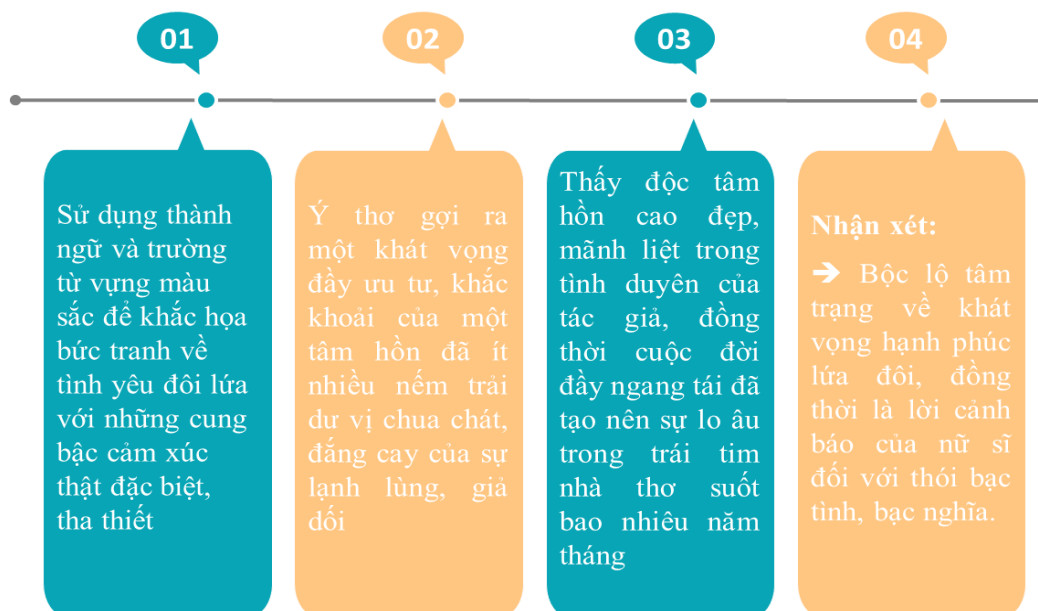
KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Phím đàn ngôn từ khẽ cất cánh ngân vang trong khúc nhạc văn chương với bao điều ý vị, sâu xa khi viết về hình ảnh quả cau, lá trầu, biểu tượng cho tình duyên đôi lứa thắm thiết bên nhau: <i>Thân cao thẳng đứng vượt lên trời. Sống chết bên em chẳng chút coi. Nữ tú tròn duyên tràn sắc thắm. Nam thanh trọn nghĩa ngập màu tươi.</i>

<i>*"Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi"</i> Giới thiệu hình ảnh quả cau miếng trầu "<i>nho nhỏ</i>" vừa vắn, xinh xắn -Miếng cau, lá trầu ấy khi khiến ta ngậm ngùi thương xót cho những thân phận nhỏ bé, trong xã hội đầy bất công của người phụ nữ xưa cũng rẻ rúm như "<i>miếng trầu hôi</i>",	Thế nhưng, nếu bốn câu thơ trọn vẹn, đủ đầy duyên sắc lộng lẫy của chàng trai, cô gái quán quýt, mặn nồng. Thì đâu đó, khi nhắc tới âm điệu ẩn chứa vị cay nồng, đỏ thắm kia vẫn còn những nhịp sóng mong manh về thân phận người phụ nữ nhỏ bé, luôn khát khao mưu cầu hạnh phúc qua rất nhiều bài thơ của người thi sĩ. Trong đó, đặc biệt nhất phải nhắc thi phẩm "Mời trầu" mà bà chúa thơ Nôm, Hồ Xuân Hương đã gửi lại cho mỗi bạn đọc hôm nay Một chiếc lá xanh, thơm cay, một quả cau ruột mềm, đậm đà, một chút vôi trắng mịn, sánh trong chẳng biết tự bao giờ những thứ tách rời, khác biệt kia bện vào nhau thành miếng trầu đỏ thắm khiến bao nhiêu người Việt đắm say. Để rồi theo dòng chảy thời gian mời trầu đã trở thành một hình thức giao tiếp thường xuất hiện trong văn hóa của người dân hình chữ S thân thương, gắn với lời mời mở đầu câu chuyện, tục cưới hỏi, hay món quà nho nhỏ trong nghi lễ cổ truyền dâng lòng thành kính lên tổ tiên. Thế nhưng, với người thường phong tục ấy sẽ chỉ là thủ tục cần phải có, còn trong mắt Hồ Xuân Hương, miếng trầu, quả cau đơn sơ, giản dị, quen thuộc kia lại nói lên cả một số phận, cuộc đời con người. Do đó, bài thơ thật xinh xắn, chỉ hai mươi tám chữ được lặt mở trong dáng vẻ dịu dàng, tinh tế của nữ sĩ đang tâng trầu mời khách hôm nao: <i>"Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi Này của Xuân Hương mới quệt rồi "</i> Không cần một buồng cau trả ơn, chẳng màng trầu tâng cánh phượng dâng mời người thương, đâu phải cao lương mỹ vị mà vẫn đủ đậm đà, xao xuyến. Trang thơ của Hồ Xuân Hương hé mở là lúc ta bắt gặp bóng dáng người phụ nữ chỉ có "<i>quả cau nho nhỏ</i>" vừa vắn khiến ta nhớ tới cái dáng vẻ yêu kiều đã từng xuất hiện trong thơ ca dân gian: <i>" Trầu này trầu nghĩa, trầu tình Cho loan lấy phượng, cho mình lấy ta"</i> Hay là: <i>Quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân</i> Song, lạ thay với ca dao cau đã bỏ thành miếng, quện chặt nghĩa, chặt tình là miếng trầu tâng khéo léo mình loan, cánh phượng hay chí ít cũng được miêu tả dáng

cũng bơ vơ như “<i>quả cau nho nhỏ</i>” vậy -Tính cách của bậc nữ nhi mạnh mẽ, thi sĩ đã không kiêu cách, chẳng khách sáo, vội vàng, cuống quýt mà chạy đi kiếm tìm xa xôi, đơn giản người phụ nữ ấy chân phương, giản dị trong lối sống có chi mời này, cốt yếu là => Miếng trầu ấy bây giờ hiện giữa trang thơ như ghim chặt vào lòng người đọc âm vang trong trẻo, đậm đà của thứ tình cảm sâu sắc, chứ không đơn thuần phô cái dáng điệu hào nhoáng để thử lòng kẻ sĩ chân thành, đẹp tình, bện nghĩa. <i>*"Này của Xuân hương mới quệt rồi"</i> Lời mời trầu tự nhiên, thân mật "này", "quệt". -Chữ “<i>này</i>” được nhà thơ đặt ở ngay đầu câu thơ gây cảm giác đột ngột, mang cho người đọc sự ngỡ ngàng, đâu ngờ tác giả của nó bỗng đứng phắt dậy nhanh như vậy, trông tư thế của bà thật kiêu hãnh, như chủ động nhận lấy cái phần “<i>của Xuân Hương mới quệt</i>”	vẻ xanh đậm trong hình dáng vỏ ngoài “<i>Vân vân</i>”. Còn miếng trầu của Hồ xuân Hương cũng bắt nhịp từ ca dao nhưng hiện lên kì lạ quá đã “<i>nho nhỏ</i>” lại quện trong “<i>miếng trầu hôi</i>” tầm thường, chẳng có gì cao sang. Để rồi, miếng cau, lá trầu ấy khi vang lên lại khiến ta ngậm ngùi thương xót cho những thân phận nhỏ bé, trong xã hội đầy bất công của người phụ nữ xưa cũng rẻ rúm như “<i>miếng trầu hôi</i>”, cũng bơ vơ tựa “<i>quả cau nho nhỏ</i>” được ẩn dụ lối nói đó vậy. Đâu rồi trầu quế, trầu thơm? Có sao lại chọn miếng trầu tầm thường, kém căng tròn, bóng bẩy để mời? Có lẽ với tính cách của bậc nữ nhi mạnh mẽ, thi sĩ đã đâu kiêu cách, chẳng khách sáo, vội vàng, cuống quýt mà chạy đi kiếm tìm xa xôi, đơn giản người phụ nữ kia chân phương, giản dị trong lối sống có chi mời này, cốt yếu là bằng tấm lòng thành thực, với những cái vốn của mình. Từ đó, miếng trầu bây giờ hiện giữa trang thơ như ghim chặt vào lòng người đọc âm vang trong trẻo, đậm đà của thứ tình cảm sâu sắc, chứ không đơn thuần phô cái dáng điệu hào nhoáng để thử lòng kẻ sĩ chân thành, đẹp tình, bện nghĩa. Để rồi, sự tiếp đãi bằng cả tấm lòng của nữ sĩ đâu chỉ là hình thức giao tiếp, kỳ thực là mời duyên, mời tình. Mà nói đến tình là nói đến cái ý nhị, kỳ diệu của tâm hồn nơi trái tim, song chuyện tình trong xã hội phong kiến, đâu phải là đề tài nhàn để đàm lúc trà dư tửu hậu. Ở một góc nào đó, nó còn là điều cấm kỵ đối với các bậc mũ cao, áo dài, đàn bà lại càng không được nói đến nên quyền mời trầu chỉ có ở đàn ông: “<i>Ra đường bác mẹ dặn rằng Làm thân con gái chớ ăn trầu người</i>” Thế mà, phô đầy vẻ chủ động trong bài thơ này, người mời trầu lại là nữ giới, chẳng thềm che mặt, cúi đầu. Rồi bằng tinh thần tự tin, mong muốn phá vỡ định kiến “<i>thâm căn cố đế</i>” trước nay dành cho người phụ nữ qua cách nói nhỏ nhẹ, nồng nhiệt mà da diết, lắng sâu, nhà thơ đã tạo nên một âm sắc táo bạo của riêng mình trong lời mời mới thật nồng nhiệt làm sao: “<i>Này của Xuân Hương mới quệt rồi</i>” Xã hội phong kiến đâu chấp nhận “<i>cái tôi</i>” với lời xưng trực tiếp như vậy. Thế mà, người phụ nữ ở đây lại dám tự thừa nhận tấm tình của riêng cá nhân mình.

- Chữ “<i>quệt</i>” mới thật sự đáo để làm sao? Nó như phô ra dáng thi sĩ thoăn thoắt bước tới với tâm thế chủ động, tự tin mời trầu ➔ Với việc sử dụng từ ngữ độc đáo; cách vận dụng ca dao, tục ngữ tài tình đã làm nổi bật thân phận nhỏ nhoi nhưng cũng khẳng định được cái tôi bản lĩnh, táo bạo của bà chúa thơ Nôm.	Miếng trầu có thể không khéo léo ở cách tằm nhưng là cả sự nồng hậu, chào mời của người phụ nữ mang cái tên yêu kiều, phơi phới, luôn náo nức “Xuân Hương” chủ động trao tặng cho người bằng cả chân thành, tấm thiết. Chẳng vậy mà, chìm vào cõi thơ, mơ màng người đọc bỗng nghe tiếng “<i>này</i>” vang lên giữa cung đàn giao duyên thật dân dã, gần gũi đủ khiến ta giật mình bởi cảm giác đột ngột, ngỡ ngàng, chủ động nhận lấy cái phần “<i>của Xuân Hương</i>” mà mời khách đến chơi. Cộng hưởng với đó cùng chữ “<i>quệt</i>” mới thật sự đáo để làm sao? Nó như phô ra dáng thi sĩ thoăn thoắt bước tới với tâm thế chủ động, tự tin mời trầu. Ngắm từng ý thơ ta thấy, câu thứ hai của thi phẩm này có thêm dị bản: “<i>Này của Xuân Hương đã quệt rồi</i>”, nhưng nếu là “<i>đã</i>” chỉ mang cái xưa cũ, miếng trầu tằm từ lâu thì chữ “<i>mới</i>” lại làm cho tinh thần bài thơ tươi mát hơn khiến người đọc cảm nhận hương trầu dù chẳng phải những gì ngon nhất, song vẫn đủ tình ý, duyên dáng vừa mới tằm mà đưa mời khách, chứ không thô lỗ, khinh khỉnh, đáng chê. Hai câu thơ đầu trong bài như cách bày biện, xếp đủ những quân cờ cho ván cờ một kiếp hồng nhan, kiếp người bé mọn với việc sử dụng từ ngữ độc đáo; cách vận dụng ca dao, tục ngữ tài tình đã làm nổi bật thân phận nhỏ nhoi nhưng cũng khẳng định được cái tôi bản lĩnh, táo bạo của bà chúa thơ Nôm. Để rồi cho đến đây, toàn bộ không gian trong bài thơ đã được hiện lộ, nhưng mọi vật thể trong đó chưa được chuyển dịch, vẫn ở trạng thái tĩnh, khẽ lắng lại trong tâm hồn ta những dư âm đẹp đẽ, ngân nga nhất.

3. Khát vọng về tình yêu đôi lứa



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Sắc “<i>xanh</i>” của lá, màu “<i>bạc</i>” của vôi nghe ngan ngát buồn thương của sự bề bàng vẫn được nhắc tới trong các câu thành ngữ dân gian -Pha trộn những mảng màu ấy với nhau đã hóa thành “<i>thắm</i>” rồi. “<i>Thắm</i>” là màu đỏ tươi của miêng trầu được nhà thơ miêu tả chân thực, gần gũi, những cũng ẩn ý mà gợi cái thắm nghĩa, thắm tình, thắm yêu, thắm mến, sắc màu của sự gắn bó, hòa hợp, chung tình lứa đôi	Nốt nhạc đẹp nhất trong nhân gian đó là khúc ca về tình yêu đôi lứa, nỗi bi thương nhất trên cuộc đời lại dành cho sự bề bàng trước duyên lỡ làng, dở dang. Phải chăng vì hiểu được quy luật hạnh phúc, bi ai ấy nên thi sĩ họ Hồ luôn đau đáu, thổn thức có khi trầm lắng mà cất tiếng thổ lộ tâm tư mình trước khát vọng tình yêu đầy oan trái ở đời: <i>“Có phải duyên nhau thì thăm lại Đừng xanh như lá, bạc như vôi”</i> Hai câu thơ tràn ngập sắc “<i>xanh</i>” của lá, màu “<i>bạc</i>” nơi vệt vôi trắng, nghe ngan ngát buồn thương, bề bàng vẫn được nhắc tới trong các câu thành ngữ dân gian. Thế nhưng, kì lạ thay khi tạo hóa pha trộn những mảng màu ấy với nhau đã biến thành sắc “<i>thắm</i>” mận nồng. “<i>Thắm</i>” là màu đỏ tươi nơi miêng trầu được nhà thơ miêu tả chân thực, gần gũi, nhưng cũng ẩn ý để gợi cái thắm nghĩa, thắm tình, thắm yêu, thắm mến, sắc của sự gắn bó, hòa hợp, chung tình lứa đôi. Bất giác người đọc ngộ ra rằng lá trầu và ít vôi, ăn chung với nhau thì ra sắc đỏ tươi rồi “<i>thắm lại</i>”, nhưng chỉ cần tách riêng ra thôi lại rồi rã một màu xanh non nót, lạnh lùng, bạc bẽo, hai lòng. Khiến ta mang bao nỗi buồn thương trước sự chia lìa, vôi vã của kiếp con người luôn khao khát một bến đỗ hạnh phúc, an nhiên day dứt, đau đớn cả cuộc đời! Niềm khao khát ở đây nối tiếp nhau,

- Những từ ngữ “<i>có phải... thì... đừng ... như...</i>” kết hợp với kiểu câu phủ định chẳng khác con dao bổ cau, cửa vào lòng, cửa vào trái tim vốn quen đập với nhịp chân thật, chung tình. -Nghệ thuật so sánh cuối bài thơ được hái từ giàn trầu thành ngữ Việt Nam: “<i>xanh như lá, bạc như vôi</i>”. Ý thơ gợi ra một khát vọng đầy ưu tư, khắc khoải của một tâm hồn đã ít nhiều nếm trải dư vị chua chát, đắng cay của sự lạnh lùng, giả dối.	như một mạch chảy dài không dứt sao mà ưu tư, nghệ nào đến thế. Đã vậy, những từ ngữ “<i>có phải... thì... đừng ... như...</i>” kết hợp với kiểu câu phủ định chẳng khác con dao bổ cau, cửa vào lòng, cửa vào trái tim vốn quen đập với nhịp chân thật, chung tình. Không những thế, cùng nghệ thuật so sánh cuối bài thơ được hái từ giàn trầu thành ngữ Việt Nam: “<i>xanh như lá, bạc như vôi</i>”, còn gợi ra một khát vọng đầy băn khoăn, khắc khoải của tâm hồn đã ít nhiều nếm trải dư vị chua chát, đắng cay của sự lạnh lùng, giả dối làm ta mang bao quặn thắt tim đau. Để rồi, khép lại cánh cửa ngân nga của khúc nhạc mời trầu ngấm lại cuộc đời cùng tâm sự của Hồ Xuân Hương ta bỗng thấy bài thơ như tiếng nhạc thổn thức về thân phận, số phận – đầy éo le, dở dang, trăn trở mà chính bà gửi gắm cho hậu thế hôm nay, với câu hỏi biết bao giờ, biết ai là người “<i>phải duyên nhau</i>”, như ca dao đã từng đau đáu, lo âu: <i>“ Có trầu mà chẳng có cau Làm sao cho đỏ môi nhau thì làm ”.</i> Bằng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt trang trọng, hình ảnh sinh động mang nhiều liên tưởng độc đáo, Hồ Xuân Hương đã bộc lộ tâm nguyện khao khát trọn vẹn tình yêu đôi lứa hạnh phúc, êm đềm của chính mình và những người phụ nữ như mình trong tác phẩm “<i>Mời trầu</i>” một cách rất độc đáo. Tâm nguyện ấy, khao khát ấy đã vang lên, trong trẻo và mạnh mẽ dám phá bỏ những định kiến tàn nhẫn, u ám của thời đại. Đó là tín hiệu đẹp cho sự đâm chồi, nảy mầm của một ý thức cá nhân, của tinh thần đấu tranh đòi hạnh phúc cho người phụ nữ. Thế nên chắc chắn, tiếng vọng “<i>mời trầu</i>” của nữ sĩ đã, đang và sẽ mãi băng qua thời gian, lay chuyển biết bao tâm hồn xanh xao, bạc bẽo tìm đến với nhau trong bằng sự chân thật, hòa hợp, chung tình đến trọn vẹn kiếp này.



1

Nghệ thuật

Từ ngữ thuần Việt, dân dã, đa nghĩa giàu biểu cảm, đậm đà sắc thái dân gian.

Nội dung

Tấm lòng thiết tha của Hồ Xuân Hương về sự thắm thiết và nghĩa tình giữa người với người..

2



CẢNH KHUYA

III. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

- Tên khai sinh: Nguyễn Sinh Cung, sau đổi thành Nguyễn Tất Thành, Hồ Chí Minh...Quê: Kim Liên – Nam Đàn – Nghệ An
- Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là người tìm ra con đường cứu nước và giải phóng dân tộc.
- Người còn là nhà thơ lớn của dân tộc.
- Hồ Chí Minh được Unesco vinh danh là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam



Tác phẩm ✓



- Hoàn cảnh ra đời: Bài thơ được Hồ Chí Minh sáng tác 1947 – những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tại Việt Bắc.
- Thể loại: Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật
- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Đặc điểm thể loại

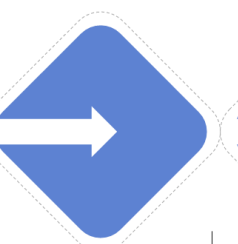
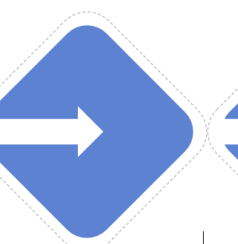
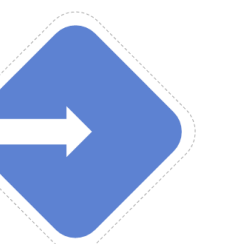
2

Vẻ đẹp của cảnh đêm trăng

3

Tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước của nhà thơ

1. Đặc điểm thể loại

				
Xuất xứ: từ nhà Đường bên Trung Quốc, số câu 4 câu mỗi câu 7 tiếng.	Luật bằng trắc: có bài gieo vần bằng hoặc gieo vần trắc nhưng bằng là phổ biến	Cách đối: đối hai câu đầu hoặc hai câu cuối, có bài vừa đối hai câu đầu, vừa đối hai câu cuối hoặc không có đối.	Cách hiệp vần: Thường chữ cuối câu một bắt vần với chữ cuối câu 2, 4. Chữ cuối câu hai bằng vần với chữ cuối câu cuối.	Bố cục: 4 phần: Đề, thực, Luận, Kết hoặc 2 phần: 2 câu đầu tả cảnh, hai câu cuối tả tình.

2. Vẻ đẹp của đêm trăng



Không gian rộng lớn cùng thời gian khuya tạo ra sự tĩnh lặng mênh mang, là thời điểm thích hợp để con người bộc lộ tâm tư thâm kín của lòng mình



Khung cảnh thiên nhiên Việt Bắc tươi đẹp, ấm áp, hòa quện với nhau vô cùng nên thơ, trong trẻo và tràn đầy sức sống



Nghệ thuật so sánh, điệp từ độc đáo cùng với cách hòa phối màu sắc giữa bóng đêm và ánh sáng tạo ra cái đẹp vừa cổ điển, vừa hiện đại trong bức tranh thiên nhiên.



Nhận xét:

➔ Cảnh vật thiên nhiên mang vẻ đẹp của sự trầm mặc, huyền ảo của ánh trăng khuya, khiến ta như nghe rõ tiếng, tưởng tượng thơ vẽ ra cả nhạc, cả hoa, cả trăng trong trái tim mỗi bạn đọc

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Tố Hữu đã trau chuốt từng con chữ để rồi gói gọn những tâm tình thật tha thiết về vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc qua những câu thơ sau: <i>“Bác sống như trời đất của ta Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa Tự do cho mỗi đời nô lệ Sữa để em thơ, lụa tặng già!”</i> Phải chăng tiếng thơ đó, âm điệu da diết này, lời thổ lộ tâm tình đặc biệt kia cũng chính là tấm lòng của toàn thể dân tộc dành cho Hồ Chí Minh, trái tim đứng trên triệu người nhưng sẵn sàng nâng niu

*Bức tranh thiên nhiên cảnh khuya nơi chiến khu Việt Bắc - Không gian: :đêm huyền ảo: lung linh, rục rờ và tràn đầy hào sảng như vậy - Mở đầu bằng âm thanh của tiếng suối: so sánh với hát của người con gái trong trẻo ngân vang.	vạn người. Cái nâng niu ấy được Bác gửi gắm không chỉ cho con người mà còn cho thiên nhiên, cảnh vật, cuộc sống với sự trân trọng, yêu thương vô ngần qua rất nhiều các bài thơ Bác viết, ở đó không thể không kể đến thi phẩm mang tên “Cảnh khuya” – tiếng thơ yêu thiên nhiên, thương đất nước, đau quê nhà. Chắc có lẽ với mỗi người dân Việt Nam dù sống ở bất kì nơi nào trên đất nước, dù có đi xa tận đâu khắp phương trời thì khi đến hai tiếng Bác Hồ cất lên đều thổn thức, ngậm ngùi, xúc động, tràn đầy yêu thương. Thương Bác vì cả cuộc đời lo dân yên, nước thái bình, yêu Bác bởi sứ mệnh nặng nề trên vai suốt bao năm tháng nhọc nhằn của dân tộc vẫn luôn được Người đau đáu trong tim, nghẹn ngào cho Bác mỗi đêm khi vạn vật chìm sâu vào giấc ngủ con người ấy, trái tim này vẫn nhức nhối vì chữ “non sông”. Chẳng thế mà, vào những năm tháng máu lửa, nơi chiến trường gian nan, trong đêm khuya không ngủ Người làm bạn với thơ, với trăng như gửi gắm nỗi niềm sâu thẳm tâm hồn mình, âm điệu của “cảnh khuya” cũng chính là một bản tình ca ngọt ngào say đắm như thế. Mở đầu nốt nhạc nơi trái tim dạt dào yêu thương của Bác là không gian vắng lặng, hoang vu, rộng lớn nơi rừng núi khiến mỗi chúng ta đều như ngây ngất trước vẻ đẹp tuyệt bích mà thiên nhiên ban tặng: <i>Tiếng suối trong như tiếng hát xa Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.</i> Có lẽ phải là một người nghệ sĩ tài hoa, cảm nhận vô cùng tinh tế và vi diệu trước từng khoảnh khắc của cuộc sống, cùng tấm lòng luôn mở rộng đón vạn vật tràn ngập, ấm áp trong tim thì bức tranh thiên nhiên ở thơ Bác hiện lên mới đẹp đến vậy! Không tài hoa, tinh tế sao khoảnh khắc đêm huyền ảo, sương phủ kín, gió khẽ lay từng cành lá mà hiện lên bên trang thơ bỗng lung linh, rục rờ và tràn đầy hào sảng như vậy. Bác so sánh “<i>tiếng suối</i>” vốn được cảm nhận bằng thính giác vậy mà giờ đây trở lên “<i>trong</i>” ngân như nhìn thấy tận đáy nước hiện ra rất ngọt ngào, thi vị tựa “<i>tiếng hát xa</i>” từ đâu đó vọng lại phá tan sự tĩnh mịch, cô đơn của lòng

+ Ở đây ta nhận thấy sự thay đổi của tiêu chuẩn cái đẹp: trước kia thiên nhiên làm chuẩn mực để nói về vẻ đẹp của con người (biện pháp ước lệ tượng trưng); còn trong thơ Bác con người làm chuẩn mực để chỉ cái đẹp của thiên nhiên (Tiếng suối như tiếng hát). + Ánh trăng đêm khuya tạo thành những bóng hoa trên mặt đất. . + Trăng trên cao giờ đây tròn vành vạnh, trắng như đang thách thức sự tối tăm, phô mình rực rỡ để rồi chiếu ánh sáng xuống khu rừng rộng lớn, đan vào nhau, từng vệt sáng xen qua kẽ lá tạo thành hoa rơi xuống đất, hay “trăng” đó, cây này cùng ôm ấp bao bọc lấy vẻ đẹp mỏng manh của loài hoa nhỏ bé trước sự lạnh lẽo, cô đơn mà màn đêm đem lại?	người trước màn đêm, đẩy lùi vắng lặng trả về quá khứ để đón nhận âm vang thật say sưa của cuộc đời ban tặng một cách đặc biệt nhất. Không những vậy, xưa nay ta vẫn biết thiên nhiên vốn được đem ra để làm chuẩn mực cho mọi cái đẹp, nét hay, vẻ thơ mộng ở cuộc sống này như Nguyễn Du đã từng so sánh: <i>Trong như tiếng hạc bay qua</i> <i>Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.</i> Ấy thế mà, mọi chuẩn mực cũ đã được Bác thay đổi hoàn toàn, hiện đại, tinh tế hơn khi lấy con người và phải là nguồn sống từ con người trong vũ trụ này mới là đẹp nhất, đúng nhất cho mọi thước đo ở cuộc đời. Để rồi nghe tiếng thơ ta như tưởng tượng ra bóng dáng con người nhẹ nhàng, đắm thắm, đẹp để hòa tấu cùng dòng suối mát trong hiện lên “xa” đây mà như gần ngay đây, xua tan cái lạnh lẽo đêm trường, phá đi không khí rộng lớn nơi núi rừng khiến tâm hồn Bác khoan thai, từ tốn, tận hưởng những dư âm của đất trời ban tặng. Do đó, trên nền không gian bao la, thời gian canh khuya sắp sáng chỉ còn lại Bác cùng với sự quần quýt thật đặc biệt của thiên nhiên tươi đẹp đan vào nhau, giao hòa, qua điệp từ “lòng” ghép giữa “cổ thụ” với “trăng” và “hoa” khiến ta ngẩn ngơ mê đắm. Chẳng biết cảnh vật vô tình hay hữu ý mà hiện ra như một bức tranh duyên dáng, yêu kiều trong ánh vàng mênh mông toả ra bao trùm lên cây cổ thụ, bóng cây ấy lại dịu dàng phủ những nhành hoa. Khiến trăng trên cao giờ đây tròn vành vạnh, trắng như đang thách thức sự tối tăm, phô mình rực rỡ để rồi chiếu ánh sáng xuống khu rừng rộng lớn, đan vào nhau, từng vệt sáng xen qua kẽ lá tạo thành hoa rơi xuống đất, hay “trăng” đó, cây này cùng ôm ấp bao bọc lấy vẻ đẹp mỏng manh của loài hoa nhỏ bé trước sự lạnh lẽo, cô đơn mà màn đêm đem lại? Dù hiểu theo cách nào thì thiên nhiên cũng rất đổi thơ mộng, hài hòa, đẹp để làm lòng ta mê say, chất ngất trong hương vị lộng lẫy nơi rừng núi, thế nhưng nếu yêu, cảm, thấu thơ Bác nhiều hơn ta có thể thấy đây không phải là lần đầu tiên Bác viết về ánh trăng rực rỡ đến vậy, chẳng phải duy nhất Người nhắc

+ Điệp từ “lòng” nhấn mạnh vào sự xuyên tỏa của ánh sáng trăng khuya ⇒ Cảnh vật thiên nhiên mang vẻ đẹp của sự trầm mặc, huyền ảo của ánh trăng khuya, khiến ta như nghe rõ tiếng, thấy thật hình, tưởng tượng thơ vẽ ra cả nhạc, cả hoa, cả trăng trong trái tim mỗi bạn đọc hôm nay cho đến mãi mai sau vậy.	tới nhiên nhiên quán quýt thế kia, mà một bài thơ khác âm thanh của đất trời, sự sống cũng đã một lần được cất tiếng trong veo: <i>Rằm xuân lồng lộng trăng soi</i> <i>Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân</i> (Rằm tháng giêng – Hồ Chí Minh) Vạn vật trong vũ trụ đâu tự nhiên mà có, chẳng vô có mất đi và cũng không bao giờ rời rạc, vô nghĩa, tất cả chúng đều là một bản hòa tấu đẹp đẽ nhất mà trời đất đã ban tặng cho mỗi con người, do đó ta thấy trong thơ Bác dù hoàn cảnh, thời khắc nào Người cũng hướng lòng về thiên nhiên, cùng trăng, với cái đẹp bất diệt nơi thế gian này. Song, nếu bài thơ “<i>Rằm tháng giêng</i>” mở ra không gian bát ngát sông nước hữu tình, sự hòa quện của sắc xanh ở hương vị mùa xuân khiến dòng nước, nền trời cũng theo đó phơi phới tươi rạng rỡ, mát trong. Thì, quan sát kỹ hơn về nét thơ ở bài “<i>Cảnh khuya</i>” ta thấy việc sử dụng điệp từ “<i>lòng</i>” trong câu không chỉ đem đến cái mới lạ về ngôn từ mà còn tạo ra sự ấm áp, hòa lẫn cũng nhau của cảnh vật thật khó tách rời, phù hợp với không khí có chút lạnh lạnh của đêm khuya thanh vắng. Để rồi nhờ hình ảnh ấy khiến ta như nghe rõ tiếng, thấy thật hình, tưởng tượng thơ vẽ ra cả nhạc, cả hoa, cả trăng trong trái tim mỗi bạn đọc hôm nay cho đến mãi mai sau vậy.

3. Tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước của nhà thơ



Đó là một tâm trạng đầy bất trắc, âu lo không yên bình, lo nỗi nước nhà, vì chưa ngủ được trước làm than dân tộc còn ngổn ngang trong lòng



Xây dựng bức tranh tự họa để bộc lộ nỗi lòng trước khung cảnh thiên nhiên qua đó thấy được tâm hồn cao quý của Bác và tình yêu nước vĩ đại, lung linh



Nghệ thuật điệp từ, so sánh lối dẫn dắt tự nhiên, mềm mại khi nói về vấn đề chính trị dễ đi thẳng vào trái tim bạn đọc



Nhận xét:

➔ Thể hiện tình yêu thiên nhiên tha thiết, lòng yêu nước sâu nặng của Bác, đó cũng là chất thi sĩ, chiến sĩ trong tâm hồn Hồ Chí Minh.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
* Tâm trạng nhà thơ - Đối với thiên nhiên hiền hòa lung linh yên bình đẹp như vẽ kia là tâm trạng của nhà thơ. Đó là một tâm trạng đầy bất trắc, âu lo không yên bình, lo nỗi nước nhà”, vì “chưa ngủ” được trước lâm than dân tộc còn ngổn ngang trong lòng, chứ chẳng hề thanh thoi mà ngấm trăng làm thơ như biết bao thi sĩ mộng mơ khác trên đời - Chân dung một con người đứng đó sừng sững cao hơn cả màn đêm thăm thẳm, xa vời, chẳng phải in “<i>người chưa ngủ</i>” cứng nhắc, khô khan, đứng im mà Bác khiến ta thổn thức với những nét “vẽ” về Người mềm mại, đang suy tư, chuyển động như chính sự rạo rực của Bác về đất nước, non sông thời khắc này vậy - Không phải người thức để ngắm cảnh mà vì Người đang lo nỗi nước nhà. ⇒ Trái ngược với sự hài hòa của thiên nhiên là trái tim chất chứa đủ	Thiên nhiên đẹp nhất là “<i>trăng</i>”, cùng “<i>hoa</i>” trong sáng, thơ mộng, nhẹ nhàng gieo vào lòng người những giây phút say mê, chất ngất, thì giờ đây trên nền thiên nhiên ấy con người mới là cái đẹp được tỏa sáng bởi lòng yêu nước, bởi trái tim bao la, rộng lớn khiến đất trời, vạn vật phải cúi đầu hổ thẹn. Chẳng hạn trăng sao trắng phô ánh sáng rực rỡ, hoa phơn phớt hương thơm ngọt ngào còn người trong cảnh ấy chỉ ung dung, bình thản vì: <i>Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ</i> <i>Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà</i> Có cái đẹp nào cao lớn, thiêng liêng hơn tấm lòng của người lãnh tụ vĩ đại trong đêm khuya? Có khoảnh khắc nào khiến ta nghẹn ngào hơn phút giây trái tim Bác mở ra cũng chính là thời điểm ta hiểu thấu nỗi đau của Người? Hóa ra, Bác chọn xuất hiện trong cảnh suối chảy, trăng soi là vì “<i>lo nỗi nước nhà</i>”, vì “<i>chưa ngủ</i>” được trước lâm than dân tộc còn ngổn ngang trong lòng, chứ chẳng hề thanh thoi mà ngấm trăng làm thơ như biết bao thi sĩ mộng mơ khác trên đời. Thế nên, tiếng nhạc lòng Bác cất lời cũng là lúc bầu trời đủ khắc tạo vào vũ trụ chân dung một con người đứng đó sừng sững cao hơn cả màn đêm thăm thẳm, xa vời, chẳng phải in “<i>người chưa ngủ</i>” điệp đi điệp lại một cách cứng nhắc, khô khan, đứng im mà Bác khiến ta thổn thức với những nét “vẽ” về Người mềm mại, đang suy tư, chuyển động như chính sự rạo rực của Bác về đất nước, non sông thời khắc này vậy. Đây cũng không phải lần duy nhất bác thổ lộ lòng mình trong đêm khuya, bởi người lãnh tụ ấy đã có nhiều đêm không ngủ, nhiều đêm trở trăn vì cuộc kháng chiến của dân tộc, cũng rất nhiều suy tư, khó cất lên lời mà chia sẻ cùng ai: <i>Một canh, hai canh, lại ba canh</i> <i>Trần trọc băn khoăn giấc chẳng lành</i> <i>Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt</i> <i>Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh</i> Thế mới thấy dù trong khoảnh khắc nào tỉnh hay mơ, ngủ hoặc thức, ngắm cảnh và làm thơ thì trái tim chất chứa đủ đầy những yêu thương của Bác vẫn luôn

đầy những yêu thương của Bác vẫn luôn hương về dân tộc, quê hương, tổ quốc, non sông một cách đẹp đẽ, cao cả vô ngần khiến ta cảm phục mãi không thôi.	hương về dân tộc, quê hương, tổ quốc, non sông một cách đẹp đẽ, cao cả vô ngần khiến ta cảm phục mãi không thôi. Có thể nói, bài thơ khép lại với bao dư âm mênh mang lan toả, để rồi dù đã hơn một lần chúng ta xúc động trước tấm lòng cao cả, bao la của Bác nhưng khi đọc lại “<i>Cảnh khuya</i>” ta lại bồi hồi với những tâm tình mà Người luôn dành cho dân tộc. Thế nên, dù không có hình tượng mỹ lệ, song đọc từng vần, điệu, âm của tác phẩm “tình thơ, hương thơ, hồn thơ” cứ quện lấy lòng ta mãi mãi đúng như Chế Lan Viên đã khẳng định về Người: <i>“Đóa hoa sen mặt đất tỏa hương trời Hương nhân ái thấm vào hồn ta mãi”.</i>



1

Nghệ thuật

Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt cổ điển, các biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ, từ ngữ được sử dụng độc đáo, hiệu quả. Kết hợp các yếu tố cổ điển và hiện đại.

Nội dung

Bức tranh thiên nhiên đẹp đẽ, trong trẻo của đêm trăng núi rừng Việt Bắc. Tình yêu thiên nhiên tha thiết và lòng yêu nước sâu nặng, thường trực trong tâm hồn Bác.

2



HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG TRÍ

I. TÌM HIỂU CHUNG

✓ Tác giả

- Ngô gia văn phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, Hà Nội ngày nay.
- Đây là một dòng họ lớn có truyền thống nghiên cứu và sáng tác văn chương với những tên tuổi tiêu biểu như: Ngô Thì Ước (1709 – 1736), Ngô Thì Sĩ (1726 – 1780), Ngô Thì Nhậm (1746 – 1803), Ngô Thì Chí (1753 – 1788), Ngô Thì Du (1772 – 1840), Ngô Thì Hương (1774 – 1821),...



Tác phẩm ✓



- Xuất xứ: Văn bản học nằm trong hồi thứ 14 của tiểu thuyết lịch sử “Hoàng Lê Nhất thống” về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh
- Thể loại: Tiểu thuyết chương hồi
- Phương thức biểu đạt chính: tự sự

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Đặc điểm thể loại

2

Bối cảnh lịch sử

3

Hình tượng người anh hùng Quang Trung

4

Nhân vật Lê Chiêu Thống

1. Đặc điểm thể loại

Cốt truyện

Xây dựng trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra; nhà văn hư cấu theo ý đồ nghệ thuật của mình nhằm thể hiện tình yêu nước, bản lĩnh và tài năng chỉ huy của Nguyễn Huệ cùng quân dân Đại Việt

Nhân vật

Nguyễn Huệ- nhân vật nổi tiếng có thật trong lịch sử lập lên nhà Nguyễn, hiện ra dưới cái nhìn riêng, thể hiện cách lí giải độc đáo của nhà văn về lịch sử.

Ngôn ngữ

Người kể chuyện ngôi thứ ba và lời các nhân vật phù hợp với tính cách, địa vị cũng như tâm trạng trong hoàn cảnh cụ thể, mang đậm sắc thái phong kiến.

2. Bối cảnh lịch sử



Nhận xét

Hiện lên với không khí khẩn trương, gấp gáp cùng hành động vô cùng quả quyết, dứt khoát của nhân vật Quang Trung Nguyễn Huệ. Qua đó, tái hiện lại đầy đủ hoàn cảnh lịch sử và tính chất quan trọng trong những bước tiến của Nguyễn Huệ khi ra Bắc đánh quân Thanh.



Quân Thanh mượn cơ giúp nhà Lê, chiếm Thăng Long lược xâm nước ta.



Nhà Lê bù nhìn, hèn nhát không có khả năng đánh đuổi giặc ngoại xâm.



Nguyễn Huệ lên ngôi cầm quân từ Đàng Trong nước ta ra Bắc đánh giặc, thống nhất đất nước.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Triều đình phương Bắc luôn lấy danh nghĩa nước lớn giúp đỡ nước nhỏ để mưu đồ xâm lược và đô hộ lâu dài. Nhưng dân tộc Việt Nam ngoan cường, bất khuất không để cho kẻ thù xâm lược làm mưa làm gió, áp bức, bóc lột, không chịu mất nước đã đoàn kết một lòng chống lại rất nhiều cuộc xâm lược của chúng. Một trong những chiến thắng vẻ vang ấy đã được các nhà văn của nhóm

**Bối cảnh lịch sử:*

- Cuối năm 1788, mượn cớ giúp nhà Lê, quân Thanh sang xâm chiếm nước ta.
 - Nguyễn Huệ nghe tin quân Thanh đến Thăng Long giận lắm liền họp các tướng sĩ định thân chinh cầm quân đi ngay.
 - Tướng sĩ xin Bắc Bình Vương lên ngôi để làm yên lòng người
 - Nguyễn Huệ cho đắp đàn trên núi tề trời đất lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung. Ngày 25 tháng Chạp năm Mậu Thân hạ lệnh xuất.
- => Tình hình đất nước lâm nguy, chiến sự vô cùng căng thẳng, cấp bách, cần hành động ngay. Thể hiện hành động quả quyết, mạnh mẽ của nhân vật Quang Trung

Ngô Gia Văn Phái tái hiện lại qua chương XIV “*Quang Trung đại phá quân Thanh*” trong tác phẩm “*Hoàng Lê Nhất thống*” một cách vô cùng độc đáo, đặc sắc và tráng lệ.

Mở đầu văn bản trước khi đi miêu tả trực tiếp tài năng và khí phách của Nguyễn Huệ các tác giả Ngô Gia Văn Phái đã dành những câu văn ngắn gọn để tái hiện lại bối cảnh lịch sử có phần rối ren của nước ta bấy giờ. Cuối năm 1788, mượn cớ giúp nhà Lê, quân Thanh sang xâm chiếm nước ta, hành động của giặc không khác nào cướp trắng trợn nước ta một cách ngông cuồng khiến dân ta vô cùng căm tức. Nhận được tin giặc chiếm Thăng Long, quân Tây Sơn mất cả một vùng đất rộng lớn, ông lấy lại bình tĩnh, mở cuộc luận bàn kế sách đánh giặc. Sau khi kế hoạch diệt giặc đã chu tất, ông nhanh chóng tiến hành. Chỉ trong vòng hơn một tháng, Nguyễn Huệ đã làm rất nhiều việc lớn: tề cáo trời đất, lên ngôi hoàng đế để “*chính vị hiệu*”, “*giữ lấy lòng người*”, chiêu mộ nhân tài ra giúp nước. Trước tình hình đất nước lâm nguy, chiến sự vô cùng căng thẳng, cấp bách, cùng hành động quả quyết, mạnh mẽ của nhân vật Quang Trung đã phần nào dự báo cho người đọc bản lĩnh và ý chí vô cùng cao đẹp được tác giả gửi gắm trong đoạn trích.

3. Hình tượng người anh hùng Quang Trung



Dứt khoát, mạnh mẽ, bình tĩnh, chu toàn.



Tài chỉ huy nhạy bén, tầm nhìn xa trông rộng.



Trí tuệ sáng suốt, dụng binh như thần, dũng cảm

Nhận xét

Người anh hùng Quang Trung được khắc hoạ thật oai phong凛凛, bừng bừng khí tiết, con người có trí tuệ, phẩm chất cao quý, là một hình ảnh đẹp hào hùng về người anh hùng lịch sử của dân tộc.



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
* Hình tượng người anh hùng Quang Trung (Nguyễn Huệ) + Phẩm chất của Quang Trung (Nguyễn Huệ) - Dứt khoát, mạnh mẽ, bình tĩnh, chu toàn: Nhận được tin quân Thanh chiếm Thăng Long Nguyễn Huệ rất tức giận, không hề nao núng: “<i>định thân chinh cầm quân đi ngay</i>” => Hành động này chứng tỏ bản lĩnh và khí chất mạnh mẽ của kẻ cầm quân của người thủ lĩnh đáng tin tưởng mà nhân dân dựa vào. Trong vòng một tháng (24/11 đến 29/12/1788) ông làm được rất nhiều việc lớn: làm lễ lên ngôi; đốc xuất đại binh ra Bắc; gặp La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp; tuyển quân ở Nghệ An; phủ dụ tướng sĩ; định kế hoạch hành quân, đánh giặc và kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau khi chiến thắng. => Người bình tĩnh, hành động nhanh, kịp thời, mạnh mẽ, quyết đoán trước những biến cố lớn. - Tài chỉ huy nhạy bén, tầm nhìn xa trông rộng: Ở Nghệ An → gặp gỡ người công sĩ tham khảo ý kiến; kén lính “<i>ba suất đình thì lấy một người</i>”. Ông rất nhạy bén trong việc dụ binh, thu phục lòng quân: bài hịch “<i>đất nào sao ấy</i>” ngắn gọn, hào hùng, khích lệ lòng yêu nước và truyền thống quật cường dân tộc. Mặt khác, Nguyễn Huệ sáng suốt trong việc lựa chọn tướng tài. Hiểu tường tận năng lực của tướng sĩ, khen chê đúng người đúng việc.	Bản lĩnh của chủ chiến là an dân, sức mạnh của tướng lĩnh là dám xông pha, mưu trí của kẻ đứng đầu nằm ở hành động làm được việc lớn khiên thiên hạ nể phục. Và tất cả những nét đẹp đáng được ca ngợi ấy đều đã được hội tụ một cách trọn vẹn trong con người mang tên Quang Trung- Nguyễn Huệ với trận đại phá quân Thanh lẫy lừng. Trước hết ta có thể thấy được Quang Trung là một con người hành động mạnh mẽ quyết đoán. Từ đầu đến cuối đoạn trích, Nguyễn Huệ luôn là con người hành động một cách xông xáo, nhanh gọn có chủ đích và rất quả quyết. Nghe tin giặc đã đánh chiếm đến tận Thăng Long mất cả một vùng đất đai rộng lớn mà ông không hề nao núng “<i>định thân chinh cầm quân đi ngay</i>” hành động này chứng tỏ bản lĩnh và khí chất mạnh mẽ của kẻ cầm quân của người thủ lĩnh đáng tin tưởng mà nhân dân dựa vào. Rồi chỉ trong vòng hơn một tháng, Nguyễn Huệ đã làm được bao nhiêu việc lớn: “<i>tể cáo trời đất</i>”, lên ngôi hoàng đế, đốc xuất đại binh ra Bắc, phủ dụ tướng sĩ; định kế hoạch hành quân, đánh giặc và kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau khi chiến thắng. Chỉ với vài câu văn tái hiện những việc làm gấp rút của quân đội Tây Sơn đã đã hình dung ra chân dung người anh hùng bình tĩnh, hành động nhanh, kịp thời, mạnh mẽ, chu toàn tính từng đường đi nước bước, quyết đoán trước những biến cố lớn thật đáng khâm phục. Không chỉ vậy, tài năng lãnh đạo và tầm nhìn xa trông rộng của nhân vật Nguyễn Huệ có lẽ mới là thứ ta cảm phục hơn bao giờ hết. Ở Nghệ An ông sẵn sàng gặp gỡ người công sĩ tham khảo ý kiến lắng nghe một cách kĩ càng về mưu lược thao trường, đó không chỉ là tinh thần học hỏi mà còn là sự trân quý người tài của bậc tướng đáng trọng. Từng việc làm của Quang Trung càng khiến ngàn dân nể phục, vạn quân kính cẩn tuân theo, ngay cả kén lính “<i>ba suất đình thì lấy một người</i>” để tìm cái tinh nhuệ, chứ không chỉ lấy số đông. Ông rất nhạy bén trong việc dụ binh, thu phục

⇒ Người có tài năng, mưu lược thu phục được nhân tâm. -Trí tuệ sáng suốt, dụng binh như thần: chiến dịch hành quân thần tốc ngày 25 rời Phú Xuân - Huế → ngày 29 đến Nghệ An, ngày 30 bắt đầu xuất quân ở Nghệ An, dự định ngày 7 tháng giêng (7 ngày) sẽ ăn tết ở Thăng Long (đoạn đường khoảng 650 km, 10 ngày đi bộ), nhưng thực tế: ngày 5 tết đã đến Thăng Long, đến nơi đội ngũ vẫn tinh nhuệ đánh cho quân Thanh tan tác => Chính vì thần tốc, mau lẹ, táo bạo mà Quang Trung đã giữ được thế bất ngờ, chủ động. Bất ngờ đến mức khi Nguyễn Huệ kéo quân vào thành yên ắng như chưa từng có gì xảy ra.	lòng quân: bài hịch “<i>đất nào sao ấy</i>” ngắn gọn, hào hùng, khích lệ lòng yêu nước và truyền thống quật cường dân tộc. Mặt khác, trong dịp hội quân ở Tam Điệp, qua lời nói của Quang Trung với Sở và Lân ta thấy rõ: Ông rất hiểu việc rút quân của hai vị tướng giỏi này. Đúng ra thì “<i>quân thua chém tướng</i>” nhưng sức mình ít không địch nổi đội quân hùng tướng hổ nhà Thanh nên đành phải bỏ thành Thăng Long rút về Tam Điệp để tập hợp lực lượng. Vậy Sở và Lân không bị trừng phạt mà còn được ngợi khen. Đối với Ngô Thì Nhậm, ông đánh giá rất cao và sử dụng như một vị quân sĩ “<i>đa mưu túc trí</i>”, dùng Nhậm là người biết dùng lời khéo léo để dẹp việc binh đao. Đó chẳng phải là cái tài nhìn người của Nguyễn Huệ hay sao? Trước trận chiến Nguyễn Huệ bộc lộ cốt cách của người nhìn thấu nhân tâm, trong trận chiến người anh hùng ấy lại bộc lộ tài năng xuất chúng nhìn thấu chiến trận máu lửa đầy oai phong, đang trọng. Thế nên, cuộc hành quân thần tốc do Quang Trung chỉ huy đến nay vẫn còn làm chúng ta kinh ngạc. Vừa hành quân, vừa đánh giặc mà vua Quang Trung hoạch định kế hoạch từ “<i>25 tháng chạp đến mừng 7 tháng giêng sẽ vào ăn tết ở Thăng Long</i>”, trong thực tế đã vượt mức 2 ngày. Hành quân xa, liên tục như vậy nhưng đội quân vẫn chỉnh tề cũng là do tài tổ chức của người cầm quân. Cho đến nay, người ta vẫn chưa hết ngạc nhiên vì sao Nguyễn Huệ lại có thể vượt qua quãng đường từ Phú Xuân đến Thăng Long một cách nhanh chóng thần kì đến thế. Đi đến đâu là diệt gọn quân địch tới đấy, không cho tên nào trốn thoát. Cũng không mấy may làm tổn hại gì đến nhân dân. Tôn Sĩ Nghị và vua Lê Chiêu Thống “<i>tuyệt nhiên không nghe tin cấp báo gì cả</i>”. Chúng vẫn điềm nhiên chăm chú vào yến tiệc vui mừng. Không hề lo chi đến việc bất trắc “<i>nên khi nhìn thấy quân tây Sơn thì kinh ngạc</i>”. Trước mắt chúng: “<i>tướng ở trên trời xuống, quân ở dưới chui lên</i>”. Chính vì thần tốc, mau lẹ, táo bạo mà Quang Trung đã giữ được thế bất ngờ, chủ động. Bất ngờ đến mức khi Nguyễn

+ Hình ảnh anh hùng Quang Trung trong chiến trận: - Chủ trương đánh là thắng, chiến đấu dũng mãnh, quyết tử, quân đội nghiêm minh. Vua Quang Trung cười voi thân chinh cầm quân - một tổng chỉ huy chiến dịch: vừa hoạch định phương lược tiến đánh vừa tấn công quân sỹ, thống lĩnh một mũi tiên phong. Hình tượng nhân vật hiện lên quyết tâm, ý chí sắt đá, không nao núng tinh thần. Tạo nên trận thắng đẹp áp đảo kẻ thù. ⇒ Hình ảnh người anh hùng Quang Trung được khắc hoạ thật oai phong凛冽, bừng bừng khí tiết một vẻ đẹp hào hùng về người anh hùng lịch sử của dân tộc.	Huệ kéo quân vào thành yên ắng như chưa từng có gì xảy ra. Trong chiến tranh, nắm được thế bất ngờ đã cầm chắc một nửa chiến thắng, thế nhưng ý chí và lòng quyết tâm mới là sức mạnh làm lên lịch sử vẻ vang đáng được lưu danh sử sách. Chẳng vậy mà, chỉ với những câu văn miêu tả ngắn gọn về hình ảnh anh hùng Quang Trung trong trận chiến không ghi lại bằng cảnh cầm binh đao, chém giết rừng rợn, không gào thét mà uy nghi như một vị thần, điềm tĩnh đã đủ khiến giặc “<i>sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp, dẫn bọn lính kị mã của chúng chuồn trước qua cầu phao</i>”. Đoàn quân chưa đánh đã bại ấy trên cuộc chạy trốn vô cùng thảm hại. Quân sỹ các doanh nghe tin, đều hoảng hồn, tác tác bỏ chạy. Chúng tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết rất nhiều. Đến nổi nước sông Nhị Hà vì thế mà “<i>tắc nghẽn không chảy vào được nữa</i>”. Bằng chủ trương đánh là thắng, chiến đấu dũng mãnh, quyết tử, quân đội nghiêm minh làm nền tảng, vua Quang Trung cười voi thân chinh cầm quân - một tổng chỉ huy chiến dịch: vừa hoạch định phương lược tiến đánh vừa tấn công quân sỹ, thống lĩnh một mũi tiên phong. Hình tượng ấy hiện lên với quyết tâm, ý chí sắt đá, không nao núng tinh thần. Tạo nên trận thắng đẹp áp đảo kẻ thù. Có thể nói, hình ảnh người anh hùng Quang Trung được khắc hoạ thật oai phong凛冽, bừng bừng khí tiết một hình ảnh đẹp hào hùng về người anh hùng lịch sử còn mãi với non sông đất Việt ngàn đời...

4. Nhân vật Lê Chiêu Thống

Vị trí

Vua của một nước

Hành động

Thông đồng với giặc, bán nước



⇒ Sống lưu vong, mang tiếng xấu muôn đời. Đó là sự thảm bại của bọn vua tôi phản nước, hại dân Lê Chiêu Thống. Mặt khác, đó cũng là tâm trạng xót xa của người cầm bút trước hình ảnh của một bậc đế vương nhu nhược trong lịch sử dân tộc.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
* Nhân vật Lê Chiêu Thống - Vị trí trong triều đình: Vua của một nước, vị trí vô cùng quan trọng trong việc phát triển đất nước, giữ gìn chủ quyền dân tộc. - Hành động: Vì lợi ích riêng của dòng họ mà mù quáng “cống rắn cắn gà nhà”, cấu kết với nhà Thanh, để rồi đặt vận mệnh của dân tộc vào tay kẻ thù phương Bắc vốn không đội trời chung. Hành động không thể chấp nhận, tha thứ, bản chất của kẻ bán nước. - Kết cục: Lê Chiêu Thống không xứng đáng với vị thế của bậc quân vương. Kết cục ông phải trả giá là chịu chung số phận thảm hại của kẻ vong quốc: “chạy bán sống, bán chết”, nhin đói để trốn, ông cùng kẻ cầu cạnh chỉ biết “nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt” ⇒ Bằng một giọng văn chậm rãi tác giả đã gọi lên sự thảm bại của bọn vua tôi phản nước, hại dân Lê Chiêu Thống. Mặt khác, đó cũng là tâm trạng ngậm ngùi của người cầm bút	Đối lập với một tướng lĩnh sẵn sàng hi sinh vì dân, vì nước, đối lập với vẻ đẹp nhân cách cao cả, sáng ngời của Quang Trung trong đoạn trích có lẽ cái đau đớn nhất của dân tộc Việt Nam khi đã từng có một vị vua đê hèn, bạc nhược đến mức thông đồng với giặc để bán nước mang tên Lê Chiêu Thống. Nắm giữ vị trí vô cùng quan trọng là vua của một nước nhằm phát triển đất nước, giữ gìn chủ quyền dân tộc, thế nhưng vị vua ấy lại có hành động thật đáng hổ thẹn khi sẵn sàng vì lợi ích riêng của dòng họ mà mù quáng “cống rắn cắn gà nhà”, cấu kết với nhà Thanh, để rồi đặt vận mệnh của dân tộc vào tay kẻ thù phương Bắc vốn không đội trời chung. Đó là những việc làm thật đáng xấu hổ, không thể chấp nhận, tha thứ, bản chất của kẻ bán nước. Lê Chiêu Thống không xứng đáng với vị thế của bậc quân vương, để rồi đánh đổi lại ông phải trả giá là chịu chung số phận thảm hại của kẻ vong quốc: “chạy bán sống, bán chết”, nhin đói để trốn, ông cùng kẻ cầu cạnh chỉ biết “nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt”. Sự đối lập giữa vua Lê Chiêu Thống và vua Quang Trung, giữa quân nhà Thanh và quân Tây Sơn đã so sánh, đánh giá những hình ảnh nổi bật của Quang Trung và quân Tây Sơn trong chiến thắng đại phá quân Thanh, ca ngợi chiến công hiển hách của vua Quang Trung, nổi bật hình tượng vị anh hùng áo vải, vị hoàng đế với trí tuệ

trước hình ảnh của một bậc đế vương nhu nhược trong lịch sử dân tộc.	sáng suốt, mạnh mẽ và quyết đoán . Bằng một giọng văn chậm rãi tác giả đã gọi lên sự thảm bại của bọn vua tôi phản nước, hại dân Lê Chiêu Thống. Mặt khác, đó cũng là tâm trạng ngậm ngùi của người cầm bút trước hình ảnh của một bậc đế vương nhu nhược trong lịch sử dân tộc đáng buồn và xót xa. Có thể nói, đoạn trích “<i>Quang Trung đại phá quân Thanh</i>” đã đem đến cho người đọc một bức tranh "toàn bích" về vị anh hùng oai phong, lẫm liệt và tài giỏi Quang Trung. Đó cũng chính là tấm gương sáng để chúng ta cần học hỏi và noi theo về tinh thần quả cảm, yêu nước. Để rồi còn đó đọng lại trong lòng dân tộc sẽ là khúc khải hoàn ca chiến thắng còn in dấu trong những câu thơ của Ngô Ngọc Du lưu truyền cùng lịch sử non sông muôn đời về trận chiến quân Thanh oai hùng năm ấy mà ta không thể nào quên: <i>“Giặc đâu tàn bạo sang điên cuồng Quân vua một giận oai bốn phương Thần tốc ruổi dài xông thẳng tới Như trên trời xuống ai dám đương ...”</i>



1

Nghệ thuật

- Dựa trên các tình tiết có thật, tác giả đã lựa chọn trình tự kể trình tự diễn ra các sự kiện, giúp người đọc theo dõi dòng lịch sử dễ dàng hơn
- Với ngôn ngữ kể, tả chân thực, tác phẩm đã khắc họa sinh động các nhân vật lịch sử, từ nhân vật chính nghĩa đến phản diện đều được hiện lên rõ nét
- Sử dụng giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ của tác giả với vương triều Lê, với chiến thắng của nhân dân, dân tộc với bọn cướp nước.

Nội dung

Văn bản đã gọi lên khung cảnh lịch sử đầy sinh động về người anh hùng áo vải Quang Trung – Nguyễn Huệ với những phẩm chất cao đẹp, khí phách oai hùng, đáng ngưỡng mộ. Tác phẩm vừa làm nổi bật những phẩm chất tốt đẹp của một vị vua văn võ toàn tài, vừa nói lên tình cảnh thất bại ê chề, nhục nhã của bọn vua quan bán nước Lê Chiêu Thống cùng quân xâm lược nhà Thanh.

2



ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ

I. TÌM HIỂU CHUNG



Tác giả

- Mi - ghen đơ Xéc – van - tét (1547 - 1616) - là nhà văn nổi tiếng người Tây Ban Nha thời Phục Hưng.



Tác phẩm



- Hoàn cảnh sáng tác: Ra đời trong hoàn cảnh xã hội Tây Ban Nha mê truyện kiếm hiệp đến mê muội.
- Tác phẩm gồm 2 phần, 126 chương.- Thể loại : Tiểu thuyết
- Vị trí: Đoạn trích thuộc chương VIII của tác phẩm.
- PTBD: Tự sự - Trình tự kể: theo trình tự diễn biến các sự việc
- Ngôi kể: ngôi thứ ba
- Ý nghĩa văn bản: Kể câu chuyện về sự thất bại của Đôn ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió, nhà văn chế giễu lí tưởng hiệp sĩ phiêu lưu, hảo huyền, phê phán thói thực dụng thiên cận của con người trong đời sống xã hội.

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Tóm tắt

2

Nhân vật Đôn-ki-hô-tê

3

Nhân vật Xan-chô-pan-xa

1. Tóm tắt



Tóm tắt: Đôn-ki-hô-tê là một lão quý tộc nghèo vì quá say mê truyện hiệp sĩ nên muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ, cùng đi với lão là giám mã Xan-chô-pan-xa. Một lần, hai thầy trò đi trên một cánh đồng. Đôn-ki-hô-tê nhìn thấy ba bốn chục chiếc cối xay gió lại tưởng là ba bốn chục tên khổng lồ. Lão thúc ngựa Rô-xi-nan-tê xông lên chẳng thèm để ý đến giám mã Xan-chô-pan-xa đang hét bảo lão đừng xông vào đánh nhau với cối xay gió. Gió thổi mạnh làm cánh quạt quay kéo theo ngựa và người lão văng ra xa. Xan-chô-pan-xa thúc lừa đến đỡ Đôn-ki-hô-tê. Tuy vậy, dù đau đến cỡ nào nhưng lão cũng không rên rỉ, không ăn uống gì và đêm đến thì thức trắng vì nghĩ đến tình nương. Còn Xan-cho-pan-xa hơi đau một tí là rên rỉ, ăn ngon lành vừa đi vừa chề chén, đêm đến, bác lảo ra ngủ một mạch đến sáng.

2. Nhân vật Đôn-ki-hô-tê



Xuất thân đặc biệt, ngoại hình khác thường vì ham mê truyện hiệp sĩ mà muốn đi chinh chiến để lập những chiến công hiển hách



Là con người mang khát vọng tốt đẹp, dũng cảm, luôn vì người khác nhưng đầu óc hoang tưởng, cái nhìn sai lệch, khát vọng hảo huyền, đang chê cười



Cần nhìn nhận, hành động đúng đắn, đừng để lao tâm, khổ tứ của mình không gặt hái thành quả gì, mà còn khiến người khác chê trách, cười cợt vì những điều điên rồ, phi thực tế



⇒Nhận xét: Đôn-ki-hô-tê lao mình mù quáng, hiến cả thân thể không nghĩ đến bản thân, không chăm lo sức khỏe cho mình nhưng đều không mang lại giá trị lợi ích cho bất cứ ai. Đó là cái đáng giận, đáng cười nhưng cũng đáng trách, đáng thương

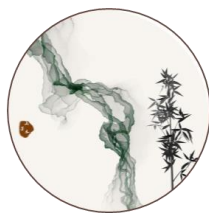
KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Đảo hoa rực rỡ, ngát hương là khi thu hút ong bướm đua mình tìm kiếm, hút nhụy, cánh rừng bạt ngàn khê reo vui trong gió là khi ôm ấp, bao bọc vạn vật xung quanh, con người hạnh phúc, lan tỏa tình yêu thương khi chính mình đã cảm nhận sự cống hiến mạnh mẽ, vĩ đại cho đời. Thế nhưng, có những hi sinh, đánh đổi đôi lúc lại trở nên vô nghĩa, tầm thường bởi không được đặt đúng chỗ, đúng lúc. Có lẽ, nhìn nhận được thông điệp sâu sắc ấy nhà văn Xéc-van-tét đã gửi đến cho bạn đọc hôm nay bức thông điệp đẹp đẽ về cuộc sống qua tiểu thuyết kinh điển “Đôn- ki- hô- tê”,

* Lai lịch, chân dung - Xuất thân: dòng dõi quý tộc nghèo - Tuổi: khoảng 50 tuổi - Ngoại hình: gầy gò, cao lênh khênh, cưỡi 1 con ngựa còm, mặc áo giáp, đội mũ sắt, vác giáo dài - Khát vọng: Muốn trở thành hiệp sĩ trừ gian, cứu thiện → <i>giúp ích cho đời</i>. * Thái độ và nhận định khi thấy những chiếc cối xay gió - Tưởng đó là những gã khổng lồ ghê gớm và quyết giao chiến giết hết bọn chúng Tưởng tượng những cánh tay của chúng dài ngoẵng, có đĩa dài tới 2 dặm ... Nhận định cuộc giao chiến điên cuồng và không cân sức	trong đó được nhiều người ấn tượng nhất là đoạn trích “<i>Đánh nhau với cối xay gió</i>” – câu chuyện về cách nhìn nhận cuộc sống ở đời. Sự sống là hành trình tạo nên cái độc đáo, giống như mỗi loài hoa tỏa hương đều chọn lối riêng, mỗi chiếc lá khắc dáng hình đều khác biệt, mỗi thớ gỗ tự vẽ bên trong muôn vằn vằn điệu chẳng giống nhau. Thế nên, có lẽ mỗi nhân vật được nâng cánh trên bầu trời văn chương sẽ được người nghệ sĩ trần trở, tìm tòi khắc tạc một cách ấn tượng với mong mỗi khiến người đọc nhớ mãi chẳng thể quên. Nếu đúng như vậy thì Đôn-ki-hô-tê chính là tạo hình đặc sắc nhất, kẻ điếm trên trang văn của Xet-van-tét để giúp ông sống mãi, vinh hiển cùng cung đàn nghệ thuật của mình. Chẳng vậy mà, tác giả đã xây dựng hình ảnh nhân vật của ông có phần khác biệt khi sinh ra với “<i>dòng dõi quý tộc nghèo</i>” xuất thân danh giá mà đã lụi tàn, sống lay lắt cô đơn, không vợ con, người thân thích khi đã chạm độ tuổi 50 già cả, ốm yếu. Chính vì cuộc sống quá cô đơn, buồn tẻ con người kì lạ ấy tìm thú vui trong những trang tiểu thuyết về người anh hùng như biết bao con người ngày đêm mơ mộng trước chiến công vang dội của bao con người Tây Ban Nha bấy giờ. Để rồi, phô bày hiện thực, thức tỉnh nhân tâm, tố cáo sự giả dối của đời sống nhà văn đã tái hiện hình ảnh kẻ quý tộc nghèo với thân hình “<i>gầy gò, cao lênh khênh</i>” đang “<i>cưỡi 1 con ngựa còm, mặc áo giáp, đội mũ sắt, vác giáo dài</i>” từ tổ tiên bỏ lại, han rỉ ra đi để diệt trừ cái ác, cái xấu, với khát vọng “Muốn trở thành hiệp sĩ trừ gian, cứu thiện” mà “<i>giúp ích cho đời</i>”. Lí tưởng và mục đích của Đôn-ki-hô-tê là điều cao đẹp, đáng trân trọng trong nếu xem xét kĩ trong bối cảnh cụ thể cùng hành động mù quáng của lão thì ta lại thấy nó thật đáng cười, cay đắng. Chẳng đáng cười sao, khi “<i>chiếc cối xay gió</i>” với vòng quay đều đặn nhưng hiện ra trước mắt lão lại “<i>là những gã khổng lồ ghê gớm và quyết giao chiến giết hết bọn chúng</i>”, hẳn còn tưởng tượng cánh quạt của cối xay như “<i>những cánh tay của chúng dài ngoẵng, có đĩa dài tới 2 dặm</i>”, ngay lập tức Đôn-ki-hô-tê nghĩ đến việc tiêu diệt những kẻ độc ác “<i>quét sạch cái giống xấu xa này khỏi mặt đất</i>”. Cái nhìn khác biệt ấy phải chăng xuất phát từ sự ảo tưởng,

→ Khát vọng tốt đẹp nhưng đầu óc hoang tưởng → Cái nhìn sai lệch, khát vọng hảo huyền * Hành động trong cuộc giao tranh - Đôn Ki-hô-tê lao vào cuộc đấu với dũng khí của 1 hiệp sĩ → <i>Hành động hài hước, điên rồ, lỗ bịch</i> - <u>Thất bại nặng nề, người và ngựa ngã như trời giáng</u> nhưng vẫn không cam nhận thất bại → Tiếp tục rơi vào hoang tưởng * Quan niệm và cách xử sự sau cuộc chiến - Bắt chước các hiệp sĩ + Không rên rỉ, không kêu đau	nhận thức không rõ ràng của một con người bị u mê quá mức trước quá nhiều các câu truyện hiệp sĩ chẳng có thực, để rồi nhìn đầu con người kia cũng nghĩ đến kẻ độc ác, xấu xa, gian tà mà nhận định mình đang chiến đấu với kẻ khổng lồ trong “<i>cuộc giao chiến điên cuồng và không cân sức</i>”. Rõ ràng, cái yêu và cái mến được tác giả tái hiện hình tượng Đôn-ki-hô-tê trên trang văn rất chân thực, thẳng thắn ông tô vẽ đẹp nhân cách nhân vật trong khát vọng tươi đẹp, đánh giá cao lí tưởng, hoài bão cống hiến cho đời mà hấn có, nhưng đồng thời cũng dứt khoát phê phán lối sống ảo tưởng, nhận thức sai lệch, cùng cảm quan hiện thực không đúng đắn đã khiến hành vi của hấn có phần dị biệt, khác người, đáng cười. Cái đáng cười ấy, còn tiếp tục được tác giả khơi mở qua hành trình khám phá chân dung cuộc chiến đầy vô nghĩa mà Đôn-ki-hô-tê giao tranh cùng cối xay gió. Ở đây, người đọc thấy hiện lên chân dung một người anh hùng ẩn lấp trong cái lỗ bịch đáng cười, chân dung của việc làm cao cả phô ra trước sự vô nghĩa dưới ngòi bút khế lách sâu vào thế giới nhân vật thật đặc biệt của nhà văn, đó là khung ảnh chiến trường tang thương nơi Đôn-ki-hô-tê không ngần ngại xông vào những cối xay khổng lồ và hét lớn “<i>Chớ có chạy trốn, lũ hèn mạt nhất gan kia, bởi duy nhất chỉ có một hiệp sĩ tấn công bọn mi là ta đây</i>”. Trong câu nói của lão ta thấy sự kiên gan, dũng cảm, thấy được khí phách của một kẻ anh hùng mang tư tưởng lớn lao, trượng nghĩa. Chỉ tiếc rằng đầu óc của lão quá hoang đường, ảo tưởng nên phải chịu kết quả thảm bại, cả người và ngựa bị văng ra xa. Có lẽ vết thương không hề nhẹ, dù bị thất bại, dù thua trận nhưng lão vẫn kiên quyết không nhận ra mình ảo tưởng, mà cho đó là vì “<i>pháp thuật của pháp sư thâm thù với lão</i>”, đã làm lão thất bại, để tước đi vinh quang mà đáng ra lão sẽ phải được hưởng. Mục đích tuy cao cả tốt đẹp nhưng hành động lại điên cuồng, hoang tưởng, mang tính chất phá phách, cùng với cái thua đau đớn khiến cho người đọc không khỏi bật cười. Trong giờ khắc gian nan sau chiến đấu, lại chịu thất bại thảm hại và bị thương, nhưng Đôn-ki-hô-tê vẫn không hề nản lòng, không hề ai oán, “<i>rên rỉ</i>” trái lại vẫn mang trong mình một niềm tin cháy bỏng vào

+ Không quan tâm đến những nhu cầu cá nhân, không cần ăn uống gì mà chỉ cần <i>"nghĩ về tình nương của mình là đã đủ no"</i>. => Đôn-ki-hô-tê lao mình mù quáng, cống hiến cả thân thể không nghĩ đến bản thân, không chăm lo sức khỏe cho mình nhưng đều không mang lại giá trị lợi ích cho bất cứ ai. Đó là cái đáng giận, đáng cười nhưng cũng đáng trách, đáng thương. ➔ Thông điệp: Cần nhìn nhận và hành động đúng đắn, đừng để lao tâm, khổ tứ của mình không gặt hái thành quả gì, mà còn khiến người khác chê trách, cười cợt vì những điều điên rồ, phi thực tế hôm nay...	những hành động trượng nghĩa. Đây quả là bản lĩnh đáng khâm phục mà tất cả chúng ta phải học tập và noi theo. Bởi bệnh hoang tưởng, bởi chỉ đọc sách hiệp sĩ mà không căn cứ vào tình hình thực tế, nên sau khi đánh nhau với cối xay gió, lão vẫn giữ trong mình những ý nghĩa hoang đường, lãng mạn: <i>"Ta không kêu đau là vì các hiệp sĩ giang hồ có bị thương như thế nào cũng không được rên rỉ, dù xổ cả ruột gan ra ngoài"</i>, phải chăng đó cũng là cái đẹp của nhân vật mà chính những người hiệp sĩ trong những cuốn sách kiếm hiệp kia đã động viên, khích lệ tinh thần cho lão. Để rồi, sau cơn điên cuồng cùng trận chiến dữ dội lão không cần ăn uống gì mà chỉ cần <i>"nghĩ về tình nương của mình là đã đủ no"</i>. Thế nên, qua hình tượng nhân vật trong tác phẩm mỗi người đọc sẽ tự nhận ra cho mình những thông điệp sâu sắc, mà ở đó hiện ra trên trang văn cái đáng cười được tác giả xây dựng độc đáo ở chỗ Đôn-ki-hô-tê lao mình mù quáng, cống hiến cả thân thể không nghĩ đến bản thân, không chăm lo sức khỏe cho mình nhưng đều không mang lại giá trị lợi ích cho bất cứ ai, đây là điều đáng giận, đáng cười nhưng cũng đáng trách, đáng thương. Từng câu văn, dòng chữ khiến ta thấm thía sâu sắc hơn về lẽ đời mà hiểu rằng sống cần nhìn nhận và hành động đúng đắn, đừng để lao tâm, khổ tứ của mình không gặt hái thành quả gì, mà còn khiến người khác chê trách, cười cợt vì những điều điên rồ, phi thực tế hôm nay...

3. Nhân vật Xan-chô-pan-xa



Xuất thân từ tầng lớp nông dân, tầm thường, được xây dựng trong sự đối lập hoàn toàn với Đôn-ki-hô-tê

Là con người sống thực tế, tinh táo, nhân hậu nhưng hèn nhát, thực dụng, ước muốn tầm thường chỉ nghĩ cho bản thân, ích kỉ, khôn lỏi

Nghệ thuật tương phản đối lập, cùng giọng điệu phê phán, hài hước nhẹ nhàng mà thâm thúy, xây dựng những nhân vật độc đáo, điển hình, ấn tượng

Nhận xét:

➔ Chế giễu sâu sắc những tàn dư lí tưởng hiệp sĩ lỗi thời, phê phán thị hiếu tầm thường, thực dụng, bày tỏ khát vọng hướng đến những giá trị nhân văn cao cả.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
* Lai lịch, chân dung - Xuất thân: Nông dân - Ngoại hình: Béo, lùn, đũng đỉnh cười lừa theo chủ, luôn mang theo rượu và túi 2 ngăn đựng đầy thức ăn - Khát vọng: Làm giám mã cho Đôn Ki hô-tê với hi vọng sau này được làm thống đốc, cai trị vài hòn đảo * Thái độ và nhận định khi thấy những chiếc cối xay gió - Đầu óc hoàn toàn tỉnh táo: <i>“Xuất hiện ở đằng kia chẳng phải là ... mà chỉ là những cối xay gió ...”</i>	Nhà văn hóa M.Twain (Mỹ) đã từng dùng một hình ảnh khá chí lý trong cách nhìn nhận con người mà khẳng định: "Ai cũng có một vầng trắng và một đám mây đen", phải chăng câu nói đó nhằm khuyên răn mỗi chúng ta hãy luôn làm cho ánh hào quang của vầng trắng thêm rực rỡ và xóa dần màu xám xịt của đám mây đen. Người tốt cũng đừng chủ quan là mình sẽ không biến chất và người xấu cũng không phải không giáo dục được, không tự tu dưỡng điều chỉnh mình điều quan trọng ta tự nhận ra những khuyết điểm của bản thân để sửa đổi, thay thế bằng muôn vàn điều tốt đẹp mà thôi. Có lẽ, cũng xuất phát từ trái yêu nhân ái, tràn ngập tình yêu thương con người sâu sắc ấy mà nhà văn Xét-văn-tet cũng đã gửi gắm những tâm tình cảm hóa con người qua bức họa về các nhân vật trong tác phẩm “Đôn-ki-hô-tê” mà ở đó, ta cần mở lớp màn ẩn giấu sau chân dung về người giám mã Xan-chô-pan-xa. Cũng như Đôn-ki-hô-tê, nhân vật này được nhà văn chú ý khai thác ngay từ xuất thân có phần trái ngược, đời thường trong bóng dáng “người nông dân” với ngoại hình “béo, lùn” lại “đũng đỉnh cười lừa” luôn đi theo sau chủ sảng khoái mà hứng rượu thịt chất đầy hai ngăn chẳng bao giờ lo đói. Và dù biết chủ ngớ ngẩn, gàn dở, ảo tưởng nhưng hắn vẫn trung thành trên mọi nẻo đường với Đôn-ki-hô-tê bởi khát vọng rất tầm thường và thực tế là được <i>“Làm giám mã cho Đôn Ki hô-tê”</i> để <i>“sau này được làm thống đốc, cai trị vài hòn đảo”</i> thỏa mãn giấc mơ được sung sướng, giàu có không cần vất vả, lo toan, miếng ăn, giấc ngủ. Bởi vậy, bằng trí tưởng tượng phong phú, chất văn chương sâu sắc, cùng tài năng kể chuyện tài hoa tác giả đã xây dựng hình ảnh người giám mã này hiện lên mang sự đối lập hoàn toàn khác biệt với chủ của hắn, khi đầu óc Xan-chô hoàn toàn tỉnh táo. Ngay thời điểm gã chủ với thân hình gầy gò, lênh khênh kia khẳng định mấy chục chiếc cối xay gió trước mặt là những tên khổng lồ, bác ta nhìn tỏ vẻ nghi ngờ, ngạc nhiên hỏi: <i>“Những tên khổng lồ nào cơ?”</i>. Rồi với trách nhiệm của một người đồng hành trung

➔ Câu nói ấy đủ cho thấy sự tỉnh táo và uy nghi rất thực tế của nhân vật, để rồi ta bỗng ngộ ra rằng xuất thân của Xan-chô-pan-xa giống như một cú đánh đổng người vào bộ phận quý tộc bấy giờ của Tây Ban Nha, luôn khinh khỉnh mà sống trong ảo tưởng * Hành động trong cuộc giao tranh - Can ngăn Đôn Ki-hô-tê - Vội thúc lừa chạy đến cứu và xót xa vì chủ bị ngã quá đau ➔ <i>Tỉnh táo và thực tế</i>, là một con người tử tế, nhân hậu, tràn đầy tình thương yêu * Quan niệm và cách xử sự sau cuộc chiến - Là người sống rất thực tế, thực tế đến mức chủ dù đang đau đớn, đầu vẫn “<i>quay cuồng như chiếc cối xay gió</i>” bởi trận chiến thất bại vừa xảy ra, ấy vậy Xan-chô không quên con thềm thịt, thềm rượu mà nhắc chủ đã đến giờ ăn	thành, sáng suốt hẳn vẫn kiên nhẫn giải thích thật cặn kẽ: “<i>Thưa ngài, xuất hiện ở kia chẳng phải là các tên khổng lồ đâu mà chỉ là những cối xay gió, và cái vật trông giống cánh tay là những cánh quạt, khi có gió thổi, chúng sẽ quay tròn làm chuyển động cối đá bên trong</i>”. Câu nói ấy đủ cho thấy sự tỉnh táo và uy nghi rất thực tế của nhân vật, để rồi ta bỗng ngộ ra rằng xuất thân của Xan-chô-pan-xa giống như một cú đánh đổng người vào bộ phận quý tộc bấy giờ của Tây Ban Nha, luôn khinh khỉnh mà sống trong ảo tưởng, đắm chìm vào cũng cuốn tiểu thuyết vô bổ, để nhìn sự vật thiếu rõ ràng, chân thực bằng cả một gã nông dân tầm thường. Mặt khác, qua cái nhìn đầy âu yếm và trân quý con người, nhà văn vẫn chấp bút viết lên cái đẹp đáng trọng từ nhân vật này, không đáng trọng sao khi đi theo chủ chỉ vì miếng ăn, vò rượu nhưng lúc thấy chủ vẫn khăng khăng muốn đánh nhau, bác ra sức can ngăn, chủ lâm nạn, vội thúc lừa tới cứu và xót xa vì chủ bị ngã quá đau? Cách xử sự đó chứng tỏ đây là một con người tử tế, nhân hậu, tràn đầy tình thương yêu. Thế nhưng, cuộc sống luôn có nhiều chiều, một bức tranh luôn tồn tại hai mặt, cũng như con người sẽ mang bên mình rất nhiều tính cách khác nhau. Do đó, Xan-chô-pan-xa cũng thể lộ hiện lên không chỉ có những điều đáng trọng, cần trân quý, nâng niu mà ở con người ấy còn rất nhiều điều đáng trách, đáng cười. Cái đáng cười, đáng trách của bác ta là người sống rất thực tế, thực tế đến mức chủ dù đang đau đớn, đầu vẫn “<i>quay cuồng như chiếc cối xay gió</i>” bởi trận chiến thất bại vừa xảy ra, ấy vậy Xan-chô không quên con thềm thịt, thềm rượu mà nhắc chủ đã đến giờ ăn. Và đâu cần để ý tâm trạng của ai, chỉ nhận cái gật đầu được phép Xan-chô ngay lập tức “<i>ngồi lại cho thật thoải mái trên lưng lừa, lôi các thứ ở trong cái túi hai ngăn ra, vừa đi theo chủ vừa ung dung đánh chén</i>”, thỉnh thoảng lại “<i>tu bầu rượu một cách ngon lành khiến tay chủ quán rượu dễ thương nhất ở Ma-la-ga cũng phải phát ghen</i>”. Lão giám mã ấy xuất hiện còn trái ngược hoàn toàn với chủ trong sự nhút nhát đến mức gần như là hèn nhát trong chính cách mà bác thừa nhận: “<i>chỉ cần hơi đau một chút là tôi rên rĩ ngay</i>”.

- Nhút nhát đến mức gần như là hèn nhát trong chính cách mà bác thừa nhận: “*chỉ cần hơi đau một chút là tôi rên rỉ ngay*”

-> *Thực dụng, tầm thường, thích hưởng thụ, ước muốn tầm thường, chỉ nghĩ đến cá nhân, hèn nhát*

*** NT:** *Xây dựng cặp nhân vật tương phản => Dụng ý nghệ thuật của nhà văn: Làm nổi rõ chân dung, tính cách của từng nhân vật.*

Vừa đi vừa chè chén, vừa lấp sau lưng chủ để Đôn-ki-hô-tê gánh mọi đau đớn như thế, Xan-chô chẳng còn nhớ gì đến những lời hứa hẹn của chủ và cảm thấy cái nghề đi tìm kiếm chuyện phiêu lưu này dù có nguy hiểm đến đâu cũng đâu vất vả gì mà lại thoải mái nữa là khác. Đó là thú vui nhất đời mà con người này hài lòng chấp nhận một cách an nhiên, tự tại đến đáng cười bởi sự thực dụng, tầm thường, chỉ nghĩ tới bản thân mà hèn nhát, đáng chê đáng ngăm với mỗi chúng ta. Có thể nói, bằng nghệ thuật tương phản đối lập, cùng giọng điệu phê phán, hài hước nhẹ nhàng mà thâm thúy nhà văn đã làm nổi bật sự khác biệt giữa hai nhân vật cả về ngoại hình và tính cách, qua đó chế giễu sâu sắc những tàn dư lí tưởng hiệp sĩ lỗi thời, phê phán thị hiếu tầm thường, thực dụng, bày tỏ khát vọng hướng đến những giá trị nhân văn cao cả, thức tỉnh cả một thời đại, thức tỉnh cả vạn con người hôm nay, mai sau.

Một bông hoa thơm luôn ẩn lấp trong vạt lá xanh ngan ngát, một vầng trăng sáng lấp lánh luôn nằm giữa màn đêm mênh mông. Thế nên, phải chăng con người cũng vậy những điều tốt xấu sẽ ẩn lấp trong nhau, để dần dần bộc lộ mà phô tỏ tính cách con người, khiến chúng ta hiểu rằng giá trị mà bản thân tìm kiếm, được ghi nhận trong mắt người đời là khi chính bạn biết mình là ai, mình cần gì, thiếu gì đúng như bức thông điệp đẹp đẽ trong đoạn trích “*Đánh nhau với cối xay gió*” được nhà văn Xét-Van-tét gửi gắm tới mỗi tâm hồn thấu cảm, yêu mến văn chương mọi kiếp này.



1

Nghệ thuật

Tương phản đối lập, giọng điệu phê phán, hài hước.

Nội dung

2



Tạo nên cặp nhân vật bất hủ trong văn học thế giới:

- + Đôn-ki-hô-tê nực cười nhưng có nhiều phẩm chất đáng quý.
- + Xan-chô Pan-xa có điểm tốt song có nhiều điểm đáng chê cười.

VỀ ĐẸP CỦA BÀI THƠ CẢNH KHUYA

I. TÌM HIỂU CHUNG



Tác giả

- Lê Trí Viễn (1919-2012), quê ở Quảng Nam
- Là giáo sư, nhà giáo nhân dân, đồng thời cũng là một nhà nghiên cứu đi tiên phong trong việc vận dụng quan điểm Mác-xít trong nghiên cứu và đã đóng góp cho lĩnh vực văn học Việt Nam hơn 40 công trình khoa học giá trị.
- Ông đã được nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2012.
- Một số tác phẩm tiêu biểu: +Việt Nam Văn học sử, Liên khu V.+ Thánh Gióng.+ Bình thơ xuân + Tìm hương trong văn Hồ Chí Minh .



Tác phẩm



- Xuất xứ: Theo Đến với thơ hay, NXB Giáo dục. 1997
- Thể loại: Nghị luận văn học
- PTBD chính: nghị luận

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Đặc điểm thể loại

2

Giới thiệu bài thơ Cảnh khuya

3

Phân tích bài thơ Cảnh khuya

4

Sự cân bằng trong bài thơ Cảnh khuya

1. Đặc điểm thể loại



Luận Đề

là vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận. (là “chiều sâu” giá trị tiềm ẩn về tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm đã nêu).



Lí Lẽ

là những lẽ phải được lấy làm căn cứ để giải thích, làm rõ cho luận điểm. Để có sức thuyết phục, lí lẽ cần chặt chẽ, xác đáng.



Luận Điểm

là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận.



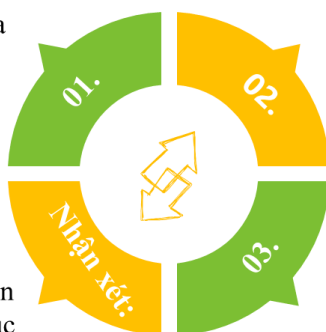
Bằng Chứng

là những ví dụ cụ thể về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học được đưa ra nhằm chứng minh, củng cố cho lí lẽ. Để có sức thuyết phục, bằng chứng cần phù hợp, tiêu biểu.

2. Giới thiệu bài thơ Cảnh khuya

Giới thiệu khái quát về hoàn cảnh ra đời của bài thơ “cảnh khuya” một cách ngắn gọn, đơn giản, dễ nhớ

➔ Cách mở đầu táo bạo, gây ấn tượng mạnh mẽ, khai mở cảm xúc của người đọc, mượn chữ mà nói tình thật hiếm có được trong nền văn chương Việt Nam



Nêu những cảm nhận chung nhất về những hình ảnh, chi tiết ấn tượng, đặc sắc mà tác giả khai mở được khi chạm vào những vần thơ của Bác

Cách phân tích ngắn gọn, tinh tế, cùng với lối liệt kê độc đáo, ngôn từ có sự lựa chọn tinh tế, sắc xảo với nhiều điểm nhấn về bài thơ được phân tích

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	<i>Trông tuyết trắng như đọng nghìn nước mắt Lê-nin mất rồi nhưng Bác chẳng dừng chân Luận cương của Lê-nin theo người về quê Việt Biên giới còn xa nhưng Bác đã đến rồi Kìa bóng Bác đang hôn lên hòn đá Lắng nghe trong màu hồng hình đất nước phôi thai.</i> Những câu thơ như tiếng hát tha thiết mà Chế Lan Viên khắc khoải, yêu thương, nâng niu kể lại hành trình Bác ra đi tìm đường cứu nước, tìm lại ngọn nguồn ánh sáng cho dân tộc thân yêu. Thế nhưng, có lẽ ca ngợi tình yêu nước và sự hi sinh của con Người vĩ đại ấy là chưa đủ, vì Bác còn có thật nhiều thứ đẹp

-Giới thiệu khái quát về tác phẩm: Bài thơ “Cảnh khuya” ra đời năm 1947 -Thời gian: Đêm đã khuya - Không gian: Núi rừng,bản làng xa, cơ quan gần. -Cảnh vật: cây cối im lìm, chim muông từ lâu đã im lặng, chỉ có trăng sáng và mát, cây cối im lìm, cảnh vậy nghĩ suy =>Cảm nhận khái quát về bài thơ ➔Cách phân tích ngắn gọn, tinh tế, cùng với lối liệt kê độc đáo nhà phê bình văn học Lê Chí Viễn đã rất khéo léo dẫn dắt chúng ta từng bước đến với bài thơ của Bác qua từng câu chữ đầy ẩn tượng, ngân nga	đẽ, long lanh khiến ta ngỡ ngàng, cảm mến, một trong số ấy là tài năng thơ ca độc đáo ẩn tượng. Chẳng vậy mà, mỗi lần đọc tiếng thơ của Người là mỗi lần ta được sống trong khung trời nghệ thuật ngọt ngào, say đắm đọng lại nhiều dư âm thiết tha cần học tập, chất chiu, gom góp lại đúng như nhận xét trong tác phẩm “VỀ ĐẸP CỦA BÀI THƠ CẢNH KHUYA” mà nhà phê bình văn học Lê Trí Viễn đã từng chấp bút viết lên. Một con người, một nhành hoa, một chiếc lá tồn tại trên nhân thế này đều có giá trị riêng, đặc biệt của nó, bởi vậy một tác phẩm thơ ca khi đủ chạm ngưỡng cửa bước vào trái tim độc giả cũng chẳng cần lí do, tự nó đã mang những giá trị thật đặc biệt. Thế nên, khi đọc âm vang đầu tiên của thi phẩm “<i>Cảnh khuya</i>” nhà phê bình văn học Lê Trí Viễn không dẫn dắt cầu kì, chỉ đơn giản giới thiệu ngắn gọn những cảm nhận sơ khai, giản dị nhất về dòng tâm tưởng được Hồ Chí Minh gửi lại từ hoàn cảnh ra đời thi phẩm giữa chiến khu Việt Bắc thiêng liêng, gắn liền với con đường lịch sử “<i>nằm trong chùm thơ năm 1947 của Bác</i>” bên sự trân trọng, nâng niu mà tác giả dành cho Người. Chỉ là ánh mắt lướt qua, chỉ là những dòng chữ ngắn ngủi nhưng thơ ca lại đủ dịu dàng mà len lỏi vào từng ngõ ngách của tâm hồn con người, từ đó gây bao thương nhớ, đắm say không nguôi. Có lẽ, cũng chính từ những phút thương nhớ, đắm say ấy mà Lê Trí Viễn đã tận hưởng chất nhạc trong thơ Bác bằng trái tim mong manh, dễ xúc động trước mọi vang vọng của văn chương, để rồi ông mở lòng lắng nghe từng dòng chảy thời gian “<i>Đêm đã khuya</i>” dội về. Thấy tận cùng khoảnh khắc trong không gian “<i>rừng núi</i>” rộng lớn, bao la, bên “<i>bản làng xa xôi</i>” mà “<i>cơ quan gần</i>” đã đều chìm vào giấc ngủ êm đềm. Nhưng mở ra trong thơ Bác vẫn tràn ngập hình ảnh của “<i>trăng sáng và mát</i>”, khi “<i>gió đã ngừng</i>” để “<i>cây cối im lìm</i>” nghỉ ngơi sau ngày dài, nhường chỗ cho “<i>Cảnh vậy nghĩ suy</i>”. Phải chăng, bằng cách phân tích ngắn gọn, tinh tế, cùng với lối liệt kê độc đáo nhà phê bình văn học Lê Chí Viễn đã rất khéo léo dẫn dắt chúng ta từng bước đến với bài thơ của Bác qua từng câu chữ đầy ẩn tượng, ngân nga. Đó quả là cách mở đầu táo bạo,

	muộn chữ mà nói tình thật hiếm có được trong nền văn chương rộng lớn này.

3. Phân tích bài thơ Cảnh khuya

01.

Đánh giá vẻ đẹp của hao câu thơ thứ nhất qua việc sử dụng âm thanh trong sự đối chiếu với các nhà thơ khác ở văn học trung đại

Nhận xét:

→ Thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản là sự trân trọng, khâm phục trước nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ “Cảnh khuya” của Bác qua cách lập luận chặt chẽ, sắc xảo, dẫn chứng cụ thể rõ ràng.



02.

Nhận xét cái hay ở câu thơ thứ hai trong hình ảnh, cách sử dụng ngôn từ và biện pháp nghệ thuật độc đáo, ấn tượng

03.

Lí giải mối quan hệ giữa người và cảnh, người với cảnh vốn chan hòa sâu sắc như vừa thấy mà cốt cho nổi bật lên vị trí con người, để làm nổi bật chân dung cao đẹp về tinh thần của Bác

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Vẻ đẹp câu thơ thứ nhất: Câu thơ vang lên hai thứ tiếng: tiếng suối và tiếng hát: Tiếng suối rất trong ấy vắng vắng mơ hồ như một tiếng hát từ xa vọng lại. Dù sao đó vẫn là một hồi âm, một tượng tượng mỹ lệ xứng đáng với một tâm hồn đẹp và một cảnh khuya tao nhã. -Dẫn chứng: Tác giả so sánh tiếng suối trong bài thơ Cảnh khuya với tiếng suối trong các bài thơ khác như tiếng suối trong bài Côn Sơn của Nguyễn Trãi, tiếng suối trong thơ của Bạch Cư Dị.	Nghe một tiếng hát khê nhớ một tâm tưởng, đọc một câu thơ bỗng chạm một trái tim, nhìn một nét vẽ gọi cả không gian trong mắt người nghệ sĩ. Phải chăng, đó cũng là quy luật bất tử của nghệ thuật ở đời, nếu đúng vậy thì Lê Chí Viên đã đủ chạm, đủ thương, đủ vương mà mệnh mang cõi lòng trước từng câu thơ của Bác trong bài “<i>Cảnh Khuya</i>”. Để rồi, từ đó ông đi vào phân tích từng góc cạnh, vẻ đẹp, cái hay của mỗi câu chữ trong thi phẩm, từ cảm nhận mở đầu với khung cảnh tĩnh lặng chỉ còn vang lên âm thanh vắng vắng của “<i>tiếng suối và tiếng hát</i>” đủ “<i>phá vỡ</i>” mọi cái “im lặng của cảnh khuya” mệnh mông. Tác giả cho rằng “<i>Tiếng suối rất trong ấy vắng vắng mơ hồ như một tiếng hát từ xa vọng lại</i>”, có lẽ âm thanh ấy hiện lên trong tâm tư của ông với niềm xuyến xao thật đặc biệt, khiến tác giả phải bật lên tiếng ngợi ca, trầm đắm khẳng định nó tựa “<i>một hồi âm tượng tượng mỹ lệ xứng đáng với một tâm hồn đẹp và một cảnh khuya tao nhã</i>”. Chẳng thế mà, ông dẫn chứng cụ thể khi đem tiếng trong trẻo kia ra so sánh với tiếng suối ở các bài thơ của “<i>Nguyễn Du, Bạch Cư Dị so tiếng đàn với tiếng suối. Thế Lữ lại so tiếng hát trong với nước ngọc tuyền</i>” nhưng tác giả cho rằng “<i>Chỉ có Nguyễn Trãi ví tiếng suối là tiếng đàn cầm</i>” rồi khẳng định chắc chắn

→ Cách so sánh là thủ pháp đòn bẩy để nâng tiếng thơ của Bác trước bạt ngàn vắn điệu trong văn chương khi cùng viết về một hình ảnh, cảm hứng giống nhau trong văn chương. - Câu thơ thứ hai: Tác giả cảm nhận vẻ đẹp của câu thơ chủ yếu bằng cách tưởng tượng khung cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp, đẹp như một bức tranh thủy mặc. -Cách nhận xét của tác giả không quá chú trọng vào việc ào ạt nơi cảm xúc, mà rất súc tích, ngắn gọn trong lối sử dụng từ ngữ ẩn tượng, gợi hình phù hợp với một bài thơ cổ kính, “ý tại ngôn ngoại” mà ông đang khai thác -Tác giả đã vạch rõ, chỉ điểm, gọi tên nét đặc biệt ở “hai chữ <i>tiếng</i> ở câu trên chỉ làm tăng vẻ tĩnh mịch thì ở câu này, hai chữ <i>lông</i> cũng không hề tạo ra một cử động nào cả”, rồi miên man, chìm đắm, tha thiết, “hòa nhịp với âm thanh của suối cũng có hình dáng; ánh trắng, cổ thụ, khóm hoa như một bức	<i>"tiếng hát đó như một hồi âm vọng về, liên tưởng tới một giọng hát từng lưu lại trong kí ức hay là sản phẩm của trí tưởng tượng trong khoảnh khắc trời khuya"</i>. Cách so sánh này chẳng phải thủ pháp đòn bẩy để nâng tiếng thơ của Bác trước bạt ngàn vắn điệu văn chương khi cùng viết về một hình ảnh, cảm hứng giống nhau hay sao? Không chỉ dừng lại bên khung cảnh âm vang nơi tiếng suối ngọt ngào, êm ả, tràn đầy ấm cúng nơi núi rừng, Lê Trí Viễn còn đem lại cho người đọc cách nhìn vô cùng mới mẻ, độc đáo khi khai phá nét đẹp của thiên nhiên dội vào thơ Bác. Ông cho rằng cái hay của câu thơ thứ hai đọng lại nơi hình ảnh, một hình ảnh ngan ngát, long lanh qua cảm nhận vẻ đẹp từ ngữ chủ yếu bằng cách tưởng tượng khung cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp, đẹp như một bức tranh thủy mặc với <i>"Ánh trắng bao phủ trùm lên cổ thụ. Ánh trắng lồng vào tán lá. Cành lá cắt ánh trắng thành những mảng trắng đen lẫn lộn, những bóng trắng và bóng cây"</i>. Cách nhận xét của tác giả không quá chú trọng ào ạt nơi cảm xúc, mà rất súc tích, ngắn gọn với lối sử dụng từ ngữ ẩn tượng, gợi hình phù hợp với một bài thơ cổ kính, “ý tại ngôn ngoại” mà ông đang khai thác. Như một điểm nhấn mạnh mẽ, bám chặt vào việc xây dựng bức tranh thiên nhiên qua hai mảng màu tối, sáng nhà phê bình văn học này cũng đã phân tích rất chặt chẽ vẻ đẹp của không gian rừng núi vào đêm khuya qua <i>"Hai lớp bóng lại trùm lên, lồng vào khóm hoa và bóng hoa, bóng trắng, bóng cây lại in lên mặt đất. Chỉ có tối và sáng, trắng và đen loang loáng ánh bạc. Sắc màu bề ngoài mát lạnh. Mọi vật im phăng phắc"</i> để rồi thâu tóm lại cái tài tình nơi thủ pháp tả cảnh của Bác bằng nhận xét cô đọng, gọn gàng <i>"Ấy thế mà bên trong, thiên nhiên lại vận động ầm ập vô chừng"</i>. Cái hay mà một nhà phê bình tạo được, không chỉ ở chỗ luôn tìm kiếm vận chất thơ trong mỗi câu chữ, mà còn là cách tự mình trải lòng cùng âm hưởng bên từ ngữ nơi tác phẩm văn chương mà thấy được giá trị của nó. Thế nên, tác giả đã vạch rõ, chỉ điểm, gọi tên nét đặc biệt ở <i>"hai chữ tiếng ở câu trên chỉ làm tăng vẻ tĩnh mịch thì ở câu này, hai chữ lông cũng không hề tạo ra một cử động nào cả"</i>, rồi miên man, chìm đắm, tha thiết, <i>"hòa nhịp với âm thanh của suối cũng có hình dáng;</i>

thủy mặc: <i>Cảnh khuya như vẽ. Đẹp mà có hồn</i>” => Cách phân tích ngắn gọn, đi đúng trọng điểm, sử dụng câu chữ hợp lí, giàu sức biểu cảm - Hai câu thơ cuối: Tác giả lí giải mối quan hệ giữa người và cảnh: Câu thơ cắt ngang ở giữa, cái thể chạm nhau cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ đã bày ra nhưng không phải để đối lập người với cảnh vốn chan hòa sâu sắc như vừa thấy mà cốt cho nổi bật lên vị trí con người. ➔ Thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản là: Tác giả trân trọng, khâm phục	<i>ánh trăng, cổ thụ, khóm hoa như một bức thủy mặc: Cảnh khuya như vẽ. Đẹp mà có hồn</i>”. Cách phân tích ngắn gọn, đi đúng trọng điểm, sử dụng câu chữ hợp lí, giàu sức biểu cảm của ông quả là một điều khiến ta cần học hỏi để làm giàu thêm văn phong sâu sắc của chính mình trên hành trình thả tâm hồn vào vạm vỡ thơ nơi thế giới ngôn từ tươi đẹp này. Miễn man theo dòng chảy cảm nhận sau sắc của tác giả người đọc chạm trái tim từ điểm đến của hai thơ cuối nơi bài “<i>Cảnh khuya</i>” bằng cách phân tích qua những lí giải đi sâu vào tâm trạng thi nhân thật trầm lắng, vừa gợi cái hồn của cảnh, vừa khơi đủ nét thơ nơi trái tim mà Bác gửi gắm. Ở đó, tác giả đi lí giải mối quan hệ giữa người và cảnh “<i>Câu thơ cắt ngang ở giữa, cái thể chạm nhau cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ đã bày ra nhưng không phải để đối lập người với cảnh vốn chan hòa sâu sắc như vừa thấy mà cốt cho nổi bật lên vị trí con người</i>”, khiến ta nhận ra cái đẹp bên thi phẩm này không chỉ ở thiên nhiên mà còn nơi con người, một con người theo cách lí giải của tác giả “<i>Chưa ngủ vì mãi mê với cảnh, cũng là một lí do đẹp, đó là cái chưa ngủ của nghệ sĩ. Ví thử bài thơ đến đó chấm dứt thì người đọc có quyền nghĩ rằng đó là lí do duy nhất. Nhưng không. Chưa ngủ trước có thể nguyên nhân là vậy còn chưa ngủ sau lại là cái chính, đúng hơn, như bổ sung: chưa ngủ vì một lí do khác, lí do chiến sĩ. Con người còn thức vì những tình cảm cao sâu: vì lo nỗi nước nhà</i>” . Chỉ với những dòng nhận xét rất ngắn, cùng biện pháp so sánh, đối chiếu với thơ ca của “<i>Nguyễn Trãi thời gian đang còn tìm đường, nung nấu bao nỗi nước nhà thật sự mà chỉ nói: “Khách lí giang san chỉ thử tình” và nhàu nát một chiếc gối từ khuya cho chí sáng. Còn Tú Xương, lúc lắng mình buồn nã cho nước nhà thì chỉ ném vào cảnh đời một cái bức mình lẫn trốn: “Ngủ quách sự đời thầy kẻ thức</i>”, đồng thời để làm sáng tỏ luận điểm tác giả đã vẽ ra đủ mọi góc ngách tâm hồn thi nhân cùng khung cảnh thiên nhiên lồng lẫ bằng cảm quan mới mẻ, hiện đại và phù hợp với bối cảnh bài thơ, khiến người đọc có thêm được rất nhiều kiến thức độc đáo khi chạm tới bức tranh mà Bác đã gửi lại cho hậu. Đây chính là thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở

trước nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ Cảnh khuya của Bác.	các phần trong văn bản một sự trân trọng, khâm phục, cúi mình, ngưỡng mộ trước nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ Cảnh khuya của Bác.

4. Sự cân bằng trong bài thơ Cảnh khuya

1.

Tác giả khai thác vẻ đẹp của thiên nhiên và con người, qua những hình ảnh tạo nên sự hài hòa, nhịp nhàng cân bằng tuyệt đỉnh trong bài thơ một cách độc đáo

2.

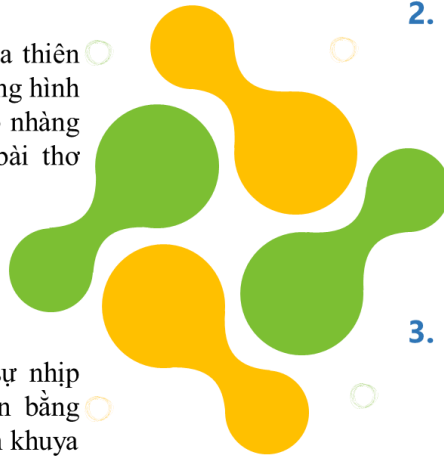
Cách luận luận ấy, nhận xét tinh tế cảm nhận say đắm bằng cả trái tim của một nhà phê bình văn học có tâm, có tài qua lối diễn đạt độc đáo

Nhận xét:

→ Tác giả đã nhấn mạnh sự nhịp nhàng, hài hòa, một thể cân bằng tuyệt đỉnh trong bài thơ Cảnh khuya của Bác

3.

Tác giả nhấn mạnh dấu ấn văn phong của Hồ Chí Minh nổi bật trong bài thơ không chỉ ở cách dùng từ, lựa chọn hình ảnh mà còn ở tâm thế của một người lãnh tụ vĩ đại của dân tộc



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VẾT THAM KHẢO
-Thiên nhiên và con người, cảnh đẹp và niềm lo, nghệ sĩ và chiến sĩ....Những hình ảnh tạo nên sự hài hòa, nhịp nhàng cân bằng tuyệt đỉnh. -Cách luận luận ấy, nhận xét tinh tế này không chỉ bộc lộ tình cảm mà người viết dành cho thi phẩm thơ nước tiếng kim cổ, hơn thế nó còn là cảm nhận say đắm bằng cả trái tim của một con người suốt cuộc đời khám phá, khai mở văn	Dư âm tiếng thơ không phải chỉ ở một từ ngữ, tâm tư của người nghệ sĩ không phải chỉ đọng lại duy nhất trong khung cảnh nào đó hiện lên giữa thi phẩm. Có lẽ, bất nhịp được quy luật đó, Lê Trí Viên đã đưa ra những đánh giá tựa lời kết rất ngọt ngào hiện lên trong bài phân tích sắc xảo của mình đó là hiện hình của “<i>Thiên nhiên và con người, cảnh đẹp và niềm lo, nghệ sĩ và chiến sĩ, truyền thống và hiện đại, lãng mạn và hiện thực, bình thường và siêu việt, giản dị và vĩ đại, ... tất cả đều nhịp nhàng trong một sự hài hòa, một thể cân bằng tuyệt đỉnh</i>”, chữ “<i>tuyệt đỉnh</i>” của ông quả là độc đáo, ấn tượng và sắc nét biết bao. Bởi cách luận luận ấy, nhận xét tinh tế này không chỉ bộc lộ tình cảm mà người viết dành cho thi phẩm thơ nước tiếng kim cổ, hơn thế nó còn là cảm nhận say đắm bằng cả trái tim của một con người suốt cuộc đời khám phá, khai mở văn Đề rồi, khép lại trang viết đầy xúc cảm của mình ông đã nhấn mạnh dấu ấn của “<i>phong cách Hồ Chí Minh</i>” tỏ rõ lên từng tiếng thơ bất chất “<i>cuộc kháng chiến còn chồng chất gian nan như năm 1947 mà nhìn ra ngay trong ấy những cái đẹp, cái vui, giữa tiếng bom đạn</i>

chương hay trong văn chương xưa nay => Tác giả đã nhấn mạnh sự nhịp nhàng, hài hòa, một thể cân bằng tuyệt đỉnh trong bài thơ Cảnh khuya của Bác.	<i>mà nghe ra tiếng suối, giữa mông lung lo nghĩ mà thấy sáng ánh trăng, nhìn ra những điểm thức trong cảnh ngủ, thấy mầm mống của cái mới đang sinh thành giữa bao la cái cũ... thì đó thật là một vị thuốc trường sinh của con người cách mạng".</i> Đó chính là cách tác giả nhấn mạnh sự nhịp nhàng, hài hòa, một thể cân bằng tuyệt đỉnh trong bài thơ "Cảnh khuya" của Bác mãi trong tim mỗi người yêu thơ vạn kiếp này. Trước khi tạ thế, Nguyễn du đã từng thỏ thẻ trước câu hỏi về sự đồng cảm, đồng âm, đồng điệu tâm hồn thơ ca mà viết: <i>Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa, Người đời ai khóc Tố Như chăng?</i> Thế nhưng, chẳng cần đến 300 năm chúng ta có những âm vang vọng lại quá khứ, gửi lại nỗi niềm thương mến của Tố Hữu qua bài thơ “Kính gửi cụ Nguyễn Du”. Và hôm nay, trong dòng chảy hướng về những tuyệt tác còn mãi với thời gian, có rất nhiều cảm xúc được viết lên ngân ngan giữ dòng đời với tiếng thơ “Cảnh khuya”, nhưng có lẽ hiểu lòng thi nhân, sống cùng tâm trạng Bác đã viết, độc giả phải dành niềm yêu thương đọng lại trước tấm chân tình mà tác giả Lê Trí Viễn gửi qua những trang văn đậm mà thi cô nơi “VỀ ĐẸP CỦA BÀI THƠ CẢNH KHUYA” mà ta đã vinh dự được đọc hôm nay.



1

Nghệ thuật

Các luận điểm có sự gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp theo hệ thống hợp lí. Lập luận chặt chẽ, sắc bén; thuyết phục, xác thực và được trình bày theo một trình tự hợp lí. Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu,...

Nội dung

Văn bản bàn về cái đẹp, cái hay ẩn sâu bên trong và dụng ý của Bác trong mỗi câu thơ trong bài thơ Cảnh khuya.

2



CHIỀU SÂU CỦA TRUYỆN NGẮN LÃO HẠC

I. TÌM HIỂU CHUNG



Tác giả

- Tên thật: Ngô Văn Giá
- Sinh ngày: 07-05-1959
- Quê: Tân Yên- Bắc Giang
- Là nhà lý luận, phê bình văn học.



Tác phẩm



- Xuất xứ: “ Nhà văn và tác phẩm trong trường phổ thông”, NXB Giáo dục, 1997
- Thể loại: Nghị luận văn học
- PTBD chính: nghị luận

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Đặc điểm thể loại

2

Giới thiệu về Nam Cao và chiều sâu tác phẩm Lão Hạc

3

Ý kiến về tác phẩm Lão Hạc

4

Khái quát lại văn bản

1. Đặc điểm thể loại



Luận Đề

là vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận. (là “chiều sâu” giá trị tiềm ẩn về tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm đã nêu).



Luận Điểm

là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận.



Lí Lẽ

là những lẽ phải được lấy làm căn cứ để giải thích, làm rõ cho luận điểm. Để có sức thuyết phục, lí lẽ cần chặt chẽ, xác đáng.



Bằng Chứng

là những ví dụ cụ thể về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học được đưa ra nhằm chứng minh, củng cố cho lí lẽ. Để có sức thuyết phục, bằng chứng cần phù hợp, tiêu biểu.

2. Giới thiệu về Nam Cao và chiều sâu tác phẩm Lão Hạc

1

Cách đặt vấn đề gây ấn tượng bằng các câu hỏi gợi mở độc đáo, có tính suy ngẫm cao tác động trực tiếp vào nhận thức của mỗi người đọc

2

Nêu những cảm nhận chung nhất về giá trị sâu sắc của tư tưởng và nghệ thuật tiềm ẩn trong tác phẩm. Đây cũng là hai luận điểm chính được triển khai ở bài viết

3

Nêu những cảm nhận chung nhất về giá trị sâu sắc của tư tưởng và nghệ thuật tiềm ẩn trong tác phẩm. Đây cũng là hai luận điểm chính được triển khai ở bài viết

Nhận xét:

→ Cách mở đầu táo bạo, gây ấn tượng mạnh mẽ, khai mở cảm xúc của người đọc, dẫn dắt chúng ta từng bước đến với “Lão Hạc” của Nam Cao qua từng câu chữ đầy ấn tượng, sâu sắc, thấm thía không nguôi.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
	Nước mắt có lẽ chỉ rơi khi trái tim ta thật sự đau đớn, xót xa cho chính mình, thế nhưng đôi khi giọt lệ mặn chát ấy còn rơi khi lòng ta thấm thía trước nỗi bất hạnh đến tận cùng của một số phận qua những tác phẩm văn chương cao cả. Chẳng vậy mà, nỗi đau của

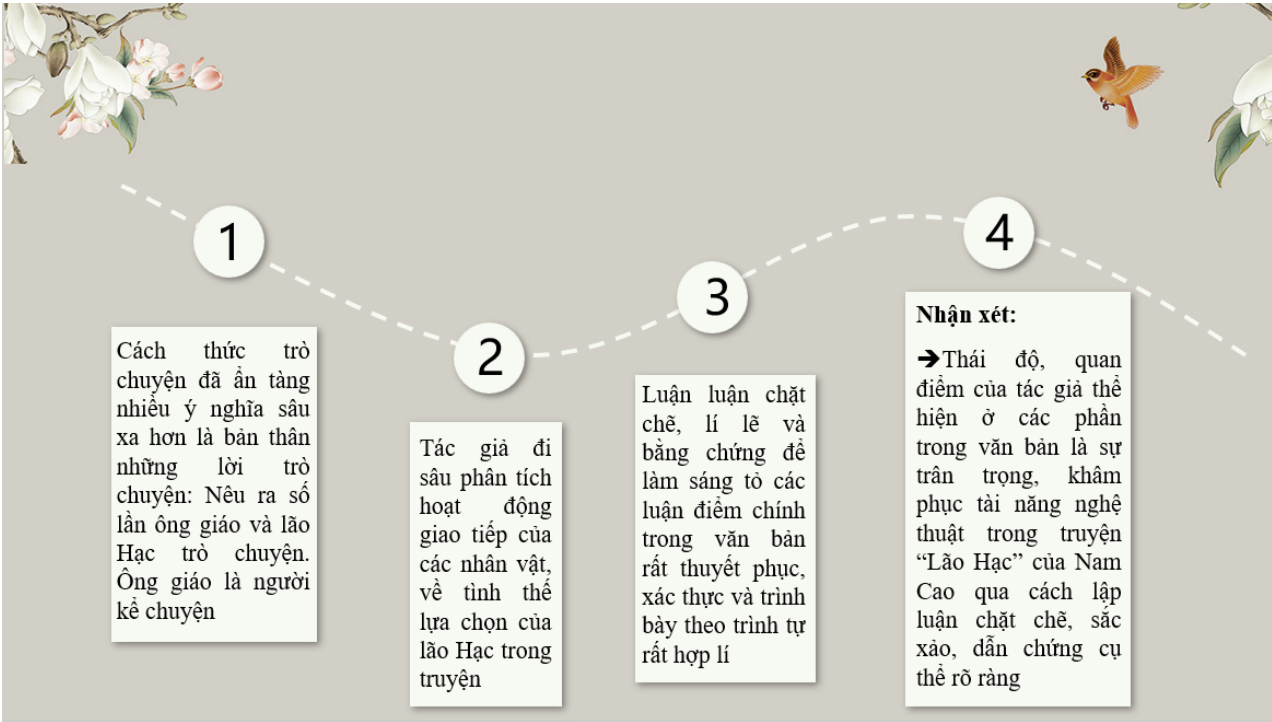
- Luận đề: Giá trị sâu sắc về tư tưởng và nghệ thuật tiềm ẩn trong tác phẩm “Lão Hạc”, bằng một câu hỏi đầy băn khoăn <i>“Cái hay của truyện là ở chỗ nào? Đâu là chỗ mà tài năng nghệ thuật của Nam Cao được thi thố?”</i>. - Luận điểm: + Luận điểm 1: Nhà văn đã đưa hoạt động giao tiếp (câu chuyện giữa ông giáo và lão Hạc qua hai lần gặp gỡ) trở thành đối tượng nhận thức và mô tả trực tiếp tính cách nhân vật. + Luận điểm 2: Thông qua nội dung các cuộc trò chuyện ấy, tác	nhân vật lão Hạc hôm nào trong tác phẩm cùng tên của nhà văn của Nam Cao đã tràn qua cả trang giấy trắng, thấm đẫm vào tâm hồn biết bao người trong đó có nhà phê bình Văn Giá để rồi chấp bút, hòa cùng nhịp điệu với vạn người ông đã cất lòng gửi lại đôi lời tâm sự qua trang viết “CHIỀU SÂU CỦA TRUYỆN “LÃO HẠC” – chiều sâu của cả cõi lòng hướng tới những giá trị bất diệt, đáng nâng niu ở đời. Mặt trời toản rạng khắp muôn nơi nhờ ánh hào quang lấp lánh, rực rỡ chiếu xuống nhân gian, hoa khê phô mình khiến vạn vật đắm say, ngổ ngàng bởi hương thơm ngào ngạt khó trộn lẫn, và phải chăng một tác phẩm văn chương sống mãi cùng dòng chảy thời gian là do nó bất diệt trong trái tim bạn đọc. Nếu đúng như vậy, thì “Lão Hạc” với những khắc khoải về bi kịch của một con người lầy lắt tìm con đường sống, con đường giữ gìn lương phẩm cho chính mình giữa bộn bề lo toan nghiệt ngã quả là một trang văn bất tử đối với mỗi chúng ta hôm nay. Thế nên, cảm nhận được vẻ đẹp long lanh ấy, Văn Giá mở đầu bài phê bình của ông đã khẳng định giá trị sâu sắc về tư tưởng và nghệ thuật tiềm ẩn nơi tác phẩm “<i>Lão Hạc</i>” đặt ra vấn đề thiết yếu quan trọng được Nam Cao gửi gắm bằng một câu hỏi đầy băn khoăn, với “<i>Cái hay của truyện là ở chỗ nào? Đâu là chỗ mà tài năng nghệ thuật của Nam Cao được thi thố?</i>”. Câu hỏi này thoáng khiến người đọc giật mình, suy tư đi tìm chiếc chìa khóa mở cánh cửa bí ẩn trong thế giới đầy tươi đẹp của trang truyện, song không cần tìm kiếm đâu xa ngay sau đó, ông tự đưa ra cho chúng ta câu trả lời bằng lời chia sẻ tâm tư trong cách lập luận chặt chẽ theo lối nêu luận điểm liệt kê. Theo tác giả, bằng cốt truyện đơn giản, xoay quanh hình ảnh người nông dân với những mâu thuẫn giữa cái đói, miếng ăn, sự sống và tình yêu thương con, tình người, lòng tự trọng sâu sắc... tất cả điều ấy hiện lên rõ ràng chỉ qua “<i>ông đã đưa hoạt động giao tiếp (câu chuyện giữa ông giáo và lão Hạc qua hai lần gặp gỡ) trở thành đối tượng nhận thức và mô tả trực tiếp</i>”. Có lẽ, hoạt động giao tiếp thông qua đối thoại giữa hai nhân vật chính của truyện là bàn đạp để mở ra toàn bộ chi tiết, sự kiện, vẻ đẹp và tính cách của nhân vật rõ nét, độc đáo nhất.

giả đã gián tiếp thể hiện một tình thế lựa chọn của lão Hạc (giữa cái sống và cái chết cùng những hệ lụy của chúng).

→ Cách phân tích ngắn gọn, tinh tế, nhà phê bình văn học Văn Giá đã rất khéo léo dẫn dắt chúng ta từng bước đến với “Lão Hạc” của Nam Cao qua từng câu chữ đầy ẩn tượng, sâu sắc, thốn thức không nguôi.

Bên cạnh sự độc đáo về nghệ thuật được tác giả khai mở, nhấn mạnh thì Văn Giá còn khẳng định giá trị nội dung đáng trân trọng được mở ra trong truyện ngắn này ở chỗ mượn cuộc trò chuyện mà “*gián tiếp thể hiện một tình thế lựa chọn của lão Hạc (lựa chọn giữa cái sống và cái chết cùng những hệ lụy của chúng)*”. Cách đặt vấn đề của nhà lí luận này vô cùng ngắn gọn, nhưng rất tường minh, rõ nghĩa tác động trực tiếp vào nhận thức của người đọc qua đó nhà phê bình văn học Văn Giá đã rất khéo léo dẫn dắt chúng ta từng bước đến với “Lão Hạc” của Nam Cao qua từng câu chữ đầy ẩn tượng, sâu sắc, thốn thức không nguôi.

3. Ý kiến về tác phẩm Lão Hạc



KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
*Luận điểm 1:	Trang giấy trắng có thể chứa trăm vạn con chữ nếu được viết lên, tác phẩm văn chương có thể khiến mỗi con người thức tỉnh, trân trọng, nâng niu nếu được chạm đúng sự đồng điệu, đâu đón hay vui cười của mỗi con người. Chẳng thế mà, có những tác phẩm khiến mỗi lần lật mở là mỗi lần ta cùng sống trong tâm tư, tình cảm, tưởng tượng đó như cuộc sống của chính mình mà chẳng thể thoát ra. Do vậy, trước trang

- Cách thức trò chuyện đã ẩn tàng nhiều ý nghĩa sâu xa hơn là bản thân những lời trò chuyện: Nêu ra số lần ông giáo và lão Hạc trò chuyện. Ông giáo là người kể chuyện. - Giấu đến tận cùng số phận nhân vật, thỉnh thoảng hé mở vài cảnh huống gây sự hiểu lầm, rồi cuối cùng giải tỏa sự hiểu lầm ấy là một thành công đặc sắc của nghệ thuật tự sự Nam Cao ở truyện này: Phân	văn của Nam Cao, nhà lí luận Văn Giá đã tự mình bước vào cánh cửa tràn ngập nỗi đau năm nào của nhân vật, của nhà văn để thấu cảm mạnh mẽ, khơi đủ cái đẹp nơi con người đáng được trân quý kia. Đó là cái đẹp bên trong một lão Hạc tưởng gàn dở, tự ôm lấy cái khổ nên cứ “<i>tiếp xúc với ông giáo cả thầy hai lần – lần một đến thăm, trò chuyện, bộc lộ ý định bán chó</i>” rồi đến “<i>lần hai, ngay hôm sau khi bán chó, lão đến để gửi vườn và tiền</i>””. Đâu phải ngẫu nhiên mà con người khốn khổ ấy dần đo mãi, đem truyện “<i>hệ trọng</i>” chỉ bán con chó thôi cũng bàn đi, bàn lại với ông giáo. Ở khía cạnh nào đó, theo cảm nhận của một người đọc thông thường ta chỉ thấy có lẽ lão xót con chó, xót cục vàng của lão, xót vì nó giờ đây như kỉ vật cuối cùng thẳng con trai xa xứ để lại. Nhưng trong quan điểm và lập luận của Văn Giá ông lại cho rằng cuộc nói chuyện ngắn ngủi hai lần kia là tín hiệu nghệ thuật độc đáo, bởi “<i>Cách thức trò chuyện đã ẩn tàng nhiều ý nghĩa sâu xa hơn là bản thân những lời trò chuyện: Nêu ra số lần ông giáo và lão Hạc trò chuyện. Ông giáo là người kể chuyện</i>” từ đó mở ra bước chuyển biến tâm trạng sâu sắc của nhân vật. Cho thấy, cái đẹp thanh cao của một người nông dân nghèo nhưng hết lòng yêu thương động vật, trân quý từng kỉ niệm với đứa con trai khốn khổ, tội nghiệp. Thế nhưng, cái hay của Nam Cao cũng được nhà phê bình này lột tả rất rõ ràng, theo ông mỗi lần trò chuyện là một lần “bí mật” của nhân vật khơi ra một chút ít, như cách người câu thả mồi để nhử con cá to, thì tác giả của “Lão Hạc” cũng tự thả từng mảnh miếng văn chương để cuốn người đọc vào câu truyện vô cùng cuốn hút, nhẹ nhàng. Do đó, Văn Giá cho rằng cách “<i>Giấu đến tận cùng số phận nhân vật, thỉnh thoảng hé mở vài cảnh huống gây sự hiểu lầm, rồi cuối cùng giải tỏa sự hiểu lầm ấy</i>” chính là “<i>một thành công đặc sắc của nghệ thuật tự sự Nam Cao ở truyện này: Phân tích cuộc trò chuyện giữa các nhân vật</i>” tạo nên nét riêng hiếm có của tác phẩm giữ muôn ngàn kiệt tác văn chương bất hủ mà ta có. Để rồi, từ ngòi bút thấm đẫm tình yêu thương, đau đớn trước cuộc đời của mỗi nhân vật nhà văn đến từ mảnh đất Hà Nam ấy đã bộc lộ tấm lòng tha thiết, nhân văn dựa trên

tích cuộc trò chuyện giữa các nhân vật. - Cái nhìn từ tầm lòng tác giả là mạch chủ đạo, chi phối và liên kết các điểm nhìn khác: Phân tích sự thay đổi mạch kể chuyện. ➔ <i>Người viết sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các luận điểm chính trong văn bản rất thuyết phục, xác thực và trình bày theo trình tự rất hợp lí. Lí lẽ và bằng chứng được sử dụng ngay sau luận điểm chính mà nhờ đó vấn đề nghị luận được làm sáng rõ hơn.</i> *Luận điểm 2: - Luận điểm được trình bày trong phần 3 đã đi sâu phân tích hoạt động giao tiếp của các nhân vật, về tình thế lựa chọn của lão Hạc trong truyện (giữa cái sống và cái chết cùng những hệ lụy của chúng).	mạch chủ đạo, chi phối và liên kết các điểm nhìn khác nhau dưới việc xây dựng đối thoại dựa trên nhiều chi tiết, cử chỉ riêng biệt phù hợp mà mỗi nhân vật có được khiến “<i>cách thức trò chuyện ấy</i>” gọi “<i>hiều ý nghĩa sâu xa hơn là bản thân những lời trò chuyện</i>” để cú thể “<i>Chân dung nhân vật như móc vào tâm trí người đọc</i>” lúc nào mà ta cũng không hay. Có thể nói, việc tác giả sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các luận điểm chính trong văn bản rất thuyết phục, xác thực và trình bày theo trình tự rất hợp lí và được sử dụng ngay sau luận điểm chính mà nhờ đó vấn đề nghị luận được làm sáng rõ hơn, thuyết phục sâu sắc hơn với mỗi người đọc chúng ta. Sự liên kết trong một bài văn nghị luận giống như chiếc khăn len được đan bằng tay, không thể chấp vá các mối nối sẽ khiến sản phẩm cuối cùng nham nhở, kém bắt mắt. Bởi vậy, tác giả Văn Giá trong bài phân tích của mình đã thể hiện rõ tích mạch lạc, xuyên suốt bài viết khi đi chứng minh từng luận điểm được đưa ra từ phần mở đầu văn bản. Do đó, sau khi làm sáng tỏ vẻ đẹp bên trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm “Lão Hạc”, tác giả đã dẫn dắt khéo léo khi đi sâu “<i>phân tích hoạt động giao tiếp của các nhân vật, về tình thế lựa chọn của lão Hạc trong truyện (giữa cái sống và cái chết cùng những hệ lụy của chúng)</i>”. Ông cho rằng, cái chết của Lão Hạc không phải ngẫu nhiên mà Nam Cao để nhân vật có kết thúc bi thảm như vậy, mà chắc chắn nó phải mang đầy trăm trở, đau đớn khi hạ bút, suy cho cùng “<i>Sống liệu có giữ được mảnh vườn cho con mà vẫn có cái để cho vào miệng hay không (còn bán mất mảnh vườn sẽ là một trọng tội không thể tha thứ được trong lương tâm của lão đối với người vợ đã khuất và đứa con đang ở xa); hay là chết thì sẽ giữ được mảnh vườn, lương tâm yên ổn, nhưng chết phải chết như thế nào, chuẩn bị cho cái chết ra sao?...</i>”. Để rồi, Nam Cao cho nhân vật “<i>lựa chọn cái chết, đầu tiên lão để cho cậu Vàng chết trước</i>”, mà trước đó “<i>Lão âm thầm, tỉ mỉ chuẩn bị, dọn dẹp cho mình một con đường sạch sẽ, chu tất để bước đến nhà mồ (lão nhờ ông giáo giữ vườn khỏi bị ai tranh chiếm, nhòm ngó; nhờ ông cầm ba mươi đồng để cậu bà con lo ma cho lão)</i>”, cái chết tức tưởi

- <i>Cách lập luận</i>: Phân tích chặt chẽ, ta thấm từng giá trị của mạch truyện, hiểu tận cùng cốt lõi giá trị nhân văn cao quý mà nhà văn Nam Cao xây dựng trong tác phẩm của mình	của lão vì không còn con đường, không còn chốn nương náu nào khác, đúng như tác giả phân tích “<i>Lão đã chọn một cái chết trong còn hơn sống khổ, sống nhục. Lão đã chết một cách cao ngạo và thảm khốc</i>”. Dòng văn “<i>chết một cách cao ngạo và thảm khốc</i>”, quả là ý kiến hay, sắc xảo, nó phô đủ cái tâm của Nam Cao, vẽ đủ vẻ đẹp cốt cách nơi nhân vật, hơn hết nhận xét ấy còn phơi bày rõ nét thảm cảnh xã hội đầy đen tối mà người nông dân như lão Hạc chẳng còn lối thoát nào danh dự hơn để đi. Bởi vậy, đọc từng câu phân tích chặt chẽ, ta thấm từng giá trị của mạch truyện, hiểu tận cùng cốt lõi giá trị nhân văn cao quý mà nhà văn Nam Cao xây dựng trong tác phẩm của mình. Để rồi động lại tâm trí ta vẫn miên man trong dòng chảy, sống cùng nhân vật mà ngộ ra rằng “<i>nếu không phải là để cấy cái sống cho tiền đồ của đứa con chưa báo hiệu điều gì hứa hẹn!</i>” thì con người khốn khổ, gầy gò như hạc kia chẳng “<i>lựa chọn tội cùng đau đớn của thân phận con người</i>” như thế. Đó, chính là ngọn nguồn tươi đẹp, bất tận mà “<i>Ý nghĩa câu chuyện chủ yếu phát sáng từ điểm then chốt này</i>” được Văn Giá khai thác với bao tâm tư, tình cảm chân thành gửi lại cùng người đọc hôm nay.

4. Khái quát lại văn bản



Tác giả khẳng định những giá trị cao đẹp của truyện Nam Cao không phải là loại truyện giản đơn trong cấu tứ, dựng truyện và triển khai mạch truyện.



Cách luận luận ấy, nhận xét tinh tế cảm nhận say đắm bằng cả trái tim của một nhà phê bình văn học có tâm, có tài qua lối diễn đạt độc đáo



Tác giả nhấn mạnh dấu ấn văn phong của Nam Cao đậm chất riêng dung dị, hấp dẫn, mệnh mông buồn bên tài nghệ và tấm lòng cao cả của nhà văn khiến ta trân trọng



Nhận xét:

➔ Trình tự phân tích truyện ngắn Lão Hạc trong văn bản này giống với trình tự phân tích bài thơ Cảnh khuya trong văn bản Vẻ đẹp của bài thơ Cảnh khuya.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Vấn đề nghị luận được khẳng định: Truyện Nam Cao không phải là loại truyện giản đơn trong cấu tứ, dựng truyện và triển khai mạch truyện. - “Truyện <i>Lão Hạc</i> thật tự nhiên, dung dị, hấp dẫn và mênh mông buồn. Tài nghệ và tấm lòng của nhà văn Nam Cao một lần nữa, ở đây, lại được kí thác hết mình.” - Trình tự phân tích truyện ngắn <i>Lão Hạc</i> trong văn bản này giống với trình tự phân tích bài thơ <i>Cảnh khuya</i> trong văn bản <i>Vẻ đẹp của bài thơ Cảnh khuya</i>.	Qua vài nét chữ nhà văn xây lên cả tòa lâu đài về một thời đại đã sống, với một nhân vật người cha đẻ của đứa con tinh thần trong tác phẩm văn chương ấy sẽ bắt từ mãi mãi bên trái tim bạn đọc muôn đời. Nếu đúng như vậy, “<i>Lão Hạc</i>” cùng Nam Cao có lẽ đã đủ gieo tình yêu, niềm thương nhớ vĩnh hằng cho chúng ta hôm nay. Thế nên, mượn dòng chữ để nói tâm tình, mượn yêu thương mà lan tỏa sức sống của kiệt tác ấy, nhà phê bình Văn Giá đã nương theo mạch chảy tâm tình nơi lòng mình khép lại trang văn bằng lời thủ thi “<i>Truyện Nam Cao không phải là loại truyện giản đơn trong cấu tứ, dựng truyện và triển khai mạch truyện</i>”. Mà hơn cả thế, cái ông đem đến chính là muôn vàn vắn điều cuộc sống khiến mỗi chúng ta suy ngẫm, trăn trở, đau đớn cho người, xót xa cho đời dù câu truyện ông kể đã lùi xa vào dĩ vãng đúng như tác giả đã cúi mình, trân kính khẳng định “<i>Truyện Lão Hạc thật tự nhiên, dung dị, hấp dẫn và mênh mông buồn. Tài nghệ và tấm lòng của nhà văn Nam Cao một lần nữa, ở đây, lại được kí thác hết mình</i>”. Từ đó, ta nhận ra rằng trình tự tác giả đi triển khai phân tích truyện ngắn “<i>Lão Hạc</i>” trong văn bản này quả thật rất giống giống với mạch triển khai mà Lê Trí Viễn ở “<i>Vẻ đẹp của bài thơ Cảnh khuya</i>” đã cảm nhận. Có lẽ, đó cũng là mạch ngầm văn chương, định hướng rõ nét cho mỗi chúng ta trong quá trình cảm thụ và khai thác vẻ đẹp của một kiệt tác để tự tin bày tỏ quan điểm trước rung cả mạnh mẽ trước đời, trước thơ, trước nghệ thuật cao quý bên nền sống xanh tươi này. Có thể thấy, văn bản “CHIỀU SÂU CỦA TRUYỆN “LÃO HẠC”” đã đem đến cho chúng ta một cái nhìn sâu sắc hơn, rõ ràng hơn về nét đẹp nội dung và nghệ thuật của tác phẩm “<i>Lão Hạc</i>”. Chắc hẳn với mỗi bạn đọc, văn chương nói chung và truyện ngắn này của nhà văn Nam Cao nói riêng không chỉ mang đến câu truyện về đời sống một thời đã qua mà còn đem lại những giá trị nhân sinh, nhân đạo sâu sắc cho ta một cách rất khác biệt và đầy ấn tượng. Chính nhờ sự khác biệt ấy nên dù chọn một lối đi riêng không hề dễ dàng thì sức sống của tác phẩm hay Nam Cao chắc chắn sẽ

mãi còn vẹn nguyên giá trị trường tồn cùng năm tháng trong dòng văn học dân tộc Việt Nam muôn đời!



1

Nghệ thuật

Các bằng chứng đa dạng, cụ thể, sinh động, phong phú. Hệ thống lí lẽ, ý kiến rất thuyết phục, xác thực và được trình bày theo một trình tự hợp lí.

Nội dung

Tinh thần nhân vật, nhân đạo cao cả của tác phẩm Lão Hạc.

2



LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG

I. TÌM HIỂU CHUNG



Tác giả

- Nguyễn Huy Tưởng sinh ngày 6 tháng 5 năm 1912, mất ngày 25/7/1960.
- Quê ở Dục Tú, Từ Sơn, Bắc Ninh, nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội.
- Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia thành lập Hội văn nghệ Việt Nam và góp phần xây dựng nền văn nghệ kháng chiến ngay từ những ngày đầu. Ông là nhà văn, đồng thời là nhà viết kịch thành công nhất ở những tác phẩm lấy từ đề tài lịch sử.



Tác phẩm



- Văn bản thuộc thể loại truyện lịch sử
- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự
- Xuất xứ: Trích đoạn mằm trong cuốn tiểu thuyết lịch sử “*Lá cờ thêu sáu chữ vàng*”
- Truyện “*Lá cờ thêu sáu chữ vàng*” làm sống dậy hình ảnh Trần Quốc Toản, vị thiếu niên anh hùng thời nhà Trần. Mặc dù còn nhỏ tuổi, nhưng trước cảnh đất nước lâm nguy bởi họa ngoại xâm, Trần Quốc Toản đã tình nguyện tham gia gánh vác việc nước.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Đặc điểm thể loại

2

Quang cảnh, không khí
bến Bình Than

3

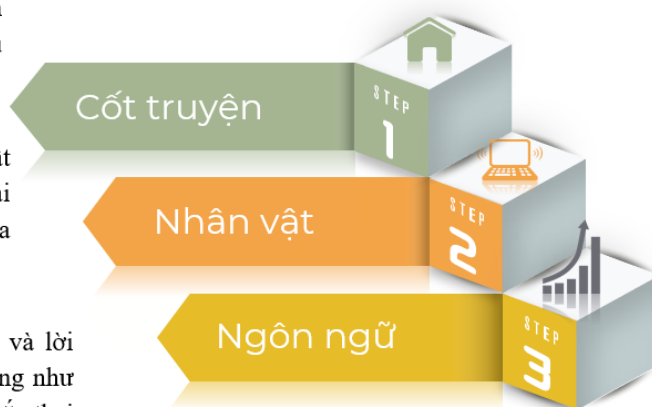
Cuộc yết kiến vua Thiệu Bảo
của Trần Quốc Toản

4

Hành động của Trần Quốc
Toản sau khi được vua ban
cam quý.

1. Đặc điểm thể loại

- 1 Xây dựng trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra; nhà văn hư cấu, theo ý đồ nghệ thuật của mình nhằm thể hiện tình yêu nước và lòng căm thù giặc sâu sắc của TQT
- 2 Trần Quốc Toàn - nhân vật nổi tiếng có thật trong lịch sử của nhà Trần, hiện ra dưới cái nhìn riêng, thể hiện cách lí giải độc đáo của nhà văn về lịch sử.
- 3 Ngôn ngữ của người kể chuyện ngôi thứ ba và lời các nhân vật phù hợp với tính cách, địa vị cũng như tâm trạng trong hoàn cảnh cụ thể, mang đậm sắc thái phong kiến ngày xưa.



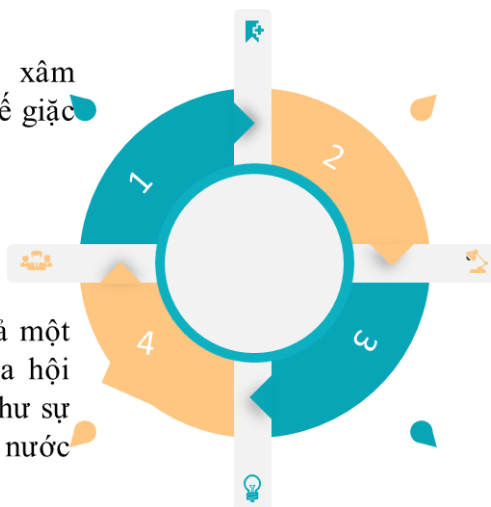
2. Phân tích

a. *Quang cảnh, không khí bến Bình Than*

Quân Nguyên chuẩn bị xâm lược nước ta lần thứ 2. Thế giặc lúc này rất mạnh.

Nhận xét:

Không khí hào hùng của cả một thời đại, sự quan trọng của hội nghị bến Bình Than cũng như sự đẹp đẽ, long lẫy của nhà nước phong kiến bấy giờ.



Vua Trần mở hội nghị Bình Than để tìm kế sách chống quân Nguyên.

Bến Bình Than đông vui, tưng bừng, tráng lệ, nhưng cũng khẩn trương, gấp gáp.

Kiến thức trọng tâm	Bài viết tham khảo
	<i>Ai có thể quên đi quá khứ Quên sao đành lịch sử cha ông Khác nào vứt bỏ tổ tông Làm sao xứng đáng con rồng cháu tiên?</i> Bốn câu thơ như một lời nhắc nhở của lịch sử còn vang vọng tới tận hôm nay cho mỗi chúng ta. Phải chăng lịch sử là thứ đã qua nhưng nếu chẳng có lịch sử thì sao ta nhận những huy hoàng hôm nay? Thế nên, nối tiếp và lưu giữ những trang lịch sử vẻ vang đó Nguyễn Huy Tưởng đã đem đến cho chúng ta dòng hoài niệm thật đẹp về tinh thần chiến đấu oai hùng của quân dân nhà Trần qua hình

- Thời gian: tháng 11/1282 - Hoàn cảnh đất nước: + Quân Nguyên định mượn đường nước ta để đánh Chiêm Thành. + Vua mời các vương hầu tìm kế sách ứng phó. - Quang cảnh: “Hai cây đa cổ thụ che kín cả một khúc sông”, dưới bến, những thuyền lớn của các vương sư về hội sư, đậu dài san sát, sơn đủ các màu. Trên mũi thuyền phát phới những lá cờ của Chiêu Minh Vương, của Chiêu Quốc Vương, của Chiêu Văn Vương, của Hưng Đạo Vương, của Chiêu Thành Vương. => Thấy được tầm quan trọng của hội nghị bến Bình Than, nơi tụ hội của cả triều đình, khẳng định không khí long trọng, trang nghiêm và hết sức căng thẳng trong thời điểm đất nước đối diện với giặc ngoại xâm. - Không khí: Tung bừng, khí thế, tráng lệ “những lá cờ bay múa trên những đoàn thuyền đẹp như gấm hoa”=> Sự rực rỡ, đẹp đẽ, choáng ngợp, sang trọng mà uy nghi của quan lại triều đình khi về đây tham dự hội nghị. ➔ Từ ngữ cô đọng nhưng hình ảnh lịch sử trong giai đoạn phong kiến với những công việc hệ trọng của đất nước hiện lên một cách rõ nét, độc đáo. Không những thế còn đọng lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc, lộng lẫy, hào hùng của lịch sử dân tộc.	tượng nhân vật Trần Quốc Toản trong đoạn trích “Lá cờ thù sau chữ vàng” thuộc tác phẩm cùng tên. Tháng 11/1282 quân Nguyên định mượn đường nước ta để đánh Chiêm Thành, chúng đưa ra rất nhiều yêu sách vô lý, với những hành động những nhiễu dân lành và triều đình Đại Việt khiến ta vô cùng căm phẫn. Trước tình thế đó, vua Trần mời các vương hầu tìm kế sách ứng phó. Để tái hiện lại giây phút lịch sử trọng đại ấy, mở đầu văn bản là quang cảnh vô cùng nhộn nhịp, đông đúc của bến Bình Than, thuyền bè tấp nập, cờ bay phấp phới. Thế nhưng, cái tấp nập, nhộn nhịp ấy tiếc thay không phải niềm vui của tiệc mừng, không phải giây phút hân hoan trong chiến thắng, mà nó gắn liền với giây phút sinh tử của vận mệnh non sông. Với những nét vẽ thật độc đáo khi miêu tả không gian bến Bình Than qua các hình ảnh gần gũi qua câu văn ngắn “hai cây đa cổ thụ che kín cả một khúc sông” đã toát lên không khí cổ kính, yên bình nhưng cũng vô cùng hùng vĩ của nơi đây, để rồi ta như thấy đó cũng chính là vẻ đẹp quen thuộc của quê hương đất Việt thật gần gũi, thân thương. Không dừng lại bằng không gian có phần yên ả ấy, lăng kính của tác giả đã miêu tả chi tiết hơn hình ảnh các đoàn thuyền về tụ hội “<i>dưới bến, những thuyền lớn của các vương sư về hội sư, đậu dài san sát, sơn đủ các màu. Trên mũi thuyền phát phới những lá cờ của Chiêu Minh Vương, của Chiêu Quốc Vương, của Chiêu Văn Vương, của Hưng Đạo Vương, của Chiêu Thành Vương</i>”. Câu văn như dồn dập, gấp gáp hơn, tựa không khí của trận chiến sắp tới vô cùng vội vã, qua đó ta cũng cảm nhận được tầm quan trọng của hội nghị bến Bình Than, nơi tụ hội của cả triều đình, khẳng định sự long trọng, trang nghiêm và hết sức căng thẳng trong thời điểm đất nước đối diện với giặc ngoại xâm. Quang cảnh ấy còn gợi ra không khí tung bừng, khí thế, tráng lệ “<i>những lá cờ bay múa trên những đoàn thuyền đẹp như gấm hoa</i>”. Đó là sự rực rỡ, đẹp đẽ, choáng ngợp, sang trọng mà uy nghi của quan lại triều đình khi về đây tham dự hội nghị, hình ảnh lịch sử trong giai đoạn phong kiến với

	những công việc hệ trọng của đất nước hiện lên một cách rõ nét, độc đáo. Không chỉ thế còn đọng lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc, lộng lẫy, hào hùng của quá khứ của dân tộc.

b. Cuộc yết kiến vua Thiệu Bảo của Trần Quốc Toản



Nhận xét

Vua sáng, tôi hiền, dự báo triều đình ngay ngắn, đồng thuận. Vua tôi trên dưới một lòng đều hướng về khát vọng bảo vệ trọn vẹn bờ cõi của đất nước. Qua đó, khắc họa sâu sắc ý chí và tinh thần của quân dân nhà Trần trên dưới một lòng đánh đuổi giặc ngoại xâm, đồng thời khắc họa được tinh thần yêu nước của dân tộc ta từ ngàn đời

Trần Quốc Toản

Yêu nước, dũng cảm và căm thù giặc sâu sắc, biết đúng sai.

Vua Bảo Thiệu

Anh minh, đức độ, sáng suốt, hợp tình hợp lý, khích lệ được người tài

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
a. Nhân vật Trần Quốc Toản: * Khi đứng trên bến Bình Than: - Hành động: “đứng thần thờ”, “mắt giương to đến rách”, “rong ngựa tìm vua quên ăn uống”, “muốn xô mấy người lính”, “muốn thét to” xô ngã lính để xuống bến. - Suy nghĩ: “sẽ quỳ trước mặt xin quan gia cho đánh”, “chỉ có việc đánh việc gì phải bàn lại”, “đến quan gia còn hỏi kè, sao ta là người gần gũi quan gia chẳng hỏi một lời”=> Không phục, bất lực, sốt ruột, lo lắng, một lòng chỉ mong được đánh giặc, không muốn đầu hàng, chịu nhục trước lũ giặc cướp nước.	Khi cả dân tộc đang chuẩn bị bước vào một trận chiến dữ dội, khi giang sơn có thể phải đổ máu, khi tổ quốc rơi vào cảnh lâm nguy, lúc ấy chắc hẳn là giây phút ta chứng minh rõ ràng nhất tinh thần và ý chí của một anh hùng. Với Trần Quốc Toản cũng vậy, mới chỉ 16 tuổi không được tham gia hội nghị chuẩn bị sinh tử để bảo vệ non sông, người anh hùng ấy khiến chúng ta bù ngùi khi đứng trên bến Bình Than trong hành động “đứng thần thờ” như vô hồn, như không còn tâm trí nào khác ngoài việc phải vào bằng được trong thuyền rồng trên bến kia mà nghe cuộc họp quyết định “đánh” hay “không đánh” của hội nghị hôm ấy. Song có lẽ, ấn tượng nhất phải là hình ảnh “mắt giương to đến rách” chi tiết ấy thật khéo léo và tài tình biết bao? Miêu tả ánh mắt thôi mà như giúp ta thấu được cả nội tâm của con người khi ở đó chất chứa sự thù hận sâu sắc với kẻ thù, bất lực trước hoàn cảnh của bản thân hay phải chăng nó còn là sự quyết tâm đến tận cùng để quyết chiến

<i>*Khi bị quân Thánh Dực ngăn xuống bến:</i> Lời nói mang sự đe dọa, cương quyết “không buông ra, ta chém”. Đó là chí khí của một bậc tướng lĩnh, bản lĩnh con nhà tướng. Hành động: “tuốt gươm”, “trừng mắt”, “mặt đỏ bừng”, “vung gươm múa tít”, “giăng co với đám quân lính”. Hành động dũng cảm, cương quyết, kiên định, một mực muốn yết kiến vua.	với giặc. Thế nên, dù mới ở cái tuổi chưa phải lo việc triều chính, chưa cần gánh vác non sông, người anh hùng trẻ tuổi ấy vẫn “<i>rong ngựa tìm vua quên ăn uống</i>”, “<i>muốn xô mấy người lính</i>”, “<i>muốn thét to</i>” “<i>xô ngã lính để xuống bến</i>” chỉ đề khẳng định lòng quyết tâm sắt đá của mình trước kẻ thù. Bằng ngòi bút tinh tế, qua việc miêu tả nội tâm nhân vật một cách độc đáo tác giả đã giúp mỗi chúng ta cảm nhận được sự phẫn nộ, tủi thân, không phục, uất ức lên đến đỉnh điểm của một người anh hùng trẻ tuổi yêu nước, nhưng cũng thấy được sự nóng nảy của nhân vật phù hợp với độ tuổi. Không chỉ có những hành động quyết liệt, lúc này đây suy nghĩ của một cậu bé 16 tuổi lại vô cùng mạnh mẽ dự tính “<i>sẽ quỳ trước mặt xin quan gia cho đánh</i>”, “chỉ có việc đánh việc gì phải bàn lại” những dòng suy tưởng hiện lên trong đầu có lẽ cũng là trăn trở mà người anh hùng nhỏ tuổi này mang theo mình trong bao ngày tháng qua trên hành trình rong ruổi tìm vua để thể hiện nỗi lòng. Song, có lẽ tuổi nhỏ nóng vội nên Hoài Văn Hầu còn chưa hiểu hết được tính chất quan trọng của hội nghị, sự mạn rợ, độc ác và sức mạnh của giặc Nguyên chỉ nghĩ đến ám ức về bản thân không được trọng dụng “<i>đến quan gia còn hỏi kè, sao ta là người gần gũi quan gia chẳng hỏi một lời</i>”. Tâm trạng ấy thật đáng yêu, đáng tự hào, nhưng cũng rất đáng thương khi Trần Quốc Toàn không giải tỏa được cảm giác bất lực, sốt ruột, lo lắng, một lòng chỉ mong được đánh giặc, không muốn đầu hàng, chịu nhục trước lũ giặc cướp nước. Không phục và bất an đã khiến Trần Quốc Toàn bất chấp quy tắc mà xông vào trong mặc kệ quân lính ngăn cản với sự cương quyết “không buông ra, ta chém” cũng hành động: “tuốt gươm”, “trừng mắt”, “mặt đỏ bừng”, “vung gươm múa tít”, “<i>giăng co với đám quân lính</i>”. Ấy phải chăng là chí khí của một bậc tướng lĩnh, bản lĩnh con nhà tướng, là sự dũng cảm, cương quyết, kiên định, một mực muốn yết kiến vua để bày tỏ lòng mình. Thế nhưng khí thế và cái ngông cuồng trước đó

****Khi nói chuyện với Chiêu Thành Vương:***

Hành động: “cúi đầu thưa”, “đứng phắt dậy”, “mắt long lên”=> Lễ phép, hiểu chuyện và có phần kính nể đối với bậc cha chú đã nuôi dưỡng dạy dỗ mình. Lời nói: gấp gáp, cương quyết, thể hiện rõ lập trường => Khẳng khái, cương trực dám bộc lộ cái tôi cá nhân và quan điểm trước mọi người. Sự tức giận của Hoài Văn trước ý kiến chủ hòa thể hiện lòng cương quyết không chịu cúi đầu trước giặc, không chịu nhục, không cam tâm làm nô lệ, quan trọng hơn hết đó là lòng yêu nước và ý chí bảo vệ chủ quyền của dân tộc.

*** *Khi nói chuyện với vua Thiệu Bảo:***

Hành động quyết liệt “chạy xông xộc”, “quỳ xuống tâu vua, tiếng nói như sét”, “đỡ lấy quả cam, tạ ơn vua”,... cùng lời nói: kiên quyết, dũng cảm “Xin quan gia cho đánh, cho giặc mượn đường là mất nước”. Câu nói đã khẳng định lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc.

b. Nhân vật vua Thiệu Bảo:

Tình huống đặc biệt: đứng giữa tình và lý nhưng nhà vua đã xử trí rất vô cùng hài hòa, sáng suốt. Về lý: Trần Quốc Toản làm trái lệnh vua chắc chắn phải chịu tội. Song về tình: Trần Quốc

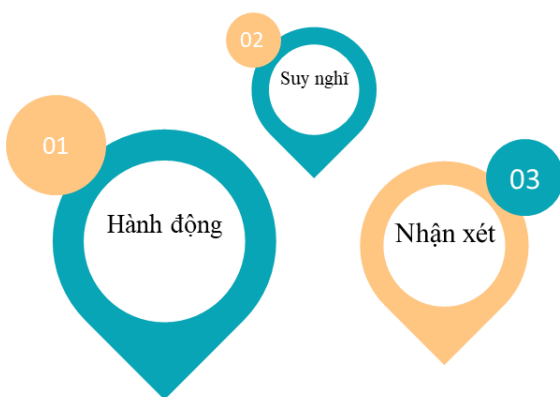
lại hoàn toàn thay đổi khi chàng nói chuyện với Chiêu Thành Vương. Chỉ bằng vài ba câu văn miêu tả hành động của Trần Quốc Toản mà ta như thấy được nhân cách rất mực cao đẹp trong ứng xử của nhân vật này trước bậc cha chú. Mặc dù, trước đó đang mang nỗi tức giận, âm ức nhưng cái “cúi đầu thưa” đã phần nào khắc họa sự lễ phép, hiểu chuyện của con nhà gia giáo trước bậc tiền bối, đặc biệt đó lại là người chú nuôi mình thay cha. Nhưng trước cái tin không như mong đợi khi nghe Chiêu Thành Vương tiết lộ “*Có người chủ hòa...*” lời nói của Trần Quốc Toản ngày lập tức gấp gáp, “*mắt long lên*”, *cương quyết* “*Ai chủ hòa? Ai chủ hòa? Cho nó mượn đường ư?*”. Chỉ với câu nói ấy thôi đã phần nào thể hiện rõ lập trường khẳng khái, cương trực dám bộc lộ cái tôi cá nhân và quan điểm trước mọi người khi không cam tâm làm nô lệ, quan trọng hơn hết đó là lòng yêu nước, ý chí bảo vệ chủ quyền của dân tộc.

Mục đích của Trần Quốc Toản khi đến đây chỉ mong gặp vua nhằm bày tỏ lòng mình, hành động ngông cuồng đối diện với án tử và sự an nguy của người thân cũng chỉ để đánh đổi giây phút vang lên tiếng “đánh” thiêng liêng cao cả. Và mong muốn ấy đã được thực hiện, khoảnh khắc được gần thiên tử không phải là hiếm với một hầu vương, nhưng giờ phút này với Trần Quốc Toản thật quý giá, tâm trạng háo hức và mong đợi ấy đã được Nguyễn Huy Tưởng khắc họa rất độc đáo qua hàng loạt hành động “*chạy xông xộc*”, *quỳ xuống tâu vua*”, “*tiếng nói như sét*”, “*đỡ lấy quả cam*”, “*tạ ơn vua*”... cùng với đó là lời nói kiên quyết, dũng cảm “*Xin quan gia cho đánh, cho giặc mượn đường là mất nước*”. Chỉ bấy nhiêu thôi mà ta như vỡ òa trong cảm xúc được bung tỏa suy tư, trăn trở của nhân vật trong cảm xúc thật đặc biệt của tình yêu nước thiêng liêng, lòng căm thù giặc sâu sắc đáng trân quý.

Trong cuộc gặp gỡ đặc biệt này, ngoài nhân vật chính là Trần Quốc Toản thì vua Thiệu Bảo cũng được nhà văn xây dựng với những nét đẹp nhân cách, trí tuệ vô cùng cao quý. Mặc dù,

Toản lo việc nước việc dân lại là hành động đáng khen ngợi. => Vẫn không cho phép Trần Quốc Toản tham dự hội nghị. Song động viên và an ủi bù lại cho chàng cam quý và khích lệ tinh thần vì nước vì dân. Từ đó, ta thấy được vua Thiệu Bảo là một vị vua anh minh, đức độ, trọng người tài.	đang trần trối gánh trên vai vận mệnh của cả dân tộc nhưng khi biết được hành động tự ý xông vào hội nghị Bình Than của Trần Quốc Toản nhà vua đã phải đối diện với tình huống rất đặc biệt. Rõ ràng xét về lý Trần Quốc Toản làm trái lệnh vua chắc chắn phải chịu tội. Song nói về tình hành động của người anh hùng ấy lại đáng khen khi còn nhỏ tuổi nhưng biết lo việc nước, việc dân. Thế nên, cách vua giải quyết khiến ai cũng khâm phục và nể trọng, không cho phép Trần Quốc Toản tham dự hội nghị trước bá quan văn võ để thị uy. Song động viên và an ủi bù lại cho chàng cam quý và khích lệ tinh thần vì nước vì dân. Từ đó, ta thấy được vua Thiệu Bảo là một vị vua anh minh, đức độ, trọng người tài.

c. Hành động của Trần Quốc Toản sau khi được vua ban cam quý.



- 01 Hành động quyết liệt, mạnh mẽ, là sự căm giận khi chưa đạt được mục đích khi đến bến Bình Than.
- 02 Nung nấu suy nghĩ quyết tâm đánh giặc lập công để báo ơn vua, để chứng tỏ bản lĩnh cá nhân.
- 03 Thể hiện tinh thần yêu nước cháy bỏng, tính cách quyết liệt, mạnh mẽ của TQT. Đồng thời khẳng định khát vọng bảo vệ đất nước của quân và dân ta.

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
- Hành động: “lủi thủi bước lên bờ”, “quắc mắt”, “nắm chặt bàn tay lại”, “tay rung lên vì giận dữ”, “hai hàm răng Hoài Văn nghiến chặt”, “hầm hầm trở ra”. Đó là tâm trạng của người cảm thấy mình thất bại khi chưa đạt được mục đích, tủi thân vì không được trọng dụng. => Nét tâm trạng đan xen, tương đối lập những vô cùng thống nhất, phù hợp trong diễn biến tâm lí của nhân vật.	Kết thúc cuộc hội ngộ với vua Thiệu Bảo ta tưởng rằng có lẽ Trần Quốc Toản đã nguôi ngoai phần nào đó tâm trạng uất ức của kẻ bị đứng bên lề cuộc chiến. Thế nhưng không trước ánh mắt của những kẻ cười chê, của cờ bầy phát phới mà mấy vị tước vương chỉ nhỉnh hơn mình vài tuổi được đem đến bàn việc quân nơi đây lại khiến Hoài Văn hầu càng thêm căm phẫn. Sự căm phẫn ấy bỗng chốc hóa thành hành động “lủi thủi bước lên bờ” một mình với dáng vẻ thật tội nghiệp, ánh mắt “quắc” lên sắc lạnh như không phục.

- Suy nghĩ: “Rồi xem ai giết được giặc, ai báo được ơn vua,...” không cam lòng, vừa hờn vừa tủi, quyết tâm đánh giặc để chứng minh bản thân. - Hành động bóp nát quả cam: + Thể hiện tinh thần yêu nước cháy bỏng của Trần Quốc Toản + Tính cách quyết liệt, kiên định, mạnh mẽ của Trần Quốc Toản. + Khát vọng bảo vệ đất nước của quân và dân ta.	Không chỉ vậy “nắm chặt bàn tay lại”, “tay rung lên vì giận dữ”, “<i>hai hàm răng Hoài Văn nghiến chặt</i>”, “<i>hầm hầm trở ra</i>”. Đó là tâm trạng của người cảm thấy mình thất bại khi chưa đạt được mục đích, tủi thân vì không được trọng dụng, không được cống hiến và tức giận trước sự cười chê của những kẻ có suy nghĩ tầm thường, sợ hãi xin hàng trong hội nghị kia. Nét tâm trạng đan xen, tương đối lập nhưng vô cùng thống nhất, phù hợp trong diễn biến tâm lí của nhân vật được nhà văn xây dựng như phần nào giúp ta hiểu rõ hơn về tâm tư của người anh hùng nhỏ tuổi yêu nước năm nào. Bên cạnh những hành động mạnh mẽ ấy là suy nghĩ có đôi phần hiếu thắng rất trẻ con, rất đáng yêu: “<i>Rồi xem ai giết được giặc, ai báo được ơn vua, ...</i>”. Những suy tư sâu thẳm trong tâm hồn của Trần Quốc Toản đã giúp ta cảm nhận sâu sắc cảm xúc vừa hờn vừa tủi những quyết tâm đánh giặc để chứng minh bản thân. Thế nhưng, có lẽ vẻ đẹp của nhân vật được nhà văn xây dựng giống như một bức tượng đài còn mãi trong lòng mỗi chúng ta lộng lẫy, đáng khâm phục nhất lại là chi tiết kết thúc đoạn trích khi “<i>Trần Quốc Toản xòe bàn tay phải ra. Quả cam đã nát bét, chỉ còn tro bã</i>”. Cái kết ấy vừa bất ngờ, vừa vô cùng ấn tượng đối với mỗi chúng ta. Bởi hình ảnh ấy đã trở thành một bản tình ca bất hủ với bao thế hệ trẻ khi nhắc tới nhân vật Trần Quốc Toản khi nó thể hiện tinh thần yêu nước cháy bỏng, cùng tính cách quyết liệt, kiên định, mạnh mẽ của người anh hùng này. Đồng thời qua đó, tác giả cũng đã làm nổi khát vọng bảo vệ đất nước của quân và dân ta không chỉ trong quá khứ mà còn mãi mãi tới mai sau. Nếu ai đó hỏi tôi, lịch sử của đất nước tôi là gì? Tôi sẽ tự hào trả lời lịch sử của đất nước tôi đó là đã nuôi nấng lên những con người bình thường nhưng có ý chí phi thường. Dòng lịch sử ấy được nối dài không chỉ bởi nhiều nhân vật vĩ đại, mà đơn giản từ những cậu bé lên ba như Thánh Gióng, như Trần Quốc Toản, như Lượm, như Kim Đồng... với tình yêu nước không bao

giờ ngùi. Và chúng tôi với sứ mệnh của thế hệ trẻ sẽ còn viết tiếp những dòng lịch sử vinh quang tươi đẹp ấy bằng tình yêu, khát vọng và niềm tin cho dân tộc với tất cả trái tim, nhiệt huyết cháy bỏng nhất cho hôm nay, mai sau...



1

Nghệ thuật

- Đan xen ý nghĩ của nhân vật với lời kể, khắc họa rõ nét tính cách nhân vật
- Ngôn ngữ mang màu sắc lịch sử

Nội dung

- Ca ngợi tấm lòng yêu nước của người thiếu niên trẻ tuổi Trần Quốc Tuấn
- Ca ngợi khí thế hào hùng của nhà Trần và cha ông ta thời kháng chiến chống quân Nguyên - Mông

2



BỘ PHIM “NGƯỜI CHA VÀ CON GÁI”

I. TÌM HIỂU CHUNG



Tác giả



Tác phẩm



- Xuất xứ: Theo vtc.vn, 30/09/2017
- Thể loại: Văn bản thông tin.
- Kiểu văn bản: Văn bản thông tin giới thiệu một bộ phim
- Phương thức biểu đạt: Thuyết minh.
- Mục đích: Cung cấp thông tin về bộ phim Người cha và con gái

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM

1

Đặc điểm thể loại

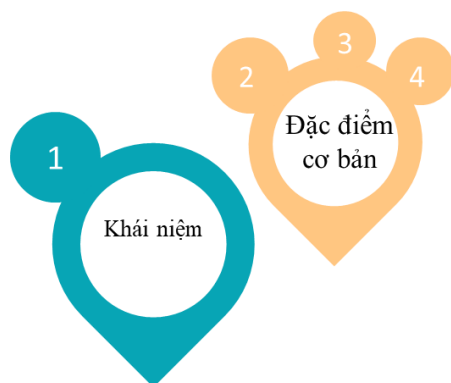
2

Giới thiệu về bộ phim
Người cha và con gái

3

Đặc sắc của bộ phim Người
cha và con gái, giá trị của bộ
phim

1. Đặc điểm thể loại



1

Văn bản thông tin là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về các hiện tượng tự nhiên, thuật lại các sự kiện, giới thiệu các danh lam thắng cảnh, hướng dẫn các quy trình thực hiện một công việc nào đó, ...

2

Không giống như tiểu thuyết và các hình thức phi hư cấu khác, văn bản thông tin không sử dụng các ký tự. Nó có các tính năng ngôn ngữ chuyên ngành, chẳng hạn như việc sử dụng các danh từ chung

3

Văn bản thông tin thường được trình bày bằng chữ viết kết hợp với các phương thức khác như hình ảnh, âm thanh.

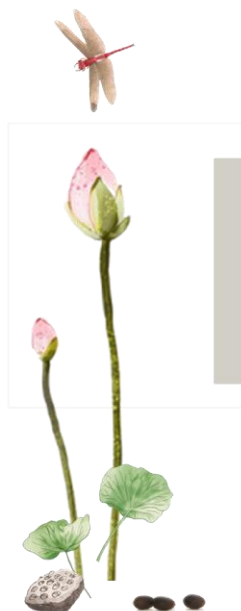
4

Văn bản thông tin có sử dụng bảng mục lục, một chỉ mục, văn bản in đậm hoặc in nghiêng, bảng chú giải cho từ vựng cụ thể, phụ lục của định nghĩa, minh họa, truyền thuyết, biểu đồ và bảng.

2. Giới thiệu về bộ phim Người cha và con gái (tóm tắt nội dung phim)

Phân SaPo, nhan đề tác giả đã đưa ra lời dẫn dắt vô cùng ấn tượng thu hút người đọc tiếp cận bộ phim bằng hình thức ngôn từ ngắn, đơn giản

Giới thiệu nội dung bộ phim đơn giản, nhưng thể hiện tình cảm phụ tử sâu sắc mang đến cho độc giả nhiều suy nghĩ thấm thía về tình cảm gia đình, khơi gợi nhiều cảm xúc



Khái quát cảm nhận của người viết về bộ phim Người cha và con gái, định hướng tâm lý người đọc về sức hấp dẫn của bộ phim. Từ đó, dẫn dắt người đọc đến với nội dung chính của bài viết

Nhận xét:

→ Bộ phim là một cách nói ẩn dụ về nỗi nhớ thương, sự chờ đợi có thể sẽ không bao giờ tan biến mất trong cuộc đời của một con người, bất kể thời gian trôi qua đã bao lâu, vượt trên mọi lý lẽ, tư duy logic.

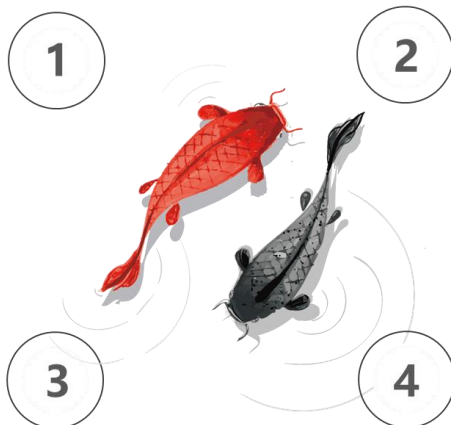
Kiến thức trọng tâm	Bài viết tham khảo
	Đắm mình trong miền kí ức đẹp đẽ, ngọt ngào nơi có người cha thân thương luôn mỉm cười, chào đón con trên những đoạn đường phía trước, có nhà thơ đã viết:

- Nhan đề: Cung cấp tên Bộ phim. - Hình thức: đoạn văn gồm 1 câu, được in đậm, đặt ngay sau phần nhan đề. --> Thu hút sự chú ý của người đọc. *Giới thiệu khái quát về bộ phim - Tên bộ phim: Người cha và con gái (Father and Daughter) - Loại hình: Phim hoạt hình ngắn không lời	<i>Manh áo ấm nhường con sợ lạnh Nhìn con vui cha hạnh phúc rồi... Nay ngồi nhớ quá cha tôi Muốn về và nói... cha người con yêu.</i> Chắc hẳn, bốn câu thơ là tâm tư, tình cảm, là khúc tình ca thốn thức nhất mà mỗi người con luôn mong ngóng, hướng tới dành tặng cho bờ vai vững chắc nhất trong cuộc đời mình mang tên: Cha. Thế nên, biết bao lời ca say sưa, bao vần thơ tha thiết, bao câu truyện giàu giá trị nhân văn cũng chẳng thể nói hết tình cảm cao quý ấy. Bởi vậy, để góp thêm cho nhân gian những giá trị cao cả cần nâng niu ở đời, văn bản thuyết minh “BỘ PHIM NGƯỜI CHA VÀ CON GÁI” ra đời nối tiếp dòng chảy thời gian cùng thông điệp hãy biết trân trọng những người đang bên ta, cạnh ta hôm nay một vô cùng độc đáo, ấn tượng. Rừng sâu thăm thẳm, những bóng cây cổ thụ sừng sững vươn cao che chở cho mầm non trước bão táp mưa sa của cuộc đời, biển cả mênh mông, ngày đêm vỗ sóng ôm ấp, vỗ về bảo vệ vạn vật dưới đại dương xanh thẳm. Thiên nhiên, vô tri, vô giác đã vậy, con người cũng thế, bên cạnh cuộc đời mỗi chúng ta luôn có mẹ âm thầm yêu thương, lo lắng, dịu dàng chăm lo, nhưng đằng sau hình bóng ấy còn có người cha trầm lặng, chẳng nói mà vững chãi làm chỗ dựa cho ta bên nê sống. Chẳng vậy mà, văn bản “BỘ PHIM NGƯỜI CHA VÀ CON GÁI” ngay từ những dòng đầu tiên đã đem đến cho ta những trong veo, ngọt ngào, khe khẽ bởi cách đặt vấn đề qua phần Sapo cùng nhan đề vô cùng ấn tượng. Không phải bởi hình ảnh màu mè, câu từ trau chuốt, gọt rũa, mà đơn giản ở đó người viết đem đến cho ta những rung động từ sự giản dị qua đoạn văn chỉ gồm một câu in đậm ở phần sapo, đặt ngay nhan đề “<i>Bạn sẽ không thể tìm được nước mắt sau khi xem lại những hình ảnh đen trắng và nhạc nền buồn đầy ám ảnh của bộ phim xúc động về tình phụ tử này</i>”. Để rồi, từng dòng chữ ấy chạy thẳng vào tim ta, tác động mạnh mẽ, thu hút sự chú ý của mỗi người đọc để tự mình mở ra cánh cửa tràn đầy “<i>ám ảnh</i>” và “<i>xúc động</i>” mà văn bản hướng tới. Từ đó, theo

- Đạo diễn: Mai - con Đu - đốc đơ Guýt (Michiel Dudok de Wit) người Hà Lan - Thời lượng: 8 phút 30 giây - Giải thưởng: Ô - xca (Oscar) Cho phim hoạt hình ngắn xuất sắc nhất năm 2001. . - Nội dung: Khái quát cảm nhận của người viết về bộ phim Người cha và con gái, định hướng tâm lí người đọc về sức hấp dẫn của bộ phim. => Dẫn dắt người đọc đến với nội dung chính của bài viết * Giới thiệu nội dung chính của bộ phim - Nội dung đơn giản, nhưng thể hiện tình cảm phụ tử sâu sắc mang đến cho độc giả nhiều suy nghĩ thấm thía về tình cảm gia đình, khơi gợi nhiều cảm xúc. ➔ <i>Bộ phim là một cách nói ẩn dụ về nỗi nhớ thương, sự chờ đợi có thể sẽ không bao giờ tan biến mất trong cuộc đời của một con người, bất kể thời gian trôi qua đã bao lâu, vượt trên mọi lý lẽ, tư duy logic.</i>	mạch chảy của cảm xúc về tình phụ tử thiêng liêng, cao cả, bài viết đưa ta đến với phim độc đáo này, qua cách khơi gợi, giới thiệu những thông tin khái quát nhất từ tác giả <i>“Father and Daughter (Cha và con gái) là một bộ phim hoạt hình ngắn của đạo diễn người Hà lan Michael Dudok De Wit thực hiện năm 2000”</i> chỉ diễn ra trong <i>“8 phút 30 giây”</i> ngắn ngủi nhưng <i>“đủ lay động trái tim triệu người”</i>. Hay rất nhiều thành tựu mà tác phẩm điện ảnh này đạt được như <i>“giải Oscar cho phim hoạt hình ngắn năm 2001”</i> cùng lời khen tặng với <i>“nhiều giải thưởng khác vì có sức lay động hàng triệu con tim trên toàn thế giới”</i>. Có thể nói, bằng việc cung cấp ngắn gọn, cụ thể, xác thực, tiêu biểu những nét chính của tác phẩm điện ảnh được nói đến, người viết đã giúp bạn đọc có được nhận thức cơ bản về bộ phim này. Mặt khác chính tình cảm yêu mến và thấu cảm sâu sắc với những gam màu cuộc sống từ tình phụ tử thiêng liêng, tác giả của văn bản với cả tâm hồn mình khái quát lại nét vẽ nhẹ nhàng, tinh khôi đầu tiên về bộ phim, rồi mượn đó định hướng tâm lí người đọc về sức hấp dẫn của nó. Cách dẫn dắt đặc biệt kia quả thật rất ấn tượng, thông minh và đánh thức biết bao tâm tư, tình cảm vốn vẫn ngủ sâu nơi trái tim con người về hình bóng người cha yêu dấu, nay bỗng trỗi dậy mạnh mẽ. Để rồi, bộ phim như là một cách nói ẩn dụ về nỗi nhớ thương, sự chờ đợi có thể sẽ không bao giờ tan biến mất trong cuộc đời của một con người, bất kể thời gian trôi qua đã bao lâu, vượt trên mọi lý lẽ, tư duy logic, giúp ta thấm thía về tình cảm gia đình, khơi gợi nhiều cảm xúc thiêng liêng, cao quý nơi cuộc sống vốn bộn bề này.

3. Đặc sắc của bộ phim Người cha và con gái, giá trị của bộ phim.

Dự báo về mực nước biển trên toàn cầu vẫn tiếp tục tăng lên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu do biến đổi khí hậu của trái đất ngày nay



Chủ yếu sử dụng mảng màu trắng đen, ít nhân vật, không có lời thoại, thể hiện qua động tác, cử chỉ. Tập trung thể hiện tình cảm qua ngôn ngữ hình thể

Giới thiệu, đưa dẫn chứng xác thực, phân tích dễ hiểu, cụ thể, làm rõ tính đặc sắc của bộ phim với các chi tiết được chọn lọc kĩ lưỡng, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả.

Nhận xét:

➔ Bộ phim giúp người xem sống lại kỉ niệm thời thơ ấu bên người cha, khẳng định vai trò của cha trong cuộc đời mỗi người

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM	BÀI VIẾT THAM KHẢO
* Những điểm đặc sắc ở bộ phim - Màu sắc: Trắng đen --> đơn giản, biểu thị ý nghĩa về thời gian và quên lãng =>Mảng màu ấy ẩn ý cuộc đời mỗi chúng như một bức tranh mà cuộc sống lại luôn trong vòng tuần hoàn khép kín của sáng và tối, kỉ niệm vẫn sống “trắng” tinh khôi, rõ nét trong tim ta, nhưng vẫn tồn tại bao đau đớn, buồn bã “đen” kịt tựa câu chuyện mà người con gái vẫn luôn	Kỉ niệm vốn tựa như viên ngọc đẹp đẽ, dù nhiều vết xước của nỗi đau, của hối hận, của vụng dại nhưng ta vẫn luôn sẵn sàng đánh đổi tất cả để một lần quay lại sửa mọi lỗi lầm, nâng niu quá khứ, ôm ấp ngọt ngào năm xưa. Có lẽ, với nhân vật người con gái trong bộ phim “<i>Cha và con gái cũng vậy</i>”, cô nhận ra rằng thứ cao đẹp nhất trong cuộc đời này không phải những dãy núi, ánh mặt trời mà là cha những vũng như núi, tỏa ánh sáng như mặt trời trong suốt ngày tháng tuổi thơ xanh tươi của mình. Chính vì vậy, mở đầu bài viết tác giả không vội vàng đưa người đọc vào vòng quay kì diệu của thước phim ngắn, mà ở đó ta bắt gặp những lời thủ thỉ nhận xét chậm rãi, lướt qua tựa đường lăn của bánh xe từ mảng màu gợi đầy thương nhớ trong “<i>Tông đen trắng</i>” đơn giản, biểu thị ý nghĩa về thời gian và quên lãng. Phải chăng, mảng màu ấy ẩn ý cuộc đời mỗi chúng như một bức tranh mà cuộc sống lại luôn trong vòng tuần hoàn khép kín của sáng và tối, kỉ niệm vẫn sống “trắng” tinh khôi, rõ nét trong tim ta, nhưng vẫn tồn tại bao đau đớn, buồn bã “đen” kịt tựa câu chuyện mà người con gái vẫn luôn gánh cả cuộc đời tìm kiếm lại người cha của chính mình. Để rồi, bất chấp với dòng chảy của kỉ niệm ấy hiện lên trước mắt người xem là các “<i>hình họa đơn giản, nhạc nền không lời nhẹ nhàng, êm ái</i>” của sông Đa-nuýp, chỉ vậy thôi không cố gắng sử dụng các kĩ

gánh cả cuộc đời tìm kiếm lại người cha của chính mình - Hình ảnh về khung cảnh vùng quê Hà Lan bình dị, rộng lớn, mênh mông nhưng không thể nhấn chìm nổi hành ảnh của “<i>cô bé vẫn kiên trì đạp xe đến bờ sông mỗi mòn chờ tin cha</i>” từng ngày, từng ngày “<i>Bất chấp thời gian và thời tiết</i>” vẫn “<i>đến bên dòng sông với mong ước được gặp lại cha một lần</i>”, cho đến khi tóc đã phai màu tành “<i>bà lão</i>” đã “<i>không đủ sức đạp xe nữa mà dắt xe</i>”. - Nhân vật: ít nhân vật, không có lời thoại, thể hiện qua động tác, cử chỉ --> Tập trung thể hiện tình cảm qua ngôn ngữ hình thể. => Lúc du dương, lúc tươi vui, trầm bổng góp phần thể hiện thành công nhiều cung bậc cảm xúc của diễn viên trong bộ phim, phù hợp thể hiện trọn vẹn chủ đề của tác phẩm điện ảnh này. NT: Giới thiệu, đưa dẫn chứng xác thực, phân tích => Bộ phim đặc sắc, các chi tiết được chọn lọc kĩ lưỡng, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả. * Giá trị nội dung và tư tưởng của bộ phim - Ý nghĩa: Bộ phim giúp người xem sống lại kỉ niệm thời thơ ấu bên người cha, khẳng định vai trò của cha trong cuộc đời mỗi người.	xảo điện ảnh hiện đại, vậy mà sự nó đủ “<i>khiến không ít người nhớ về tuổi thơ, về những bộ phim hoạt hình giản dị mà sâu sắc đã cùng chúng ta lớn lên</i>”. Có lẽ, hơn cả một tác phẩm điện ảnh giải trí, cái mà bộ phim đem đến cho ta ngay từ giây phút ban đầu lại đọng về nơi cảm xúc bình yên, an nhiên khó có thể kiếm tìm trong cuộc sống bộn bề, bị lấp đầy bởi biết bao lo toan này. Chẳng vậy mà, trước thước phim nhẹ nhàng trôi hình ảnh về khung cảnh vùng quê Hà Lan bình dị, rộng lớn, mênh mông nhưng không thể nhấn chìm nổi hành ảnh của “<i>cô bé vẫn kiên trì đạp xe đến bờ sông mỗi mòn chờ tin cha</i>” từng ngày, từng ngày “<i>Bất chấp thời gian và thời tiết</i>” vẫn “<i>đến bên dòng sông với mong ước được gặp lại cha một lần</i>”, cho đến khi tóc đã phai màu tành “<i>bà lão</i>” đã “<i>không đủ sức đạp xe nữa mà dắt xe</i>”. Câu truyện ngắn gọn, lời thuyết minh súc tích, chủ yếu xoay quanh nhân vật cô con gái trên hành trình tìm kiếm bóng dáng người cha bởi cuộc chia tay khi còn thơ bé đầy lưu luyến “<i>day dứt khi người cha chèo thuyền qua sông để lại</i>” mình vào thời điểm còn rất nhỏ, bởi với người con gái ấy “<i>Dù cuộc sống có ban tặng cho cô nhiều điều tốt đẹp gì, thì cha vẫn là một phần cô khao khát</i>”. Thế nên, mặc dù số lượng nhân vật ít, không tập trung vào các lời thoại, chủ yếu khai thác thể hiện qua động tác, cử chỉ nhưng bộ phim vẫn được người viết đánh giá cao về cảm xúc và thông điệp sâu sắc về dòng chảy cuộc sống, về những “<i>năm tháng nào có chờ ai</i>”, về hạnh phúc mong manh cần trân trọng khi ta còn có người thân yên bên cạnh đời mình. Để rồi, cùng nền nhạc lúc du dương, lúc tươi vui, trầm bổng, với cách giới thiệu, đưa dẫn chứng xác thực, phân tích cụ thể, văn bản đã góp phần thể hiện thành công nhiều cung bậc cảm xúc của diễn viên trong bộ phim, phù hợp thể hiện trọn vẹn chủ đề của tác phẩm điện ảnh này. Giúp người đọc hiểu được sự tỉ mỉ, cẩn thận trong từng góc cạnh của một bộ phim đặc sắc, các chi tiết được chọn lọc kĩ lưỡng, để lại ấn tượng sâu nặng trong lòng độc giả. Qua đó, văn bản “<i>Bộ phim người cha và con gái</i>” còn đem lại cho mỗi bạn đọc những rung cảm mạnh mẽ về ý nghĩa gửi gắm nơi tác phẩm điện ảnh này với hoài niệm tươi đẹp thời thơ ấu bên

	người cha “vẫn luôn là tượng đài vĩnh cửu, là bến bờ yêu thương của mọi đứa con” trong cuộc đời này. Và sự bất tử của tình phụ tử sẽ mãi tồn tại bất chấp thời gian, bão tố, thử thách cũng không thể nào phá hủy, làm tàn lụi được bóng dáng ấy bên tái tim mỗi con người như thông điệp còn đọng lại cùng ta “<i>Hãy trân trọng người cha vẫn đang bên bạn, vì có ông ở bên là một hạnh phúc</i>”... Ai đó đã từng nói: “Viết hay là không nói hết”, phải chăng thông điệp ấy đang giúp ta nhận ra rằng nhà văn phải là người trao cho độc giả chiếc chìa khóa vàng để mở cánh cửa đi vào tác phẩm. Tiếp nhận, cảm thụ văn học chính là sống hết mình với nó, rung động tận độ với bản tình ca bằng ngôn từ cao quý, vừa đắm mình trong thế giới nghệ thuật của nhà văn vừa tỉnh táo lí trí lắng nghe tiếng nói của tác giả, xem xét tác phẩm nhiều phương diện như đang cầm trên tay một khối vuông ru bích mà xoay nó theo nhiều chiều, để mỗi góc độ ta lại khám phá ra những nội dung mới lạ. Nếu đúng như vậy, thì khúc nhạc đẹp đẽ ngân dài từ quá khứ cho tới hiện tại mà tác giả bài viết “<i>Bộ phim người cha và con gái</i>” đã đem đến cho ta sẽ mãi là sự rung cảm và đồng điệu của mỗi người về tình mẫu tử tha thiết, trầm lắng và thôi thúc sự tò mò để đến với bộ phim đầy ấn cho độc giả hôm nay.



1

Nghệ thuật

Bố cục: rõ ràng, rành mạch, khoa học. Từ ngữ, lời văn: trong sáng, dễ hiểu, xen bình luận nói lên ý kiến, quan điểm, đánh giá của tác giả, cách đưa thông tin đa dạng, sử dụng sa pô

Nội dung

Cung cấp thông tin chính xác về bộ phim “Người cha và con gái”, thể hiện sự ngợi ca, trân trọng của người viết về bộ phim và tình phụ tử và tình cảm gia đình

2



CHUYÊN ĐỀ 3: TIẾNG VIỆT

Khoa học – dễ hiểu – sâu sắc



Chủ đề 3: TIẾNG VIỆT

Bài 1: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI



Biệt ngữ xã hội là một bộ phận từ ngữ có đặc điểm riêng, căn cứ về đối tượng sử dụng phân theo tầng lớp, địa vị xã hội.



Từ ngữ địa phương là những từ ngữ chỉ được dùng trong phạm vi một hoặc một số địa phương nhất định, căn cứ theo vị trí vùng miền.



⇒ Tạo nét riêng độc đáo, làm đa dạng ngôn ngữ trong giao tiếp và trong văn chương

I. Kiến thức trọng tâm

Tiêu chí	Biệt ngữ xã hội	Từ ngữ địa phương
Khái niệm	- Biệt ngữ xã hội là một bộ phận từ ngữ có đặc điểm riêng. *Ví dụ: Nó “trẻ trâu” lắm có biết gì đâu. → “Trẻ trâu” là cách nói của giới trẻ thường dùng chỉ những người có tính cách và hành xử như những đứa trẻ ngoan cố, thiếu suy nghĩ ...	- Từ ngữ địa phương là những từ ngữ chỉ được dùng trong phạm vi một hoặc một số địa phương nhất định. *Ví dụ: Bầm ơi! Có rét không bầm? Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn. → “Bầm” là từ chỉ “mẹ” hay sử dụng ở miền Trung nước ta.
	<i>*Để phân biệt được từ đó là từ ngữ địa phương hay biệt ngữ xã hội ta cần dựa vào phạm vi mà từ sử dụng, nếu sử dụng trong một nhóm đối tượng nhất định (không phân biệt vùng miền) đó là biệt ngữ xã hội. Nếu dùng trong một hoặc một số địa phương nhất định (không phân biệt độ tuổi, giai cấp, địa vị) nó là từ ngữ địa phương.</i>	
Phạm vi	- Sử dụng trong một bộ phận (giới trẻ, gia cấp phong kiến, công an, bộ đội...) nào đó, giống như kí hiệu riêng *Ví dụ: Hai anh em tôi đi “phượt” ba hôm nữa mới về. → “Phượt” là từ thường được sử dụng ở giới trẻ, là một hình thức du lịch bạn tự chọn phương tiện cho mình, có thể là xe máy hoặc có thể xe đạp, thậm chí còn có những tay phượt	- Sử dụng trong một địa phương nhất định. *Ví dụ: + Từ địa phương Bắc Bộ: U (mẹ), giò (trời)... + Từ địa phương Trung Bộ: mô (nào, chỗ nào), tê (kia), răng (thế nào, sao), rứa (thế) , .. → Các từ: U, giò, tê, mô, răng chỉ xuất hiện ở các địa phương nhất định, không phổ biến trong toàn dân, nên có thể nếu

	chuyên nghiệp bằng chính đôi chân của mình. =>Nếu sử dụng từ này cho những người lớn tuổi như ông bà già, hoặc trẻ con còn quá nhỏ có thể học sẽ không hiểu nghĩa.	ở vùng miền khác khi nghe sẽ không hiểu được nghĩa.
Phân loại	- Có khi đặc điểm riêng của biệt ngữ thể hiện ở ngữ âm. *Ví dụ: Anh đây công từ không “vòm” Ngày mai “kén rệp” biết “mòm” vào đầu. =>Từ “vòm” là nhà, “kén rệp” là hết gạo, “mòm” là ăn. ➔“Kén rệp” và “mòm” có hình thức ngữ âm hoàn toàn mới lạ, chưa gặp trong vốn từ chung của tiếng Việt. - Có khi đặc điểm riêng của biệt ngữ thể hiện ở ngữ nghĩa. *Ví dụ: Tớ chỉ nhường tháng này thôi, tháng sau thì tớ cho cậu “ngửi khói” ➔Từ ngửi khói trong câu trên thường dùng trong giới trẻ, không có nghĩa là dùng mũi để nhận biết mùi khói, mà là tụt lại phía sau (Chính là dùng từ chuyển nghĩa để nói ẩn ý)	-Từ ngữ địa phương tương ứng nghĩa với từ ngữ toàn dân (Từ địa phương có từ toàn dân tương ứng) *Ví dụ: + Nam Bộ: tô- bát, ghe - thuyền, cây viết - cây bút, ... + Nghệ Tĩnh: bọ - cha, mô - đầu, tê - kìa, trốc - đầu, khâu - gầu, tru – trâu ➔Từ ngữ địa phương có từ toàn dân tương ứng để gọi tên, thay thế khi dùng. - Từ địa phương chỉ những sự vật, hiện tượng chỉ có ở một hoặc một số địa phương (khi được sử dụng phổ biến sẽ gia nhập vốn từ toàn dân). *Ví dụ: + Nam Bộ: sầu riêng, măng vịt, mù u + Trung Bộ: nhút, chao... ➔Từ ngữ địa phương không có từ toàn dân tương ứng để gọi tên, thay thế khi dùng, vì giống như các đặc sản vùng miền mà vùng khác không có được nên không có từ tương đương nghĩa.
Dấu hiệu	- Do những đặc điểm khác biệt như vậy, trong văn bản, biệt ngữ thường được in nghiêng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép và được chú thích về nghĩa. *Ví dụ: Em cứ “tủ” như vậy, không trúng đề thì nguy đấy ➔ “Tủ” là từ thường được dùng ở đại bộ phận học sinh, sinh viên để chỉ việc học chỉ tập trung vào một mnagr kiến thức nào đó, mang tính ăn may khi thi cử. Khi trích hoặc ghi các từ này sẽ để trong ngoặc kép hoặc in nghiêng để người đọc chú ý	- In bình thường như các chữ viết khác *Ví dụ: Vườn râm dầy tiếng ve ngân Bấp rây vàng hạt đầy sân nắng đào. ➔ “Bấp” là từ địa phương thường ở miền Trung nước ta để chỉ hạt “ngô”, khi sử dụng trong văn bản sẽ in thường như các từ khác.

Cách sử dụng	-Biệt ngữ xã hội chỉ nên sử dụng hạn chế, phù hợp với đối tượng và mục đích giao tiếp. Cần tránh dùng biệt ngữ trong những hoàn cảnh giao tiếp bình thường. *Ví dụ: Khi nói chuyện với người lớn nếu ta nói: Ông bà lại chém gió với cháu rồi! => Từ “chém gió” là từ của giới trẻ nhằm chỉ những người nói quá sự thật lên nhưng để cho vui, ai cũng thích thú. ➔ Nhưng nếu trong trường này khi sử dụng người lớn có thể không hiểu nghĩa, thậm chí coi đó là câu nói mất lịch sự. -Đối với nhà văn, việc sử dụng biệt ngữ để miêu tả cuộc sống, sinh hoạt của một nhóm người đặc biệt nào đó đôi khi trở nên cần thiết. Nhờ dùng biệt ngữ, bức tranh cuộc sống của một đối tượng cụ thể trở nên sinh động, chân thực. *Ví dụ: Câu văn “ Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về”. (Nguyễn Hồng, “<i>Những ngày thơ ấu</i>”) ➔ Trong câu văn trên “mợ” có nghĩa là mẹ thường dùng cho tầng lớp trung lưu trước Cách mạng tháng Tám 1945, ở nước ta. Việc dùng biệt ngữ xã hội như vậy nhằm tô đậm màu sắc về giai cấp, lối sống của nhân vật.	-Trong thơ văn, có thể dùng từ ngữ địa phương để tô đậm thêm màu sắc địa phương trong ngôn ngữ và tính cách nhân vật. *Ví dụ: Con ra tiền tuyến xa xôi Yêu bầm yêu nước, cả đôi mẹ hiền. ➔ Trong hai câu thơ trên của Tố Hữu có từ “bầm” để chỉ mẹ. “Bầm” ở đây là từ ngữ địa phương Trung bộ thể hiện được tình yêu với mẹ. Không chỉ vậy còn tăng tính nghệ thuật trong thơ. Tránh lặp từ trong cùng một câu gây nhàm chán. - Trong khẩu ngữ, chỉ nên dùng từ ngữ địa phương ngay tại địa phương đó hoặc giao tiếp với người cùng địa phương, để tạo sự thân mật, tự nhiên. *Ví dụ: Nguyễn Quang Sáng có viết: “Con kêu rồi mà người ta không nghe”. ➔ “Kêu” là từ ngữ địa phương có nghĩa là “gọi”, qua đó khắc họa được lối sống sinh hoạt của người dân Nam Bộ. Thể hiện được sự thân thương và gần gũi trong cuộc sống thường ngày. - Muốn tránh lạm dụng từ địa phương cần phải tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết. *Ví dụ: Lấy giúp tao cái đọi ➔ “Đọi” là từ địa phương ở miền Trung (Nghệ An, Hà Tĩnh) ý chỉ cái bát, nhưng nếu khi giao tiếp với người ở địa phương khác ta cần dùng từ thay thế tương đương phù hợp tránh gây khó hiểu.

***Lưu ý:** Muốn hiểu được nghĩa của từ ngữ địa phương hay biệt ngữ xã hội ta cần:

+Cần mở rộng vốn từ để hiểu được ý nghĩa của cách từ địa phương hay biệt ngữ xã hội được nhắc đến.

+ Cần xác định các từ ngữ địa phương hoặc biệt ngữ xã hội (từ lạ, mang nghĩa chuyên không được hiểu theo nghĩa gốc)

***Ví dụ: Anh chém gió từ nay đến giờ chưa xong à?**

=>Từ “**Chém gió**” Vốn miêu tả hành động vung bàn tay về một phía (thường là vung lên vung xuống) mỗi khi muốn nhấn mạnh, bày tỏ cảm xúc, thể hiện quyết tâm hay phản bác một điều gì đó, trông như dùng tay chém vào gió nên gọi là chém gió.

→ Khi sử dụng trong trường hợp trên đã bị thay đổi về nghĩa sử dụng, trở thành từ lạ của giới trẻ để chỉ những người nói quá sự thật lên nhưng để cho vui, ai cũng thích thú.

+ Tra cước chú (Nếu từ đó in trong sách, thông thường có chú cước)

+ Dựa vào các từ còn lại trong câu để có thể suy luận ra nghĩa.

***Ví dụ:** Chuối đầu vườn đã trở

Cam đầu ngõ đã vàng

Em nhớ ruộng nhớ vườn

Không nhớ anh rằng được!

(Thăm lúa – Trần Hữu Thung)

→ Trong khổ thơ có 2 từ “Trở” và “rằng” dựa vào các từ còn lại ta có thể suy luận nghĩa là: “trở” (Mọc, nở hoa..), “Rằng” (Sao)...

II. Bài tập bổ trợ

Câu 1: Tìm từ ngữ địa phương trong các câu sau:

a. Nguyễn Quang Sáng có viết: “Con kêu rồi mà người ta không nghe”.

b. “Sáng ra bờ suối, tối vào hang

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng”

c. Núi cao chi lắm núi ơi!

Núi che mặt trời không thấy người thương.

d. Đời mô cơ cực như ri

Đồng Khánh ở giữa, Hàm nghi hai đầu.

Câu 2: Tìm biệt ngữ xã hội trong các câu sau:

a. Chán quá, hôm nay mình phải nhận con **ngỗng** cho bài tập làm văn.

b. **Trúng tử**, hẳn nghiêm nhiên đạt điểm cao nhất lớp.

c. Hôm nay kiểm tra đừng có mang **phao** vào không cô lập biên bản đấy.

d. Một nhóm giang hồ đang làm điều mờ ám, một người hô lên: “Có **cóm**, chạy thôi!”

Câu 3: Viết đoạn văn từ 5-7 câu chủ đề tự chọn có sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội? (Chú thích rõ từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội trong đoạn văn vừa viết)

*Gợi ý:

Câu 1:

a. “Kêu” là từ ngữ địa phương có nghĩa là “gọi”. Qua đó khắc họa được lối sống sinh hoạt của người dân Nam Bộ. Thể hiện được sự thân thương và gần gũi trong cuộc sống thường ngày.

b. “Bẹ” chỉ “ngô”, từ bẹ thường dùng ở miền núi phía Bắc nước ta.

c. “Chi” chỉ “làm gì” dùng ở miền Trung

d. “mô” nghĩa là làm “đâu”, “cực” nghĩa là “khổ”, “ri” nghĩa là “đấy” dùng ở miền Trung.

Câu 2:

- a. Từ “ngỗng” có nghĩa là điểm hai, việc gọi như vậy xuất phát từ hình dạng con ngỗng giống với điểm 2, từ ngữ học sinh hay sử dụng.
- b. Từ “trúng tủ” có nghĩa là ôn trúng những gì mình đã đoán được, làm trúng bài khi thi cử, kiểm tra, từ ngữ học sinh hay sử dụng.
- c. Từ “phao” chỉ tài liệu để học sinh gian lận khi thi cử.
- d. Từ “Cớm” ý chỉ “Công an”. Cách nói của những kẻ vi phạm pháp luật

Câu 3:

- Đảm bảo hình thức một đoạn văn.
- Đảm bảo nội dung

Mỗi một học sinh chắc chắn chúng ta sẽ phải trải qua rất nhiều kì thi cam go (1). Để đạt được điểm cao thì mỗi học sinh sẽ cần phải rèn luyện, học tập mỗi ngày mới có được những thành quả tốt (2). Nhưng không ít những bạn được những điểm “ngỗng” những điểm xấu vì lười học, chểnh mảng trong việc học, khiến cho ba má phải buồn lòng(3). Quá trình và thành quả của mỗi người một phần dựa vào sự chăm chỉ và nỗ lực từng ngày của chúng ta(4). Vì vậy hãy là con ngoan trò giỏi để không phụ lòng thầy cô và ba má (5).

- Từ ngữ địa phương được sử dụng trong đoạn văn: Ba má
- Biệt ngữ xã hội được sử dụng trong đoạn văn: Điểm ngỗng.

BÀI 2: TỪ TƯỢNG THANH, TỪ TƯỢNG HÌNH

Làm tăng tính biểu cảm, hình ảnh sinh động hơn, diễn tả cảnh vật, con người, thiên nhiên chi tiết, thực tế và đa dạng.

Từ tượng thanh là những từ ngữ giúp diễn tả âm thanh do con người tạo ra hoặc các âm thanh có trong tự nhiên, trong môi trường xung quanh.

Từ tượng hình Là những từ ngữ dùng để mô tả, khắc họa, đặc điểm, trạng thái, hình dạng bên ngoài của sự vật, sự việc, hiện tượng nào đó.

I. Trọng tâm kiến thức

Tiêu chí	Từ tượng thanh	Từ tượng hình
Khái niệm	- Từ tượng thanh là những từ ngữ giúp diễn tả âm thanh do con người tạo ra hoặc các âm thanh có trong tự nhiên, trong môi trường xung quanh. *Ví dụ: lú lo, râm ran, ầm ầm, ùng ùng, ríu rít... *Chú ý: “Mèo kêu” không phải từ tượng thanh, nó chỉ là hành động, nhưng âm thanh của tiếng mèo kêu “meo meo” thì “meo meo” đã mô phỏng lại âm thanh của tiếng mèo kêu trong cuộc sống bằng từ ngữ, “meo meo” là từ tượng thanh.	- Từ tượng hình Là những từ ngữ dùng để mô tả, khắc họa, đặc điểm, trạng thái, hình dạng bên ngoài của sự vật, sự việc, hiện tượng nào đó. *Ví dụ: lật đật, lom khom, mong manh, mảnh mai, sặc sỡ... *Chú ý: “Người đi” chỉ là hình ảnh, hoạt động của sự vật không phải từ tượng hình nhưng “người đi thoang thả”, hoặc “người đi vội vã” thì “thoang thả”, “vội vã” là từ chỉ trạng thái, đặc điểm của sự vật, nó là tượng hình.
	<i>*Để phân biệt được từ tượng thanh, từ tượng hình ta cần chú ý xem nghĩa của từ gợi ra đặc điểm, tính chất ... của hình ảnh hay mô phỏng lại âm thanh tác động trực tiếp và thính giác hay thị giác. Tác động vào thính giác là từ tượng thanh, tác động vào thị giác là từ tượng hình.</i>	
Tác dụng	- Làm tăng tính biểu cảm, biểu đạt của ngôn ngữ và làm miêu tả trở nên cụ thể và sinh động hơn. Vì đa số từ tượng thanh, tượng hình đều là <u>từ láy</u> - Giúp khả năng miêu tả, diễn tả cảnh vật, con người, thiên nhiên chi tiết, thực tế và đa dạng. *Ví dụ: “Lao xao chợ cá làng ngư phủ	

	Dắt dỏi cầm ve lầu tịch dương” ➔ Những từ láy “lao xao”, “dắt dỏi” dùng để miêu tả âm thanh đặc trưng của mùa hè, giúp câu thơ giàu nhạc điệu hơn.

***Lưu ý:** Cách xác định từ tượng thanh, tượng hình là:

- Đa số từ tượng thanh, tượng hình là từ láy, nhưng tất cả từ láy đều không phải là tượng thanh hoặc tượng hình..

*** Ví dụ: Chị Dậu rón rén bưng một cái bát lớn đến chỗ chồng nằm.**

⇒ Từ láy “soàn soạt”, “rón rén” (Soàn soạt: từ tượng thanh, rón rén: Từ tượng hình)

- Từ tượng thanh không phải là những động từ, tượng hình không phải danh từ mà 2 loại từ này thường đi trước hoặc sau động từ hoặc danh từ. Có một số trường hợp trong thơ văn do sử dụng đảo ngữ vị trí của từ tượng thanh tượng hình bị đảo lên đầu ta cần chú ý để xác định.

*** Ví dụ: Nước chảy âm âm như thác đổ**

⇒ “âm âm” đứng sau từ “chảy” mô phỏng âm thanh tiếng nước chảy => Từ tượng thanh.

*** Ví dụ: Anh ấy đi lững thững trở về nhà.**

⇒ “Lững thững” đứng sau từ “đi” mô tả trạng thái của hoạt động => Từ tượng hình

+ Dáng người chị ấy mảnh mai.

⇒ “mảnh mai” đứng sau danh từ “chị ấy” mô tả đặc điểm tính chất của dáng người => Từ tượng hình

*** Ví dụ: Lom khom dưới núi tiều vài chú**

Lác đác bên sông rợ mấy nhà

⇒ “Lom khom”, “lác đác” là tính từ, được đảo lên đầu, nhằm mô tả đặc điểm về hình dáng => Từ tượng hình

- Từ tượng thanh và từ tượng đôi khi có thể không là từ láy.

*** Ví dụ: Nó đánh đến bốp 1 cái.**

⇒ Từ “Bốp” mô phỏng lại âm thanh của tiếng đánh => “Bốp” là từ tượng thanh.

*** Các bước tham khảo xác định từ tượng hình tượng thanh (Dựa vào lưu ý ở trên)**

Bước 1: Khoang vào các từ láy

Bước 2: Xác định từ loại (đa số từ tượng thanh, tượng hình thuộc tính từ).

Bước 3: Xác định vị trí (Từ tượng thanh, tượng hình thường đứng trước hoặc sau động từ hoặc danh từ)

Bước 4: Xác định ý nghĩa sử dụng của từ để xem đó là từ tượng thanh hay tượng hình.

*** Ví dụ: “Lao xao chợ cá làng ngư phủ**

Dắt dỏi cầm ve lầu tịch dương”

Bước 1: Khoang vào các từ láy: Lao xao, dắt dỏi

Bước 2: Xác định từ loại: Lao xao, dắt dỏi => Tính từ

Bước 3: Xác định vị trí: Đứng trước danh từ (hiện tượng đảo ngữ)

Bước 4: Xác định ý nghĩa sử dụng: Những từ láy “lao xao”, “dắt dỏi” dùng để miêu tả âm thanh đặc trưng của mùa hè => Từ tượng thanh

II. Bài tập bổ trợ

Câu 1. Trong các từ sau, từ nào là từ tượng hình, từ nào là từ tượng thanh?

Réo rất, dềnh dàng, diu dặt, thập thò, mấp mô, sầm sập, gập ghềnh, đồ ắt, ú ớ, rộn ràng, thườn thợt, rùng rình, lụ khụ.

Câu 2. Tìm các từ tượng hình trong đoạn thơ sau đây và cho biết giá trị gợi cảm của mỗi từ.

*Bác Hồ đỏ, ung dung chầm lữa hút
Trán mênh mông, thanh thản một vùng trời
Không gì vui bằng mắt Bác Hồ cười
Quên tuổi giờ, tươi mãi tuổi đôi mươi!
Người rục rờ một mặt trời cách mạng
Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng
Đêm tàn bay chập choạng dưới chân Người*

(Tố Hữu)

Câu 3. Trong đoạn văn sau đây, những từ nào là từ tượng hình? Sử dụng các từ tượng hình trong đoạn văn Nam Cao muốn gợi tả đặc điểm nào của nhân vật?

Anh Hoàng đi ra. Anh vẫn bước khệnh khạng, thông thả bởi vì người khí to béo quá, vừa bước vừa boi cánh tay kệnh kệnh ra hai bên, những khối bít ở bên dưới nách kệnh ra và trông tũn ngũn như ngẩn quá. Cái dáng điệu nặng nề ấy, hồi còn ở Hà Nội anh mặc quần áo tây cả bộ, trông chỉ thấy là chững chạc và hơi bệ vệ.

Câu 4. Viết đoạn văn tả thiên nhiên. Trong đoạn văn có sử dụng từ tượng hình, tượng thanh (chú thích các từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn vừa viết).

*Gợi ý:

Câu 1.

- Từ tượng hình: *dềnh dàng, diu dặt, thập thò, mấp mô, gập ghềnh, đồ ắt, rộn ràng, thườn thợt, rùng rình, lụ khụ.*
- Từ tượng thanh: *réo rất, sầm sập, ú ớ.*

Câu 2.

- Từ tượng hình: *Ung dung, mênh mông, thanh thản, rục rờ.*
- Các từ tượng hình trên được đặt trong ngữ cảnh gắn liền với sự vật, hành động làm cho sự vật hành động trở nên cụ thể hơn, tác động vào nhận thức của con người mạnh mẽ hơn.

Câu 3.

- Từ tượng hình: *Khệnh khạng, thông thả, khệnh khệnh, tũn ngũn, nặng nề, chững chạc, bệ vệ.*
- Sử dụng từ tượng hình trong đoạn văn trên tác giả muốn lột tả cái béo trong dáng điệu của nhân vật Hoàng.

Câu 4.

- Đảm bảo hình thức một đoạn văn.
- Đảm bảo nội dung tả thiên nhiên, trong đoạn văn có sử dụng từ tượng hình, tượng thanh để miêu tả thiên nhiên.

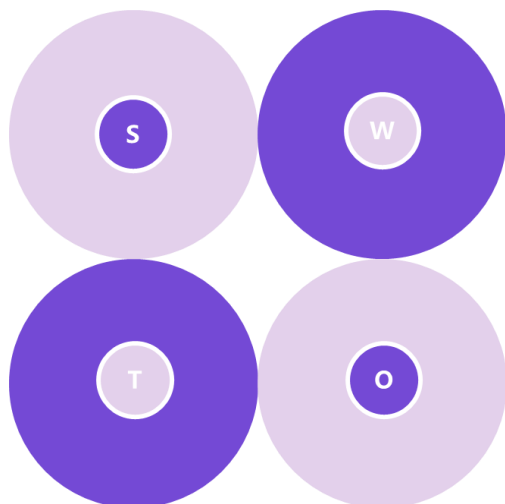
*Mẫu:

Ông mặt trời tỏa nắng chói chang, làm không khí thật oi ả bỗng nhiên mây đen kéo đến, trời nổi giông làm cho lá rụng lá tả, bụi bay mù mịt. Những đám mây lớn, nặng bao phủ cả bầu trời. Con gió lạnh lạnh thổi qua mang theo vài hạt mưa. Mưa mau dần, lẹt đẹt, xiên xẹo theo gió, hạt mưa rào rào bắn xuống lòng đường trắng xóa. Nước chảy lênh láng, chỉ ít phút đường bây giờ đã toàn là nước. Cành cây nghiêng ngả theo gió, cành to thì sà vào dây điện. Mọi người kéo nhau dạt vào hai bên đường người thì trú lại, người thì mặc áo mưa đi tiếp. Trên vỉa hè mỗi lúc một đông. Mọi người xúm xít vào với nhau để cho người khác trú.

=> Từ tượng hình: *chói chang, lá tả, mù mịt, xiên xẹo, xúm xít, lênh láng*

=> Từ tượng thanh: *lẹt đẹt, rào rào,...*

Bài 3: BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT ĐẢO NGỮ



Đảo ngữ là biện pháp tu từ được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhưng không làm mất đi quan hệ cú pháp vốn có của các thành phần câu.

Thông thường đảo ngữ thường đảo thành phần Vị ngữ của câu lên trên, đẩy thành phần chủ ngữ về phía sau

⇒ Nhấn mạnh đặc điểm hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, bộc lộ cảm xúc của người viết, người nói.

I. Trọng tâm kiến thức

1. Khái niệm : Đảo ngữ là biện pháp tu từ được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhưng không làm mất đi quan hệ cú pháp vốn có của các thành phần câu.

*** Ví dụ: “Xanh om cỏ thụ tròn xoe tán**

Trắng xoá tràng giang phẳng lặng tờ

→ Đáng lẽ trật tự thông thường phải là: Cỏ thụ / tròn xoe tán xanh om

CN VN

Tràng giang/ phẳng lặng tờ trắng xóa

CN VN

⇒ Tác giả đã đảo thành phần CN về sau, VN đưa lên trước ⇒ Biện pháp đảo ngữ

2. Tác dụng: Nhấn mạnh đặc điểm (màu sắc, đường nét,...), hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết, người nói. Sắc thái tu từ được thể hiện ở thành phần đảo.

*** Ví dụ: Lom khom dưới núi, tiều vài chú**

Lác đác bên sông, rợ mấy nhà

(Qua đèo Ngang - Bà Huyện Thanh Quan)

→ Nếu theo đúng cấu trúc ngữ pháp thông thường sẽ là "Vài chú tiều lom khom dưới núi" và "Bên sông lác đác rợ mấy nhà". Tuy nhiên ở đây thi nhân đã đảo thành phần vị ngữ "lom khom" và "lác đác" ở vị trí vị ngữ lên đầu câu để nhấn mạnh cho đánh vẻ nhỏ bé, cảnh vật hiu quạnh giữa không gian núi rừng rộng lớn, bao la nơi đèo ngang. Từ đó mà làm bật ra tâm trạng cô đơn, cô quạnh được giấu kín trong tâm hồn tác giả.

*Lưu ý: Muốn tìm vị ngữ cần xác định cấu trúc ngữ pháp của câu, nếu thành phần Vị Ngữ (hoặc các tính từ, động từ) đảo lên trước danh từ → Đảo ngữ

*** Ví dụ: Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều**

Bóng dài trên đỉnh dốc cheo neo.

→ "Rất đẹp" đóng vai trò là vị ngữ trong câu (thuộc tính từ) đảo lên trước Chủ ngữ "hình anh" (danh từ) ⇒ Đảo ngữ

II. Bài tập bổ trợ

Câu 1: Tìm phép đảo ngữ trong những câu thơ sau:

a) *Chị thân nhiên mỗi tình đầu*

Thân nhiên em nhận bã trầu về tằm.

b) *Từ những năm đau thương chiến đấu.*

Đã ngời lên nét mặt quê hương.

Từ gốc lúa bờ tre hiền hậu

Đã bật lên những tiếng căm hờn.

Câu 2: Cho bài thơ sau:

QUA ĐÈO NGANG

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa

Lom khom dưới núi, tiều vài chú

Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

Dừng chân đứng lại trời non nước

Một mảnh tình riêng ta với ta.

a) Bài thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì nổi bật? Nêu những câu thơ thể hiện biện pháp nghệ thuật đó.

b) Em cảm nhận được những gì về cảnh Đèo Ngang và tâm trạng của tác giả qua những câu thơ có sử dụng biện pháp nghệ thuật nói trên?

Câu 3: Những câu nào trong đoạn thơ, đoạn văn dưới đây có chủ định diễn đạt ngược với trật tự bình thường của các bộ phận trong câu (đảo ngữ – ví dụ: bộ phận vị ngữ đặt trước bộ phận chủ ngữ)? Tác giả diễn đạt như vậy nhằm nhấn mạnh ý gì?

a. *Đã tan tác những bóng thù hắc ám*

Đã sáng lại trời thu tháng Tám

Trên đường ta về lại Thủ đô

Cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ!

(Tố Hữu)

b. Đã qua rồi cái thời túp lều nửa sàn nửa đất, xiêu vẹo dựa vào lưng núi. Ngày nay, bốn mươi ngôi nhà, cột gỗ kê đá tảng, nằm giữa các vườn hoa quả.

*Gợi ý:

Câu 1:

a. phần đảo ngữ trong đoạn thơ trên là “thân nhiên em” nếu đúng cú pháp thì từ em phải đứng đầu câu “em thân nhiên” nói lên sự đắng cay trong tình yêu.

b. phép đảo ngữ được sử dụng là câu cuối “Đã bật lên những tiếng căm hờn” đã đảo vị ngữ lên trước, mà cụ thể là **động từ “đã bật lên”** để nhấn mạnh sự căm thù quân giặc của tác giả.

Câu 2:

a) Biện pháp nghệ thuật nổi bật là đảo ngữ. Các câu thơ sử dụng đảo ngữ là 3, 4, 5, 6.

b) Cảm nhận về cảnh Đèo Ngang và tâm trạng của tác giả (qua những câu thơ có dùng biện pháp đảo ngữ). Đó là cảnh thưa thớt vắng vẻ, gợi nỗi buồn man mác. Đồng thời thể hiện tâm trạng băng khuâng, đượm buồn của tác giả.

Câu 3:

a. Đã tan tác những bóng thù hắc ám

Đã sáng lại trời thu tháng Tám.

b. Đã qua rồi cái thời túp lều nửa sàn nửa đất, xiêu vẹo dựa vào lưng núi.

→ Tác dụng của biện pháp đảo ngữ: nhằm nhấn mạnh các ý nêu trong bộ phận vị ngữ “Đã tan tác”, “Đã sáng lại”, “Đã qua rồi”

Bài 4: TỪ HÁN VIỆT VÀ SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ



Từ Hán Việt là từ trong tiếng Việt được cấu thành từ các yếu tố Hán Việt. Mỗi tiếng của từ thuộc nhóm này có tên gọi tương ứng là yếu tố Hán Việt.



Sắc thái nghĩa của từ ngữ thường dựa vào mục đích của người nói, người viết khi tham gia giao tiếp để sử dụng



⇒ Cần sử dụng từ Hán Việt và sắc thái của từ một cách phù hợp để đạt hiệu quả giao tiếp cao khi nói, viết

A. Trọng tâm kiến thức

I. Từ Hán Việt

Tiêu chí	Từ Hán Việt	Ví dụ
Khái niệm	- Âm đọc Hán Việt là cách đọc có hệ thống của người Việt đối với toàn bộ kho tàng văn tự Hán, được hình thành trên cơ sở cách đọc chữ Hán được dạy trong các trường học ở Giao Châu khoảng thời Đường - Tống, có sự biến đổi ngữ âm theo thói quen phát âm của người Việt. - Từ Hán Việt là từ trong tiếng Việt được cấu thành từ các yếu tố Hán Việt. Mỗi tiếng của từ thuộc nhóm này có tên gọi tương ứng là yếu tố Hán Việt.	*Ví dụ: kí tự 大 khi người Việt nhìn sẽ đọc ra thành âm “Đại”: có nghĩa là To, lớn *Ví dụ: từ “<i>giang sơn</i>” (<i>sông núi</i>) được kết hợp từ hai yếu tố Hán Việt là “<i>giang</i>” (<i>sông</i>) và “<i>sơn</i>” (<i>núi</i>)
Phân loại	- Yếu tố Hán Việt là yếu tố gốc Hán được đọc bằng âm đọc Hán Việt và sử dụng trong tiếng Việt. Một số yếu tố Hán Việt có thể dùng độc lập như đơn vị từ trong tiếng Việt (từ đơn) - Một số yếu tố Hán Việt không thể dùng độc lập như đơn vị từ trong tiếng Việt, mà chỉ có thể kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ	*Ví dụ: <i>Thủ (đầu), Bạch (trắng), nhân (người), bại (thua)</i> *Ví dụ: “<i>Phụ</i>” đi một mình sẽ không rõ nghĩa phải kèm thêm từ thành: <i>Phụ thân (cha), phụ huynh (Cha anh), phụ bạc (đối xử không ra gì)</i>

	(từ phức).	

***Chú ý:** Còn có các từ gốc Hán được tiếp nhận bằng con đường khẩu ngữ với phát âm bằng một phương ngữ nào đó của tiếng Hán hiện đại nên không được xem là từ Hán Việt

***Ví dụ:** tào phớ, lục tào xá, chí mà phù, mì chính, quẩy, hủ tiếu,...

→ Những từ này không sử dụng âm đọc Hán Việt nên không được xem là từ Hán Việt.

- Cách xác định chính xác và hiểu được nghĩa của từ Hán Việt:

Bước 1: Khi gặp từ nào đó ta thường cảm thấy nghĩa của nó mơ hồ, khó giải thích hết nghĩa của nó thường phải tìm yếu tố tương đương trong từ thuần Việt rồi mới suy ra được ý nghĩa => Từ Hán Việt

***Ví dụ:** “Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỗi miệng cái gia gia”

Gặp từ ta thường cảm thấy nghĩa của nó mơ hồ: Quốc, gia

Bước 2: Hiểu được cơ bản được các từ đơn trong tiếng Hán để dịch nghĩa

***Ví dụ :Hiểu được cơ bản được các từ đơn: Quốc: nước, Gia :nhà**

Bước 3: Dựa vào ngữ cảnh

Ví dụ: Các thi nhân xưa đã gửi gắm tới chúng ta rất nhiều tác phẩm thơ ca độc đáo

→ Dựa vào câu nói ta có thể xác định “Thi nhân” là người sáng tác thơ. Vậy “thi nhân” là nhà thơ

Bước 4: Sử dụng từ điển: Đối với những từ ta không thể hiểu được nghĩa thì cần tra từ điển.

II. Sắc thái nghĩa của từ ngữ

1. Khái niệm:

- Sắc thái nghĩa của từ ngữ là phần nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của người dùng đối với đối tượng được nói đến.

***Ví dụ: Có lúc vĩnh râu vai phụ lão.**

Cũng khi lên mặt đáng văn thân.

→ Trong 2 câu thơ tác giả sử dụng từ “vĩnh râu” thể hiện *thái độ lên mặt, coi thường mọi thứ*, “*lên mặt*” *thái độ coi mình hơn người, tự tin quá mức của nhân vật.*

- Sắc thái nghĩa của từ ngữ được xác định rõ hơn khi đối chiếu các từ ngữ đồng nghĩa với nhau.

***Ví dụ: ăn - xơi, trắng tinh - trắng hếu, người lính - tên lính...**

=> Giữa các từ ngữ trong mỗi cặp đều là những từ đồng nghĩa có sự khác biệt về sắc thái nghĩa, chẳng hạn, *ăn* có tính chất trung tính nhưng “*xơi*” có sắc thái trang trọng, “*trắng tinh*” có sắc thái nghĩa tích cực nhưng “*trắng hếu*” có sắc thái nghĩa tiêu cực, “*người lính*” mang sắc thái trang trọng, “*tên lính*” thể hiện sắc thái coi thường...

2. Các loại sắc thái của từ

Các loại sắc thái của từ	Ví dụ
-Sắc thái cổ kính: Một số từ Hán Việt quen dùng trong quá khứ đến bây giờ dùng lại gọi sắc thái cổ kính.	<i>Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp</i> (Huy Cận-Tràng giang) → Nếu thay “tràng giang” bằng “sóng dài” thì câu thơ của Huy Cận sẽ mất đi sắc thái cổ kính.
-Sắc thái trang trọng: Từ Hán Việt có thể được dùng thay thế cho từ thuần Việt để tạo sự trang trọng trong trường hợp từ thuần Việt đồng nghĩa tương ứng gây cảm giác không trang trọng, thậm chí thô tục, khiếm nhã	Hôm nay phu nhân Thủ tướng đến thăm các cháu ở nhà trẻ Hoa Hồng. → Cách dùng từ “phu nhân” thay vì dùng từ “vợ” phù hợp với vị thế của người được nói đến.
-Sắc thái khái quát trừu tượng	<i>Kìa đèn Thái thú đứng cheo leo.</i> (Hồ Xuân Hương, Đề đền Sầm Nghi Đống) → Thay thế từ “cheo leo” trong câu thơ bằng một hoặc một số từ có nghĩa tương tự như: cao ngất, cao vút, ngất ngưỡng sẽ không phù hợp bởi nào làm mất đi nét nghĩa trong câu thơ, không phản ánh đúng suy nghĩ, thái độ của tác giả, việc chọn lựa và sử dụng từ ngữ cho chúng ta thấy cái hay trong sử dụng từ ngữ của Hồ Xuân Hương.

II. Bài tập bổ trợ

Câu 1: Giải thích nghĩa các từ ngữ Hán Việt được in đậm trong các câu văn dưới đây:

a) Kẻ kia là một cư sĩ, trung thuần lắm liệt, có công với tiên triều, nên Hoàng thiên cho được hưởng cúng tế ở một ngôi đền để đền công khó nhọc. Mày là một kẻ hàn sĩ, sao dám hỗn láo, tội ác tự mình làm ra, còn trốn đi đằng nào?

(Nguyễn Dữ, Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên)

b) Xin đại vương khoan dung tha cho hần để tỏ cái đức rộng rãi. Chẳng cần đòi hỏi dây dưa. Nếu thẳng tay trị tội nó, sợ hại đến cái đức hiếu sinh.

(Nguyễn Dữ, Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên)

c) Đối với những người như ngài, phép nước ngất lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí, tôi muốn châm chước ít nhiều.

(Nguyễn Tuân, Chữ người tử tù)

d) Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người.

(Nguyễn Tuân, Chữ người tử tù)

Câu 2: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ. Đòi ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta rất cảm cái tấm lòng biệt nhơn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ.

(Nguyễn Tuân, Chữ người tử tù)

- Tìm 5 từ Hán Việt trong đoạn văn trên.
- Thử thay thế một từ Hán Việt trong đoạn văn trên bằng 1 từ hoặc cụm từ biểu đạt ý nghĩa tương đương. Hãy đối chiếu câu, đoạn văn gốc với câu, đoạn văn mới để rút ra nhận xét về sự thay thế này.
- Dựa vào ngữ cảnh, hãy nêu ý nghĩa sắc thái của việc sử dụng các từ Hán Việt trong đoạn văn trên.

Câu 3: Hãy tìm 6 từ Hán Việt có một trong những yếu tố tạo nên các từ sau: cương trực, hàn sĩ, hiếu sinh. Đặt một câu với mỗi từ Hán Việt tìm được.

Câu 4: Hãy chỉ ra lỗi dùng từ Hán Việt trong các câu sau và sửa lại:

- Việc chăm chỉ đọc sách giúp ta tích lũy được nhiều tri thức bổ ích.
- Tại phiên tòa nơi cỏi âm, nhân vật Tử Văn đã thể hiện được sự cứng cỏi, ngang tàng của hàn sĩ.
- Thói quen học tập theo kiểu "nước đến chân mới nhảy" là một yếu điểm của nhiều bạn học sinh.

***Gợi ý:**

Câu 1:

- “Tiên triều”: đời trước, “Hàn sĩ”: học trò
- “Khoan dung”: lòng rộng lượng, bao dung, thương yêu con người, sẵn sàng tha thứ, không khắt khe, không trừng phạt, hoặc sẵn sàng xoá bỏ những lỗi lầm mà người khác đã phạm phải.
- “Hiếu sinh”: quý trọng sinh mệnh, tránh những hành động gây hại đến sự sống muôn loài.
- “Nghĩa khí”: chí khí của người hay làm việc nghĩa.
- “Hoài bão tung hoành”: ấp ủ trong lòng những điều lớn lao, tốt đẹp, mạnh mẽ.

Câu 2:

- Các từ Hán Việt trong đoạn văn:
 - Nhất sinh: cả một đời
 - Biệt nhơn: cái nhìn trân trọng đặc biệt.
 - Liên tài: biết quý cái tài
 - Thiên hạ: Tất cả những gì dưới trời đất
 - Quyền thế: quyền hành và thế lực
- Ví dụ thay từ “biệt nhơn”:

Ta rất cảm cái tấm lòng trân trọng đặc biệt liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ

Nhận xét: Câu văn ban đầu được sử dụng hay hơn và đúng với tinh thần văn bản.

c. Đặt trong hoàn cảnh văn bản, việc sử dụng từ Hán Việt là phù hợp nhất bởi nó vừa toát lên được không khí cổ kính, trang trọng, vừa truyền đạt được hết những thông điệp tác giả muốn truyền tải.

Câu 3:

- Cương chính: Một người cương chính sẽ không bao giờ làm trái pháp luật.
- Chính trực: Anh ấy là một người chính trực, công tư phân minh
- Cơ hàn: Khi dịch bệnh xảy ra, gia đình ấy đã lâm vào cảnh cơ hàn.
- Tiến sĩ: Cô ấy học rất giỏi, đã lên đến bậc tiến sĩ.
- Hiếu thảo: Mỗi người con cần biết bày tỏ tấm lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.
- Sát sinh: Phật dạy mỗi người cần tu tâm tích đức, không được sát sinh.

Câu 4:

a. Lỗi dùng từ: trí thức (người chuyên làm việc lao động trí óc và có tri thức chuyên môn cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của mình). Không thể nói tích lũy nhiều “người làm việc lao động trí óc”

=> sửa: tri thức (những hiểu biết về vạn vật xung quanh do con người tích lũy được)

Việc chăm chỉ đọc sách giúp ta tích lũy được nhiều tri thức bổ ích.

b. Lỗi dùng từ: hàn sĩ (người học trò nghèo) không phù hợp nghĩa với “sự cứng cỏi, ngang tàng”, ngoài ra, đây là danh từ chỉ chung một chức danh, cần một số từ đứng trước để phù hợp với chủ ngữ

Tại phiên tòa nơi cỏi âm, nhân vật Tử Văn đã thể hiện được sự cứng cỏi, ngang tàng của một bậc dũng sĩ.

c. Lỗi dùng từ: yếu điểm (điểm lớn nhất, giữ vị trí quan trọng). Không thể nói: thói quen học tập “nước đến chân mới nhảy” là điểm quan trọng nhất của nhiều bạn học sinh.

=> sửa: điểm yếu (phần còn nhiều hạn chế, khó khắc phục)

Thói quen học tập theo kiểu “nước đến chân mới nhảy” là một điểm yếu của nhiều bạn học sinh.

BÀI 5: CÂU HỎI TU TỪ

Câu hỏi tu từ là câu hỏi không dùng để hỏi mà dùng để khẳng định, phủ định, bộc lộ cảm xúc...



Câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm đạt một số hiệu quả giao tiếp như tăng sắc thái biểu cảm, biểu đạt ý nghĩa một cách tế nhị, uyển chuyển

⇒ Cần nhận diện đúng câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn chương để phân tích được giá trị nghệ thuật của nó đối với tác phẩm văn học

I. Trọng tâm kiến thức

1. Khái niệm

- Câu hỏi tu từ là câu hỏi không dùng để hỏi mà dùng để khẳng định, phủ định, bộc lộ cảm xúc...

- Dấu hiệu: Có từ để hỏi, dấu hỏi chấm kết thúc câu

***Ví dụ: “Mơ khách đường xa, khách đường xa**

Áo em trắng quá nhìn không ra

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Ai biết tình ai có đậm đà?”

(Hàn Mặc Tử)

→ Câu hỏi tu từ “Ai biết tình ai có đậm đà?” mục đích bộc lộ cảm xúc

2. Tác dụng

- Khác với câu hỏi thông thường, câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm đạt một số hiệu quả giao tiếp như tăng sắc thái biểu cảm, biểu đạt ý nghĩa một cách tế nhị, uyển chuyển.

*** Ví dụ: Em là ai? Cô gái hay nàng tiên?**

→ Có thể thấy câu hỏi tu từ trên, tác giả không dùng để hỏi. Mục đích của câu thơ trên là để cảm thán, khẳng định vẻ đẹp của cô gái.

*Lưu ý: Hiểu một cách đơn giản, câu hỏi tu từ là câu hỏi được con người đặt ra nhưng lại không hướng tới việc tìm kiếm câu trả lời, hoặc nội dung câu trả lời đã có sẵn trong câu hỏi đó. Nói cách khác, đối với loại câu hỏi này, chúng ta không nhất thiết phải tìm ra đáp án chính xác cho câu hỏi. Tùy vào mục đích giao tiếp của người hỏi, hoặc dụng ý nghệ thuật trong văn học mà câu hỏi tu từ có thể biểu đạt, hay tượng trưng cho một ý nghĩa nhất định nào đó.

***Ví dụ: Trong văn bản “Quang Trung đại phá quân Thanh” vua Quang Trung hỏi Nguyễn Thiếp:**

- Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh ra chống cự. Mưu đánh và giữ, có được hay thua, tiên sinh nghĩ như thế nào?

→ Câu hỏi bình thường (Câu nghi vấn) nhằm hỏi ý kiến về việc đánh giặc và câu trả lời.

***Ví dụ: Sông giàu bằng sông và bể giàu bằng bể**

Còn mặt đất hôm nay thì em nghĩ thế nào?

Lòng đất rất giàu, mặt đất cứ nghèo sao?

→ Câu hỏi: "Còn mặt đất hôm nay thì em nghĩ thế nào?"

Lòng đất rất giàu, mặt đất cứ nghèo sao?"

=>Không dùng để hỏi, không cần người khác trả lời mà để bộc lộ cảm xúc băn khoăn, trăn trở của tác giả trước thực trạng đất nước giàu tài nguyên nhưng vẫn còn nghèo. =>Câu hỏi tu từ.

II. Bài tập bổ trợ

Câu 1: Tìm câu hỏi tu từ trong các câu sau, nêu tác dụng:

a. *Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà*

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?"

b. Em là ai? Cô gái hay nàng tiên?

c. *Phố may: Ngài có muốn mặc thử áo không?*

Câu 2: Nêu tác dụng của các câu hỏi tu từ trong các câu sau:

a. Mùa hạ của tôi, mùa hạ đã đi chưa

Ôi tuổi trẻ bao khát khao còn, hết?

b. Vì sao hỡi miền Nam yêu dấu

Người không hề tiếc máu hi sinh?

Vì sao hỡi miền Nam chiến đấu

Người hiên ngang không chịu cúi mình?

Câu 3: Sưu tập một cổ câu ca dao, thơ có sử dụng câu hỏi tu từ?

***Gợi ý:**

Câu 1:

a. - Sử dụng câu hỏi tu từ.

- Thể hiện nỗi nhớ thương da diết người bà của đứa cháu.

b. - Sử dụng câu hỏi tu từ

- Tác giả không dùng để hỏi, mà là để cảm thán, khẳng định vẻ đẹp của cô gái.

c. Câu nghi vấn, không phải câu hỏi tu từ

Câu 2:

a. Câu hỏi tu từ: Ôi tuổi trẻ bao khát khao còn, hết?

- Tác dụng: Tăng sức biểu đạt cho câu thơ trở nên ấn tượng với người đọc. Bên cạnh đó còn như lời tự vấn bản thân trước sự thay đổi của mùa, của dòng chảy thời gian và tuổi trẻ. Biện pháp đó giúp câu thơ để lại được ấn tượng và lắng đọng sâu sắc trong tâm trí mỗi người.

b. Câu hỏi tu từ: Người không hề tiếc máu hi sinh?

- Tác dụng: làm lời văn trở nên sinh động, đem lại cho người đọc cảm giác hào hùng của lịch sử dân tộc.

Câu hỏi tu từ: Người hiên ngang không sợ cúi mình?

-Tác dụng: làm lời văn trở nên sinh động, đem lại cho người đọc cảm giác hào hùng của lịch sử dân tộc.

Câu 3:

1. "Bây giờ mặn mới hỏi đào

Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?

Mặn hỏi thì đào xin thưa

Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào"

2. "Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
Than ôi! thời oanh liệt nay còn đâu?"

3. Trước muôn trùng sóng bể

*Em nghĩ về anh, em
Em nghĩ về biển lớn
Từ nơi nào sóng lên?
Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu?
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau*

Bài 6: NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ NGHĨA HÀM ẨN



Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu



Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra từ nghĩa tường minh của câu, từ nghĩa của từ ngữ trong câu và từ ngữ cảnh câu.



⇒ Nghĩa tường minh và hàm ẩn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tuy nhiên trong đó nghĩa hàm ẩn luôn chứa đựng thông điệp nhất định mà tác giả muốn nói tới



I. Trọng tâm kiến thức

Tiêu chí	Nghĩa tường minh	Nghĩa hàm ẩn
Khái niệm	- Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu *Ví dụ: <i>“Ô ! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này!”</i> Anh thanh niên vừa vào, kêu lên. Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái. Cô kĩ sư mặt đỏ ửng, nhận lại chiếc khăn và vội quay đi. ➔ Câu: “Ô! Cô còn quên chiếc mùi xoa đây này!” cũng là một câu không có nghĩa tường minh, là câu mang nghĩa tường minh. Do đó chúng ta dễ dàng tiếp thu và nắm bắt đối với nội dung, cốt truyện.	- Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra từ nghĩa tường minh của cả câu, từ nghĩa của từ ngữ trong câu và từ ngữ cảnh cách sử dụng câu. *Ví dụ: Trong câu chuyện “Lợn cưới áo mới” anh lợn cưới có hỏi: <i>Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?</i> ➔ Mặc dù hỏi xem lợn của mình có chạy qua đây không, nhưng mục đích chính của anh ta là muốn khoe khoang, nên câu này mang nghĩa hàm ẩn (nghĩa ẩn sau bên trong lời nói)
Tác dụng	- Không gây khó hiểu hay hiểu lầm cho người nghe về dụng ý của lời nói. *Ví dụ: Con chào mẹ, con vừa đi học về ạ!	- Giúp chuyển tải nhiều điều ý nhị, kín đáo, sâu xa....; làm cho giao tiếp ngôn từ được uyển chuyển, phong phú, thú vị. Đặc biệt, trong văn học, các nội dung, thông điệp mà tác giả muốn chuyển tải

	→ Câu nói đơn giản chỉ là thông báo sự việc, không có ẩn ý	thường được thể hiện dưới hình thức nghĩa hàm ẩn. *Ví dụ: Chuột chù chê khỉ răng hôi Khỉ mới trả lời: Cả họ may thơm. (Ca dao) → Chuột chù và khỉ đều là các loài có mùi hôi. Nhưng chuột chù lại cho khỉ trong khi chính mình cũng hôi. Nghĩa tường minh trong câu trả lời của khỉ là lời khen, nghĩa hàm ẩn “Cả họ may thơm” thể hiện sự mỉa mai chuột chù. Câu ca dao có hàm ý phê phán những người không tự biết cái xấu của mình mà còn đi chê bai người khác.

***Lưu ý:** Trong một câu nhất định phải có nghĩa tường minh. Nhưng nếu câu đó bao gồm cả nghĩa hàm ý thì đây mới chính là ý nghĩa quan trọng mà người viết, người nói muốn truyền tải. Cũng qua đó mang đến sự sinh động, đa nghĩa, nhiều cách hiểu trên thực tế.

***Ví dụ: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.”**

– Nghĩa tường minh:

+ Mực có màu đen, đây là màu đặc trưng của nó. Khi mực tiếp xúc trên các bề mặt đều để lại màu đen khó mà làm sạch. Do đó, thực tế thì đồ thứ gì gần mực thì sẽ bị mực làm cho đen đi.

+ Ngược lại đèn phát sáng, nó có thể làm sáng cho không gian xung quanh. Ngay cả trong bóng tối, nhờ có ánh đèn mà ta có thể nhìn rõ mọi vật. Như vậy, đồ thứ gì gần đèn sẽ được ánh sáng chiếu làm cho nó trở nên sáng sủa hơn.

– Nghĩa hàm ẩn:

+ Mực trong câu tục ngữ này dùng để sự tối tăm, mù mịt, cái đen tối có thể làm ảnh hưởng đến những thứ tiếp xúc xung quanh nó. Mực tượng trưng cho những điều xấu, những thói quen, đức tính không tốt trong cuộc sống của con người. Nếu gần các thói quen xấu đó, rồi có ngày chúng ta cũng bị tác động, bị ảnh hưởng tiêu cực.

+ Còn đèn tượng trưng cho ánh sáng, chân lí, lẽ phải, những điều đúng đắn, tốt đẹp. Đèn có thể soi sáng, mang đến sự sáng tỏ, minh bạch. Hướng đến những điều tốt đẹp, những chân lí của cuộc sống, chúng ta sẽ trở thành một con người có ích cho xã hội. Con người phải biết phê phán, trách xa cái xấu để học hỏi, phát triển bản thân theo hướng tốt đẹp hơn.

-Trong các văn bản hành chính, thông tin hoặc khoa học không nên sử dụng nghĩa hàm ẩn, tránh gây khó hiểu cho người nghe.

-Muốn tìm nghĩa hàm ẩn trong câu ta phải đặt vào ngữ cảnh của lời nói hoặc sử dụng cách liên tưởng để tìm được dụng ý trong câu.

***Ví dụ: Thôi chết! Còn có 5 phút nữa là đến giờ vào lớp!**

→ Câu nói không chỉ mang tính thông báo về mặt thời gian “còn 5 phút nữa vào lớp”, mà sâu sau nghĩa hàm ẩn ý nói đã muộn giờ đi học rồi.

-*Cách xác định nghĩa hàm ẩn:*

+Bước 1: Tìm nghĩa tường minh của câu

+Bước 2: Xem câu nói có liên tưởng đến điều gì không?

+Bước 3: Đặt vào ngữ cảnh nhất định

***Ví dụ: Biết con đang nấu cơm mẹ hỏi “Con đang nấu cơm hay nấu cháo”**

+Bước 1: Xác định nghĩa tường minh: Hỏi về việc con nấu cơm hay nấu cháo

+Bước 2: Xét sự liên tưởng: Cơm thông thường sẽ ở dạng khô và dẻo, cháo dạng lỏng và nhão.

+Bước 3: Đặt vào ngữ cảnh: Đang nấu cơm

→ Ý chê con nấu cơm quá nhiều nước

II. Bài tập bổ trợ

Câu 1: Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong các câu sau:

a. Đòi người có một gang tay

Ai hay ngủ ngày còn lại nửa gang

b. Mẹ nó đâm nổi giận quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trống:

– Vô ăn cơm!

Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nó gọi “Ba vô ăn cơm”. Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra:

– Cơm chín rồi!

Anh cũng không quay lại.

(Nguyễn Quang Sáng, Chiếc lược ngà)

Câu 2: Xác định ý nghĩa của các câu tục ngữ sau:

- Chữ tín còn quý hơn vàng.

- Quân tử nhất ngôn.

- Một lần bắt tín, vạn lần bắt tin.

- Lời nói như đinh đóng cột.

Câu 3: Tìm thêm một số câu thơ, câu ca dao có chứa hàm ý.

Câu 4: Viết đoạn hội thoại từ 3-5 câu có sử dụng nghĩa hàm ẩn?

***Gợi ý:**

Câu 1:

a. Nghĩa tường minh: Cuộc đời một con người thật ngắn ngủi (chỉ bằng một gang tay)

Nghĩa hàm ẩn: những ai hay ngủ ngày chỉ còn một nửa, mất đi một nửa thời gian quý giá của sự tồn tại trên đời.

-> Câu tục ngữ có ý phê phán những người hay ngủ ngày, lãng phí thời gian có ích để sống và làm việc. Hãy quý trọng thời gian để cuộc sống có ích, để làm được nhiều việc hơn.

b. Nghĩa tường minh: thông báo về việc cơm đã chín – *Cơm chín rồi!*

Nghĩa hàm ẩn: *Ông vô ăn cơm!*

Câu 2:

- **Chữ tín còn quý hơn vàng** => Ý nghĩa: Vàng là một thứ quý giá, đắt tiền; nhưng việc giữ chữ tín còn quý hơn, không thể dùng tiền mua được uy tín, lòng tin của mọi người.

- **Quân tử nhất ngôn** => Ý nghĩa: một người tử tế, một người có cư xử đúng mực thì nói lời là phải giữ lấy lời, đã hứa là nhất định sẽ làm được chứ không phải là để hứa suông.
- **Một lần bất tín, vạn lần bất tin** => Ý nghĩa: một lần lừa dối, không giữ chữ tín với người khác thì rất khó có thể lấy lại lòng tin của họ.
- **Lời nói như đinh đóng cột** => Ý nghĩa: Nói một cách chắc chắn, khẳng định, kiên quyết không thay đổi.

Câu 3:

1.

*Lỗ mũi mười tám gánh lông,
Chồng yêu, chồng bảo tơ hồng trời cho.
Đêm nằm thì ngáy o o,
Chồng yêu, chồng bảo ngáy cho vui nhà.
Chó cạy gần nhà, gà cạy gần chuồng.*

2.

3.

*Bây giờ mặn mới hỏi đào,
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?
- Mặn hỏi thì đào xin thưa,
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.*

Câu 4: - Đảm bảo hình thức một hội thoại.

- Đảm bảo nội dung có sử dụng nghĩa hàm ẩn

***Mẫu:**

An: Sao hôm nay cậu đi muộn thế?
Nam: Xe tớ vừa bị hỏng, nên phải đi bộ đến trường.
An : "Thế à? Thế hôm nay cậu làm bài tập chưa" ?
Nam : "Hôm nay có bài tập về nhà à "!

➔ Câu chứa hàm ý : Hôm nay c

BÀI 7: TRỢ TỪ, THÁN TỪ

1 Trợ từ là những từ thường được đi kèm trong câu nhằm nhấn mạnh hoặc biểu thị một thái độ của sự vật hoặc hiện tượng trong quá trình nói hoặc viết

2 Thán từ là những từ ngữ để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc để gọi đáp.

3 ⇒ Tạo nét riêng độc đáo, làm sắc thái ý nghĩa của câu thêm độc đáo, thể hiện được tình cảm của người nói, người viết

I. Kiến thức trọng tâm

Tiêu chí	Trợ từ	Thán từ
Khái niệm	Trợ từ là những từ thường được đi kèm với các từ ngữ trong câu nhằm nhấn mạnh hoặc biểu thị một thái độ của sự vật hoặc hiện tượng trong quá trình nói hoặc viết như: Chính, mỗi, những, tận, ngay, cứ, cả.... *Ví dụ: + Chính Huy là người đạt giải Nhất thi Học sinh giỏi Quốc gia môn Văn. + Chính bà nội là người đã tặng tôi quyển sách này. → Cả hai ví dụ đều nhấn mạnh nội dung thông tin được đề cập đến bởi từ “chính”. Như vậy từ “chính” ở đây chính là trợ từ dùng để nhấn mạnh thông tin đang được đề cập đến là người đạt giải Nhất Học sinh giỏi Quốc gia môn Văn và người đã tặng tôi quyển sách này.	Thán từ là những từ ngữ để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc để gọi đáp. * Ví dụ: “Thân ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?” (Nhớ rừng – Thế Lữ) Thán từ trong ví dụ trên là “thân ôi”, được đặt ngay đầu câu và tách ra một câu cảm thán để bộc lộ cảm xúc than ôi về thời xưa nay đã không còn huy hoàng.
Vị trí	-Đứng ở bất cứ vị trí nào trong câu Ví dụ: Tôi có tận 2 cái nhà =>”Tận” trợ từ đứng ở giữa câu	-Chỉ đứng ở đầu câu, sau thán từ thường là dấu phẩy, chấm than, thán từ có thể tách ra thành câu đặc biệt.

	Ví dụ: Chính anh ấy đã giúp tôi khi tôi gặp nạn =>”Chính” trợ từ đứng ở đầu câu.	Ví dụ: Trời ơi! Đi đứng thế nào mà để ngã thế kia? Ví dụ: Này, mày không đi học à? =>”Trời ơi”, “này” thán từ đứng ở đầu câu, có thể tách thành câu đặc biệt.
Phân loại	-Có thể thấy có 2 loại trợ từ là trợ từ để nhấn mạnh và trợ từ để đánh giá sự việc, sự vật. + Trợ từ để nhấn mạnh: Có tác dụng nhấn mạnh một sự vật, sự việc, hành động nào đó. Gồm các từ như “những, cái, thì, mà, là, tận...”. *Ví dụ: Tôi có những hai cái bút + Tôi mà biết ai đánh nó thì tôi sẽ đến tận nhà nói chuyện. +Mày thì biết cái gì?... ➔”Mà”, “thì” là trợ từ nhấn mạnh sự việc +Trợ từ biểu thị đánh giá về sự việc, sự vật: gồm các từ như ”chính, ngay, đích thị...” *Ví dụ: +Chính anh ấy là người đã giúp tôi. +Đích thị nó là người ăn trộm ➔ “Chính”, “đích thị” là trợ từ trợ từ biểu thị sự đánh giá mang tính khẳng định	- Thán từ gồm 2 loại: Thán từ gọi đáp và thán từ bộc lộ cảm xúc. + Thán từ bộc lộ cảm xúc, tình cảm gồm các từ như “ôi, trời ơi, than ôi...” *Ví dụ: -Ôi! Bức tranh này đẹp thế? =>”Ôi”: Thán từ bộc lộ cảm xúc + Thán từ gọi đáp gồm các từ như “ này, hỡi, ơi, vâng, dạ...”. *Ví dụ: -Này, anh đi đâu đấy? -Lan ơi, đi chơi thôi! =>”Này”, “ơi”: Thán từ gọi, đáp
Vai trò	Vai trò của trợ từ trong câu là được sử dụng để biểu thị hoặc nhấn mạnh sự vật, sự việc, hiện tượng nào đó đang được nhắc đến. *Ví dụ: <i>Người có giọng hát hay nhất khối 9 đích thị là Trâm Anh.</i> => Như vậy, trợ từ được sử dụng trong câu trên là loại trợ từ nhấn mạnh, đó là từ: <i>đích thị</i>. Từ <i>đích thị</i> đã nhấn mạnh hơn cho người nghe về việc Trâm Anh là người có giọng hát hay nhất khối lớp 9.	Vai trò của thán từ chủ yếu xuất hiện đầu câu và các từ ngắn gọn như mục đích biểu cảm, bộc lộ tình cảm cảm xúc. *Ví dụ: <i>Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?</i> => Có thể thấy trong câu trên, thán từ được sử dụng là từ: <i>than ôi</i> dùng để bộc lộ cảm xúc, tình cảm của người nói
Lưu ý	-Trợ từ có thể giống về hình thức với các từ loại khác như: quan hệ từ (mà,	-Thán từ có thể bị nhầm lẫn với tình thái từ. Cần lưu ý thán từ chỉ đứng đầu

thì), lượng từ (những, mỗi)... Do đó cần xét về chức năng để xác định chính xác đâu là trợ từ . *Ví dụ: +Nếu trời mưa thì tôi sẽ thì học =>”thì” là quan hệ từ đi cùng “nếu” nối hai vế câu với nhau +Tôi thì tôi sẽ không cho nó đi cùng *Ví dụ: +Tôi là quần áo ngay ngắn =>”là” trong câu là động từ chỉ hoạt động +Tôi là tôi không biết ai làm việc đó =>”là” trợ từ nhất mạnh thái độ phủ định *Ví dụ: +Những cái bút của tôi màu xanh =>”Những” lượng từ chỉ số lượng +Tôi có những hai cái bút =>”Những” trợ từ nhấn mạnh hai cái bút với tôi là rất nhiều rồi	câu, có thể tách thành câu đặc biệt, tình thái từ đứng ở bất cứ vị trí nào và không thử tách thành câu đặc biệt được.

***Một số mẹo phân biệt trợ từ với các loại từ khác: (áp dụng trong một số trường hợp không phải tất cả, cần dựa vào ngữ điệu khi đọc và tác dụng để xác định chính xác nhất)**

-Trợ từ thường được dùng để nhấn mạnh sự vật, hiện tượng khi đi kèm từ ngữ trong câu (chỉ là từ đi kèm không quan trọng), nên nếu ta thử bỏ trợ từ đó đi câu không thay đổi về nghĩa cơ bản => Trợ từ, nếu bỏ từ ta nghi ngờ là trợ từ đi mà câu thay đổi về nghĩa=>Không phải trợ từ.

***Ví dụ:**

+**Những người nông dân đang đánh cá trên biển**

=>Khi bỏ từ “những” ta còn: Người nông dân đánh cá trên biển (Được hiểu là một người nông dân), câu thay đổi về nghĩa => “**Những**” không phải trợ từ

+ **Có những hai người nông dân đánh cá trên biển**

=>Khi bỏ từ “những” ta còn: Có hai người nông dân đánh cá trên biển, câu vẫn hiểu nguyên về nghĩa chỉ có sắc thái nhấn mạnh không còn=> “**Những**” trợ từ

***Ví dụ:**

+Anh ấy là diễn viên chính

=>Khi bỏ từ “chính” ta còn: Anh ấy là diễn viên (Được hiểu là một diễn viên không phân biệt chính phụ, đóng thế), câu thay đổi về nghĩa, không có sự phân loại => “chính” không phải trợ từ

+ Anh ấy chính là diễn viên=>Khi bỏ từ “chính” ta còn: Anh ấy là diễn viên, câu vẫn hiểu nguyên về nghĩa chỉ có sắc thái nhấn mạnh không còn=> “chính” trợ từ

***Các bước xác định trợ từ, thán từ:**

-Thán từ:

- +Bước 1: Tìm những từ đứng ở đầu câu, bị ngăn cách bởi dấu phẩy, dấu chấm than
- +Bước 2: Thử tách ra thành câu đặc biệt xem được không?
- +Bước 3: Xem từ đó dùng để gọi đáp, hay bộc lộ cảm xúc

Ví dụ: Vâng, con đi nấu cơm đây ạ!

- +Bước 1: “Vâng” đứng ở đầu câu, bị ngăn cách bởi dấu phẩy
- +Bước 2: Có thể tách thành câu đặc biệt
- +Bước 3: Dùng để đáp

➔ “Vâng” là thán từ

-Trợ từ:

- +Bước 1: Xác định các trợ từ quen thuộc :Chính, mỗi, những, tận, đích thị, ngay, thì, mà, là, cứ cả....
- +Bước 2: Đọc trong câu xem từ đấy có ngữ điệu nhấn mạnh không
- +Bước 3: Thử tách từ ra khỏi câu xem có mất nghĩa không

***Ví dụ: Ngay lúc này tôi đang rất hồi hộp**

- Bước 1: “Ngay” là trợ từ quen thuộc
- Bước 2: Đọc có ngữ điệu nhấn mạnh
- Bước 3: Tách từ “ngay” ra khỏi câu ta còn “lúc này tôi đang rất hồi hộp” => Câu không thay đổi về nghĩa chỉ mất đi sắc thái nhấn mạnh trong lời nói thôi.

II.Bài tập bổ trợ

Câu 1: Tìm thành phần cảm thán trong các câu sau và nêu ngắn gọn tác dụng của nó?

"Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng"

(Viếng lăng Bác - Viễn Phương)

Câu 2: Tìm thành phần trợ từ trong các câu sau và nêu ngắn gọn tác dụng của chúng?

- a. Đích thị hần là kẻ lấy trộm đồ của tôi
- b. Hần chỉ ăn mỗi bát cơm với ít đĩa rau luộc đậm bạc.
- c. Tính ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi ông giáo ạ.
- d. Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám
Tựa nhau trông xuống thế gian cười

Câu 3: Đặt câu với những thán từ sau đây: à, ừ chà, chết thật, eo ôi, ời, trời ời, vâng, bớ người ta!

Câu 4: Viết 1 đoạn hội thoại chủ đề môi trường có sử dụng trợ từ, thán từ. Xác định rõ trợ từ, thán từ được sử dụng trong câu?

***Gợi ý:**

Câu 1:

- Thán từ được sử dụng trong hai dòng thơ trên chính là thán từ "Ôi"
- Tác dụng: Tác giả bộc lộ niềm xúc động, tự hào về đất nước dân tộc mình. Hàng tre xanh ấy giống như một đội quân danh dự cùng với các loại cây khác giống như người dân từ mọi

miền đang tụ họp, sum vầy bên lãng Người để cùng trò chuyện, canh gác cho giấc ngủ ngàn thu của Bác.

Câu 2:

- a. Trợ từ "đích thị" trong câu nhằm nhấn mạnh cho khẳng định người lấy trộm đồ của tôi không ai khác là hắn.
- b. Trợ từ "chỉ" biểu thị sắc thái không bình thường về số lượng, không đạt mức tiêu chuẩn bình thường (quá ít). Từ đó nhấn mạnh diễn đạt cho việc ăn quá ít của hắn
- c. Trợ từ "cả" nhấn mạnh vào mức độ cao. Ở đây lão Hạc muốn nhấn mạnh ý diễn đạt với ông giáo rằng cậu Vàng ăn rất khỏe, khỏe hơn cả sức ăn của lão.
- d. Trợ từ "cứ" nhấn mạnh thêm vào sắc thái khẳng định về thời gian xuất hiện sự vật.

Câu 3:

- * A ! Mẹ em đã về!
- * Úi chà! Cái con mèo này, thì ra mày đã gặm miếng thịt của bà!
- * Chết thật, nhà ấy đã có trộm vào rồi đây!
- * Eo ơi! Bãi rác của Philipins thật kinh khủng!
- * Trời ơi! Con với cái!
- *Vâng, cháu biết rồi ạ!
- * Bớ người ta, Có cướp!

Câu 4:

- Đảm bảo hình thức một đoạn hội thoại, có sử dụng trợ từ, thán từ
- Đảm bảo nội dung: chủ đề về môi trường

***Đoạn mẫu:**

A: B ơi, hôm nay là ngày làng ta thực hiện chiến dịch bảo vệ môi trường, cậu có đi không

B: Tớ có đi chứ, đó là hành động có ý nghĩa mà nhỉ?

A: Đúng vậy, tớ cũng thấy môi trường rất quan trọng, vì vậy chúng ta cần chung tay nỗ lực hết mình để bảo vệ môi trường.

B: Vậy mà có những người không nhận thực được tầm quan trọng của môi trường mà cứ vất rác bừa bãi nơi công cộng.

A: Thôi, chúng ta cùng lên đường đi thôi, những người đó không có ý thức, vậy chúng ta hãy là người có văn hóa, tự bảo vệ môi trường nào.

➔Trợ từ: “cứ”, thán từ: “ơi”.

BÀI 8: THÀNH PHẦN BIỆT LẬP CỦA CÂU



Thành phần biệt lập là thành phần có trong cấu trúc câu cụ thể nhưng không tham gia vào việc diễn đạt ý nghĩa của câu



Có 4 thành phần biệt lập: Thành phần gọi đáp, phụ chú, trình thái, cảm thán. Mỗi thành phần giữ một chức năng riêng



=> Sử dụng thành phần biệt lập giúp câu được bổ sung về nghĩa, thái độ, tình cảm của người nói, người viết với người nghe, người đọc

I. Trọng tâm kiến thức

Tiêu chí	Thành phần biệt lập của câu	Ví dụ
Khái niệm	-Thành phần có trong cấu trúc câu cụ thể nhưng không tham gia vào việc diễn đạt ý nghĩa của câu. Mặt khác, thành phần biệt lập hoàn toàn bị cô lập để thể hiện một suy nghĩ khác, nhưng điều đó không phải là thừa.	- Ái chà! Hôm nay Linh học bài chăm chỉ quá nhỉ! =>Từ “ái chà” không có tác dụng biểu đạt ý nghĩa của câu mà chỉ dùng để bộc lộ cảm xúc, thái độ của người nói→Thành phần biệt lập của câu -Cả lớp mình oi , hôm nay chúng ta sẽ bắt đầu bài mới sớm hơn một chút nhé. =>Từ “oi” dùng để gọi và thu hút sự chú ý của người nghe, không có nghĩa trong câu→Thành phần biệt lập của câu.
Phân loại	- <i>Có 4 thành phần biệt lập:</i> + Thành phần gọi đáp: Là thành phần biệt lập được dùng trong các câu gọi đáp, giúp duy trì mối quan hệ của chủ thể được đề cập trong câu. + Thành phần phụ chú: Là thành phần được bổ sung trong câu để bổ sung thông tin, liệt kê và chú giải để câu rõ nghĩa hơn. Thành phần phụ chú có thể được thể hiện dưới dạng một từ hoặc một câu. Được nhận	* Ví dụ: Minh ơi, tớ trả cậu cái bút này! → Thành phần biệt lập là từ “ơi” dùng để gọi đáp *Ví dụ: Cô Hoa – cô giáo dạy Toán lớp em – vừa dịu dàng lại vừa dạy rất giỏi. →Thành phần phụ chú trong câu là “cô giáo dạy Toán lớp em”, được

diện bằng dấu phẩy (,), dấu hai chấm (:), dấu gạch ngang (-) hay hai dấu ngoặc đơn (). + Thành phần tình thái: Là thành phần biệt lập giúp thể hiện thái độ, cách nhìn nhận vấn đề, cảm xúc của người nói, người viết. Thể hiện qua các từ ngữ sau với mức độ tin cậy tăng dần: Dường như/ hình như/ Có vẻ như/ Có lẽ/ Chắc là/ Chắc hẳn/ Chắc chắn.... + Thành phần cảm thán: Là thành phần biệt lập được thêm vào trong câu để giúp người nói, người viết bộc lộ các trạng thái cảm xúc và tâm lý của mình đối với sự vật, hiện tượng được đề cập đến, thường thể hiện ở các từ ngữ như: <i>ôi, a, ối, trời, lạy trời, trời ơi, giờ ơi, than ối, hỡi ơi,...</i> *Lưu ý: Khi thành phần cảm thán đứng tách riêng thành câu thì đó là câu đặc biệt, không còn là thành phần biệt lập nữa.	dùng để giúp người đọc, người nghe hiểu hơn cô Hoa là ai. -Hoa Tulip (một loài hoa xuất xứ Trung Đông) được coi là biểu tượng của nước Hà Lan xinh đẹp. Thành phần phụ chú “một loài hoa xuất xứ Trung Đông” giúp bổ sung thêm thông tin về loài hoa Tulip và được đặt trong dấu ngoặc tròn. *Ví dụ: Hình như trời sắp đổ cơn mưa to. → “Hình như” thể hiện sự không chắc chắn về việc trời mưa. -Hôm nay chắc chắn Minh sẽ đến lớp, bạn ấy nói với mình như vậy → Từ “chắc chắn” thể hiện sự khẳng định của người nói về khả năng xảy ra ở mức rất cao của một sự việc nào đó *Ví dụ: Chà, con gái mẹ Hoa khéo tay quá nhỉ, còn biết giúp mẹ nấu cơm cơ đấy. → “Chà” bộc lộ sự ngợi khen, ngạc nhiên của người nói -Trời ơi, con mèo phá hỏng bộ sập màu tớ mới mua rồi. → “Trời ơi” thể hiện sự ngỡ ngàng, tiếc nuối của người nói *Ví dụ: Chao ôi! Bông hoa đẹp quá! → “Chao ôi” đứng tách riêng thành câu đặc biệt => Không phải thành phần biệt lập

***Lưu ý: Để nhận biết các thành phần biệt lập trong một câu, các em chú ý đến những từ ngữ, dấu và mục đích như sau:**

-Thành phần tình thái: Dựa trên thái độ, cảm xúc, cách nhìn nhận vấn đề của người nói trong câu.

-Thành phần cảm thán: Dựa trên tâm lý, thái độ của người nói

-Thành phần phụ chú: Nhận biết qua các dấu câu, giúp bổ sung thêm thông tin cho câu nói, có thể bỏ đi mà không làm ảnh hưởng đến ý nghĩa của câu
-Thành phần gọi đáp: Dựa trên mối quan hệ giao tiếp trong câu
➔ **Cần nắm chắc dấu hiệu nhận biết và một số từ ngữ thường dùng trong các loại thành phần biệt lập để xác định chính xác.**

II. Bài tập bổ trợ

Câu 1. Tìm và gọi tên các thành phần biệt lập có trong những câu sau:

- Tim tôi đập không rõ. Đường như, vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ.
- Thưa ông, chúng cháu ở Gia Lâm lên đây ạ.
- Đi bốn năm hôm mới lên đến đây, vất vả quá!
- Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm.

Câu 2. Tìm và gọi tên các thành phần biệt lập trong câu văn dưới đây. Thay thế chúng bằng các từ khác và so sánh với cách dùng từ của người viết:

“Anh quay lại nhìn con vừa khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.”

(Nguyễn Quang Sáng – Chiếc lược ngà)

Câu 3. Viết đoạn văn chủ đề về tình bạn. Trong đoạn văn có sử dụng thành phần biệt lập (chú thích các từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn vừa viết).

*Gợi ý:

Câu 1.

- “Đường như”: thành phần tình thái thể hiện sự không chắc chắn
- “Thưa ông”: thành phần gọi đáp
- “vất vả quá”: thành phần cảm thán
- “Tôi nghĩ vậy”: thành phần phụ chú

Câu 2.

-“Có lẽ”: thành phần tình thái

-Có thể thay thế bằng có vẻ, dường như, hình như.

➔ Tác giả sử dụng từ “có lẽ” để thể hiện sự phỏng đoán của mình khi nhìn thấy biểu hiện của anh Sáu trong tác phẩm. Sắc thái của từ rất phù hợp với ngữ cảnh bởi mức độ tin cậy của câu phỏng đoán không cao. Tuy nhiên cũng không quá thấp bởi tác giả biết trước đó con anh đã nhiều lần khiến anh phải buồn lòng.

Câu 3.

- Đảm bảo hình thức một đoạn văn.

- Đảm bảo nội dung về tình bạn, trong đoạn văn có sử dụng thành phần biệt lập

***Đoạn mẫu**

Ai cũng biết rằng tình cảm bạn bè – **thứ tình cảm thật trong sáng và cao cả**, mà mỗi người không thể nào thiếu được. Tình bạn đồng hành với chúng ta ngay từ khi chúng ta mới bước chân vào ngôi trường mầm non, rồi nó lại đồng hành với chúng ta trong suốt cả cuộc đời. Tình bạn luôn là tình cảm vững chắc, nơi ta **có thể** tin tưởng chia sẻ những niềm vui hay nỗi buồn trong cuộc sống. Những tháng ngày bên bạn bè **chắc** sẽ là những tháng ngày đẹp

nhất của mỗi người và ta sẽ mãi mãi không thể quên được. Có những lúc ta cảm thấy buồn vì tình bạn không suôn sẻ, rồi có giận hờn nhau nhưng đó là những thử thách giúp tình bạn của chúng ta trở nên vững chắc hơn. Ta sẽ hiểu được nhau hơn, thông cảm với nhau hơn. Một tình bạn thực sự đẹp khi nó được xuất phát từ tận trái tim mỗi người. Xin hãy trân trọng những tình bạn trong sáng mà mỗi người đang giữ, hãy biết quan tâm, chia sẻ với nhau và hãy làm những điều chưa làm được cho bạn bè ngay bây giờ để có được những kỉ niệm đẹp trong tuổi học trò của mình.

➔Thành phần biệt lập:

- +Thành phần phụ chú: thứ tình cảm thật trong sáng và cao cả
- +Thành phần tình thái: Có thể, chắc

BÀI 9: CÂU PHÂN LOẠI THEO MỤC ĐÍCH NÓI



Câu	Đặc điểm hình thức	Chức năng
Câu hỏi	-Từ ngữ: Có những từ để hỏi (ai, gì, nào, sao, tại sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu ...hoặc từ hay (nói các về có quan hệ lựa chọn -Dấu câu: Kết thúc câu bằng dấu hỏi chấm (?). Ngoài ra còn kết thúc bằng dấu chấm, dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng (Khi mnag chức năng phụ) *Ví dụ: Bạn tên là gì? → Có từ để hỏi: “Là gì”, kết thúc bằng dấu hỏi chấm (?)	-Chính: Dùng để hỏi - Chức năng khác: Ngoài ra còn dùng để đe dọa, yêu cầu, ra lệnh, bộc lộ tình cảm xúc... *Ví dụ: - Mai cậu có phải đi lao động không?→ Hỏi - Cậu chuyển giúp quyển sách này tới H được không?→ Nhờ vả - Mày có muốn biết thế nào là lễ độ không? → Đe dọa - Sao có bông hoa đẹp thế kia? → Bộc lộ cảm xúc (Ngạc nhiên) - Ai lại làm thế?→ Phủ định - Không mày làm thì ai làm?→ Khẳng định - Bác đi làm đấy ạ?→ Chào hỏi
*Lưu ý: -Về hình thức câu hỏi bám sát vào từ để hỏi để tìm -Chức năng nếu câu hỏi đưa ra để mong muốn tìm kiếm một câu trả lời cho điều mình chưa biết => Chức năng chính, câu hỏi không dùng mục đích để hỏi, không mong		

muốn tìm câu trả lời (Chức năng khác-Phụ), muốn tìm chức năng phụ của câu cần nhận diện chính xác mục đích, ngữ cảnh mà lời nói hướng tới.

***Ví dụ: Mày đẹp mặt nhĩ?**

=> Câu không hướng tới đề hỏi mà mục đích dùng để mỉa mai, bộc lộ cảm xúc trong lời nói.

Câu khiến	- Các từ trong câu khiến: hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào...hay ngữ điệu cầu khiến - Kết thúc bằng dấu, hoặc chấm than. - Khi mục đích yêu cầu mạnh, ngữ điệu mạnh kết thúc bằng dấu chấm than. *Ví dụ: 1- Hãy đứng lên! => Có từ “hãy”, dấu chấm than (!), ngữ điệu cầu khiến. 2- Minh đi thôi con. => Từ “Thôi”, dấu chấm (.), ngữ điệu cầu khiến ➔ Trong câu 1 và 2, câu 2 ngữ điệu nhẹ hơn kết thúc bằng dấu (.), câu 1 ngữ điệu mạnh hơn kết thúc bằng (!). Sở dĩ vậy vì thường câu thiếu chủ ngữ, ngữ điệu sẽ mạnh hơn	- Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo.... *Ví dụ: - Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương. => Đề nghị - Ra ngoài! => Ra lệnh

***Lưu ý:** - Bám sát vào các từ yêu cầu: hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, ngay... đặc biệt là ngữ điệu cầu khiến để xác định loại câu này (chắc chắn trong câu khiến sẽ có ngữ điệu yêu cầu rất rõ)

-Các chức năng của câu khiến cần dựa vào ngữ điệu để xác định cho đúng

***Ví dụ:** *Đi nhanh!* => *Ngữ điệu mạnh* => **Ra lệnh**

Chúng mình đi nhanh lên thôi không muộn => *Ngữ điệu nhẹ* => **Yêu cầu, đề nghị**

-Câu khiến đôi khi không có từ cầu yêu cầu, có thể là một câu tình lược nhưng không phải hoàn cảnh nào cũng sử dụng kiểu câu này.

***Ví dụ:** *Im!*

Trật tự!

=> Không có từ cầu khiến nhưng có ngữ điệu, thường dùng trong các trường hợp đặc

biệt, đối tượng nói là người có địa vị, tuổi tác cao hơn người nghe. - Cần phân biệt từ cầu khiến với các từ loại khác, để nhận biết ta cần chú ý các từ cầu khiến sẽ thường kết hợp với động từ (đứng trước hoặc sau động từ, chứ không phải là động từ trong câu) *Ví dụ: Tôi đang đi. => “Đi” trong câu là động từ Ngủ đi! => “Đi” là từ cầu khiến đi sau động từ « ngủ »		
Câu cảm	- Có từ ngữ cảm thán: ôi, than ôi, hỡi ôi, biết bao, xiết bao, biết chừng nào...hay ngữ điệu cảm thán - Kết thúc bằng dấu chấm than *Ví dụ: Ôi, mặt trời đã lên! => Từ cảm thán “ôi”, có dấu chấm than (!)	- Dùng để bộc lộ cảm xúc trực tiếp của người nói (viết) xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hàng ngày hay ngôn ngữ văn chương. *Ví dụ: - Bỗng lòng chộp đớp Thôi rồi Lượm ơi! => Cảm xúc đau đớn, xót xa, tiếc nuối -Đẹp vô cùng, tổ quốc ta ơi! => Cảm xúc tự hào
*Lưu ý: - Bám sát vào các từ để bộc lộ cảm xúc: Ôi, chao ôi, trời ơi, hỡi ôi...(chắc chắn trong câu cảm không thể thiếu được từ bộc lộ cảm xúc) Đặt trong ngữ cảnh cụ thể để xác định chính xác chức năng của câu. *Ví dụ: - Trời ơi, tôi khổ quá! => Bộc lộ cảm xúc thất vọng, đau xót -Trời ơi, mày lại làm vỡ bình hoa rồi. => Bộc lộ cảm xúc tức giận.		
Câu kể	- Không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cảm thán.... - Kết thúc bằng dấu chấm đôi khi kết thúc bằng dấu chấm than, hoặc dấu chấm lửng. *Ví dụ: -Đây là Hoa . -Bầu trời rất nhiều mây và sao. -Không ai tắm hai lần trên một dòng sông => Các câu trên đều không có dấu hiệu của câu hỏi, câu cảm, câu khiến→Câu trần thuật.	- Dùng để kể, thông báo nhận định, miêu tả, giải thích, giới thiệu... - Ngoài ra còn dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... (Mang chức năng của các kiểu câu khác) *Ví dụ: -Hôm nay cả lớp được nghỉ→ Thông báo - Nắng vàng rất trên từng cành lá, trong xa xa lấp lánh tựa những giọt pha lê→ Tả - Cậu lấy giúp tờ quyển sách kia với→ Nhờ vả - Tớ cảm ơn cậu đã mang cho tớ mượn cuốn sách rất hay→ Cảm ơn - Chỉ vì tôi hung hăng, liều lĩnh khiến

		Nam bị thương, giờ tôi ân hận nhiều lắm! → Bộc lộ cảm xúc (Hối hận) - Là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến trong giao tiếp.
*Lưu ý: -Về hình thức ta dùng phương pháp loại trừ, nếu không mang đặc điểm của 3 loại câu hỏi, cảm, khiến => Câu kể -Chức năng câu kể có rất nhiều chức năng như: kể, tả, giới thiệu, khẳng định. Phủ định, thông báo, trình bày, cảm ơn... Đây là những chức năng chính. Ngoài ra câu kể có thể mang chức năng của các kiểu câu khác như bộc lộ cảm xúc, ra lệnh, đề nghị...Nên khi xét chức năng của câu kể ta cần chú ý đến mục đích của câu. *Ví dụ: Xin lỗi, anh vui lòng không hút thuốc lá ở đây. =>Câu không hướng tới xin lỗi mà mục đích dùng với mục đích để đề nghị 1 cách lịch sự không nên hút thuốc lá ở đây.		

II. Bài tập bổ trợ

Câu 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Bà Hai bỗng lại cất tiếng:

– Thấy nó ngủ rồi ư? Dậy đi tôi bảo cái này đã.

Ông Hai bật ngóc đầu dậy, giơ tay trở lên nhà trên, ông hít hai hàm răng lại mà nghĩ:

– Im! Khổ lắm! Nó mà nghe thấy lại không ra cái gì bây giờ.

(Kim Lân)

a) Trong những câu trên, câu nào là câu trần thuật, câu nào là câu nghi vấn, câu nào là câu cầu khiến, câu nào là câu cảm thán?

b) Nêu những dấu hiệu của mỗi câu nói trên.

Câu 2: Cho các câu sau, hãy cho biết đó là kiểu câu gì? Tác dụng của kiểu câu ấy?

a. Sao cậu lười học thế ?

b. Hãy gọi người hàng hành vào cho ta !

c. Bác có thể cho cháu ngồi nhờ một lát được không ạ ?

d. Cậu không làm thì ai làm đây ?

e. Có phá hết các vòng vây đi không ?

f. Hấn vừa đi vừa chửi.

g. Mẹ kiếp!

h. Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hấn không?

i. Tức thật!

Câu 3: Đặt 1 câu nghi vấn, 1 câu cầu khiến, 1 câu trần thuật dựa vào nội dung dưới đây :

-Nhờ bạn đưa giúp 1 quyển sách

-Muốn người khác đưa cho chiếc thang

Câu 4: Hãy viết một đoạn văn chủ đề về quê hương, trong đó có sử dụng cả bốn kiểu câu: Câu cảm, câu khiến, câu hỏi, câu kể. (Gạch chân chú thích rõ)

*Gợi ý:

Câu 1:

-**Câu kể:** “Bà Hai bỗng lại cất tiếng”, “Ông Hai bật ngóc đầu dậy, giơ tay trở lên nhà trên, ông sít hai hàm răng lại mà nghiêng”, “Nó mà nghe thấy lại không ra cái gì bây giờ” => Không có dấu hiệu của các kiểu câu còn lại, kết thúc bằng dấu chấm

-**Câu hỏi:** Thấy nó ngủ rồi ư? => Có từ để hỏi “ư”, dấu hỏi chấm (?)

-**Câu khiến:** Dạy đi tôi bảo cái này đã. => Từ cầu khiến “đi”, có ngữ điệu câu khiến, kết thúc bằng dấu chấm (.)

Im! => Ngữ điệu cầu khiến, dấu chấm than (!)

-**Câu cảm:** Khổ lắm! => Có từ cảm thán “Khổ lắm”, dấu chấm than (!)

Câu 2:

Ví dụ	Kiểu câu	Tác dụng
a. Sao cậu lười học thế ?	Nghi vấn	Khẳng định
b. Hãy gọi người hàng hành vào cho ta	Cầu khiến	Ra lệnh
c. Bác có thể cho cháu ngồi nhờ một lát được không ạ ?	Nghi vấn	Nhờ vả
d. Cậu không làm thì ai làm đây ?	Nghi vấn	Phủ định và khẳng định
e. Có phá hết các vòng vây đi không ?	Nghi vấn	Ra lệnh
f. Hấn vừa đi vừa chửi.	Trần thuật	Kể
g. Mẹ kiếp!	Cảm thán	Bộc lộ cảm xúc tức giận
h. Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hẳn không?	Nghi vấn	Bộc lộ cảm xúc
i. Tức thật!	Cảm thán	Bộc lộ cảm xúc tức giận

Câu 3:

-Câu hỏi: +Bạn lấy giúp mình quyển sách được không?

+Bác cho cháu mượn cái thang được không ạ?

-Câu khiến: +Bạn lấy cho mình quyển sách kia đi

+ Ra kia lấy thang cho anh ngay!

- Câu kể: + Bạn lấy giúp mình quyển sách kia với
- + Bố đưa hộ con chiếc thang với ạ!

Câu 4:

- Đảm bảo hình thức một đoạn văn.
- Đảm bảo nội dung về quê hương, trong đoạn văn có sử dụng bốn kiểu câu: Câu cảm, câu khiến, câu hỏi, câu kể.

*Đoạn mẫu

Quê hương có một vị trí quan trọng trong lòng mỗi người. Mỗi người dân Việt Nam đều có tình cảm thiêng liêng gắn bó với quê hương xứ sở của mình. Đối với những con người lao động, nhất là người nông dân, họ đã gắn bó mật thiết với quê hương. Từ lúc cất tiếng khóc chào đời, rồi tuổi thơ đẹp đẽ, những công việc lao động, rồi cuộc sống gia đình, cho tới lúc chết họ đã sống gắn liền với làng quê. Tình cảm yêu quê hương đất nước là một truyền thống tốt đẹp và đáng quý của dân tộc Việt Nam. Cho dù có ở nơi xa nhưng mỗi người vẫn luôn nhớ về quê nhà của mình. Quê hương như một người mẹ hiền ôm ta vào lòng và dành cho ta những gì tốt đẹp nhất. Quê mẹ là nơi ấp ủ tình yêu thương, nơi nuôi ta lớn, dạy dỗ, an ủi che chở cho ta. Quê hương - hai tiếng thân thương mỗi lần nghe thấy chúng ta không khỏi xúc động bồi hồi. Tình yêu quê hương đã ăn sâu vào máu thịt, đi sâu vào lòng mỗi con người. Vì vậy nếu ai chưa nhận thức chưa có tình cảm gắn bó với xứ sở của mình thì hẳn họ chưa được coi là trưởng thành. Quê hương đi vào lòng con người một cách rất tự nhiên. Người ta có thể nhớ tới quê hương đất nước của mình chỉ qua một món ăn bình dị hay một địa danh đã gắn liền với những kỷ niệm đẹp... Ôi quê hương sao đẹp quá ! Thử hỏi có ai là không yêu quê hương không ? Câu trả lời tất nhiên là không rồi . Nếu bạn yêu quê hương thì hãy phát triển nó thật giàu mạnh nhé.

- Câu hỏi :Thử hỏi có ai là không yêu quê hương không ?
- Câu khiến : Nếu yêu quê hương thì hãy phát triển quê hương mình cho giàu đẹp nhé!
- Câu cảm:Ôi quê hương sao đẹp quá !
- Câu kể :Từ lúc cất tiếng khóc chào đời, rồi tuổi thơ đẹp đẽ, những công việc lao động, rồi cuộc sống gia đình, cho tới lúc chết họ đã sống gắn liền với làng quê.

BÀI 10: CÂU KHẲNG ĐỊNH VÀ CÂU PHỦ ĐỊNH



Câu khẳng định: là loại câu mang ý nghĩa đồng ý, chắc chắn với một ý kiến, sự việc hay vấn đề nào đó.



Câu phủ định là loại câu mang ý nghĩa phản bác, phản đối hay không đồng ý với một ý kiến, sự việc hay vấn đề nào đó



=> Mỗi câu mang một ý nghĩa và mục đích sử dụng riêng để đạt được hiệu quả giao tiếp nhất định trong lời nói giao tiếp hoặc trong văn chương.

I. Trọng tâm kiến thức

1. Khái niệm

-Câu khẳng định: là loại câu mang ý nghĩa đồng ý, chắc chắn với một ý kiến, sự việc hay vấn đề nào đó.

Ví dụ: Cuối tuần này gia đình mình đi về quê.

-Ngày mai môn Toán có bài tập.

=>Khẳng định có sự tồn tại của sự việc “về quê” và môn toán “có bài tập”

-Câu phủ định là loại câu mang ý nghĩa phản bác, phản đối hay không đồng ý với một ý kiến, sự việc hay vấn đề nào đó. Câu phủ định thường chứa các từ như: không, chẳng, chả, chưa, không phải, đâu có phải... (Khi nhìn thấy những câu có chứa các từ này có thể biết được đó là các câu phủ định)

Ví dụ:

Cuối tuần này gia đình mình không đi về quê.

Ngày mai môn Toán chẳng có bài tập.

=>Chức các từ không, chưa, nhằm bác thông báo không có sự xuất hiện của sự việc “về quê” hay “có bài tập toán

➔ **Thực chất hai loại câu này đều thuộc câu kể, chỉ là chức năng khác nhau, trái ngược nhau mà thôi.**

2. Đặc điểm của câu phủ định

Tiêu chí	Câu phủ định	Ví dụ
Phân loại	-Câu phủ định bác bỏ: được sử dụng để thông báo, xác định rằng không có sự vật, sự việc, tính chất hay quan hệ nào đó mà chúng ta chắc chắn rằng nó sẽ sai hoặc không hợp lí. -Dùng trong trường hợp phản bác một ý kiến hay nhận định từ cá nhân, tổ chức... Trong trường hợp này được gọi là câu phủ định bác bỏ. Chức năng này được sử dụng nhiều khi trong bối cảnh một cuộc họp, thảo luận mỗi người sẽ đưa ra ý kiến của mình và cũng sẽ có người phản bác, đưa ra những ý kiến ngược lại.	*Ví dụ 1: - Linh không làm bài tập toán. => Xác nhận không có sự việc bằng từ phủ định “không” và sự việc là “làm bài tập toán” -Hà làm việc đó không sai. => Xác nhận không có tính chất bằng từ phủ định “không” và từ mô tả tính chất “sai”. * Ví dụ 2: A: Ngày mai chúng ta cùng đi ăn tối được không ? B: Ngày mai không được vì tôi có việc bận rồi. => Câu phủ định bác bỏ bao giờ cũng sẽ xuất hiện sau một ý kiến, một nhận xét được đưa ra trước đó nên nó sẽ không bao giờ đứng ở đầu đoạn văn.

***Cách phân biệt câu phủ định miêu tả và câu phủ định bác bỏ:**

-Dựa vào vị trí để phân biệt: câu phủ định bác bỏ bao giờ cũng phải đứng sau một ý kiến, nhận định nào đó đưa ra trước đó. Vì vậy, câu phủ định bác bỏ thường sẽ không đứng ở đầu câu.

Dựa vào hoàn cảnh để phân biệt: nhiều trường hợp chúng ta không thể dựa vào dấu hiệu hình thức để phân biệt thì cần dựa vào hoàn cảnh cụ thể để biết được đó là phủ định miêu tả hay phủ định bác bỏ

Ví dụ:

Mẹ: Con đi ra ngoài chơi rồi à ?

Con: Đâu có đâu, con vẫn đang ở nhà mà.

➔ Câu phủ định là câu “Đâu có đâu, con vẫn đang ở nhà mà.”, đứng sau một ý kiến đã xuất hiện trước đó “Con đi ra ngoài chơi rồi à ?”.

➔ Đặt trong bối cảnh người mẹ nói chuyện với con, có thể mẹ đi làm về không thấy bạn ở nhà (nhưng thực ra bạn đang ở trong phòng) và mẹ gọi điện cho bạn. Từ “đâu có” phủ định lại ý kiến của mẹ, nói rằng mình vẫn đang ở nhà.

***Lưu ý:**

-Trong câu có cấu trúc: Phủ định + Phủ định = Ý nghĩa khẳng định (Vẫn là câu phủ định nhưng mang ý nghĩa khẳng định)

Ví dụ: Trầm rất đau xót về việc đó, không thể không dòi dòi

→ Từ phủ định “không + không” = câu “Trầm rất đau xót về việc đó, nên phải dòi dòi”

- Trong câu phủ định: Phủ định + Từ nghi vấn = Ý nghĩa khẳng định

Ví dụ: Câu chuyện ấy ai mà chẳng biết

→ Từ nghi vấn “ai” + “chẳng” (từ phủ định) = Câu chuyện ấy ai cũng biết

-Cấu trúc “không những/chẳng những ... mà còn” không được dùng để biểu thị ý nghĩa phủ định.

Ví dụ: Người Hà Nội không những thanh lịch mà còn vô cùng hiếu khách.

→ “Không những... mà còn” dùng mang ý nghĩa nói tiếp, bổ sung

-Câu nghi vấn, câu cảm thán cũng có thể mang ý nghĩa khẳng định (Không phải câu phủ định nhưng mang nghĩa phủ định)

Ví dụ: A: Cái Lan xinh quá nhỉ!

B: Nó mà xinh á?

→ Câu “Nó mà xinh á?”, dùng để bác bỏ ý kiến của câu xuất hiện trước đó=> Không phải câu phủ định mà là câu hỏi, nhưng mang nghĩa phủ định

***Các bước thực hiện xác định câu phủ định**

+Bước 1: Tìm các từ phủ định

+Bước 2: Phân loại câu phủ định

+Bước 3: Xác định ý nghĩa của câu phủ định được dùng

***Ví dụ: Tôi không ăn cơm tối nay**

+Bước 1: Từ phủ định “không” => Câu phủ định

+Bước 2: Câu phủ định miêu tả (Vì trước nó không có ý kiến nào được đưa ra)

+Bước 3: Dùng để xác nhận không có sự việc “tôi ăn cơm vào tối nay”

II. Bài tập bổ trợ

Câu 1: Tìm từ ngữ phủ định và cho các câu đó là phủ định miêu tả hay bác bỏ của mỗi câu sau.

a. Tôi không biết anh ấy làm nghề gì.

b. Nó chưa được học tiếng Pháp.

c. Ngày mai chúng ta không phải đến đó nữa.

d. – Em đã là vỡ lọ hoa của lớp à?

– Em không hề làm vỡ lọ hoa ạ.

Câu 2: Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp.

Nếu Tô Hoài thay từ “không” bằng từ “chưa” thì nhà văn phải viết lại câu văn này như thế nào? Nghĩa của câu có thay đổi không? Câu nào phù hợp với câu chuyện hơn, vì sao?

Câu 3: Những câu sau đây có phải câu phủ định không? Những câu này dùng để làm gì? Đặt những câu có ý nghĩa tương đương

a) Đẹp gì mà đẹp!

b) Làm gì có chuyện đó!

c) Bài thơ này mà hay à!

d) Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chẳng.

Câu 4: Tìm và nêu tác dụng của câu phủ định trong các câu sau đây:

a. Sao đặc trời cao sáng suốt đêm
Sao đêm chung sáng chẳng chia miền
Trời còn có bữa sao quên mọc
Anh chẳng đêm nào chẳng nhớ em.
(*Đêm sao sáng – Nguyễn Bính*)

b. Chờ mãi anh sang anh chả sang
Thế mà hôm nọ hát bên làng
Năm tao bảy tuyết anh hò hẹn
Để cả mùa xuân cũng bẽ bàng

(*Mùa xuân – Nguyễn Bính*)

***Gợi ý:**

Câu 1:

- a. Từ ngữ phủ định là “không” và câu phủ định này là phủ định miêu tả.
- b. Từ ngữ phủ định là “chưa” và câu phủ định này là phủ định miêu tả..
- c. Từ ngữ phủ định là “không phải” và câu phủ định này là phủ định miêu tả.
- d. Từ ngữ phủ định là “Không” và câu phủ định này là phủ định bác bỏ.

Câu 2:

-Nếu thay đổi từ “không” bằng từ “chưa” ta có câu: “Choắt chưa dậy được nữa, nằm thoi thóp”

→ Ý nghĩa của câu khi thay sẽ có thay đổi, bởi: từ “chưa” biểu thị ý phủ định đối với điều mà cho tới thời điểm hiện tại Choắt chưa tỉnh nhưng sau đó có thể tỉnh.

→ Trái lại, từ “không” mang nghĩa phủ định sự tồn tại sự việc Choắt sẽ tỉnh lại ở cả hiện tại và tương lai. Sau khi Dế Choắt bị chị Cốc mổ đã không bao giờ dậy được nữa và sau đó chết. Vì thế, câu phủ định có từ “không” sẽ thích hợp với tình huống truyện.

Câu 3:

*Các câu đã cho không phải là câu phủ định vì không có từ ngữ phủ định, nhưng được biểu thị ý phủ định.

*Đặt câu có ý nghĩa tương đương:

- a. Không đẹp!
- b. Không có chuyện đó!
- c. Bài thơ này không hay!
- d. Tôi cũng chẳng sung sướng hơn.

Câu 4:

a. Câu phủ định: “Sao đêm chung sáng chẳng chia miền” và “Anh chẳng đêm nào chẳng nhớ em”

-Từ phủ định: chẳng

-**Tác dụng:** Khẳng định chắc chắn về nỗi nhớ mãnh liệt của chàng trai dành cho người con gái mình yêu.

b. Câu phủ định: “Chờ mãi anh sang anh chả sang”

- Từ phủ định: Chả

-Tác dụng: Nhấn mạnh sự trách móc, hờn dỗi của cô gái khi bị người yêu lỡ hẹn



Chuyên đề 4: Làm văn

Phương pháp hiện đại – mẹo hay – đột phá

Bài 1: VĂN TỰ SỰ

(Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hoá))

A. Lý thuyết

1. Khái niệm:

- Tự sự là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.

2. Đặc điểm

- Cốt truyện: là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định; có mở đầu và kết thúc.

- Nhân vật: là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,... được khắc họa trong tác phẩm. Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là con vật, đồ vật, thần tiên,...

- Người kể chuyện: là nhân vật kể lại câu chuyện, người kể chuyện có thể xưng tôi (ngôi thứ nhất) và kể về những gì mình trực tiếp chứng kiến, tham gia. Người kể chuyện có thể “giấu mình” (ngôi thứ ba), không tham gia vào câu chuyện nhưng có khả năng “biết hết” mọi chuyện.

- Lời người kể chuyện và lời nhân vật:

+ Lời người kể chuyện đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cả việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật.

+ Lời nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc đan xen với lời người kể.

3. Yêu cầu của bài tự sự kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hoá)

- Kiểu bài kể lại chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hoá thường lựa chọn kể lại một sự việc, một hoạt động liên quan đến số đông, có ý nghĩa đối với cộng đồng. Mặc dù trong bài có sử dụng yếu tố biểu cảm thể hiện những cảm xúc, ấn tượng mà chuyến tham quan gợi ra cho bản thân người viết nhưng nội dung chính của bài văn vẫn đi sâu vào kể lại diễn biến chuyến tham quan và tái hiện những đặc điểm nổi bật của di tích đó.

4. Hướng dẫn quy trình viết

****Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết***

- Xác định đề tài: Yêu cầu của đề bài là gì?

Kể lại chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hoá, như:

+ Chuyến đi thăm quan đó gắn liền với một di tích lịch sử văn hóa của địa phương

+ Chuyến đi thăm quan đó gắn liền với một di tích lịch sử văn hóa của đất nước

+ Khung cảnh thiên nhiên, kiến trúc đặc trưng của di tích lịch sử, văn hóa mà mình đặt chân đến.

+ Các sự việc diễn ra xung quanh chuyến đi, tâm trạng và hành động của mọi người trên chuyến đi ấy.

- Thu thập tư liệu:

+ Các nguồn tham khảo: sách, báo, mạng in-tơ-nét, truyền hình,...

+ Trong quá trình tìm hiểu, cần ghi chép lại những thông tin cần thiết sử dụng trong bài

****Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý***

-Sau khi lựa chọn được chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa làm đề tài cho bài viết, hãy tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

+ Chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa nào? Do ai tổ chức? Mục đích của chuyến tham quan là gì?

+ Chuyến đi diễn ra như thế nào? (trên đường đi, lúc bắt đầu đến điểm tham quan, các hoạt động chính tiếp theo,...).

+ Khung cảnh của chuyến tham quan có gì nổi bật? (cảnh thiên nhiên, các công trình kiến trúc, những hiện vật được trưng bày ở khu di tích,...).

+ Em có cảm xúc, suy nghĩ gì về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa đó? (Nêu ấn tượng về chuyến đi; hiểu biết mới về văn hóa, lịch sử của đất nước; tình cảm với quê hương...).

- **Lập dàn ý:** Sắp xếp các ý đã tìm được vào từng phần để thành dàn ý

Mở bài:

+Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.

+ Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.

Thân bài:

+ Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,...).

+ Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa (thiên nhiên, con người, công trình kiến trúc,...).

Kết bài:

+Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.

Bước 3: Viết bài

Bám sát dàn ý để viết bài. Trong quá trình viết, em cần lưu ý:

- Các ý của bài viết đảm bảo phản ánh đúng trình tự thời gian của chuyến tham quan, ứng với từng điểm không gian khu di tích.

- Nêu được những hoạt động nổi bật khiến chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa để lại ấn tượng, cảm xúc sâu đậm cho em.

- Ngôn ngữ bài viết cần sinh động, vừa kể chi tiết, cụ thể vừa thể hiện được cảm xúc; sử dụng các biện pháp tu từ như so sánh, điệp ngữ, các yếu tố miêu tả, biểu cảm,... để tăng sức hấp dẫn cho bài viết.

Bước 4: Chính sửa bài viết.

Sau khi hoàn thành bài viết, rà soát và chỉnh sửa theo gợi ý sau:

- Nếu bài viết chưa giới thiệu rõ về chuyến tham quan, cần viết cụ thể hơn.
- Nếu bài viết nêu chưa đầy đủ các hoạt động chính theo trình tự thời gian thì bổ sung và sắp xếp lại.
- Nếu việc kể, tả chưa làm nổi bật được đặc điểm của khu di tích và ấn tượng của người viết thì hình dung lại để viết thêm.
- Nếu bài viết chưa nêu rõ suy nghĩ, cảm xúc về chuyến đi thì bổ sung.

5. Bài tập minh họa

Đề bài : Viết bài văn kể lại kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hoá) mà em được tham gia

Cuộc đời mỗi con người là hành trình nối di bởi những chuyến đi khác nhau, để rồi sau mỗi chuyến đi ấy, chúng ta lại đón nhận thêm được nhiều điều mới mẻ, đáng nhớ. Với tôi cũng vậy, may mắn được tham gia rất nhiều chuyến tham quan, nhưng chuyến tham quan mà tôi nhớ nhất là chuyến tham quan Mai Châu – Hòa Bình năm ngoái cùng cả lớp. Chuyến đi giúp chúng tôi khám phá vẻ đẹp quê hương đất nước và bồi dưỡng tình cảm với mảnh đất xinh đẹp này.

Thời điểm cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm học lớp 7, lớp chúng tôi tổ chức một chuyến đi tham quan xa 2 ngày 1 đêm. Thông báo đột ngột đến khiến cả lớp bất ngờ và vô cùng vui sướng. Đứa nào đứa ấy đều nôn nóng, rồi rít chuẩn bị đồ đạc. Hai ngày sau đó, chúng tôi xuất phát. Xe du lịch chậm chậm rời khỏi nội thành thủ đô, ánh nắng khuất dần sau những tòa nhà cao chót vót. Khói bụi và tiếng còi xe ồn ào cũng biến mất dần ở phía sau, xe đưa chúng tôi băng qua những con đường bóng cây xanh rợp mát. Đến gần trưa, núi đồi và những rừng cây xanh mát nhanh chóng choáng ngợp trước tầm mắt háo hức của chúng tôi. Hòa Bình đã chập chững bước chân sang mùa đông nên càng lên cao, những hạt mưa li ti càng lất phất. Chúng tôi nghỉ chân tại Đào Thung Khe (Đèo đá trắng). Đứng trên đèo nhìn xuống, tôi nhìn thấy toàn cảnh thung lũng Mai Châu từ trên cao. Bác tài còn nói, một ngày ở Thung Khe cũng như trải qua 4 mùa trong năm vậy. Xe lại lăn bánh, bác tài xé vừa cẩn thận cầm lái vừa giải thích một chút địa hình nơi này, những dãy núi đá đỏ gạch kia, mỗi lần mưa bão lại sụp xuống, gây bao nguy hiểm cho người đi đường và người dân nơi đây.

Xe đi qua những dãy đồi trồng mía, trồng cam – giống cam Cao Phong nổi tiếng, những ngôi nhà sàn rồi dừng lại ở một dãy nhà sàn được dùng cho du khách đến tham quan. Dưới sự hướng dẫn của cô chủ nhiệm, thầy phụ trách và các bác phụ huynh, chúng tôi thu dọn đồ đạc và nghỉ ngơi một chút. Chiều đến, một thiếu nữ xinh xắn mặc trang phục người Mèo đến hướng dẫn đoàn tham quan chúng tôi. Chị ấy mặc váy xòe rực rỡ, nói giọng miền Bắc lại vô cùng tốt. Lần lượt dẫn chúng tôi đến các điểm tham quan. Mai Châu vào tháng 10, 11, 12 ngập tràn những cánh rừng hoa đào, hoa mận trắng xóa. Địa điểm đầu tiên là Bản Lác và bản Poom Coọng – 2 làng du lịch lớn nhất và đông đúc nhất ở Mai Châu. Đến đây, chúng tôi được thưởng thức đặc sản Mai Châu, mua quà lưu niệm và khám phá những nét văn hóa, đời sống, lễ hội của người dân Mai Châu. Đi hết hai bản này trời cũng sập tối, đoàn trở về nhà sàn, ăn uống, vui chơi. Trong đêm hôm ấy, lũ chúng tôi lần đầu tiên nằm cạnh bên nhau, thì thầm nhỏ to những câu chuyện bí mật.

Sáng sớm hôm sau, tôi giật mình nghe tiếng gà như tiếng gà ở những miền quê, không khí Mai Châu yên bình và trong lành vô cùng. Chúng tôi đánh răng, rửa mặt, ăn sáng rồi lại lên những chiếc xe điện, tiếp tục tham quan. Nơi chúng tôi đến là Hang Mỏ Luông và Hang Chiếu – 2 quần thể hang động lớn và đặc sắc ở Mai Châu. Bước vào hang động, tôi ngỡ ngàng nhìn ngắm những nhũ đá hàng nghìn năm tuổi, nhiều hình thù và màu sắc cực đẹp, không thua gì nhũ đá ở Phong Nha Kẻ Bàng. Xe điện chậm chậm chạy qua những bản làng của người dân tộc, những cánh đồng lúa bao la dần ngả vàng, người dân nơi đây dõi mắt theo xe. Cuộc sống của họ còn rất nhiều khó khăn. Nhìn những thiếu nữ còn ít tuổi đã hai tay ôm hai đứa trẻ, lòng tôi trào dâng niềm thương cảm. Trên con đường về nhà sàn, chúng tôi gặp cả những gia đình người nước ngoài, họ vui vẻ đạp xe, thân thiện vẫy tay chào chúng tôi. Cuộc vui nào cũng đến hồi kết, chúng tôi dạo quanh những khu bán đồ của người dân địa phương, mua quà lưu niệm. Những ống cơm lam thơm ngọt ngào, những vật dụng, trang phục thổ cẩm xinh đẹp khiến mọi người nhìn không chớp mắt. Tạm biệt Mai Châu, xe ngược đường quay lại thủ đô. Điều đặc biệt trong chuyến đi ấy là trên đường về, chúng tôi còn được tự tay vào những vườn cam Cao Phong, hái những quả cam tươi để mang về.

Hà Nội náo nhiệt lại gần ngay trước mắt. Chúng tôi mỗi người ôm một món quà của Mai Châu, mang theo một ấn tượng riêng về thiên nhiên và con người Mai Châu, lòng tự nhủ sẽ lần nữa về tham quan nơi bản làng xinh đẹp ấy.

Mở bài	- Vị trí: đoạn 1 - Nội dung: + Giới thiệu khái quát chuyến tham quan Mai Châu – Hòa Bình
Thân bài	- Vị trí: Đoạn (2) – (3)-(4). - Nội dung: + Kể lại theo trình tự thời gian, diễn biến chuyến đi. (Thời điểm xuất phát, cảm xúc hồi tưởng lại, các hành động, thái độ của mọi người, quãng đường tới địa điểm tham quan, quang cảnh,...) + Các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm đan xen.
Kết bài	- Vị trí: Đoạn (5). - Nội dung: Nêu cảm nhận về ý nghĩa với bản thân đối với chuyến đi.

***Lưu ý:** Sử dụng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này trong bài viết. Mặc dù đây là kiểu bài văn tự sự nhưng sử dụng yếu tố miêu tả sẽ giúp người viết tái hiện được những đặc điểm nổi bật của di tích lịch sử, văn hoá (ví dụ: phong cảnh hữu tình, con người thân thiện, nông hậu, công trình kiến trúc độc đáo,...); còn sử dụng yếu tố biểu cảm sẽ giúp người viết phát biểu cảm xúc mà chuyến tham quan gợi ra cho bản thân (chẳng hạn: gắn bó hơn với bạn bè, thầy cô; hiểu và yêu thêm quê hương, đất nước; tự hào về truyền thống của cha ông; sống có trách nhiệm hơn để xứng đáng với thế hệ đi trước;...).

Bài 2: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

(Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

A. Lý thuyết

1. Khái quát về dạng đề nghị luận văn học

Có 4 dạng đề nghị luận văn học thường gặp về bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật ở lớp 8:

***Dạng 1:** Phân tích / Cảm nhận => Dạng đề cơ bản nhất.

VD: Cảm nhận của em về hình ảnh người vợ trong thi phẩm “Thương vợ” (Tú Xương)

***Dạng 2:** Chứng minh nhận định => Dạng đề hay gặp trong đề thi học sinh giỏi, thi chuyên

VD: Chứng minh nhận định : “Cảnh sắc mùa thu đẹp nhưng tĩnh lặng vắng bóng người, vắng cả âm thanh dù đó là sự chuyển động nhưng đó là sự chuyển động rất khẽ khàng và cả tiếng cá đớp mồi cũng không làm không gian xao động” trong bài thơ “Thu điếu”

***Dạng 3:** So sánh văn học

VD: So sánh hình ảnh thiên nhiên ở bài thơ “Thu điếu” và “thu ẩm” của Nguyễn Khuyến

***Dạng 4:** Liên hệ

VD: Cảm nhận của em về bài thơ “Tự tình”

của Hồ Xuân Hương

Từ đó liên hệ với thân phận người phụ nữ trong tác phẩm “Truyện người con gái Nam Xương” (Nguyễn Dữ) để làm rõ số phận của những người phụ nữ trong xã hội xưa?

Lưu ý: Dạng 1 là dạng cơ bản nhất, là tiền đề để làm được tất cả các dạng còn lại, cũng là dạng đề lớp 9. Bởi vậy những phương pháp dưới đây sẽ tập trung giúp học sinh làm thành thạo dạng 1 (dạng đề phân tích, cảm nhận).

2. Yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật

- Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ,...); nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.

- Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ.

- Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,...)

- Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.

3. Hướng dẫn quy trình viết

Bước 1: Phân tích đề (2 phút - gạch chân vào đề)

***Gạch chân vào đề:**

- Vấn đề nghị luận: đề bài yêu cầu làm rõ điều gì? (thường nằm sau chữ “về...”, “cảm nhận của em về...”, “phân tích về...”)

- Phạm vi phân tích: những khổ thơ nào, đoạn trích nào, nhân vật nào... cần phân tích

VD1: Phân tích bài thơ “Thu điều” của Nguyễn Khuyến

=> Vấn đề nghị luận: Nội dung và nghệ thuật của bài thơ

=> Phạm vi phân tích: Cả bài thơ

VD2: Phân tích bức tranh thiên nhiên trong bài thơ “Thu điều” của Nguyễn Khuyến.

=> Vấn đề nghị luận: Bức tranh thiên nhiên

=> Phạm vi phân tích: 6 câu thơ đầu trong bài thơ “Thu điều”

*Lưu ý: Ở lớp 8 đối với học sinh bình thường chủ yếu các em sẽ đi phân tích cả bài thơ, chưa có những yêu cầu riêng về nội dung như Ví dụ 2

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý (10 phút - Ghi nhanh ra nháp hoặc gạch vào đề)

Tìm ý(5 phút - Ghi nhanh ra nháp hoặc gạch vào đề)

- Tìm hiểu nhan đề và bố cục của bài thơ để nhận biết đề tài và nội dung chính
- Chia tách bài thơ thành các phần và xác định nội dung chính của từng phần.
- Tìm những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ (và gạch chân (thông thường bài thơ thất ngôn hay sử dụng đối, đảo ngữ, ẩn dụ... cần chú ý vào các biện pháp này)
- Tìm hiểu thông tin cơ bản về tác giả, về hoàn cảnh sáng tác để hiểu thêm về bài thơ (Để hiểu được tính cách, con người, đặc điểm xã hội, cuộc đời tác giả từ đó phân tích bài thơ)

VD: Phân tích bài thơ “Tự tình”

*Thể thơ: Thất ngôn bát cú

*Giải thích nhan đề Tự tình:

"Tự tình" là tự bộc lộ tâm tình. Ở đây có thể hiểu là nhà thơ tự đối diện với chính mình để tự vấn, xót thương.

=> Ý nghĩa nhan đề:

+ Tự tình là tự bộc lộ, giải bày tâm trạng, tình cảm của mình. Hay nói cách khác là sự hé mở nỗi lòng khó nói của tác giả Hồ Xuân Hương.

+ Là tiếng nói thương cảm đối với số phận hẩm hiu của người phụ nữ Việt Nam thời phong kiến, đồng thời đề cao vẻ đẹp và khát vọng sống của họ.

*Xác định bố cục và nội dung từng phần (Đây là căn cứ để khi phân tích ta bám sát vào làm)

+ Đề (hai câu đầu): Nỗi niềm buồn tủi cô đơn của nữ sĩ trong đêm khuya thanh vắng

+ Thực (hai câu tiếp): Tình cảnh đầy chua xót, bế bàng

+ Luận (hai câu tiếp theo): Thái độ phản kháng phần uất

+ Kết (hai câu cuối): Tâm trạng chán chường, buồn tủi

*Xác định nhanh đặc Sắc về nghệ thuật, nội dung:

-Nội dung: Tâm trạng cô đơn, buồn tủi, mĩa mai phần uất trước duyên phận éo le ngang trái, khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nhà thơ.

-Nghệ thuật:

+Từ ngữ, hình ảnh giản dị nhưng giàu sức biểu cảm, táo bạo, in đậm cá tính sáng tạo của nữ sĩ.

+ Việt hóa thơ Đường mang nét dân gian – dân tộc theo phong cách riêng của HXH.

+Biện pháp đối lập, ẩn dụ

*Tìm hiểu thêm thông tin về tác giả:

- **Tác giả:** Hồ Xuân Hương chưa rõ năm sinh, năm mất.

+Theo các tài liệu lưu truyền quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An nhưng sống chủ yếu ở kinh thành Thăng Long.

+ HXH là thiên tài kì nữ nhưng cuộc đời gặp nhiều bất hạnh, 2 lần lấy chồng, 2 lần làm lẽ và cuối cùng sống cô đơn.

+ Nổi bật trong sáng tác thơ của Hồ Xuân Hương là tiếng nói thương cảm đối với người phụ nữ, là sự khẳng định, đề cao vẻ đẹp và khát vọng của họ dựa trên chất liệu dân gian, trào phúng. -> Được mệnh danh là “Bà chúa thơ Nôm”.

-Hoàn cảnh sáng tác:

+ Bài thơ “Tự tình”(II) nằm trong chùm thơ tự tình gồm 3 bài của Hồ Xuân Hương.

+ Đây là chùm thơ nữ sĩ viết để tự kể nỗi lòng, tâm tình của mình. Tác phẩm được viết bằng chữ Nôm, làm theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật với bố cục bốn phần: đề, thực, luận, kết. Bài thơ thể hiện thái độ, tâm trạng vừa đau đớn, vừa phẫn uất trước thực tại đau buồn, tuy vậy, bà vẫn gắng gượng vươn lên, nhưng rồi vẫn rơi vào bi kịch. Dựa vào nội dung bài thơ, ta có thể đoán bài thơ được sáng tác khi bà đã gặp phải những éo le, bất hạnh trong tình duyên.

Lập dàn ý (5 phút - Ghi nhanh ra nháp hoặc gạch vào đề)

Dàn ý cơ bản của dạng đề phân tích bài thơ thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt:

Phần	Nội dung
Mở bài	Dẫn dắt + Đặt vấn đề
Thân bài	-Luận điểm 1: Giới thiệu qua về hoàn cảnh sáng tác, ý nghĩa nhan đề của bài thơ (Không gộp vào mở bài) Luận điểm 2: Phân tích, làm sáng tỏ giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật Luận điểm 3: Đánh giá (Không trùng với kết bài)
Kết bài	Khẳng định lại vấn đề + Cảm nhận của bản thân

Bước 3: Viết bài (65 đến 70 phút - trình bày sạch sẽ, cẩn thận)

- Khi viết bài, cần bám sát dàn ý đã lập; sử dụng đa dạng các hình thức trích dẫn; kết hợp phân tích với nhận xét, đánh giá

- Sử dụng từ ngữ chính xác, chọn lọc; diễn đạt sáng rõ, thể hiện được cảm xúc của người viết

- Chú ý sự khác nhau về yêu cầu, mục đích của kiểu bài ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ và kiểu bài phân tích một bài thơ

Bước 5: Đọc lại bài (3 phút - nếu còn thời gian)

- Chú ý đọc lại những câu mở bài, thân bài, kết kết xem đã viết đúng, rõ ràng chưa.
- Soát lỗi chính tả.
- Nếu có lỗi cần sửa thì gạch đi sửa lại thật sạch sẽ.

4.Cách viết từng đoạn trong bài văn phân tích

PHƯƠNG PHÁP VIẾT MỞ BÀI (5 phút)

***Mở bài trực tiếp:** giới thiệu tác giả, tác phẩm => Vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích.

VD: *Hồ Xuân Hương là một cây bút tiêu biểu của nền văn học Trung đại viết về người phụ nữ. Thơ bà mộc mạc, giản dị, giàu cảm xúc, thể hiện sâu sắc tình cảm, xót xa trước nỗi bất hạnh của kiếp “lấy chồng chung” trong xã hội phong kiến. Tiêu biểu trong sự nghiệp sáng tác của Hồ Xuân Hương phải kể tới đó là thi phẩm “Tự Tình”. Bài thơ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc về tâm trạng cô đơn, buồn tủi, mĩa mai phần uất trước duyên phận éo le ngang trái, khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nhà thơ*

=> **Nhận xét:** *Cách viết này nhanh, đảm bảo đúng, đủ, nhưng không ấn tượng.*

*** Mở bài gián tiếp:** Dẫn dắt từ đề tài/phong cách sáng tác/nhận định/cảm nhận cá nhân...

+Nêu vấn đề và phạm vi phân tích

Dưới đây là một số cách dẫn dắt:

- Cách 1: Dẫn dắt từ đề tài sáng tác

+ Trình tự viết: Nêu tên đề tài => dẫn ra khoảng 2 đến 3 tác phẩm thuộc đề tài đó => Dẫn vào tác phẩm => Dẫn vào vấn đề cần nghị luận

+ Công thức: Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, + tên đề tài + không biết tự bao giờ đã trở thành cội nguồn sáng tác cho biết bao người nghệ sĩ. Chúng ta từng biết tới...+ trích dẫn 2 - 3 tác phẩm, tác giả tiêu biểu viết về đề tài đó. Và khi đến với những sáng tác của + Tên tác giả, chúng ta lại thêm một lần nữa được nhìn về một tác phẩm nổi bật thuộc đề tài này đó là + tên tác phẩm => Nêu vấn đề cần nghị luận.

Hoặc: Trong nền văn học Việt Nam trung đại, + tên đề tài + không biết tự bao giờ đã trở thành cội nguồn sáng tác cho biết bao người nghệ sĩ. Và + tên tác giả + là một trong những cây bút tiêu biểu sáng tác về đề tài này. Tên tác phẩm + của ông/bà + đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc bằng những trang thơ/trang văn đậm màu sắc + đặc điểm của đề tài trong tác phẩm của họ => Nêu vấn đề

VD: *Nền văn học Việt Nam Trung đại, đề tài người phụ nữ không biết tự bao giờ đã trở thành cội nguồn sáng tác cho biết bao người nghệ sĩ. Và Hồ Xuân Hương là một trong những cây bút tiêu biểu sáng tác về đề tài này. Thi phẩm “Tự tình” của bà đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc bằng những vần thơ đầy đau đớn, xót xa, tiếc thương cho những người phụ nữ nói chung và thân phận mình nói riêng. => Nêu vấn đề.*

- Cách 2: Dẫn dắt từ cảm nhận cá nhân, có lồng ghép kiến thức lí luận văn học

+ Trình tự viết: Nêu suy nghĩ cá nhân về giá trị của văn chương => Dẫn ra tác giả tác phẩm => Nêu vấn đề.

+ Công thức: Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân. => Tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận

+ Hoặc: Nếu phải chọn ra ý nghĩa cao cả nhất của văn chương trong đời sống thì đó là việc văn chương đã cống hiến cho cuộc đời này những câu chuyện đẹp đẽ, những nhân vật gần gũi mà ẩn tượng cùng bao suy ngẫm sâu xa trong tâm hồn các nghệ sĩ.

+ **Một số cách dẫn dắt khác:**

1. Dostoevski đã từng viết khi lý giải về động lực cảm bút của mình: “Tôi hãy còn một trái tim, một dòng máu nóng để yêu thương, cảm thông và chia sẻ.” Còn R. Targó – nhà thơ vĩ đại của Ấn Độ lại bày tỏ mong muốn sau khi từ giã cõi đời được nhắn nhủ lại một lời: “Tôi đã từng yêu”. Có phải bởi những nhà văn, nhà thơ vĩ đại – họ chính là những con người đã sống, đã yêu hết mình và thậm chí hơn ai hết giá trị của cuộc sống. Chính điều này đã khiến cho tác phẩm của bất cứ nhà thơ nhà văn nào khi viết đều dường như muốn thoát ra hết chính mình, một tác phẩm đã viết, phải viết bằng cả lý trí, tâm hồn, cả trái tim và lòng dũng cảm. (Tác phẩm) là một trong số những bài thơ như thế. Nó được viết ra bởi những thấm thía về (đề tài) của + (Tác giả) + (Dẫn vào vấn đề cần nghị luận).

2. Nếu phải tìm bản nhạc hay nhất, có lẽ tôi sẽ chọn văn chương. Bởi chỉ khi đến với văn chương, người nghệ sĩ mới được tự do để trái tim dẫn dắt, được thể hiện quan niệm của chính mình và rồi mang đến cho người đọc biết bao giai điệu cảm xúc với nhiều cung bậc. Và tác giả... đã để tác phẩm của mình là nốt ngân đầy sáng tạo trong bản hòa tấu của văn học, đặc biệt là đoạn trích...

PHƯƠNG PHÁP VIẾT THÂN BÀI (50-60 phút)

*** Yêu cầu:**

- Thân bài phải có hệ thống luận điểm rõ ràng, đầy đủ 3 luận điểm chính:

+ LĐ 1: Khái quát (1 đoạn văn)

+ LĐ 2: Phân tích (Bám sát vào bố cục, mỗi nội dung được chia trong bố cục ta căn cứ là một luận cứ để phân tích)

+ LĐ 3: Đánh giá (1 đoạn văn)

=> Thân bài gồm nhiều đoạn văn, mỗi đoạn làm rõ một nội dung nhất định (1 luận điểm hoặc 1 luận cứ).

- Luận điểm quan trọng nhất là luận điểm phân tích

*** Cách viết:**

Phương pháp viết LĐ 1: Khái quát về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, nhan đề bài thơ để người đọc có cái nhìn về tổng thể, tạo tiền đề dẫn dắt sang luận điểm phân tích.

Ví dụ: Nguyễn Khuyến sinh năm 1835 và mất năm 1909, lúc nhỏ tên là Thắng. Quê của ông ở thôn Vị Hạ, xã Yên Đỗ. Ông là một nhà thơ nổi tiếng với rất nhiều những tác phẩm nói về tình bạn. Thuở nhỏ, nhà ông rất là nghèo, không vì sự nghèo khó đó mà có thể đánh mất chí thông minh, lòng ham học của ông. Ông đã đi thi và đều đỗ đầu cả 3 kì: Hương, Hội và

Đình. Ba kì này rất là ít người có thể thi đỗ một cách dễ dàng mà chỉ có những người cực kì thông minh, có lòng ham học như Nguyễn Khuyến thì mới đỗ được. Ông còn có cái tên là Tam Nguyên Yên Đỗ vì ông đã thi đỗ ba kì thi và quê ông ở xã Yên đỗ nên mới có cái tên như vậy. Ông đã được làm quan trong 10 năm và cho đến khi thực dân pháp chiếm Bắc Bộ thì ông cáo quan về ở ẩn. Và “Thu điều” chính là một trong những thi phẩm thuộc chùm thơ có đề tài về mùa thu gồm ba bài : “Thu vịnh”, “Thu điều” và “Thu ẩm”, sáng tác khi Nguyễn Khuyến đã từ quan về ở ẩn tại quê nhà.

Phương pháp viết LĐ 2: Phân tích, làm sáng tỏ giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật

- Nội dung: Phân tích nội dung chính, phân tích từng hình ảnh, chi tiết trong bài thơ (Nên phân tích từng câu, từng hình ảnh một theo thứ tự xuất hiện trong bài thơ để không bị sót ý)

-Nghệ thuật: Xác định những đặc sắc nghệ thuật của dẫn chứng đã phân tích, nêu tác dụng của từng biện pháp nghệ thuật xuất hiện trong bài (nên đưa ra những dẫn chứng cụ thể cho những đặc sắc nghệ thuật đó), đánh giá về thể thơ, hình ảnh thơ, nhịp điệu, các biện pháp tu từ, giọng điệu...

Ví dụ: Khi phân tích bài thơ “Thu điều” ta nhận xét từng hình ảnh và ý nghĩa của hình ảnh xuất hiện trong bài thơ, tìm các biện pháp nghệ thuật được đưa ra trong từng câu, từ, hình ảnh..có nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật nhằm nhấn mạnh nội dung (chữ đen lời dẫn, chữ xanh phân tích hình ảnh làm nổi bật nội dung, chữ đỏ nghệ thuật)

Từ những nét vẽ đầu tiên trong thi phẩm, người đọc đã thấy không gian quen thuộc của một buổi câu cá:

***“Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo”.***

Câu thơ được mở ra bởi hai hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối, hài hòa “ao thu” và “thuyền câu”. Đó là những hình ảnh quá đỗi thân thuộc với người dân vùng đồng bằng chiêm trũng Bắc bộ. Ở đó, tác giả khéo léo đặt chiếc thuyền câu “bé tẻo teo” xuất hiện giữa “ao thu” tưởng như vô tình mà lại rất hữu ý. Cái hay của Nguyễn Khuyến là việc kết hợp hàng loạt các từ như số từ “Một”, danh từ chỉ số ít “chiếc”, lại đi cùng tính từ “bé tẻo teo” dường như càng khiến chiếc thuyền như co lại, bé lại chỉ còn bằng 1 chấm nhỏ trên mặt ao. Mặc dù vậy, bức tranh không trở nên lạc lõng, bất xứng mà hài hòa, cân đối bởi hình ảnh thiên nhiên có lẽ cũng là tâm trạng của con người cô đơn, lạc lõng giữa một mùa thu rộng lớn của đất trời. Hiện lên trước mắt người đọc không chỉ có cảnh mà còn mang theo chút hơi lạnh của tiết trời. Có lẽ đã vào cuối thu nên không khí ao thu đã nhuốm hơi thở của tiết trời mùa đông “lạnh lẽo”. Từ láy “lạnh lẽo” vừa gọi ra thời tiết se lạnh vừa diễn tả cái tĩnh lặng của không gian. Cả mặt nước tĩnh lặng khiến cho làn nước mùa thu vốn đã trong lại càng “trong veo” hơn bao giờ hết. Cái “trong veo” ấy cùng với sự tĩnh lặng không gợn sóng khiến ta như có thể ngắm được rong rêu và cả bầu trời trong xanh phía dưới mặt ao. Cảnh thu thật đẹp, thật trong trẻo, thanh sơ. Hai câu thơ mà có đến bốn tiếng có vần “eo”, không chỉ có tác dụng miêu tả không khí lạnh lẽo, không gian eo hẹp rất đặc trưng của ao hồ vùng chiêm trũng Bắc bộ, mà còn gợi hình ảnh nhân vật trữ tình có chút buồn bã, cô đơn, khiến bạn đọc như chìm đắm trong cảnh thu để rồi bước vào đó cảm nhận được những rung cảm của tâm hồn thi sĩ trước cảnh đẹp mùa thu một cách thật tự nhiên và đặc biệt.

Phương pháp viết luận điểm : Đánh giá

-Nội dung: Khẳng định nội dung chính mà đề bài yêu cầu làm rõ (vấn đề nghị luận).

-Nghệ thuật: Khẳng định những đặc sắc nghệ thuật của dẫn chứng đã phân tích (nên đưa ra những dẫn chứng cụ thể cho những đặc sắc nghệ thuật đó). Đánh giá về thể thơ, hình ảnh thơ, nhịp điệu, các biện pháp tu từ, giọng điệu...

Ví dụ: Bài thơ với bút pháp thủy mặc Đường thi và vẻ đẹp thi trung hữu họa của bức tranh phong cảnh đồng thời với việc vận dụng tài tình nghệ thuật đối, Nguyễn Khuyến đã vẽ nên bức tranh thu trong trẻo, thanh sơ, tĩnh lặng và đượm buồn từ cõi lòng thi nhân. “*Thu điếu*” thực sự là bài thơ “*điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam*” (Xuân Diệu). Từ đó, qua những tiếng thơ, ta hiểu được tâm lòng yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của tác giả

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

1. Đoạn văn phân tích/ cảm nhận THƠ

a. Cách phân tích dẫn chứng

Mỗi dẫn chứng có 3 bước phân tích, có thể trình bày theo 2 cách sau:

Cách 1	Cách 2
- Bước 1: Giới thiệu dẫn chứng (Vị trí câu thơ, nội dung chính) - Bước 2: Trích dẫn chứng - Bước 3: Phân tích dẫn chứng (Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ, lí giải các hình ảnh, bình luận mở rộng về dẫn chứng...)	- Bước 1: Giới thiệu dẫn chứng (Vị trí câu thơ, nội dung chính) - Bước 2: Phân tích dẫn chứng (Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ, lí giải các hình ảnh, bình luận mở rộng về dẫn chứng...) - Bước 3: Trích dẫn chứng

VD: Phân tích 2 câu thơ: “*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo/Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo*”

=> Phân tích: Tác giả Nguyễn Khuyến đã chọn hương ao thu là điểm đầu tiên để chạm bước mùa thu về: “*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo/Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo*”. Bằng các từ “*trong veo*”, “*tẻo teo*”, nhà thơ đã diễn tả trạng thái trong trẻo, êm đềm nhỏ bé của thiên nhiên thu mình lại nơi làng quê. Tác giả khéo léo đặt chiếc thuyền câu “*bé tẻo teo*” xuất hiện giữa “*ao thu*” tưởng như vô tình mà

VD: Phân tích 2 câu thơ: “*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo/Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo*”

=> Phân tích: Tác giả Nguyễn Khuyến đã chọn hương ao thu là điểm đầu tiên để chạm bước mùa thu về. Bằng các từ “*trong veo*”, “*tẻo teo*”, nhà thơ đã diễn tả trạng thái trong trẻo, êm đềm nhỏ bé của thiên nhiên thu mình lại nơi làng quê. Tác giả khéo léo đặt chiếc thuyền câu “*bé tẻo teo*” xuất hiện giữa “*ao thu*” tưởng như vô tình mà lại rất hữu ý. Cái hay của Nguyễn Khuyến là việc kết hợp hàng loạt các từ như số từ “*Một*”,

<i>lại rất hữu ý. Cái hay của Nguyễn Khuyến là việc kết hợp hàng loạt các từ như số từ “Một”, danh từ chỉ số ít “chiếc”, lại đi cùng tính từ “bé tẻo teo” dường như càng khiến chiếc thuyền như co lại, bé lại chỉ còn bằng 1 chấm nhỏ trên mặt ao. Mặc dù vậy, bức tranh không trở nên lạc lõng, bất xứng mà hài hòa, cân đối bởi hình ảnh thiên nhiên có lẽ cũng là tâm trạng của con người cô đơn, lạc lõng giữa một mùa thu rộng lớn của đất trời.</i>	<i>danh từ chỉ số ít “chiếc”, lại đi cùng tính từ “bé tẻo teo” dường như càng khiến chiếc thuyền như co lại, bé lại chỉ còn bằng 1 chấm nhỏ trên mặt ao. Mặc dù vậy, bức tranh không trở nên lạc lõng, bất xứng mà hài hòa, cân đối bởi hình ảnh thiên nhiên có lẽ cũng là tâm trạng của con người cô đơn, lạc lõng giữa một mùa thu rộng lớn của đất trời qua hình ảnh:</i> <i>“Ao thu lạnh lẽo nước trong veo/Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo”.</i>
Lưu ý: Sử dụng linh hoạt CẢ HAI CÁCH trong 1 đoạn văn.	

b. Cách phân tích tác dụng của biện pháp tu từ

Kiến thức	Ví dụ
Bước 1: Chỉ ra tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong câu thơ (nhớ trính từ ngữ có chữ biện pháp nghệ thuật đó) Bước 2: Tác dụng riêng của từng biện pháp + Nhấn mạnh nội dung + Thể hiện thái độ của tác giả	Hai câu thơ đã được tác giả Hồ Xuân Hương sử dụng các động từ mạnh “Xiên”, “đâm” kết hợp với biện pháp đảo ngữ qua hình ảnh “Xiên ngang mặt đất”, “Đâm toạc chân mây”. Từ đó, làm tăng giá trị gợi hình gợi cảm, nhấn mạnh sức sống mãnh liệt của thiên nhiên như “rêu”, “đá”, không chịu khuất phục, đầu hàng số phận. Đồng thời thể hiện thái độ bướng bỉnh, ngang ngạnh rất HXH, bản lĩnh, phản kháng vươn lên không cam chịu.

- **Công thức 1:** Bằng việc sử dụng + tên biện pháp + từ ngữ thể hiện, + tên tác giả + đã đem đến cho bạn đọc những hình dung mở mẽ/sâu sắc về + đối tượng phân tích + Nhấn mạnh nội dung + Thể hiện thái độ của tác giả

VD: Bằng việc sử dụng các động từ mạnh “Xiên”, “đâm” kết hợp với biện pháp đảo ngữ qua hình ảnh “Xiên ngang mặt đất”, “Đâm toạc chân mây” tác giả Hồ Xuân Hương đã đem đến cho bạn đọc những hình dung mở mẽ về hình ảnh thiên nhiên, làm tăng giá trị gợi hình gợi cảm, nhấn mạnh sức sống mãnh liệt của vạn vật tự nhiên nhỏ bé “rêu”, “đá”, không chịu khuất phục, đầu hàng số phận. Đồng thời thể hiện thái độ bướng bỉnh, ngang ngạnh rất HXH, bản lĩnh, phản kháng vươn lên không cam chịu.

- **Công thức 2:** Tên tác giả + đã khéo léo/tài tình sử dụng + tên biện pháp + để đem đến những hình ảnh độc đáo về + đối tượng phân tích + Nhấn mạnh nội dung + Thể hiện thái độ của tác giả

VD: Tác giả Hồ Xuân Hương đã khéo léo sử dụng các động từ mạnh “Xiên”, “đâm” kết hợp với biện pháp đảo ngữ qua hình ảnh “Xiên ngang mặt đất”, “Đâm toạc chân mây” đã đem đến cho bạn đọc những hình ảnh độc đáo về thiên nhiên, làm tăng giá trị gợi hình gợi cảm, nhấn mạnh sức sống mãnh liệt của vạn vật tự nhiên nhỏ bé “rêu”, “đá”, không chịu khuất phục, đầu hàng số phận. Đồng thời thể hiện thái độ bướng bỉnh, ngang ngạnh rất HXH, bản lĩnh, phản kháng vươn lên không cam chịu.

- Công thức 3: Biện pháp + từ ngữ thể hiện + đã khắc họa về hình ảnh + đối tượng phân tích + Nhấn mạnh nội dung + Thể hiện thái độ của tác giả

VD: Việc sử dụng các động từ mạnh “Xiên”, “đâm” kết hợp với biện pháp đảo ngữ qua hình ảnh “Xiên ngang mặt đất”, “Đâm toạc chân mây” đã khắc họa những hình ảnh độc đáo về thiên nhiên, làm tăng giá trị gợi hình gợi cảm, nhấn mạnh sức sống mãnh liệt của vạn vật tự nhiên nhỏ bé “rêu”, “đá”, không chịu khuất phục, đầu hàng số phận. Đồng thời thể hiện thái độ bướng bỉnh, ngang ngạnh rất HXH, bản lĩnh, phản kháng vươn lên không cam chịu.

Lưu ý:

- + *Sử dụng linh hoạt các công thức đối với những biện pháp tu từ khác nhau.*
- + *Khi có nhiều biện pháp tu từ trong cùng 1 câu thơ, có thể chọn 1 trong 2 cách sau:*
 - *Cách 1: Lần lượt phân tích tác dụng, ý nghĩa của từng biện pháp.*
 - *Cách 2: Nêu hàng loạt tên biện pháp sau đó trình bày ý nghĩa chung của tất cả các biện pháp đó.*
- + *Trên đây là những công thức viết cơ bản giúp em dễ áp dụng nhất, bên cạnh đó em nên luyện viết nhiều để có thêm những cách viết khác sáng tạo và phong phú hơn.*

c.Cách bình luận mở rộng về dẫn chứng

Cách 1: Gắn dẫn chứng với hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm

VD: Phân tích bài thơ “Thu Điếu”

=> Sau khi phân tích xong vẻ đẹp của hai câu thơ đầu, em có thể bình luận mở rộng gắn với hoàn cảnh sáng tác của bài thơ như sau: *Những ngày tháng ở ẩn sau khi từ quan về quê, có lẽ đã giúp hồn thơ Nguyễn Khuyến trầm lắng, nhẹ nhàng, da diết hơn. Hình ảnh ao thu với chiếc thuyền câu giờ đây cũng chính là sự cô đơn của một con người yêu nước tha thiết nhưng lánh đời, co mình lại bên bờ ao nhỏ của quê hương. Tất cả cho ta thấy được một Nguyễn Khuyến giàu tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, tràn ngập một nỗi buồn thời thế.*

Cách 2: Gắn dẫn chứng với phong cách sáng tác của tác giả

VD: Phân tích khung cảnh thiên nhiên trong khổ thơ đầu trong bài “Sang thu”.

=> Sau khi phân tích xong về “hương ổi”, em có thể bình luận mở rộng như sau: *Với một chất thơ mang đậm hồn quê Việt Nam, sự mộc mạc, dân dã nhưng vô cùng tinh tế, Hữu*

Thỉnh đã mở ra trước mắt người đọc một bức tranh sang thu mà nét vẽ đầu tiên là hương ổi nồng nàn, xao xuyến lòng người.

VD: Phân tích dẫn chứng “Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con”.

=> Sau khi phân tích xong về hai câu thơ trên, em có thể bình luận mở rộng dựa vào quá trình sáng tác, phong cách sáng tác của Hồ Xuân Hương như sau: *Cảm hứng về thân phận người phụ nữ vẫn được tiếp nối trong hai câu thơ dư âm của cái khát khao sống, khát khao*

Lưu ý: Bình luận mở rộng về dẫn chứng là để tạo điểm nhấn, trọng tâm cho đoạn văn.

Vì vậy, nên bình luận có chọn lọc, không phải từ ngữ nào, hình ảnh nào cũng bình luận

hạnh phúc lứa đôi mãnh liệt cứ thế in sâu vào trong các vần thơ của bà, khiến người đọc phải cảm phục bản lĩnh cứng cỏi của một “bà chúa thơ Nôm” vô cùng mạnh mẽ trước cuộc đời.

Cách 3: Sử dụng câu cảm thán ngắn gọn để bộc lộ cảm xúc cá nhân về dẫn chứng.

d.Cách chuyển ý, liên kết các ý phân tích (bí kíp: tổng kết ý trước, giới thiệu ý sau)

- Cách 1: Sử dụng từ ngữ liên kết như: Bên cạnh đó..., Không chỉ vậy....., Tuy nhiên....
- Cách 2: Sử dụng câu liên kết như: Không những / Không chỉ... mà còn..., Tuy.... nhưng....
- Cách 3: Tùy vào mạch văn để liên kết sao cho phù hợp

e.Phần 2: Đánh giá

- Tùy vào vấn đề nghị luận để chọn khía cạnh đánh giá.
- Có 1 số khía cạnh đánh giá phổ biến là:
 - + Phong cách, tài năng của tác giả
 - + Đề tài sáng tác
 - + Tinh thần, tấm lòng của tác giả
 - + Trích dẫn nhận định về tác giả hoặc tác phẩm

Lưu ý: Phần đánh giá nếu có thì nên viết trong 1 - 3 câu.

PHƯƠNG PHÁP VIẾT KẾT BÀI (5 phút)

***Yêu cầu:**

Kết bài = Tổng kết lại vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích + Liên hệ, mở rộng

Trong đó:

+Tổng kết lại vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích là phần **BẮT BUỘC** phải nêu => Là phần cố định, phụ thuộc vào đề bài.

+Liên hệ mở rộng là phần không bắt buộc nhưng nên có để tạo sự cân xứng với mở bài
=> Là phần sáng tạo linh hoạt, tùy theo mở bài để có cách viết tương ứng.

*Cách viết

1.Cách viết phần Tổng kết vấn đề và phạm vi phân tích:

Cách 1: Mở rộng về đề tài

+ Công thức: Câu tổng kết => Đọc những trang thơ ấy, ta lại càng thêm trân quý tình cảm/tâm lòng/tài năng của một cây bút xuất sắc viết về + tên đề tài, góp phần làm nên diện mạo nền văn học Việt Nam phong phú và vô cùng sâu sắc.

VD: Tóm lại, bằng tiếng nói thương cảm đối với người phụ nữ, là sự khẳng định, đề cao vẻ đẹp và khát vọng của họ dựa trên chất liệu dân gian, trào phúng, ***nhà thơ Hồ Xuân Hương đã khắc họa thành công hình ảnh người phụ nữ cô đơn, nuốn tủi trước tính duyên bề bàng của đời mình***, Đọc những trang thơ ấy, ta lại càng thêm trân quý tài năng của một cây bút xuất sắc viết về đề tài người phụ nữ, góp phần làm nên diện mạo nền văn học Việt Nam phong phú và vô cùng sâu sắc.

- **Cách 2: Mở rộng về cảm xúc, ấn tượng cá nhân** (Mượn câu thơ tương đồng hoặc nhận định về tác giả khẳng định sức sống lâu bền của những tác phẩm có giá trị) => không có công thức, linh hoạt và sáng tạo tùy theo sở thích cá nhân.

5. Bài tập minh họa

Nền văn học trung đại ghi dấu ấn sâu sắc trong lòng bạn đọc với rất nhiều đề tài như: tình yêu nước, tình yêu thiên nhiên, tình bạn... Trong rất nhiều các đề tài, thì cảm hứng về số phận người phụ nữ bạc mệnh, bất hạnh cũng là một cảm hứng độc đáo được nhiều các tác giả khai phá. Một trong số các tác giả được bạn đọc yêu mến với những vần thơ viết về người phụ nữ phải nhắc đến Hồ Xuân Hương. Bởi thơ của bà luôn đem đến những cảm xúc rất thực về thân phận bèo bọt rẻ rúm, về nỗi cô đơn trong chính tình duyên của mình và những người phụ nữ như mình một cách thật đặc biệt. Tiếng lòng ấy, tâm tư ấy được gửi vào chuỗi rất nhiều thi phẩm độc đáo ở đó không thể không kể đến bài thơ “Tự tình II”- nỗi cô đơn, khao khát của người phụ nữ bất hạnh trong tình duyên dang dở.

Theo các tài liệu lưu truyền Hồ Xuân Hương quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An nhưng sống chủ yếu ở kinh thành Thăng Long. Cuộc đời Hồ Xuân Hương lận đận, nhiều nỗi éo le ngang trái: hai lần lấy chồng nhưng đều là lẽ, để đến cuối cùng vẫn sống một mình, cô độc. Chính vì nỗi cô đơn trong cuộc sống bám vào tâm trạng của bà một cách sâu sắc nên thi sĩ đã gửi nó vào các tác phẩm thơ ca, trong đó có bài thơ “Tự tình II” nằm trong chùm thơ “Tự tình” rất đặc biệt của thi sĩ. Những tiếng thơ được cất lên phải chăng là tự bộc lộ, giải bày tâm trạng, tình cảm của mình, hay nói cách khác là sự hé mở nỗi lòng khó nói của tác giả Hồ Xuân Hương. Đồng thời gửi tâm tình thương cảm đối với số phận hẩm hiu của người phụ nữ Việt Nam thời phong kiến, để rồi đề cao vẻ đẹp và khát vọng sống mạnh mẽ, cao đẹp của họ trong xã hội bất công bấy giờ.

Mở đầu bức tranh tự tình Hồ Xuân Hương đã đem đến cho người đọc dòng thời gian đêm khuya tĩnh lặng, cùng hình ảnh nhân vật trữ tình trầm tư vô cùng xót xa:

***Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn
Trơ cái hồng nhan với nước non***

Không phải khoảnh khắc bình minh, không phải khung cảnh chiều tà khi hoàng hôn buông xuống, “bà chúa thơ Nôm” chọn cho mình thời điểm “đêm khuya”. Đây là khoảng thời gian lúc nửa đêm về sáng, khi vạn vật chìm trong bóng tối, thời điểm con người hòa hợp hạnh phúc, là thời điểm của đôi lứa, không chỉ vậy “Đêm” còn khiến con người ta sống thật với lòng mình nhất, dễ bộc tâm tư của mình một cách chân thực và tự nhiên. Xuất hiện trong thơ Hồ Xuân Hương màn đêm như là chất xúc tác, là môi lửa để nhen nhóm tâm trạng của người cô đơn, thế nhưng thời gian này cũng là thời gian quen thuộc đã được nhắc tới rất nhiều lần trong thơ ca. Bước vào ca dao, đêm là nỗi nhớ của người đang yêu:

Đêm qua ra đứng bờ ao

Trông cá cá lặng trông sao sao mờ...

Đến với “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” Đặng Trần Côn đã tái hiện đêm là khoảng thời gian cô đơn, chờ mong của người phụ nữ nhớ chồng nơi xa:

Đèn có biết đường bằng chẳng biết

Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi

Buồn rầu nói chẳng nên lời

Hoa đèn kia với bóng người khá thương.

Có lẽ, thời gian mở đầu bài thơ không mới nhưng cái tâm trạng và cảm xúc của nó được Hồ Xuân Hương mở ra lại khá đặc biệt. Bởi, trên nền thời gian “đêm khuya” ấy, tác giả còn đem đến cho người đọc âm thanh “*Văng vẳng của tiếng trống canh dồn*”. Sự dồn dập của tiếng trống sang canh, phải chăng còn là sự dồn dập đến ngõ ngách của dòng chảy thời gian trong từng khoảnh khắc trôi qua, khiến con người muốn bung ra tất cả những uất ức đã dồn nén bấy lâu. Âm thanh ấy, “*văng vẳng*” từ xa vọng về dội vào trái tim của con người khiến nó càng đau đớn, xót xa hơn. Câu thơ vốn tĩnh lặng nay càng trở nên yên ắng bởi thủ pháp lấy động tả tĩnh thật tài tình của thi nhân. Tiếng trống dồn dập, khẩn trương đến vậy, có lẽ là vì nàng đang ngồi đếm thời gian và lo lắng thấy nó trôi qua một cách dồn dập, tàn nhẫn. Nó chẳng cần biết tuổi xuân của nàng sắp vượt mất mà nàng thì vẫn đang phải “*trơ cái hồng nhan*” ra giữa “*nước non*”. Từ “*Tro*” quả là từ dùng rất đắt trong câu thơ. “*Tro*” khắc họa cái tro trọi của con người với thiên nhiên, “*tro*” còn là sự trơ lì đến đáng sợ của lòng người. Có lẽ phải trải qua rất nhiều cay đắng nên giờ người con gái ấy mới chai sạn đến vậy. Tác giả sử dụng nghệ thuật đảo ngữ nhấn mạnh sự bất cần đến đáng thương của con người, nhưng đau đớn hơn khi nhà thơ kết hợp “*tro*” với cụm từ “*Cái hồng nhan*”. Ở đây, “*hồng nhan*” là nhan sắc của người phụ nữ vẫn còn ở độ mặn mà nhưng, nó lại kết hợp với từ “*cái*”- một danh từ chỉ loại thường gắn với những thứ vật chất nhỏ bé, tầm thường. Nàng tự thấy nhan sắc của mình quá nhỏ bé, rẻ rúng bởi nó chẳng khác gì một thứ đồ ít giá trị, lại chẳng được ai đoái hoài đến. Nó phải “*tro*” ra, phôi ra, bày ra một cách vô duyên, vô nghĩa lí giữa đất trời, xót xa, đau đớn, tủi hổ, bề bàng của người phụ nữ một mình giữa đêm khuya, không ai quan tâm, đoái hoài. Tuy tủi hổ là thế nhưng hình ảnh người phụ nữ ấy vẫn hiện ra đẹp đẽ, khiến mọi người đồng cảm trân trọng chứ không hề khinh ghét bởi ẩn khuất trong câu thơ một nữ sĩ mạnh mẽ, cá tính dám đem cái tôi cá nhân để đối lập với cả “*nước non*” rộng lớn. Hồ Xuân Hương là thế, không bao giờ chịu bé nhỏ, yếu mềm. Hai câu đầu bằng cách khắc họa thời gian, không gian nghệ thuật và cách kết hợp từ độc đáo đã thể hiện rõ nỗi cô đơn, đau đớn, tủi hổ bề bàng trước tình duyên hẩm hiu của chính mình.

Nếu hai câu đề gợi hình ảnh của con người giữa đất trời đêm khuya thăm thẳm, thì đến 2 câu thực người đọc lại thấm thía hơn cảm thức đau đớn đến quặn lòng của nữ sĩ bên men rượu thơm nồng một cách đầy xót xa:

***“Chén rượu hương đưa say lại tỉnh
Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn”***

Hồ Xuân Hương không đi diễn tả tâm trạng một cách trực tiếp, mà bà khéo léo sử dụng nghệ thuật đối một cách rất độc đáo: *Chén rượu – hương đưa – say lại tỉnh* < *Vàng trăng – bóng xế – khuyết chưa tròn*. Ở đây, các từ ngữ đối, hô ứng với nhau càng làm rõ thêm thân phận của một người đàn bà đang dở từ đó người đọc có thể dễ dàng nhận thấy dù có trôn trong men say, nhưng lạ thay càng say lại càng “tỉnh”. Mà hỡi ơi! Tỉnh rồi để cay đắng, chua chát thêm bao nhiêu. Ẩn sau cái hành động tìm đến rượu để giải tỏa nỗi sầu là cả niềm phần uất sâu sắc trước số phận bất hạnh. Cụm từ “say lại tỉnh” cho thấy cái bế tắc, quẩn quanh trong nỗi buồn, cô đơn của người phụ nữ. Nàng cô đơn nên tìm đến vàng trăng bên ngoài kia mong sự đồng cảm. Tìm men say nhưng không quên được nỗi đắng cay, thi sĩ lại tìm đến trăng- người bạn tâm tình của con người biết bao đời nay. Thế nhưng, vàng trăng đã “xế” bóng “khuyết chưa tròn” giống như chính người phụ nữ đáng thương đã ở tuổi “xế” mà tình duyên còn chưa “tròn”, chưa trọn vẹn. Ở hai câu này, bằng phép đối, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, nữ sĩ đã khắc họa nên tâm trạng bế tắc và nỗi phần uất sâu sắc trước duyên phận hẩm hiu, lỡ làng khiến người đọc thổn thức khôn nguôi.

Rượu không khiến người nữ sĩ quên nỗi đau đớn, uất hận, trăng không khiến nhân vật trữ tình được an ủi, động viên thế nên theo một cảm thức rất bình thường con người ấy trở nên ngang ngược mà muốn nổi loạn:

***“Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn.”***

Hai câu thơ được cấu tạo đặc biệt: đảo vị ngữ “Xiên ngang” và “đâm toạc” lên đầu câu, đây là hành động của những vật vô tri vô giác nhưng lại thể hiện sự phản kháng rất mạnh mẽ của con người. Trong tự nhiên, rêu là sự vật bé nhỏ, yếu mềm, thế mà ở đây dường như nó mạnh mẽ hơn, cứng cỏi thêm để “xiên ngang mặt đất”. “Đá” là vật bất động, thế mà ở đây cũng đang to hơn, nhọn hơn, đang cựa quậy, “nổi loạn” phá tan không gian tù túng bị giới hạn bởi “chân mây”. Hình ảnh thiên nhiên động, thiên nhiên “nổi loạn” này đã lí giải cho tâm trạng con người, như đại thi hào Nguyễn Du từng đúc kết về mối quan hệ giữa cảnh và tình : “*Cảnh buồn người có vui đâu bao giờ*”. Cảnh được miêu tả là “nổi loạn”, là “phá bĩnh” thể hiện tâm trạng người phụ nữ lúc này cũng muốn “nổi loạn”, quấy đạp để phá tan số phận bất hạnh, tình duyên hẩm hiu của mình. Dường như, người phụ nữ đang gồng mình lên để chống trả kịch liệt số phận. Đó chính là thái độ phản kháng mạnh mẽ của nữ sĩ trước thực tại đau buồn. Đằng sau sự phản kháng mạnh mẽ ấy là khao khát sống, khao khát hạnh phúc lứa đôi mãnh liệt của nữ sĩ. Hai câu thơ, với phép đối, phép đảo nhấn mạnh hai động từ mạnh đầu câu và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đã cho thấy sự cố gắng vươn lên đấu tranh với số phận, đồng thời cho thấy khát khao sống, khát khao hạnh phúc lứa đôi mãnh liệt ở nữ sĩ xinh đẹp, tài năng mà cuộc đời không ưu ái. Người đọc thật sự khâm phục trước bản lĩnh cứng cỏi, không chịu đầu hàng số phận của người phụ nữ cá tính ấy.

Thiên nhiên nổi loạn hay chính lòng người đang muốn đập tung cái lễ giáo, cái định kiến bóp nghẹt hạnh phúc của những người phụ nữ? Đó là câu hỏi mà khiến mỗi con người trong xã hội cũ đều trăn trở, như chính sự trăn trở củ Hồ Xuân Hương vậy. Thế nhưng dù trăn trở bao nhiêu, dù tìm kiếm câu trả lời bao nhiêu lần thì bà vẫn quay trở lại với thực tại thật phũ phàng:

*“Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con”.*

Mùa xuân và tuổi trẻ vốn là những điều tuyệt vời nhất mà tạo hóa ban tặng cho con người. Song, cái “*xuân ấy*” lại khiến nữ sĩ chán ngán, bởi “*xuân đi xuân lại lại*”. Mùa xuân và vẻ đẹp của nó phai đi nhưng rồi sẽ quay trở lại theo quy luật của tạo hóa. Nhưng “*xuân*” của người phụ nữ, tuổi trẻ và sắc đẹp của nàng thì không thể nào trở lại được, mà cứ mỗi một mùa xuân trôi đi là lại thêm một lần nữa tuổi xuân của đời người ra đi, thế nên nàng “ngán”. Cụm từ “*lại lại*” như một sự thờ dài ngao ngán trước sự trôi chảy tàn nhẫn của thời gian. Đây không phải lần duy nhất Hồ Xuân Hương ngán ngẫm bởi sự trôi đi của tạo hóa, mà lần khác bà viết:

*Quá ngán thợ trời ghê gớm bấy
Xuân xanh được mấy chút thương ôi!
 (“Thương thay phận con gái” - Hồ Xuân Hương)*

Phải chăng tuổi trẻ vốn là điều ít ỏi của người con gái, ấy vậy mà “xuân xanh” họ chỉ nhận được “chút thương ôi” rẻ rúng, thừa thãi đến xót xa lòng người? Và phải chăng nữ sĩ “ngán” còn bởi thời gian chính là bi kịch đang cướp đi tuổi trẻ, tình yêu của người phụ nữ khiến họ bước vào bi kịch : “*mảnh tình san sẻ*”. Tình yêu của nàng vốn dĩ mỏng manh, bé nhỏ, chỉ là một “mảnh”, thế mà còn phải san sẻ”, chia năm sẻ bảy ra thật tội nghiệp. Bởi vậy mà nó chỉ còn là một “*tí*” ‘con con’, chẳng đáng kể là bao. Câu thơ sử dụng nghệ thuật tăng tiến theo chiều giảm dần khiến người đọc thấy rõ cái bi kịch xót xa của nữ sĩ và cảm thương cho con người tài hoa mà bạc mệnh. Hai câu kết bài thơ với những từ ngữ giản dị, tự nhiên và nghệ thuật tăng tiến, người đọc cảm nhận được cái chán ngán khi rơi vào bi kịch của nữ sĩ. Tuy thế, dư âm của cái khát khao sống, khát khao hạnh phúc lứa đôi mãnh liệt ở hai câu trước vẫn khiến người đọc cảm phục bản lĩnh cứng cỏi của “*bà chúa thơ Nôm*”.

Có thể nói,tác giả đã vận dụng sáng tạo thể thơ thất ngôn bát cú Đường Luật với ngôn ngữ tiếng Việt nhưng không làm mất đi giá trị của thể thơ mà trái lại nó còn mang đến cho thể thơ cổ điển ấy một vẻ đẹp mới, gần gũi, thân thuộc hơn với người Việt. Không chỉ vậy, từ ngữ giản dị mà đặc sắc với những động từ mạnh “*xiên ngang mặt đất*”, “*đâm toạc chân mây*”, từ láy tượng thanh đã thể hiện khao khát đến cháy bỏng và sự nổi loạn trong tâm hồn của Hồ Xuân Hương. Đồng thời ở đó còn kết hợp những hình ảnh giàu sức gợi (trăng khuyết chưa tròn, rêu từng đám, đá mấy hòn,...) để diễn tả các cung bậc cảm xúc, sự tinh tế, phong phú trong tâm trạng của người phụ nữ khi nghĩ đến thân phận của mình.

Nguyễn Du từng viết:

*Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*

Nỗi đau đớn xót xa của Nguyễn Du là nỗi đau của người ngoài cuộc đồng cảm với bất hạnh của người phụ nữ mà ông được chứng kiến. Còn Hồ Xuân Hương đã trải qua đủ đầy đau đớn,

xót xa, tủi hổ thì phải chăng nỗi đau của bà còn chồng chất gấp bội sự cảm thông của Nguyễn Du? Dù bà đã lìa xa nhân thế, nhưng chắc hẳn nhwunxg tâm tư, tình cảm, những khát vọng cao đẹp mà bà đứng lên đòi hỏi cho mình cho những người phụ nữ như mình sẽ mãi còn in bóng trong những vần thơ đặc sắc, độc đáo mà bà để lại cho bạn đọc hôm nay, mai sau...

Mở bài	- Vị trí: đoạn 1 - Nội dung: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, cảm nhận chung
Thân bài	- Vị trí: Đoạn (2) – (7) - Nội dung: +Luận điểm 1: Giới thiệu qua về hoàn cảnh sáng tác, ý nghĩa nhan đề của bài thơ +Luận điểm 2: Phân tích, làm sáng tỏ giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của bài thơ +Luận điểm 3: Đánh giá chung về tác phẩm
Kết bài	-Vị trí: Đoạn (8). -Nội dung: Khẳng định lại vấn đề + Cảm nhận của bản thân

PHÂN TÍCH CÁC TÁC PHẨM TRUYỆN HIỆN ĐẠI

(Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học)

A. Khái quát về dạng đề nghị luận văn học

Có 4 dạng đề nghị luận văn học thường gặp về truyện ngắn hiện đại ở lớp 8, tuy nhiên đối với đề thi HSG các văn bản đưa ra sẽ không nằm trong sách giáo khoa.

***Dạng 1:** Phân tích / Cảm nhận => Dạng đề cơ bản nhất.

VD: Phân tích truyện ngắn “Áo tết” của Nguyễn Ngọc Tư

***Dạng 2:** Chứng minh nhận định => Dạng đề hay gặp trong đề thi học sinh giỏi, thi chuyên (Sẽ có một chuyên đề hướng dẫn viết phân tích nhận định riêng)

VD: *Quà sinh nhật*

Trong năm đứa con của má, chị nghèo nhất. Chồng mất sớm, con chị đang ở tuổi ăn học. Gần tới lễ mừng thọ 70 tuổi của má, cả nhà họp bàn xem nên chọn nhà hàng nào, bao nhiêu bàn, mời bao nhiêu người. Chị lặng lẽ đến bên má: “Má ơi, má thêm gì, để con nấu má ăn?”.

... Chưa tan tiệc, má xin phép về sớm vì mệt. Ai cũng chắc lưỡi:

“Sao má chẳng ăn gì?”. Về nhà, mọi người tìm má. Dưới bếp, má đang ăn cơm với tô canh chua lá me và dưa cá bóng kho tiêu chị mang đến...

(*Quà sinh nhật*, trích *Quà tặng cuộc sống*)

Nêu cảm nhận về truyện ngắn trên để làm sáng tỏ nhận định của Giáo sư, nhà giáo, nhà lí luận - phê bình văn học Lê Ngọc Trà đã từng chắc chắn: “*Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư*”.

***Dạng 3:** So sánh văn học

VD: So sánh hình ảnh người mẹ trong bài thơ “Quà sinh nhật” và “Truyện người mẹ”.

***Dạng 4:** Liên hệ

VD: Cảm nhận của em về hình ảnh nhân vật ông Sáu trong “Ngân hàng ông Sáu Lục” của Trung Phúc

Từ đó liên hệ với hình ảnh những con người có trái tim nhân hậu luôn yêu thương người khác trong tác phẩm mà em biết để làm rõ giá trị của tình yêu thương trong cuộc sống?

II. Yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm văn học (Truyện ngắn)

Lưu ý: Dạng 1 là dạng cơ bản nhất, là tiền đề để làm được tất cả các dạng còn lại. Bởi vậy những phương pháp dưới đây sẽ tập trung giúp học sinh làm thành thạo dạng 1 (dạng đề phân tích, cảm nhận), tạo nền tảng kiến thức để tiếp cận với các dạng còn lại trong đề học sinh giỏi.

- Xác định được thể loại: thể loại truyện ngắn
- Giới thiệu khái quát về tác giả và tác phẩm (nhân đề, đề tài, thể loại,...); nêu ý kiến chung của người viết về tác phẩm.
- Phân tích được nội dung cơ bản của truyện ngắn (Cốt truyện, ngôi kể, tình huống, nhân vật, chi tiết...), khái quát chủ đề truyện ngắn.

- Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố các biện pháp nghệ thuật hay được sử dụng như: xây dựng nhân vật mang tính chất điển hình, nghệ thuật kể chuyện...), ngôn ngữ mang tiếng nói đời sống, quen thuộc, gần gũi...
- Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của truyện ngắn.

B. Hướng dẫn quy trình viết

Bước 1: Phân tích đề (2 phút - gạch chân vào đề)

***Gạch chân vào đề:**

-Vấn đề nghị luận: đề bài yêu cầu làm rõ điều gì? (thường nằm sau chữ “về...”, “cảm nhận của em về...”, “phân tích về...”)

-Phạm vi phân tích: những khổ thơ nào, đoạn trích nào, nhân vật nào... cần phân tích

VD1: Phân tích truyện ngắn “Truyện người mẹ”?

=> Vấn đề nghị luận: Truyện ngắn

=> Phạm vi phân tích: Toàn bộ tác phẩm

VD2: Phân tích nhân vật người họa sĩ trong truyện “Bức tranh bị bôi bẩn”?

=> Vấn đề nghị luận: Nhân vật người họa sĩ

=> Phạm vi phân tích: Hình tượng nhân vật người họa sĩ.

***Lưu ý: Ở lớp 8 đối với học sinh bình thường chủ yếu các em sẽ đi phân tích cả truyện ngắn, những yêu cầu riêng về nội dung như Ví dụ 2 đã được phân tích ở lớp 7.**

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý (10 phút - Ghi nhanh ra nháp hoặc gạch vào đề)

Tìm ý (5 phút - Ghi nhanh ra nháp hoặc gạch vào đề)

1.Xác định bố cục: Vì là các tác phẩm ngoài sách giáo khoa nên ta cần đọc kĩ truyện ngắn được phân tích nhiều lần, nhớ cốt truyện để xác định bố cục, thông thường ta có các cách chia như sau:

***Cách 1: Chia bố cục theo diễn biến câu truyện (Cốt truyện)**

Nhảy múa với cơn mưa

Lúc đó khoảng 8:30 sáng, phòng cấp cứu rất bận rộn. Một ông cụ khoảng trên 80 tuổi bước vào phòng và yêu cầu được cắt chỉ khâu ở ngón tay cái. Ông cụ nói ông rất vội vì ông có một cuộc hẹn vào lúc 9 giờ.

Tôi bắt mạch, đo huyết áp cho ông cụ xong, tôi bảo ông ngồi chờ vì tôi biết phải hơn một tiếng đồng hồ nữa mới có người đến cắt chỉ khâu cho ông. Tôi thấy ông nôn nóng nhìn đồng hồ nên tôi quyết định sẽ đích thân khám vết thương ở ngón tay cái của ông cụ vì lúc đó tôi cũng không bận với một bệnh nhân nào khác cả.

Khi khám tôi nhận thấy vết thương đã lành tốt vì vậy tôi đi lấy dụng cụ để tháo chỉ khâu ra và bôi thuốc vào vết thương cho ông cụ. Trong khi săn sóc vết thương cho ông cụ tôi hỏi ông là ông vội như vậy chắc là ông có một cuộc hẹn với một bác sĩ khác sáng hôm nay phải không. Ông nói không phải vậy nhưng ông cần phải đi đến nhà dưỡng lão để ăn điểm tâm với bà cụ vợ của ông ở đó. Tôi hỏi thăm sức khỏe của bà cụ thì ông cho biết là bà đã ở viện dưỡng lão một thời gian khá lâu rồi và bà bị bệnh Alzheimer (bệnh mất trí nhớ ở người lớn tuổi).

Khi nói chuyện tôi có hỏi ông cụ là liệu bà cụ có buồn không nếu ông đến trễ một chút. Ông cụ nói bà ấy không còn biết ông là ai nữa và đã 5 năm nay rồi bà không còn nhận ra ông nữa. Tôi ngạc nhiên quá và hỏi ông cụ, ” và Bác vẫn đến ăn sáng với Bác gái mỗi buổi sáng mặc dù Bác gái không còn biết Bác là ai nữa ư ?”

Ông cụ mỉm cười, vỗ nhẹ vào vai tôi rồi nói “Bà ấy không còn biết tôi là ai nữa nhưng tôi vẫn còn biết bà ấy là ai.” Khi ông cụ bước ra khỏi phòng, tôi phải cố gắng lắm để khỏi bật khóc. Tôi vô cùng xúc động và trầm nghĩ, “Ước gì đời mình có được một tình yêu như thế !”

➔ **Bố cục:** 3 phần:

-Mở đầu truyện: Từ đầu... lúc 9h30: Giới thiệu cuộc gặp gỡ với ông lão

-Diễn biến truyện: Tiếp Nhưng tôi vẫn biết bà ấy là ai: sự trung thủy của ông lão với người vợ đã mất trí nhớ

-Kết thúc truyện: Còn lại: Cảm nghĩ của nhân vật tôi.

➔ Nên đi theo phương pháp này để phân tích dễ nhất và không bị sót ý.

***Cách 2: Bỏ đọc phân tích theo chi tiết, hình ảnh trong tác phẩm (đây là cách khó vì đa số các em chưa nhận diện được các chi tiết, hình ảnh độc đáo để bám vào phân tích)**

Ví dụ 2: Phân tích truyện ngắn “Quà sinh nhật”

Trong năm đứa con của má, chị nghèo nhất. Chồng mất sớm, con chị đang ở tuổi ăn học. Gần tới lễ mừng thọ 70 tuổi của má, cả nhà họp bàn xem nên chọn nhà hàng nào, bao nhiêu bàn, mời bao nhiêu người. Chị lặng lẽ đến bên má: “Má ơi, má thêm gì, để con nấu má ăn?”.

... Chưa tan tiệc, má xin phép về sớm vì mệt. Ai cũng chặc lưỡi:

“Sao má chẳng ăn gì?”. Về nhà, mọi người tìm má. Dưới bếp, má đang ăn cơm với tô canh chua lá me và dưa cá bóng kho tiêu chị mang đến...

(Quà sinh nhật, trích Quà tặng cuộc sống)

➔ **Bố cục:** 3 phần: dựa trên 3 chi tiết, hình ảnh mang tính chất tiêu biểu, tạo nên giá trị và thông điệp sâu sắc của tác phẩm

-Hình ảnh người con gái.

-Hình ảnh người mẹ

- Chi tiết bát canh cá lá me chua

➔ Cách này khó, khi phân tích hay bị sót ý, cần thời gian nghiên cứu lâu, không phù hợp khi thi HSG trong khoảng thời gian nhanh.

2. Xác định nội dung chính và một số chi tiết độc đáo được sử dụng trong truyện ngắn

a. Chia tách truyện ngắn thành các phần và xác định nội dung chính của từng phần.

Ví dụ : Phân tích truyện ngắn “Nhảy múa dưới cơn mưa”

➔ **Bố cục:** 3 phần

-Mở đầu truyện: Từ đầu... lúc 9h30: Giới thiệu cuộc gặp gỡ với ông lão

-Diễn biến truyện: Tiếp Nhưng tôi vẫn biết bà ấy là ai: sự trung thủy của ông lão với người vợ đã mất trí nhớ

-Kết thúc truyện: Còn lại: Cảm nghĩ của nhân vật tôi.

b. Tìm những ý nhỏ trong từng phần bố cục (có thể xác định không gian, thời gian, hoàn cảnh, hành động, lời nói, tâm trạng của nhân vật... ứng với từng nội dung vừa tìm).

Ví dụ : Phân tích truyện ngắn “Nhảy múa dưới con mưa”, ta phân tích tới diễn biến câu chuyện cần tìm các ý nhỏ trong diễn biến truyện (không gian, thời gian, hành động nhân vật...)

*** Diễn biến truyện kể**

-Không gian:

-Thời gian:

-Sự việc:

→ Nhận xét

c. Tìm được các chi tiết tương ứng ý nhỏ

Ví dụ: Phân tích truyện ngắn “Nhảy múa dưới con mưa”, ta phân tích tới diễn biến câu chuyện cần tìm các chi tiết, liên quan đến các ý nhỏ vừa xác lập được mở ra trong truyện

-Không gian: Trong bệnh viện

-Thời gian: 8h30

-Sự việc:

+Ông lão 80 đến khám bệnh trong tâm trạng vội vã vì có cuộc hẹn đặc biệt

+Người bác sĩ: bắt mạch, đo huyết áp, cắt chỉ khâu, xem vết thương

→ Nhận xét

d. Từ việc tìm được các chi tiết tương ứng ý nhỏ ta đi nêu tác dụng của chi tiết ấy.

Ví dụ: Phân tích truyện ngắn “Nhảy múa dưới con mưa”, ta phân tích tới diễn biến câu chuyện cần đánh giá các chi tiết, liên quan đã tìm được trong câu chuyện khi xác lập các ý

-Không gian: Trong bệnh viện: Đông đúc, hồi hã, không gian của những đau đớn

-Thời gian: 8h30: Thời điểm bắt đầu ngày mới đầy rộn rã, tươi mới.

-Sự việc:

+Ông lão 80 đến khám bệnh trong tâm trạng vội vã vì có cuộc hẹn đặc biệt: Sự việc bình thường, song lại cho thấy đây là con người rất biết giữ chữ tín, trân trọng người được hẹn gặp.

+Người bác sĩ: bắt mạch, đo huyết áp, cắt chỉ khâu, xem vết thương: Tận tình, chu đáo, thể hiện tấm lòng vô cùng nhân hậu, trong sáng, biết quan tâm tới người già.

→ Tình huống truyện nhẹ nhàng, đơn giản, không khí truyện êm ả không có nhiều sự kiện xung đột gay gắt.

Lập dàn ý (5 phút - Ghi nhanh ra nháp hoặc gạch vào đề)

Dàn ý cơ bản của dạng đề phân tích truyện ngắn:

Phần	Nội dung
Mở bài	Dẫn dắt + Đặt vấn đề
Thân bài	-Luận điểm 1: Giới thiệu qua về hoàn cảnh sáng tác, ý nghĩa nhan đề

	của truyện (Nếu biết không thì thôi, bỏ qua, Không gộp vào mở bài) Luận điểm 2: Phân tích, làm sáng tỏ giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật Luận điểm 3: Đánh giá (Không trùng với kết bài)
Kết bài	Khẳng định lại vấn đề + Cảm nhận của bản thân

Bước 3: Viết bài (65 đến 70 phút - trình bày sạch sẽ, cẩn thận)

- Khi viết bài, cần bám sát dàn ý đã lập; sử dụng đa dạng các hình thức trích dẫn; kết hợp phân tích với nhận xét, đánh giá
- Sử dụng từ ngữ chính xác, chọn lọc; diễn đạt sáng rõ, thể hiện được cảm xúc của người viết
- Chú ý sự khác nhau về yêu cầu, mục đích của kiểu bài ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ và kiểu bài phân tích một bài thơ

Bước 4: Đọc lại bài (3 phút - nếu còn thời gian)

- Chú ý đọc lại những câu mở bài, thân bài, kết kết xem đã viết đúng, rõ ràng chưa.
- Soát lỗi chính tả.
- Nếu có lỗi cần sửa thì gạch đi sửa lại thật sạch sẽ.

C.Cách viết từng đoạn trong bài văn phân tích

I.Cách viết mở bài

a. Yêu cầu:

- Giới thiệu, dẫn dắt vào vấn đề nghị luận, cần giới thiệu được tên tác giả, tác phẩm
- Đánh giá chung về cảm xúc, tình cảm đối với bài thơ.

b.Các cách viết mở bài

- Cách 1: Vận dụng kiến thức về quy luật sáng tạo nghệ thuật.

+ Đã từng có người khi nhận ra chất liệu mà nghệ thuật xây dựng đều phải bắt nguồn từ hiện thực nên nhẹ nhàng khẳng định rằng: “*Hương nhụy trong mát và ngọt lành của cuộc sống chính là văn học*”, phải chăng nhận định ấy đã bày tỏ rõ ràng quan niệm văn chương và sự sống luôn có một mối quan hệ hữu cơ gắn kết, khó có thể tách rời. Ví như con ong cần mẫn tìm mật ngọt cho đời, văn học- bằng chức năng và tác dụng diệu kì của mình, đã tiếp xúc, thu nhặt cái đẹp từ hiện thực mà khám phá, tái hiện và nâng thế giới tâm hồn con người lên một tầm cao mới, để tìm đến những giá trị chân- thiện- mỹ bởi “cuộc đời chính là điểm xuất phát, cũng là nơi đi tới của văn học”. Thế nên, cảm nhận đủ đầy về hơi thở hoà quện giữa cuộc sống và văn chương ấy tác giả A đã đưa bạn đọc đến với +Nội dung + qua tác phẩm B.

Ví dụ: Nêu cảm nhận của em về truyện ngắn “Quê Hương” của Đào Quốc Thịnh?

➔ Đã từng có người khi nhận ra chất liệu mà nghệ thuật xây dựng đều phải bắt nguồn từ hiện thực nên nhẹ nhàng khẳng định rằng: “*Hương nhụy trong mát và ngọt lành của cuộc sống chính là văn học*”, phải chăng nhận định ấy đã bày tỏ rõ ràng quan niệm văn chương và sự sống luôn có một mối quan hệ hữu cơ gắn kết, khó có thể tách rời. Ví như con ong cần mẫn tìm mật ngọt cho đời, văn học- bằng chức năng và tác dụng diệu kì của mình, đã tiếp xúc, thu nhặt cái đẹp từ hiện thực mà khám phá, tái hiện và nâng thế giới tâm hồn con người lên một

tầm cao mới, để tìm đến những giá trị chân- thiện- mỹ bởi “cuộc đời chính là điểm xuất phát, cũng là nơi đi tới của văn học”. Thế nên, cảm nhận đủ đầy về hơi thở hoà quện giữa cuộc sống và văn chương ấy tác giả Đào Quốc Thịnh đã đưa bạn đọc đến với chân trời đầy cao đẹp về mạch nguồn con người sinh ra qua tác phẩm “Quê hương” -tiếng gọi tha thiết trong lòng ta.

-Cách 2: Dẫn dắt mang tính liên tưởng

Nếu một cơn mưa rào đầu hạ bất chợt ào ào dội xuống làm dịu đi cái nắng oi ả, gắt đầu hè thì một tác phẩm văn chương có giá trị cũng đủ sức sống khiến tâm hồn con người thêm trong trẻo, thanh cao trong cuộc sống bụi trần đầy ồn ào, tất bật. Chẳng thế mà, trên hành trình mài ngọc cho đời người nghệ sĩ luôn trăn trở, miệt mài tìm kiếm chất riêng cho mình để gửi lại cuộc sống, đó cũng là điều mà tác phẩm A của nhà văn B chất chiu, nhặt lượm để lại cho mỗi chúng ta ngày hôm nay.

Ví dụ: Viết bài văn cảm nhận về truyện ngắn “Nhảy múa dưới cơn mưa ”?

➔ Nếu một cơn mưa rào đầu hạ bất chợt ào ào dội xuống làm dịu đi cái nắng oi ả, gắt đầu hè thì một tác phẩm văn chương có giá trị cũng đủ sức sống khiến tâm hồn con người thêm trong trẻo, thanh cao trong cuộc sống bụi trần đầy ồn ào, tất bật. Chẳng thế mà, trên hành trình mài ngọc cho đời người nghệ sĩ luôn trăn trở, miệt mài tìm kiếm chất riêng cho mình để gửi lại cuộc sống, đó cũng là điều mà tác phẩm “*Nhảy múa với cơn mưa*” chất chiu, nhặt lượm để lại cho mỗi chúng ta ngày hôm nay.

***Cách 3: Mở bài từ giá trị của văn chương**

Nguyễn Khải từng nhận định: “Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó”. Tác phẩm văn học chân chính là thế, trước hết phải đề xuất được một tư tưởng mới mẻ. Một nhà văn tài năng phải có những phát hiện riêng của mình về nhân sinh thông qua một nỗi lòng, một tình huống, một cảnh ngộ... Bởi xét đến cùng, thiên chức cao cả của văn chương là phản ánh và hướng tới phục vụ đời sống con người. Và tác phẩm A của nhà văn B cũng là một kiệt tác độc đáo như thế!

Ví dụ: Phân tích truyện ngắn “Áo tết ” của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư?

Nguyễn Khải từng nhận định: “Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó”. Tác phẩm văn học chân chính là thế, trước hết phải đề xuất được một tư tưởng mới mẻ. Một nhà văn tài năng phải có những phát hiện riêng của mình về nhân sinh thông qua một nỗi lòng, một tình huống, một cảnh ngộ... Bởi xét đến cùng, thiên chức cao cả của văn chương là phản ánh và hướng tới phục vụ đời sống con người. Và tác phẩm “Áo Tết” của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư cũng là một tác phẩm như thế!

II.Cách viết thân bài

1.Yêu cầu:

-Thân bài phải có hệ thống luận điểm rõ ràng, đầy đủ 3 luận điểm chính:

+LĐ 1: Khái quát (1 đoạn văn)

+LĐ 2: Phân tích (Bám sát vào bố cục, mỗi nội dung được chia trong bố cục ta căn cứ là một luận cứ để phân tích)

+LĐ 3: Đánh giá (1 đoạn văn)

=>Thân bài gồm nhiều đoạn văn, mỗi đoạn làm rõ một nội dung nhất định (1 luận điểm hoặc 1 luận cứ, Luận điểm quan trọng nhất là luận điểm phân tích)

2.Cách viết:

a.Phương pháp viết LĐ1 :(nếu biết, còn không thì bỏ qua vì đa số là các tác phẩm ngoài sách giáo khoa): Khái quát về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, nhan đề truyện ngắn để người đọc có cái nhìn về tổng thể, tạo tiền đề dẫn dắt sang luận điểm phân tích.

Ví dụ: Phân tích truyện ngắn “Quả trứng vàng” của Tạ Duy Anh (Ta có thể khai thác nhan đề tác phẩm -Nếu biết thì ghi vào, tránh không hiểu rõ dễ bị sai)

Quả trứng vàng

Tú Minh loay hoay ghi lại dòng nhật ký vào cuốn sổ lưu niệm cho riêng bản thân cậu. Cậu đã ở tuổi mười hai, có nghĩa là thời thơ ấu đang vùn vụt lao qua những "ga" cuối cùng. Điều này không phải không có lúc làm cậu day dứt. Nhưng chả thể làm gì được. Cậu chép miệng nuối tiếc và nhắm mắt lại, lẩm bẩm nói với chính mình:

"Thật ra tất cả bắt đầu từ những lời cầu mong tốt đẹp".

... Hôm nay Tú Minh từ trường về nhà. Lúc sắp vào cổng, cậu nhìn thấy vật gì trắng trắng trong đám lá tre khô. Cậu lại gần thì nhận ra vật trắng trắng đó là quả trứng gà.

- Ô, một quả trứng gà. Cậu thəm kêu lên. Tại sao nó bị rơi vãi ở đây nhỉ.

Tú Minh lượm quả trứng lên ngắm nghía. Chắc chị mái nâu nào đó trở dạ quá nhanh khi qua đây. "Thật may là mình phát hiện ra, nếu không đêm nay nó sẽ vào bụng một con rắn nào đó cũng nên". Minh mân mê quả trứng và cảm thấy con đói cứ rõ dần. Món trứng ốp-lét cũng được lắm. Chỉ cần một chút mỡ, một chút muối tiêu. Hoặc đơn giản hơn là thả bég vào nồi nước sôi và chỉ dăm bảy phút sau là có thể ngồi khoanh chân nhăm nháp vị béo ngậy của trứng luộc. Nhưng Minh chợt nghĩ: "Mình ăn chỉ một miếng là hết, sẽ chẳng còn cơ hội nào cho mình được ngắm quả trứng đẹp đến nhường kia. Chi bằng đem đặt vào chiếc hũ sành để xuống cạnh bếp, biết đâu chả khỏi điều kỳ lạ xảy ra". Minh lấy giấy bọc chặt rồi cẩn thận đặt vào chiếc hũ, không quên chèn trấu chung quanh. Cậu bê chiếc hũ đặt cạnh bếp lò, nơi mỗi tối và mỗi sáng cậu đều giúp mẹ nhóm lửa. Quả trứng trở thành người bạn im lặng của Tú Minh. Sáng nào cậu cũng thăm nói một điều ước gì đó. Những điều ước của cậu đều tốt đẹp. Chẳng hạn có sáng cậu ước: "Giá như mây có thể biến thành một quả trứng vàng để tao đem chia cho các bạn nghèo trong lớp".

Điều ước này bám riết theo cậu hơn cả và có lúc nó làm cho cậu chán nản, thất vọng vì biết chắc đó là điều không bao giờ có thật. Một buổi sáng, giống như mọi hôm. Tú Minh xuống bếp cời lò và ao ước. Chợt cậu nghe thấy tiếng cựa rất nhỏ, rất yếu ớt, như thể tiếng vươn mình của chòi cỏ sau cơn mưa. Thoạt đầu cậu nghĩ đến con chuột gian manh nào đó xơi tái quả trứng, đánh một giấc no nê đang trở mình. Nhưng tiếng cựa chỉ thoảng qua và hoàn toàn khác với tiếng sột soạt của giấy. Cậu hồi hộp mở nắp hũ ra rồi cẩn thận gỡ từng lớp giấy. Quả trứng không hề xây sát trừ một lỗ thủng nhỏ và chính cái lỗ thủng đó khiến tim cậu nhảy lên. Điều kỳ diệu đã xảy ra: quả trứng biến thành chú gà con. Quăng trưa thì chú gà vàng rực đã hiện hình ngay trước mắt cậu, có thể vuốt ve được. Tú Minh cảm động muốn khóc khi chú gà nép mình trong bàn tay che chở của cậu. Ngày ngày cậu kiếm mồi về cho gà và chả mấy chốc nó đã có thể lẻo đẻo theo cậu đi bắt châu chấu. Qua thu sang đông rồi hết xuân sang hè, chú gà nhép đã lớn vồng lên thành nàng mái nâu óng ả. Vòng cườm ở cổ nó mới sáng làm sao. Hằng ngày nó tha thẩn kiếm mồi quanh khu vườn và thỉnh thoảng ngơ ngẩn gióng lên những tiếng gọi rất lạ. Và điều kỳ diệu nữa đã xảy ra: con gà mái của Tú Minh

để quả trứng đầu tiên. Tú Minh hả hê ngắm nghía và không ngớt nghĩ đến những điều tốt đẹp. Sau khi để nốt quả trứng thứ mười hai, con mái nâu đòi ấp. Tú Minh lột cho nó một chiếc ổ đẹp tuyệt trần, có lưới bảo vệ rất cẩn thận. Từ đây trở đi mọi việc xem ra suôn sẻ hơn. Đến kỳ đến hạn, cả mười hai chú gà con đều sinh nở an toàn. Lần này Tú Minh chỉ có một việc là dựng cho mẹ con mái nâu một nếp nhà xinh xắn và chắc chắn. Nhiều lúc đứng xem đàn gà chạy nhảy, Tú Minh lại hơi giật mình nhớ đến đoạn câu nhìn thấy quả trứng lẫn trong đám tre. Chỉ cần câu thả vào nồi nước, đun lên là mọi phép lạ chấm dứt luôn. Sẽ chẳng bao giờ cậu có cái cảm giác sợ hãi run người khi nhìn thấy lũ gà, hiện thân của những điều ước. Sẽ chẳng có cả cái kết thúc mà dù cậu cam đoan không hề bịa mảy may, lũ bạn cậu vẫn ngơ ngác nhìn nhau: "Chẳng lẽ thằng Minh đã thành nhà văn". Bởi vì một câu chuyện như thế chỉ có thể được sáng tạo bởi chính cuộc sống.

Nào, để xem mình có bịa tí nào không nhỉ? Bắt đầu từ quả trứng và những điều ước... Rồi sau đó cuộc sống đã kể tiếp câu chuyện bằng sự kỳ diệu do chính nó tạo nên, chẳng ai bịa được hay đến vậy. Cậu hoàn toàn an tâm với những dòng nhật ký.

Đoạn văn mẫu

→ Cuộc đời mỗi con người là một con đường thẳng vô định mà đi mãi, đi mãi qua hết quãng đường này, nhìn về phía trước ta không biết sẽ trải qua những gập gềnh, mấp mô hay bạt ngàn hoa thơm, cảnh đẹp ra sao. Chỉ biết rằng, có khi quanh lại trái tim ta bỗng nhẹ tênh, tươi mát bởi những dòng chảy đã qua trong cuộc đời thật ngọt ngào, thi vị, trong dòng chảy tươi đẹp ấy chắc chắn có khoảng trời tuổi ấu thơ đầy thơ mộng, đắm say. Chẳng vậy mà, nhà văn Tạ Duy Anh đã khắc họa trong lòng mỗi bạn đọc hôm nay về hình ảnh “Quả trứng vàng”. Phai chẳng ngay từ nhan đề tác phẩm, nhà văn đã đem đến màu sắc lấp lánh, tươi vui tràn đầy kí ức tuổi thơ tươi đẹp, khiến ta tự nhớ về quá khứ một thời thơ dại với muôn vàng điều kì diệu trong cuộc sống này. Nhan đề ấy cũng là chủ đề xuyên suốt toàn bộ tác phẩm là sợi chỉ dẫn dắt bạn đọc vào thế giới của nhân vật cậu bé Minh.

b. Phương pháp viết LD 2: Phân tích, làm sáng tỏ giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật (Nên phân tích theo diễn biến truyện bám vào cốt truyện)

*Nội dung:

-Phân tích nội dung chính, phân tích từng hình ảnh, chi tiết trong truyện ngắn từ (Nên phân tích từng câu, từng hình ảnh một theo thứ tự xuất hiện theo bố cục để không bị sót ý, bám sát chi tiết để diễn giải, đánh giá).

Ví dụ: Truyện người mẹ

Bà mẹ chạy ra ngoài, hốt hải gọi con. Suốt mấy đêm ròng thức trông con ốm, bà vừa thiếp đi một lúc, Thần Chết đã bắt nó đi. Thần Đêm Tối đóng giả một bà cụ mặc áo choàng đen, bảo bà:

- Thần Chết chạy nhanh hơn gió và chẳng bao giờ trả lại những người đã cướp đi đâu. Bà mẹ khẩn khoản cầu xin Thần chỉ đường cho mình đuổi theo Thần Chết. Thần Đêm Tối chỉ đường cho bà. Đến một ngã ba đường, bà mẹ không biết phải đi lối nào. Nơi đó có một bụi gai băng tuyết bám đầy. Bụi gai bảo:
- Tôi sẽ chỉ đường cho bà nếu bà ủ ấm tôi.

Bà mẹ ôm ghi bụi gai vào lòng để sưởi ấm nó. Gai đâm vào da thịt bà, máu nhỏ xuống từng giọt đậm. Bụi gai đâm chồi, nảy lộc và nở hoa ngay giữa mùa đông buốt giá. Bụi gai chỉ đường cho bà. Bà đến một hồ lớn. Không có một bóng thuyền. Nước hồ quá sâu. Nhưng bà nhất định vượt qua hồ để tìm con. Hồ bảo:

- Tôi sẽ giúp bà nhưng bà phải cho tôi đôi mắt. Hãy khóc đi cho đến khi đôi mắt rơi xuống!

Bà mẹ khóc, nước mắt tuôn rơi lã chã, đến nỗi đôi mắt theo dòng lệ xuống hồ, hóa thành hai hòn ngọc. Thế là bà được đưa đến nơi ở lạnh lẽo của Thần Chết. Thấy bà, Thần Chết ngạc nhiên, hỏi:

- Làm sao người có thể tìm đến tận nơi đây?

Bà mẹ trả lời:

- Vì tôi là mẹ. Hãy trả con cho tôi!

Ví dụ: Khi phân tích truyện ngắn “Truyện người mẹ” ta bám sát vào các từ ngữ, chi tiết để phân tích, làm nổi bật nội dung truyện

→Bắt chập bóng tối, vượt qua nỗi đau người đọc chỉ thấy in lên nền trời, vách núi giữa thăm thẳm, ngút ngàn là trái tim kiên cường thẳng hướng tiến lên đến “*một ngã ba đường*” mới dừng lại vì “*không biết phải đi lối nào*” chỉ còn “*có một bụi gai băng tuyết bám đầy*” chắn lối. Phải chăng, bụi gai còm cõi, đang đối diện với sự sống, vật mình trong bão tuyết chính là những kiếp người nhỏ bé, cô đơn, bất hạnh cần lắm một bàn tay ấm áp, cái ôm nồng ấm để vực lại bước tiếp dòng đời còn lắm lo toan này, chẳng vậy mà khe khẽ trong gió nó u sầu, buồn bã, thổ lộ “*Tôi sẽ chỉ đường cho bà nếu bà ủ ấm tôi*”. Trước lời đề nghị kì lạ mà đau đớn kia, ta tưởng rằng người mẹ sẽ lùi bước, trăn trở, đắn đo, cân nhắc hay tìm cách khác vượt qua, song trái tim bà vĩ đại hơn những gì ta nghĩ, khi tình mẫu tử phút chốc vượt sáng trong bóng tối, để rồi bắt chập tất cả “*bà mẹ ôm ghi bụi gai vào lòng để sưởi ấm nó. Gai đâm vào da thịt bà, máu nhỏ xuống từng giọt đậm*”. Bằng sự tưởng tượng rất tinh tế, vượt xa với logic thông thường mà con người có thể nghĩ tới, nhà văn đã vẽ vào tim ta sự xúc động nghẹn ngào thật mãnh liệt, để rồi ta ngộ ra người phụ nữ trong câu truyện chính là hình ảnh của mọi bà mẹ vĩ đại, cao cả trên cuộc đời này vẫn luôn âm thầm mỗi ngày mòn mỏi hứng tất cả đau đớn chỉ để đổi lấy hạnh phúc và nụ cười của đứa con thân yêu.

(Màu đỏ: từ trong truyện ngắn được tách ra phân tích, Màu đen: phân tích ý nghĩa nội dung của các hình ảnh trong truyện).

-Phân tích theo trình tự bố cục truyện (Mở đầu-diễn biến-kết thúc)

Ví dụ: Phân tích truyện ngắn “Truyện người mẹ”, ta cần xây dựng phác thảo về bố cục sau đó bám vào bố cục để phân tích:

→Bố cục

a. Tình huống truyện

-Không gian: Mênh mông, rộng lớn, chìm ngập trong bóng tối

-Thời gian: nối tiếp từ ngày này qua ngày khác, suốt mấy ngày đêm

-Tình huống: Đứa con bị ốm, mẹ vừa thiếp đi vì mệt đã bị Thần chết cướp mất con, vì vậy bà vội vã đi tìm=> Hoảng hốt, thất thần, đau đớn

→Tình huống truyện hấp dẫn, lôi cuốn người đọc và gợi nhiều trăn trở, suy tư.

b. Hành trình tìm con của người mẹ

-Hình ảnh: Bụi cây gai đầy tuyết, hồ sâu: Chỉ những khó khăn, trắc trở trên con đường đi tìm con, qua đó ẩn dụ cho những hi sinh, vất vả của những người mẹ trong đời phải gánh chịu.

-Chi tiết:

+**Ôm lấy cây gai:** Sẵn sàng chấp nhận đau đớn để tìm thấy con.

+ **Máu người mẹ rơi xuống khiến cây gai đơm hoa, mọc lá:** tình mẫu tử cảm hoá được vạn vật, hồi sinh mọi thứ khô cằn, héo úa trong cuộc sống.

+**Đánh đổi đôi mắt hoá thành hai viên ngọc:** hi sinh hết lòng vì con, tình mẹ cao quý, thiêng liêng. Với mẹ con chính là ánh sáng lung linh nhất mà mẹ có được ở cuộc đời này.

➔ **Bản tình ca tha thiết rực cháy trên hành trình tìm con đầy yêu thương của người mẹ đã gửi lại cho ta rất nhiều thông điệp cao quý, nghẹn ngào.**

+**Phần mở đầu:** Ta cần bám vào tình huống truyện, xác định rõ tình huống truyện, hoàn cảnh của nhân vật để từ đó khai thác diễn biến và hành động của nhân vật, từ đó đánh giá được các chi tiết

Ví dụ: Khi phân tích bài thơ “Truyện người mẹ” ta xác định được tình huống truyện là một người mẹ trong hoàn cảnh con ốm và không may bị tử thần tới cướp mất đi.

➔ **Lật mở từng dòng chữ nhỏ xinh, dung dị mà sâu sắc, thiêng liêng trong tác phẩm ta bắt gặp ngay tình huống truyện độc đáo** nơi bóng dáng “*hớt hơ hớt hải đi tìm con*” của người mẹ giữa không gian mênh mông, vô định, chẳng tìm nổi phương hướng trước con đường dài thăm thẳm mà đứa trẻ của lòng mình nay ở nơi đâu? Có lẽ, dù không miêu tả cận cảnh, chi tiết, chiếu ánh nhìn trực diện trên gương mặt và ánh mắt của người phụ nữ kia thì ta cũng thấy đầy đủ mọi đau đớn bà đang mang trong mình để rồi thổn thức, nghẹn ngào. Chẳng nghẹn ngào sao khi suốt chiều dài **thời gian của cốt truyện** ta vẫn đau đáu bởi dáng vẻ tảo tần, mệt mỏi đến thất thần, rỉ máu khi “*mấy đêm ròng thức trông con ốm, bà vừa thiếp đi một lúc, Thần Chết đã bắt nó đi*”. Phải chăng, nỗi đau của người mẹ trong câu truyện cũng chính là sự chết đi sống lại của biết bao người phụ nữ đã từng phải chịu cảnh đưa con thân yêu rời xa vòng tay mình, tuột khỏi nguồn sống tươi xanh mà bị tử thần cướp mất?

(Màu đỏ: dẫn dắt, Màu vàng: xác định tình huống truyện, hoàn cảnh của nhân vật, màu xanh: nhận xét, đánh giá chi tiết liên quan tới tình huống truyện)

+**Phần diễn biến:** (Khó nhất được coi là linh hồn của bài văn): Ta cần bám sát vào nhân vật chính, trung tâm (hình dáng, hành động, mối quan hệ với các nhân vật khác, tâm trạng...), mỗi ý cần có dẫn chứng, đánh giá, nhận xét.

Ví dụ: Khi phân tích bài thơ “Truyện người mẹ” ta cần xác định rõ hành động, tâm trạng của người mẹ, đánh giá từng chi tiết (có dẫn chứng từ văn bản)

➔ **Trong vô định, với cuộc đua giành giật sự sống cho con bà mẹ ấy “khẩn khoản cầu xin Thần chỉ đường cho mình đuổi theo Thần Chết” với hành động bất chấp mọi đau thương, nghiệt ngã, gian khổ phía trước đang bủa vây, chờ đợi.** Chỉ với những chi tiết rất ngắn gọn, đơn giản nhưng câu truyện đã mở ra tình tiết gay cấn, hấp dẫn, tràn đầy bí ẩn thu hút người đọc chìm đắm vào đó để khám phá, giải mã các sự kiện của nó rồi tự tìm ra cho mình một thông điệp có giá trị nhân sinh thật đáng trân trọng! **Cuộc sống này đôi khi rất lạ lùng, cỏ vẫn xanh mặc kệ ánh mặt trời khuất núi, nước vẫn chảy khi trăng tàn, bình minh lên ấy vậy mà**

con người được mệnh danh là những kẻ mạnh mẽ nhất thế gian lại chẳng bình tĩnh, thanh thản đến thế nếu như trong cuộc đời phải tiễn biệt bóng dáng thân quen suốt với mình về miền đất hứa. Nhất là những người mẹ, dù anh hùng bao nhiêu, vĩ đại nhường nào họ sao chịu nổi nỗi đau chia xa một đứa con mình dứt ruột đẻ ra mà không hoá đá, điện đại, tức tưởi kêu than đất trời. Thế nhưng, nếu đời thực ta chẳng thể đòi lại công bằng cho sự sống của một con người, thì tác giả đã gửi vào thế giới lung linh, kì ảo của câu chuyện để đền đáp tâm lòng và nuôi hi vọng, mong manh trên hành trình đi tìm lại con của người mẹ vĩ đại kia. **Do đó, bất chấp bóng tối, vượt qua nỗi đau người đọc chỉ thấy in lên nền trời, vách núi giữa thăm thẳm, ngút ngàn là trái tim kiên cường thẳng hướng tiến lên đến “một ngã ba đường”** mới dừng lại vì **“không biết phải đi lối nào”** chỉ còn **“có một bụi gai băng tuyết bám đầy”** chắn lối. Phải chăng, bụi gai còm cõi, đang đối diện với sự sống, vật mình trong bão tuyết chính là những kiếp người nhỏ bé, cô đơn, bất hạnh cần lắm một bàn tay ấm áp, cái ôm nồng ấm để vực lại bước tiếp dòng đời còn lắm lo toan này, chẳng vậy mà khe khẽ trong gió nó u sầu, buồn bã, thổ lộ **“Tôi sẽ chỉ đường cho bà nếu bà ử ấm tôi”**. **Trước lời đề nghị kì lạ mà đau đớn kia, ta tưởng rằng người mẹ sẽ lùi bước, trăn trở, đắn đo, cân nhắc hay tìm cách khác vượt qua,** song trái tim bà vĩ đại hơn những gì ta nghĩ, khi tình mẫu tử phút chốc vượt sáng trong bóng tối, để rồi bất chấp tất cả **“bà mẹ ôm ghì bụi gai vào lòng để sưởi ấm nó. Gai đâm vào da thịt bà, máu nhỏ xuống từng giọt đậm”**. Bằng sự tưởng tượng rất tinh tế, vượt xa với logic thông thường mà con người có thể nghĩ tới, nhà văn đã vẽ vào tim ta sự xúc động nghẹn ngào thật mãnh liệt, để rồi ta ngộ ra người phụ nữ trong câu chuyện chính là hình ảnh của mọi bà mẹ vĩ đại, cao cả trên cuộc đời này vẫn luôn âm thầm mỗi ngày mòn mỏi hứng tất cả đau đớn chỉ để đổi lấy hạnh phúc và nụ cười của đứa con thân yêu...

(Màu đỏ: nêu ý về hành động, tâm trạng, màu vàng: Trích dẫn dẫn chứng, màu tím: Dẫn dắt, màu xanh: nhận xét, đánh giá về chi tiết)

+Phân kết thúc: Ta xem xét câu truyện kết thúc ra sao? Số phận các nhân vật như thế nào? Từ đó đưa ra nhận xét

Ví dụ: Phân tích truyện ngắn “Truyện người mẹ” ta thấy kết thúc truyện khá bất ngờ

➔ **Mọi chiếc chìa khoá trong văn chương đều sẽ chỉ giúp cho ta mở cánh cửa hiện thực đời sống, do đó, dù câu truyện kết thúc mở khi bà mẹ đã chạm mặt Thần Chết không biết hành trình khắc nghiệt ấy bà có tìm được con và mang nó trở lại trần gian hay không, nhưng khép lại mọi đau đớn trang văn bỗng cất cánh bay cao trước câu trả lời “Vì tôi là mẹ. Hãy trả con cho tôi!”**. Thật xúc động và thiêng liêng biết bao, khi được đắm mình trong hơi thở nghệ thuật, thấu rõ lẽ đời, chiêm nghiệm cuộc sống rồi tự cúi đầu trước sự hi sinh và tấm lòng vĩ đại vượt không gian, thời gian để từng từng hiện ngang như một bức tượng đại của người mẹ, ở đó người đọc bỗng nhận ra trong thế giới bao la, rộng lớn này có hàng trăm cái đẹp, hàng vạn điều ngọt ngào nhưng đẹp đẽ và ngọt ngào nhất vẫn là tình mẫu tử.

(Màu đỏ: Dẫn dắt, màu vàng: Trích dẫn, màu xanh: nhận xét, đánh giá)

- Khi phân tích có thể so sánh liên hệ với các tác phẩm cùng nội dung hoặc khác nội dung để nhấn mạnh truyện ngắn mình phân tích.

Ví dụ: Khi phân tích bài thơ “Truyện người mẹ”, ta có thể liên hệ với các bài thơ cùng

chủ đề..

Thật xúc động và thiêng liêng biết bao, khi được đắm mình trong hơi thở nghệ thuật, thấu rõ lẽ đời, chiêm nghiệm cuộc sống rồi tự cúi đầu trước sự hi sinh và tấm lòng vĩ đại vượt không gian, thời gian để sừng sững hiên ngang như một bức tượng đại của người mẹ, ở đó người đọc bỗng nhận ra trong thế giới bao la, rộng lớn này có hàng trăm cái đẹp, hàng vạn điều ngọt ngào nhưng đẹp đẽ và ngọt ngào nhất vẫn là tình mẫu tử mãi mãi bên đời ta đúng như câu hát:

*Mẹ – người đàn bà chẳng quản nhọc nhằn để vịn toàn sau trước
Tóc trắng hết cả đầu, đôi má cốp, da nhăn
Người mà đêm ngày vượt qua những khó khăn
Dù lòng có đói, vẫn mỉm cười cho các con no ấm.*

Bốn câu thơ có lẽ đã đủ khiến tâm hồn ta cảm nhận được hết tình yêu thương bao la là mỗi người mẹ vẫn luôn dành cho đứa con thân yêu của mình trong cuộc đời. Thế nhưng, câu nói “vì tôi là một người mẹ” xuất hiện trong truyện còn khiến ta day dứt hơn. Hoá ra, mẹ chỉ đơn giản sinh ra trên đời vốn đã hi sinh như thế, chẳng cần lí do, hay bất cứ thứ gì có thể cao quý, vĩ đại hơn.

(Màu đỏ: dẫn dắt, màu đen: Đánh giá sự nổi bật của bài thơ so với bài được so sánh, màu vàng: trích các bài thơ, ca dao được so sánh cùng hoặc khác chủ đề).

+Nghệ thuật: Xác định những đặc sắc nghệ thuật của dẫn chứng đã phân tích, nêu tác dụng của từng biện pháp nghệ thuật xuất hiện trong bài (tuy nhiên phần nghệ thuật truyện ngắn thường tập trung ở tình huống truyện, tâm lí nhân vật, cách kể truyện nên ta không thể đi phân tích như thơ được), nên gộp nghệ thuật vào luôn phần đánh giá sẽ hay và tránh lặp lại nhiều

*** Phương pháp LD 3: Viết luận điểm đánh giá**

-**Yêu cầu:** Đánh giá tổng quan về vấn đề nghị luận, phạm vi phân tích và mở rộng **nêu** ra là những cảm nhận, đánh giá cá nhân về tác giả, tác phẩm về nội dung và nghệ thuật.(Không gộp với kết bài)

-**Trình tự viết:**

+ Đánh giá cơ bản:

-Nội dung: Khẳng định nội dung chính mà đề bài yêu cầu làm rõ (vấn đề nghị luận).

-Nghệ thuật: Khẳng định những đặc sắc nghệ thuật của dẫn chứng đã phân tích (nên đưa ra những dẫn chứng cụ thể cho những đặc sắc nghệ thuật đó). Đánh giá về tình huống truyện, cách dẫn dắt, miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ...

+Đánh giá nâng cao:

- Khẳng định về phong cách sáng tác/tấm lòng/tài năng của tác giả.

- Cảm nhận cá nhân về vấn đề nghị luận (nếu có)

- Nêu nhận định hoặc liên hệ mở rộng với các tác phẩm khác cùng đề tài hoặc cùng giai đoạn sáng tác (nếu có)

- Rút ra bài học nhận thức và hành động (nếu vấn đề nghị luận có thể liên hệ tới cuộc sống ngày nay, những phẩm chất đáng quý, truyền thống dân tộc cần phát huy...)

- **Ví dụ: Phân tích bài thơ “Về thăm nhà Bác” của Nguyễn Đức Mậu**

Yêu cầu	Ý chính	Viết hoàn chỉnh
Đánh giá cơ bản	- Nội dung: Cảm nhận được nỗi đau của người mẹ khi mất đứa con mình sinh ra, qua đó ca ngợi sự hi sinh vĩ đại của những người mẹ trong cuộc đời này. - Nghệ thuật: Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, tình huống truyện độc đáo, nhân vật được khắc hoạ tính cách qua nhiều hành động, truyện chứa đựng nhiều giá trị nhân sinh sâu sắc.	Có thể nói, truyện ngắn đã đem đến cho ta những cảm nhận sâu sắc nỗi đau của người mẹ khi mất đứa con mình sinh ra, qua đó ca ngợi sự hi sinh vĩ đại của những người mẹ trong cuộc đời này. Với nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, tình huống truyện độc đáo, nhân vật được khắc hoạ tính cách qua nhiều hành động, truyện chứa đựng nhiều giá trị nhân sinh sâu sắc, người đọc đã nhận ra được nhiều bài học có giá trị trong cuộc sống. Từ đó, giúp ta hiểu rõ hơn tấm lòng yêu thương tha thiết của tác giả đối những người mẹ.
Đánh giá nâng cao	- Tấm lòng yêu thương tha thiết của tác giả đối những người mẹ - Tình cảm của tác giả truyền cảm hứng tốt đẹp đến với mỗi chúng ta: biết ơn, yêu thương mẹ những người phụ nữ đã suốt đời hi sinh vì chúng ta.	Để rồi, nhờ tình cảm ấy truyền cảm hứng tốt đẹp đến với mỗi chúng ta: biết ơn, yêu thương mẹ những người phụ nữ đã suốt đời hi sinh vì chúng ta.

3. Một số đoạn dẫn hay (dùng ở thân bài)

a. Đoạn dẫn dắt hay:

***Cách 1:** Một ngày tươi sáng không thể thiếu ánh mặt trời rực rỡ, biển êm đềm nhẹ ru chắc chắn sẽ được những con gió nhẹ ru và chắc hẳn văn chương cũng thế. Tác phẩm văn học chắc chắn phải là bản tình ca bắt nguồn từ cảm xúc của con người trước đời sống được “*giải bày và gửi gắm tâm tư*” qua từng con chữ và truyện ngắn “*Quà sinh nhật*” cũng là một kiệt tác như vậy. Truyện mở đầu vô cùng đơn giản, nhẹ nhàng xoay quanh tình huống (Nội dung tình huống+ Đi vào phân tích nội dung ...)

Ví dụ: Phân tích truyện ngắn “*Quà sinh nhật*”?

Một ngày tươi sáng không thể thiếu ánh mặt trời rực rỡ, biển êm đềm nhẹ ru chắc chắn sẽ được những con gió nhẹ ru và chắc hẳn văn chương cũng thế. Tác phẩm văn học chắc chắn phải là bản tình ca bắt nguồn từ cảm xúc của con người trước đời sống được “*giải bày và gửi gắm tâm tư*” qua từng con chữ và truyện ngắn “*Quà sinh nhật*” cũng là một kiệt tác như vậy. Truyện mở đầu vô cùng đơn giản, nhẹ nhàng xoay quanh tình huống món quà sinh nhật của người con gái muốn trao tặng mẹ. **Song, điều độc đáo của tác phẩm được đẩy lên cao trào bắt đầu từ những nét khắc hoạ ngắn gọn trong hoàn cảnh của nhân vật người con khi phải gánh vác một trách nhiệm nặng nề nuôi con đang “*tuổi ăn học*” mà lại không có chồng bên cạnh, điều này thật vất vả đối với một người phụ nữ như vậy.**

(Màu đỏ: Phân tích hoàn cảnh của nhân vật, Màu đen: dẫn dắt)

***Cách 2:** Đã bao lần tôi băn khoăn tự hỏi: điều gì khiến mỗi tác phẩm văn học mang hình hài của một chiếc lá thả mình vào dòng chảy miên viễn của thời gian? Một cốt truyện ly kì hấp dẫn hay một vần thơ rung cảm tận đáy tim? Để rồi một ngày kia, khi tìm đến những dòng văn của Tác giả A tôi chợt hiểu ra cái dáng lá chao mình ấy còn đọng lại + Nội dung cần phân tích, khiến ta phải lặng mình ngẫm về biết bao lẽ đời cao quý mà ta vội đánh rơi trong dòng thời gian vội vã. Mở đầu câu truyện...

Ví dụ: Phân tích truyện ngắn “Áo tết” của Nguyễn Ngọc Tư?

Đã bao lần tôi băn khoăn tự hỏi: điều gì khiến mỗi tác phẩm văn học mang hình hài của một chiếc lá thả mình vào dòng chảy miên viễn của thời gian? Một cốt truyện ly kì hấp dẫn hay một vần thơ rung cảm tận đáy tim? Để rồi một ngày kia, khi tìm đến những dòng văn của Nguyễn Ngọc Tư tôi chợt hiểu ra cái dáng lá chao mình ấy còn đọng lại trong bóng dáng thân thương, nhỏ bé của nhân vật Bích, khiến ta phải lặng mình ngẫm về biết bao lẽ đời cao quý mà ta vội đánh rơi trong dòng thời gian vội vã. Mở đầu câu truyện...

***Cách 3:** Khi bàn về giá trị của nghệ thuật nhà thơ Xuân Diệu đã từng thả hồn mình vào bầu trời ngôn từ mà cất tiếng tha thiết:

“Tình tự quá, thiêng liêng êm ái quá
Thơ ở đâu thông thả xuống đường mưa
Những hoa quý tỏa hương vương giả
Mây đa tình, như thi sĩ đời xưa...”

(Tình mai sau – Xuân Diệu)

Phải chăng, tự bao giờ, người ta luôn bằng lòng với quan niệm: Nghệ sĩ suốt đời trần trở săn tìm cái đẹp và chỉ đau đầu ước vọng về cái đẹp? Chẳng vậy mà, văn chương luôn bắt nguồn từ một men say, một tia chớp lóe sáng, một mạch nước ngầm âm ỉ khi tâm hồn mỗi con người chịu hạ mình lắng nghe dòng đời trôi chảy với bao ngân vang đẹp đẽ? Thế nên, mỗi tác phẩm phải mở ra được một hình sắc riêng, một cảm xúc riêng về cuộc sống, say mê trong khu vườn chữ nghĩa để ta tự tìm thấy bụi vàng lấp lánh cho viên ngọc trên trang văn thơ của đời mình. Nếu đúng như thế, thì Tác phẩm A có hàng ngàn hạt bụi vàng lung linh khiến chiếu rọi rõ trong tâm hồn ta triết lí sống nhân văn, cao cả. Lật mở từng dòng chữ nhỏ xinh, dung dị mà sâu sắc, thiêng liêng trong tác phẩm ta bắt gặp ngay tình huống truyện độc đáo (nêu tình huống truyện)

Ví dụ: Phân tích truyện ngắn “Truyện người mẹ”?

Khi bàn về giá trị của nghệ thuật nhà thơ Xuân Diệu đã từng thả hồn mình vào bầu trời ngôn từ mà cất tiếng tha thiết:

“Tình tự quá, thiêng liêng êm ái quá
Thơ ở đâu thông thả xuống đường mưa
Những hoa quý tỏa hương vương giả
Mây đa tình, như thi sĩ đời xưa...”

(Tình mai sau – Xuân Diệu)

Phải chăng, tự bao giờ, người ta luôn bằng lòng với quan niệm: Nghệ sĩ suốt đời trần trở săn tìm cái đẹp và chỉ đau đầu ước vọng về cái đẹp? Chẳng vậy mà, văn chương luôn bắt nguồn từ một men say, một tia chớp lóe sáng, một mạch nước ngầm âm ỉ khi tâm hồn mỗi con người

chịu hạ mình lắng nghe dòng đời trôi chảy với bao ngân vang đẹp đẽ? Thế nên, mỗi tác phẩm phải mở ra được một hình sắc riêng, một cảm xúc riêng về cuộc sống, say mê trong khu vườn chữ nghĩa để ta tự tìm thấy bụi vàng lấp lánh cho viên ngọc trên trang văn thơ của đời mình. Nếu đúng như thế, thì “*Truyện người mẹ*” có hàng ngàn hạt bụi vàng lung linh khiến chiếu rọi rõ trong tâm hồn ta triết lí sống nhân văn, cao cả. Lật mở từng dòng chữ nhỏ xinh, dung dị mà sâu sắc, thiêng liêng trong tác phẩm ta bắt gặp ngay tình huống truyện độc đáo.

***Cách 4:** Một tác phẩm có sức lôi cuốn người đọc đó là hành trình người nghệ sĩ kí thác đời sống bằng tài năng riêng biệt, khiến độc giả chìm trong không gian của nó mà không thể thoát ra, đem đến sự băn khoăn cho số phận của nhân vật, như chính con người ngoài đời thực, để rồi từ đó cũng khóc, cùng cười với nhà văn, với số phận sau con chữ. Và quả thực, hành trình bạn đọc bước vào tác phẩm A cũng đem lại dư âm sâu sắc của một tuyệt phẩm đắt giá như vậy trong lòng người đọc.

Ví dụ: Phân tích truyện ngắn “Bức tranh bị bôi bẩn”?

➔ Một tác phẩm có sức lôi cuốn người đọc đó là hành trình người nghệ sĩ kí thác đời sống bằng tài năng riêng biệt, khiến độc giả chìm trong không gian của nó mà không thể thoát ra, đem đến sự băn khoăn cho số phận của nhân vật, như chính con người ngoài đời thực, để rồi từ đó cũng khóc, cùng cười với nhà văn, với số phận sau con chữ. Và quả thực, hành trình bạn đọc bước vào tác phẩm “Bức tranh bị bôi bẩn” cũng đem lại dư âm sâu sắc của một tuyệt phẩm đắt giá như vậy trong lòng người đọc.

4. Một số cách bình giảng chi tiết đắt giá trong truyện ngắn

-Bình giảng: là từ việc giảng và bình các chi tiết ngôn ngữ nghệ thuật, tư tưởng tình cảm chứa trong tác phẩm hay một phần của tác phẩm, làm rõ cái hay, cái đẹp của văn chương. (Hiểu một cách nôm na là ta chọn một từ, một hình ảnh hay nhất để khen).

Ví dụ: Phân tích bài thơ “Truyện người mẹ”, khi phân tích tới hình ảnh đôi mắt mẹ hoá thành viên ngọc trai ta có thể viết:

➔ Sâu xa hơn trong linh hồn của tác phẩm với bà mẹ sẵn sàng đánh đổi đôi mắt quý giá ấy vì sẽ chẳng còn gì quan trọng nếu không có con, bởi chính con mới là ngọn nguồn ánh sáng mà cả cuộc đời mẹ luôn dõi theo. Cái giá phải trả của người phụ nữ trong câu truyện và những người mẹ trên thế gian này thật quá đắt, một đôi mắt hay có khi là mạng sống, ánh sáng cuộc đời hay tuổi trẻ nhọc nhằn, chỉ để mang lại một hi vọng mong manh gặp được con nơi tử thần giăng lối. **Vì thế, “viên ngọc” lấp lánh từ đôi mắt mẹ hiện lên mới đẹp làm sao? Đó chẳng phải, là giọt nước mắt của tình yêu thương, hi sinh vô bờ bến dành cho con, là thứ vô giá không gì có thể đánh đổi được trên thế gian này.**

(Chữ màu đỏ: Bày tỏ quan điểm, phát hiện cái hay khác biệt trong câu thơ, khen cách dùng từ => Bình giảng)

-Một số đoạn vận dụng để đưa vào bình giảng hay:

+ So sánh: Hạnh phúc của mỗi con người trong cuộc sống là được cống hiến, vui sướng của mỗi con người là chạm tay vào thành quả ngọt ngào, ước mơ của mỗi con người là được đặt tên mình vào núi non, sông nước, cũng như hành trình nhà văn khe khẽ điểm (hình ảnh, chi tiết) vào trang văn ta mới hiểu được sự đẹp đẽ, vô ngần của cuộc sống được cất lên dung dị biết bao!

Ví dụ: Phân tích truyện ngắn “Quà tặng mẹ”, khi phân tích hình ảnh bức tranh bát canh cá nấu me chua:

→ Hạnh phúc của mỗi con người trong cuộc sống là được cống hiến, vui sướng của mỗi con người là chạm tay vào thành quả ngọt ngào, ước mơ của mỗi con người là được đặt tên mình vào núi non, sông nước, cũng như hành trình nhà văn khe khẽ điểm hình ảnh bát cánh cá nấu me chua xuất hiện trong trang văn ta mới hiểu được sự đẹp đẽ, vô ngần của cuộc sống được cất lên dung dị biết bao!

+ Lí luận: Khi âm nhạc cất lên nốt nhạc khẽ trầm bổng, xao xuyến vương vào hồn ta, khi mặt trời ló rạng ta biết bình minh đã buông mình xuống nhân gian tươi đẹp, chẳng vậy mà khi chạm.... (Hình ảnh, chi tiết) ta biết trái tim đã thổn thức, khắc khoải trước (nội dung) quá đổi nhẹ nhàng/ngọt ngào/ long lanh đến thế.

Ví dụ: Phân tích bài “Ngân hàng ông Sáu Lục” ta có thể bình giảng và khen từ chi tiết ông Sáu mời nhân vật tôi đến làm cho cửa hàng mình.

→ Khi âm nhạc cất lên nốt nhạc khẽ trầm bổng, xao xuyến vương vào hồn ta, khi mặt trời ló rạng ta biết bình minh đã buông mình xuống nhân gian tươi đẹp, chẳng vậy mà khi đọc chi tiết đứa trẻ được ngỏ lời từ ông Sáu Lục “*Sao? Có muốn ra tiệm của tao làm không?*” ta biết trái tim đã thổn thức, khắc khoải trước hình ảnh người chiến sĩ vì mệt quá mà “ngủ” đấy thôi, chứ anh chẳng rời quên tổ quốc mà về với đất mẹ yên bình quá đổi nhẹ nhàng đến thế.

+**Khẳng định:** Thật xúc động và thiêng liêng biết bao, khi được đắm mình trong hơi thở nghệ thuật, thấu rõ lẽ đời, chiêm nghiệm cuộc sống rồi tự cúi đầu trước sự hi sinh và tấm lòng vĩ đại vượt không gian, thời gian qua (hình ảnh, chi tiết) để sừng sững hiên ngang như một bức tượng đại của nhân vật A, ở đó người đọc bỗng nhận ra trong thế giới bao la, rộng lớn này có hàng trăm cái đẹp, hàng vạn điều ngọt ngào nhưng đẹp đẽ và ngọt ngào nhất vẫn là(nội dung) mãi mãi bên đời ta.

Ví dụ: Phân tích bài “Truyện người mẹ” ta có thể bình giảng và khen từ chi tiết giọt nước mắt của mẹ biến thành giọt ngọc.

→ Thật xúc động và thiêng liêng biết bao, khi được đắm mình trong hơi thở nghệ thuật, thấu rõ lẽ đời, chiêm nghiệm cuộc sống rồi tự cúi đầu trước sự hi sinh và tấm lòng vĩ đại vượt không gian, thời gian qua hình ảnh giọt nước mắt biến thành giọt ngọc long lanh để sừng sững hiên ngang như một bức tượng đại của nhân vật người mẹ, ở đó người đọc bỗng nhận ra trong thế giới bao la, rộng lớn này có hàng trăm cái đẹp, hàng vạn điều ngọt ngào nhưng đẹp đẽ và ngọt ngào nhất vẫn là tình mẫu tử mãi mãi bên đời ta.

5. Cách viết kết bài

a. Yêu cầu:

-Kết bài = Tổng kết lại vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích + Liên hệ, mở rộng. Trong đó:

+Tổng kết lại vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích là phần **BẮT BUỘC** phải nêu => Là phần cố định, phụ thuộc vào đề bài.

+Liên hệ mở rộng là phần không bắt buộc nhưng nên có để tạo sự cân xứng với mở bài => Là phần sáng tạo linh hoạt, tùy theo mở bài để có cách viết tương ứng.

b. Cách viết liên hệ mở rộng:

-**Cách 1: Kết bài liên tưởng**

Ai đó đã từng nói: “Viết hay là không nói hết”, phải chăng thông điệp ấy đang giúp ta nhận ra rằng nhà văn phải là người trao cho độc giả chiếc chìa khóa vàng để mở cánh cửa đi vào tác phẩm. Tiếp nhận, cảm thụ văn học chính là sống hết mình với nó, rung động tận độ với bản tình ca bằng ngôn từ cao quý, vừa đắm mình trong thế giới nghệ thuật của nhà văn vừa tỉnh táo lí trí lắng nghe tiếng nói của tác giả, xem xét tác phẩm nhiều phương diện như đang cầm trên tay một khối vuông ru bích mà xoay nó theo nhiều chiều, để mỗi góc độ ta lại khám phá ra những nội dung mới lạ. Nếu đúng như vậy, thì khúc nhạc đẹp dễ ngân dài từ quá khứ cho tới hiện tại nơi truyện ngắn A mà ta được đọc sẽ mãi là sự rung cảm và đồng điệu của mỗi người về+ Nội dung

Ví dụ: Viết bài văn cảm nhận về truyện ngắn “cho và nhận”?

Ai đó đã từng nói: “Viết hay là không nói hết”, phải chăng thông điệp ấy đang giúp ta nhận ra rằng nhà văn phải là người trao cho độc giả chiếc chìa khóa vàng để mở cánh cửa đi vào tác phẩm. Tiếp nhận, cảm thụ văn học chính là sống hết mình với nó, rung động tận độ với bản tình ca bằng ngôn từ cao quý, vừa đắm mình trong thế giới nghệ thuật của nhà văn vừa tỉnh táo lí trí lắng nghe tiếng nói của tác giả, xem xét tác phẩm nhiều phương diện như đang cầm trên tay một khối vuông ru bích mà xoay nó theo nhiều chiều, để mỗi góc độ ta lại khám phá ra những nội dung mới lạ. Nếu đúng như vậy, thì khúc nhạc đẹp dễ ngân dài từ quá khứ cho tới hiện tại nơi truyện ngắn “Cho và nhận” mà ta được đọc sẽ mãi là sự rung cảm và đồng điệu của mỗi người về giá trị sống cao quý ở đời hôm qua, hôm nay và mãi mãi mai sau.

***Cách 2: Vận dụng kiến thức lí luận văn học**

Văn chương ra đời để thực thi sứ mệnh giúp nhân loại nhìn thấy được những "rạng đông sáng ngời" ẩn giấu nơi ngõ ngách nào đó của cõi trần. Chẳng thế mà, âm điệu của nó chính là hợp xướng mà dàn đồng ca nhiệm màu về tình yêu thương chạm khẽ đến ngưỡng rung động vĩnh hằng, tựa tiếng hát ngân vang của trái tim nơi dừng chân trong tâm hồn, chốn người nghệ sĩ gửi gắm những bồi hồi, xao xuyến trong linh hồn đa cảm trước cuộc đời. Do đó, tình và tư tưởng trong văn như gió ngày xuân, nắng hạ sang hay trận mưa cuối thu, hoa tuyết giữa trời đông, để rồi từ đó, ta dùng đôi mắt để nhìn, dùng trái tim để cảm mà nhận ra rằng sẽ có một ngày đặc biệt giống như bây giờ, ta thấy lòng mình cháy rực khi ngồi đọc những trang sách của Tác giả A cùng tuyệt bút Tác phẩm B mà vẫn vương theo tận vào giấc mơ đêm nay, ngày mai và mãi mãi sau này.

Ví dụ: Phân tích truyện ngắn “Ai biểu xấu” của Nguyễn Ngọc Tư

Văn chương ra đời để thực thi sứ mệnh giúp nhân loại nhìn thấy được những "rạng đông sáng ngời" ẩn giấu nơi ngõ ngách nào đó của cõi trần. Chẳng thế mà, âm điệu của nó chính là hợp xướng mà dàn đồng ca nhiệm màu về tình yêu thương chạm khẽ đến ngưỡng rung động vĩnh hằng, tựa tiếng hát ngân vang của trái tim nơi dừng chân trong tâm hồn, chốn người nghệ sĩ gửi gắm những bồi hồi, xao xuyến trong linh hồn đa cảm trước cuộc đời. Do đó, tình và tư tưởng trong văn như gió ngày xuân, nắng hạ sang hay trận mưa cuối thu, hoa tuyết giữa trời đông, để rồi từ đó, ta dùng đôi mắt để nhìn, dùng trái tim để cảm mà nhận ra rằng sẽ có một ngày đặc biệt giống như bây giờ, ta thấy lòng mình cháy rực khi ngồi đọc những trang sách của Nguyễn Ngọc Tư cùng tuyệt bút “Ai biểu xấu” mà vẫn vương theo tận vào giấc mơ đêm nay, ngày mai và mãi mãi sau này.

***Cách 3: Đối chiếu, so sánh**

Chắc hẳn mỗi chúng ta có thể khám phá biết bao kì quan thiên nhiên hùng vĩ khắp nơi trên thế giới, nếm thử hàng trăm mùi vị nhân gian ngọt thơm trong cuộc đời, đi qua triệu hành trình kì thú sẽ chẳng thể quên. Nhưng liệu mấy ai ở trần gian này đo đủ tâm hồn, thấu rõ tường tận lẽ đời, đánh giá đúng bản chất một con người, thế nên có lẽ bài học mà truyện ngắn A, qua hình tượng nhân vật B, cùng ngôn từ giản dị, nhẹ nhàng đã giúp ta thấu hiểu được rất nhiều thông điệp cao quý, đáng trân trọng, nâng niu trong thế giới còn lắm những trái tim tử tế bất tử cùng thời gian và năm tháng...

Ví dụ: Phân tích bài thơ “Ngân hàng ông Sáu Lục” của Trung Phúc.

Chắc hẳn mỗi chúng ta có thể khám phá biết bao kì quan thiên nhiên hùng vĩ khắp nơi trên thế giới, nếm thử hàng trăm mùi vị nhân gian ngọt thơm trong cuộc đời, đi qua triệu hành trình kì thú sẽ chẳng thể quên. Nhưng liệu mấy ai ở trần gian này đo đủ tâm hồn, thấu rõ tường tận lẽ đời, đánh giá đúng bản chất một con người, thế nên có lẽ bài học mà truyện ngắn “Ngân hàng ông Sáu Lục”, qua hình tượng nhân vật ông Sáu, cùng ngôn từ giản dị, nhẹ nhàng đã giúp ta thấu hiểu được rất nhiều thông điệp cao quý, đáng trân trọng, nâng niu trong thế giới còn lắm những trái tim tử tế bất tử cùng thời gian và năm tháng...

***Cách 4: Khẳng định giá trị của văn học**

Haruki Murakami – một văn sĩ người Nhật, cha đẻ của cuốn sách được tìm đọc nhiều nhất thế kỉ XX – Rừng Na Uy đã chia sẻ rằng: “*Con người chúng ta có thể lấy kỉ ức làm nhiên liệu để mà sống*”. Vì thế những thương nhớ trong tâm hồn nghệ sĩ khi dư đầy cũng sẽ hóa thành Thánh ca, thành thi phẩm trong đời luôn rạng rỡ tươi xanh. Chẳng thế mà, cùng chất văn nhẹ nhàng, thấm đẫm, dư vị đời sống, không khai phá quá nhiều xung đột gay gắt, nhưng Tác giả A đã để lại cho ta một thông điệp đầy sức sống cho phần đời rất dài còn lại của sau này qua *tác phẩm B* mà mỗi người hôm nay sẽ không thể nào quên.

Ví dụ: Phân tích truyện ngắn “Áo mới” của Nguyễn Ngọc Tư

➔ Haruki Murakami – một văn sĩ người Nhật, cha đẻ của cuốn sách được tìm đọc nhiều nhất thế kỉ XX – Rừng Na Uy đã chia sẻ rằng: “*Con người chúng ta có thể lấy kỉ ức làm nhiên liệu để mà sống*”. Vì thế những thương nhớ trong tâm hồn nghệ sĩ khi dư đầy cũng sẽ hóa thành Thánh ca, thành thi phẩm trong đời luôn rạng rỡ tươi xanh. Chẳng thế mà, cùng chất văn nhẹ nhàng, thấm đẫm, dư vị đời sống, không khai phá quá nhiều xung đột gay gắt, nhưng Nguyễn Ngọc Tư đã để lại cho ta một thông điệp đầy sức sống cho phần đời rất dài còn lại của sau này qua “*Áo mới*”, mà mỗi người hôm nay sẽ không thể nào quên.

PHƯƠNG PHÁP NGHỊ LUẬN XÃ HỘI
Dạng bài văn nghị luận hiện tượng đời sống
(CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC VÀ MỘT
THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)

A. Dạng đề con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước

1. Yêu cầu

- Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích để người đọc hiểu vì sao vấn đề này đáng được bàn đến.
- Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.
- Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.
- Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.

2. Thực hành viết theo các bước

***Bước 1: Trước khi viết**

a. Lựa chọn đề tài

Với yêu cầu nghị luận về vấn đề con người trong quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước, em cần huy động vốn hiểu biết qua môn học Ngữ văn và các môn học khác, qua sách báo và các phương tiện truyền thông, nêu ra một số vấn đề để suy nghĩ, lựa chọn. Có thể tham khảo các đề tài sau:

- Học sinh với vấn đề xây dựng trường học thân thiện.
- Học sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc thông qua việc tổ chức một lễ hội ở quê em.
- Trách nhiệm của con người đối với nơi mình sinh sống.

b. Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

-Sau khi lựa chọn được vấn đề nghị luận con người trong quan hệ với xã hội, cộng đồng, hãy tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

+ *Vấn đề có tầm quan trọng như thế nào?*

Phải nêu được vấn đề và xác định ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đó đối với đời sống xã hội, cộng đồng, đất nước. Vai trò của việc nhận thức được trách nhiệm của mình với quê hương đất nước, ý thức trách nhiệm của học sinh với cộng đồng.

+ *Vấn đề có những khía cạnh cơ bản nào? Cần dùng lí lẽ và bằng chứng nào để làm rõ từng khía cạnh?*

Mỗi khía cạnh của vấn đề được nêu ra tương ứng với một luận điểm (ý) cần triển khai. Tìm hiểu bài viết tham khảo để nắm được cách xác định:

- + Ý 1: Giải thích vấn đề nghị luận ấy có nghĩa là gì?
- + Ý 2: Hiện trạng của vấn đề nghị luận trong cuộc sống hiện nay?
- + Ý 3: Nêu nguyên nhân của vấn đề nghị luận ấy trong cuộc sống
- + Ý 4: Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận ấy trong cuộc sống
- + Ý 4: Liên hệ bản thân

- Cần có hành động như thế nào sau khi nhận thức về vấn đề?

Trả lời các câu hỏi trên, em sẽ tìm được các ý. Phải suy nghĩ, tìm tòi để không bỏ sót những ý quan trọng của bài. Em cần ghi lại ngay, mặc dù có thể còn lộn xộn. Việc sắp xếp các ý sao cho mạch lạc sẽ được thực hiện ở bước tiếp theo.

- **Lập dàn ý:** Sắp xếp các ý đã tìm được vào từng phần để thành dàn ý

Mở bài:	Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận (Bám theo công thức về dạng đề ở trên)
Thân bài:	Đảm bảo 5 ý sau: -Ý 1: Giải thích được từ khóa (VĐNL) -Ý 2: Nêu thực trạng của vấn đề trong cuộc sống -Ý 3: Nêu nguyên nhân khách qua, chủ quan của VĐNL -Ý 4: Nêu hậu quả + dẫn chứng, / kết quả nếu vấn đề tốt -Ý 5: Dẫn chứng và liên hệ bản thân
Kết bài	Khẳng định lại vấn đề + thông điệp đưa ra.

PHƯƠNG PHÁP MẸO LÀM DẠNG ĐỀ NÀY

Mở bài= dẫn dắt + nêu vấn đề	
Giới thiệu được VĐNL Cách 1: Nếu ví cuộc sống là một bức tranh muôn màu muôn vẻ thì chắc hẳn ở đó sẽ có màu xanh của niềm tin, hi vọng, có sắc đỏ của tình cảm yêu thương, có sắc tím của sự thủy chung, gắn bó. Và thật đáng buồn khi trong bức tranh ấy còn có + màu sắc tương ứng + của + Vấn đề nghị luận (VĐNL)	Cách 1: Nếu ví cuộc sống là một bức tranh muôn màu muôn vẻ thì chắc hẳn ở đó sẽ có màu xanh của niềm tin, hi vọng, có sắc đỏ của tình cảm yêu thương, có sắc tím của sự thủy chung, gắn bó. Và thật đáng buồn khi trong bức tranh ấy còn có màu đen xấu xí của thói quen vứt rác bừa bãi của con người hôm nay.
Cách 2: Xã hội của chúng ta hiện nay đang đứng trước nhiều thách thức như: tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường, nạn tham nhũng, bệnh vô cảm... Một trong những vấn đề thách thức hàng đầu hiện nay đó chính là (...). Đây là một hiện tượng xấu có nhiều tác hại mà ta cần lên án và loại bỏ.	Cách 2: Xã hội của chúng ta hiện nay đang đứng trước nhiều thách thức như: tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường, nạn tham nhũng, bệnh vô cảm... Một trong những vấn đề thách thức hàng đầu hiện nay đó chính là thói quen xả rác bừa bãi của con người. Đây là một hiện tượng xấu có nhiều tác hại mà ta cần lên án và loại bỏ.

-Ý 1: Giải thích được từ khóa (VĐNL)

Thân bài: khai triển vấn đề		
Giải thích, khẳng định vấn đề	Hiện tượng này được hiểu như thế nào? Mọi người quan niệm ra sao về hiện tượng này? -Có 2 cách giải thích: +Giải thích nghĩa của từ qua việc cắt nghĩa từ Hán Việt.	Ví dụ 1: Bạo lực học đường: (Giải thích nghĩa dựa trên cắt nghĩa từ Hán Việt) +Bạo lực: Sử dụng sức mạnh thể chất để thực hiện hành vi như: Đánh đập thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm,... tác động đến thân thể của một người khiến họ bị tổn thương về mặt thể chất và tinh thần. +Học đường là môi trường, không gian sinh hoạt, học tập của các đối tượng là học sinh, sinh viên. Tại đây học sinh, sinh viên sẽ được nhà trường đào tạo, giảng dạy những kiến thức văn hóa xã hội và rèn luyện thể lực,... để trở thành một người có ích cho xã hội. => Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học mà đối tượng gánh chịu chủ yếu là các học sinh và sinh viên.
	+Giải thích nghĩa của từ qua việc tìm một số từ đồng nghĩa và trái nghĩa với hiện tượng được nêu	-Ví dụ 2: Ô nhiễm môi trường(Giải thích nghĩa dựa trên tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa) +Tìm từ đồng nghĩa: Ô nhiễm: Bẩn, nhiễm độc, Môi trường: thế giới tự nhiên +Từ trái nghĩa: Ô nhiễm: Sạch sẽ (Chuyển thành không còn sạch) =>Ô nhiễm môi trường là môi trường tự nhiên bị nhiễm độc, nhiễm bẩn, không còn sạch sẽ.

-Ý 2: Nêu thực trạng của vấn đề trong cuộc sống

Thực trạng	-Thông thường cần dùng số liệu, dẫn chứng, hình ảnh cụ	

	thể, nhưng do có quá nhiều vấn đề mà có thể chúng ta không biết đến, nên cần dùng hai từ khóa sau: (Cần viết cả 2 ý dưới) + Hàng ngày, hàng giờ (vấn đề nghị luận) vẫn có xu hướng gia tăng và chưa có dấu hiệu giảm, ngay trong cuộc sống ta dễ dàng bắt gặp (liệt kê các hình ảnh của vấn đề)... + Không khó để thấy nếu dạo qua các trang mạng xã hội chỉ cần gõ cụm từ (Vấn đề nghị luận) thì hàng trăm video, hàng nghìn hình ảnh, thông tin mới nhất (về vấn đề) sẽ hiện ra một cách rõ ràng, đầy đủ nhất.	VD: Ô nhiễm môi trường + Hàng ngày, hàng giờ vấn đề ô nhiễm môi trường vẫn có xu hướng gia tăng và chưa có dấu hiệu giảm, ngay trong cuộc sống ta dễ dàng bắt gặp những bãi rác lớn nhỏ được mọc lên ở đường làng, ngõ xóm, ao hồ sông suối vẫn đục... +Không khó để thấy nếu dạo qua các trang mạng xã hội chỉ cần gõ cụm từ ô nhiễm môi trường thì hàng trăm video, hàng nghìn hình ảnh, thông tin mới nhất về hiện tượng này sẽ hiện ra một cách rõ ràng, đầy đủ nhất.

-Ý 3: Nêu nguyên nhân khách qua, chủ quan của VĐNL

Nguyên nhân	(Những hiện tượng trong đời sống luôn bắt nguồn từ những suy nghĩ, hành động của mọi người khi chịu ảnh hưởng từ điều kiện sống xung quanh. Sở dĩ có hiện tượng + VĐNL + là bởi....) +Nguyên nhân khách quan (xã hội, môi trường sống...)	Ví dụ: Về hiện tượng vứt rác bừa bãi <i>Những hiện tượng trong đời sống luôn bắt nguồn từ những suy nghĩ, hành động của mọi người khi chịu ảnh hưởng từ điều kiện sống xung quanh. Sở dĩ có hiện tượng vứt rác bừa bãi như hiện nay:</i> + Khách quan, có thể thấy việc tuyên truyền, giáo dục ý thức cho người dân của các cơ quan chuyên trách đối với việc bảo vệ môi trường chưa thực sự cao. Thói quen này có thể hình thành do lối sinh hoạt truyền lại từ những đời trước, hoặc chưa được giáo dục về việc để rác đúng nơi quy định cũng như nhận thức của người dân về ô nhiễm môi trường còn hạn chế. Các qui định xử phạt lại thiếu và chưa thật nghiêm khắc.

	+Nguyên nhân chủ quan (suy nghĩ, hành vi, thái độ của những người liên quan) là gì?	+Về chủ quan, ta thấy rất nhiều người không có ý thức bảo vệ môi trường tiện tay thì vứt, cốt sao sạch nhà mình, còn ngoài đường ra sao thì kệ. Họ đâu ý thức rằng những việc làm tưởng như rất bình thường, đó lại có tác hại lớn thế nào đến môi trường sống của chính họ và những người xung quanh.

-Ý 4: Nêu hậu quả + dẫn chứng (Bài học nếu là vấn đề tốt) của VĐNL

Hậu quả	-Hậu quả: đối với bản thân mỗi người, gia đình, xã hội như thế nào? (Hành hưởng kinh tế, tâm lí, sức khỏe, môi trường, sự phát triển của xã hội...)	Ví dụ: Về hiện tượng vứt rác bừa bãi -Hậu quả: Hành động này làm xấu cảnh quan thiên nhiên gây mất mỹ quan đường phố. Nguy hại hơn, nó làm cho môi trường sống của chúng ta lại ô nhiễm: Vứt rác ra sông hồ làm ô nhiễm nguồn nước, chôn rác không phân hủy làm ô nhiễm đất, làm ô nhiễm không khí, ô nhiễm tầm nhìn. Gây ảnh hưởng xấu đến các loài sinh vật chứ không kể riêng con người. Sức khỏe của con người suy giảm, dễ mắc các bệnh về hô hấp, về tiêu hóa, ung thư. Các loại sinh vật sống ở biển, hồ sẽ chết vì nuốt phải rác không phân hủy, chết vì nguồn nước quá ô nhiễm gây hoang mang cộng đồng.
	- Dẫn chứng: -Có thể dẫn những dẫn chứng tốt hoặc dẫn chứng chưa tốt - Đưa ra nhận xét cần học hỏi hay không nên làm theo.	Ví dụ: Về hiện tượng vứt rác bừa bãi -Dẫn chứng: Ở Sing-ga-po, những người vứt rác ra đường hoặc những nơi công cộng dù là rác rất nhỏ như mẩu thuốc lá hay vỏ kẹo cao su. Cũng bị phạt rất nặng. -Nhận xét: Đó chính là một kinh nghiệm mà đất nước ta cần học tập. Ví dụ: Trách nhiệm của thanh niên đối với đất nước Bước vào thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì ai nắm được tri thức thì mới có thể xây dựng đất nước, lèo lái chiếc thuyền số phận của non sông Tổ quốc. Và nhiệm vụ của chúng ta phải học, học nữa, học mãi.

		Nhà nước phải tạo mọi điều kiện để chúng ta dễ dàng tiếp cận tri thức thì tương lai dân tộc mới xán lạn, lấp lánh hào quang.

- Ý 5: giải pháp

Giải pháp+ liên hệ	-Giải pháp: Căn cứ vào nguyên nhân để đưa ra giải pháp (Nguyên nhân nào, giải pháp đây: Nguyên nhân do ý thức cá nhân kém, giải pháp: Tuyên truyền nâng cao ý thức cá nhân về VĐNL....)	-Giải pháp: + Cần có những hình thức xử phạt thật nghiêm hành động này. Bên cạnh đó, các ban ngành chính quyền, các cơ quan chức năng, đoàn thể. Cần đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho người dân để họ không vứt rác bừa bãi. Mặt khác chúng ta cần tích cực trồng cây xanh, phủ đồi trọc giữa môi trường Xanh – Sạch – Đẹp.
	-Liên hệ bản thân: Sẽ làm gì để hành động về VĐNL đang bàn bạc?	Ví dụ: Trách nhiệm của thanh niên đối với đất nước Bước vào thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì ai nắm được tri thức thì mới có thể xây dựng đất nước, lèo lái chiếc thuyền số phận của non sông Tổ quốc. Và nhiệm vụ của chúng ta phải học, học nữa, học mãi. Nhà nước phải tạo mọi điều kiện để chúng ta dễ dàng tiếp cận tri thức thì tương lai dân tộc mới xán lạn, lấp lánh hào quang.

Kết bài

Khẳng định lại vấn đề + đưa ra thông điệp	
Thông điệp em muốn gửi tới qua bài viết này là gì? -Hiện tượng tích cực: Như vậy, VĐNL chính là một tia sáng lấp lánh tạo nên vầng hào quang cho những ai đang sở hữu. Trên bầu trời ngàn vạn vì tinh tú, hãy là một ngôi sao tỏa sáng rạng ngời với ánh sáng của..... -Hiện tượng tiêu cực: Cuộc sống quanh ta muôn màu muôn vẻ vẫn còn đó mảng màu tối tăm, đáng buồn mang tên	Ví dụ: Trách nhiệm của tuổi trẻ <i>-Như vậy, trách nhiệm của tuổi trẻ chính là một tia sáng lấp lánh tạo nên vầng hào quang cho những ai đang sở hữu. Trên bầu trời ngàn vạn vì tinh tú, hãy là một ngôi sao tỏa sáng rạng ngời với ánh sáng của tuổi trẻ hôm nay.</i> - Ví dụ: Thói quen đổ rác bừa bãi <i>Cuộc sống quanh ta muôn màu muôn vẻ vẫn còn đó mảng màu tối tăm, đáng buồn mang tên thói quen vứt rác bừa bãi. Vì vậy, ngay từ ngày hôm</i>

VĐNL. Vì vậy, ngay từ ngày hôm nay bằng những nhận thức và hành động tích cực, mỗi người hãy....(hành động cụ thể)	<i>nay bằng những nhận thức và hành động tích cực, mỗi người hãy chung tay bao vệ môi trường, bảo vệ sự sống của chúng ta từ hành động nhỏ nhất vứt rác đúng nơi quy định.</i>

Bước 3 Viết bài

Khi viết, luôn luôn chú ý nhiệm vụ của từng phần trong bài viết:

- Mở bài: Viết thành một đoạn văn, giới thiệu trực tiếp hoặc gián tiếp vấn đề nghị luận. Tìm hiểu cách mở bài của các văn bản đọc và của bài viết tham khảo để vận dụng.
- Thân bài: Triển khai các ý đã nêu ở dàn ý. Mỗi ý lớn viết thành một đoạn văn. Cần luôn luôn quan tâm vị trí của câu chủ đề (đầu đoạn, cuối đoạn,...), sự phù hợp của câu chủ đề với nội dung cần trình bày và mục đích nghị luận. Tham khảo các kiểu đoạn văn đã phân tích ở văn bản đọc và ở phần Thực hành tiếng Việt để học tập cách viết. Chú ý dùng phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn và các đoạn trong bài.
- Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề và phương hướng hành động (viết trong một đoạn văn).

Bước 4: Chính sửa bài viết.

Sau khi hoàn thành bài viết, rà soát và chỉnh sửa theo gợi ý sau:

- Nếu bài viết chưa giới thiệu rõ về chuyên tham quan, cần viết cụ thể hơn.
- Nếu bài viết nêu chưa đầy đủ các hoạt động chính theo trình tự thời gian thì bổ sung và sắp xếp lại.
- Nếu việc kể, tả chưa làm nổi bật được đặc điểm của khu di tích và ấn tượng của người viết thì hình dung lại để viết thêm.
- Nếu bài viết chưa nêu rõ suy nghĩ, cảm xúc về chuyến đi thì bổ sung.

5. Bài viết tham khảo: Trách nhiệm của tuổi trẻ đối với tương lai đất nước

a. Dàn ý chi tiết:

*Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận (Áp dụng công thức dạng đề ở trên)

*Thân bài: Triển khai các ý đã nêu ở dàn ý như sau:

+ Ý 1: Giải thích (Theo cách tìm những từ đồng nghĩa với từ khóa)

- Tuổi trẻ là lứa thành niên, thanh niên, là thế hệ măng đã sắp thành tre, là người đã đủ điều kiện, đủ ý thức để nhận biết mọi vấn đề

+ Ý 2: Hiện trạng: Áp dụng 2 từ khóa (“Hàng ngày, hàng giờ” vấn đề ấy diễn ra như thế nào?, “Không khó để thấy trong thực tế” và “trên mạng xã hội” thế hệ thanh niên có những việc làm ra sao?)

- Hàng ngày hàng giờ, thế hệ thanh niên với suy nghĩ hướng về tổ quốc, thể hiện về công đồng ngày càng có xu hướng tăng.
- Không khó để thấy trong thực tế các bạn trẻ sẵn sàng tình nguyện, đóng góp cho đất nước từ những hành động nhỏ như hiến máu nhân đạo, vệ sinh môi trường... Nếu dạo qua các trang mạng xã hội, gõ cụm từ “Trách nhiệm của thanh niên với đất nước” sẽ có hàng nghìn video, clip, thông tin hình ảnh mới nhất về các hoạt động mang giá trị tốt đẹp của thanh niên hiện nay.

+ Ý 3: Nguyên nhân (Vì sao thanh niên lại gắn mình với trách nhiệm

- Khách quan (Về phía xã hội):

Để có thể bắt kịp đà phát triển của những nước lớn mạnh lực lượng chủ yếu là tuổi trẻ.

Tuổi trẻ tốt thì xã hội tốt, còn xã hội tốt sẽ tạo điều kiện cho tầng lớp trẻ phát triển toàn diện, sinh ra những người con có ích cho đất nước.

-Chủ quan(về phía bản thân mình):

Bản thân mỗi người thanh niên cần phải nắm bắt, cần đóng góp sức lực cho đất nước, chứng tỏ mình.

Trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá như hiện nay thì tuổi trẻ là những người nhanh nhạy dễ tiếp thu cái mới hơn

+Ý 4: Nêu kết quả của VĐNL+ dẫn chứng :

- Kết quả: +Đối với xã hội:

Tạo nên xã hội văn minh, phát triển’

Tạo nên sức mạnh to lớn của cộng đồng thanh niên trong xã hội mới

+Đối với bản thân:

Chính chúng ta chứng tỏ được bản thân

Noi theo tấm gương sáng của lịch sử cha anh đã ngã xuống để lại

Là tấm gương để thế hệ tương lai học hỏi

- Dẫn chứng: Kim Đồng, Võ Thị Sáu, Lê Văn Tám... => Nhận xét: đã hiến dâng cả tuổi trẻ của mình cho Tổ quốc khiến ta cần học hỏi và noi theo.

-Ý 5: Bài học (Giải pháp)+ liên hệ bản thân

+ Xã hội:

Nhà nước phải tạo mọi điều kiện để chúng ta dễ dàng tiếp cận tri thức

Xã hội đặt niềm tin nhiều hơn vào thế hệ trẻ

+ Bản thân:

Học tập thật tốt bằng chính thực lực của mình

Cố gắng vươn lên trước khó khăn

Lan tỏa những giá trị tốt đẹp ra cuộc sống bằng hành động của mình

- Liên hệ: Bản thân luôn cố gắng học tập

Kiên trì vượt qua khó khăn

*** Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề +Thông điệp (Tham khảo công thức)

b.Bài viết:

Mỗi ngày mới đến là một món quà được chia công bằng cho tất cả chúng ta. Nhưng lật mở “món quà” ấy như thế nào, thú vị hay nhàm chán, rục rờ hay lãng xẹt, cuộc đời liệu có được nối dài bởi những “món quà” ý nghĩa hay không thì lại phụ thuộc vào từng người. Và, bạn có biết, một trong những chìa khóa giúp chúng ta mở ra món quà ngày mới thật hạnh phúc, thật ý nghĩa chính là trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay với tương lai đất nước dân tộc.

Tuổi trẻ là những công dân ở lứa thanh niên, thanh niên là thế hệ măng đã sắp thành tre, là người đã đủ điều kiện, đủ ý thức để nhận biết vai trò của mình đối với bản thân, xã hội. Tuổi trẻ của mỗi thời đại là niềm tự hào dân tộc, là lớp người tiên phong trong công cuộc xây dựng, đổi mới, phát triển đất nước.

Hàng ngày hàng giờ, thế hệ thanh niên với suy nghĩ hướng về tổ quốc, thể hiện về công đồng ngày càng có xu hướng tăng. Không khó để thấy trong thực tế các bạn trẻ sẵn sàng tình

nguyện, đóng góp cho đất nước từ những hành động nhỏ như hiến máu nhân đạo, vệ sinh môi trường... Nếu dạo qua các trang mạng xã hội, gõ cụm từ “Trách nhiệm của thanh niên với đất nước” sẽ có hàng nghìn video, clip, thông tin hình ảnh mới nhất về các hoạt động mang giá trị tốt đẹp của thanh niên hiện nay.

Thế kỉ 21, thế kỉ của sự phát triển, không ngừng nâng cao trình độ văn hoá kinh tế, đất nước. Để có thể bắt kịp đà phát triển của những nước lớn mạnh thì đòi hỏi sự chung sức đồng lòng của tất cả mọi người mà lực lượng chủ yếu là tuổi trẻ. Bởi đó là lực lượng nòng cốt, là chủ nhân tương lai, là nhân vật chính góp phần tạo nên cái thế, cái dáng đứng cho non sông Tổ quốc. Tuổi trẻ hôm nay là tôi, là bạn, là những anh chị đang có mặt trên giảng đường đại học, đang hoạt động bằng cả tâm huyết để cống hiến sức trẻ với những đam mê cùng lòng nhiệt tình bốc lửa.

Tuổi trẻ tốt thì xã hội tốt, còn xã hội tốt sẽ tạo điều kiện cho tầng lớp trẻ phát triển toàn diện, sinh ra những người con có ích cho đất nước, đó là điều tất yếu, hiển nhiên mà ai cũng biết. Mỗi người chúng ta cũng đi qua thời tuổi trẻ - tuổi của sức mạnh phi thường, của cái tuổi không chịu khuất phục trước khó khăn và sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn. Sức mạnh vô song của tuổi trẻ “sông kia phải chuyển, núi kia phải dời”. Chúng ta chỉ có một lần trong đời là tuổi trẻ vì vậy cần phải nắm bắt, cần đóng góp sức lực cho đất nước.

Việc xây dựng đất nước là trách nhiệm của mọi người, mọi công dân chứ không phải của riêng ai. Nhưng với số lượng đông đảo hàng chục triệu người thì lẽ nào tuổi trẻ lại không thể xây dựng đất nước. Chẳng lẽ chúng ta để cho những cụ già đi khuân vác, lao động nặng, những phụ nữ phải ngày đêm làm việc trong các nhà xưởng đầy khói bụi, những trẻ em phải phụ giúp gia đình ngay còn nhỏ mà “quên” đi việc học hành, lúc đó chúng ta sẽ “làm” gì? Chẳng lẽ ngồi không như một “người bị liệt”. Vì vậy chúng ta phải cố gắng xây dựng đất nước như lời dặn của Bác: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, thì Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Sinh ra ở đời ai cũng khao khát được sống hạnh phúc, sung sướng. Mỗi người luôn tìm cho mình một lẽ sống hay nói đúng hơn là lý tưởng sống. Là chủ nhân tương lai thì chúng ta phải xác định cho mình lý tưởng sống phù hợp, đúng đắn. Trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá như hiện nay thì tuổi trẻ chúng ta lại đứng trước một câu hỏi lớn: “Sống như thế nào là đúng đắn là có ích cho xã hội?”. Vì lý tưởng sống của chúng ta là động lực thúc đẩy đất nước phát triển. Và thời nào cũng vậy, thế hệ trẻ luôn là lực lượng tiên phong, xông pha vào những nơi gian khổ mà không ngại khó. Điều đó đã được thể hiện rất rõ trong thời kì kháng chiến.

Vâng. Cách bạn ạ! Chúng ta nên biết một điều: những thế hệ trước đã dâng hiến xương máu để ngày sau độc lập thì chúng ta phải biết “cùng nhau giữ nước” và nối tiếp, kế thừa truyền thống cao đẹp đó. Để làm được điều đó, nhà nước phải tạo mọi điều kiện để chúng ta dễ dàng tiếp cận tri thức thì tương lai dân tộc mới xán lạn, lấp lánh hào quang. Và một điều quan trọng là các bạn đừng nghĩ đó là nghĩa vụ để rồi miễn cưỡng thực hiện. Chúng ta phải hiểu rằng: được sinh ra là một hạnh phúc và sống tự do, no đủ là một món quà quý báu, vô giá mà quê hương xã hội đã ban tặng. Hạnh phúc không tự nhiên mà có mà đó xương máu, tâm huyết của biết bao người con của đất nước. Mỗi thời đại, mỗi hoàn cảnh lịch sử mà thanh niên nuôi dưỡng những ước vọng, suy nghĩ riêng. Chúng ta không được bác bỏ, phủ nhận quá khứ hay công sức của những anh hùng dân tộc. Đơn giản là vì mỗi thế hệ đều có sứ mệnh riêng, nhận thức riêng mà chúng ta không nên so bì, tính toán. Vì vậy: “Không có chuyện lớp

trẻ ngày nay quay lưng với quá khứ” (như tổng bí thư Đỗ Mười nói). Nhưng tuổi trẻ chúng ta có điều kiện gì để xây dựng đất nước? Vâng, đó chính là học tập. Nói đến tuổi trẻ hôm nay là nói đến việc học hành... Trong cuộc sống ta gặp không ít trường hợp xem việc học là việc khổ sai chỉ do cha mẹ, thầy cô thúc ép, chứ không ham học. Họ xem đi học như một hình thức giải khuây cho vui nên không cần học tập, coi học tập là một nỗi nhọc nhằn. Có người lại coi việc học là để ứng phó với đời, để không xấu hổ với mọi người, để có “bằng cấp” mà hãnh diện với đời, dù đó chỉ là “hàng giả” mà thực lực không làm được. Chúng chẳng những không đưa nước ta “sánh kịp với cường quốc năm châu” mà còn đưa nước ta về lạc hậu, lụi bại. Cách duy nhất là phải học chân chính, học bằng khả năng của mình. Bước vào thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì ai nắm được tri thức thì mới có thể xây dựng đất nước, lèo lái chiếc thuyền số phận của non sông Tổ quốc. Và bản thân tôi cũng đứng trong hàng ngũ thanh niên, vì vậy tôi luôn tự xác định cho mình nhiệm vụ phải học, học nữa, học mãi luôn đứng trên đôi chân của chính mình để bước qua mọi thử thách, học hỏi và nối tiếp con đường mà những người con đất nước như: Kim Đồng, Võ Thị Sáu, Lê Văn Tám... đã hiến dâng cả tuổi trẻ của mình cho Tổ quốc.

Như vậy, trách nhiệm của tuổi trẻ chính là một tia sáng lấp lánh tạo nên vầng hào quang cho những ai đang sở hữu. Trên bầu trời ngàn vạn vì tinh tú, hãy là một ngôi sao tỏa sáng rạng ngời với ánh sáng của tuổi trẻ hôm nay.

Mở bài	- Vị trí: đoạn 1 - Nội dung: + Giới thiệu khái quát vấn đề cần nghị luận
Thân bài	- Vị trí: Đoạn (2) – (7) - Nội dung: +Giải thích: Đoạn 2 +Hiện trạng: Đoạn 3 +Nguyên nhân: Đoạn 4,5 +Kết quả + Giải pháp: Đoạn 6,7 +Dẫn chứng+Liên hệ bản thân: Đoạn 7
Kết bài	-Vị trí: Đoạn 8. -Nội dung: Những nhận thức và hành động người đọc cần hướng tới.

B. Dạng đề thói xấu của con người trong xã hội hiện đại

1. Yêu cầu

- Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích để người đọc hiểu vì sao vấn đề này đáng được bàn đến.
- Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.
- Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.
- Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.

2. Thực hành viết theo các bước

*Bước 1: Trước khi viết

a. Lựa chọn đề tài

Em hãy suy ngẫm về chính mình và quan sát hành vi, lối sống của những người xung quanh hoặc tìm hiểu trên sách báo, phương tiện truyền thông để nhận ra những thói xấu của con người, từ đó chọn được vấn đề để bàn luận.

Sau đây là một số đề tài gợi ý để em lựa chọn:

- Sự tùy tiện khi tham gia giao thông của một số người dân.
- Thói lười nhác, hay than vãn.
- Sự ba phải, thiếu chủ kiến khi làm việc nhóm.
- Thói ích kỉ.
- Lối sống ảo mà một số người đang theo đuổi.

b. Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Sau khi xác định được vấn đề nghị luận, em hãy tìm ý bằng cách trả lời một số câu hỏi:

- Vấn đề được nêu ra là gì?
- Vấn đề đó được hiểu như thế nào? Vì sao nó đáng phê phán?
- Làm thế nào để ý kiến phê phán của mình có sức thuyết phục?
- Liệu có ý kiến nào không đồng tình với ý kiến phê phán của mình không?

Lập dàn ý: Sắp xếp các ý đã tìm được vào từng phần để thành dàn ý

Mở bài:

Nêu vấn đề đời sống và ý kiến riêng của người viết về vấn đề đó.

Thân bài:

Đảm bảo 5 ý sau:

- Ý 1: Giải thích được từ khóa (VĐNL)
- Ý 2: Nêu thực trạng của vấn đề trong cuộc sống
- Ý 3: Nêu nguyên nhân khách qua, chủ quan của VĐNL
- Ý 4: Nêu hậu quả, giải pháp của VĐNL
- Ý 5: Dẫn chứng và liên hệ bản thân

Kết bài

Những nhận thức và hành động người đọc cần hướng tới.

Phương pháp mẹo các em áp dụng các bước như của cô ở phần 1 nhé

Bước 3 Viết bài

Khi viết, luôn luôn chú ý nhiệm vụ của từng phần trong bài viết:

- Mở bài: Viết thành một đoạn văn, giới thiệu trực tiếp hoặc gián tiếp vấn đề nghị luận. Tìm hiểu cách mở bài của các văn bản đọc và của bài viết tham khảo để vận dụng.

- Thân bài: Triển khai các ý đã nêu ở dàn ý. Mỗi ý lớn viết thành một đoạn văn. Cần luôn luôn quan tâm vị trí của câu chủ đề (đầu đoạn, cuối đoạn,...), sự phù hợp của câu chủ đề với

nội dung cần trình bày và mục đích nghị luận. Tham khảo các kiểu đoạn văn đã phân tích ở văn bản đọc và ở phần Thực hành tiếng Việt để học tập cách viết. Chú ý dùng phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn và các đoạn trong bài.

- Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề và phương hướng hành động (viết trong một đoạn văn).

Bước 4: Chính sửa bài viết.

Sau khi hoàn thành bài viết, rà soát và chỉnh sửa theo gợi ý sau:

- Nếu bài viết chưa giới thiệu rõ về chuyên tham quan, cần viết cụ thể hơn.
- Nếu bài viết nêu chưa đầy đủ các hoạt động chính theo trình tự thời gian thì bổ sung và sắp xếp lại.
- Nếu việc kể, tả chưa làm nổi bật được đặc điểm của khu di tích và ấn tượng của người viết thì hình dung lại để viết thêm.
- Nếu bài viết chưa nêu rõ suy nghĩ, cảm xúc về chuyến đi thì bổ sung.

5. Bài viết tham khảo: Nghị luận về thói lười biếng của con người trong cuộc sống

a. Dàn ý chi tiết:

***Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận (Áp dụng công thức dạng đề ở trên)

***Thân bài:** Triển khai các ý đã nêu ở dàn ý như sau:

+ Ý 1: Giải thích (Theo cách tìm những từ đồng nghĩa với từ khóa)

-Vứt rác bừa bãi là: các sản phẩm chất thải đã được loại bỏ không đúng cách, mà không có sự đồng ý, tại một địa điểm không phù hợp hay ngay ở những nơi công cộng

+ Ý 2: Hiện trạng: Áp dụng 2 từ khóa (“Hàng ngày, hàng giờ” vấn đề ấy diễn ra như thế nào?, “Không khó để thấy trong thực tế” và “trên mạng xã hội” thế hệ thanh niên có những việc làm ra sao?)

- Hàng ngày hàng giờ, hiện tượng xả rác của con người vẫn còn trở thành vấn đề nhức nhối, có xu hướng gia tăng.

- Không khó để thấy trong thực tế tại các vùng nông thôn, sông hồ ao chằng của ai nên người dân cứ ngang nhiên mang rác ra đổ. Nếu dạo qua các trang mạng xã hội, gõ cụm từ “thói quen xả rác bừa bãi” sẽ có hàng nghìn video, thông tin, hình ảnh về thói quen này của con người hiện ra một cách đầy đủ, rõ ràng khiến chúng ta giật mình đâu đó có bản thân bên trong.

+ Ý 3: Nguyên nhân (Vì sao thanh niên lại gắn mình với trách nhiệm

-Khách quan (Về phía xã hội):

+ Tuyên truyền, giáo dục ý thức cho người dân của các cơ quan chuyên trách đối với việc bảo vệ môi trường chưa thực sự cao.

+ Do lối sinh hoạt truyền lại từ những đời trước

+ Giáo dục về việc để rác đúng nơi quy định cũng như nhận thức của người dân về ô nhiễm môi trường còn hạn chế.

+ Các qui định xử phạt lại thiếu và chưa thật nghiêm khắc

-Chủ quan(về phía bản thân mình):

+ Nhiều người không có ý thức bảo vệ môi trường tiện tay thì vứt, cốt sao sạch nhà mình.

+ Thói quen bừa bãi tùy tiện

+ Ý 4: Nêu kết quả, giải pháp của VĐNL:

-Hậu quả: +Đối với xã hội:

Làm xấu cảnh quan thiên nhiên gây mất mỹ quan đường phố.
Làm cho môi trường sống của chúng ta lại ô nhiễm
Gây ảnh hưởng xấu đến các loài sinh vật chứ không kể riêng con người.
Tốn kém kinh tế để xử lý rác thải ra môi trường
+Đối với cá nhân:

Sức khỏe của con người suy giảm, dễ mắc các bệnh về hô hấp, về tiêu hóa, ung thư.

Gây tâm lý hoang mang cho bản thân

-Bài học (Giải pháp)

+Xã hội:

Tuyên truyền, giáo dục ý thức cho người dân của các cơ quan chuyên trách đối với việc bảo vệ môi trường

Thay đổi lối sinh hoạt

Giáo dục về việc để rác đúng nơi quy định cũng như nhận thức của người dân về ô nhiễm môi trường

Quy định xử phạt lại thiếu và chưa thật nghiêm khắc

+Bản thân:

Nâng cao ý thức bản thân về bảo vệ môi trường.

+Ý 5: Dẫn chứng và liên hệ bản thân:

- Liên hệ: Hành động ngay từ hôm nay, dọn dẹp sạch sẽ không gian sống của gia đình và địa phương.

Chúng tay bảo vệ môi trường nhỏ như: không sử dụng bao bì ni lông, không vứt rác bừa bãi...

-Dẫn chứng: Singapo xử phạt nặng hành vi vứt rác rất nhỏ như mẫu thuốc lá hay vỏ kẹo cao su => Nhận xét: Đáng học hỏi để bảo vệ môi trường

* Kết bài: Khẳng định lại vấn đề +Thông điệp (Tham khảo công thức)

b. Bài biết tham khảo

Nếu ví cuộc sống là một bức tranh muôn màu muôn vẻ thì chắc hẳn ở đó sẽ có màu xanh của niềm tin, hi vọng, có sắc đỏ của tình cảm yêu thương, có sắc tím của sự thủy chung, gắn bó. Và thật đáng buồn khi trong bức tranh ấy xuất hiện thói quen xả rác bừa bãi ra ngoài môi trường.

Vứt rác bừa bãi là một thói quen xấu của một số bộ phận người khi các sản phẩm chất thải đã được loại bỏ không đúng cách, mà không có sự đồng ý, tại một địa điểm không phù hợp hay ngay ở những nơi công cộng. Hiện tượng ấy hàng ngày hàng giờ, hiện tượng xả rác của con người vẫn còn trở thành vấn đề nhức nhối, có xu hướng gia tăng. Không khó để thấy trong thực tế tại các vùng nông thôn, sông hồ ao chằng của ai nên người dân cứ ngang nhiên mang rác ra đổ. Một người đổ, hai người đổ kéo theo cả làng, cả xóm đổ. Vô tình thì cái hiệu ứng đám đông đó đã biến những nơi vốn trong sạch thành điểm tập kết rác thải. rác cứ vứt, cứ đổ bừa bãi mà chẳng bị làm sao. Phải chăng là chính quyền các địa phương chưa có chế tài xử phạt hợp lý, còn buông lỏng, lỏng lẻo với vấn đề môi trường. Nếu dạo qua các trang mạng xã hội, gõ cụm từ “thói quen xả rác bừa bãi” sẽ có hàng nghìn video, thông tin, hình ảnh về

thói quen này của con người hiện ra một cách đầy đủ, rõ ràng khiến chúng ta giật mình đâu đó có bản thân bên trong.

Vậy, nguyên nhân của hành động thiếu văn hóa này xuất phát từ đâu? Khách quan, có thể thấy việc tuyên truyền, giáo dục ý thức cho người dân của các cơ quan chuyên trách đối với việc bảo vệ môi trường chưa thực sự cao. Thói quen này có thể hình thành do lối sinh hoạt truyền lại từ những đời trước, hoặc chưa được giáo dục về việc để rác đúng nơi quy định cũng như nhận thức của người dân về ô nhiễm môi trường còn hạn chế. Các qui định xử phạt lại thiếu và chưa thật nghiêm khắc. Về chủ quan, ta thấy rất nhiều người không có ý thức bảo vệ môi trường tiện tay thì vứt, cốt sao sạch nhà mình, còn ngoài đường ra sao thì kệ. Họ đâu ý thức rằng những việc làm tưởng như rất bình thường, đó lại có tác hại lớn thế nào đến môi trường sống của chính họ và những người xung quanh.

Vứt rác bừa bãi gây ra hậu quả vô cùng lớn. Hành động này làm xấu cảnh quan thiên nhiên gây mất mỹ quan đường phố. Nguy hại hơn, nó làm cho môi trường sống của chúng ta lại ô nhiễm: Vứt rác ra sông hồ làm ô nhiễm nguồn nước, chôn rác không phân hủy làm ô nhiễm đất, làm ô nhiễm không khí, ô nhiễm tầm nhìn. Gây ảnh hưởng xấu đến các loài sinh vật chứ không kể riêng con người. Sức khỏe của con người suy giảm, dễ mắc các bệnh về hô hấp, về tiêu hóa, ung thư. Các loại sinh vật sống ở biển, hồ sẽ chết vì nuốt phải rác không phân hủy, chết vì nguồn nước quá ô nhiễm gây hoang mang cộng đồng.

Bởi vậy, chúng ta phải có những giải pháp hữu hiệu để khắc phục tình trạng này. Ở Sing-ga-po, những người vứt rác ra đường hoặc những nơi công cộng dù là rác rất nhỏ như mẩu thuốc lá hay vỏ kẹo cao su. Cũng bị phạt rất nặng. Đó chính là một kinh nghiệm mà đất nước ta cần học tập. Cần có những hình thức xử phạt thật nghiêm hành động này. Bên cạnh đó, các ban ngành chính quyền, các cơ quan chức năng, đoàn thể. Cần đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho người dân để họ không vứt rác bừa bãi. Mặt khác chúng ta cần tích cực trồng cây xanh, phủ đồi trọc giữa môi trường Xanh – Sạch – Đẹp. Nhận thức được điều đó, bản thân em là một học sinh, công dân của đất nước, em sẽ hành động ngay từ hôm nay, dọn dẹp sạch sẽ không gian sống của gia đình và địa phương. Đồng thời Chung tay bảo vệ môi trường nhỏ như: không sử dụng bao bì ni lông, không vứt rác bừa bãi... để bảo vệ môi trường sống của chính mình và màu xanh của trái đất thân yêu.

Cuộc sống quanh ta muôn màu muôn vẻ vẫn còn đó mảng màu tối tăm, đáng buồn mang tên thói quen vứt rác bừa bãi. Vì vậy, ngay từ ngày hôm nay bằng những nhận thức và hành động tích cực, mỗi người hãy chung tay bảo vệ môi trường, bảo vệ sự sống của chúng ta từ hành động nhỏ nhất vứt rác đúng nơi quy định.

Mở bài	- Vị trí: đoạn 1 - Nội dung: + Giới thiệu khái quát vấn đề cần nghị luận
Thân bài	- Vị trí: Đoạn (2) – (7) - Nội dung: +Giải thích + Hiện trạng: Đoạn 2 +Nguyên nhân: Đoạn 3 + Hậu quả+ Giải pháp: Đoạn 4,5

	+Dẫn chứng, liên hệ: Đoạn 5
Kết bài	-Vị trí: Đoạn 6. -Nội dung: Những nhận thức và hành động người đọc cần hướng tới.

***Lưu ý: Muốn làm được dạng đề nghị luận hiện tượng đời sống ở SGK Ngữ Văn 8 các em cần cố gắng học thuộc công thức và cách làm. Nắm chắc các bước và áp dụng thì mọi dạng đề đều có thể giải quyết!**

MỤC LỤC

CHUYÊN ĐỀ I: TRI THỨC THỂ LOẠI (DÙNG CHUNG)	4
Bài 1: Truyện lịch sử	4
Bài 2: Thơ đường luật	7
Bài 3: Đoạn văn nghị luận	12
Bài 4: Thơ trào phúng	17
Bài 5: Hài lịch và truyện cười	19
Bài 6: Cốt truyện đa tuyến và cốt truyện đơn tuyến	24
Bài 7: Thơ tự do	27
Bài 8: Nghị luận văn học	29
Bài 9: Văn bản thông tin	32
Bài 10: Văn bản thông tin giới thiệu sách	35
CHUYÊN ĐỀ II: Củng cố cánh diều, mở rộng KNTT và CTST	39
Bài 1: Tôi đi học	40
Bài 2: Gió lạnh đầu mùa	49
Bài 3: Nắng mới	58
Bài 4: Nếu mai em về Chiêm Hoá	66
Bài 5: Sao băng	75
Bài 6: Nước biển dâng	83
Bài 7: Đổi tên cho làng xã	92
Bài 8: Cái kính	99
Bài 9: Hịch tướng sĩ	106
Bài 10: Nước Đại Việt ta	115
Bài 11: Lão Hạc	125
Bài 12: Trong mắt trẻ	136
Bài 13: Mời trầu	145
Bài 14: Cảnh khuya	153
Bài 15: Hoàng Lê nhất thống trí	160
Bài 16: Đánh nhau với cối xay gió	168
Bài 17: Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh Khuya”	177
Bài 18: Chiều sâu của truyện ngắn “Lão Hạc”	185
Bài 19: Lá cờ thêu sáu chữ vàng	194
Bài 20: Bộ phim “Người cha và con gái”	203
CHUYÊN ĐỀ III: TIẾNG VIỆT (DÙNG CHUNG)	210
Bài 1: Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội	211
Bài 2: Từ tượng thanh, từ tượng hình	216
Bài 3: Biện pháp nghệ thuật đảo ngữ	220
Bài 4: Từ Hán Việt và sắc thái nghĩa của từ ngữ	223
Bài 5: Câu hỏi tu từ	228
Bài 6: Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn	231
Bài 7: Trợ từ, thán từ	235

Bài 8: Thành phần biệt lập của câu.....	240
Bài 9: Câu phân loại theo mục đích nói.....	244
Bài 10: Câu khẳng định và câu phủ định.....	250
CHUYÊN ĐỀ IV: LÀM VĂN (DỪNG CHUNG)	253
Bài 1: Văn tự sự.....	254
Bài 2: Nghị luận văn học (+phương pháp phân tích).....	259
Bài 3: Nghị luận xã hội (+ phương pháp viết nlxh).....	292

- Hết -